

HOÀNG ĐẾ

Kiến trúc Phong thủy với

# Hoàng đế trạch kinh

黄帝宅经

## 黄帝宅经

Giải thích về mối quan hệ thần bí giữa nhà ở với sức khoẻ và tiền của. Cuốn sách kinh điển có niên đại sớm nhất, truyền bá rộng rãi nhất và có sức ảnh hưởng sâu rộng nhất tại Trung Quốc.

Cuốn sách giáo khoa về trạch pháp khai vận, giúp bạn trở thành bậc thầy về bố cục phong thủy.

300 bức tranh minh họa độc đáo, hàng trăm sơ đồ diễn giải sinh động và cụ thể, đưa bạn đến với thế giới kỳ diệu của phong thủy nhà ở.



Văn hoá nhà ở truyền thống dưới cách nhìn hiện đại



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

### ĐỊA ĐIỂM CƯ TRÚ LÝ TƯỜNG CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC

Dưới đây là bức tranh “Thiên lý giang sơn” của Vương Mạnh Hy đời Bắc Tống, có chiều dài đến 3 trượng, khắc hoạ một cách chi tiết và tỉ mỉ về bố cục phong thuỷ của xóm làng Trung Quốc hơn một nghìn năm về trước. Trong bức hoạ, cảnh vật phong phú, bài trí chính tề trật tự, núi non xanh biếc trập trùng, nước xanh bát ngát, chùa chiền làng xóm, sinh động như thực. Bức tranh này đã thể hiện được thái độ thận trọng và kỹ lưỡng của người xưa khi lựa chọn nơi cư trú, và mặt khác, cũng bộc lộ được sự coi trọng đối với văn hoá cư trú và thói quen cư trú dựa núi ven sông của người thời đó. (Vương Mạnh Hy, năm sinh năm mất chưa rõ, là danh hoạ cuối thời Bắc Tống, “Thiên lý giang sơn” (núi sông ngàn dặm) là tác phẩm duy nhất của ông hiện còn đến ngày nay).



#### Dựa núi nương sông

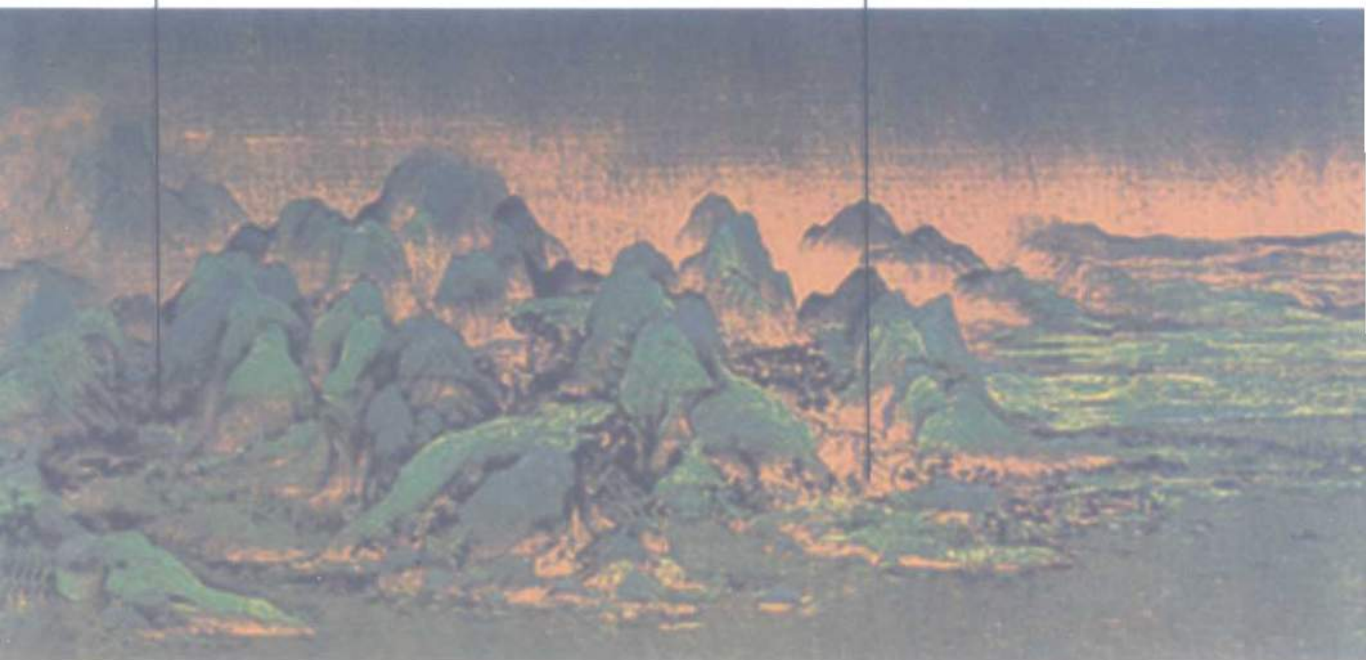
Lấy núi và sông làm kết cấu cơ bản, núi nương theo sông, sông men theo núi, đây chính là một môi trường sống lý tưởng gồm đủ thiên thời, địa lợi, nhân hoà, nhằm đem lại một trạng thái cân bằng lý tưởng.

### Thành và núi

Thành thị được xây dựng dưới chân núi, thành dựa vào núi, núi men theo sông, sông chảy quanh thành, chân núi có thành, trong thành có núi, đây là một cách cực vô cùng kỳ thú.

### Nhà trong núi

Đỉnh núi trập trùng vươn cao, khe suối quanh co, là nơi địa linh nhân kiệt. Dựng nhà tại địa hình này, sẽ nhận được sức mạnh gia trì của thiên nhiên.



### Tác dụng của cây cối

Cây cối có ảnh hưởng rất lớn đến không gian nhà ở, có tác dụng quan trọng trong việc hình thành cảnh địa phong thủy. Văn hoá nhà ở truyền thống của Trung Quốc rất chú trọng đến việc trồng cây quanh nhà ở.

### Kháo sơn của nhà ở

Sau nhà có kháo sơn (núi tựa), sẽ đảm bảo cho người trong nhà có sự nghiệp ổn định, tiền tài tích lũy, gia đình yên ổn.

### Đất bình dương

Cư trú tại đất bình dương (đồng bằng), trước sau phải trái không có gì che chắn, sinh khí rất dễ tản mát, bởi vậy không nên làm nhà tại khu vực này.

### Núi mang sinh khí

Những hình thế núi khác nhau tượng trưng cho những vận thế khác nhau, trong đó, hình núi tròn trịa là tốt, hình núi uốn khúc sinh động sẽ mang nhiều sinh khí.



### Núi hình chim phượng

Nếu khảo sát phía sau nhà ở có hình đỉnh nhọn được gọi là núi chim phượng, chủ về nữ giới phát tài, hoặc nhờ phụ nữ mà được phát tài, thường sinh ra những phụ nữ tài năng.

### Núi hình kho

Nếu khảo sát sau nhà chủ yếu là hình vuông, là núi hình kho, chủ yếu về phú quý, rất thích hợp để phát triển thương mại.

## Sơn hoàn thủy bão

Tại nơi núi ôm vòng, ánh nắng đầy đủ, đất đai tươi tốt, cây cỏ rậm rạp động vật phong phú, đây hiển nhiên chính là nơi tụ khí.



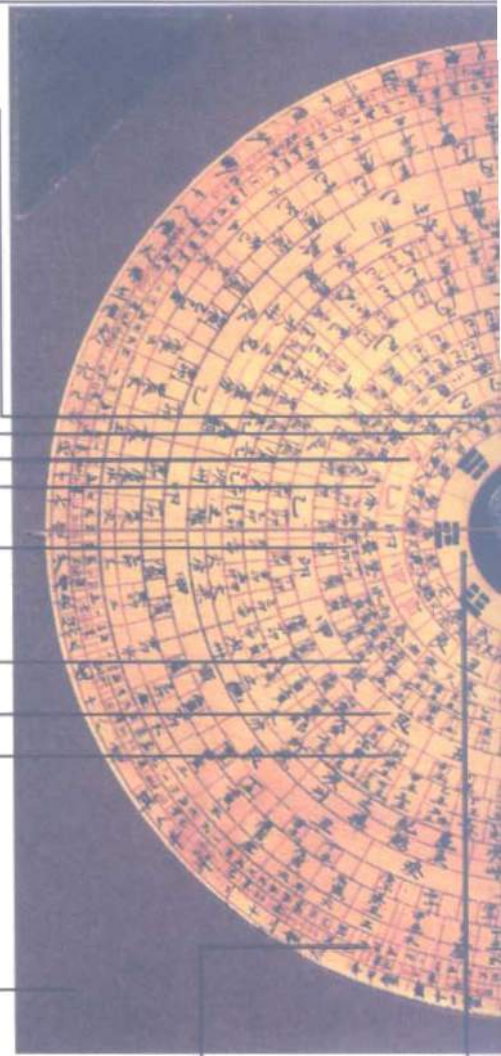
## Bảo địa phong thủy

Trước Chu tước, sau Huyền vũ, trái Thanh long, phải Bạch hổ, Tứ tượng gồm đủ, sinh khí tụ tập, nên gọi là bảo địa phong thủy.

## CẤU TẠO CỦA LA BÀN

La bàn là dụng cụ đo đạc quan trọng nhất sử dụng trong văn hoá nhà ở của Trung Quốc, căn cứ vào ghi chép trong “Mộng Khê bút đàm”, thì la bàn khởi nguồn từ đời Tống, trải qua một quá trình phát triển lâu dài, kiểu dáng và số lượng các vòng trên la bàn ngày càng được tăng thêm, tượng trưng cho quá trình tích lũy kinh nghiệm không ngừng nghỉ của con người.

- Tầng thứ 1** Tiên thiên Bát quái bàn
- Tầng thứ 2** Địa mẫu phiên quái Cửu tinh bàn
- Tầng thứ 3** Hai mươi tư Thiên tinh
- Tầng thứ 4** Hai mươi tư sơn chính châm Địa bàn
- Tầng thứ 5** Hai mươi tư tiết khí
- Tầng thứ 6** Bảy mươi hai long xuyên sơn
- Tầng thứ 7** 120 long
- Tầng thứ 8** Hai mươi tư sơn trung châm Nhân bàn
- Tầng thứ 9** 120 long trung châm Nhân bàn

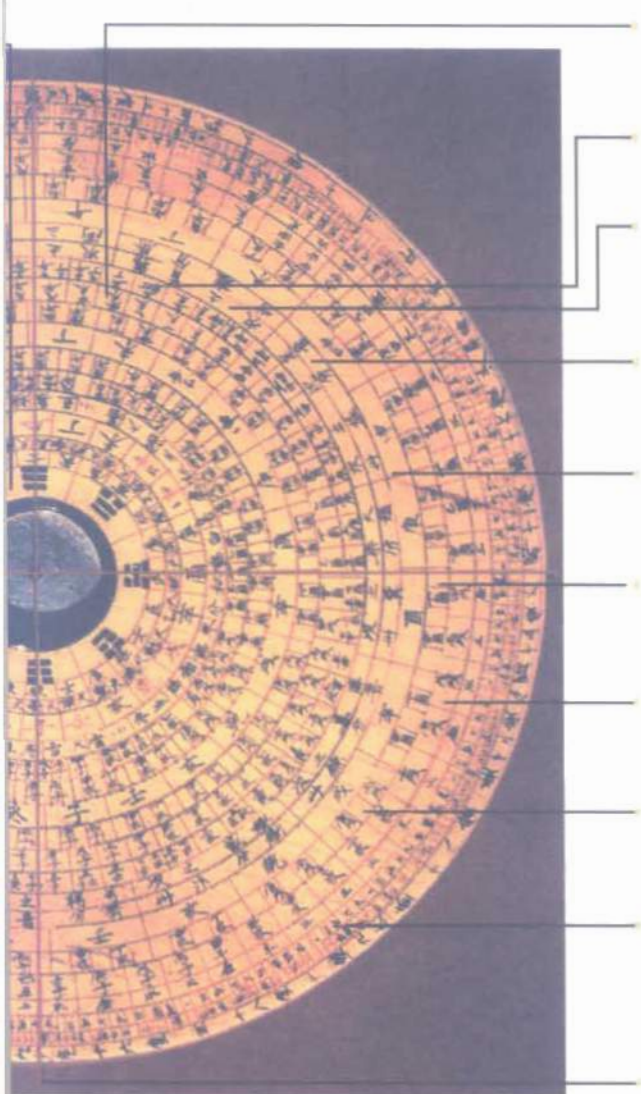


### Ngoại bàn

Ngoại bàn có hình vuông, ở bên ngoài nội bàn, là phần đế của nội bàn, trên ngoại bàn không có chữ. Ngoại bàn cần phải vuông vức.

### Nội bàn

Nội bàn có hình tròn, tất cả các nội dung của la bàn đều được khắc hoặc viết trên các vòng khác nhau của nội bàn, nội bàn có thể chuyển động, đây chính là bộ phận chủ yếu của la bàn. Nội bàn cần chuyển động linh hoạt, chữ viết rõ ràng, chính xác.



- Tầng thứ 10** Sáu mươi long thẩu địa
- Tầng thứ 11** Hai mươi tư phân kim
- Tầng thứ 12** Thập nhị thứ bàn
- Tầng thứ 13** Mười hai phân dã
- Tầng thứ 14** Hai mươi tư sơn phùng châm Thiên bàn
- Tầng thứ 15** 120 long phùng châm Thiên bàn
- Tầng thứ 16** Sáu mươi long Doanh súc
- Tầng thứ 17** Ngũ hành tinh độ Hồn thiên
- Tầng thứ 18** Phân giới nhị thập bát tú

**Đường thiên tâm thập đạo (chữ thập trung tâm)**

Đường thiên tâm thập đạo được cố định tại ngoại bàn, được hình thành từ hai đường thẳng màu đỏ vuông góc, khi nội bàn chuyển động, căn cứ vào đường chữ thập thiên tâm này có thể đọc được các nội dung ghi trên mặt la bàn, từ đó suy ra trạng thái cát hung của phương vị thuộc hướng đó. Một chiếc la bàn tốt yêu cầu đường Thiên tâm thập đạo phải vuông góc với nhau.

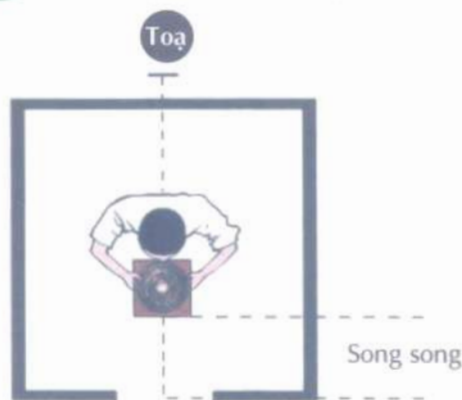
**Thiên trì và kim chỉ nam**

Thiên trì là hình tròn ở chính giữa la bàn, bên trong thiên trì là kim chỉ nam với đầu chỉ hướng nam màu đỏ.

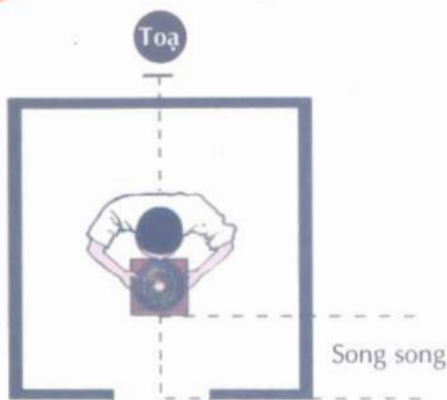
## CÁCH SỬ DỤNG LA BÀN

Trong văn hoá cư trú của người Trung Quốc, cổng chính của nhà ở là bộ phận được coi trọng nhất, vì cổng chính là nơi mọi người ra vào hàng ngày, nếu phương vị này có vấn đề, sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến sức khoẻ và vận thế của tất cả các thành viên trong gia đình. Tác dụng quan trọng nhất của la bàn cũng chính là đo đạc hướng của nhà ở.

### BƯỚC 1 CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI ĐO ĐẠC.



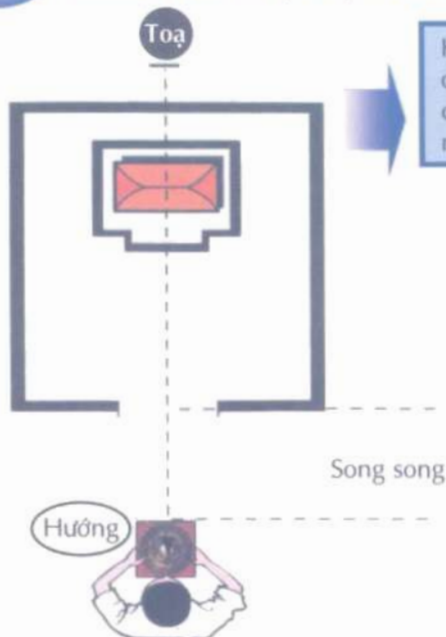
### BƯỚC 2 PHƯƠNG PHÁP ĐO TOẠ HƯỚNG Ở BÊN TRONG NHÀ Ở



Đứng ngay ngắn, hai tay cầm la bàn nâng lên ngang ngực, để la bàn ở vị trí ngang bằng, song song với mặt đất, để cạnh la bàn vuông góc với tường của kiến trúc.

Sơ bộ xác định phương vị của nhà ở, nên đứng ở chính giữa của kiến trúc, quay lưng về phía toạ sơn, quay mặt về hướng của nhà để tiến hành đo đạc.

### BƯỚC 3 PHƯƠNG PHÁP ĐO ĐẠC TOẠ HƯỚNG Ở BÊN NGOÀI NHÀ Ở



Khi tiến hành đo đạc toạ hướng ở bên ngoài nhà ở, cần đứng quay mặt về phía toạ sơn, đứng ở bên ngoài cổng chính, cách cổng chính chừng bảy bàn chân (chừng ba bước chân), quay mặt vào cổng để đo đạc.

### PHƯƠNG PHÁP ĐẶT LA BÀN



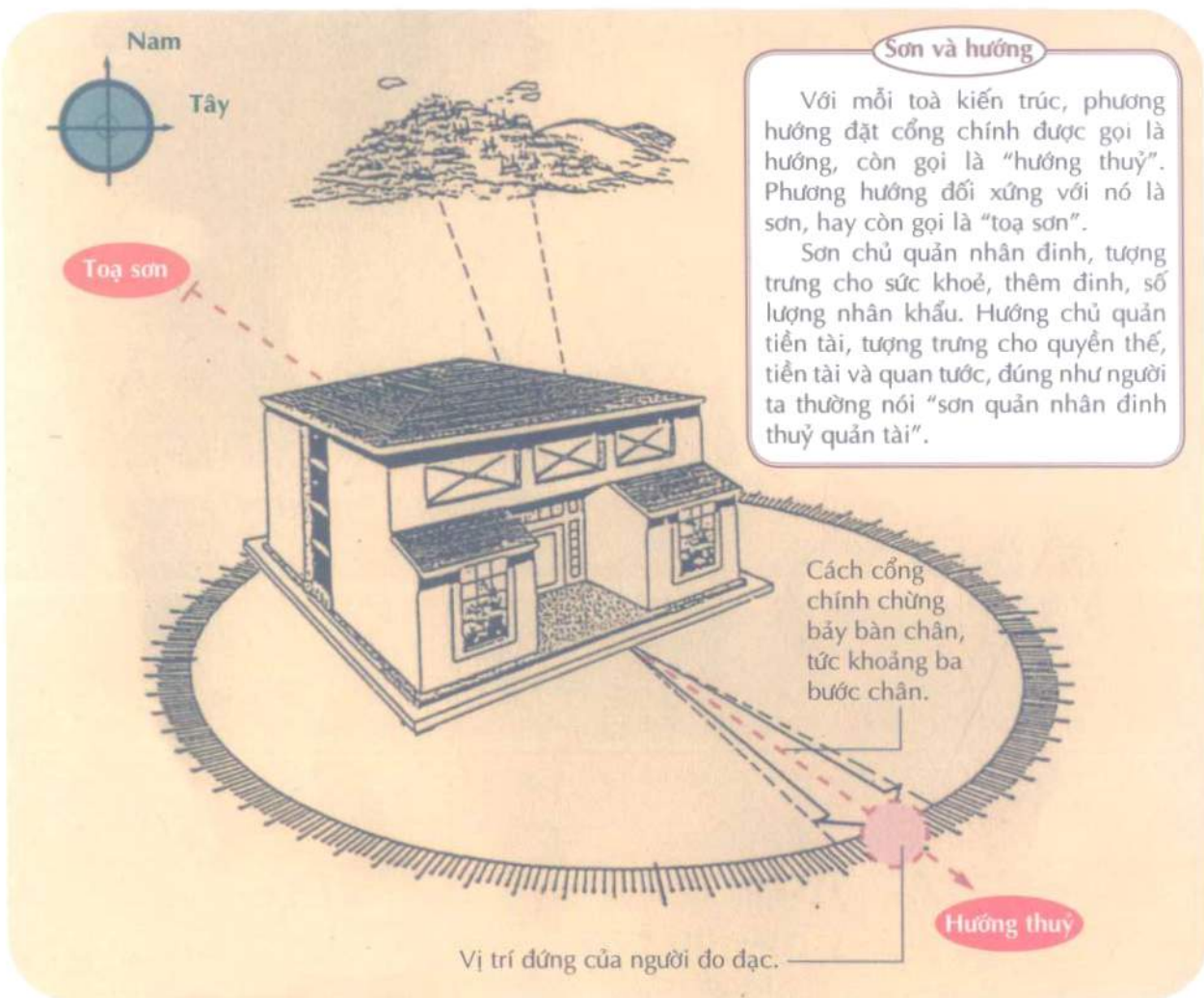
Thông thường, khi sử dụng la bàn để đo đạc, thường do người cầm và giữ la bàn song song với mặt đất, nhưng tư thế này rất khó duy trì được la bàn ổn định ở vị trí song song. Bởi vậy, người ta đã nghĩ ra một phương thức đặt la bàn như sau: đặt la bàn trên một chiếc mâm đồ dầy gạo dày khoảng mười phân. Các la bàn hiện đại đều có thước đo ở bên cạnh để quan sát mức độ vuông góc của la bàn.

## PHƯƠNG PHÁP ĐO ĐẠC TOẠ HƯỚNG

Nếu muốn đo đạc chuẩn xác toạ hướng của nhà ở, người đo cần phải đứng ở bên ngoài cổng chính, cách cổng chính chừng ba bước chân, quay mặt vào cổng chính để tiến hành đo đạc. Cần chú ý rằng, la bàn cần phải đặt vuông góc với cổng, mới có thể tìm ra toạ hướng chính xác của căn nhà.

### CÁC BƯỚC ĐO ĐẠC

- 1 Xác định vị trí đo đạc
- 2 Tay cầm la bàn, giữ song song với mặt đất.
- 3 Quan sát vị trí của kim chỉ nam.
- 4 Xác định toạ hướng của nhà ở



### CÁC ĐO ĐẠC TOẠ HƯỚNG CHO NHỮNG CĂN NHÀ CAO TẦNG HIỆN ĐẠI

Phần lớn người dân đô thị hiện nay đều sinh sống trong những khu chung cư, đô thị cao tầng, căn cứ vào kinh nghiệm thực tế, chúng tôi nhận thấy rằng các căn hộ từ tầng 5 trở xuống chịu ảnh hưởng tương đối mạnh của từ trường mặt đất, nên cần lấy toạ hướng của toàn bộ khu nhà làm toạ hướng của nhà ở, khi đo đạc, cần đứng ở bên ngoài cổng chính của toàn bộ khu chung cư, cách cổng chính chừng bảy bàn chân để tiến hành đo đạc. Những căn hộ phía trên tầng 5 có thể dùng toạ hướng của chính bản thân nhà mình làm toạ hướng, khi đo, cần đứng ngoài cửa, cách cửa chính chừng ba bước chân là được.

HOÀNG ĐẾ

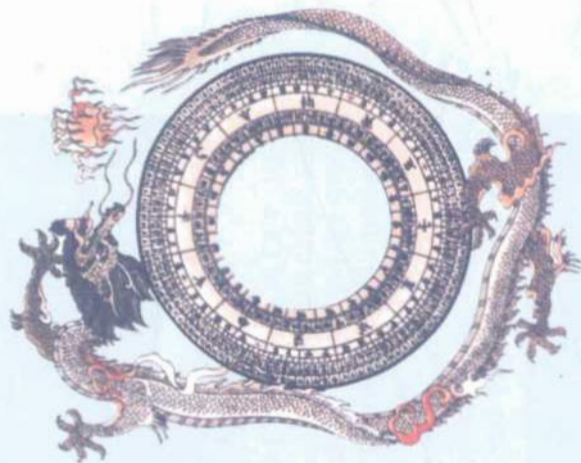
KIẾN TRÚC PHONG THỦY VỚI

# HOÀNG ĐẾ TRẠCH KINH

VĂN HÓA NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG DƯỚI CÁCH NHÌN HIỆN ĐẠI

- Giải thích về mối quan hệ thần bí giữa nhà ở với sức khỏe và tiền của.
- Cuốn sách kinh điển có niên đại sớm nhất, truyền bá rộng rãi nhất và có sức ảnh hưởng sâu rộng nhất.
- Giáo khoa thư về trạch pháp khai vận đầy đủ nhất, giúp bạn tự bố trí nhà ở!
- Hơn 300 bức hình minh họa mới mẻ, sống động, trực quan.

Người dịch: Cổ Đồ Thư, Minh Đường  
Hiệu đính: ThS. Nguyễn Mạnh Linh



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

## Bố cục phong thủy của Tử Cấm Thành

Căn cứ vào quan điểm trong "Chu Lễ", người xưa đã dùng phương vị sao trời để phân giới các khu vực trên mặt đất. Bắc Kinh nằm ở phía đông bắc, tức vị trí đối ứng với sao Bắc Cực. Bởi vậy người Trung Quốc nhận định rằng, Tử Cấm Thành chính là trung tâm của thiên hạ, bất luận là xét về mặt thiên văn hay địa lý. Được xây dựng liên tục suốt hai triều đại Minh, Thanh, Tử Cấm Thành có bố cục đối xứng trục hết sức nghiêm ngặt, hai kiến trúc ở đầu và cuối trục giữa được bố trí đối xứng âm dương. Trục đối xứng chạy theo hướng Tý - Ngọ, đây chính là đường mốc chuẩn để kiến thiết toàn bộ các cung điện trong Tử Cấm Thành và toàn bộ thành Bắc Kinh. Trong Tử Cấm Thành, ba đại điện là điện Thái Hoà, điện Trung Hoà và điện Bảo Hoà, ba cung tẩm là cung Càn Thành, cung Giao Thái và cung Khôn Ninh, đều nằm trên trục đối xứng này. Những kiến trúc khác không nằm trên trục đối xứng đều được bố trí theo bố cục đối xứng nghiêm ngặt qua đường trục giữa. Bố cục phong thủy của Tử Cấm Thành đã trực tiếp ảnh hưởng đến bố cục quy hoạch của toàn bộ thành Bắc Kinh, và vẫn tiếp tục được ứng dụng cho đến tận ngày nay.

Ở phía bắc của Tử Cấm Thành, người ta đổ đất đắp thành một trái núi để làm kháo sơn cho thành. Đứng trên đỉnh núi Cảnh Sơn nhìn về phía nam, có thể thấy rõ tất cả các cung điện chủ yếu đều nằm trên trục đối xứng, nhưng công trình kiến trúc khác được bố trí cân đối ở hai bên trục này.



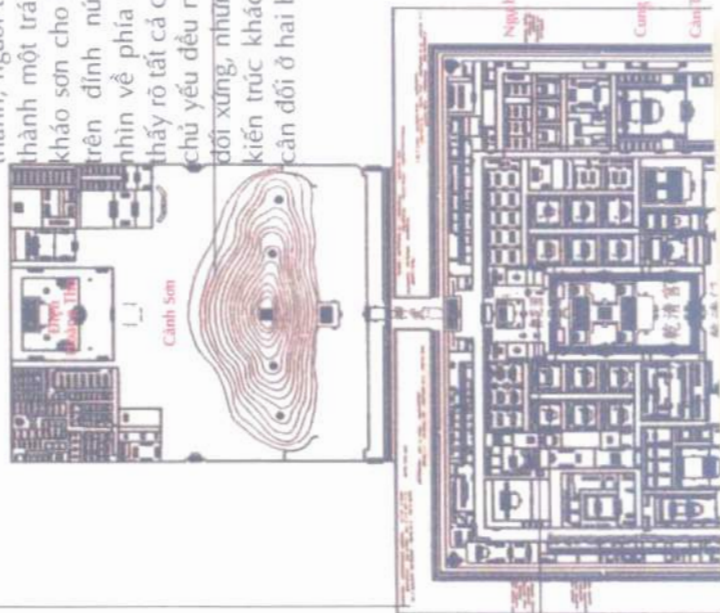
Đây là sơ đồ Tử Cấm Thành được phục họa trong thời Minh. Quy mô và hình thức của nó đều được mô phỏng theo cung điện Nam Kinh. Trong hai triều Minh và Thanh, Tử Cấm Thành đều được mở rộng và trùng tu, nhưng về cơ bản hình thức vẫn không thay đổi.



Đào sông Kim Thủy, dẫn nước từ núi Ngọc Tuyền, chảy về từ mé tây bắc núi Vạn Tuế. Tây bắc là phương Càn, tượng trưng cho thiên môn, bởi vậy, sông Kim Thủy ngụ ý dẫn nguồn nguyên khí dồi dào bất tuyệt từ trời (xuất phát từ long mạch Càn bắc) vào trong Tử Cấm Thành.



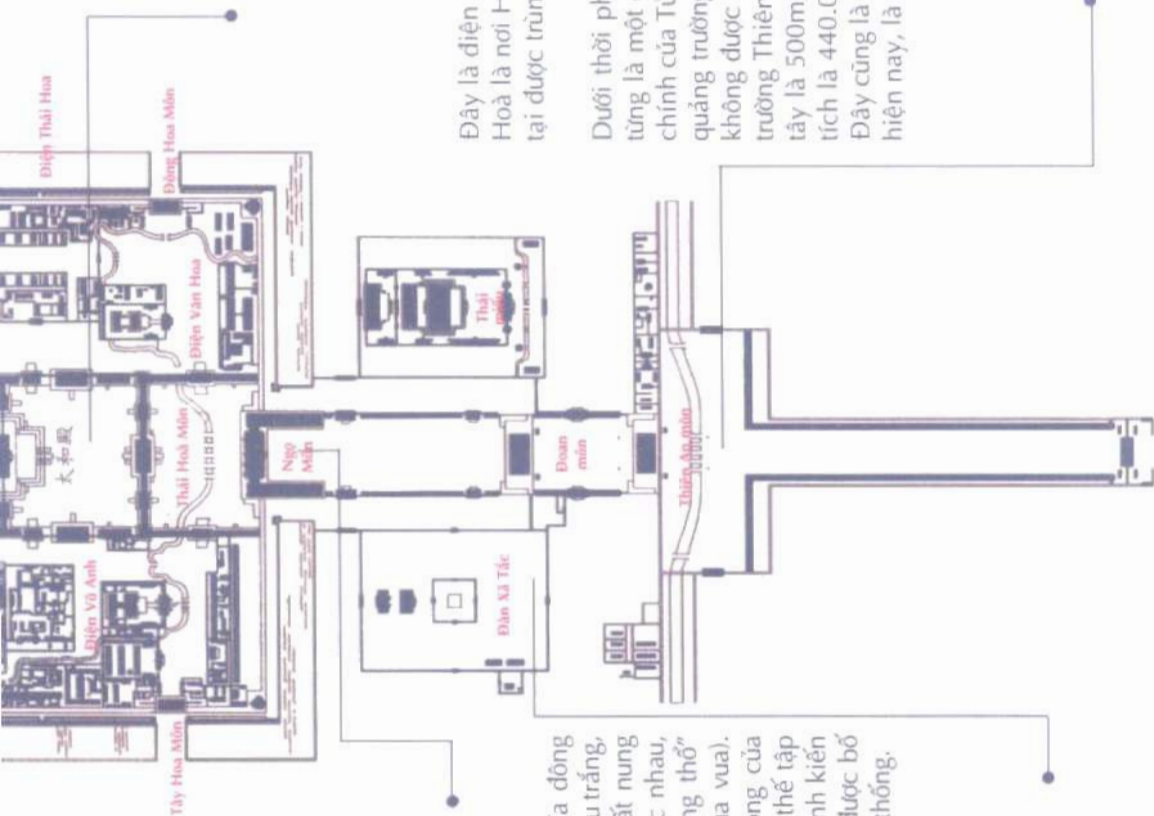
Bộ phận cuối cùng trong trục kiến trúc Tử Cấm Thành là khu vườn thượng uyển, chính là ngự hoa viên. Các cây cối, đền đài, giả sơn trong vườn có bố cục gần như đối xứng, điều này đã đánh mất đi nét đặc sắc của nghệ thuật vườn rừng truyền thống Trung Quốc, cũng có thể coi đó là một phong cách bố cục riêng. Trong hình vẽ là đình Vạn Xuân trong ngự hoa viên Tử Cấm Thành.



dâng triều đều đứng đợi tại đây. Khi xuất quân ra trận, lễ ăn thẻ cũng được cử hành trước Ngọ Môn. Kiểu dáng kiến trúc của Ngọ Môn được phát triển từ kiểu cổng khuyết thời Đường Tống. Phía trên bức tường cao là kiến trúc bằng gỗ, phía dưới là cổng. Đây là một kiến trúc thành hùng vĩ, đậm vẻ trang nghiêm hùng vĩ.



Đàn Xã Tắc được lập ngôi ngũ sắc: phía đông màu xanh, phía nam màu đỏ, phía tây màu trắng, phía bắc màu đen, ở giữa màu vàng. Đất nung ngói được chõ đến từ các châu phủ khác nhau, ngụ ý "phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ" (khắp dưới gầm trời đều cũng là đất của vua). Thái miếu là nơi thờ cúng liệt tổ liệt tông của hoàng triều, tượng trưng cho nguyên tắc thể tập vương quyền bất di bất dịch. Hai công trình kiến trúc mang đậm ý nghĩa tượng trưng này được bố trí theo hình chế "tả tổ hữu miếu" truyền thống.



Đây là điện Thái Hoà của Tử Cấm Thành. Điện Thái Hoà là nơi Hoàng Đế cử hành đại lễ, công trình hiện tại được trùng tu vào Khang Hy thứ 13 (1659).

Dưới thời phong kiến, quảng trường Thiên An Môn từng là một quảng trường cung đình phía trước cổng chính của Tử Cấm Thành, ba mặt đông, tây, nam của quảng trường đều có tường bao vây kín, dân chúng không được phép đặt chân vào khu vực này. Quảng trường Thiên An Môn ngày nay có chiều rộng đông - tây là 500m, chiều dài nam - bắc là 880m, với diện tích là 440.000m<sup>2</sup>, có sức chứa đến một triệu người. Đây cũng là quảng trường thành phố lớn nhất thế giới hiện nay, là biểu tượng của Bắc Kinh và Trung Quốc.



## QUAN ĐIỂM VỀ NHÀ Ở CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC

Phong thủy nhà ở là một học vấn liên quan đến sự quy hoạch và thiết kế môi trường nhà ở của Trung Quốc cổ đại, đã có lịch sử rất lâu đời, trải qua hàng ngàn năm phát triển, phong thủy nhà ở đã dần hình thành nên một hệ thống lý luận hoàn chỉnh và nhiều trường phái riêng. Đây là một sản vật văn hoá truyền thống đặc sắc của Trung Quốc, có ảnh hưởng vô cùng quan trọng đối với việc thiết kế và phát triển về nhà ở của Trung Quốc.

Phong thủy nhà ở thời cổ đại là môn khoa học tổng hợp bao gồm nghệ thuật làm vườn, kiến trúc, mỹ thuật và địa lý học. Tuy trong đó không thiếu những sắc thái mê tín, nhưng nội hàm lý luận và ứng dụng thực tế của nó vẫn mang tính khoa học, vì vậy, cần thiết phải được sự truyền thừa và phát triển.

Theo quan niệm của người cổ đại, trạng thái tốt xấu của phong thủy nhà ở sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự thịnh suy của gia đình và dòng họ, nên tuyệt đối không thể coi thường. Các nhà hiền triết trong quá khứ đều rất coi trọng nhà ở, nhà ở của các danh nhân lịch sử phần lớn đều chọn nơi có phong thủy tốt, như nhà của Trịnh Huyền, Đào Tiềm, Tạ Huyền, Bách Lý Hề,... tương truyền đều là nơi có phong thủy rất đẹp. Còn về nhà ở của các bậc thầy phong thủy, có hai nơi được coi là đẹp nhất, đó là ngôi nhà cũ ở Sơn Đông của Khổng Tử, nằm dưới chân núi Thái Sơn, là nơi hội tụ của sông Thù và sông Tứ, nên con cháu của ông được hưởng phúc dài lâu. Một nơi khác là ngôi nhà ở Giang Tây của Trương Đạo Lăng, có địa thế Thanh long, Bạch hổ bao bọc, là nơi phong thủy cực tốt.

Để tìm hiểu về khởi nguồn của phong thủy nhà ở, chúng ta cần quay trở lại thời kỳ săn bắt của người nguyên thủy. Vào thời kỳ đó, con người đã biết chọn những hang động tránh gió và hướng về ánh mặt trời để làm nơi cư trú, những vị trí đó có thể giúp con người giữ ấm, tránh ẩm ướt, tránh thú dữ và tránh hoả hoạn. Đến thời kỳ làm nông nghiệp, con người bắt đầu định cư và có những yêu cầu cao hơn đối với môi trường nhà ở, ngoài các điều kiện trên còn phải toạ Bắc hướng Nam, sau lưng có núi, ở gần nước, nơi cư trú được thiết kế và bố cục một cách hợp lý. Trong quá trình thực tiễn chọn lựa môi trường nhà ở, con người dần tích lũy được ngày càng nhiều kinh nghiệm, từ đó đã hình thành nên một hệ thống tri thức lý luận, dần hình thành nên lý luận phong thủy nhà ở.

"Hoàng Đế trạch kinh" là tác phẩm kinh điển về lý luận phong thủy nhà ở. Ngay từ phần mở đầu, cuốn sách đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của phong thủy: "Nhà cửa là nơi thể hiện của Âm Dương, là sự mô phỏng của nhân luân". Điều này chứng minh con người và nhà ở có mối quan hệ rất mật thiết. ảnh hưởng của nhà ở đối với con người có thể chia thành hai phương diện, đó là sức khoẻ và tinh thần. Về phương diện sức khoẻ, một ngôi nhà có đầy đủ ánh sáng và thoáng gió có thể khiến cho người sống trong nhà luôn khoẻ mạnh, cũng có nghĩa là một căn nhà thích hợp sẽ giúp con người tránh khỏi sự tác động một số hiện tượng tự nhiên như mưa gió, hơi ẩm, mùi hôi thối. Còn về phương diện tinh thần, một ngôi nhà có tầm nhìn tốt và luôn tạo cảm giác ấm cúng thoải mái có thể khiến cho tinh thần con người phấn chấn, Dương khí lên cao, tâm trạng vui tươi thoải mái.

Tương truyền tác giả của "Hoàng Đế trạch kinh" chính là Hoàng Đế. Hoàng Đế còn có tên gọi là Hiên Viên Hoàng Đế, thông minh hơn người, có kiến thức uyên bác, tài năng xuất chúng, ông đã đánh bại Xuy Vưu tại trận đại chiến Trác Lộc, được các chư hầu tôn làm Thiên tử, ông chính là người đã thống nhất Hoa Hạ. Tương truyền Hoàng Đế từng được Cửu Thiên Huyền Nữ truyền dạy, vì thế mà có được ba bộ sách "Âm phủ kinh", "Tam cung bí lược" và "Ngũ âm quyền mưu". Sau khi chuyên tâm nghiên cứu, ông đã phối hợp Thiên can Địa chi với các quẻ Càn, Cấn, Khôn, Tốn trong Bát quái, tạo thành Nhị thập

tứ lộ, lần lượt hình thành Dương trạch đồ và Âm trạch đồ. Đồng thời ông cũng tiến hành tổng kết và khái quát về phong thủy nhà ở, từ đó viết nên tác phẩm truyền thế “Hoàng Đế trạch kinh”. “Hoàng Đế trạch kinh” nhấn mạnh phải có sự quan sát tổng hợp về nhà ở, tướng trạch phải “coi hình thế là thân thể, coi nước suối là huyết mạch, coi đất đai là da thịt, coi cỏ cây là râu tóc, coi nhà cửa là quần áo, coi cổng cửa là dây đai, nếu hội tụ đầy đủ các yếu tố này là điều rất tốt”. Vì vậy “Hoàng Đế trạch kinh” được coi là tác phẩm kinh điển tổng luận về Âm trạch và Dương trạch.

“Hoàng Đế trạch kinh” là sự kết tinh trí tuệ của tổ tiên, được trình bày với văn phong súc tích sáng sủa, đã thể hiện được những tinh hoa của phong thủy nhà ở Trung Quốc, nhưng do tác phẩm sử dụng văn ngôn cổ, nên đối với những người bình thường, muốn đọc hiểu “Hoàng Đế trạch kinh” lại không phải là một chuyện dễ dàng. Bởi vậy, chúng tôi đã tiến hành biên soạn lại cuốn “Hoàng Đế trạch kinh” theo phong cách giản dị, tổng hợp toàn bộ mọi tinh hoa của phong thủy, dựa trên cơ sở giải thích nguyên văn cuốn sách, còn thêm vào lý luận của các trường phái phong thủy khác. Mặt khác, cuốn sách cũng sử dụng văn phong hiện đại, giản dị để giúp bạn dễ dàng hiểu được những thuật ngữ chuyên dùng trong phong thủy, đồng thời cũng kết hợp với những hình vẽ minh họa, sơ đồ, bảng biểu để hình thành nên một phong cách trình bày sinh động đa chiều, giúp bạn đọc thoát khỏi không gian phẳng của chữ nghĩa để có được sự hình dung một cách sinh động, trực quan hơn.

Tuy nhiên, do tính phức tạp của học thuyết phong thủy thời cổ đại, hơn nữa cũng do trình độ của người soạn có hạn nên trong quá trình viết khó tránh khỏi những thiếu sót, vậy kính mong bạn đọc đóng góp những ý kiến quý báu để lần tái bản được hoàn thiện hơn.

# MỤC LỤC



BỐ CỤC PHONG THỦY CỦA TỬ CẨM THÀNH / 10  
QUAN ĐIỂM VỀ NHÀ Ở CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC / 12  
PHƯƠNG THỨC TRÌNH BÀY CỦA CUỐN SÁCH / 20

## CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT

### LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ CÁC TRƯỜNG PHÁI CỦA PHONG THỦY DƯƠNG TRẠCH

1. Nguồn gốc của phong thủy: Mối quan hệ giữa nguồn gốc của phong thủy và việc chọn đất làm nhà / 24
2. Lịch sử của phong thủy học: Tiến trình phát triển của thuật phong thủy / 26
3. Lịch sử của kiến trúc nhà ở: Khái quát về nhà ở của dân tộc Trung Hoa / 28
4. Vận dụng phong thủy trong Dương trạch: Chọn môi trường cư trú “tàng phong đắc thủy” / 32
5. Các bậc thầy phong thủy và những trước tác nổi tiếng: Danh nhân và trước tác nổi tiếng trong lịch sử phong thủy / 34
6. Sự ra đời của “Hoàng Đế trạch kinh”: Tác phẩm kinh điển tổng hợp về nhà ở / 36
7. Hai trường phái chính của phong thủy học: Phái Lý khí và phái Hình thế / 38

8. Tổng luận về phái Lý khí: Kiến thức cơ bản về phái Lý khí / 40
9. Tổng luận về phái Hình thế: Kiến thức cơ bản về phái Hình thế/42

## CHƯƠNG 2: NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT TRƯỚC KHI ĐỌC “HOÀNG ĐẾ TRẠCH KINH” KIẾN THỨC NHẬP MÔN PHONG THUY

1. Hà đồ, Lạc thư: Nguồn gốc của thuật Âm Dương Ngũ hành / 46
2. Thuyết Âm Dương: Âm Dương đối lập, tương tác, tiêu trưởng và chuyển hoá lẫn nhau / 49
3. Ngũ hành: Quan điểm về vật chất của Trung Quốc cổ đại / 51
4. Bát quái: Tám nguyên tố cấu thành vạn vật trong vũ trụ / 53
5. Thiên can: Mười trạng thái và trật tự logic của sự vật / 58
6. Địa chi: Công cụ tính giờ tính tháng thời cổ đại / 60
7. La bàn: Công cụ cần thiết để xác định phương hướng của thầy phong thủy / 62
8. Sử dụng la bàn: Cách sử dụng la bàn chính xác / 66
9. Hai mươi tư sơn: Hai mươi tư sơn có thể phân Âm Dương, luận cát hung / 69
10. Tam nguyên Cửu vận: Cách phân chia thời không theo nguyên lý của Hà đồ Lạc thư / 71
11. Cửu cung phi tinh: Vận dụng phong thủy không gian / 74
12. Ý nghĩa của Cửu tinh: Tìm hiểu về Huyền không Cửu tinh / 76
13. Hai tứ cát tinh, hung tinh: Bài ca quyết về hai tứ cát tinh, hung tinh trong Dương trạch / 83
14. Bát trạch: Mối quan hệ giữa Mệnh quái và phương vị / 86
15. Thuật Yểm thắng: Khởi nguồn của thuật Trấn trạch / 92
16. Phép Trấn trạch: Phép thuật trong phong thủy học / 94
17. Các vị thần trấn trạch: Các vị thần linh trong nhà ở / 96

18. Sử dụng thuật pháp trấn trạch: Kết hợp thần chú với linh vật trấn trạch / 98

### CHƯƠNG 3: GIẢI THÍCH VỀ “HOÀNG ĐẾ TRẠCH KINH” (1) HOÀNG ĐẾ BÀN VỀ NHÀ Ở

1. Âm Dương giao hoà là đạo trời: Mối quan hệ giữa nhà ở và Âm Dương / 102
2. Ngũ hư, ngũ thực: Ngũ hư khiến người ta trở nên bần hàn ngũ thực khiến người ta trở nên phú quý / 104
3. Xây nhà và phạm sát: Xây nhà và chọn ngày lành tháng tốt / 107
4. Xây nhà và địa thế: Tầm quan trọng của lối đi đối với nhà ở / 111
5. Phân tích đồ hình Dương trạch: Hoàng Đế bàn về Dương trạch / 113
6. Phân tích đồ hình Âm trạch: Hoàng Đế bàn về Âm trạch / 117
7. Ngũ tính trạch pháp: Quá trình phát triển của Ngũ tính tướng trạch / 121
8. Cách chọn đất làm nhà theo Ngũ tính: Cách chọn đất và phương pháp xây dựng nhà ở theo Ngũ tính / 126
9. Ngũ tính nhân trạch đồ: Khái quát về Ngũ tính nhân trạch đồ / 128
10. Ngũ tính gia trạch đồ: Khái quát về Ngũ tính gia trạch / 134
11. Ngũ tính an môn khai hộ pháp (phép trở cổng cửa Ngũ tính) Nhà cửa của Ngũ tính / 136
12. Ngũ tính khai tỉnh pháp (phép đào giếng ngũ tính): Ngũ tính và giếng nước / 138
13. Bát trạch pháp: Tám loại mệnh cung phân Đông Tây tứ mệnh và ứng dụng cụ thể / 140
14. Phương vị Đại du niên: Bát quái phân Đông Tây tứ trạch / 145
15. Đại du niên ca: Tinh hoa phong thủy của phái Bát trạch và chú giải / 147
16. Trở cổng: Cổng cửa và phong thủy nhà ở / 153

17. Giường ngủ: Những điều hợp kỵ khi kê giường / 157
18. Bếp: Những điều hợp kỵ khi làm bếp / 161

#### CHƯƠNG 4: GIẢI THÍCH VỀ “HOÀNG ĐẾ TRẠCH KINH” (2) HOÀNG ĐẾ BÀN VỀ TRẠCH HÌNH

1. Giới khí cho nhà ở: Chọn đất làm nhà / 168
2. Tướng cục: Những vấn đề quan trọng trong cục thế nhà ở / 170
3. Tướng hình: Tính chất cát hung qua hình dạng của nhà ở và khu đất làm nhà / 172
4. Dương trạch lục sự: Nội lục sự và ngoại lục sự / 182
5. Phạm sát: Sát khí của nhà ở / 186
6. Phòng sát: Sát khí của nhà ở / 188
7. Thụ sát: Sát khí từ cây cối xung quanh nhà ở / 194
8. Hình sát: Các loại hình sát / 198

#### CHƯƠNG 5: PHONG THUYẾT THỰC HÀNH (1) PHÁI HÌNH THỂ VÀ PHÁI LOAN ĐẦU

1. Tìm hiểu về phái Loan đầu: Khái niệm Loan đầu / 208
2. Tứ linh sơn quyết: Loan đầu đệ nhất quyết / 210
3. Sơn long: Sơn trong phong thủy học / 212
4. Phân loại hình thế núi: Hình núi Ngũ hành và hình núi Cửu tinh / 214
5. Bàn về Thủy pháp: Sự đến đi tụ tán của nước / 216
6. Thủy thành Ngũ tinh: Hình thế của thủy thành Ngũ tinh / 218
7. Bàn về Minh đường: Sự cát hung của Minh đường / 220

## CHƯƠNG 6: PHONG THỦY THỰC HÀNH (2) PHÁI HUYỀN KHÔNG VÀ PHÁI LÝ KHÍ

1. Tìm hiểu về Huyền không: Thế nào là phong thủy Huyền không? / 232
2. Bát quái mô phỏng theo tượng: Giải thích ý nghĩa của tám tượng quẻ / 234
3. Sự suy vượng của Cửu tinh: Sự suy vượng, chuyển dịch của Cửu tinh theo nguyên vận / 242
4. Linh thần, Chính thần: Ứng dụng Linh thần, Chính thần / 244
5. Lưu niên cửu tinh: Vận dụng Cửu tinh để suy đoán lưu niên / 247
6. Trạch vận sát tinh: Các loại sát tinh của nhà ở / 251
7. Ứng dụng Phi tinh: Phi tinh tạo nên ngôi nhà phát đạt / 258
8. Song tinh luận đoán: Phán đoán mối quan hệ của song tinh tương hội / 261
9. Giải thích về trạch đồ: Giải thích về đồ hình trạch vận hai mươi tư sơn trong vận 8 / 280

## CHƯƠNG 7: ỨNG DỤNG PHONG THỦY HIỆN ĐẠI VẬN DỤNG PHONG THỦY ĐỂ TẠO DỰNG CUỘC SỐNG HẠNH PHÚC

1. Phong thủy thực hành dành cho phòng khách: Bố cục phong thủy của phòng khách / 302
2. Phong thủy nhà vệ sinh: Nhà vệ sinh cũng cần ứng dụng phong thủy / 304
3. Phong thủy thực hành dành cho phòng học: Vận dụng phong thủy để hỗ trợ cho nghiệp học / 306

4. Phong thủy và sức khỏe: Phong thủy tốt mang lại một cơ thể khỏe mạnh / 309
5. Phong thủy và tình yêu: Vận dụng phong thủy để làm vượng Đào hoa / 311
6. Động thực vật và phong thủy: Phong thủy tốt cũng có liên quan đến động, thực vật / 313
7. Phong thủy thực hành cho cửa hàng: Vận dụng phong thủy để chiêu tài / 317
8. Phong thủy văn phòng: Vận dụng phong thủy bàn làm việc để phát triển sự nghiệp / 319
9. Phong thủy của nhà hàng khách sạn: Phong thủy tốt xấu ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế / 322
10. Phong thủy trong kiến trúc tôn giáo: Phong thủy ảnh hưởng đến sự thịnh suy của kiến trúc tôn giáo / 324

Phụ lục 1: “Hoàng Đế trạch kinh” (bản trong Tứ khố toàn thư)  
Trạch kinh - quyển thượng / 326

Phụ lục 2: Đồ hình Phi tinh hạ quái trong Tam nguyên cử vận  
Đồ hình Phi tinh từ vận 1 đến vận 9 hạ quái sơn Nhâm hướng  
Bính / 333

## PHƯƠNG THỨC TRÌNH BÀY CỦA CUỐN SÁCH

Tiêu đề chính của bài  
Chủ đề cần thảo luận trong bài.

**Số chương**  
Thống nhất  
dùng chữ số  
Ả rập để biểu  
thị số chương

HOÀNG  
ĐẾ  
TRẠCH  
KINH



### 5 CÁC BẬC THẦY PHONG THUY VÀ NHỮNG TRƯỚC TÁC NỔI TIẾNG

#### DANH NHÂN VÀ TRƯỚC TÁC NỔI TIẾNG TRONG LỊCH SỬ PHONG THUY

*Văn hoá phong thủy của Trung Quốc đã có mấy ngàn lịch sử, trong lịch sử phát triển lâu dài đó, đã xuất hiện rất nhiều bậc thầy phong thủy nổi tiếng, và họ cũng đã để lại cho đời sau rất nhiều trước tác giá trị.*

##### **Quản Lộ - thuật sĩ chiêm bốc thời Tam quốc**

Quản Lộ là một thuật sĩ thời Tam quốc, tướng mạo xấu xí, không coi trọng lễ nghi, là người thích uống rượu, ăn nói khác người thường. Từ nhỏ ông đã là một con người có lối sống kỳ lạ, không thích chơi với những người cùng trang lứa, nhưng lại rất thích ngắm sao trên trời. Lớn lên ông tinh thông Chu Dịch, giỏi xem tướng, tiếng tăm vang dội khắp gần xa. Kiệt tác "Quản thị địa lý chí mông" gồm mười cuốn và một trăm thiên mà ông truyền lại chính là một tác phẩm vĩ đại về phong thủy.

##### **Quách Phác - ông tổ của thuật phong thủy thời Tấn**

Quách Phác (276 - 324) tự Cảnh Tôn, là người huyện Văn Hỷ tỉnh Hà Đông (nay là tỉnh Sơn Tây). Ông là người có học thức uyên thâm, thông hiểu thiên văn địa lý, ông từng tham gia biên soạn các cuốn "Sơn hải kinh", "Nhĩ nhĩ" và "Mục thiên tử truyền". "Táng thư" là một tác phẩm quan trọng của Quách Phác, nó trình bày đầy đủ những lý luận và thực tiễn về phong thủy, tách rời phong thủy học khỏi thuật xem đất truyền thống, từ đó xây dựng cơ sở cho phong thủy học.

##### **Dương Quân Tùng - bậc thầy phong thủy phái Hình thế thời Đường**

Dương Quân Tùng tên Ích, hiệu Quân Tùng, là người ở Đẩu Châu (nay là huyện Tín Nghi tỉnh Quảng Đông), ngụ cư ở Giang Tây, tự xưng là Cửu Bản tiên sinh. Tác phẩm do ông biên soạn có "Nghị long kinh", "Hám long kinh",... Vào thời Đường Hy Tông ông được phong làm quốc sư, giữ tới chức quan Kim Tử Quang Lộc đại phu, chuyên cai quản công tác địa lý ở Linh Đài. Sau khi nhà Đường suy vong, ông về ở ẩn và chết ở Kiến Châu.

##### **Lưu Bá Ôn - nhân tài nổi tiếng thời Minh**

Lưu Bá Ôn (1311 - 1375) tên thật là Lưu Cơ, tự Bá Ôn, là người huyện Thanh Điền (nay thuộc tỉnh Chiết Giang). Ông là khai quốc công thần, là nhà quân sự, nhà chính trị và nhà văn học nổi tiếng. Khi Chu Nguyên Chương khởi nghiệp, ông là cánh tay đắc lực phò tá Chu Nguyên Chương giành thiên hạ và xây dựng nên triều Minh. Ông được giữ chức Ngự sử trung thừa kiêm Thái sư lệnh, tước Thành Ý Bá, thụy hiệu là Văn Thành, tên huyện Văn Thành chính là thụy hiệu của ông. Trong dân gian có câu: "Trước có Gia Cát Khổng Minh, sau có Lưu Cơ Bá Ôn". Ông có để lại tác phẩm "Kham dư mạn hứng".

**Nội dung chính**  
Sử dụng văn phong đơn giản và dễ hiểu, giúp bạn đọc theo dõi được dễ dàng.



34

**Tiêu đề tranh minh họa**  
 Tiêu đề của các bức tranh minh quan trọng trong bài, giúp bạn đọc hiểu sâu hơn về nội dung trình bày.

**CÁC BÁC THẦY PHONG THUY NỔI TIẾNG**



**Tranh minh họa**  
 Dùng những bức tranh minh họa cụ thể sinh động để chuyển tải những khái niệm trừu tượng khó hiểu, giúp độc giả nhận thức được về bản nghĩa của tác phẩm một cách trực quan.

ĐIỀU KIỆN VÀ THUẬT SỐC MÀU TRONG LỊCH SỬ PHONG THUY

PHƯƠNG THỨC TRÌNH BÀY CỦA CUỐN SÁCH

**TÀI NĂNG CỦA CÁC NHÀ PHONG THUY TRONG LỊCH SỬ**

**Quan Sứ - thuật số nhân tài thời Tam quốc**



Là người tinh thông Chu Dịch, giỏi xem khang, biết và của ông là "Quyển thư duy lý chí mạng".

**Quang Phái - ông tổ của thuật phong thủy Hỏa Tán**



Là người có kiến thức uyên thâm, vốn thông thiên văn, biết khang địa lý, giỏi quan sát thế hình để chọn đất làm mộ phần. Biết tài của ông là "Tàng thư".

**Dương Quân Tung - tác giả phong thủy pháp Hình thế thế Dương**



Là bậc thầy phong thủy pháp Hình thế, rất giỏi quan sát địa lý. Kiệt tác của ông là "Ngũ tạng kinh", "144m tạng kinh".

**Liên Bà Ôn - nhân tổ của thuật thế nhân**



Là người có công lớn trong việc lập nền móng nhà Minh, ông là nhà tiên tri nổi tiếng, một tác của ông là "Khâm dư vạn tượng".

**Sơ đồ**  
 Dùng những sơ đồ diện giải rõ ràng, mạch lạc để diễn tả những nội dung trừu tượng, uyên thâm. Đây cũng chính là điểm tinh hoa của cuốn sách.

**Giải thích thuật ngữ**

**Sơ đồ Nguyệt lệnh:** Sơ đồ Nguyệt lệnh là chỉ mô thức vũ trụ mà vạn vật trên thế giới thay đổi một cách tuần hoàn theo phương vị và thời gian, đó cũng là mô thức tư duy của người Trung Quốc cổ đại. Sơ đồ Nguyệt lệnh có lẽ được tạo ra bởi Âm Dương Ngũ hành gia thời Chiến quốc, được ghi chép sớm nhất trong "Lã Thị Xuân Thu", phân 12 tháng thành 12 khoảng thời gian. Sơ đồ Nguyệt lệnh trước tiên lấy mùa xuân kết hợp với phương đông, mùa hè kết hợp với phương nam, mùa thu kết hợp với phương tây, mùa đông kết hợp với phương bắc, thời gian bốn mùa kết hợp với không gian bốn phía trở thành một sơ đồ vũ trụ thống nhất về thời không, là một mô hình thu nhỏ về trời đất và vũ trụ.

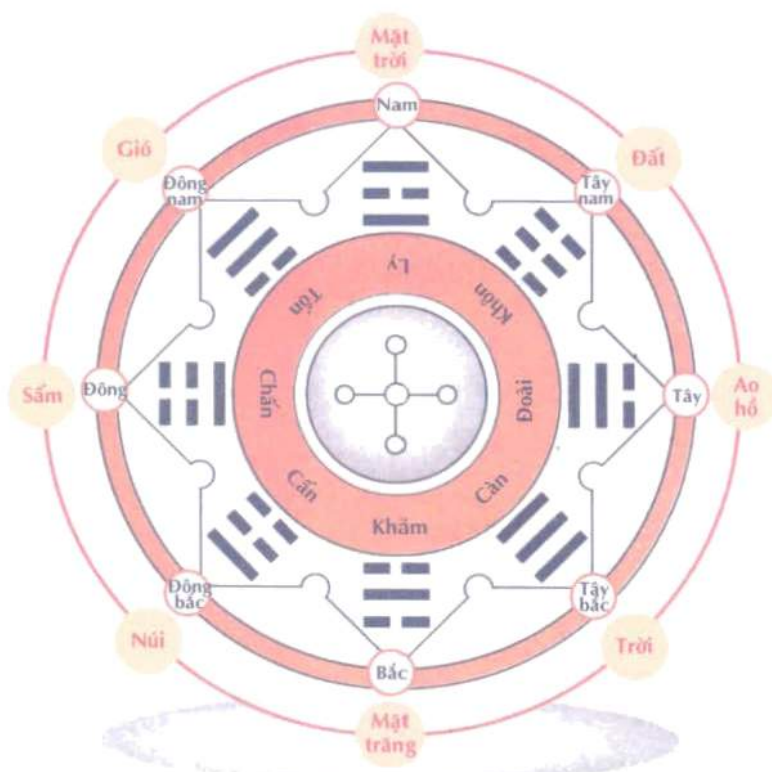
**Giải thích thuật ngữ**  
 Giải thích về những khái niệm quan trọng xuất hiện trong chương và bài.

# Chương 1

## KHÁI QUÁT

### LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ CÁC TRƯỜNG PHÁI CỦA PHONG THUY DƯƠNG TRẠCH

Phong thủy Dương trạch (tức phong thủy nhà ở) là bộ môn khoa học chuyên phân tích về các nhân tố môi trường, nhằm cung cấp cho mọi người tham khảo khi chọn nhà ở. Văn hoá Dương trạch (hay văn hoá nhà ở) của Trung Quốc có lịch sử rất lâu đời, nó liên quan mật thiết đến đời sống thường ngày của con người. Sau đời Đường, phong thủy bắt đầu phân chia thành các phái, trong đó có hai phái chính là phái Lý khí (hay phái Lý pháp) và phái Hình thể (hay phái Loan đầu).





Mục lục tranh minh họa



Nhà ở và việc chọn đất..... 25

Đất phong thủy “tàng phong đắc thủy” ..... 33

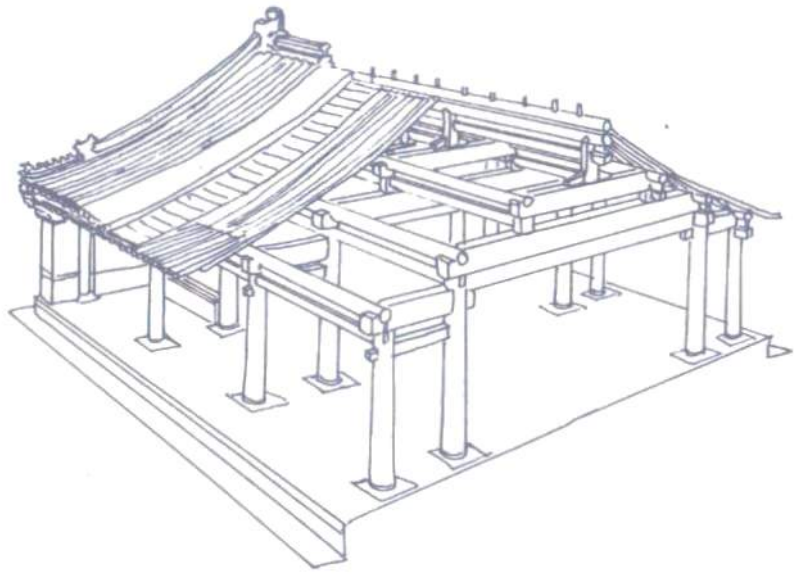
Các bậc thầy phong thủy nổi tiếng..... 35

Hoàng Đế và “Hoàng Đế trạch kinh” ..... 37

Các trường phái phong thủy học..... 39

Cơ sở của phái Lý khí..... 41

Cơ sở của phái Hình thể..... 43



## MỐI QUAN HỆ GIỮA NGUỒN GỐC CỦA PHONG THỦY VÀ VIỆC CHỌN ĐẤT LÀM NHÀ

*“Phong thủy chủ yếu chỉ sự đánh giá tổng hợp về các nhân tố của môi trường nhà ở như khí hậu, địa chất, địa hình, sinh thái, cảnh quan,... khi người xưa lựa chọn nơi cư trú, cùng những kỹ thuật và các cấm kỵ trong quá trình xây dựng nhà ở.”*

### Thuật phong thủy

Từ “phong thủy” xuất hiện lần đầu tiên trong cuốn “Táng thư” của Quách Phác - người đời Đông Tấn: “Táng giả, thừa sinh khí dã.” (mai táng, phải tiếp nhận sinh khí). “Khí thừa phong tắc tán, giới thủy tắc chí, tỵ chi sử bất tán, hành chi sử hữu chí, cố vị chi phong thủy.” (khí gặp gió ắt tiêu tán, gặp nước ngăn lại ắt tụ. Cố nhân làm sao cho khí tỵ chứ không tán, nước chảy có chỗ dừng. Do vậy mới có tên là “phong thủy”). Lần đầu tiên Quách Phác đã làm rõ khái niệm phong thủy, ông chỉ ra rằng, muốn an cư thì tất nhiên phải chọn nơi “tàng phong tụ khí”, sinh khí vượng thịnh. Vì vậy sau này ông được mọi người tôn xưng là ông tổ của phong thủy học.

Phong có nghĩa là gió, tức hiện tượng lưu động của không khí. Thủy có nghĩa là nước, tức dòng nước chảy. Khí tức khí vô hình, là khí của trời và khí của đất, là thứ mà mắt thường không nhìn thấy được. Khí là một khái niệm quan trọng trong triết học cổ đại của Trung Quốc, cũng là bộ phận cấu thành quan trọng của phong thủy, lý luận và phương pháp của phong thủy được triển khai xoay quanh vấn đề “tụ khí”.

Để phù hợp với yêu cầu “tàng phong tụ khí” cần phải “trái Thanh long, phải Bạch hổ, trước Chu tước, sau Huyền vũ.” Có nghĩa là: sau lưng dựa núi, phía trước có nhiều núi nhỏ châu vể, hai bên có sa sơn (núi nhỏ, gò đồng) bao bọc, Minh đường rộng rãi và thoáng đãng, có dòng nước chảy uốn lượn ôm vòng. Đây là môi trường lý tưởng nhất, nhưng trong ứng dụng thực tế, chỉ cần địa thế hoặc công trình ở phía sau cao hơn phía trước, địa thế hoặc công trình ở bên trái cao hơn bên phải, và Minh đường rộng rãi là đã đáp ứng được điều kiện “tàng phong tụ khí”.

### Phong thủy và việc chọn đất

Phong thủy còn gọi là Kham dư, hoặc Bốc trạch, Tướng trạch, Đồ trạch, Thanh nang, Hình pháp, Địa lý, Thanh ô,... Hoạt động “bốc trạch” (chọn chỗ ở) được mô tả lần đầu tiên trong “Thi kinh - Đại nhã - Công lưu”: “Đốc công lưu, ký bạc ký trường, ký cảnh ký cương, tướng kỳ Âm Dương. Quan kỳ lưu tuyến. Kỳ quân tam đơn, độ kỳ thấp nguyên. Triệt diên vi lương, độ kỳ tịch Dương, Bản cư doãn hoang”, miêu tả việc tổ tiên nhà Chu là Công Lưu tìm hiểu chất đất, nếm chất nước, quan sát hướng Âm Dương của sông núi, từ đó chọn nơi thích hợp để xây cung điện, xây dựng một cảnh tượng an cư lạc nghiệp thật tươi đẹp.

Từ xưa đến nay, con người luôn coi việc chọn đất xây nhà định cư là việc quan trọng hàng đầu để an cư lạc nghiệp. Kinh nghiệm chọn đất xây nhà dần dần đã trở thành một kiến thức, nội dung chính của nó là hướng dẫn mọi người cách chọn vị trí, hướng xây nhà và xác định thời gian xây dựng.





## CÁCH CHỌN ĐẤT LÝ TƯỞNG

Người xưa dù chọn đất xây nhà ở nông thôn hay thành thị cũng đều tuân theo nguyên tắc “tàng phong tụ khí”, phía trước có nước, phía sau có núi, hai bên đều có chỗ dựa vững chắc, đó mới là địa điểm lý tưởng nhất để xây nhà.



## CÁCH CHỌN ĐẤT Ở THÀNH PHỐ

1. **Tổ sơn:** ngọn núi khởi thủy ở phía sau công trình.
2. **Thiếu tổ sơn:** ngọn núi phía trước Tổ sơn.
3. **Chủ sơn:** ngọn núi phía trước Thiếu tổ sơn, phía sau công trình, còn gọi là lai long.
4. **Thanh long:** ngọn núi bên trái công trình.
5. **Bạch hổ:** ngọn núi bên phải công trình.
6. **Hộ sơn:** ngọn núi bên ngoài Thanh long và Bạch hổ.
7. **Án sơn:** ngọn núi gần ở bên kia dòng nước phía trước công trình.
8. **Triều sơn:** ngọn núi xa ở bên kia dòng nước trước công trình.
9. **Thủy khẩu sơn:** hai ngọn núi ở hai bên thủy khẩu chảy đi.
10. **Long mạch:** dãy núi nối liền Tổ sơn, Thiếu tổ sơn và Chủ sơn.
11. **Long huyết:** địa điểm lý tưởng nhất của công trình.



## TRUYỀN THUYẾT VỀ NGUỒN GỐC CỦA PHONG THỦY



Có một số trường phái phong thủy tôn xưng Cửu Thiên Huyền Nữ là Tổ sư của phong thủy học. Cửu Thiên Huyền Nữ là một trong những vị nữ thần của Đạo giáo. Truyền thuyết kể rằng, bà đã từng giúp Hoàng Đế đánh bại Xuy Vũu, giúp đỡ dân lành thoát khỏi hoàn cảnh khốn cùng, ngoài ra bà còn truyền lại cho Hoàng Đế cuốn “Âm phù kinh”, “Tam cung bí lược” và “Ngũ âm quyền mưu”, trong đó chứa đựng các kiến thức phong thủy học, vì vậy có một số trường phái phong thủy đã tôn xưng Cửu Thiên Huyền Nữ là Tổ sư.

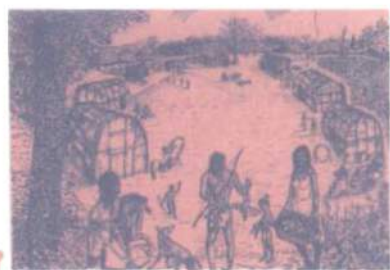
MỐI QUAN HỆ GIỮA NGUỒN GỐC CỦA PHONG THỦY VÀ VIỆC CHỌN ĐẤT LÀM NHÀ



## TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA THUẬT PHONG THUY

*Phong thủy khởi nguồn từ việc chọn đất làm nhà trong thời kỳ đầu của loài người, thành hình trong thời Hán - Tấn, phát triển qua các thời Đường, Tống và Nguyên, đến thời nhà Minh - Thanh thì hoàn thiện.*

Quả thực là rất khó xác định được thời gian hình thành chính xác cho phong thủy học. Vì từ hoạt động chọn đất làm nhà trong giai đoạn sớm của nhân loại phát triển thành một hệ thống lý luận hoàn chỉnh cần phải trải qua một quãng thời gian khá dài.

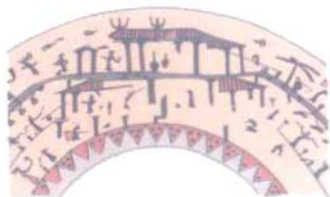


### Sự xuất hiện của phép xem đất (tướng địa)

Theo các tài liệu hiện tồn, phép xem đất (tướng địa) được hình thành từ khi các bộ lạc nguyên thủy bắt đầu biết chọn đất để cư trú. Các bộ lạc nguyên thủy sống chủ yếu bằng nghề săn bắt và hái lượm, nên họ thường chọn nơi cư trú ở những nơi có nhiều thức ăn, ấm áp và kín gió.

### Ảnh hưởng của triết học đối với phong thủy

Vào thời kỳ này, tư tưởng triết học rất phát triển, phong khí học thuật sôi nổi, các thuyết Âm Dương, Ngũ hành, Bát quái và Nguyên khí đang trên đà phát triển, hình thành cục diện "trăm nhà đua tiếng". Thời Chiến Quốc, thất bá (bảy nước lớn) phân quyền cát cứ, lý luận chọn đất được hình thành trong thời kỳ này chính là cơ sở lý luận và thực tiễn cho sự phát triển của lý luận phong thủy.



### XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

### THỜI KỲ THƯƠNG - CHU

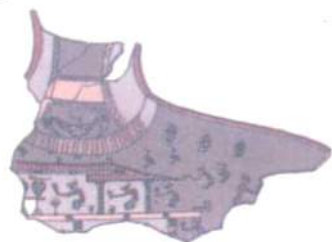
### XUÂN THU CHIẾN QUỐC

### THỜI KỲ TẤN - HÁN

#### Sự ra đời của kỹ thuật chọn đất cư trú

Ngay từ thời Thương - Chu, người cổ đại đã rất chú trọng nghiên cứu về phương hướng của nhà ở cũng như môi trường cư trú. Đặc biệt là khi chọn đất để xây dựng kinh thành càng phải kỹ lưỡng và tỉ mỉ hơn rất nhiều so với việc chọn đất làm nơi cư trú cho dân thường. Trong thời kỳ này, người xưa đã phải trải qua một quãng thời tích lũy và tổng kết kinh nghiệm rất dài, dần dần hình thành nên một hệ

thống lý luận và phương pháp, có thể coi đây là giai đoạn tích lũy đầu tiên cho sự phát triển của phong thủy.



#### Thời kỳ Huyền học thịnh hành

Trào lưu triết học thịnh hành trong thời kỳ này là Huyền học, với cơ sở là học thuyết Âm Dương Ngũ hành, phản ánh về các khái niệm Âm Dương, Ngũ hành, Bát quái trong sự biến hoá của sự vật, thể hiện nguyên lý Âm Dương ngũ hành của các nhân tố không thời gian như bốn phương, bốn mùa, Thiên can, Địa chi, luật lệnh, tạo thành một thể thống nhất thời không của vạn vật trong vũ trụ. Nhưng trong thời kỳ này cũng có sự liên hệ giữa sự tốt xấu của vị trí Âm trạch (mộ phần) với tiền đồ của con cháu đời sau, bắt đầu coi trọng việc xây dựng mồ mã, ngoài ra còn kết hợp với lý luận Âm Dương Ngũ hành, Bát quái can chi, hình thành nên những kiêng kỵ như Hoàng đạo, Thái tuế, Nguyệt kiến,...





### Sự ảnh hưởng của tôn giáo đối với phong thủy

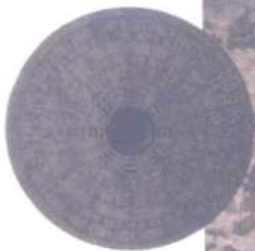
Sự thịnh hành của bộ môn Huyền học và sự phát triển của mỹ học sơn thủy dưới thời Nam Bắc triều đã đưa bộ môn phong thủy tiến thêm một bước mới. Đặc điểm của phong thủy học trong thời kỳ này là ngày càng coi trọng việc chọn đất an táng, các tác phẩm phong thủy xuất hiện trong thời kỳ này, như “Táng kinh” của Quách Phác, phần lớn đều có liên quan đến Âm trạch.

Trong thời nhà Đường, do sự lưu hành rộng rãi của Phật giáo, quan niệm chiêm nghiệm cát hung trong Phật giáo Ấn Độ kết hợp với phong thủy học, những quan niệm đầu thai, luân hồi, quan niệm nhân quả trong Phật giáo đã ăn sâu vào lòng người, quan niệm Phật giáo và tư tưởng phúc ảm ứng nghiệm trong phong thủy học đã kết hợp thành một thể thống nhất.

Triều đình nhà Đường ngoài việc cực lực tôn sùng Phật giáo cũng hết sức ưa chuộng quan niệm trường sinh bất tử của Đạo giáo. Đạo giáo là tôn giáo bản thổ của Trung Quốc, bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian, quan niệm quý thần và phương thuật thần tiên trong Đạo giáo đã được phong thủy học tiếp thu, khiến cho sắc thái mê tín của phong thủy học càng trở nên đậm nét.

THỜI KỲ NGUY TẤN NAM BẮC TRIỀU VÀ TUỖ ĐƯỜNG

THỜI KỲ TỐNG, NGUYÊN, MINH, THANH



### Phong thủy trở thành một văn hoá

Vào thời Tống, la bàn đã được sử dụng rất rộng rãi, khiến cho nội dung lý khí của phong thủy học càng phong phú và đầy đủ hơn. Đồ hình Thái cực, đồ hình Âm Dương Bát quái và lý luận được trình bày trong “Thái cực đồ thuyết” của Chu Đôn Di được tiếp thu và vận dụng trong các lý luận của phong thủy học. Sự phát triển vượt bậc của văn hoá mộ táng khiến cho “thầy địa lý” chuyên giúp người xem phong thủy đã trở thành một nghề chính thức.

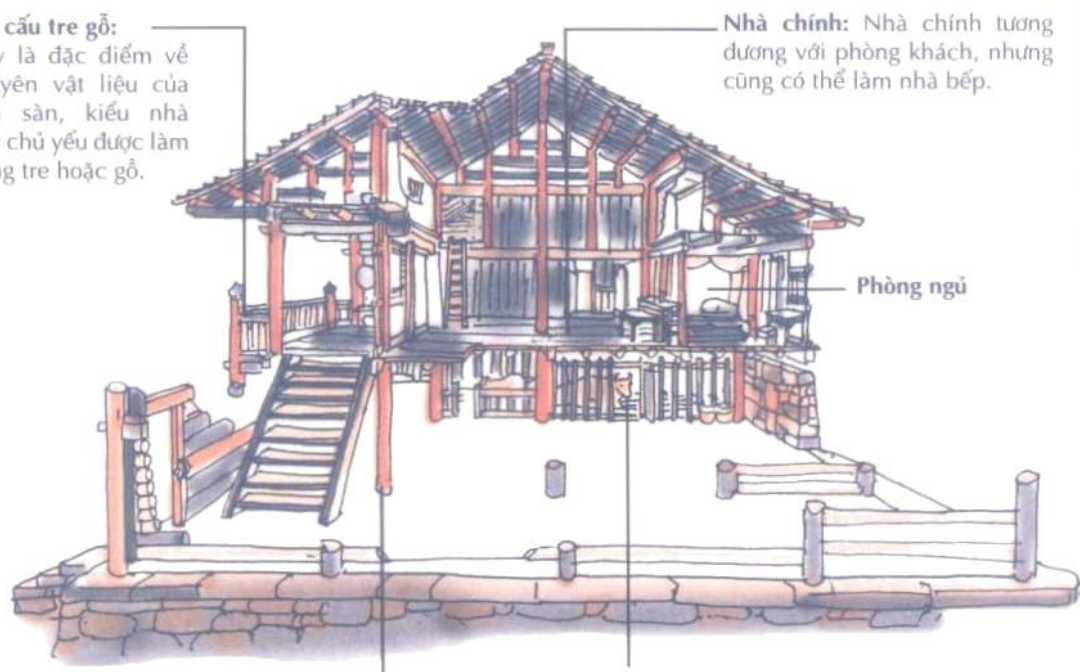
Thời Minh Thanh, vương thất đã cho xây dựng một khu lăng mộ rất đồ sộ, đưa địa lý phong thủy ứng dụng phát triển tới đỉnh cao. Ban đầu, phong thủy học đều được truyền thụ dưới hình thức truyền miệng, nhưng đến thời Minh Thanh, do triều đình sùng chuộng phong thủy, cho tìm kiếm “bảo địa phong thủy” khắp mọi nơi. Các tác phẩm “Vĩnh lạc đại điển”, “Tứ khố toàn thư” và “Cổ kim đồ thư tập thành” do triều đình biên soạn đều thu thập rất nhiều tài liệu liên quan đến phong thủy, khiến cho lý luận phong thủy đã được công khai hoá và bảo tồn, lưu truyền.

## Nhà sàn

Nhà sàn được thiết kế theo bố cục tầng dưới để không, làm nơi nuôi gia súc hoặc để đồ lặt vặt, phía trước của tầng trên là hành lang và sân phơi, phía sau là nhà chính và phòng ngủ, có cầu thang thông giữa hai tầng. Kiểu nhà này chủ yếu làm bằng gỗ, không chỉ cột nhà mà ngay cả tường nhà cũng làm bằng gỗ. Lối kiến trúc này thường gặp ở các tỉnh miền Nam Trung Quốc như Quảng Tây, Vân Nam, Hồ Bắc, Quý Châu, đảo Hải Nam...

### Kết cấu tre gỗ:

Đây là đặc điểm về nguyên vật liệu của nhà sàn, kiểu nhà này chủ yếu được làm bằng tre hoặc gỗ.



**Nhà chính:** Nhà chính tương đương với phòng khách, nhưng cũng có thể làm nhà bếp.

**Phòng ngủ**

**Cột gỗ:** Đây là đặc điểm quan trọng của kiến trúc nhà sàn, nó có tác dụng nâng đỡ khung nhà và ngăn cách phần sàn nhà với mặt đất.

**Chuồng nuôi gia súc:** Đó là nơi chuyên để nuôi lợn hoặc trâu, hoặc cũng có thể dùng để chứa đồ đạc.

MỘT SỐ KIẾN TRÚC TIÊU BIỂU KHÁC



### Mái nhà hình tháp

Mái nhà gồm một đòn nóc chính và bốn đòn nóc làm thoải về bốn bên, làm cho mái nhà được thiết kế thành mái dốc, mái trước và mái sau tạo thành một góc 45°.



### Mái nhà hình yên ngựa

Mái nhà được thiết kế theo hình thức kết hợp giữa mái kiểu treo và mái hình tháp, phần bên dưới của mái nhà hình thành mái dốc, chỗ tiếp giáp là cột chống, bên trên là hai mái dốc, chỗ tiếp giáp là mái chính, hai bên là mái dốc thoải.



### Mái nhà kiểu treo

Kiểu mái nhà này làm thấp hơn kiểu mái nhà hình yên ngựa. Hai đầu của đòn nóc thường chìa ra bên ngoài tường.

## Kiến trúc sân trời ở miền Nam

Kiến trúc sân trời hay giếng trời ở miền Nam Trung Quốc thường được cách điệu từ lối kiến trúc Tứ hợp viện, nhà ở bốn phía được xây liền với nhau, ở giữa là một khoảng sân trời nhỏ. Đặc điểm khí hậu ở miền Nam là mùa đông lạnh mùa hè nóng, mưa nhiều, dân cư đông đúc, vì thế nhà thường xây từ hai đến ba tầng, ở giữa để một khoảng sân nhỏ để đón gió và ánh sáng.

### Nguyệt lương

Xà chính thường làm hình vòm để đón ánh sáng vào nhà chính.

### Tẩu mã lầu

Trên lầu là nơi ở của phụ nữ, cũng được dùng để chứa đồ.

### Móc treo đèn lồng

Đây là một trong những vật trang trí chính trong nhà.

### Nhà chính

Nhà chính là bộ phận chính của kiến trúc, thường có ba gian, gian chính giữa ở tầng một gọi là nhà trên, có cả phòng khách và phòng ăn, các nghi lễ thờ cúng thường diễn ra ở đây.

### Nước đổ về từ bốn phía

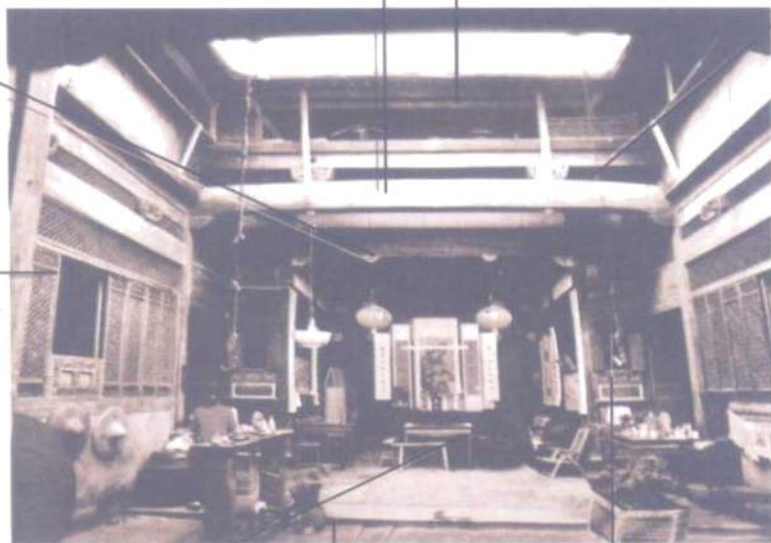
Mái nhà ở bốn phía đều dốc xuống giếng trời, kiểu mái nhà này được thiết kế chủ yếu để nước mưa tập trung trong nhà, ngụ ý "không để lợi lộc lọt vào tay người khác".

### Phòng ngủ

Gian kế tiếp với nhà chính là phòng ngủ của chủ nhà, cửa sổ thường mở về phía nhà chái hoặc giếng trời.

### Xà gỗ

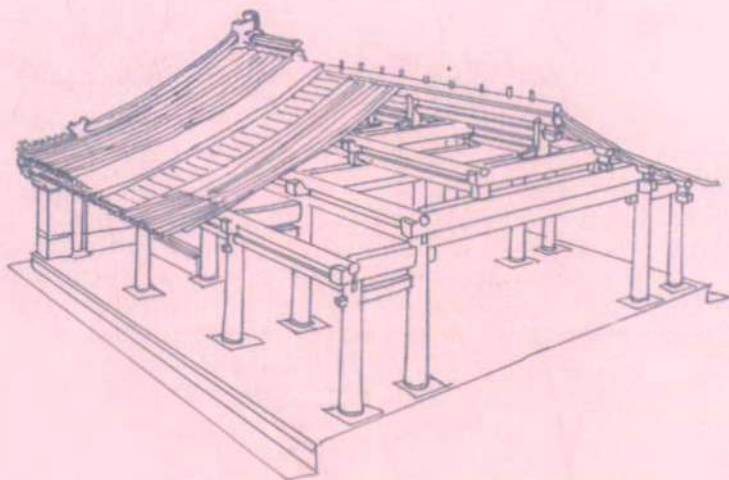
Xà gỗ là vật trang trí trong nhà chính, những gia đình giàu có thường rất chú trọng về hình thức của xà gỗ.



## MỘT SỐ KIẾN TRÚC TIÊU BIỂU KHÁC

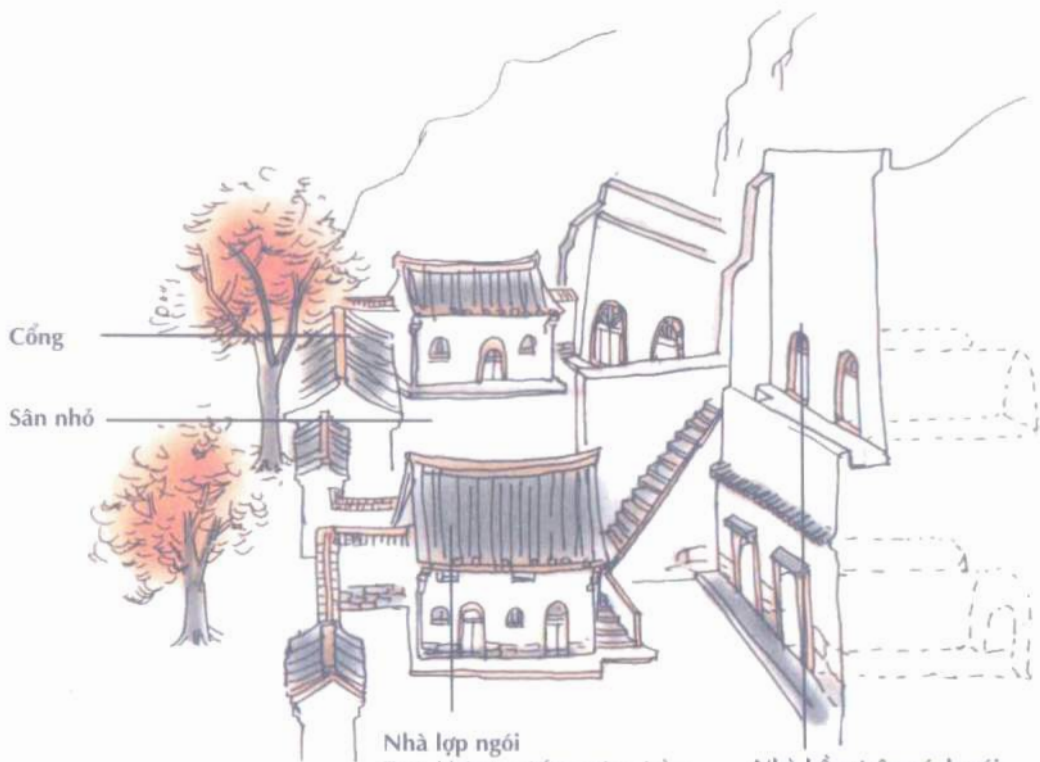
### Kiểu dầm cột

Đây là kiểu kiến trúc nhà cổ của Trung Quốc, chủ yếu được tạo bởi các vì kèo và xà gỗ, trọng lượng của mái nhà được vì kèo, xà gỗ và trụ gỗ chống đỡ.



## Nhà hầm (nhà hang) vùng Tây bắc

Ở Trung Quốc có khoảng bốn mươi triệu người sống trong những nhà hầm có kiến trúc khác nhau, điển hình nhất là nhà hầm ở vùng tây bắc của tỉnh Thiểm Tây, chủ yếu có nhà hầm lát đá, nhà hầm lát gạch và nhà hầm đào trên vách đất tự nhiên, còn nhà có cửa sổ gọi là nhà hầm đất. Trong kiến trúc nhà hầm đất có một loại đặt trên cao nguyên hoang thổ, hầm được khoét vào vách núi trở thành nhà hầm độc lập. Còn một loại khác là khoét trên mặt đất bằng phẳng, trước tiên khoét thành một cái giếng vuông rộng và có đáy bằng, sau đó trên bốn vách đất đều khoét vào thành các nhà hầm độc lập.



### Nhà lợp ngói

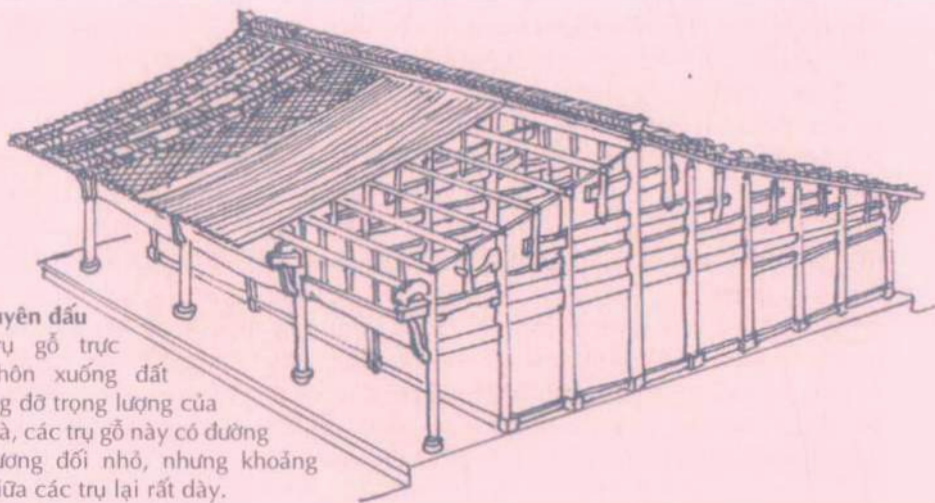
Tuy không giống nhà hầm, nhưng hình thức cửa sổ của kiểu nhà này vẫn mô phỏng hình thức cửa sổ của nhà hầm.

### Nhà hầm trên vách núi

Đó chính là nhà hầm khoét trên vách đất tự nhiên, có làm cửa sổ, kiểu nhà này mùa đông thì ấm, mùa hè thì mát mẻ.

### Kiểu xuyên đầu

Các trụ gỗ trực tiếp chôn xuống đất để nâng đỡ trọng lượng của mái nhà, các trụ gỗ này có đường kính tương đối nhỏ, nhưng khoảng cách giữa các trụ lại rất dày.



## CHỌN MÔI TRƯỜNG CƯ TRÚ “TÀNG PHONG ĐẮC THUYẾT”

*Khởi công xây dựng nhà cửa, trước tiên phải quan sát hình thế địa lý, phân tích xem địa bàn đó có “tàng phong đắc thủy” hay không, sau đó chọn nơi có môi trường tốt, Âm Dương giao hoà và tàng phong tụ khí để tiến hành xây dựng.*

### Quan niệm triết học “thiên nhân hợp nhất”

Thời cổ đại mọi người đã ý thức được rằng, con người và giới tự nhiên là một chỉnh thể không thể tách rời, quan niệm triết học “thiên nhân hợp nhất” chính là sự khái quát và tổng kết về nhận thức này, đó cũng là đặc điểm nổi bật nhất của triết học Trung Quốc. “Thiên” bao gồm cả giới tự nhiên, “Nhân” chỉ con người thực sự tồn tại trong thế giới hiện thức. “Thiên nhân hợp nhất” chính là con người phải hoà mình với giới tự nhiên thì mới có thể trở thành một thể thống nhất.

Ảnh hưởng lớn nhất đối với con người là môi trường nơi cư trú, sự tốt xấu về môi trường nơi cư trú lại ảnh hưởng tới sự phát triển của loài người. Phong thủy học rất chú trọng điều này. Môi trường cư trú tốt không chỉ tốt cho sức khoẻ của con người, mà còn là bàn đạp giúp con người phát triển. Ví dụ, vùng Giang Nam trong thời nhà Minh có nền kinh tế phồn vinh, điều kiện tự nhiên cũng rất tốt, chính những điều này đã thay nên nên rất nhiều văn nhân mặc khách. Những người đỗ Đệ tam giáp (tiến sỹ) trong các khoá thi của thời nhà Minh đa số là đến từ Giang Nam, vì vậy mới xuất hiện cảnh tượng phồn vinh “Đông nam đất giàu có, Giang - Triết đất văn nhân”. Ngoài các nhân tố như kinh tế, chính trị, văn hoá,... sự đỗ đạt thành tựu của người Giang Nam còn có liên quan rất nhiều đến môi trường tự nhiên, thực là “vật tụ tinh hoa, địa linh nhân kiệt”.

### Sinh tồn và phong thủy

Con người có thể sinh tồn từ đời này sang đời khác chủ yếu là nhờ môi trường cư trú, việc lựa chọn môi trường cư trú có những quy luật nhất định. Theo khảo chứng của các nhà khảo cổ học, thời kỳ đầu con người chủ yếu cư trú tại những vùng bồn địa, bình nguyên bồi tích, thềm sông, nơi hội tụ của hai con sông, bãi bồi giữa hồ, bờ biển,... Đây là những vị trí đủ ánh sáng, kín gió, lại gần nước và sản vật phong phú, đảm bảo cung cấp đầy đủ lương thực và nước uống cần thiết cho sự sống, rất thích hợp cho sự sinh tồn và phát triển của con người.

Sự ảnh hưởng của những địa hình này đối với tiểu khí hậu và môi trường sinh thái có thể khái quát thành kiểu chọn đất có lợi, ví như “huyệt”, như các huyệt vị trên cơ thể người khi châm cứu, thông thường những bồn địa lớn, có núi bao quanh ba hoặc bốn mặt thường có địa hình phía bắc cao, phía nam thấp và có nhiều ánh sáng. Kiểu “huyệt” điển hình này được coi là bố cục phong thủy tốt nhất, vừa “tàng phong tụ khí”, lại có lợi cho sự phát triển và sinh tồn của con người.

Vì vậy mới nói, phong thủy trên thực tế là một môn khoa học tìm hiểu về những “nguyên tắc cư trú” của con người. Nó có thể hướng dẫn mọi người cách tìm những môi trường thích hợp để sinh tồn, đồng thời hy vọng rằng phong thủy tốt có thể đem lại cho con người cuộc sống sung túc, đông con nhiều cháu, sự nghiệp phát triển thuận lợi và tài vận hanh thông.





# ĐẤT PHONG THUY "TÀNG PHONG ĐẮC THUY"



## CHÍN LOẠI BẢO ĐỊA PHONG THUY

Phong thủy học gọi nơi thích hợp cho con người định cư là "long huyệt". Sau khi tiến hành khảo sát những địa hình thích hợp cho con người cư trú, có thể chia thành chín loại bảo địa phong thủy như sau.

### 1 Bình nguyên bồi tích rặng quạt



### 2 Bồn địa (hay lòng chảo)



### 3 Rìa cao nguyên



### 4 Ven nguồn nước



### 5 Ốc đảo



### 6 Đồng bằng ven sông



### 7 Đảo nhỏ



### 8 Nơi giao nhau giữa các dòng sông



### 9 Ven biển



CHỌN  
MÔI  
TRƯỜNG  
CƯ  
TRÚ  
"TÀNG  
PHONG  
ĐẮC  
THUY"



## DANH NHÂN VÀ TRƯỚC TÁC NỔI TIẾNG TRONG LỊCH SỬ PHONG THUY

*Văn hoá phong thủy của Trung Quốc đã có mấy ngàn năm lịch sử, trong lịch sử phát triển lâu dài đó, đã xuất hiện rất nhiều bậc thầy phong thủy nổi tiếng, và họ cũng đã để lại cho đời sau rất nhiều trước tác giá trị.*

### Quản Lộ - thuật sĩ chiêm bốc thời Tam quốc

Quản Lộ là một thuật sĩ thời Tam quốc, tướng mạo xấu xí, không coi trọng lễ nghi, là người thích uống rượu, ăn nói khác người thường. Từ nhỏ ông đã là một con người có lối sống kỳ lạ, không thích chơi với những người cùng trang lứa, nhưng lại rất thích ngắm sao trên trời. Lớn lên ông tinh thông Chu Dịch, giỏi xem tướng, tiếng tăm vang dội khắp gần xa. Kiệt tác “Quản thị địa lý chí mông” gồm mười cuốn và một trăm thiên mà ông truyền lại chính là một tác phẩm vĩ đại về phong thủy.

### Quách Phác - ông tổ của thuật phong thủy thời Tấn

Quách Phác (276 - 324) tự Cảnh Tôn, là người huyện Văn Hỷ tỉnh Hà Đông (nay là tỉnh Sơn Tây). Ông là người có học thức uyên thâm, thông hiểu thiên văn địa lý, ông từng tham gia biên soạn các cuốn “Sơn hải kinh”, “Nhĩ nhã” và “Mục thiên tử truyện”. “Táng thư” là một tác phẩm quan trọng của Quách Phác, nó trình bày đầy đủ những lý luận và thực tiễn về phong thủy, tách rời phong thủy học khỏi thuật xem đất truyền thống, từ đó xây dựng cơ sở cho phong thủy học.

### Dương Quân Tùng - bậc thầy phong thủy phái Hình thế thời Đường

Dương Quân Tùng tên Ích, hiệu Quân Tùng, là người ở Đâu Châu (nay là huyện Tín Nghi tỉnh Quảng Đông), ngụ cư ở Giang Tây, tự xưng là Cửu Bản tiên sinh. Tác phẩm do ông biên soạn có “Nghị long kinh”, “Hãm long kinh”,... Vào thời Đường Hy Tông ông được phong làm quốc sư, giữ tới chức quan Kim Tử Quang Lộc đại phu, chuyên cai quản công tác địa lý ở Linh Đài. Sau khi nhà Đường suy vong, ông về ở ẩn và mất ở Kiên Châu.

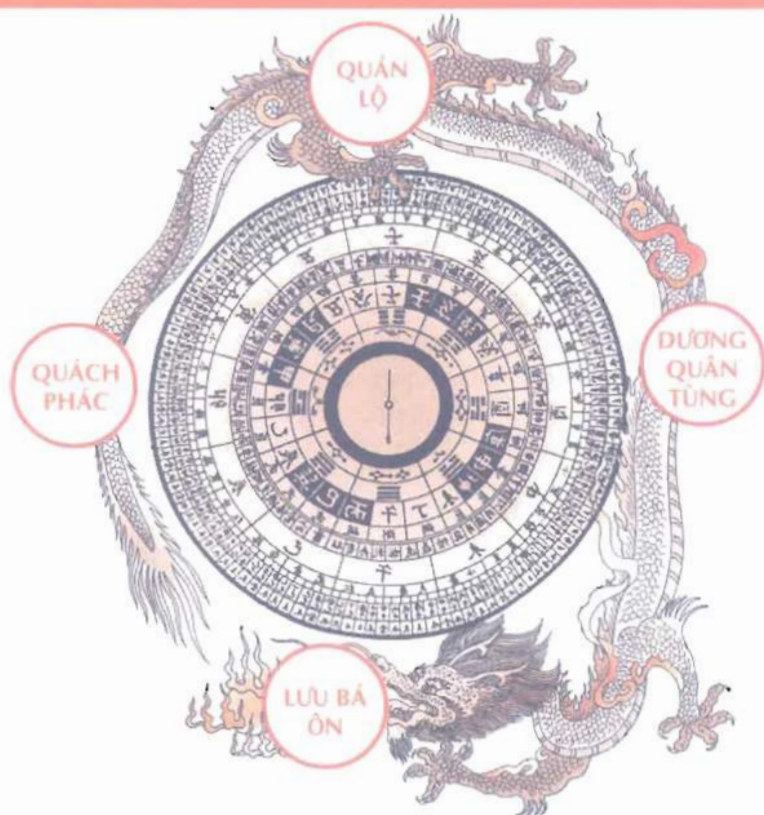
### Lưu Bá Ôn - nhân tài nổi tiếng thời Minh

Lưu Bá Ôn (1311 - 1375) tên thật là Lưu Cơ, tự Bá Ôn, là người huyện Thanh Điền (nay thuộc tỉnh Chiết Giang). Ông là khai quốc công thần, là nhà quân sự, nhà chính trị và nhà văn học nổi tiếng. Khi Chu Nguyên Chương khởi nghiệp, ông là cánh tay đắc lực phò tá Chu Nguyên Chương giành thiên hạ và xây dựng nên triều Minh. Ông được giữ chức Ngự sử trung thừa kiêm Thái sư lệnh, tước Thành Ý Bá, thụy hiệu là Văn Thành, tên huyện Văn Thành chính là thụy hiệu của ông. Trong dân gian có câu: “Trước có Gia Cát Khổng Minh, sau có Lưu Cơ Bá Ôn”. Ông có để lại tác phẩm “Kham dư mạn hứng”.





# CÁC BẬC THẦY PHONG THỦY NỔI TIẾNG



DANH NHÂN VÀ TRƯỚC TÁC NỔI TIẾNG TRONG LỊCH SỬ PHONG THỦY

## TÀI NĂNG CỦA CÁC NHÀ PHONG THỦY TRONG LỊCH SỬ

**Quản Lộ - thuật sĩ chiêm bích thời Tam quốc**



Là người tinh thông Chu Dịch, giỏi xem tướng. Kiệt tác của ông là "Quản thị địa lý chỉ mộng".

**Quách Phác - ông tổ của thuật phong thủy thời Tấn**



Là người có kiến thức uyên thâm, trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, giỏi quan sát địa hình để chọn đất làm mộ phần. Kiệt tác của ông là "Táng thư".

**Dương Quản Tùng - bậc thầy phong thủy phái Hình thể thời Đường**



Là bậc thầy phong thủy phái Hình thể, rất giỏi quan sát địa lý. Kiệt tác của ông là "Nghị long kinh", "Hám long kinh".

**Lưu Bá Ôn - nhân tài nổi tiếng thời Minh**



Là người có công lớn trong việc lập nên triều nhà Minh, ông là nhà tiên tri nổi tiếng. Kiệt tác của ông là "Kham dư mạn hưng".



## TÁC PHẨM KINH ĐIỂN TỔNG HỢP VỀ NHÀ Ở

*“Hoàng Đế trạch kinh” là một trước tác lý luận về phong thủy nhà ở xuất hiện sớm nhất còn lưu truyền lại đến ngày nay. Tác phẩm cho rằng nhà ở là biểu hiện của Âm Dương, nhấn mạnh trước khi dựng nhà cần phải chọn hướng, vị trí cát lợi và thời gian động thổ thích hợp để đạt hiệu quả Âm Dương cân bằng.*

**Đôi nét về tác phẩm “Hoàng Đế trạch kinh”**

Trong “Tứ khố toàn thư tổng mục đề yếu” có giới thiệu về “Trạch kinh” như sau: “Trạch kinh gồm hai cuốn, do Hoàng Đế biên soạn”. Khảo trong sách còn viết “Hoàng Đế nhị trạch kinh, cùng hai mươi chín loại Trạch kinh của Hoài Nam Tử, Lý Thuần Phong, Lã Tài, vào lúc làm thành sách, vốn chưa mạo xưng là do Hoàng Đế làm ra, chỉ là bọn phương kỹ muốn thần hoá học thuyết của mình, nên mới giả mạo là do Hoàng Đế làm ra”. Trong “Hoàng Đế nội kinh” có nhắc đến Lý Thuần Phong, nhưng Lý Thuần Phong lại là người đời Đường, cho nên đây chính là tác phẩm kinh điển về phong thủy của hậu thế.

**Tác phẩm và tác giả**

Cuốn “Hoàng Đế trạch kinh” có rất nhiều dị bản, như “Đạo tạng - Động chân bộ chúng thuật loại”, “Tiểu thập tam kinh”, “Di môn quảng độ - Tạp chiêm”, “Tân đái mật thư” tập thứ tư, “Sùng văn thư cục hội khắc thư”, “Đạo tạng cử yếu” tập thứ chín, “Tứ khố toàn thư - Tỷ bộ thuật số loại”, “Học tân thảo nguyên” tập thứ chín, “Cư gia tất bị - Xu tịch”, “Thuyết kỹ” đều có ghi chép về cuốn sách này, cho thấy đây là bộ sách nói về thuật tướng địa, được lưu truyền rộng rãi trong dân gian.

Có người cho rằng tác giả của cuốn sách này là Hoàng Đế, nhưng thời Hoàng Đế chữ viết vẫn chưa thực sự ra đời, như vậy làm sao có thể viết sách? Trong lịch sử, có rất nhiều sách mượn danh Hoàng Đế, như “Hoàng Đế nội kinh”, để nâng cao uy tín và địa vị. Trong bộ sách này còn nhắc đến cuốn “Trạch kinh” của Lý Thuần Phong, Lã Tài,... điều này không có nghĩa đây là tác phẩm của đời Đường hoặc sau đời Đường. Nhưng nguyên tác của cuốn sách này do niên đại quá cổ xưa nên không thể xác định rõ, vì vậy chỉ có thể chiếu theo “Tứ khố toàn thư” mà lấy tên là Hoàng Đế.

**Nội dung của “Hoàng Đế trạch kinh”**

“Hoàng Đế trạch kinh” tên cũ là “Trạch kinh”, ngay từ phần mở đầu đã nhấn mạnh về tầm quan trọng của nhà ở, lại lấy Thiên can Địa chi kết hợp với các quẻ Càn, Cấn, Khôn, Tốn trong Bát quái, tạo thành 24 lộ, lần lượt hình thành Dương trạch đồ và Âm trạch đồ. Tương truyền rằng, các lăng mộ triều nhà Thanh đều căn cứ vào 24 sơn hướng, dùng la bàn để tìm vùng đất tốt mới động thổ xây dựng.

Cuốn sách này nhấn mạnh việc khảo sát một cách tổng hợp về Dương trạch, Tướng trạch phải “coi hình thế là thân thể, nguồn nước là huyết mạch, đất đai là da thịt, cỏ cây là râu tóc, nhà cửa là quần áo, cổng cửa là dây đai, nếu hội tụ đầy đủ các yếu tố này là điều rất tốt”. Vì vậy, đây chính là tác phẩm kinh điển tổng luận về Âm trạch và Dương trạch.





## ĐÔI NÉT VỀ NHÂN VẬT HUYỀN THOẠI HOÀNG ĐẾ

Hoàng Đế còn gọi là Hiên Viên Hoàng Đế, là vị vua huyền thoại của Trung Quốc, được coi là thủy tổ của người Hán. Ông thông minh hơn người, hiểu biết nhiều, tài năng xuất chúng. Thời ông trị vì thế nước rất mạnh, trong thời kỳ này nền văn minh Trung Hoa phát triển và tiến bộ vượt bậc.

**Chữ viết (văn tự)**  
Ông lệnh cho Thương Hiệt sáng tạo ra chữ tượng hình.

**Âm nhạc**  
Ông lệnh cho Linh Luân cắt tre thành các đoạn dài ngắn khác nhau, tạo nên mười hai âm tiết, tức đàn mười hai dây dài 3 tấc 9 phân, phối thành khúc nhạc.

**Lịch số**  
Ông quan sát và tính toán thiên văn, từ đó chế định nên lịch pháp đầu tiên của Trung Quốc.

**Xe thuyền**  
Ông đã chế tạo ra xe, thuyền, khiến cho giao thông vận chuyển được thuận tiện.

**Quần áo**  
Ông đã cho người chế tạo ra các loại phục sức, mũ áo.

**Xe chỉ nam**  
Ông đã phát minh ra cỗ máy chỉ phương hướng đầu tiên trên thế giới, đó là xe chỉ nam.

**Nhà ở**  
Ông hướng dẫn mọi người cách làm nhà để ở, thuần dưỡng gia súc và gieo trồng ngũ cốc, giúp mọi người thoát khỏi cuộc sống hang động nguyên thủy.

60 tuổi

30 tuổi

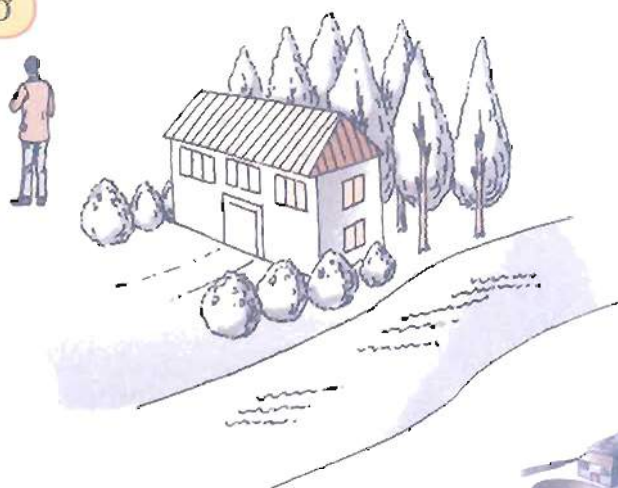
90 tuổi

120 tuổi

TÁC PHẨM KINH ĐIỂN TỔNG HỢP VỀ NHÀ Ở

## HOÀNG ĐẾ LUẬN BÀN VỀ NHÀ Ở

Trong truyền thuyết, "Hoàng Đế trạch kinh" là tác phẩm của Hoàng Đế, chú trọng việc khảo sát Dương trạch, Tướng trạch phải "coi hình thế là thân thể, nguồn nước là huyết mạch, đất đai là da thịt, cỏ cây là râu tóc, nhà cửa là quần áo, cổng cửa là dây đai, nếu hội tụ đầy đủ các yếu tố này là điều rất tốt".



## PHÁI LÝ KHÍ VÀ PHÁI HÌNH THỂ

*Phái Lý khí và phái Hình thể là hai trường phái chính của phong thủy học, nhưng giữa hai trường phái này không có sự phân tách rạch ròi. Phái Hình thể cũng chú trọng đến phương vị, phái Lý khí cũng chú trọng hình thể, tuy trọng điểm của hai trường phái này vẫn có điểm khác biệt, nhưng trên thực tế chúng vẫn có sự liên quan với nhau.*

**Phái Lý khí**

Phái Lý khí chủ yếu có sáu môn phái chính:

1. Phái Bát trạch: Phái này chủ yếu căn cứ vào sự kết hợp giữa cung mệnh của chủ nhà với các hướng để luận cát hung và thiết kế nhà ở.
2. Phái Mệnh lý: Phái này chủ yếu căn cứ vào sự hợp kỵ trong ngũ hành của cung mệnh chủ nhà kết hợp với ngũ hành của hai mươi tư sơn cùng Huyền không phi tinh để bố cục phong thủy, kết hợp thêm với màu sắc trang trí, có tác dụng rất lớn trong việc trang trí nội thất và điều chỉnh phong thủy Dương trạch.
3. Phái Tam hợp: Phái này chủ yếu căn cứ vào lý luận sơn thủy, kết hợp hai mươi tư sơn với sơn của nhà ở để tính toán về quan hệ sinh khắc. Với Thủy thì phân ra mười hai cung vị Trường sinh để tính toán cát hung.
4. Phái Phiến quái: Phái này chủ yếu dựa vào Bát quái để phiên thành quẻ Cửu tinh gồm Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân, Tả Phụ, Hữu Bật, sau đó kết hợp với sơn thủy để định cát hung.
5. Phái Huyền không phi tinh: Phái này dùng nguyên vận kết hợp với cửu tinh, sơn hướng, phối hợp sơn thủy với bố cục bên trong để tính toán về cát hung họa phúc. Xét về thực chất, Huyền không học chú trọng đến trạng thái suy vượng của nguyên, vận, sự kết hợp giữa trạng thái sinh khắc chế hoá của chín con số với những điều hợp kỵ trong vận mệnh.
6. Phái Tinh tú: Phái này phối hợp tính chất Ngũ hành của nhị thập bát tú với sơn hướng của ngôi nhà để luận bàn cát hung.

**Phái Hình thể**

Phái Hình thể chủ yếu phân thành ba môn phái, đó là phái Loạn đầu, phái Hình tượng và phái Hình pháp.

1. Phái Loạn đầu: Loạn đầu tức hình thể tự nhiên của núi sông, bao gồm long, sa, sơn. Long chỉ rặng núi từ xa chạy lại. Sa chỉ gò đồi xung quanh huyệt. Sơn chỉ những ngọn núi ở phía xa ngoài huyệt.
2. Phái Hình tượng: Quan sát hình thể của núi non để đặt tên, từ đó dựa theo tên gọi mà ngầm diễn tả ý nghĩa của địa hình, Ví dụ như núi Sư tử.
3. Phái Hình pháp: Phái này là những phép tắc về Loạn đầu trên cơ sở hình tượng hoá, chủ yếu luận bàn về những nguyên tắc kết hợp giữa hình tượng và huyệt mộ.



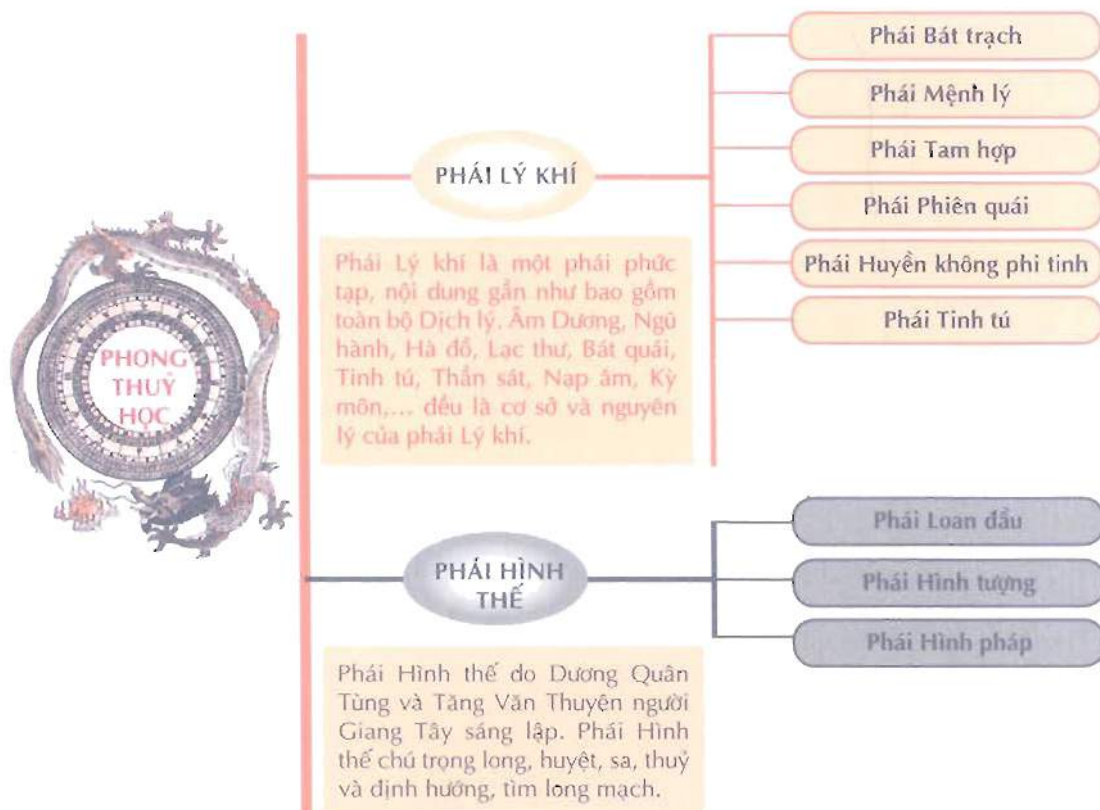


# CÁC TRƯỜNG PHÁI PHONG THỦY HỌC



## HAI TRƯỜNG PHÁI CHÍNH CỦA PHONG THỦY HỌC

Từ đời Đường - Tống, phong thủy học chia thành hai trường phái chính, đó là phái Lý khí và phái Hình thể. Phái Lý khí chú trọng lý khí, phương vị, nghĩa quái, tông miếu, phạm vi hoạt động chủ yếu ở Phúc Kiến. Phái Hình thể chú trọng hình thể, hình pháp và loan thể, phạm vi hoạt động chủ yếu ở Giang Tây.



PHÁI LÝ KHÍ VÀ PHÁI HÌNH THỂ

## BẢNG SO SÁNH PHÁI LÝ KHÍ VÀ PHÁI HÌNH THỂ

Phái	Người sáng lập	Cơ sở lý luận	Phạm vi hoạt động
Phái Lý khí	Vương Cấp, Trần Đoàn	Lý khí, phương vị, quái nghĩa	Phúc Kiến
Phái Hình thể	Dương Quân Tùng, Tăng Văn Thuyên	Hình thể, hình pháp, loan thể	Giang Tây



## KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ PHÁI LÝ KHÍ

*Phái Lý khí chủ yếu dựa vào lý thuyết Âm Dương Ngũ hành, Hà đồ, Lạc thư, Bát quái, tinh tượng,... làm cơ sở luận đoán. Đây là một trường phái phong thủy vô cùng phức tạp.*

Nội dung của phái Lý khí rất linh hoạt và có khả năng ứng dụng thực tế cao, đây là trường phái chính trong phong thủy hiện đại. Những kiến thức của phái Lý khí rất quan trọng trong việc tìm hiểu về phong thủy, đây cũng là cơ sở để tìm hiểu về phong thủy hiện đại.

Nói về nguồn gốc của phái Lý khí, trước tiên hãy ngược trở lại thời Chu Công bốc Hà Lạc, sau này đến thời Xuân Thu Chiến quốc, học thuyết Âm Dương phát triển mạnh. Đến thời nhà Tấn, Quách Phác đã đưa ra nội dung của phái Lý khí: “24 sơn phân thuận nghịch, cộng lại thành 48 cực”. Trong cuốn “Thanh nang áo ngữ” của Dương Quân Tùng người thời nhà Đường, ngay từ thiên mở đầu đã viết: “Khôn Nhâm Ất Cự Môn tòng đầu xuất, Cấn Bính Tân vị vị thị Phá Quân, Tốn Thìn Hợi tận thị Vũ Khúc vị, Giáp Quý Thân Tham Lang nhất lộ hành.” Có nghĩa là: Với ba hướng Khôn Nhâm Ất thì dùng sao Cự Môn khởi đầu. Với ba hướng Cấn Bính Tân thì vị trí nào cũng dùng sao Phá Quân. Với ba hướng Tốn Thìn Hợi thì dùng sao Vũ Khúc. Với ba hướng Giáp Quý Thân thì dùng sao Tham Lang. Đây là nội dung mà Huyền không học khó làm rõ nhất trong hơn nghìn qua. Dương Quân Tùng còn để lại tác phẩm “Thiên ngọc kinh”, đây là tác phẩm quan trọng nhất của phái Lý khí. Phái Lý khí do Vương Cấp và Trần Đoàn sáng lập, phạm vi hoạt động chủ yếu ở Phúc Kiến.

Phái Lý khí coi Hà đồ là chủ thể, sau đó phối với Lạc thư; Coi Tiên thiên Bát quái là chủ thể, sau đó phối với Hậu thiên Bát quái. Coi Bát quái, 12 Địa chi, Thiên tinh và Ngũ hành là Tứ cương, chú trọng phương vị, có rất nhiều thế xấu cần kiêng kỵ, lý luận vô cùng phức tạp. Phái Lý khí chú trọng việc dùng la bàn để xác định phương hướng, sơn Dương hướng Dương, sơn Âm hướng Âm, không được nhầm lẫn, để định sinh khắc. Phái Lý khí là phái phức tạp, nội dung lý luận dường như bao gồm toàn bộ Dịch lý, Âm Dương, Ngũ hành, Hà đồ, Lạc thư, Bát quái, Tinh tú, Thần sát, Nạp âm, Kỳ môn,... đều là cơ sở và nguyên lý của phái Lý khí.

Phái Lý khí có rất nhiều môn phái, ngoài các môn phái lớn như phái Bát trạch, phái Mệnh lý, phái Tam hợp, phái Phiên quái, phái Ngũ hành, phái Huyền không phi tinh,... còn có một số môn phái nhỏ, như phái Tam nguyên, phái Cửu tinh phi phục,... cũng tự lập thành các môn phái riêng. Ba học thuyết chính của phái Lý khí là Tam nguyên, Tam hợp và Thiên tinh. Tuy có nhiều môn phái, nhưng cơ sở lý luận chủ yếu vẫn là ba học thuyết này.

Phái Huyền không phi tinh là môn phái quan trọng trong phái Lý khí, phân thời không thành Tam nguyên cửu vận, dựa vào Cửu cung trong Lạc thư để sắp xếp Cửu tinh, kết hợp Dương trạch với Nguyên vận, tọa hướng, cửu tinh để luận bàn cát hung. Sau đó dựa vào hình thế của Dương trạch để bố cục, kết hợp với môi trường sơn thủy xung quanh để suy đoán cát hung vượng suy. Phái Huyền không phi tinh tương đối thịnh hành vào thời Càn Long, Gia Khánh.



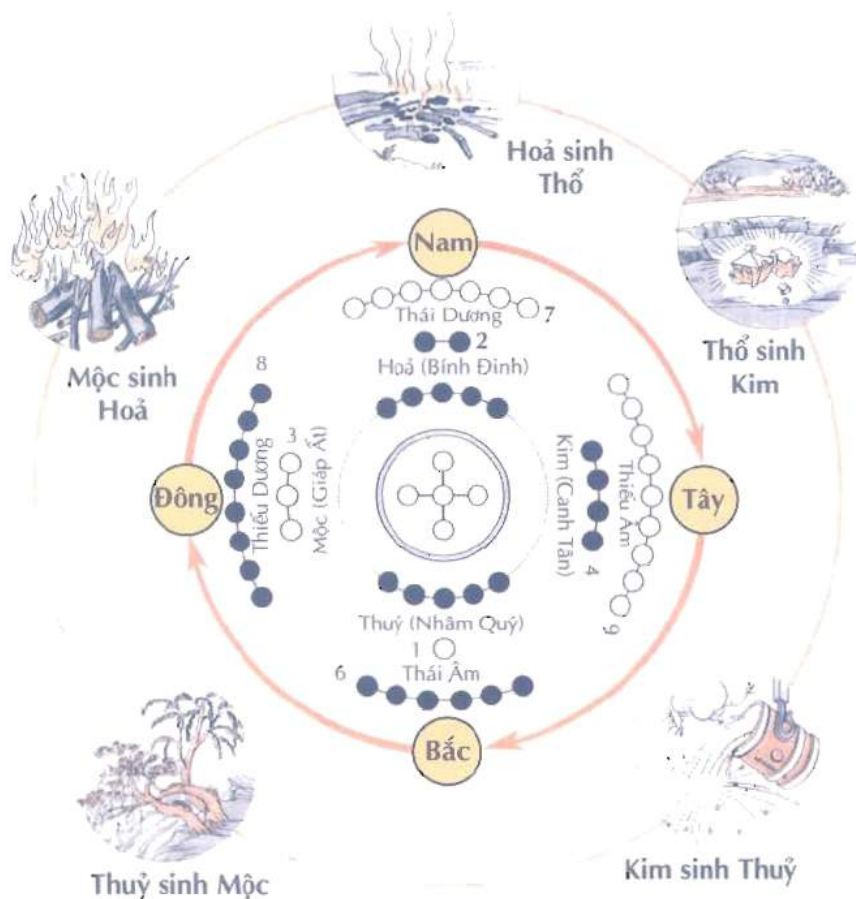


# CƠ SỞ CỦA PHÁI LÝ KHÍ



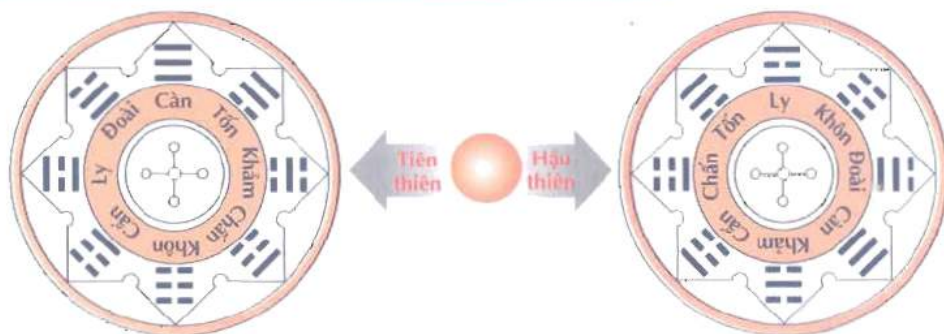
Phái Lý khí coi Hà đồ là chủ thể, sau đó phối với Lạc thư (Hà đồ là thể, Lạc thư là dụng); Coi Tiên thiên Bát quái là chủ thể, sau đó phối với Hậu thiên Bát quái (Tiên thiên Bát quái là thể, Hậu thiên Bát quái là dụng). Âm Dương, Ngũ hành, Hà đồ, Lạc thư, Bát quái,... đều là cơ sở của phái Lý khí.

## NGŨ HÀNH TƯƠNG KHẮC VÀ HÀ ĐỒ



KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ PHÁI LÝ KHÍ

## TIÊN THIÊN BÁT QUÁI VÀ HẬU THIÊN BÁT QUÁI



## KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ PHÁI HÌNH THỂ

*Phái Hình thể căn cứ vào long, huyết, sa, thủy để luận đoán trạng thái cát hung của hình thể địa lý, chú trọng việc xác định phương hướng. Phái Hình thể có rất ít điều kiêng kỵ, nội dung lại dễ hiểu, vì vậy được lưu truyền tương đối rộng rãi.*

Phái Hình thể do Dương Quân Tùng và Tăng Văn Truyền, người Giang Tây sáng lập. Phái Hình thể chú trọng long, huyết, sa, thủy và định hướng, tìm long mạch, hình tượng hoá đặc trưng của địa hình, địa thế, dựa vào hình thể tự nhiên mà đặt tên. Ứng dụng thực tiễn của phái Hình thể rất phong phú, điều kiêng kỵ rất ít, nội dung lại dễ hiểu, vì vậy được lưu truyền rộng rãi.

Lý luận của phái Hình thể chủ yếu liên quan đến môi trường tự nhiên như đất đai, mạch núi, hướng chảy, hình dáng và số lượng dòng chảy. Sau thời nhà Đường, phái Hình thể chủ yếu phát triển mạnh ở Giang Tây. Phái Hình thể chú trọng việc lựa chọn hình thể núi sông và môi trường tự nhiên bên ngoài nhà ở, phương pháp chủ yếu là “phép xem núi nếm nước” và “phép sơn hoàn thủy bao”. Lý luận là “Âm Dương giao hoà”, “núi non bao bọc, gần nguồn nước ắt sẽ có khí”, “tìm long, điểm huyết, xem sa, chọn hướng”. Hình chính là hình dáng của núi nơi kết huyết. Hình là yếu tố chính để tạo thế và tụ khí, Sinh khí dựa vào thế mà vận hành, dựa vào hình mà dừng, hình là sự tổng kết về thế. Thế là chỉ hình dáng mấp mô nối tiếp từ điểm khởi nguồn của long mạch tới long huyết. So với hình thì hình gần thế xa, hình nhỏ thế to, cho nên muốn bàn về hình thì trước tiên phải quan sát thế.

Trong phong thủy học, dù là phái Hình thể hay phái Lý khí cũng đều tuân theo nguyên tắc chung, đó là: Thiên Địa Nhân hợp nhất, Âm Dương cân bằng và Ngũ hành tương sinh tương khắc. Lý luận của phái Hình thể và phái Lý khí cũng có liên quan đến nhau. Người học phong thủy cần phải tinh thông cả hai phái, tức là phải tinh thông phái Lý khí, đồng thời cũng phải tiếp thu những tinh hoa của phái Hình thể.

Thời Minh Thanh, nhìn chung phái Hình thể lưu hành rộng rãi hơn phái Lý khí. Vì lý luận và hoạt động thực tiễn mà phái Hình thể chủ trương có cảm nhận về hình dạng trực quan và chức năng vật chất nhất định, và dễ được mọi người tiếp nhận hơn. Phái Hình thể lại tiếp tục phân chia, chủ yếu chia thành ba môn phái là phái Loan đầu, phái Hình tượng và phái Hình pháp. Trong đó phái Hình pháp chú trọng việc quan sát hình thể sơn thủy quanh công trình. Vì phái này chủ yếu hoạt động ở Giang Tây nên còn có tên gọi khác là phái Giang Tây.





# CƠ SỞ CỦA PHÁI HÌNH THỂ



Phái Hình thể chú trọng long, huyết, sa, thủy và định hướng, tìm long mạch, hình tượng hoá đặc trưng của địa hình, địa thế, dựa vào hình dáng tự nhiên của sự vật để đặt tên.

## SƠ ĐỒ PHONG THỦY CỦA THẬP TAM LĂNG

**Long mạch** Rặng núi uốn lượn như hình con rồng.

**Huyết** Nơi kết huyết ở khu vực long mạch đến.



**Sa** Chính là những ngọn núi xung quanh huyết.

**Thủy** Dòng nước chảy lượn quanh long huyết.

## SƠ ĐỒ "LONG, SA, SƠN, THỦY"



KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ PHÁI HÌNH THỂ

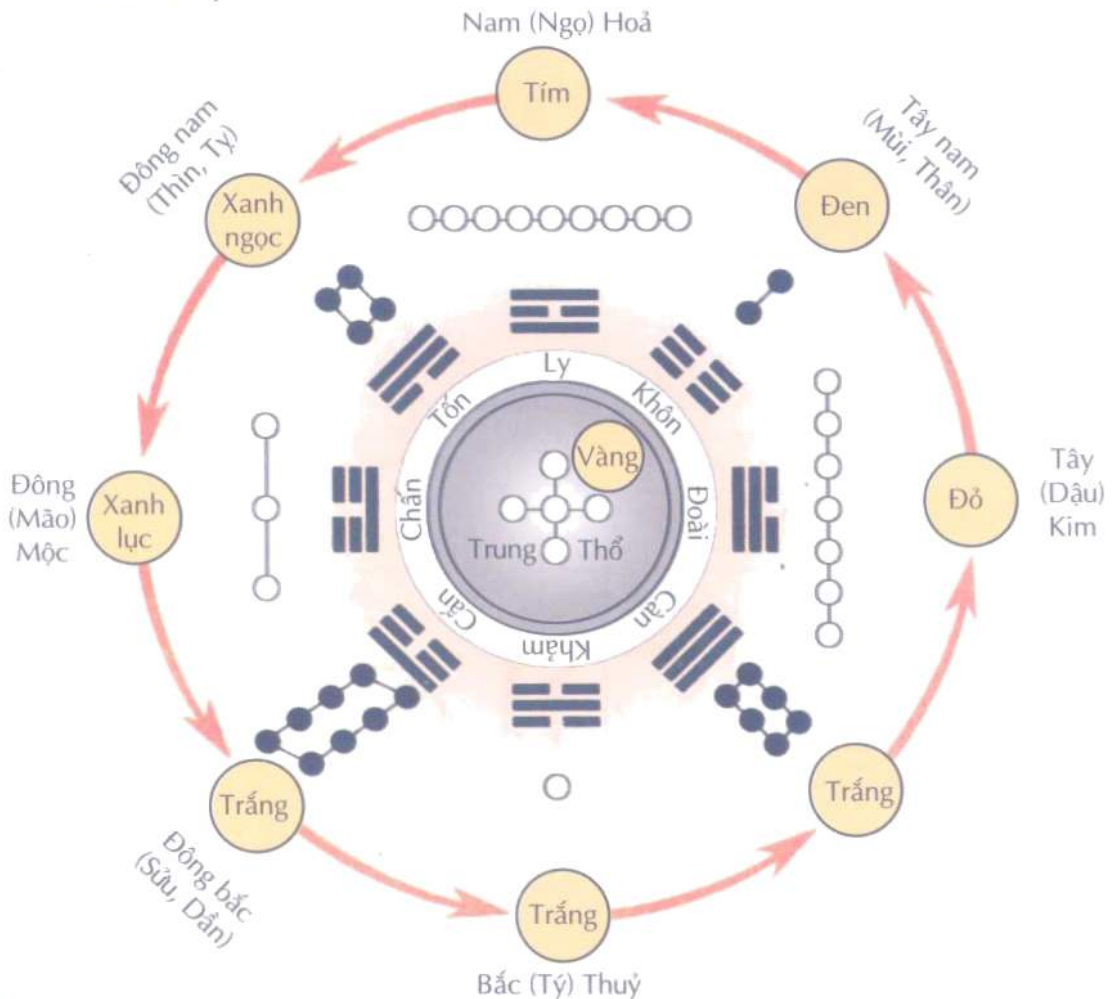


## Chương 2

### NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT TRƯỚC KHI ĐỌC “HOÀNG ĐẾ TRẠCH KINH”

## Kiến thức nhập môn phong thủy

Kiến thức về phong thủy vô cùng phong phú và phức tạp, nếu không hiểu được những kiến thức cơ bản thì không thể nắm bắt được ý nghĩa và những tinh hoa của phong thủy Dương trạch. Vì vậy, muốn học phong thủy thì trước tiên phải nắm bắt được những kiến thức cơ bản này.



Mục lục tranh minh họa



Hà đồ và Lạc thư..... 47

Âm Dương thần bí..... 50

Tính chất và quan hệ sinh khắc của Ngũ hành..... 52

Quẻ và hào..... 54

Bát quái và Hậu thiên Bát quái..... 56

Mười Thiên can..... 58

Mười hai Địa chi..... 60

Lịch sử phát triển của la bàn..... 63

Phương pháp sử dụng la bàn..... 67

Sơ đồ hai mươi tư sơn hướng..... 70

Các bảng tra Tam nguyên Cửu vận thường dùng..... 72

Lập phi tinh bàn..... 75

Sự cát hung của Cửu tinh..... 78

Cửu tinh và bệnh tật, tai hoạ..... 80

Cửu tinh Bát quái và sức khoẻ con người..... 82

Hai mươi tư Thiên tinh..... 84

Sơ đồ Bát trạch..... 87

Sơ đồ Đông tứ Tây tứ Bát trạch..... 90

Sự xuất hiện của thuật Trấn trạch..... 93

Linh vật và bùa trấn trạch..... 95

Thần linh hộ trạch..... 97

Giải trừ tai ách cho gia trạch..... 99

## NGUỒN GỐC CỦA THUẬT ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH

*Hà đồ, Lạc thư là cội nguồn của văn hoá Trung Hoa, của Bát quái Kinh Dịch và thuật Âm Dương Ngũ hành. Tương truyền vào thời thượng cổ, trên sông Hoàng Hà từng xuất hiện con long mã, trên lưng có đồ (những đốm xoáy), vua Phục Hy nhìn thấy vậy liền căn cứ vào đó để sáng tạo ra Tiên thiên Bát quái. Về sau, khi vua Đại Vũ trị thủy trên sông Lạc thì gặp rùa thần nổi lên, trên lưng rùa có rất nhiều hoa văn, vua Đại Vũ đã nhìn vào đó và phân tích thành Hà đồ, sau này mọi người coi “Hà xuất đồ” và “Lạc xuất thư” là biểu tượng của thời thái bình thịnh trị.*

Hình vẽ Hà đồ, Lạc thư xuất hiện sớm nhất trong “Chu Dịch bản nghĩa” của bậc thầy lý học đời Tống là Chu Hy. Trong thời cổ đại, “Hà xuất đồ” và “Lạc xuất thư” được coi là biểu tượng cát tường, giống như khi kỳ lân, phượng, ... xuất hiện được coi là điềm báo may mắn. Thực ra, Hà đồ và Lạc thư lần lượt là bản đồ thiên văn và địa lý thời cổ đại của Trung Quốc, là nguồn gốc của thuyết Âm Dương Ngũ hành, được vận dụng rộng rãi trong phong thủy và các bộ môn khoa học kỹ thuật khác trong thời cổ đại của Trung Quốc, vì vậy nó có giá trị lịch sử rất cao. Cho đến nay, thế giới thần bí về Hà đồ và Lạc thư vẫn chưa được vén mở hoàn toàn, vẫn đang chờ những chuyên gia học giả có kiến thức uyên thâm khảo chứng.

**Hà đồ**

Hà đồ dùng những chấm đen trắng để biểu thị thuyết Âm Dương, Ngũ hành, Tứ tượng, đồ hình có hình vuông, phương vị là trên nam dưới bắc, trái đông phải tây. Phía bắc có một chấm trắng ở trong và 6 chấm đen ở ngoài, tượng trưng cho chòm sao Huyền vũ, Ngũ hành thuộc Thủy. Phía đông có 3 chấm trắng ở trong, 8 chấm đen ở ngoài, tượng trưng cho chòm sao Thanh long, Ngũ hành thuộc Mộc. Phía Nam có 2 chấm đen ở trong, 7 chấm trắng ở ngoài, tượng trưng cho chòm sao Chu tước, Ngũ hành thuộc Hỏa. Phía tây có 4 chấm đen ở trong, 9 chấm trắng ở ngoài, tượng trưng cho chòm sao Bạch hổ, Ngũ hành thuộc Kim. Ở giữa có 5 chấm trắng ở trong và 10 chấm đen ở ngoài, ngũ hành thuộc Thổ.

Trong Hà đồ, Thổ là trung, là Âm, Tứ tượng ở ngoài là Dương. Mộc Hỏa tương sinh là Dương, Kim Thủy tương sinh là Âm. Trong Ngũ hành, các nhân tố đều có sự giao hoà Âm Dương, biểu thị Âm Dương có chung một nguồn gốc. Thổ ở giữa là tĩnh, Tứ tượng ở ngoài là động, biểu thị nguyên lý động tĩnh về Âm Dương, vì vậy nói Hà đồ là sự thể hiện Âm Dương giao hoà.

**Lạc thư**

Dem tám số ở bốn hướng của Hà đồ xoay chuyển và sắp xếp thành tám hướng, mỗi hướng một số nạp mười hai khí tượng Địa chi, sẽ trở thành Lạc thư. Nhưng lại thay đổi vị trí số 2, 7 của Hỏa và số 4, 9 của Kim, thành “Đới cửu lý nhất, tả tam hữu thất, nhị tứ vi kiên, lục bát vi túc, ngũ tại kỳ trung”. Có nghĩa là: trên đội 9, dưới đạp 1; Bên trái 3, bên phải 7; Hai vai là 2 và 4; Hai chân là 6 và 8; Còn 5 ở chính giữa. Tổng các hàng ngang, dọc và chéo của 9 con số đều bằng 15, đó chính là ý nghĩa sâu xa của thuyết Ngũ hành.



Lục thư Cửu tinh còn gọi là Tử bạch Cửu tinh, số của Cửu tinh vận hành ngược: Cửu Tử, Bát Bạch, Thất Xích, Lục Bạch, Ngũ Hoàng, Tứ Lục, Tam Bích, Nhị Hắc, Nhất Bạch. Mỗi một sao vận hành cho đến nay có liên quan mật thiết đến sự cát hung, vì vậy mọi người thường dựa vào Tử bạch Cửu tinh để chọn ngày lành. Trong Lục thư Cửu cung, số 5 ở giữa, thể hiện thuyết Âm Dương Bát quái được vận dụng cho vạn vật và con người.

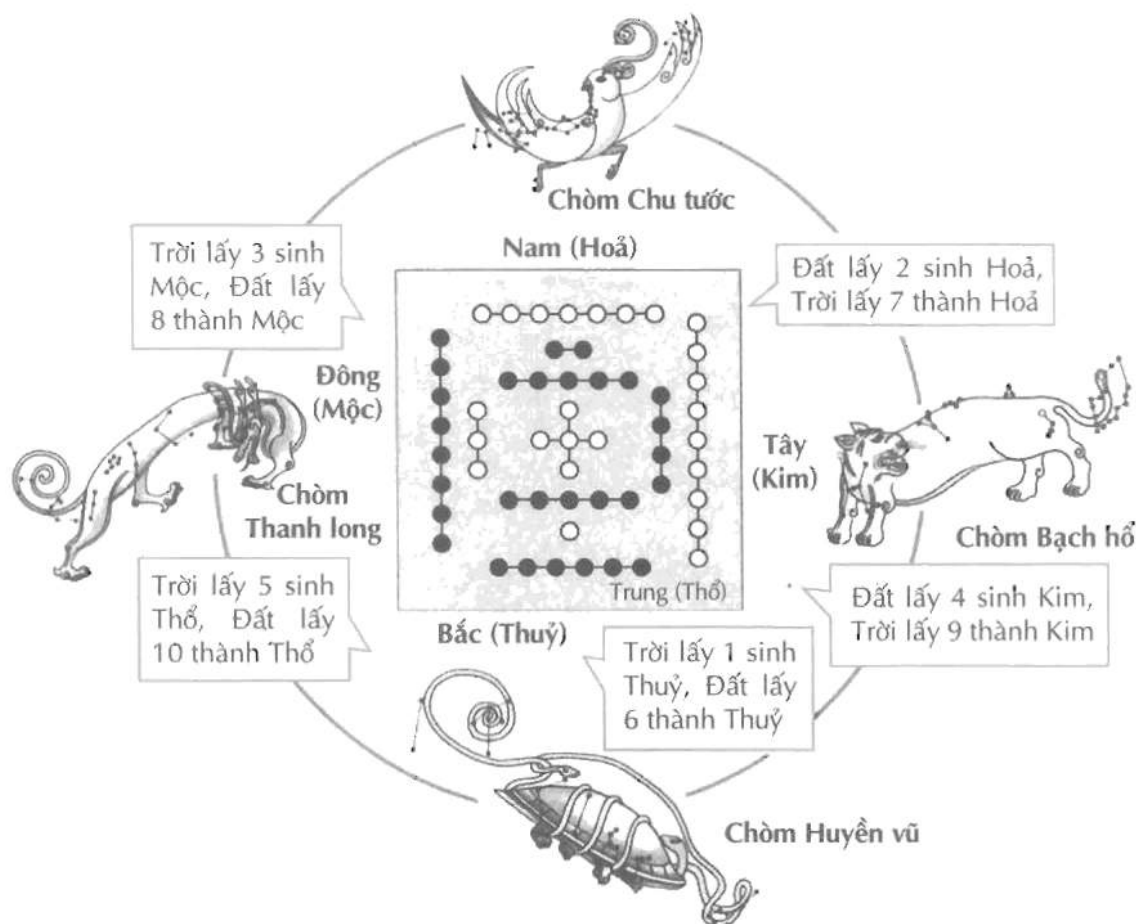


## HÀ ĐỒ VÀ LỤC THƯ



### HÀ ĐỒ

Trong Hà đồ, Thổ ở giữa, là Âm, Tứ tượng ở ngoài, là Dương. Thổ ở giữa là tĩnh, Tứ tượng ở ngoài là động. Nếu biến hình vuông của Hà đồ thành hình tròn thì Mộc Hoả là Dương, Kim Thuỷ là Âm, vì vậy Hà đồ là sự thể hiện của thuyết Âm Dương. Trong Tứ tượng, mỗi tượng thống lĩnh bảy ngôi sao, tổng cộng là 28 ngôi (nhị thập bát tú). Theo phương vị chính vị tọa bắc hướng nam của người xưa, lần lượt là: trước Chu tước, sau Huyền vũ, trái Thanh long, phải Bạch hổ, đó là nguồn gốc của tượng hình phong thủy.

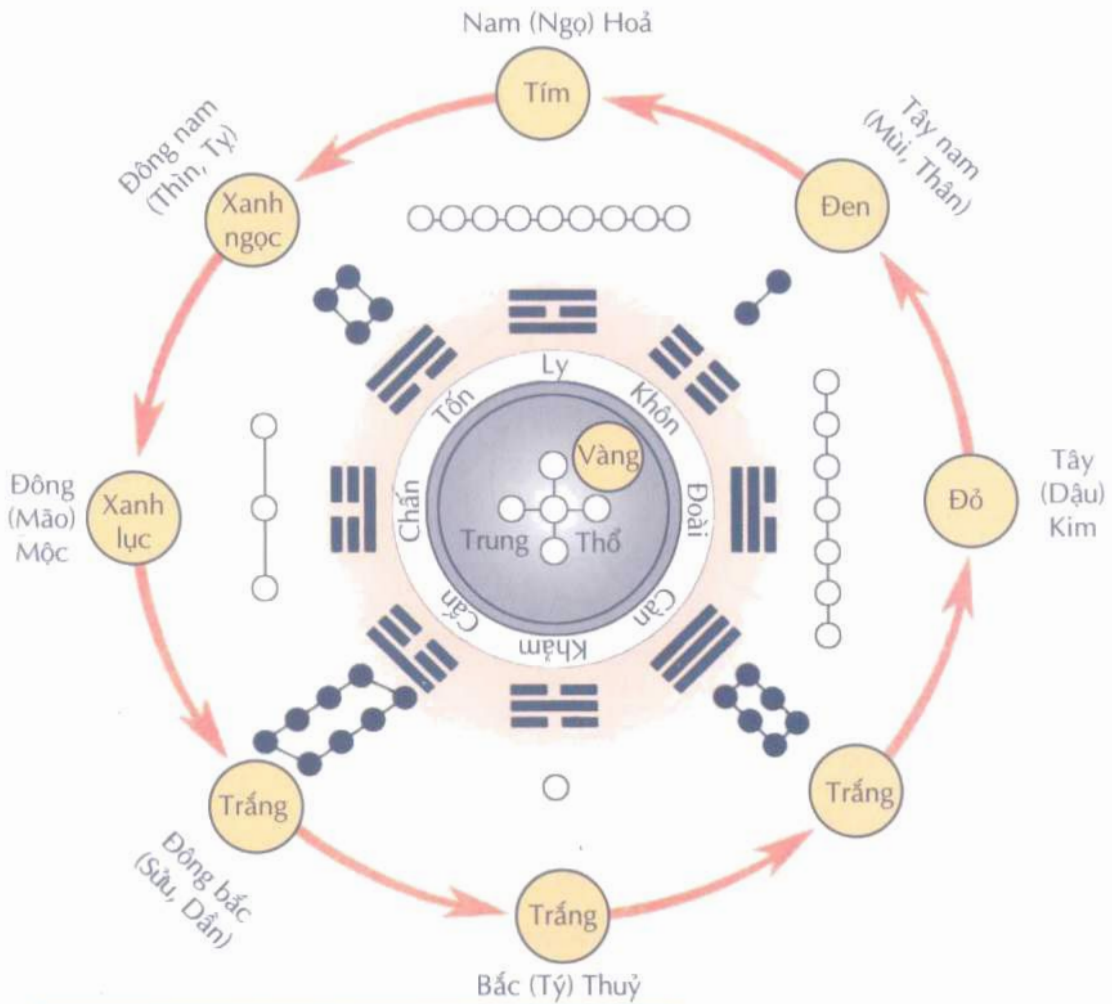


NGUỒN  
GỐC  
CỦA  
THUẬT  
ÂM  
DƯƠNG  
NGŨ  
HÀNH

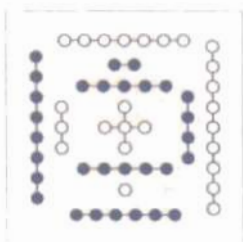


## HÀ ĐỒ

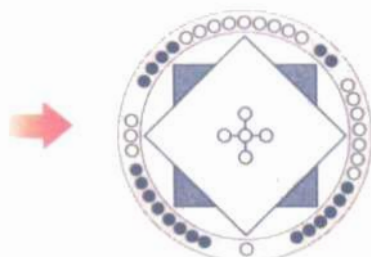
Lạc thư Cửu tinh còn gọi là Tử bạch Cửu tinh, các con số trong Cửu tinh vận hành ngược: Cửu Tử, Bát Bạch, Thất Xích, Lục Bạch, Ngũ Hoàng, Tứ Lục, Tam Bích,, Nhị Hắc, Nhất Bạch. Mỗi một sao vận hành liên tục, Cửu tinh sử dụng Bát quái, số vận 15, chu chuyển khắp tám hướng là 120, cộng ba vòng lại mới được 360 ngày. Tổng số Âm Dương của Lạc thư là 45, tổng của 8 hướng cũng là 360 ngày.



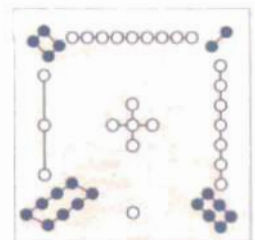
## SỰ CHUYỂN HOÁ GIỮA HÀ ĐỒ VÀ LẠC THƯ



Hà đồ



Xoay chuyển 8 con số ở bốn hướng của Hà đồ, thay đổi vị trí số 2, 7 và 4, 9.



Lạc thư

## ÂM DƯƠNG ĐỐI LẬP, TƯƠNG TÁC, TIÊU TRƯỞNG VÀ CHUYỂN HOÁ LẦN NHAU

*Khái niệm Âm Dương ban đầu rất đơn giản, chỉ nói về hướng của ánh sáng mặt trời. Tuy nhiên, cùng với việc mở rộng khả năng quan sát giới tự nhiên của người xưa, khái niệm Âm Dương dần dần được mở rộng để chỉ sự nóng lạnh của thời tiết, vị trí trên dưới trong ngoài trong phương vị, trạng thái động tĩnh của vận động.*

### Học thuyết Âm Dương

Trải qua quá trình quan sát lâu dài về các hiện tượng tự nhiên, người xưa nhận thức rằng tất cả mọi sự vật trong vũ trụ đều tồn tại hai mặt thống nhất và đối lập, vì vậy khái quát bằng hai từ “Âm Dương”. Ngay trong văn tự Giáp cốt thời nhà Ân - Thương đã xuất hiện những chữ liên quan đến học thuyết Âm Dương, như “hối nguyệt” (晦月), “dương nhật” (阳日),... cũng là những ghi chép chân thực về việc quan sát các hiện tượng tự nhiên của người xưa. Âm Dương ban đầu chỉ biểu thị hướng của ánh sáng mặt trời, tức phương đón nắng là Dương và phương sắp bóng là Âm, sau này có nghĩa bóng chỉ thời tiết, phương vị và trạng thái của vật thể,... Như: trời là Dương, đất là Âm; Mặt trời là Dương, mặt trăng là Âm; Ngày là Dương, đêm là Âm; Hoả là Dương, Thuỷ là Âm. Tất cả những thứ ở trạng thái hoạt động, vô hình, hướng ngoại, hướng lên, ấm áp, sáng sủa và phát triển đều thuộc Dương. Ngược lại, tất cả những thứ ở trạng thái tĩnh, hữu hình, hướng nội, hướng xuống, lạnh lẽo, tối tăm và suy thoái đều thuộc Âm.

Học thuyết Âm Dương manh nha từ cuối thời Tây Chu, đến thời Xuân Thu Chiến Quốc thì phát triển mạnh mẽ, mọi người đã dần nhận thức rằng bên trong bất kỳ một sự vật hay hiện tượng nào trên thế gian cũng đều tồn tại hai thế lực Âm và Dương, chúng không ngừng thay đổi, phát triển, tác động và chế ước lẫn nhau. Hiện tượng mặt trời mọc và lặn, trăng tròn trăng khuyết diễn ra theo chu kỳ chính là kết quả của quá trình Âm Dương tương tác lẫn nhau, đó cũng là quy luật chung về sự phát triển của vạn vật trong vũ trụ.

### Nội dung cơ bản của học thuyết Âm Dương

Nội dung cơ bản của học thuyết Âm Dương bao gồm bốn phương diện, đó là Âm Dương đối lập, tương tác, tiêu trừ và chuyển hoá cho nhau.

Âm Dương đối lập chỉ mọi sự vật hoặc hiện tượng trên thế gian cũng đều tồn tại hai mặt đối lập, như trên và dưới. Âm Dương tuy đối lập nhưng vẫn tồn tại cùng nhau và dựa vào nhau, Âm không thể thiếu Dương và Dương cũng không thể thiếu Âm. Như trên là Dương, dưới là Âm, không có chuyện có trên mà không có dưới. Vì vậy có thể nói, Dương phụ thuộc vào Âm, Âm phụ thuộc vào Dương, mỗi yếu tố đều coi sự tồn tại của yếu tố kia là điều kiện tồn tại của mình. Đó chính là Âm Dương đắp đổi cho nhau. Sự đối lập, chế ước và đắp đổi giữa Âm và Dương không phải là bất biến, mà luôn ở trong một quá trình tiêu trừ biến hoá, trong quá trình tiêu trừ này, Âm Dương sẽ được cân bằng ở trạng thái động.

ÂM  
DƯƠNG  
ĐỐI LẬP,  
TƯƠNG  
TÁC, TIÊU  
TRỪ  
VÀ  
CHUYỂN  
HOÁ LẦN  
NHAU





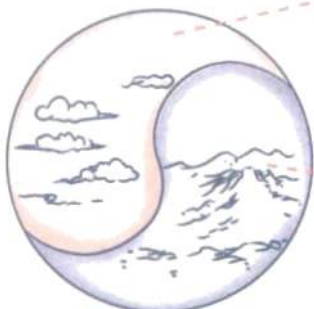
# ÂM DƯƠNG THẦN BÍ



## THUỘC TÍNH ÂM DƯƠNG

Sự chuyển hoá Âm Dương: Trong những điều kiện nhất định, Âm và Dương có thể chuyển hoá lẫn nhau, tức Âm có thể chuyển hoá thành Dương, ngược lại, Dương cũng có thể chuyển hoá thành Âm.

Bầu trời quang đãng, bên trên, là Dương



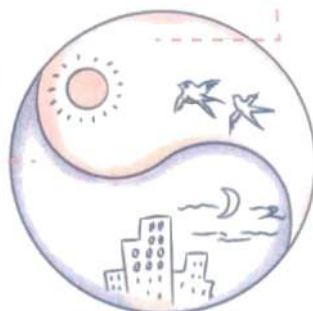
Mặt đất âm u, bên dưới, là Âm

Nóng nực, ấm áp là Dương

Ban ngày sáng sủa, là Dương

2 Xét về trời đất

Ban đêm tối tăm, là Âm



1 Xét về thời tiết

Lạnh lẽo, mát mẻ là Âm

3 Xét về thời gian

Bên trong không thấy ánh sáng, là Âm

Bên ngoài dễ được chiếu ánh sáng, là Dương



6 Xét về không gian

Chức năng vô hình mà thể hiện ra ngoài, là Dương

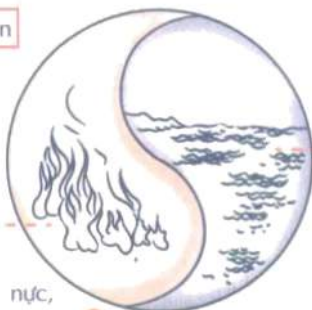
Vật chất hữu hình mà giữ ở bên trong, là Âm

Thủy lạnh lẽo, ẩm ướt, là Âm

5 Xét về chức năng và vật chất

Hoả nóng nực, bốc lên, là Dương

4 Xét về Thủy Hoả



## BẢNG PHÂN LOẠI THUỘC TÍNH ÂM DƯƠNG

Dương	Vận động	Hương ngoại	Đi lên	Nóng nực	Sáng sủa	Vô hình	Chức năng	Hưng phấn	Thúc đẩy	Ấm áp
Âm	Tĩnh tại	Hương nội	Hạ xuống	Lạnh lẽo	Tối tăm	Hữu hình	Vật chất	Úc chế	Ngưng tụ	Ấm ướt



## QUAN ĐIỂM VỀ VẬT CHẤT CỦA TRUNG QUỐC CỔ ĐẠI

*Ngũ hành tức chỉ vật chất phổ biến trong tự nhiên là Kim (kim loại), Mộc (cây cối), Thủy (nước và chất lỏng nói chung), Hoả (lửa), Thổ (đất đai) và quy luật vận động của chúng. “Ngũ” trong Ngũ hành chỉ vật chất hoặc nguyên tố cơ bản cấu thành thế giới là Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ. “Hành” chỉ quy luật vận động, thay đổi của vật chất này và mối liên hệ giữa chúng.*

### Sự hình thành khái niệm Ngũ hành

Khái niệm Ngũ hành xuất hiện đầu tiên trong “Thượng thư - Hồng phạm”: “Ngũ hành, nhất viết Thủy, nhị viết Hoả, tam viết Mộc, tứ viết Kim, ngũ viết Thổ”. Có nghĩa là: Ngũ hành, thứ nhất gọi là Thủy, thứ hai gọi là Hoả, thứ ba gọi là Mộc, thứ tư gọi là Kim, thứ gọi là Thổ. “Hồng phạm” coi các sự vật trong vũ trụ đều thuộc Ngũ hành, đồng thời còn khái quát về tính chất của Ngũ hành: “Thủy viết nhuận hạ”, tức là Thủy có đặc tính ẩm ướt, hướng xuống; “Hoả viết viêm thượng”, tức là Hoả có đặc tính toả nhiệt, hướng lên; “Mộc viết khúc trực”, tức là Mộc có đặc tính sinh trưởng, phát triển; “Kim viết tông cách”, tức là Mộc có đặc tính lạnh lẽo, biến đổi; “Thổ viết giá sắc”, tức là Thổ có đặc tính sinh trưởng, phát triển.

Học thuyết Ngũ hành quy nạp thế giới khách quan là do năm nguyên tố cơ bản nhất cấu thành, là Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ. Sự phát triển và thay đổi của các sự vật và hiện tượng trong giới tự nhiên đều là kết quả của quá trình vận động không ngừng và tác động tương hỗ của năm nguyên tố này. Sự tác động tương hỗ, đối lập, phụ thuộc và chuyển hoá giữa Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ là quy luật và nguyên nhân “sinh diệt” của vạn vật trong vũ trụ. Quan niệm này đơn giản nhưng lại thuộc chủ nghĩa duy vật, rất giống với quy luật trong “bảng chu kỳ nguyên tố” và quy luật “bảo toàn vật chất” của khoa học hiện đại.

### Ngũ hành tương sinh

Kim sinh Thủy: Kim khí ẩm áp trơn nhuận, luyện Kim có thể biến thành Thủy, vì vậy Kim sinh Thủy.

Thủy sinh Mộc: Thủy có tính chất ẩm ướt, thúc đẩy sự sinh trưởng của Mộc, vì vậy Thủy sinh Mộc.

Mộc sinh Hoả: Mộc có Hoả ẩn bên trong, Mộc cọ xát có thể sinh Hoả, vì vậy Mộc sinh Hoả.

Hoả sinh Thổ: Hoả có thể đốt cháy cây cối, sau khi cháy cây cối biến thành tro bụi, vì vậy Hoả sinh Thổ.

Thổ sinh Kim: Kim ẩn trong Thổ, Thổ tích tụ thành núi, trong núi có đá, trong đá có Kim, vì vậy Thổ sinh Kim.

### Ngũ hành tương khắc

Kim khắc Mộc: Dao làm bằng kim loại có thể dùng để chặt cây cối, vì vậy Kim khắc Mộc.

Mộc khắc Thổ: Rễ cây ăn sâu trong lòng đất, có thể làm đất bị xốp rỗng, vì vậy Mộc khắc Thổ.

Thổ khắc Thủy: Thủy nhiều có thể dùng Thổ để ngăn chặn, vì vậy Thổ khắc Thủy.



Thủy khắc Hoả: Thủy có thể dập tắt Hoả, vì vậy Thủy khắc Hoả.  
 Hoả khắc Kim: Hoả có thể nung chảy kim loại, vì vậy Hoả khắc Kim.  
 Sự tương sinh tương khắc của thuyết Ngũ hành cũng như thuyết Âm Dương là hai mặt không thể tách rời của sự vật, luôn nương tựa vào nhau và chuyển hoá lẫn nhau.



## TÍNH CHẤT VÀ QUAN HỆ SINH KHẮC CỦA NGŨ HÀNH



### TÍNH CHẤT CỦA NGŨ HÀNH

Ngũ hành chỉ năm vật chất là Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ. Người xưa cho rằng, vũ trụ là do năm vật chất cơ bản này tạo thành. Sự phát triển, thay đổi của các sự vật và hiện tượng trong vũ trụ đều là kết quả của sự vận động không ngừng và tác động tương hỗ của vật chất có thuộc tính khác nhau này.



**Kim** Có tính chất thay đổi, thu lại.



**Mộc** Có tính chất sinh trưởng, phát triển.



**Thủy** Có tính chất ẩm ướt, hướng xuống.



**Hoả** Có tính chất tỏa nhiệt, hướng lên.



**Thổ** Có tính chất sinh sôi, phát triển.

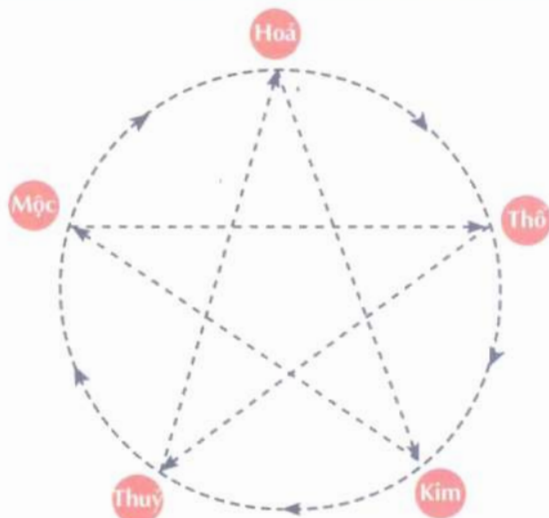
### QUY LUẬT TƯƠNG SINH VÀ TƯƠNG KHẮC CỦA NGŨ HÀNH

#### Ngũ hành tương sinh

Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hoả, Hoả sinh Thổ, Thổ sinh Kim.

#### Ngũ hành tương khắc

Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hoả, Hoả khắc Kim.



## TÁM NGUYÊN TỐ CẤU THÀNH VẠN VẬT TRONG VŨ TRỤ

*Bát quái còn gọi là Kinh quái, biểu thị tám hiện tượng trong vũ trụ, đồng thời cũng biểu thị tám nguyên tố cấu thành nên vạn vật trong vũ trụ.*

### Quẻ là nguồn gốc của vạn vật

Quẻ (hay quái) là những hiện tượng diễn ra ngay trước mắt chúng ta, vì vậy có tên là “quái”, tức chỉ những vật được treo lên để mọi người nhìn. Dùng ký hiệu để biểu thị vạn vật, vì vậy nói “quái” là thể, là nguồn gốc của vạn vật.

Từ “quái” (卦 quẻ) vốn có 8 nét, biểu thị tám sự thay đổi của quẻ, nó được suy diễn từ Tiên thiên Bát quái, do hào Âm và hào Dương chồng lên nhau theo những quy luật nhất định tạo thành, để phản ánh về những quy luật biến đổi trong giới tự nhiên và trong xã hội loài người. Quẻ cũng là những ký hiệu được tổ thành nhằm mục đích bói toán trong “Kinh Dịch”, đó chính là đơn vị cấu thành cơ bản của “Kinh Dịch”.

### Hào tượng trưng cho sự thay đổi của Dịch

“Hào” có thể hiểu là “giao”, thể hiện sự biến hoá giao hoà của Dịch. Vì vạn vật trong vũ trụ không ngừng giao lưu và thay đổi, cho nên mới được gọi là “hào”.

Mỗi quẻ đếm từ dưới lên gồm cả thảy sáu hào. Sáu hào lần lượt chia thành ba phần: Hào sơ và hào nhị là đất; Hào tam và hào tứ là người; Hào ngũ và hào thượng là trời. Ba bộ phận này gọi là “Tam tài”. Trời tức hai khí Âm Dương, đất chỉ cương và nhu, người chỉ nhân và nghĩa.

### Nội dung cơ bản của Bát quái

Quái chỉ các hiện tượng trong vũ trụ, là tám hiện tượng cơ bản trong vũ trụ mà mắt của chúng ta có thể nhìn thấy được, còn “vạn hữu, vạn sự, vạn vật” đều thay đổi theo tám hiện tượng này, đó chính là khởi nguồn của Bát quái. Bát quái tượng trưng cho tám hiện tượng tự nhiên là trời, đất, sấm, gió, nước, lửa, núi, đầm, lần lượt là: “Càn tượng trưng cho trời, trời luôn ở tầng cao nhất, dù có bay vào vũ trụ thì bên trên vẫn là trời, vì vậy trời luôn ở trên đầu chúng ta. Khôn tượng trưng cho đất, con người là sinh vật trên trái đất, đất luôn ở dưới chân chúng ta. Ly tượng trưng cho mặt trời, Khảm tượng trưng cho mặt trăng, mặt trăng và mặt trời luôn chuyển động không ngừng, tượng trưng cho thời gian, không gian và vũ trụ. Chấn tượng trưng cho sấm, sấm chính là sự chấn động điện năng trong vũ trụ. Tốn tượng trưng cho gió, có luồng khí tức là có gió. Cấn tượng trưng cho núi, chính là những ngọn núi cao trên mặt đất. Đoài tượng trưng cho đầm, chính là biển, sông, hồ. Trong vũ trụ, tám hiện tượng tự nhiên này luôn đối lập với nhau, từ đó sinh ra vạn vật. Vì vậy Bát quái đã thể hiện được rằng, trong vũ trụ có tám hiện tượng, đó chính là tám nguyên tố tạo nên vạn vật trong trời đất.



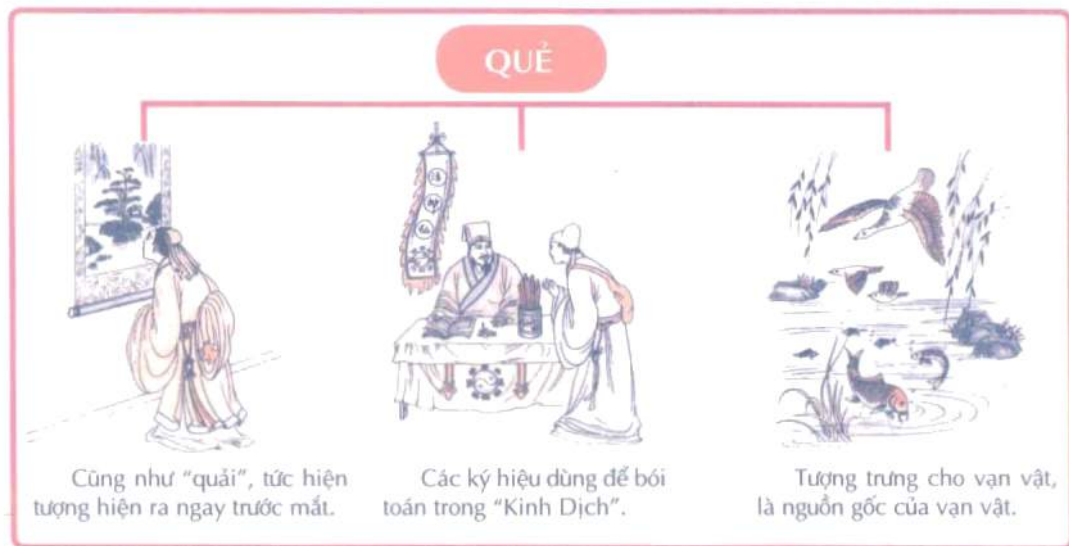


# QUẾ VÀ HÀO

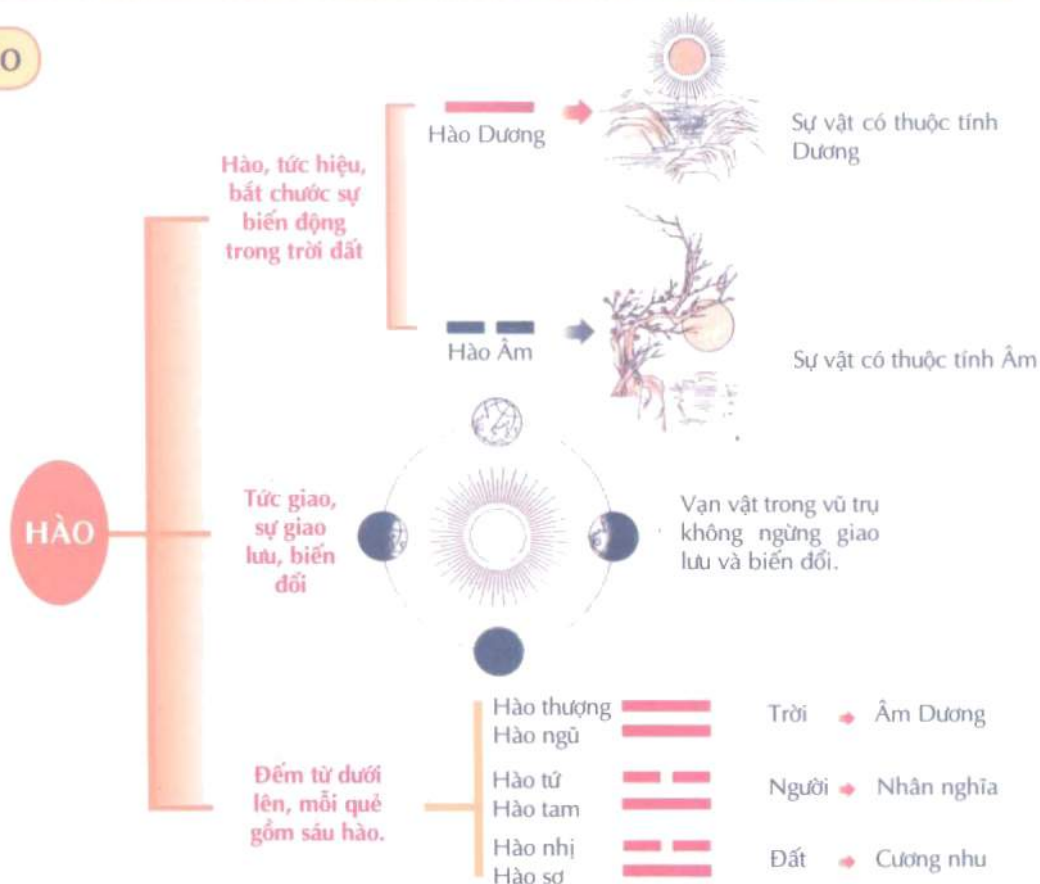


## QUẾ (QUÁI)

Quẻ trong “Kinh Dịch” chính là chỉ các hiện tượng trong vũ trụ. Quái, có nghĩa là “quải” (treo), tức các hiện tượng treo trước mắt chúng ta.



## HÀO



## Tiên thiên Bát quái là hình của vạn vật

Tiên thiên Bát quái do Phục Hy sáng tạo ra, về bản chất nó thể hiện sự thống nhất và đối lập tồn tại phổ biến trong thế giới vĩ mô và quy luật khách quan Âm Dương tiêu trưởng, nội dung mà nó phản ánh chính là hình của vạn vật trong thời kỳ đầu hình thành vũ trụ. Tiên thiên tức là trạng thái trước khi vạn vật trong vũ trụ được hình thành, khi đã có vũ trụ vạn vật, đó chính là Hậu thiên.

Tiên thiên Bát quái là nam Càn bắc Khôn, đông Ly tây Khảm, đông bắc Chấn, tây nam Tốn, đông nam Đoài, tây bắc Cấn. Càn Khôn đối lập nhau, gọi là “thiên địa định vị” (trời đất phân rõ); Khảm Ly đối lập, gọi là “Thuỷ Hoả bất tương xạ” (nước lửa không chiếu nhau). Chấn Tốn đối lập, gọi là “lôi phong tương bạc” (sấm gió cọ xát). Cấn Đoài đối lập, gọi là “sơn trạch thông khí” (núi đầm thông khí).

Khí của Tiên thiên là khởi nguồn của vạn vật, cũng là nguồn gốc của Kham dư lý khí. Dù là Dương trạch hay Âm trạch thì về bản chất cũng đều coi Tiên thiên Bát quái là chủ thể, chỉ khác biệt ở phương thức tìm kiếm cái khí bản nguyên của trời đất mà thôi. Phương vị trong Tiên thiên Bát quái là đảo ngược so với phương vị mà chúng ta sử dụng trong bản đồ hiện nay (tức trên bắc dưới nam, trái tây phải đông), phương vị trong Tiên thiên Bát quái là trên nam dưới bắc, trái đông phải tây.

## Hậu thiên Bát quái thuận theo sự thay đổi của vạn vật trong giới tự nhiên

Hậu thiên Bát quái chính là Bát quái Văn Vương, phản ánh tình hình thực tế trong giới tự nhiên và xã hội loài người. Nếu nói “Tiên thiên Bát quái” thể hiện các hiện tượng hình thành trong vũ trụ thì “Hậu thiên Bát quái” thể hiện sự thuận ứng của con người theo sự biến đổi của vạn vật trong giới tự nhiên trong quá trình hình thành vũ trụ.

Phương vị trong Hậu thiên Bát quái khác với phương vị trong Tiên thiên Bát quái, đó là: Ly nam, Khảm bắc, Chấn đông, Đoài tây, Cấn đông bắc, Khôn tây nam, Càn tây bắc, Tốn đông nam. Hậu thiên Bát quái cũng chính là quy luật sinh trưởng của vạn vật trong bốn mùa, qua “Thuyết quái truyện” có thể thấy bốn mùa gắn liền với quy luật “sinh, trưởng, thu, tàng”. Mỗi có 360 ngày, tám quẻ mỗi quẻ chiếm 45 ngày, thời điểm giao hoán của chúng chính là tiết trong Tứ chính tứ ngưng, mỗi quẻ có ba hào, ba nhân với tám sê có hai mươi tư tiết khí trong .

Chấn ở phương đông, thuộc Mộc, cây cối phát triển mạnh vào mùa xuân. Tốn là gió, ở phương nam, vạn vật bước vào thời điểm giao mùa xuân hè. Ly là lửa, ở phương nam, hoá vượng vào mùa hè, cây cối xanh tốt um tùm. Khôn là đất, hướng nam Hoả sinh Thổ, Khôn ở hướng tây nam, thời điểm cuối hè đầu thu, cây cối bắt đầu rụng lá. Đoài ở hướng tây, mùa thu, mùa thu Kim vượng. Càn cương kiện như Kim, cuối thu đầu đông là thời điểm cây cối rụng cành thay lá. Khảm là nước, Kim sinh Thuỷ, hướng bắc thuộc Thuỷ, cây cối thu mình dưỡng sức chuẩn bị sinh sôi. Cấn là ngừng, là sự chuyển giao giữa hai mùa đông xuân, vạn vật ngừng phát triển.





# BÁT QUÁI VÀ HẬU THIÊN BÁT QUÁI



## BÁT QUÁI



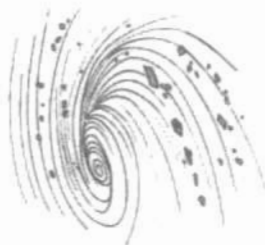
Đồi tượng trưng cho biển, ao hồ, sông suối.



Cần tượng trưng cho núi cao, đất liền.



Chấn tượng trưng cho sấm, sự rung động điện năng trong vũ trụ chính là sấm.



Tốn tượng trưng cho gió, có luồng khí là có gió.



Ly tượng trưng cho mặt trời, trong Âm ngoài Dương, ánh sáng phát tán.



Khảm tượng trưng cho mặt trăng, ngoài Dương trong Âm, là thời điểm nghỉ ngơi.

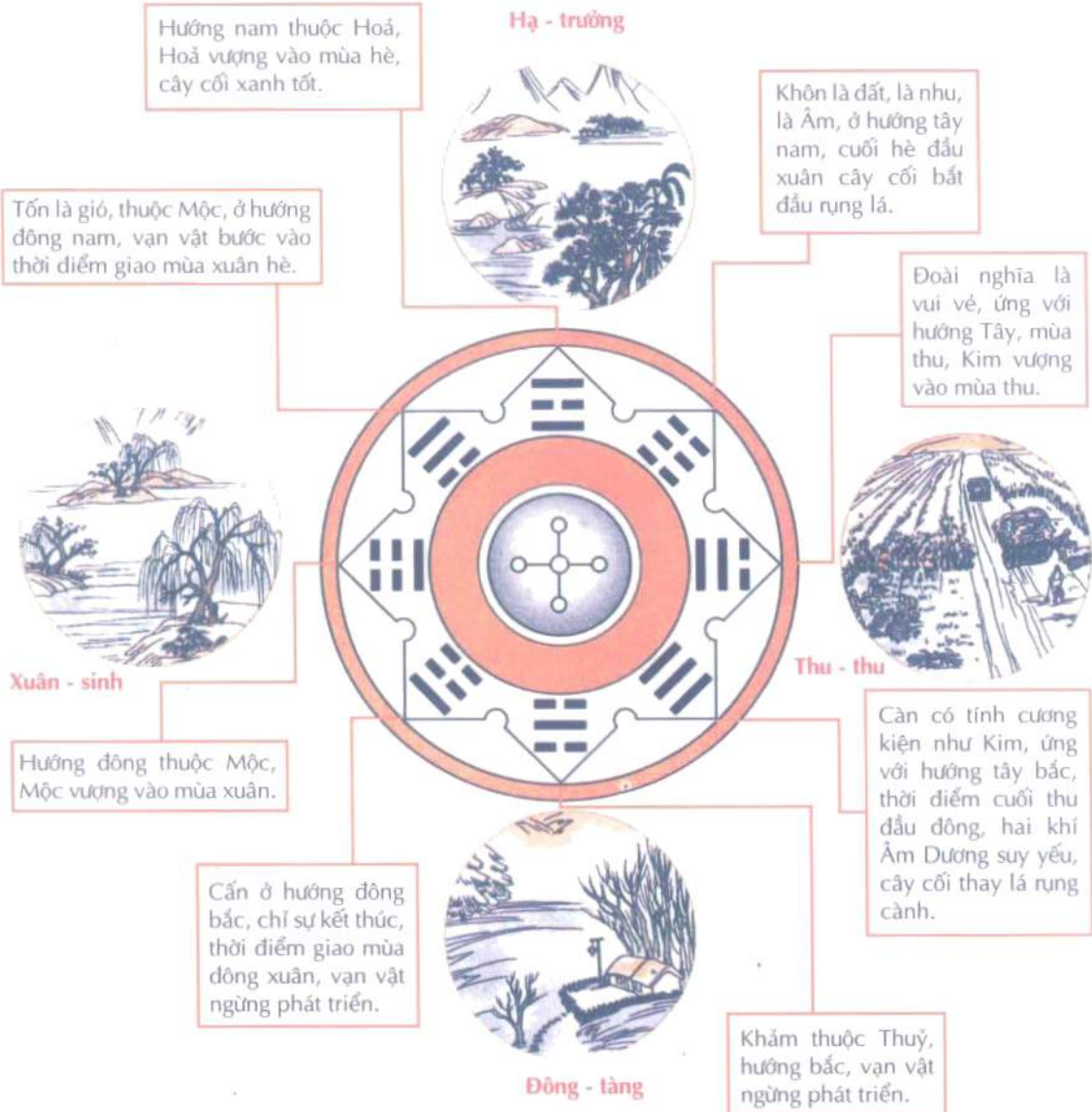


Càn tượng trưng cho trời, trời luôn ở trên cao.



Khôn tượng trưng cho đất, đất luôn ở dưới chân.

## HẬU THIÊN BÁT QUÁI



TÁM NGUYÊN TỐ CẦU THÀNH VẠN VẬT TRONG VŨ TRỤ





## MƯỜI TRẠNG THÁI VÀ TRẬT TỰ LÓGIC CỦA SỰ VẬT

*Thiên can còn gọi là Thập can, là tên gọi chung của Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.*

### Can chi

Thiên can Địa chi gọi tắt là Can chi, là một hệ thống ký hiệu để tính thời gian cổ xưa của người Trung Hoa, người xưa thường dùng nó để tính toán lịch pháp, đồng thời cũng sử dụng để nghiên cứu mối quan hệ tương hỗ giữa giới tự nhiên và xã hội, có vai trò làm cầu nối quan trọng để liên hệ các bộ môn khoa học với nhau. Trong lịch pháp, người ta đã kết hợp Thiên can Địa chi thành từng cặp để ghi hoặc ngày, như Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần,... mỗi Thiên can kết hợp với một Địa chi, tổng cộng có sáu mươi tổ hợp, vì thế cũng được gọi là "sáu mươi Giáp Tý" (hay sáu mươi hoa giáp). Trước đây người ta dùng chu kỳ sáu mươi Giáp Tý để ghi, tháng, ngày và giờ.

### Thiên can

Có tất cả mười Thiên can: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý, mười Thiên can này tượng trưng cho mười trạng thái và trật tự logic của sự vật.

Giáp có nghĩa là mở, tức chỉ vạn vật tách vỏ nảy nở. Ất có nghĩa là kéo, tức chỉ vạn vật sinh trưởng. Bính có nghĩa là sáng sủa, chỉ ánh nắng tràn đầy, vạn vật phát triển bùng thịnh. Đinh có nghĩa là mạnh mẽ, tức chỉ vạn vật sinh trưởng mạnh mẽ. Mậu có nghĩa là rậm rạp, tức chỉ vạn vật sinh trưởng tốt tươi. Kỷ có nghĩa là ghi nhớ, tức chỉ vạn vật bắt đầu có hình để phân biệt. Canh chỉ sự thay đổi, sự vật có sự biến đổi, cây cối đơm hoa kết quả. Tân có nghĩa là mới, tức chỉ vạn vật đều có thành quả mới mẻ. Nhâm có nghĩa là thai nghén, tức khí Dương ngấm lặn xuống lòng đất. Quý có nghĩa là thu, chỉ trạng thái mạnh mẽ của vạn vật.

Mười Thiên can có liên quan đến sự vận hành của mặt trời, mặt trời mọc đằng đông lặn đằng tây, sự tuần hoàn lặp đi lặp lại này ảnh hưởng trực tiếp đến vạn vật. Trong đó Giáp là Dương Mộc, Ất là Âm Mộc; Bính là Dương Hoả, Đinh là Âm Hoả; Mậu là Dương Thổ, Kỷ là Âm Thổ; Canh là Dương Kim, Tân là Âm Kim; Nhâm là Dương Thủy, Quý là Âm Thủy. Ngũ hành của mười Thiên can là: Giáp Ất thuộc Mộc, tượng trưng cho phía đông; Bính Đinh thuộc Hoả, tượng trưng cho phía nam; Mậu Kỷ thuộc Thổ, tượng trưng cho chính giữa; Canh Tân thuộc Kim, tượng trưng cho phía tây; Nhâm Quý thuộc Thủy, tượng trưng cho phía bắc.

Giữa mười Thiên can tồn tại mối quan hệ tương xung và hợp hoá. Quan hệ tương xung của mười Thiên can là: Giáp Mậu tương xung, Ất Kỷ tương xung; Bính Canh tương xung, Đinh Tân tương xung; Mậu Nhâm tương xung, Kỷ Quý tương xung; Canh Giáp tương xung, Tân Ất tương xung; Bính Nhâm tương xung, Quý Đinh tương xung. Quan hệ hợp hoá của mười Thiên can là: Giáp Kỷ hợp hoá Thổ, Ất Canh hợp hoá Kim; Bính Tân hợp hoá Thủy, Đinh Nhâm hợp hoá Mộc; Nhâm Quý hợp hoá Hoả. Quan hệ hợp hoá của Thiên can cũng tương tự như các sự vật trong giới tự nhiên sau khi gặp một sự vật khác thì xảy ra sự thay đổi về bản chất.





# MƯỜI THIÊN CAN



## THIÊN CAN

Trình tự Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý của Thiên can thể hiện toàn bộ quá trình từ khi sinh sôi, phát triển đến khi suy thoái của vạn vật.



**Giáp**

Chỉ vạn vật tách vỏ nảy mầm



**Ất**

Chỉ vạn vật lớn lên



**Bính**

Chỉ vạn vật phát triển rõ rệt



**Đinh**

Chỉ vạn vật trở nên lớn mạnh



**Mậu**

Chỉ vạn vật trở nên phổ thịnh



**Kỷ**

Chỉ vạn vật bắt đầu có hình để phân biệt



**Canh**

Chỉ vạn vật đổi mới, thu hoạch để chờ xuân



**Tân**

Chỉ vạn vật đều có thành quả mới mẻ



**Nhâm**

Chỉ Dương khí ẩn tàng, muôn vật được dưỡng dục



**Quý**

Chỉ trạng thái mạnh nha của vạn vật

MƯỜI TRẠNG THÁI VÀ TRẬT TỰ LÓGIC CỦA SỰ VẬT





## CÔNG CỤ TÍNH GIỜ TÍNH THÁNG THỜI CỔ ĐẠI

*Địa chi là tên gọi chung của Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, còn gọi là mười hai chi.*

### Địa chi

Trình tự của mười hai Địa chi thể hiện quá trình diễn biến trong sự phát triển của sự vật. Tý chỉ vạn vật phát triển tươi tốt. Sửu tức dùng dây thừng buộc lại. Dần chỉ vạn vật bắt đầu sinh trưởng. Mão chỉ vạn vật trỗi lên trên mặt đất. Thìn chỉ vạn vật phát triển cao lớn. Tỵ chỉ vạn vật đã phát triển thành tụ. Ngọ chỉ vạn vật đã phát triển đầy đủ, đây là thời điểm Âm Dương giao hoà. Mùi chỉ vạn vật đã chín và có mùi vị. Thân chỉ vạn vật ban đầu đã có hình thể. Dậu chỉ vạn vật đã phát triển chín muồi. Tuất chỉ vạn vật héo úa, sinh khí không còn. Hợi chỉ vạn vật phát triển thành hạt, mùa thu hoạch đã đến.

Mười hai Địa chi gắn với mười hai con giáp, cũng có Âm có Dương. Hai từ Âm Dương chỉ là ký hiệu, biểu thị hai trường khí khác nhau. Khi xác định được hai trường khí Âm Dương, thuộc tính Âm Dương của vạn vật đều được xác định theo tiêu chuẩn của hai trường khí Âm Dương đó. Tương tự, "lẻ là Dương, chẵn là Âm" cũng được xác định bởi trường khí. Ví dụ: chuột có năm ngón chân, là số lẻ, là Dương, vì vậy Tý là Dương. Còn trâu có hai móng, hai là số chẵn, là Âm, cho nên Sửu là Âm. Vì vậy, mười hai Địa chi do sáu chi Dương là Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất và sáu chi Âm là Sửu, Mão, Tỵ, Mùi, Dậu, Hợi tạo thành.

Tương tự, mười Địa chi cũng có thể phân chia theo Ngũ hành, sự phân chia này cũng lấy khí Ngũ hành của mười hai Địa chi làm cơ sở. Mối quan hệ giữa mười hai Địa chi và Ngũ hành là: ba Địa chi Dần - Mão - Thìn thuộc Mộc, biểu thị hướng đông; ba Địa chi Tỵ - Ngọ - Mùi thuộc Hỏa, biểu thị hướng nam; ba Địa chi Thân - Dậu - Tuất thuộc Kim, biểu thị hướng tây; ba Địa chi Hợi - Tý - Sửu thuộc Thủy, biểu thị hướng bắc.

### Vai trò của Địa chi

Thời xưa người ta dùng mười hai Địa chi để ghi giờ, ghi tháng. Ghi giờ theo Địa chi tức là chia một ngày thành mười hai khoảng thời gian, được gọi tên bằng mười hai Địa chi, như giờ Tý là 23 - 1 giờ, giờ Sửu là 1 - 3 giờ,... gọi là 12 giờ. Ghi tháng theo Địa chi tức là gọi tháng có tiết Đông chí là tháng Tý, tháng kế tiếp là tháng Sửu,... Lần lượt kết hợp Địa chi với mười Thiên can thành Giáp Tý, Ất Sửu,... Quý Hợi, ghi ngày theo chu kỳ sáu mươi Giáp Tý.





# MƯỜI HAI ĐỊA CHI



## ĐỊA CHI

Địa chi còn gọi là mười hai Địa chi, trình tự sắp xếp của mười hai Địa chi cũng thể hiện quá trình thay đổi và phát triển của sự vật.



**Tý**

Chỉ vạn vật phát triển tươi tốt



**Sửu**

Biểu thị dùng dây thừng buộc lại



**Đần**

Chỉ vạn vật bắt đầu sinh trưởng



**Mão**

Chỉ vạn vật trỗi lên trên mặt đất



**Thìn**

Chỉ vạn vật phát triển lớn mạnh



**Tỵ**

Chỉ vạn vật đã phát triển thành quả



**Ngo**

Chỉ vạn vật đã phát triển đầy đủ, đây là thời điểm Âm Dương giao hoà



**Mùi**

Chỉ vạn vật đã chín và có mùi vị



**Thân**

Chỉ vạn vật đã có hình thể



**Đậu**

Chỉ vạn vật đã phát triển chín muồi



**Tuất**

Chỉ vạn vật héo úa, sinh khí không còn



**Hợi**

Chỉ vạn vật đã phát triển thành hạt, mùa thu hoạch đã đến

CÔNG CỤ TÍNH GIỜ TÍNH THÁNG THỜI CỔ ĐẠI



## CÔNG CỤ CẦN THIẾT ĐỂ XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG CỦA THẤY PHONG THỦY

*La bàn còn gọi là la kinh, la bàn phong thủy, đây là công cụ cần thiết dùng để xác định phương hướng của các thầy địa lý, thầy phong thủy.*

### Lịch sử phát triển của la bàn

Theo tài liệu ghi chép, la bàn xuất hiện vào thời nhà Tống. Trong “Mộng khê bút đàm” của Thẩm Khoát đời Bắc Tống, có ghi chép về bốn phương pháp đặt la bàn, đó là: để nổi trên mặt nước, để trên miệng bát, để trên móng tay và treo trên giá gỗ, nhưng tất cả đều không phải là la bàn thực sự. Tài liệu ghi chép sớm nhất về la bàn là vào thời Nam Tống, trong “Nhân thoại lục” của Tăng Tam Dị có ghi rằng: “Địa la hoặc là chính châm Tý Ngọ, hoặc có phùng châm Tý, Ngọ, Bính, Nhâm...” Địa la ở đây chính là la bàn, có tác dụng chủ yếu là chia độ và chỉ hướng Nam Bắc.

La bàn có quá trình phát triển tương đối dài, đi từ đơn giản đến phức tạp và có rất nhiều chủng loại. Do sự khác biệt về trường phái phong thủy và thầy phong thủy nên la bàn cũng có nhiều loại khác nhau. Xét về chủng loại, sau thời Minh Thanh có la bàn Tam hợp, la bàn Tam nguyên và la bàn Tổng hợp. Cùng là một kiểu la bàn, nhưng tùy theo người sử dụng và khu vực sản xuất nên cũng có sự khác biệt. Hoặc là cùng một kiểu la bàn, nhưng do kích thước lớn nhỏ khác nhau nên cũng có số lượng các tầng và nội dung hiển thị khác nhau, la bàn tại các trường phái và nơi sản xuất khác nhau cũng có nhiều khác biệt.

### Cách chọn la bàn

Khi chọn la bàn cần lưu ý những vấn đề sau: Thứ nhất, kim từ tính phải thẳng. Thứ hai, đầu kim màu đỏ ở dưới đáy phải chỉ đúng chiều nam bắc. Thứ ba, hình chữ thập ở giữa phải vuông góc. Thứ tư, tầng bên trong phải chuyển động linh hoạt. Thứ năm, chữ viết trên mặt la bàn phải rõ ràng. Thứ sáu, tầng bên ngoài vuông vắn. Thứ bảy, nguyên vật liệu phải phù hợp. Thứ tám, màu sắc phải thích hợp.

### Công dụng của la bàn

La bàn dùng để xác định đường trục giữa. Định đường trục giữa tức xác định đường thẳng chỉ toạ hướng của nhà ở và hướng cửa. Có nghĩa là để la bàn ở vị trí trung tâm của công trình kiến trúc, dùng dây chằng thành hình chữ thập kéo qua vị trí trung tâm của mặt bằng kiến trúc, sao cho trùng khớp với Thiên tâm thập đạo (chữ thập trung tâm) của La bàn, đường chữ thập phải song song với tường của kiến trúc. Như vậy khi chuyển động nội bàn, ta có thể thông qua đường chữ thập hoặc Thiên tâm thập đạo của la bàn để xác định toạ hướng của công trình.





# LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA LA BÀN



## KHÁI QUÁT VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LA BÀN

La bàn là công cụ thiết yếu của các chuyên gia phong thủy, sự phát minh và ứng dụng của la bàn là kết quả của quá trình khám phá không mệt mỏi của loài người đối với vũ trụ. Cấu tạo của la bàn ngày càng phức tạp, điều đó cũng thể hiện được sự tích lũy kinh nghiệm thực tiễn không ngừng nghỉ của con người.

1



**Tứ nam:** Người Trung Quốc từ rất sớm đã phát hiện ra đặc điểm chỉ hướng của la bàn từ tính, ngay từ thời Chiến Quốc người ta đã bắt đầu sử dụng một loại la bàn thường dùng trong bói toán có tên gọi là Tứ nam.

2

**La bàn treo trên giá gỗ:** Đầu thời Bắc Tống, người ta đã phát minh ra phương pháp từ hoá nhân tạo, tức dùng đá nam châm tự nhiên chà xát vào kim la bàn làm bằng kim loại. Trong đó phương pháp treo trên kim la bàn trên giá gỗ có độ nhạy cao nhất.



3



**La bàn phong thủy bằng đồng:** Xuất hiện vào thời Minh, người ta dùng tên của tám can, mười hai chi, bốn quẻ tứ duy để định ra hai mươi tư phương vị.

4



**Rùa chỉ nam:** Đặt một miếng đá nam châm thiên nhiên vào bụng của con rùa chạm bằng gỗ, rùa gỗ được đặt trên một trục đỡ cố định, có thể xoay chuyển tự do trên điểm tựa, vì lực ma sát ở điểm tựa rất nhỏ nên rùa gỗ có thể tự do xoay chuyển.

5

**La bàn thời Thanh:** La bàn thời Thanh đã phát triển thành la bàn có nhiều tầng và chia độ rất nhỏ, ít thì vài tầng, nhiều thì vài chục tầng, cấu tạo rất phức tạp.



6

**La bàn hiện nay:** La bàn thường dùng hiện nay chủ yếu vẫn được chế tác thủ công, nhưng quá trình chế tạo rất tỉ mỉ, độ chuẩn xác của kim từ tính cũng được nâng cao.



CÔNG CỤ CẦN THIẾT ĐỂ XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG CỦA THẤY PHONG THỦY



**CẤU TẠO MẶT LA BÀN PHONG THỦY**

La bàn là công cụ thực nghiệm quan trọng nhất trong văn hoá phong thủy Trung Quốc. Trên mặt la bàn có rất nhiều tầng khác nhau, nội dung vô cùng phong phú, bao gồm Ngũ hành Bát quái, Can chi Giáp Tý, tiết khí phương vị, Thiên văn lịch pháp,... Ở đây chúng tôi sẽ lấy Huy bàn làm ví dụ để giới thiệu về cấu tạo la bàn.

**Tầng thứ hai: Tiên thiên Bát quái**

Bát quái được tổng kết từ quá trình cộng sinh giữa con người với thiên nhiên. Tương truyền Tiên thiên Bát quái do Phục Hy sáng tạo nên, vì vậy Tiên thiên Bát quái còn gọi là Bát quái Phục Hy.

**Tầng thứ ba: Địa mẫu Phiến quái Cửu tinh**

Có hai quan điểm về Cửu tinh: Thứ nhất là quan điểm trong "Hám long kinh" của Dương Quân Tùng thời Đường, cho rằng Cửu tinh gồm chín sao Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Vũ Khúc, Liêm Trinh, Phá Quân, Tả Phụ, Hữu Bật. Thứ hai là quan điểm trong "Cửu tinh chuyển biến" của Liêu Vũ đời Tống, cho Cửu tinh gồm Thái Dương, Thái Âm, Kim Thủy tinh, Mộc tinh, Thiên Tài, Thiên Cương, Cô Diệu, Táo Hoả, Táo Đăng.

**Tầng thứ tư: Hai mươi tư Thiên tinh**

Thiên tinh tổng cộng có hai mươi tư ngôi sao, gồm: Thiên Hoàng, Thiên Cửu, Thiên Khôi, Thiên Ất, Thiên Hán, Thiên Vĩ, Thiên Quan, Thiên Việt, Thiên Đế, Nam Cực, Thái Vĩ, Thiên Bính, Thái Ất, Thái Canh, Thiên Hành, Thiên Mệnh, Thiên Uyển, Thiên Thị, Thiên Bội, Thiên Trừ, Thiên Luy, Thiên Phụ, Thiên Mã, Thiên Thường.

**Tầng thứ : Hai mươi tư sơn**

Hai mươi tư sơn còn gọi là hai mươi tư phương vị, đây được gọi là nội bàn hay chính châm. Hai mươi tư phương vị này trên ứng với hai mươi tư tiết khí, dưới ứng với hai mươi tư sơn, trình tự sắp xếp là: chính bắc quẻ Khâm, Nhâm - Tý - Quý; Đông bắc quẻ Cấn, Sửu - Cấn - Dần; Chính đông quẻ Chấn, Giáp - Mão - Ất; Đông nam quẻ Tốn, Thìn - Tốn - Tỵ; Chính nam quẻ Ly, Bính - Ngọ - Đinh; Tây nam quẻ Khôn, Mùi - Khôn - Thân; Chính tây quẻ Đoài, Canh - Dậu - Tân; Tây bắc quẻ Càn, Tuất - Càn - Hợi. Trong thuật phong thủy, hai mươi tư hướng được dùng để xác định sơn hướng và thủy hướng.

**Tầng thứ sáu: Hai mươi tư tiết khí**

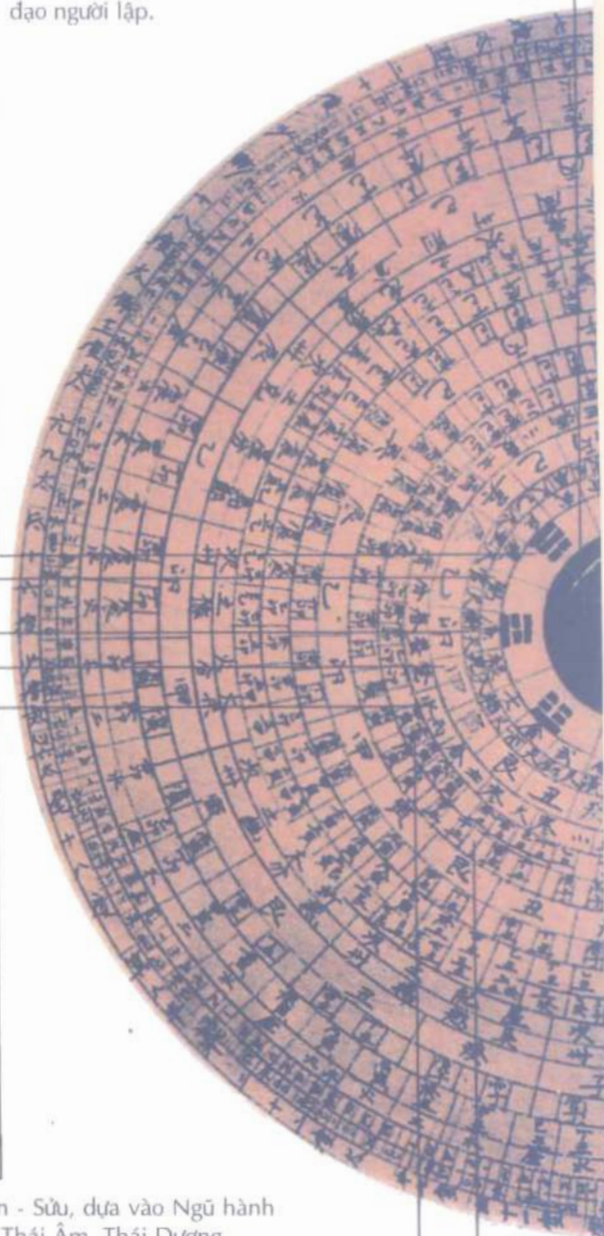
Bắt đầu bằng tiết Lập xuân - Cấn, kết thúc bằng tiết Đại hàn - Sửu, dựa vào Ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ để quan sát Thiếu Âm, Thiếu Dương, Thái Âm, Thái Dương.

**Tầng thứ bảy: Xuyên sơn**

Phân bố dưới hai mươi tư sơn, có 72 long, ứng với 3 long và 12 chi, như ứng với Hợi là Đinh Hợi, Kỷ Hợi, Tân Hợi; Ứng với Tý là Bính Tý, Mậu Tý, Canh Tý,... Xuyên sơn tức là xác định khởi nguồn của long mạch, xem long mạch thuộc can chi nào, sau đó mới có thể luận bàn cát hung.

**Tầng thứ nhất: Thiên trì, tức Thái cực**

Kim nam châm ở chính giữa, đầu đen chỉ hướng bắc, đầu đỏ chỉ hướng nam. Trong lý luận phong thủy, Thiên trì và kim châm rất quan trọng, có tác dụng lập quy củ, do nặng nhẹ, thành vuông tròn. Kim la bàn chỉ hướng Tý Ngọ chia la bàn thành Lương nghi, hai nghi kết hợp với Mão Dậu hợp thành Tứ tượng. Tứ tượng sinh ra Bát quái, Bát quái dùng để định phương vị, nên đạo trời thành, đạo đất bằng, đạo người lập.

**Tầng thứ tám: 120 long**

Gọi là phân kim, có hai mươi tư sơn, mỗi sơn lại chia thành 5 phần, như vậy tất cả là 120 phần, dùng để tránh Cô Hư, Quý Giáp.



### Tầng thứ chín: Hai mươi tư sơn trung tâm Nhân bàn

Tầng này còn gọi là Trung tâm nhân bàn, Tý Ngọ đối ứng với khoảng giữa Nhâm Tý và Bính Ngọ, tức lệch sang bên phải nửa vạch so với hai mươi tư sơn phương vị, chỉ hướng bắc của cực Tý Ngọ. Các nhà phong thủy cho rằng, trung tâm trên có liên quan đến sự tiến thoái của khí vận qua độ số của sao trời, dưới có liên quan đến sự cát hung của mạch đất.

**Tầng thứ mười: 120 long trung tâm Nhân bàn**  
Tầng này cũng có 120 vị như tầng thứ tám, nhưng lại lệch hướng khác.

**Tầng thứ mười một: Sáu mươi long Thấu địa**  
Thấu địa cũng như Xuyên sơn, nghĩa là can chi đưa long khí vào huyết, gọi là Thiên kỹ. Phần này chuyên bàn về việc giữ khí sau khi dẫn long nhập huyết.

**Tầng thứ mười hai: 240 phân kim**  
Hai trăm bốn mươi phân kim dùng để thể hiện trạng thái suy vượng của khí mười hai chi, kết hợp với sáu mươi long Thấu địa để luận bàn cát hung.

**Tầng thứ mười ba: Thập nhị thứ bản**  
Tên của Thập nhị thứ lần lượt là: Tinh Kỳ, Huyền Hiêu, Tuu Tỵ, Giáng Lâu, Đại Lương, Thực Thẩm, Thuần Thủ, Thuần Hoả, Thuần Vỹ, Thọ tinh, Đại Hoả, Tích Mộc. Thập nhị thứ biểu thị vị trí của mặt trời trong bốn mùa của năm, thể hiện sự thay đổi của thời tiết và vị trí của Tuế tinh trong từng năm.

**Tầng thứ mười bốn: Thập nhị phân dã**  
Phân dã là một khái niệm vô cùng quan trọng trong chiêm tinh học thời cổ đại, người ta căn cứ vào hệ thống các chòm sao trên trời để chia mặt đất thành những khu vực đối ứng, việc phân chia khu vực địa lý như vậy được gọi là phân dã.

**Tầng thứ mười lăm: Hai mươi tư sơn và phùng châm thiên bàn**  
Đây là phùng châm ngoại bàn, các nhà địa lý chuyên dùng để nạp thủy, phán đoán cách cục của dòng nước, cho rằng tại nơi vượng khí có thủy đến là cát, có thủy đi là hung, nhưng tại nơi khí suy có thủy đi lại là cát.

**Tầng thứ mười sáu: 120 long và phùng châm thiên bàn**  
Nguyên lý chọn dùng 120 long phân kim và phùng châm thiên bàn cũng tương tự như 72 long, tức là đều dựa trên thuyết Cô Hư vượng tướng, Quy Giáp không vong.

**Tầng thứ mười bảy: Sáu mươi long Doanh súc**  
Tầng này được dùng để xem xét về khí trời, phán đoán để đón khí. Tầng này do các nhà Kham dư học cận đại thiết lập

**Tầng thứ mười tám: Hỗn Thiên tinh độ Ngũ hành**  
Hỗn Thiên tinh độ tức chỉ độ số của trời, tổng cộng có 365,25 độ, chia thành 28 cung tương ứng với Nhị thập bát tú, ứng với 365 ngày. Kết hợp Hỗn Thiên tinh độ với Ngũ hành thì được Hỗn Thiên tinh độ Ngũ hành.

### Tầng thứ mười chín: Ranh giới của Nhị thập bát tú

Lớp thứ nhất của tầng thứ mười chín: số độ của Nhị thập bát tú. Lớp thứ hai: Ngũ hành số độ của Nhị thập bát tú. Lớp thứ ba: ranh giới của Nhị thập bát tú.

CÔNG  
CỤ  
CẦN  
THIỆT  
ĐỂ XÁC  
ĐỊNH  
PHƯƠNG  
HƯỚNG  
CỦA  
THẤY  
PHONG  
THỦY



## CÁCH SỬ DỤNG LA BÀN CHÍNH XÁC

*La bàn có vai trò vô cùng quan trọng trong phong thủy, dù xác định hướng long mạch hay hướng nhà cũng đều không thể thiếu la bàn. Sử dụng la bàn một cách chính xác là yếu tố rất quan trọng để xem phong thủy.*

### Cách sử dụng la bàn chính xác

Phương pháp sử dụng la bàn trong phong thủy tương đối đơn giản: muốn xác định hướng sinh vượng (hướng tốt) của nhà ở thì phải đặt la bàn ở vị trí thích hợp của công trình. Để la bàn nằm song song với mặt đất, thông thường người ta thường đặt la bàn trên một cái mâm đồ gạo dày 3 tấc. Trước khi chính thức xác định phương hướng, chúng ta phải thu dọn tất cả những vật bằng kim loại ở quanh đó để tránh ảnh hưởng tới độ chính xác của kim từ tính.

Xác định trung tuyến tức xác định đường thẳng chỉ toạ hướng của nhà và hướng của cửa. Có nghĩa là để la bàn ở vị trí trung tâm của công trình kiến trúc, dùng dây chằng thành hình chữ thập kéo qua vị trí trung tâm của mặt bằng kiến trúc, sao cho trùng khớp với Thiên tâm thập đạo (chữ thập trung tâm) của La bàn, đường chữ thập phải song song với tường của kiến trúc. Như vậy khi chuyển động nội bàn, ta có thể thông qua đường chữ thập hoặc Thiên tâm thập đạo của la bàn để xác định toạ hướng của công trình.

Phương pháp cụ thể để xác định hướng là: đặt vạch đỏ của la bàn (các loại la bàn phong thủy đều có một vạch chữ thập màu đỏ) hướng về một hướng nào đó, sau đó xoay la bàn để kim từ tính song song với đường thiên trì (tức đường Tý Ngọ Bắc Nam trên la bàn), sau đó xem vạch đỏ chỉ đến chữ gì trên bàn tròn, cuối cùng căn cứ vào các nguyên lý của la bàn để phán đoán hướng cát hung. Nếu là hung thì phải tiếp tục điều chỉnh hướng chỉ của vạch đỏ trên la bàn, cho đến khi tìm được hướng tốt thì dừng.

### Cách xác định toạ hướng của nhà ở

Muốn xác định đúng hướng nhà thì cần phải đứng ở bên ngoài cổng chính, đứng cách cổng ít nhất là ba bước chân, mặt quay về phía cổng để đo đạc. Điều cần lưu ý là: phải đặt la bàn ngang trước ngực, vuông góc với cổng, như vậy mới có thể xác định chính xác sơn hướng của ngôi nhà.

Trước đây mọi người đều sống trong những căn nhà riêng rẽ, vì vậy việc xác định sơn hướng rất dễ dàng. Hiện nay đa số mọi người đều sống trong những toà nhà cao tầng, theo kinh nghiệm thực tiễn, những căn nhà từ tầng một đến tầng năm chịu ảnh hưởng khá rõ rệt của từ trường mặt đất, vì vậy muốn xác định toạ hướng của những căn nhà này, cần phải căn cứ vào toạ hướng của cả toà nhà. Khi tiến hành đo đạc, phải đứng ở bên ngoài cổng chính của toà nhà, cách cổng chính khoảng bảy bước chân.

### Ứng dụng sơn hướng trên la bàn

Sơn hướng trên la bàn thường được ứng dụng cho bốn đối tượng, đó là nhà ở, giường ngủ, bàn làm việc và bếp. Ngoài việc xác định toạ hướng của nhà, phán đoán căn nhà này có phải là nhà phong thủy không, phương vị của giường ngủ



cũng có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người, vì mỗi ngày chúng ta có khoảng 1/3 thời gian ngủ trên giường. Phòng đọc nhất định phải đặt ở vị trí Văn Xương của ngôi nhà, vì vị trí Văn Xương ảnh hưởng đến con đường học vấn của người sử dụng. Còn phương vị đặt bếp cũng rất quan trọng, vì bếp tượng trưng cho bà chủ lo nội trợ trong nhà, nên vị trí đặt bếp có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và địa vị của phụ nữ.

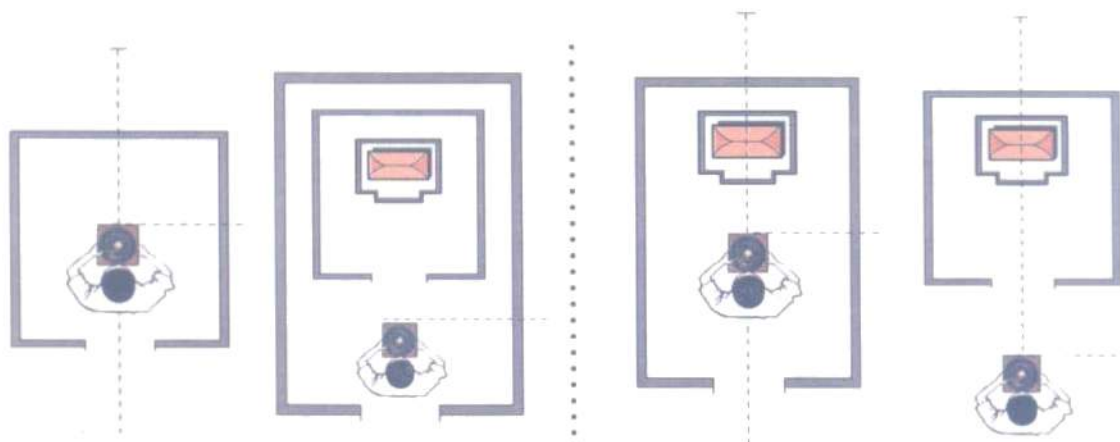


## PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG LA BÀN



### SỬ DỤNG LA BÀN ĐỂ XÁC ĐỊNH TOẠ HƯỚNG

Khi xem phong thủy, ngoài việc xem cách cục của ngôi nhà, còn phải sử dụng la bàn để xác định toạ hướng và phương vị.



Phương pháp sử dụng la bàn trong phong thủy tương đối đơn giản: nếu muốn biết hướng sinh vượng (hướng cát) của ngôi nhà thì phải đặt la bàn ở vị trí phù hợp (nhà một gian thì đặt ở chính giữa thiên tính, nhà từ hai gian trở lên thì đặt ở chính giữa sân, tức sân ở giữa cổng chính và cổng thứ hai). Để la bàn song song với mặt đất, thông thường người ta đặt la bàn trên một mâm đồ gạo dày khoảng 3 tấc. Trước khi chính thức tiến hành xác định phương hướng, cần phải thu dọn tất cả những vật bằng kim loại quanh đó, để tránh ảnh hưởng đến độ chính xác của kim từ tính.

Xác định trung tuyến tức xác định đường thẳng chỉ toạ hướng của nhà và hướng của cửa. Có nghĩa là để la bàn ở vị trí trung tâm của công trình kiến trúc, dùng dây chằng thành hình chữ thập kéo qua vị trí trung tâm của mặt bằng kiến trúc, sao cho trùng khớp với Thiên tâm thập đạo (chữ thập trung tâm) của La bàn, đường chữ thập phải song song với tường của kiến trúc. Như vậy khi chuyển động nội bàn, ta có thể thông qua đường chữ thập hoặc Thiên tâm thập đạo của la bàn để xác định toạ hướng của công trình.

CÁCH  
SỬ  
DỤNG  
LA  
BÀN  
CHÍNH  
XÁC

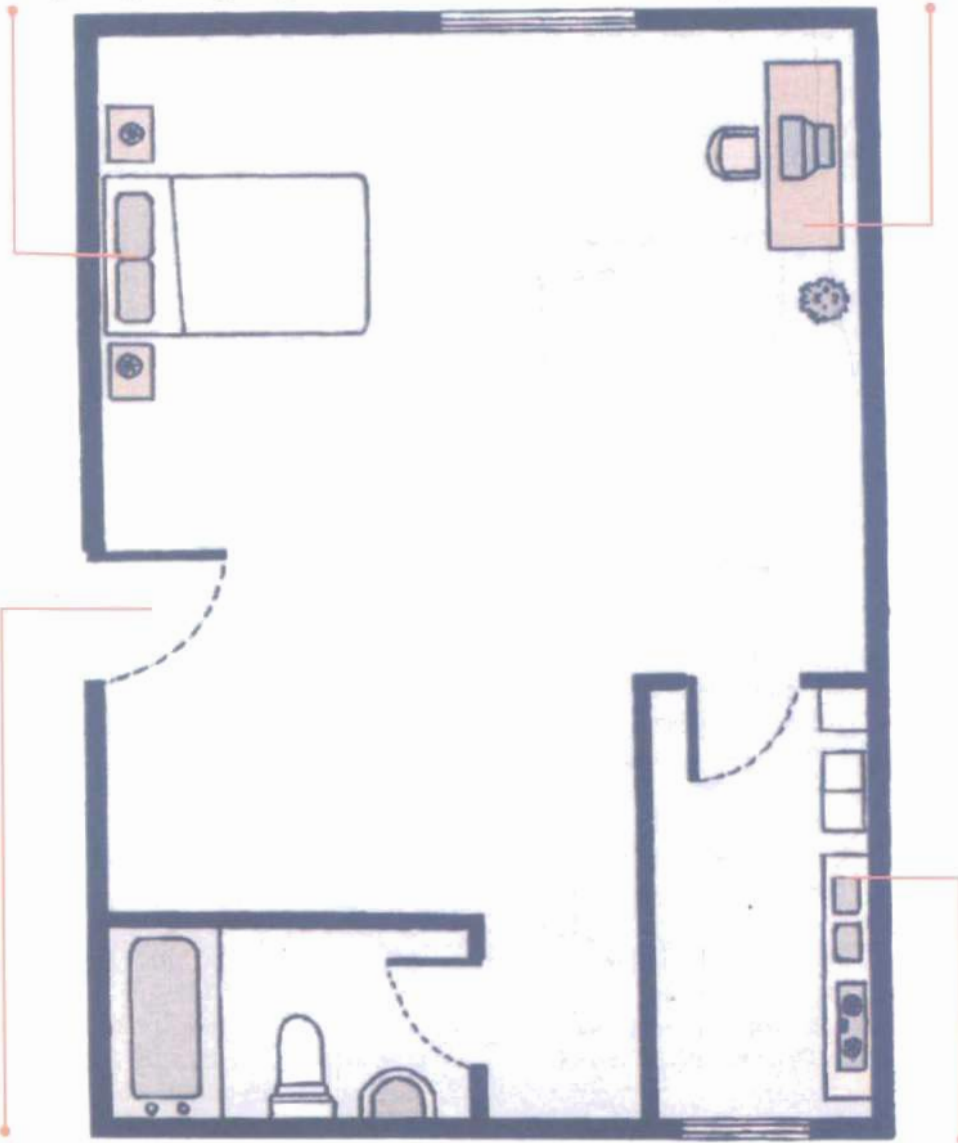


## ỨNG DỤNG VỊ TRÍ CỦA LA BÀN TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở HIỆN ĐẠI

Sơn hướng trên la bàn thường ứng dụng cho bốn đối tượng, đó là: nhà ở, giường ngủ, bàn làm việc và bếp.

Hướng của giường ngủ (tức là hướng quay đầu khi bạn nằm ngủ) ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người, vì mỗi ngày chúng ta có khoảng 1/3 thời gian ngủ trên giường.

Phòng đọc nhất định phải đặt ở vị trí Văn Xương của ngôi nhà, vì vị trí Văn Xương sẽ ảnh hưởng đến con đường học vấn của người trong nhà.



Dựa vào tọa hướng của ngôi nhà chúng ta có thể phán đoán đó có phải là nhà hợp phong thủy hay không.

Hướng đặt bếp rất quan trọng, vì bếp đại diện cho người nội trợ trong nhà, vị trí đặt bếp ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và địa vị của bà chủ gia đình.

## HAI MƯƠI TƯ SƠN CÓ THỂ PHÂN ÂM DƯƠNG, LUẬN CÁT HUNG

Hai mươi tư sơn (hướng) gồm có mười hai chi (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi), tám can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý) và bốn duy (Càn, Khôn, Tốn, Cấn) hợp thành.

### Hai mươi tư sơn hướng

Hai mươi tư sơn chính là một cách phân chia phương hướng, tức là đem tám Thiên can, mười hai Địa chi và bốn duy của Lạc thư nạp vào tám hướng: hướng bắc Nhâm - Tý - Quý, hướng đông bắc Sửu - Cấn - Dần, hướng đông Giáp - Mão - Ất, hướng đông nam Thìn - Tốn - Tỵ, hướng nam Bính - Ngọ - Đinh, hướng tây nam Mùi - Khôn - Thân, hướng tây Canh - Dậu - Tân, hướng tây bắc Tuất - Càn - Hợi. Hai mươi tư sơn, mỗi sơn 15°, như vậy hai mươi tư sơn là 360°, tạo thành một mặt phẳng tròn.

Hai mươi tư sơn phân tám hướng theo Bát quái, mỗi hướng lại phân thành Thiên nguyên, Địa nguyên, Nhân nguyên. Tức là mỗi quẻ nắm giữ 3 sơn, một sơn ở giữa là Thiên nguyên, sơn ở trước là Địa nguyên, sơn ở sau là Nhân nguyên. Ví dụ như 3 sơn Nhâm - Tý - Quý thuộc cung Khảm thì Tý là Thiên nguyên, Nhâm là Địa nguyên, Quý là Nhân nguyên.

### Quẻ tứ chính và quẻ tứ ngung

Trong hai mươi tư sơn thì quẻ tứ chính là Khảm - Ly - Chấn - Đoài, Thiên nguyên của chúng lần lượt là bốn Địa chi Tý - Ngọ - Mão - Dậu, còn Địa nguyên và Nhân nguyên được biểu thị bằng Thiên can. Cung Khảm Nhất Bạch thuộc Thủy, cho nên phối hợp với hai Thiên can thuộc Thủy là Nhâm và Quý.

Quẻ tứ ngung là bốn quẻ Càn - Khôn - Cấn - Tốn, tứ ngung coi bản cung là Thiên nguyên, tức quẻ Càn coi Càn là Thiên nguyên, quẻ Khôn coi Khôn là Thiên nguyên. Sau đó Tứ ngung lại kết hợp với hai Địa chi hai bên để làm Địa nguyên và Nhân nguyên, như Càn kết hợp với Tuất - Hợi, Khôn kết hợp với Mùi - Thân.

### Âm Dương của hai mươi tư sơn

Hai mươi tư sơn cũng có sự phân chia thuộc tính Âm Dương, căn cứ vào quẻ tứ chính quái và quẻ tứ ngung, thuộc tính Âm Dương của hai mươi tư sơn lần lượt như sau: Thiên nguyên của quẻ tứ chính, tức Tý - Ngọ - Mão - Dậu đều thuộc Âm; Thiên nguyên của quẻ tứ ngung, tức Càn - Khôn - Cấn - Tốn đều thuộc Dương. Địa nguyên của quẻ tứ chính, tức Nhâm - Bính - Giáp - Canh đều thuộc Âm; Địa nguyên của quẻ tứ ngung, tức Thìn - Tuất - Sửu - Mùi đều thuộc Dương. Nhân nguyên của quẻ tứ chính, tức Quý - Đinh - Ất - Tân đều thuộc Âm; Nhân nguyên của quẻ tứ ngung, tức Dần - Thân - Tỵ - Hợi đều thuộc Dương.

Âm Dương	Ngũ hành	Thiên can	Âm Dương	Ngũ hành	Thiên can
+	Mộc	Giáp	-	Thổ	Kỷ
-	Mộc	Ất	-	Kim	Canh
+	Hoả	Bính	+	Kim	Tân
-	Hoả	Đinh	-	Thủy	Nhâm
+	Thổ	Mậu	+	Thủy	Quý



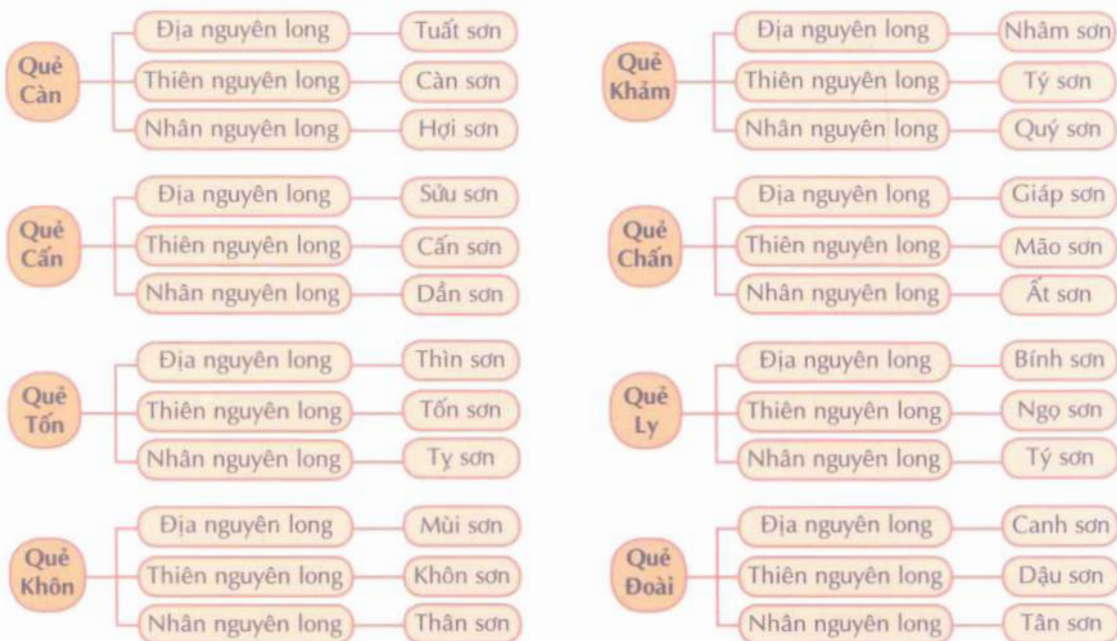


# SƠ ĐỒ HAI MƯƠI TƯ SƠN HƯỚNG






## SỰ PHÂN CHIA 24 SƠN HƯỚNG

Hai mươi tư sơn phân chia thành tám hướng theo Bát quái, mỗi hướng lại phân thành Thiên nguyên, Địa nguyên và Nhân nguyên. Tức mỗi quẻ nắm giữ ba sơn, sơn ở giữa là Thiên nguyên, sơn ở trước là Địa nguyên, sơn ở sau là Nhân nguyên.



## THUỘC TÍNH ÂM DƯƠNG CỦA 24 SƠN

	NGUYÊN LONG	DƯƠNG	ÂM
	Địa	Giáp - Canh - Nhâm - Bính	Thìn - Tuất - Sửu - Mùi
	Thiên	Càn - Tốn - Cấn - Khôn	Tý - Ngọ - Mão - Dậu
	Nhân	Dần - Thân - Tỵ - Hợi	Quý - Đinh - Ất - Tân

## CÁCH PHÂN CHIA THỜI KHÔNG THEO NGUYÊN LÝ CỦA HÀ ĐỒ LẠC THƯ

*Đạo đất có biến đổi, đạo người có hưng suy, đạo trời có xoay vần. Tam nguyên Cửu vận là một cách phân chia thời gian và không gian, sự phân chia này làm tăng thêm nhân tố vận dụng linh hoạt cho trạch vận, từ đó có thể vận dụng việc bố cục không gian Dương trạch để đạt được mục đích tìm cát tránh hung.*

### Nguồn gốc của Tam nguyên Cửu vận

Tam nguyên Cửu vận là sản phẩm từ sự chuyển động của các hành tinh của hệ mặt trời trong vũ trụ. Vào thời cổ đại đã có thuyết về mười hai con giáp, sự ra đời của mười hai con giáp cũng có căn nguyên của nó, hành tinh lớn nhất của hệ mặt trời là sao Mộc. Sao Mộc cứ mười hai năm chuyển động quanh mặt trời một vòng, nên phương vị của sao Mộc tại mỗi năm chính là vị trí của một con giáp, vì thế mười hai con giáp (chính là mười hai chi) được gọi là “Tuế tinh”. Ngoài ra sao Thổ cũng xoay chuyển quanh mặt trời, thế nhưng để xoay chuyển một vòng quanh mặt trời phải mất đến ba mươi năm, cứ hai mươi năm lại gặp sao Mộc một lần. Sự gặp gỡ giữa sao Mộc và sao Thổ có ảnh hưởng rất lớn đến vận thế của trái đất. Người xưa đã nắm bắt được quy luật vận hành của các thiên thể, và coi mỗi lần gặp gỡ sau hai mươi năm giữa sao Mộc và sao Thổ là một vận, lấy Cửu tinh phối với Cửu vận. Cửu tinh là căn cứ vào Lạc thư, Bát quái phân cung phối số thành Tử bạch Cửu tinh. Tim bội số chung nhỏ nhất của số 12 là chu kỳ sao Mộc vận chuyển và số 30 là chu kỳ sao Thổ vận chuyển quanh mặt trời là 60 năm, đủ một vòng Giáp Tý, lấy sáu mươi năm đó là một nguyên, vậy Tam nguyên gồm có 180 năm.

Một giả thuyết khác cho rằng Tam nguyên Cửu vận xuất phát từ hệ thống can chi tính năm thời cổ đại, phương pháp tính năm thời cổ đại được dựa theo can chi. Tương truyền vào thời cổ đại, Hoàng Đế đã suy diễn tượng trời tạo nên lịch pháp, định là Hoàng Đế nguyên niên, Giáp Tý bắt đầu được dùng để tính nguyên, sáu mươi năm là một chu kỳ tuần hoàn, tức sáu mươi hoa Giáp (hoặc sáu mươi Giáp Tý), là một nguyên. Tam nguyên tức là ba vòng Giáp Tý, tổng cộng 180 năm. Tam nguyên được phân chia thành Thượng nguyên, Trung nguyên và Hạ nguyên. Cửu vận là căn cứ vào Cửu tinh mà suy ra, lần lượt là Nhất Bạch Thủy vận, Nhị Hắc Thổ vận, Tam Bích Mộc vận, Tứ Lục Mộc vận, Ngũ Hoàng Thổ vận, Lục Bạch Kim vận, Thất Xích Kim vận, Bát Bạch Thổ vận, Cửu Tử Hỏa vận.

Khi nghiên cứu phong thủy, nhất thiết phải hiểu được Tam nguyên Cửu vận và Tử bạch Cửu tinh. Chỉ khi kết hợp Tử bạch Cửu tinh của năm và tháng với Vận tinh, sơn, hướng và sao bản mệnh của chủ nhà để tiến hành suy đoán, mới có thể phán đoán chính xác về trạng thái vượng suy của trạch vận và sự cát hung của người sống trong nhà.





## Năm có vận năm , nhà có vận nhà

Nếu biết được nhà ở được xây dựng vào nguyên, vận nào, sẽ lập được Nguyên vận bản cho nhà ở, đây cũng chính là vận nhà (ốc vận). Nhà ở cũng như con người, quá trình xây cất cũng giống như sự ra đời của một sinh mệnh, vì vậy chỉ cần biết được ngôi nhà đó được xây dựng vào nguyên, vận nào là có thể đoán biết được trạng thái thịnh suy của ngôi nhà đó. Vận năm (niên vận) chính là vận thể của Phi tinh nhập Trung cung trong năm đó.

### Bảng tra Tam nguyên Cửu vận gần đây

Thượng nguyên	Trung nguyên	Hạ nguyên
Vận 1: 1864 - 1883	Vận 4: 1924 - 1943	Vận 7: 1984 - 2003
Vận 2: 1884 - 1903	Vận 5: 1944 - 1963	Vận 8: 2004 - 2023
Vận 3: 1904 - 1923	Vận 6: 1964 - 1983	Vận 9: 2024 - 2043



## CÁC BẢNG TRA TAM NGUYÊN CỬU VẬN THƯỜNG DÙNG



### BẢNG TRA SAO TRỰC CỬU TINH VÀ MỆNH TINH NAM NỮ

Sao trực Cửu tinh theo Tam nguyên Cửu vận							Mệnh tinh nam			Mệnh tinh nữ		
60 Giáp Tý							Thượng nguyên	Trung nguyên	Hạ nguyên	Thượng nguyên	Trung nguyên	Hạ nguyên
Giáp Tý	Quý Dậu	Nhâm Ngọ	Tân Mão	Canh Tý	Kỷ Dậu	Mậu Ngọ	Nhất Bạch	Tứ Lục	Thất Xích	Ngũ Hoàng	Nhị Hắc	Bát Bạch
Ất Sửu	Giáp Tuất	Quý Mùi	Nhâm Thìn	Tân Sửu	Canh Tuất	Kỷ Mùi	Cửu Tử	Tam Bích	Lục Bạch	Lục Bạch	Tam Bích	Cửu Tử
Bính Dần	Ất Hợi	Giáp Thân	Quý Tý	Nhâm Dần	Tân Hợi	Canh Thân	Bát Bạch	Nhị Hắc	Ngũ Hoàng	Thất Xích	Tứ Lục	Nhất Bạch
Đinh Mão	Bính Tý	Ất Dậu	Giáp Ngọ	Quý Mão	Nhâm Tý	Tân Dậu	Thất Xích	Nhất Bạch	Tứ Lục	Bát Bạch	Ngũ Hoàng	Nhị Hắc
Mậu Thìn	Đinh Sửu	Bính Tuất	Ất Thìn	Giáp Thìn	Quý Sửu	Nhâm Tuất	Lục Bạch	Cửu Tử	Tam Bích	Cửu Tử	Lục Bạch	Tam Bích
Kỷ Tỵ	Mậu Dần	Đinh Hợi	Bính Thân	Ất Tỵ	Giáp Dần	Quý Hợi	Ngũ Hoàng	Bát Bạch	Nhị Hắc	Nhất Bạch	Thất Xích	Tứ Lục
Canh Ngọ	Kỷ Mão	Mậu Tý	Đinh Dậu	Bính Ngọ	Ất Mão		Tứ Lục	Thất Xích	Nhất Bạch	Nhị Hắc	Bát Bạch	Ngũ Hoàng
Tân Mùi	Canh Thìn	Kỷ Sửu	Mậu Tuất	Đinh Mùi	Bính Thìn		Tam Bích	Lục Bạch	Cửu Tử	Tam Bích	Cửu Tử	Lục Bạch
Nhâm Thân	Tân Tỵ	Canh Dần	Kỷ Hợi	Mậu Thân	Đinh Tỵ		Nhị Hắc	Ngũ Hoàng	Bát Bạch	Tứ Lục	Nhất Bạch	Thất Xích



## BẢNG TRA CỬU TINH THEO THÁNG

Tháng	Tiết khí	Tý - Ngọ - Mão - Dậu	Thìn - Tuất - Sửu - Mùi	Dần - Thân - Tỵ - Hợi
Tháng giêng	Lập xuân - Vũ thủy	Bát Bạch	Ngũ Hoàng	Nhị Hắc
Tháng hai	Kinh trập - Xuân phân	Thất Xích	Tứ Lục	Nhất Bạch
Tháng ba	Thanh minh - Cốc vũ	Lục Bạch	Tam Bích	Cửu Tử
Tháng tư	Lập hạ - Tiểu vũ	Ngũ Hoàng	Nhị Hắc	Bát Bạch
Tháng năm	Mang chủng - Hạ chí	Tứ Lục	Nhất Bạch	Thất Xích
Tháng sáu	Tiểu thử - Đại thử	Tam Bích	Cửu Tử	Lục Bạch
Tháng bảy	Lập thu - Xử thử	Nhị Hắc	Bát Bạch	Ngũ Hoàng
Tháng tám	Bạch lộ - Thu phân	Nhất Bạch	Thất Xích	Tứ Lục
Tháng chín	Hàn lộ - Sương giáng	Cửu Tử	Lục Bạch	Tam Bích
Tháng mười	Lập Đông - Tiểu tuyết	Bát Bạch	Ngũ Hoàng	Nhị Hắc
Tháng mười một	Đại tuyết - Đông chí	Thất Xích	Tứ Lục	Nhất Bạch
Tháng mười hai	Tiểu hàn - Đại hàn	Lục Bạch	Tam Bích	Cửu Tử

CÁCH  
PHÂN  
CHIA  
THỜI  
KHÔNG  
THEO  
NGUYÊN  
LÝ  
CỦA  
HÀ ĐỒ  
LẠC THỦ



11 CỬU CUNG PHI TINH

VẬN DỤNG PHONG THUYẾT KHÔNG GIAN

*Cửu cung được phân bố dựa theo Lạc thư, quỹ đạo di chuyển của Phi tinh bắt đầu từ trung cung, sau đó di chuyển theo trình tự của các số trong Lạc thư. Vì vậy, quỹ đạo phi tinh còn được gọi là quỹ đạo Lạc thư.*

**Cách an Phi tinh**

Đồ hình tổng hợp từ Hà đồ Lạc thư kết hợp với Cửu cung trong Bát quái được gọi là “Lạc thư cửu cung đồ” (đồ hình cửu cung Lạc thư). Cách an phi tinh tức lấy Lạc thư cửu cung đồ làm cơ sở, đem Cửu tinh (chín ngôi sao) căn cứ theo nguyên vận và toạ hướng để an vào trong các ô của Lạc thư cửu cung đồ, đó cũng là cơ sở của phong thủy học Huyền không.

Khi an phi tinh, trước tiên cần phải sắp Thiên bàn (Vận bàn). Sắp Thiên bàn tức căn cứ vào nguyên vận để tìm sao nhập trung cung, sau đó tiếp tục phân bố đến các cung còn lại. Về phi tinh của Thiên bàn, trước tiên phải xác định rõ Tam nguyên, tức Thượng nguyên, Trung nguyên và Hạ nguyên. Thượng nguyên chưởng quản ba vận Nhất Bạch, Nhị Hắc, Tam Bích. Trung nguyên chưởng quản ba vận Tứ Lục, Ngũ Hoàng, Lục Bạch. Hạ nguyên chưởng quản ba vận Thất Xích, Bát Bạch, Cửu Tử. Mỗi nguyên gồm ba vận, mỗi vận gồm hai mươi năm. Tại Thiên bàn, ngôi sao đương vận sẽ nhập trung cung, sau đó tiếp tục phân bố đến tám cung còn lại.

Thiên bàn (Vận bàn) chính là sự ứng dụng vận thế chu kỳ thời không trong vũ trụ vào thời gian. Sự hình thành của Thiên bàn đã tạo nên cơ sở để nạp không gian, phương vị và hình thế vào trong nhà ở. Cũng có nghĩa là, sau khi sắp xếp xong Thiên bàn, sẽ căn cứ vào toạ hướng của nhà ở để sắp xếp Sơn bàn và Hướng bàn, đó cũng chính là “Hạ quái” (quẻ hạ). Sau khi dùng la bàn xác định được toạ hướng của nhà ở, sẽ đưa chữ số tương ứng với sơn và hướng lần lượt nhập trung cung. Số của Sơn bàn viết ở góc trên bên trái của vận số trung cung, số của Hướng bàn viết ở góc trên bên phải của vận số trung cung (Thiên bàn dùng chữ số lớn in đậm ở chính giữa ô, còn Sơn bàn và Hướng bàn dùng chữ số nhỏ ở hai góc trên của mỗi ô), Sơn bàn và Hướng bàn gặp Dương thì an thuận chiều kim đồng hồ, còn gặp Âm thì an ngược chiều kim đồng hồ.

Lạc thư nguyên đán bàn	Cửu tinh nguyên đán bàn	Hậu thiên Bát quái nguyên đán bàn
4 9 2	Tứ Lục Cửu Tử Nhị Hắc	Tốn Ly Càn
3 5 7	Tam Bích Ngũ Hoàng Thất Xích	Chấn Đoài
8 1 6	Bát Bạch Nhất Bạch Lục Bạch	Cấn Khảm Càn





# LẬP PHI TINH BẢN



## CÁCH AN PHI TINH CHO NHÀ Ở TOẠ SỬ HƯỚNG MÙI TRONG VẬN 8

7	3	5
6	8	1
2	4	9

**Sơn Sứ**  
Trước tiên an Thiên bàn của vận 8

Hướng Mùi

7	3	5
6	2 8 5	1
2	4	9

Hai số sơn và hướng nhập trung cung

Hướng Mùi

3 7	7 3	5 5
4 6	2 8	9 1
8 2	6 4	1 9

Sơn Sứ là Địa nguyên long thuộc Âm, cho nên số 2 nhập trung cung, tám cung còn lại sắp ngược chiều kim đồng hồ.

Hướng Mùi

6 7	1 3	8 5
7 6	5 8	3 1
2 2	9 4	4 9

Sơn Sứ

Hướng Mùi là Địa nguyên long thuộc Âm, cho nên số 5 nhập trung cung, tám cung còn lại sắp ngược chiều kim đồng hồ.

Hướng Mùi

3 7 6	7 3 1	5 5 8
4 6 7	2 8 5	9 1 3
8 2 2	6 4 9	1 9 4

Sơn Sứ

Kết hợp Thiên bàn, Sơn bàn và Hướng bàn, sẽ được Phi tinh bản toạ Sử hướng Mùi trong vận 8.

Hướng Mùi

## KHẨU QUYẾT AN SAO HUYỀN KHÔNG ĐẠI QUÁI

Đại huyền không, diệu vô cùng, dụng Cửu tinh, hoán Cửu cung. Phân thuận nghịch, các bất đồng. Mỗi Bát quái, nhất quái thông, triển hà vị, lạc hà cung, phu dữ phụ, các tương tòng, tủy nguyên vận. Phân cát cung. Sơn quân sơn, thủy quân thủy, lưỡng điều lộ, bất tương dung. Cấn Dẫn Giáp, Tốn Tỵ Bính, Khôn Thân Canh, Càn Hợi Nhâm, thử thập nhị, Dương thuận hành, Ngọ Đinh Mùi, Dậu Tân Tuất, Tý Quý Sửu, Mão Ất Thìn, thử thập nhị, Âm nghịch luân. Viết Tý Quý, viết Mão Ất, viết Ngọ Đinh, viết Dậu Tân, lưỡng tương tỷ, thị song Âm. Viết Càn Hợi, viết Cấn Dẫn, viết Tốn Tỵ, viết Khôn Thân, lưỡng bất ly, song Dương thân. Viết Canh Thân, viết Bính Nhâm, thử tứ can, đơn Dương mệnh. Viết Thìn Tuất, viết Sửu Mùi, thử tứ chi, hiệu đơn Âm. Bài Lục giáp, bố Bát môn, phân Âm Dương, định Ngũ hành, Âm chuyển Dương, Dương chuyển Âm, hữu thời Dương, hữu thời Âm. Điền điền đảo, vận trung tâm, thiên tâm hoá, Cửu cung canh, thông biến hoá, nhậm hoành hành.

Học khẩu quyết an sao Huyền Không đại quái có tác dụng gì?



Nên nhớ, nắm vững khẩu quyết an sao Huyền Không đại quái là có thể nắm bắt được mối quan hệ giữa Cửu cung và Bát quái, vừa dễ nhớ, vừa thuận tiện trong ứng dụng.



VẬN DỤNG PHONG THỦY KHÔNG GIÀN



## TÌM HIẾM VỀ HUYỀN KHÔNG CỬU TINH

*Cửu tinh chính là Tử bạch phi tinh, tức chín ngôi sao: Nhất Bạch Tham Lang, Nhị Hắc Cự Môn, Tam Bích Lộc Tồn, Tứ Lục Văn Khúc, Ngũ Hoàng Liêm Trinh, Lục Bạch Vũ Khúc, Thất Xích Phá Quân, Bát Bạch Tả Phụ, Cửu Tử Hữu Bật.*

## Nguồn gốc của Cửu tinh

Khái niệm Cửu tinh khởi nguồn từ Thiên văn học của Trung Quốc cổ đại, phía bắc có chòm Bắc Đẩu gồm bảy ngôi sao, trong đó ngôi thứ nhất là Tham Lang, ngôi thứ hai là Cự Môn, ngôi thứ ba là Lộc Tồn, ngôi thứ tư là Văn Khúc, ngôi thứ năm là Liêm Trinh, ngôi thứ sáu là Vũ Khúc, ngôi thứ bảy là Phá Quân, bảy ngôi sao này được gọi chung là Bắc Đẩu thất tinh. Trên thực tế, ở hai bên của Vũ Khúc và Phá Quân còn có hai ngôi sao mà mọi người ít khi chú ý đến, đó là Tả Phụ và Hữu Bật. Hai ngôi sao này cộng với bảy ngôi sao trong chòm Bắc Đẩu hợp thành Cửu tinh. Bắc Đẩu thất tinh chuyển động thuận chiều kim đồng hồ quanh sao Bắc Cực, sao Bắc Đẩu nằm ở hướng chính bắc của trái đất. Số của Lạc thư Cửu cung và phương vị của Bát quái được xác định theo sự chuyển động của chòm Bắc Đẩu quanh sao Bắc Cực.

## Vận dụng Cửu tinh

Trong Cửu tinh, Nhất Bạch, Lục Bạch và Bát Bạch là sao thượng cát; Tứ Lục và Cửu Tử là nửa cát nửa hung; Nhị Hắc, Tam Bích, Ngũ Hoàng và Thất Xích đều là hung tinh, trạng thái cát hung của các sao đều căn cứ theo đại vận, đắc vận thì cát, thất vận thì hung. Ba sao Nhất Bạch, Lục Bạch và Bát Bạch nếu đắc vận, cát càng thêm cát, nếu thất vận vẫn gặp điềm hung. Nhất Bạch là sao chủ về văn chương; Sao Nhị Hắc chủ về bệnh tật, là sao Bệnh Phù. Sao Tam Bích chủ về hiếu dưỡng, hiếu chiến. Sao Tứ Lục là sao Văn Khúc. Sao Ngũ Hoàng là Mậu Kỷ đại sát, chủ về cô độc. Sao Lục Bạch chủ về uy quyền. Sao Thất Xích là sao mang nặng sát khí. Sao Bát Bạch chủ về trẻ nhỏ, cai quản về của cải. Sao Cửu Tử là Hậu thiên Hoả tinh.

Việc vận dụng Cửu tinh trong mỗi vận cần căn cứ theo nguyên tắc suy vong của Phi tinh, sinh vượng đều có thể ứng dùng. Quy tắc phán đoán trạng thái vượng suy trong Tam nguyên Cửu vận chính là "đương vận sẽ vượng, tương lai sẽ sinh, đã qua sẽ suy, qua lâu sẽ chết". Ví dụ, hiện nay đang là vận 8, nên sao Bát Bạch là vượng tinh, Sao Cửu Tử tương đối gần, nên là sao vượng gần, Nhất Bạch là sao vượng xa, vì vậy trong vận 8 chỉ có Bát Bạch và Cửu Tử là có thể dùng được.

**Bảng quan hệ giữa Cửu tinh và Bát quái**

Cửu vận	Cửu cung	Cửu tinh	24 sơn	Bát quái	Bát phương	Bát môn	Ngũ hành
1	Nhất Bạch Khảm	Tham Lang	Nhâm Tý Quý	Khảm	Bắc	Hưu	Thủy
2	Nhị Hắc Khôn	Cự Môn	Mùi Khôn Thân	Khôn	Tây nam	Tử	Thổ
3	Tam Bích Chấn	Lộc Tồn	Giáp Mão Ất	Chấn	Đông	Thương	Mộc
4	Tứ Lục Tốn	Văn Khúc	Thìn Tốn Tỵ	Tốn	Đông nam	Đỗ	Mộc
5	Ngũ Hoàng trung cung	Liêm Trinh					Thổ
6	Lục Bạch Càn	Vũ Khúc	Tuất Hợi	Càn	Tây bắc	Khai	Kim
7	Thất Xích Đoài	Phá Quân	Canh Dậu Tân	Đoài	Tây	Kinh	Kim
8	Bát Bạch Cấn	Tả Phụ	Sửu Cấn Dần	Cấn	Đông bắc	Sinh	Thổ
9	Cửu Tử Ly	Hữu Bật	Bính Ngọ Đinh	Ly	Nam	Cảnh	Hoả

TÌM HIẾM VỀ HUYẾN KHÔNG CỬU TINH














# SỰ CÁT HUNG CỦA CỬU TINH



## HÌNH TƯỢNG CỦA CỬU TINH

<b>Nhất Bạch</b>  Tham Lang	<b>Nhị Hắc</b>  Cự Môn	<b>Tam Bích</b>  Lộc Tồn
<b>Tứ Lục</b>  Văn Khúc	<b>Ngũ Hoàng</b>  Liên Trinh	<b>Lục Bạch</b>  Vũ Khúc
<b>Thất Xích</b>  Phá Quân	<b>Bát Bạch</b>  Tả Phụ	<b>Cửu Tử</b>  Hữu Bật

## TRẠNG THÁI CÁT HUNG ĐẮC VẬN THẤT VẬN CỦA CỬU TINH

Vận trình của Cửu tinh	Ý nghĩa	Đắc vận	Thất vận
<b>Nhất Bạch</b>	Tài nghệ xuất chúng.	Khoa cử đỗ đạt, thông minh hơn người.	Cuộc đời trôi nổi, hại vợ, nhiều bệnh, chết yểu.
<b>Nhị Hắc</b>	Vượng về gia đình và tài lộc.	Giàu có, nhân khẩu hưng vượng.	Khó sinh nở, chết yểu, lắm bệnh.
<b>Tam Bích</b>	Công danh thành tựu.	Chi trường vượng phát, công danh thành tựu.	Bị hen suyễn, khắc vợ, kiện tụng thị phi.
<b>Tứ Lục</b>	Văn chương đỗ đạt.	Thi cử đỗ đạt, con gái dung mạo đoan trang.	Nhiều bệnh tật, nữ dâm loạn, nam mê tửu sắc, dễ tự tử.
<b>Ngũ Hoàng</b>	Sát khí cực mạnh.	Đoan chính trung trực, hiền lương thực đức.	Tổn đình, phá tài, kiện tụng.
<b>Lục Bạch</b>	Quan lại quyền uy.	Công trạng hiển hách, nghiệp võ thành tựu, vượng về người và cửa.	Hình khắc vợ con, cô quả bản hàn.
<b>Thất Xích</b>	Nghiệp võ, sát khí	Tài dinh đều phát, nghiệp võ thành tựu.	Trộm cướp, kiện tụng, chết trong lao tù, gặp hoạ hoạn.
<b>Bát Bạch</b>	Trung lương hiếu nghĩa.	Là người trung hiếu, thiếu nam phú quý.	Có tổn thương nhỏ hoặc bị bệnh dịch.
<b>Cửu Tử</b>	Đỗ đạt vinh hiển	Thi cử đỗ đạt cao, chi thứ đại lợi.	Khó sinh, gặp tai hoạ chốn quan trường hoặc hoạ tai.



## Nhất Bạch phi tinh

Nhất Bạch Tham Lang, Ngũ hành thuộc Thủy, màu sắc là màu trắng, màu xanh lam, màu xám, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc cung Khảm. Khi đắc vận là sao Tài quan, chủ về danh tiếng và chức tước, văn võ song toàn, thời trẻ khoa cử đỗ đạt, tiếng tăm lừng lẫy. Sao này khi đắc vận thì chủ về người nam thông minh, sao này cũng gọi là Tài tinh (sao vượng về của cải), kết hợp với Lục Bạch và Bát Bạch thành Tam đại Tài tinh (ba Tài tinh lớn). Khi thất vận chủ về số đào hoa, vì đam mê tử sắc mà phá gia bại sản, mắc bệnh về tai hoặc thận, thậm chí là bệnh hoa liễu, bệnh AIDS, nữ thì chủ về bệnh ung thư tử cung hoặc ung thư tuyến vú, nặng thì vợ chồng ly dị, sống cô độc hoặc phải sống tha hương cầu thực.

## Nhị Hắc phi tinh

Nhị Hắc Cự Môn, Ngũ hành thuộc Thổ, màu sắc là màu vàng, màu nâu, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc cung Khôn. Khi đắc vận thì giàu có, điền sản phát mạnh, vượng về nhân khẩu, lại phát về binh nghiệp. Là nữ thì đoạt quyền chồng, lắm mưu nhiều kế, sống tiết kiệm, cũng có thể làm bác sỹ. Khi thất vận sẽ trở thành sao Linh Giới hay Bệnh Phù, sẽ gặp phải những điều rủi ro nhất, như chết chóc, mắc bệnh nan y, phá sản tự tử, vợ đoạt quyền chồng, mức độ hung hại tương đương với Ngũ Hoàng.

## Tam Bích phi tinh

Tam Bích Lộc Tôn, Ngũ hành thuộc Mộc, màu sắc là màu xanh, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc cung Chấn. Khi đắc vận thì tài lộc đầy đủ, chấn hưng gia tộc, cơ nghiệp vững vàng, con cái dòng trưởng rất hưng thịnh. Khi thất vận thì gặp kiện tụng thị phi, tiểu nhân hãm hại, gặp trộm cướp, phá sản, bị hình ngục, kiện tụng triền miên, dễ mắc bệnh về máu mủ, dễ mắc bệnh nan y tại tay, chân, tóc, gan. Sao này hiểu đúng thích tranh đua, dễ gặp điều tiếng, phỉ báng.

## Tứ Lục phi tinh

Tứ Lục Văn Khúc, Ngũ hành thuộc Mộc, màu sắc là màu xanh biếc, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc cung Tốn. Khi đắc vận là sao Văn Xương, giỏi về văn hoá và nghệ thuật, khoa cử đỗ đạt, văn chương lừng danh, sống nhờ vợ hoặc lấy được người chồng tốt. Khi thất vận thì chủ về số đào hoa, vì đam mê tử sắc mà gặp họa, bị hen suyễn, mắc bệnh ở gan hoặc từ thất lưng trở xuống, ở thời cổ là điếm trong nhà để có người treo cổ tự tử; thời hiện đại là điếm uống thuốc độc tự tử.

## Ngũ Hoàng phi tinh

Ngũ Hoàng Liêm Trinh, Ngũ hành thuộc Thổ, màu sắc là màu vàng, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc trung cung. Khi đắc vận thì uy nghiêm lừng lẫy như hoàng đế, thống lĩnh bốn phương, bởi vậy long bào của Hoàng đế đời xưa đều có màu vàng. Khi thất vận sẽ trở thành Ngũ Hoàng sát, là Thổ sát cực hung, chủ về chết chóc, nếu nghiêm trọng có thể chết đến năm người hoặc tai họa có liên quan đến số 5, nếu gặp các cát tinh khác có thể hoá giải ít nhiều, nếu lại gặp các hung tinh như Nhị Hắc lại càng thêm hại, chắc chắn sẽ mắc bệnh nan y.





# CỬU TINH VÀ BỆNH TẬT, TAI HOẠ



## MỐI QUAN HỆ GIỮA CỬU TINH VÀ BỆNH TẬT, TAI HOẠ CỦA CON NGƯỜI

Muốn đánh giá Cửu tinh từ góc độ Phi tinh, cần phải xem xét yếu tố sơn hoặc thủy tại vị trí chúng nhập vào, rồi căn cứ vào nguyên, vận để giải thích. Nếu thất vận, lại gặp sơn thủy có hình thế xấu, sẽ chủ về những bệnh tật và tai họa dưới đây.

Tinh quái	Phủ tạng	Bộ phận	Bệnh tật và tai họa
Nhất Bạch ☰ Khâm	Tai		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. U uất, bị chết đuối, chết do ngã từ trên cao xuống, chết cồng.</li> <li>2. Trong nhà có trộm cướp, sinh ra kẻ gian hiểm, sống phong lưu, ham mê tiêu sấu.</li> <li>3. Bệnh tim, ra máu nhiều mà chết, bệnh về tai, thận, vô sinh, sảy thai, bệnh về đường tiết niệu, tính tình lạnh nhạt.</li> </ol>
	Huyết	Nước	
	Thận	Bộ phận sinh dục	
	Tinh	Tâm trí	
Nhị Hắc ☷ Khôn	Bụng	Dạ dày	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Là người keo kiệt, quả phụ, gày gò, kém thông minh.</li> <li>2. Bệnh về dạ dày, thực quản, khó sinh, hoàng đản.</li> <li>3. Địa vị thấp hèn, bị tai nạn xe cộ.</li> <li>4. Mất ngủ, chán ăn, viêm dạ dày, hoàng đản.</li> </ol>
	Tỳ vị		
	Da thịt	Thực quản	
	Chân		
Tam Bích ☱ Chấn	Gan		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Là người không quyết đoán, bị cầm đũa, trộm cướp.</li> <li>2. Bệnh về chân (gãy chân, trẹo chân,...) bệnh về gan.</li> <li>3. Bệnh thần kinh, hay căng thẳng sợ hãi.</li> </ol>
	Tóc		
	Gân	Thần kinh	
	Đùi		
Tứ Lục ☴ Tốn	Gan		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hen suyễn, rụng tóc, bệnh gan, bệnh thần kinh, cảm cúm.</li> <li>2. Sống tha hương cầu thực.</li> <li>3. Danh tiếng không tốt, bị bắt cóc tống tiền.</li> <li>4. Rắn cắn, ong đốt, sái cổ, viêm khớp đùi.</li> </ol>
	Khí		
	Ngực		
	Nội tạng		
Ngũ Hoàng Trung cung	Đầu	Não	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thần kinh rối loạn, điên cuồng, u nhọt, ung thư, xuất huyết não, táo bón, nhiệt.</li> <li>2. Muốn phán đoán về bệnh tật phải căn cứ vào Vận tinh.</li> <li>3. Cả nhà gặp nạn, thiên tai, động đất, nhân họa.</li> </ol>
	Xương	Huyết dịch	
	Phổi trái	Màng phổi	
	Cổ		
Lục Bạch ☱ Càn	Miệng	Thực quản	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đau chân phải, bệnh về phổi (viêm phổi, viêm phế quản, teo phổi, giãn phế nang).</li> <li>2. Viêm màng phổi, nhức xương, đau đầu, xuất huyết não, phù thũng, ung thư phổi.</li> <li>3. Kiện tụng, tai nạn giao thông, ngã từ trên cao xuống.</li> </ol>
	Phổi phải	Khoang ngực	
	Răng	Cổ họng	
	Miệng		
Thất Xích ☲ Đoài	Tay	Khớp	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bệnh về đường sinh dục, khoang miệng, đau răng, viêm họng.</li> <li>2. Ung thư thực quản, ung thư khoang miệng, ung thư phổi.</li> <li>3. Bệnh phụ khoa (kinh nguyệt không đều, đau bụng kinh), khó sinh, gãy xương.</li> <li>4. Phạm trọng án, ly hôn, cặp bồ, bị đe dọa tống tiền.</li> </ol>
	Phổi phải	Khoang ngực	
	Răng	Cổ họng	
	Miệng		
Bát Bạch ☷ Cấn	Tay	Khớp	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tai nạn trên núi, bị đá rơi trúng người, sái khớp.</li> <li>2. Viêm khớp, phong thấp, đau thần kinh tọa, đau lưng, bệnh về mũi.</li> <li>3. Viêm gân, bán thân bất toại, đau chân trái.</li> <li>4. Chán đời, trốn tránh hiện thực.</li> </ol>
	Dạ dày	Chân phải	
	Lưng	Sống lưng	
	Mũi		
Cửu Tử ☰ Ly	Mắt	Đầu, mặt	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bị bỏng, tai nạn máy bay, tự thiêu, gặp hỏa hoạn.</li> <li>2. Bệnh tim, bệnh về mắt (đục thủy tinh thể, viêm kết mạc, bong võng mạc).</li> <li>3. Sốt cao, thủng màng nhĩ, xuất huyết não.</li> <li>4. Bị thương do súng đạn, tử hình, cháy nổ.</li> </ol>
	Tim	Tinh thần	
	Tam tiêu		
	Mắt		

### Lục Bạch phi tinh

Lục Bạch Vũ Khúc, Ngũ hành thuộc Kim, màu sắc là màu trắng, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc cung Càn. Khi đắc vận là Tài tinh, kết hợp với Nhất Bạch và Bát Bạch thành Tam đại tài tinh, khi sinh vượng đắc vận thì vượng nhân đình, quyền uy, làm võ tướng thì công trạng hiển hách. Khi thất vận là sao Thất tài (mất mát, thất thoát tiền của), vì ham mê cờ bạc mà khuyh gia bại sản, chết trong binh đao, khiến người trong nhà phải sống cô quả, mắc bệnh về phổi.

### Thất Xích phi tinh

Thất Xích Phá Quân, Ngũ hành thuộc Kim, màu sắc là màu trắng, màu vàng kim, màu bạc, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc cung Đoài. Khi đắc vận thì đình tài đều vượng, giỏi về ca hát, diễn thuyết, bói toán. Khi thất vận thì chủ về miệng lưỡi thị phi, có người chết trận hoặc bị ngục tù, mắc bệnh về đường hô hấp, miệng lưỡi và phổi.

### Bát Bạch phi tinh

Bát Bạch Tả Phụ, Ngũ hành thuộc Thổ, màu sắc là màu trắng, màu vàng nhạt, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc cung Cấn. Khi đắc vận là Thái Bạch tài tinh, là Tài tinh hạng một, sao này mang lại công danh phú quý, thành công về sự nghiệp, phát về điền trạch, là sao may mắn nhất trong Cửu tinh. Khi thất vận thì mất mát điền sản, bị tổn thương nhẹ, mắc bệnh dịch, tay chân và sống lưng bị tổn thương, ham mê cờ bạc mà lụn bại gia tài.

### Cửu Tử phi tinh

Cửu Tử Hữu Bật, Ngũ hành thuộc Hoả, màu sắc là màu đỏ, màu tím, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc cung Ly. Khi đắc vận sao này là sao may mắn và sao ái tinh, mang lại mối nhân duyên tốt đẹp và số đào hoa, gặp nhiều may mắn, vượng đình vượng tài, sinh thêm con, phát về điền sản, sự nghiệp hưng thịnh. Khi thất vận thì chủ về số đào hoa, nôn ra máu, phá tài tổn đình cực kỳ nhanh chóng, gặp hoả hoạn, mắc bệnh tim, băng huyết.

Trong Cửu tinh, Nhất Bạch, Lục Bạch và Bát Bạch là thượng cát tinh; Tứ Lục và Cửu Tử là sao nửa hung nửa cát; Nhị Hắc, Ngũ Hoàng và Thất Xích là đại hung tinh; Tam Bích cũng là hung tinh, trạng thái cát hung của mỗi sao được phán đoán theo việc có nhập trung cung hay không.

Nói chung, Nhất Bạch tượng trưng cho nghiên cứu, trí tuệ. Nhị Hắc tượng trưng cho bóng lộc và sự trưởng thành. Tam Bích tượng trưng cho sự sáng sủa và tiền đồ. Tứ Lục tượng trưng cho chữ tín và con người. Ngũ Hoàng tượng trưng cho quyền thế, chức sắc. Lục Bạch tượng trưng cho sức sống và sự quyết đoán. Thất Xích tượng trưng cho sức cuốn hút và quan hệ giao tiếp. Bát Bạch tượng trưng cho sự tích trữ và cải cách. Cửu Tử tượng trưng cho danh tiếng.





## MỐI QUAN HỆ GIỮA CỬU TINH VỚI SỨC KHOẺ CON NGƯỜI QUA SƠN HƯỚNG

Nếu bản thân Dương trạch đã có “sơn vượng hướng vượng”, nhưng phía trước của nhà ở có núi, phía sau có nước, hoặc phía trước có nước, phía sau có núi, người sống ở những căn nhà có địa thế như vậy thường dễ mắc các bệnh dưới đây.

Tinh số	Tạng phủ	Cửu tinh	Chữ bệnh	Đặc trưng của bệnh
Nhất Bạch	Thận	Thiên Bồng	Huyết dịch	Ngộ độc rượu, thực phẩm, mắc bệnh liên quan đến buồng trứng.
	Huyết dịch	Tham Lang	Mạch (động mạch và tĩnh mạch)	Bệnh liên quan đến đường tiết niệu, hệ thống tuần hoàn, di tinh, khí hư, đau bụng kinh, ù tai, đau lưng, khô cổ, miệng khát, hoa mắt.
Nhị Hắc	Tỳ	Thiên Nhậm	Tỳ vị	Bệnh ung thư (Trung nguyên và Hạ nguyên), bệnh liên quan đến thực quản và tá tràng.
	Cơ	Cự Môn	Tiêu hoá	Viêm ruột, viêm dạ dày, sa dạ dày, táo bón, chán ăn, đau răng, đầy bụng, bệnh ngoài da.
Tam Bích	Mật	Thiên Trụ	Chứng nhiệt	Đầu, mặt và chân tay bị thương, gặp tai nạn ngoài ý muốn.
	Thần kinh	Lộc Tồn	Béo phì	Bị tai nạn tại giếng, mộ, bị trộm cướp, bất cóc tổng tiền.
Tứ Lục	Gan	Thiên tâm		Là thiên thần giáng hạ, dễ mắc họa về gió bão, bị rắn cắn.
	Vận động	Vân Khúc	Chứng hàn	Tiền thiên bất túc, hen suyễn, phong thấp, hói đầu.
Ngũ Hoàng	Não	Thiên Cẩm	Miệng	Gặp Thổ sát, chết đột ngột, tinh thần phân liệt.
	Nội tạng	Liêm Trính	Thần kinh	Đau đầu chóng mặt, ngộ độc, mất ngủ, đau dây thần kinh, trầm cảm, u bướu.
Lục Bạch	Xương	Thiên Phú	Đầu	Bệnh thần kinh suy nhược khi về già.
	Tư tưởng	Vũ Khúc	Mũi	Ho, khô họng, hen suyễn, cảm cúm, viêm khớp, đau nhức xương.
Thất Xích	Phổi	Thiên Vệ	Bệnh lao	Khó sinh, bệnh AIDS, bệnh về đường sinh dục.
	Hô hấp	Phá Quân	Bệnh phổi	Viêm phổi, hen suyễn, bệnh phụ khoa, mặt và tay chân nứt se, đau răng, ung thư khoang miệng.
Bát Bạch	Dạ dày	Thiên Nhuế	Sống lưng	Mắc bệnh mê loạn, tiểu tụy, đau thần kinh tọa, gãy xương, sỏi khớp.
	Tay chân	Tả Phụ	Bệnh thông thường	Kết sỏi, đau chân trái, viêm phúc mạc, đau lưng.
Cửu Tử	Tim	Thiên Anh	Trúng gió	Bất an, đau ngực, băng huyết, cao huyết áp, hoả hoạn, trúng độc khí gas, điện giật.
	Thị giác	Hữu Bát	Bệnh thông thường	Bệnh về mắt, bệnh tim, bồng, hay sợ hãi, gặp ác mộng, xích đói, mụn sởi, bồng.



## BÀI CA QUYẾT VỀ HAI TƯ CÁT TINH, HUNG TINH TRONG DƯƠNG TRẠCH

*Hệ thống hai mươi tư cát tinh, hung tinh theo quan niệm phổ biến hiện nay bao gồm: Long Lôu, Ngọc Diệp, Bát Vũ, Đế Toạ, Loan Giá, Thiên Điều, Phượng Các, Kim Sương, Quỷ Kiếp, Tướng Quân, Công Tào, Thiên Cương, Bảo Điện, Kim Chi, Viêm Liệt, Long Trì, Đế Liễu, Thiên Sát, Bảo Cái, Ngọc Ấn, Kiếp Sát, Hoa Cái, Trực Phù, Địa Sát.*

### Hai mươi tư Thiên tinh

Theo quan niệm của người Trung Quốc cổ đại, sự vận hành của mặt trời, mặt trăng, các vì sao và sự xuất hiện của mây, gió, sấm, chớp đều không chỉ là những hiện tượng tự nhiên, mà có liên quan mật thiết đến các sự vật trên trần gian, đạo trời và con người có mối liên hệ qua lại hết sức khăng khít. Người Trung Quốc có lịch sử quan sát thiên tượng rất lâu đời, và cũng bảo tồn được một khối lượng khổng lồ những tài liệu thiên văn học, thể hiện sự quan tâm của con người với đạo trời.

Các nhà phong thủy thời cổ đại đã chọn ra hai mươi tư vì sao trong số các thiên thể để kết hợp với hai mươi tư sơn, để tạo nên Thiên tinh bàn gồm hai mươi tư ngôi. Thiên tinh có hung có cát, hai mươi tư sơn cũng có hung có cát. Tương truyền hai mươi tư Thiên tinh là do Lại Văn Tuấn đời Tống sáng lập, tác phẩm “Thôi quan thiên” của ông chính là xuất phát từ hai mươi tư Thiên tinh để bàn luận về trạng thái cát hung của long, huyệt, sa và thủy.

### La bàn và hai mươi tư Thiên tinh

Do dòng lưu truyền khác nhau nên hai mươi tư Thiên tinh cũng có những hệ thống tên gọi khác nhau, mỗi dạng la bàn khác nhau cũng có cách sắp xếp khác nhau.

Hai mươi tư Thiên tinh trong “Thôi quan thiên” của Lại Văn Tuấn là: Thiên Đế, Dương Quang, Thiên Đạo, Thiên Trù, Thiên Thị, Thiên Bội, Thiên Uyển, Thiên Mệnh, Thiên Quan, Thiên Cương, Thái Ất, Thiên Bình, Thiên Vi, Thiên Mã, Thiên Trụ, Thiên Thường, Thiên Việt, Thiên Quan, Thiên Hán, Thiếu Vi, Thiên Ất, Thiên Khôi, Thiên Cửu, Thiên Hoàng.

Hai mươi tư Thiên tinh trong Huy bàn gồm: Thiên Phụ, Thiên Lũy, Thiên Hán, Thiên Trù, Thiên Thị, Thiên Bội, Thiên Uyển, Thiên Hành, Thiên Quan, Thiên Cương, Thái Ất, Thiên Bình, Thái Vi, Thiên Mã, Nam Cực, Thiên Thường, Thiên Việt, Thiên Quan, Thiên Hoàng, Thiếu Vi, Thiên Ất, Thiên Khôi, Thiên Cửu, Thiên Hoàng.

Hai mươi tư Thiên tinh trên la bàn của Đài Loan và Hồng Kông sản xuất gồm: Long Lôu, Ngọc Diệp, Bát Vũ, Đế Toạ, Loan Giá, Thiên Điều, Phượng Các, Kim Sương, Quỷ Kiếp, Tướng Quân, Công Tào, Thiên Cương, Bảo Điện, Kim Chi, Viêm Liệt, Long Trì, Đế Liễu, Thiên Sát, Bảo Cái, Ngọc Ấn, Kiếp Sát, Hoa Cái, Trực Phù, Địa Sát.



## Hai mươi tư Thiên tinh đương vận

Có một số thầy phong thủy khi sử dụng la bàn thường dùng nguyên vận, Thiên tinh còn có một phương pháp sắp xếp là biến đổi theo vận. Hai mươi tư sơn phối với Thiên tinh lại có một phương pháp sắp xếp khác, đó là sắp xếp theo nguyên vận, từ năm 2004 đến năm 2023 là vận 8 Hạ nguyên, Thiên tinh thay đổi theo nguyên vận. Ví dụ: coi Long Lôu là Thiên tinh chủ vận, đến vận 8 thì Long Lôu sắp ở sơn Cấn.



## HAI MƯƠI TƯ THIÊN TINH

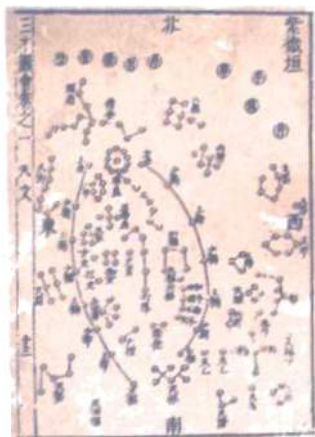


### TAM VIÊN VÀ NHỊ THẬP BÁT TÚ

Tam viên, tức là chia các hằng tinh xoay chuyển quanh cực Bắc và các hằng tinh ở giữa bầu trời thành ba khu vực chính, lần lượt là Tử Vi viên, Thái Vi viên và Thiên Thị viên. Trong đó, Thái Vi viên là Thượng viên, Tử Vi viên là Trung viên, Thiên Thị viên là Hạ viên, mỗi viên gồm vài chục ngôi sao.



Thái Vi viên



Tử Vi viên

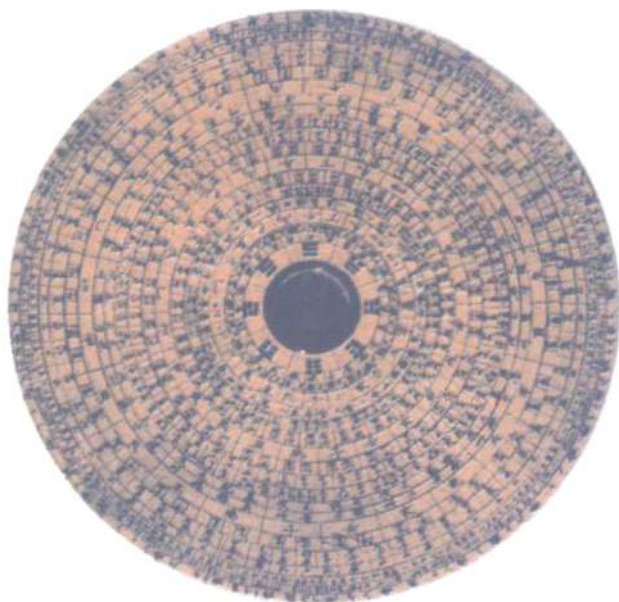


Thiên Thị viên

Viên

### TẦNG HAI MƯƠI TƯ THIÊN TINH CỦA HUY BÀN

Hai mươi tư sơn là sự phân chia phương hướng, tức là đem tám Thiên can, mười hai Địa chi và tứ duy của Lạc thư nạp vào tám hướng, hướng bắc Nhâm - Tý - Quý, hướng đông bắc Sửu - Cấn - Dần, hướng đông Giáp - Mão - Ất, hướng đông nam Thìn - Tốn - Ty, hướng nam Bính - Ngọ - Đinh, hướng tây nam Mùi - Khôn - Thân, hướng tây Canh - Dậu - Tân, hướng tây bắc Tuất - Càn - Hợi.



Hai mươi tư Thiên tinh của Huy bàn là: Thiên Phụ, Thiên Lũy, Thiên Hán, Thiên Trù, Thiên Thị, Thiên Bội, Thiên Uyển, Thiên Hành, Thiên Quan, Thiên Cương, Thái Ất, Thiên Bình, Thái Vi, Thiên Mã, Nam Cực, Thiên Thường, Thiên Việt, Thiên Quan, Thiên Hoàng, Thiểu Vi, Thiên Ất, Thiên Khôi, Thiên Cửu, Thiên Hoàng.

### BẢNG HAI MƯƠI TƯ THIÊN TINH CỦA HUY BÀN

Số thứ tự	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
24 sơn	Nhâm	Tý	Quý	Sửu	Cấn	Dần	Giáp	Mão	Ất	Thìn	Tốn	Tỵ
Âm Dương	Dương	Dương	Dương	Âm	Âm	Dương	Dương	Âm	Dương	Dương	Âm	Âm
Thiên tinh	Thiên phụ	Thiên lũy	Thiên hán	Thiên trù	Thiên thị	Thiên bội	Thiên uyển	Thiên hành	Thiên quan	Thiên cương	Thái ất	Thiên bình
Cát hung	Cát	Cát	Bình	Hung	Bình	Cát	Hung	Bình	Bình	Hung	Cát	Cát
Số thứ tự	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
24 sơn	Bính	Ngọ	Đinh	Mùi	Khôn	Thân	Canh	Đậu	Tân	Tuất	Càn	Hợi
Âm Dương	Âm	Dương	Âm	Âm	Dương	Dương	Âm	Âm	Âm	Dương	Dương	Âm
Thiên tinh	Thái vi	Thiên mã	Nam cực	Vô thường	Thiên việt	Thiên quan	Thiên hoàng	Thiểu vi	Thiên ất	Thiên khôi	Thiên cửu	Thiên hoàng
Cát hung	Cát	Bình	Cát	Hung	Bình	Bình	Hung	Cát	Cát	Hung	Cát	Cát

TÌM HIẾM VỀ HUYỀN KHÔNG CỬU TINH



## MỐI QUAN HỆ GIỮA MỆNH QUÁI VÀ PHƯƠNG VỊ

*Phong thủy Bát trạch đã phân chia một cách nghiêm ngặt Dương trạch thành tám bộ phận, gồm hướng đông, hướng nam, hướng tây, hướng bắc, hướng đông bắc, hướng đông nam, hướng tây nam và hướng tây bắc. Xét về lý luận thì tám phương vị này có liên quan đến mệnh quái của con người, mỗi phương vị lại hợp với một số mệnh quái nhất định và cũng không hợp với một số mệnh quái nhất định.*

## Bát quái và tám hướng

Thứ tự của tám quẻ thuận theo chiều kim đồng hồ, từ phương bắc đếm thuận chiều kim đồng hồ là: Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Càn. Tám tượng quẻ này tương ứng với tám phương vị: hướng đông thuộc Chấn, hướng nam thuộc Ly, hướng tây thuộc Đoài, hướng bắc thuộc Khảm, hướng đông nam thuộc Tốn, hướng tây nam thuộc Khôn, hướng tây bắc thuộc Càn, hướng đông bắc thuộc Cấn.

Toạ hướng của một ngôi nhà sẽ quyết định ngôi nhà đó thuộc quẻ gì: nhà quay lưng về hướng đông là Chấn trạch, cửa chính hướng tây. Nhà quay lưng về hướng nam là Tốn trạch, cửa chính hướng bắc. Nhà quay lưng về hướng tây nam là Khôn trạch, cửa chính hướng đông bắc. Nhà quay lưng về hướng tây là Đoài trạch, cửa chính hướng đông. Nhà quay lưng về hướng tây bắc là Càn trạch, cửa chính hướng đông nam. Nhà quay lưng về hướng bắc là Khảm trạch, cửa chính hướng nam. Nhà quay lưng về hướng đông bắc là Cấn trạch, cửa chính hướng tây nam.

Thuộc tính Ngũ hành của Bát quái là: Cấn thuộc Dương Mộc, Tốn thuộc Âm Mộc, Ly thuộc Âm Hỏa, Khảm thuộc Dương Thủy, Càn thuộc Dương Kim, Đoài thuộc Âm Kim, Cấn thuộc Dương Thổ, Khôn thuộc Âm Thổ. Khi biết được thuộc tính Ngũ hành của Bát quái, ta cũng có thể biết được thuộc tính Ngũ hành của tám hướng. Hướng đông thuộc Chấn, vì vậy Ngũ hành thuộc Mộc. Hướng đông nam thuộc Tốn, cũng thuộc Mộc. Hướng bắc thuộc Khảm, Ngũ hành thuộc Thủy. Hướng nam thuộc Ly, Ngũ hành thuộc Hỏa, các hướng trên đều thuộc quẻ Đông tứ. Còn hướng đông bắc thuộc Cấn, Ngũ hành thuộc Thổ. Hướng tây nam thuộc Khôn, Ngũ hành cũng thuộc Thổ. Hướng tây thuộc Đoài, Ngũ hành thuộc Kim. Hướng tây bắc thuộc Càn, Ngũ hành cũng thuộc Kim, các hướng trên đều thuộc quẻ Tây tứ. Vậy là trong Bát trạch, có thể chia thành Đông tứ trạch và Tây tứ trạch. Đông tứ trạch lần lượt là Chấn trạch (lưng quay hướng đông, mặt hướng tây), Ly trạch (lưng quay hướng nam, mặt hướng bắc), Tốn trạch (lưng quay hướng đông nam, mặt hướng tây bắc), Khảm trạch (lưng quay hướng bắc, mặt hướng nam). Tây tứ trạch là: Càn trạch (lưng quay hướng tây bắc, mặt hướng đông nam), Đoài trạch (lưng quay hướng tây, mặt hướng đông), Cấn trạch (lưng quay hướng đông bắc, mặt hướng tây nam), Khôn trạch (lưng quay hướng tây nam, mặt hướng đông bắc).

## Đông Tây bát trạch không nên nhầm lẫn

Nếu Đông tứ trạch không lẫn lộn với Tây tứ trạch, sẽ đều là Mộc Hoả tương sinh. Nếu Tây tứ trạch không lẫn lộn với Đông tứ trạch, sẽ đều là Thổ Kim tương sinh. Nếu Đông tứ trạch lẫn với Tây tứ trạch, hoặc Tây tứ trạch lẫn với Đông tứ trạch thì không phải là Mộc khắc Thổ, sẽ là Hoả khắc Kim, Kim khắc Mộc. Vì vậy Đông tứ trạch và Tây tứ trạch không thể lẫn lộn với nhau, nếu lẫn với nhau là không tốt.

Các nhà phong thủy cho rằng, người Đông tứ mệnh sinh vào các năm Chấn, Ly, Tốn, Khảm thì chỉ có thể ở Đông tứ trạch có toạ hướng Chấn, Ly, Tốn, Khảm. Còn những người Tây tứ mệnh sinh vào các năm Càn, Đoài, Cấn, Khôn chỉ có thể sống ở Tây tứ trạch có toạ hướng Càn, Đoài, Cấn, Khôn. Lấy toạ hướng của năm, sau đó dựa vào toạ hướng và sự thay đổi của quẻ tám phương cùng thuộc tính Ngũ hành để bàn luận cát hung.

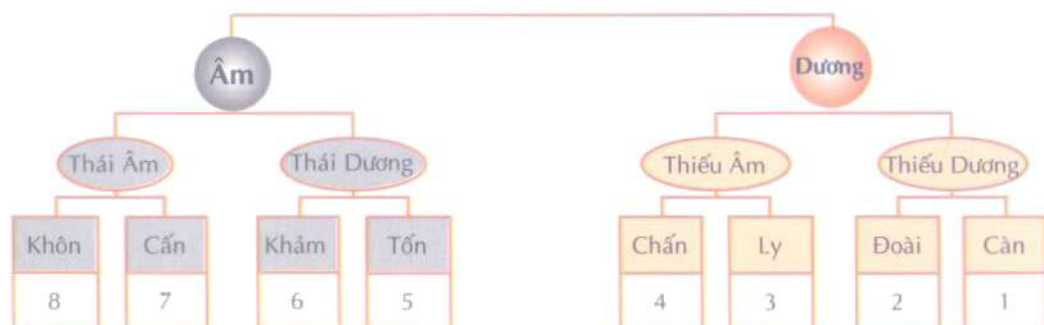


## SƠ ĐỒ BÁT TRẠCH



### SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ TIÊN THIÊN BÁT QUÁI

#### THÁI CỰC



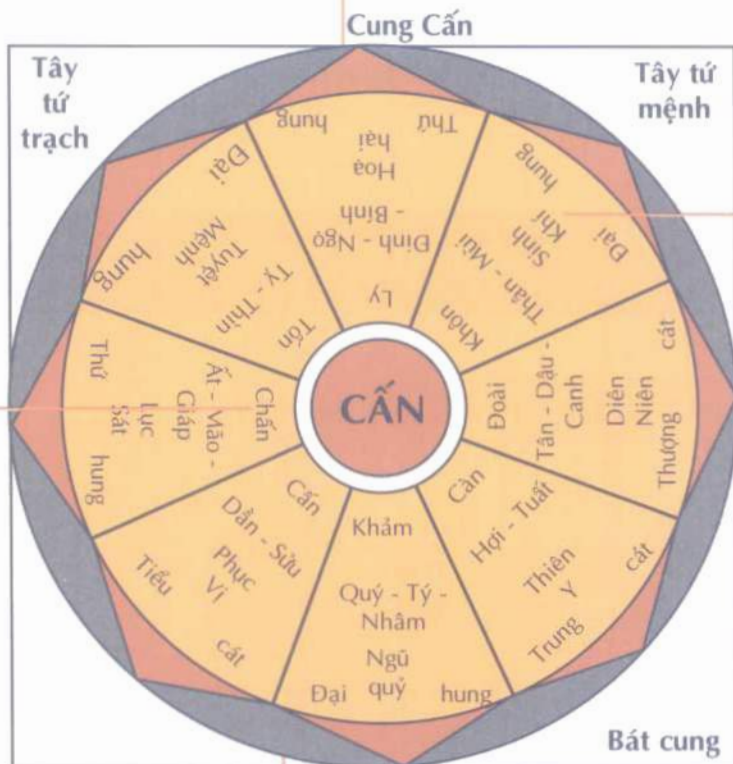
MỐI  
QUAN  
HỆ  
GIỮA  
MỆNH  
QUÁI  
VÀ  
PHƯƠNG  
VỊ



## PHÂN TÍCH SƠ ĐỒ BÁT TRẠCH

Nhìn từ trong ra ngoài, chữ “Cần, Khâm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài” ở giữa lần lượt là toạ sơn của Bát trạch, hoặc là mệnh trong năm sinh của người này.

Tám chữ “Cần, Khâm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài” ở tầng thứ nhất lần lượt tương trưng cho 8 hướng, tức Cần là hướng Tây bắc, Khâm là hướng chính Bắc, Cấn là hướng Đông bắc, Chấn là hướng chính Đông, Tốn là hướng Đông nam, Ly là hướng chính Nam, Khôn là hướng Tây nam, Đoài là hướng chính Tây.



Những chữ như thượng cát, trung cát, tiểu cát, đại hung, thứ hung ở bên cạnh du niên nói rõ sự cát hung của du niên tại phương vị này.

Tầng thứ hai là 24 sơn: Nhâm, Tý, Quý, Sửu, Cấn, Dần, Giáp, Mão, Ất, Thìn, Tốn, Ty, Bính, Ngọ, Đinh, Mùi, Khôn, Thân, Dậu, Tuất, Càn, Hợi.

Phục Vị, Sinh Khí, Diên Niên, Thiên Y, Lục Sát, Ngũ Quý, Hoạ Hại, Tuyệt Mệnh ở tầng ngoài cùng, nói rõ vị trí phân bố du niên của mệnh hoặc của nhà.



Quẻ du niên là gì?



Quẻ du niên là chỉ: hướng tây bắc là Phục Vị, hướng bắc là Lục Sát, hướng đông bắc là Thiên Y, hướng đông là Ngũ Quý, hướng đông nam là Hoạ Hại, hướng nam là Tuyệt Mệnh, hướng tây nam là Diên Niên, hướng tây là Sinh Khí.

## Nguồn gốc cát hung của Sinh khí Bát trạch

Thái cực phân Âm Dương, trong Dương có Âm có Dương, tức Thái Dương, Thiếu Âm. Trong Âm cũng có Dương có Âm, tức Thái Âm, Thiếu Dương. Trong Thái Dương, Dương Cần Âm Đoài. Trong Thiếu Âm, Dương Chấn Âm Ly. Trong Thiếu Dương, Dương Khảm, Âm Tốn. Trong Thái Âm, Dương Cấn Âm Khôn. Đó chính là nội dung được phản ánh trong Tiên thiên Bát quái.

Cần ứng với 9, tượng trưng cho cha; Khôn ứng với 1, tượng trưng cho mẹ; Tốn ứng với 2, tượng trưng cho trưởng nữ; Khảm ứng với 7, tượng trưng cho thứ nam; Ly ứng với 3, tượng trưng cho thứ nữ; Cấn ứng với 6, tượng trưng cho thiếu nam; Đoài ứng với 4, tượng trưng cho thiếu nữ. Đó chính là nội dung được phản ánh trong Hậu thiên Bát quái. Căn cứ vào Hà đồ và Lạc thư thì 5 thuộc trung cung.

Vì vậy, hợp của Tiên thiên là Sinh Khí, hợp của Hậu thiên là Diên Niên, hợp của số 5 là Thiên Y. Cần và Ly, Đoài và Chấn, Khôn và Khảm, Cấn và Tốn lấy Âm khắc Dương là Tuyệt Mệnh. Cần và Chấn, Tốn và Khôn, Khảm và Cấn, Đoài và Ly lấy Dương khắc Dương, Âm khắc Âm, là Ngũ Quỷ. Cần và Khảm, Cấn và Chấn, Tốn và Đoài, Khôn và Ly thì lục thân tương hình, là Lục Sát. Cần và Tốn, Khảm và Đoài, Cấn và Ly, Khôn và Chấn thì Kim Thủy tương khắc, mà Tý - Dậu - Sửu - Ngọ thì tương phá, là Hoạ Hại.

Mỗi hướng trong Bát trạch đều có trạng thái cát hung khác nhau, tất cả đều căn cứ vào tượng quẻ và Ngũ hành sinh khắc. Mặt khác, trạng thái cát hung của mỗi hướng cũng liên quan đến Long pháp Cửu tinh, hướng cát Sinh Khí là Tham Lang Mộc tinh, thượng cát. Hướng cát Diên Niên là Vũ Khúc Kim tinh, thượng cát. Hướng cát Thiên Y là Cự Môn Thổ tinh, trung cát. Hướng cát Phục Vị là Phụ Bát Mộc tinh, tiểu cát. Hướng hung Tuyệt Mệnh là Phá Quân Kim tinh, đại hung. Hướng hung Ngũ Quỷ là Liêm Trinh Hỏa tinh, đại hung. Hướng hung Hoạ Hại là Lộc Tồn Thổ tinh, trung hung. Hướng hung Lục Sát là Văn Khúc Thủy tinh, tiểu hung. Khi phân định được hướng cát hung thì có thể bắt tay kiến tạo nhà cửa, nhà hoặc cửa ở hướng cát nên cao và rộng, nhà hoặc cửa ở hướng hung nên thấp.

Trong "Bát trạch Chu thư" cũng trình bày về trạng thái cát hung của nhà ở thuộc tám toạ hướng khác nhau: Sinh Khí, Diên Niên là thượng cát; Thiên Y là trung cát; Phục Vị là tiểu cát; Tuyệt Mệnh, Ngũ Quỷ là đại hung; Hoạ Hại, Lục Sát là thứ hung; Hữu Bát bất định. Phục Vị tức toạ sơn. Trong đó có một điều rất rõ ràng là, khi Phục Vị ở vào bất kỳ một trạch vị nào đó thuộc Đông tứ trạch, ba trạch vị còn lại trong Đông tứ trạch đều cát, còn toàn bộ Tây tứ trạch đều hung. Khi Phục Vị ở vào bất kỳ một trạch vị nào thuộc Tây tứ trạch, ba trạch vị khác trong Tây tứ trạch đều cát, còn toàn bộ Đông tứ trạch đều hung. Qua đó có thể chứng minh được điểm tương tự trong cùng một dạng trạch mệnh và điểm khác biệt giữa những trạch mệnh khác nhau.

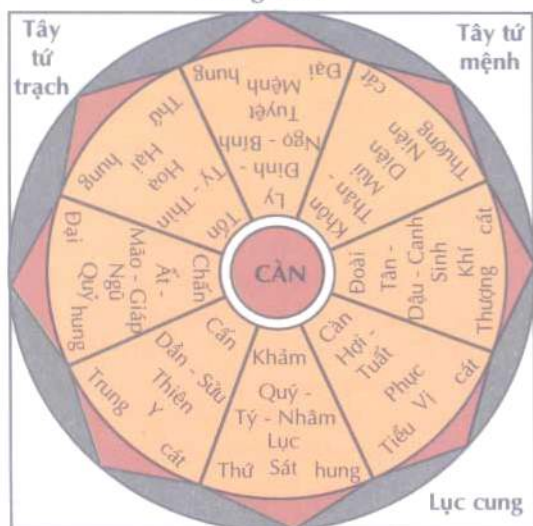




# SƠ ĐỒ ĐÔNG TỬ TÂY TỬ BÁT TRẠCH

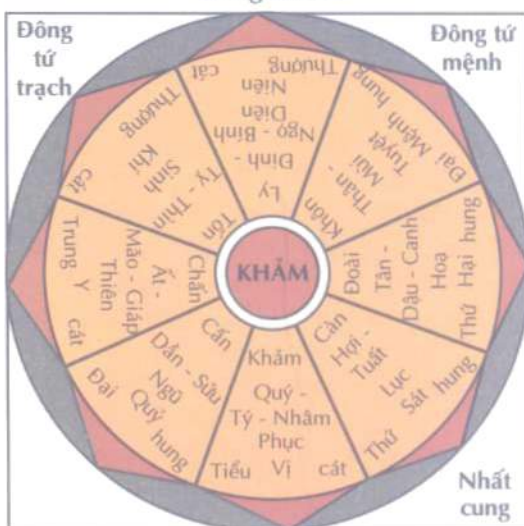


### Cung Càn



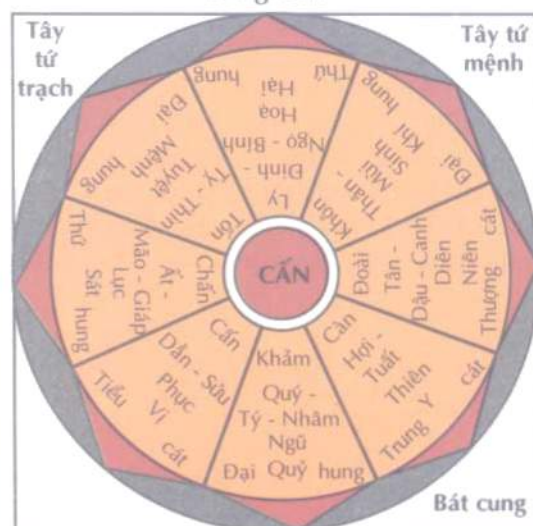
### Cung Càn

### Cung Khảm



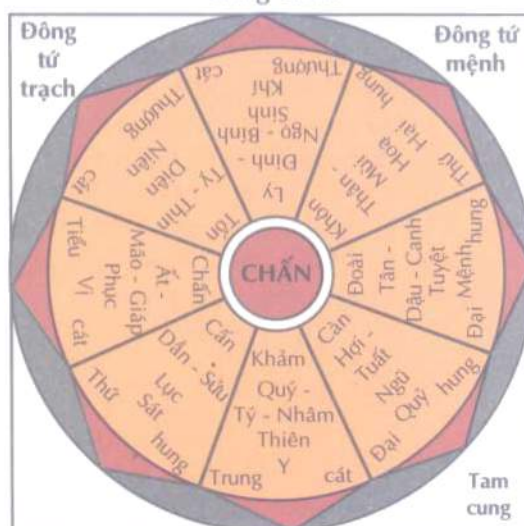
### Cung Khảm

### Cung Cấn



### Cung Cấn

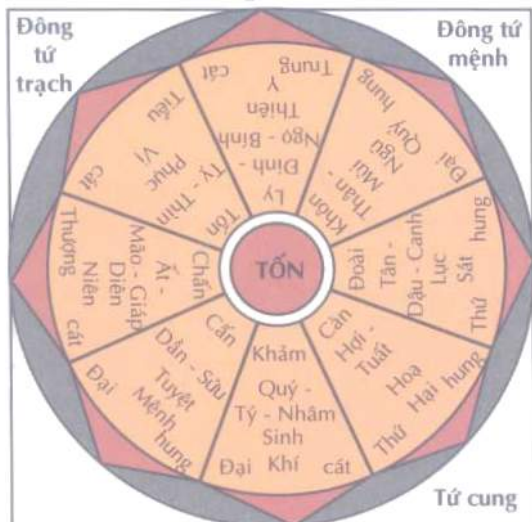
### Cung Chấn



### Cung Chấn

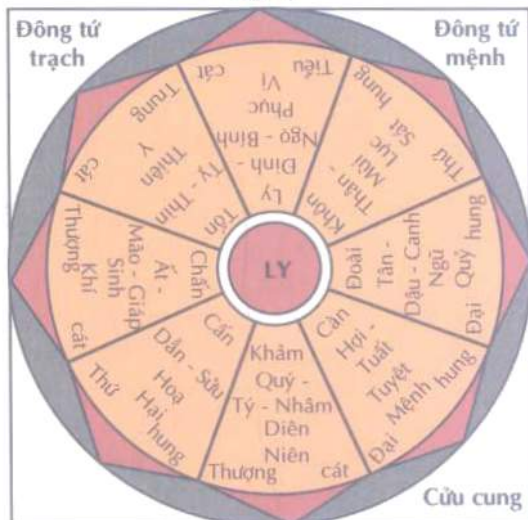


Cung Tốn



Cung Tốn

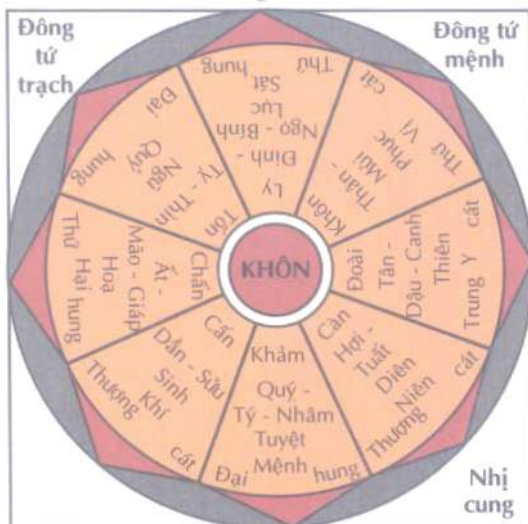
Cung Ly



Cung Ly

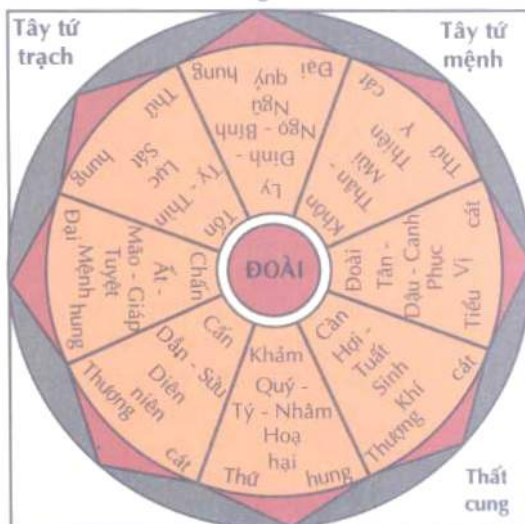
Cung Khôn

Tây tứ mệnh



Cung Khôn

Cung Đoài



Cung Đoài

MỐI QUAN HỆ GIỮA MỆNH QUÁI VÀ PHƯƠNG VỊ





## KHỞI NGUỒN CỦA THUẬT TRẤN TRẠCH

*“Yếm thắng” còn gọi là “yếm trấn”, nghĩa là “dùng lời nguyện để trấn phục”, đó là một loại phép thuật được lưu truyền từ rất lâu. Trong yếm trấn cát tường, từ “yếm” đồng nghĩa với từ “áp”, tức chỉ sự “tương khắc” trong Ngũ hành. Như vậy, yếm trấn cát tường tức là khắc chế tà ma, xua đuổi hung ác.*

### Khởi nguồn của thuật yếm trấn

Nghe nói những thợ thủ công thời xưa rất giỏi thuật yếm thắng, vì thợ thủ công ngày xưa có địa vị thấp hèn, thường bị những người chủ vô lương tâm ngược đãi, chèn ép và cất xén tiền công. Điều đó khiến họ cảm thấy vô cùng phẫn nộ, liền nhân cơ hội đang làm việc, sử dụng thuật yếm thắng để báo thù, họ đã chôn những vật chuyên dùng để trấn yếm vào trong nhà. Khi người chủ ở trong căn nhà đó, thì vận khí của cả gia đình họ sẽ trở nên sa sút, nhẹ thì gia trạch không yên, có khi còn làm tổn thương hoặc gây chuyện thị phi, nặng thì mắc những căn bệnh quái ác, gặp tai nạn, trẻ con thì chết yểu, thậm chí chết người phá sản, nên đây là một dạng lời nguyện vô cùng ác độc.

### Yếm trấn cát tường

Thuật yếm trấn có thiện có ác, những đồ vật được dùng trong thuật yếm trấn được gọi là “vật trấn yếm”. Có rất nhiều cách yếm, nhưng không phải tất cả đều nhằm mục đích hại người. Trong hai mươi bảy cách yếm trấn, có tới mười cách có thể giúp cho gia trạch được hưng vượng, thậm chí có thể thăng quan tiến chức, nên được gọi là “yếm trấn cát tường”. Ví dụ: giấu một chiếc thuyền nhỏ vào trong đầu nhà (miếng gỗ nối cột nhà với xa ngang), nếu hướng vào trong thì có lợi cho tài vận của gia chủ, nếu hướng ra ngoài thì có hiệu quả ngược lại. Hay giấu một chiếc lá quế vào trong đầu nhà sẽ có lợi cho nghiệp học của gia chủ; Để một ít gạo vào trong đầu nhà sẽ có lợi cho tài vận của gia chủ; Giấu một cây thuộc họ tùng bách vào một chỗ bất kỳ nào đó trong nhà thì có thể tăng tuổi thọ cho gia chủ; Giấu một cây bút lông vào giữa khe cửa thì gia chủ luôn là người đáng được kính trọng; Lăn lượt viết “đại cát, bình an, thái bình” lên ba lá trúc mọc liền nhau rồi giấu lên xà ngang trên mái nhà, như vậy có thể giữ cho gia trạch luôn được bình an; Để hai đồng tiền cổ (mặt phải ngửa lên trên) lên hai đầu của xà chính có thể giúp cho gia chủ danh lợi song toàn; Giấu một hộp mực và một cây bút vào trong thanh xà ngang sẽ có lợi cho đường làm quan của gia chủ; Nhưng nếu đầu bút toé ra thì có thể bị cách chức; Vẽ hình chiếc hồ lô vào trong khe nối đầu tường sẽ có lợi cho công việc bói toán, chiêm tinh hoặc y thuật của gia chủ; Vẽ lùa cổng lên xà nhà, vẽ chiếc dây thắt lưng lên thanh xà ngang hoặc vẽ chiếc ủng lên bậu cửa sẽ có lợi cho con đường công danh của gia chủ.

“Nước có thể đẩy thuyền đi, nhưng cũng có thể làm lật thuyền”. Thuật yếm trấn tuy có thể giúp cho gia chủ được thuận buồm xuôi gió, nhưng cũng có thể khiến cho gia trạch bất an, thuật yếm trấn này được gọi là “yếm trấn chế áp”. Nghe nói nếu giấu một con dao có quấn vài sợi tóc dưới bậc cửa thì trong nhà



có người đàn ông xuất gia. Cách hoá giải là bỏ con dao đó vào trong đồng lửa để đốt.

Trong xã hội hiện nay rất hiếm người sử dụng thuật yểm trấn. Nhưng lại có rất nhiều thầy phong thủy biết sử dụng các thuật thôi tài (cầu tài), thôi tử (cầu tự), thôi quan (cầu chức tước) hoặc kéo dài tuổi thọ. Tuy đạo cụ (cách bài trí theo phong thủy và vật trấn yểm) mà họ sử dụng khác nhau, nhưng về nguyên lý đều giống như thuật yểm thắng.

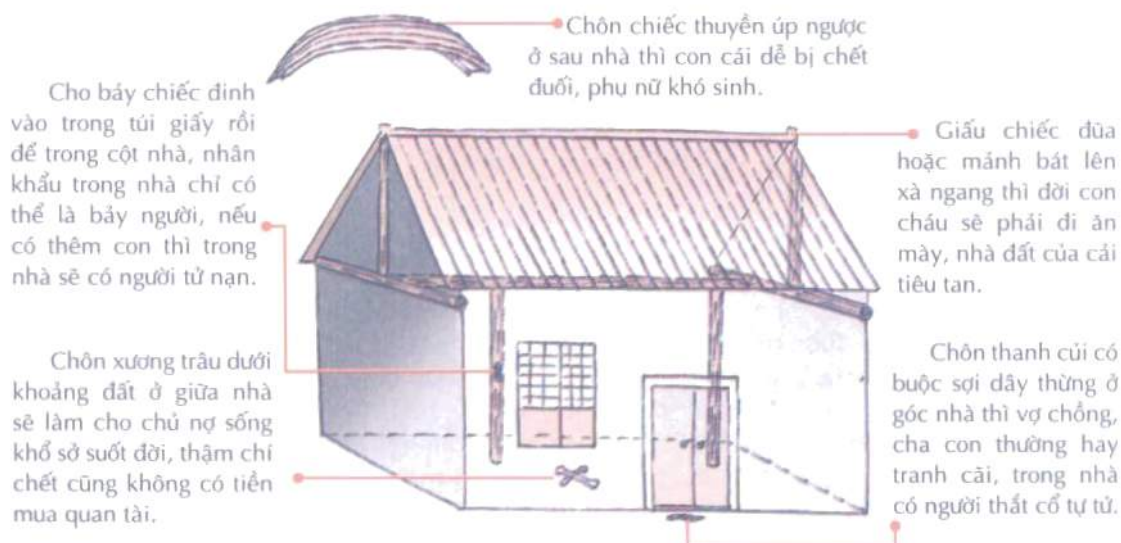


## SỰ XUẤT HIỆN CỦA THUẬT TRẤN TRẠCH



### KHỞI NGUỒN CỦA THUẬT TRẤN TRẠCH

Sự khởi nguồn của thuật Trấn trạch liên quan rất nhiều đến thuật yểm thắng của những người thợ thủ công thời xưa. Thời xưa, thợ thuyền thường bị chủ nhân áp bức, họ báo thù bằng cách đem giấu những vật trấn yểm trong nhà chủ. Sau khi vào ở thì gia trạch của chủ nhân không được yên ổn, thậm chí có thể dẫn tới cảnh tan cửa nát nhà, chết người, đây là một hình thức nguyên rủa vô cùng ác độc.



KHỞI  
NGUỒN  
CỦA  
THUẬT  
TRẤN  
TRẠCH

### SỬ DỤNG THUẬT YỂM TRẤN CÁT TƯỜNG

<p>Trên xà ngang trong nhà có ba lá trúc dính liền nhau, trên lá trúc có ghi "đại cát, bình an, thái bình", gia chủ luôn gặp may mắn và bình an.</p>	<p>Trong nhà có cành tùng hoặc cành bách, đặt ở bất kỳ chỗ nào trong nhà, gia chủ sẽ sống lâu.</p>	<p>Trong nhà có tiền đồng, lần lượt để ở hai bên của xà chính thì phúc thọ tài lộc dồi dào, chồng con được hiển quý.</p>



## PHÉP THUẬT TRONG PHONG THỦY HỌC

chương

2

*Do sự hạn chế về mặt nhận thức nên người xưa cho rằng, nguyên nhân của họa phúc là do làm trái những điều kiêng kỵ hoặc xúc phạm tới thần linh gây nên. Cách giải trừ vận đen chính là phải dựa vào các thế lực thần bí để giải trừ tai ách, dần dần hình thành những phương pháp mang tính phép thuật trong phong thủy, tức phép trấn trạch.*

## Sự xuất hiện của phép trấn trạch

Người xưa cho rằng nguyên nhân của tai họa là do làm trái với các điều cấm kỵ, xúc phạm tới thần linh... Phương pháp hoá giải chính là dựa vào các thế lực thần bí để giải trừ tai ách, chuyển nguy thành an. Vì thế phép trấn trạch trở thành một bộ phận quan trọng trong tập tục sinh hoạt của nhân dân. Mọi người thường dựa vào những linh vật trấn trạch và các vị thần hộ mệnh trong tôn giáo để thực hiện nguyện vọng xua đuổi ma quỷ, cầu bình an cho gia đình.

## Linh vật và vật phụ trợ dùng trong phép trấn trạch

Đá là linh vật trấn trạch được sử dụng khá phổ biến trong phép trấn trạch, căn cứ vào mục đích trấn trạch khác nhau mà phân thành đá đỏ, đá vàng, đá đen, đá xanh, đá trắng... Ngay từ thời xưa mọi người đã coi đá là linh vật trừ tà, cách làm thường là chôn xuống đất. Những thứ như hùng hoàng, đá từ, thủy ngân từ thời xưa đã được sử dụng trong Đông y, nhưng cũng được các thầy phong thủy sử dụng trong thuật yểm trấn. Thời xưa, thủy ngân được cho là có tác dụng trường sinh, nên mọi người thường dùng kết hợp với hùng hoàng trong phép trấn trạch.

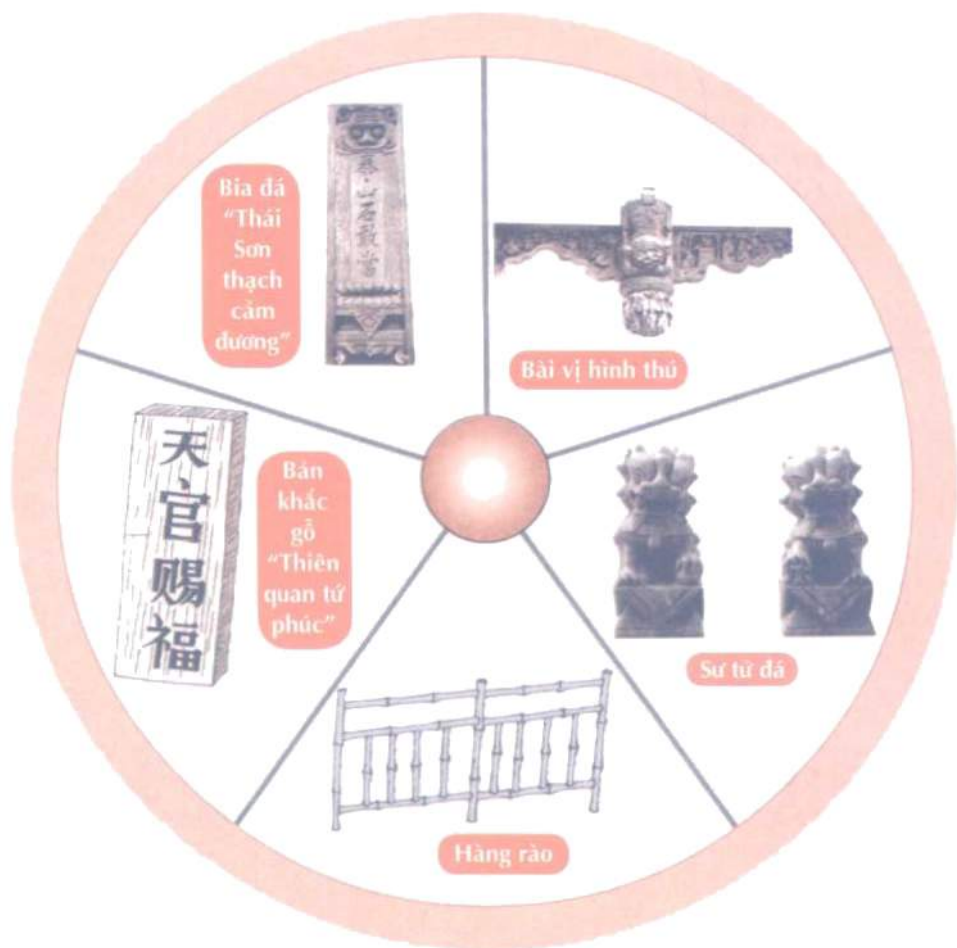
Hùng hoàng màu vàng, chu sa màu đỏ, quặng lam đồng (Azurite) màu xanh, thạch anh màu trắng, huỳnh thạch (fluorit) màu đen, đó là màu sắc của năm hướng trong Ngũ hành, đúng với năm màu sắc cơ bản hiện nay, đồng thời đó cũng là những sản vật của quan niệm về Ngũ hành ngũ phương thời cổ.

Một phương pháp Trấn trạch khác nữa là chôn một loại đất đặc biệt ở vị trí phạm sát, như vậy sẽ có tác dụng trấn áp. Ngoài phương pháp này, còn có thể dùng loại đất trên xoa vào những chỗ cần thiết cũng có tác dụng tương tự. Than và sắt cũng là những linh vật có tác dụng trấn trạch. Than được sử dụng như một linh vật trấn trạch trong thuật yểm thặng từ rất sớm. Sắt cũng được người xưa sử dụng nhiều, vì họ cho rằng sắt có tác dụng trấn áp sự suy thoái của đất. Ngoài ra còn có tiền xu, theo quan niệm của người xưa thì tiền xu có sức mạnh siêu nhiên. Trong phép trấn trạch, rất nhiều cây trồng nông nghiệp cũng được dùng để trấn trạch, như đậu tương, vì những cây trồng này được người xưa cho rằng có tác dụng xua đuổi ma quỷ và tà khí. Những loại tơ lụa được sử dụng trong trấn trạch thường là loại tơ, lụa ngũ sắc, do thời xưa có thuyết ngũ sắc trấn ngũ binh. Những vật trấn trạch làm từ xương động vật như trâu, dê rất phổ biến trong thời cổ, và phương pháp trấn trạch trừ tà bằng xương động vật cũng là một phương pháp thường dùng trước đây, như thặng giêng treo đầu dê để dễ phòng trộm cướp, chôn sừng dê xuống đất để được giàu sang... Bùa (phù lục) thời xưa được cho là có sức mạnh trấn áp ma quỷ, từ đó trở thành một vật trấn trạch thông dụng, như bùa Ngũ nhạc trấn trạch, bùa cửu trạch...



## VẬT TRẦN TRẠCH

Do trình độ nhận thức của người xưa còn hạn chế, nên khi thấy gia trạch không yên, vận mệnh không tốt, họ thường dựa vào những linh vật trấn trạch và thần hộ mệnh trong tôn giáo để thực hiện nguyện vọng xưa đuổi tà ma, cầu bình an cho gia đình.



PHÉP THUẬT TRONG PHONG THỦY HỌC

Liên kết ngoài

**Bùa trấn trạch:** Thời xưa mọi người cho rằng bùa có tác dụng trấn áp ma quỷ, từ đó trở thành vật tùy thân của các đạo sỹ và phương sỹ. Thao tác vẽ bùa cần phải được thực hiện vào ban đêm dưới ánh sáng của sao trời, trước khi vẽ bùa, người vẽ phải tịnh thân, tịnh khẩu, tịnh đàn, rồi niệm chú cho bút, cho giấy, sau đó căn cứ vào chủng loại của bùa để lập đàn (hoặc lập một tổng đàn), bái lạy tâu bày, nói rõ cầu xin vị thần nào, vẽ bùa nhằm mục đích gì.





## CÁC VỊ THẦN LINH TRONG NHÀ Ở

*Trong thời đại khoa học chưa phát triển, mọi người cho rằng nhà ở luôn được các vị thần linh che chở bao bọc. Khi gia trạch hoặc gia đạo không yên, ngoài việc sử dụng linh vật để trấn trạch, mọi người còn thỉnh cầu các vị thần hộ mệnh trong tường tượng bảo vệ cho nhà ở để thực hiện nguyện vọng trừ tà đón cát.*

Do sự ảnh hưởng của tư tưởng thuyết duy linh, quan niệm dân gian thường cho rằng vạn vật trên trần gian đều có thần linh cai quản, nhà ở cũng có thần cai quản riêng. Khi gia trạch hoặc gia đạo không yên, ngoài việc sử dụng linh vật để trấn trạch, người ta còn thỉnh cầu các vị thần hộ mệnh trong tường tượng bảo vệ nhà ở để thực hiện nguyện vọng trừ tà đón cát.

### Thần góc nhà và thần tường

Bốn góc của nhà ở có bốn vị thần cai quản, vị thần góc đông bắc là thần Tham Lang, họ Kỳ, tên Cật Trập. Vị thần góc đông nam là thần Mộc Không, họ Tịch, tên Bách Cứ. Vị thần góc tây nam là thần Xá Độc, họ Lưu, tên Đại Khẩu. Vị thần góc tây bắc là thần Tích Quý, họ Lang, tên Phi Long. Bốn bức tường nhà cũng có bốn vị thần cai quản, vị thần cai quản mặt tường phía nam họ Đông, tên Kiên Kiên. Vị thần cai quản mặt tường phía tây họ Hiếu, tên Đại Lực Nhi Phu. Vị thần cai quản mặt tường phía bắc họ Hoàng, tên Bất Ngôn Ngữ. Khi muốn tiến hành trấn trạch, cần viết họ tên những vị thần này lên tấm gỗ đào, tâu bày lên, bản vị sẽ đại cát.

### Gia thần

Môn thần (thần canh cửa) là vị thần trông giữ nhà cửa trong Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian, có chức năng trừ tà đuổi quỷ, canh giữ nhà cửa, mang lại cuộc sống bình yên, giúp cho công việc thuận lợi, giáng cát tường,... đó là một trong những vị thần được mọi người ưa thích nhất. Môn thần được phân thành bốn loại, đó là Môn thần đuổi quỷ, Môn thần ban phúc, Môn thần đạo quan và Môn thần võ tướng. Môn thần xuất hiện sớm nhất là "Đào nhân", được chạm khắc bằng gỗ đào. Nghe nói từ thời viễn cổ, họ là hai vị thần được Hoàng Đế phái tới để cai quản bầy quỷ hoành hành trên trần gian. Đời nhà Đường xuất hiện Chung Quỷ, ông ta không những xua đuổi bầy quỷ, mà còn ăn thịt cả chúng, vì vậy mọi người thường nhờ Chung Quỷ để trừ tà đuổi quỷ.

Táo thần còn gọi là Táo vương, Táo quân, Táo ông, Táo bà... đó là vị thần cai quản việc ăn uống trong truyền thuyết, sau đời Tấn được coi là vị thần chuyên giám sát điều thiện ác trên trần gian. Ngay từ thời cổ đại, người dân Trung Quốc đã bắt đầu thờ cúng Táo quân, sở dĩ Táo quân được mọi người kính trọng, ngoài nguyên do là vị thần cai quản vấn đề ăn uống và ban cho mọi người cuộc sống đủ đầy, còn là vì vị thần này có trách nhiệm giám sát điều thiện ác trên trần gian.

Xí thần (vị thần cai quản nhà vệ sinh) trong dân gian gọi là Tử Cô. Tuỳ theo



từng thời kỳ, từng khu vực mà tên gọi và cách thức thờ cúng vị thần này cũng khác nhau, nhưng nhìn chung khả năng ban phúc của Xí thần đều tương tự nhau.

Tính thần là vị thần cai quản giếng nước. Cứ vào ngày 30 tết, mọi người lại múc nước dự trữ phục vụ sinh hoạt trong ba ngày tết. Hoạt động này cũng được gọi là “cúng Tính thần”, nghĩa là Tính thần đã phải vất vả cả năm để cung cấp nước sinh hoạt cho người dân, cho nên trong mấy ngày Tết mọi người nên để Tính thần nghỉ ngơi dưỡng sức để mang đến cho người dân những nguồn nước tươi mát và trong lành hơn.



## THẦN LINH HỘ TRẠCH



### CÁC VỊ THẦN BẢO VỆ GIA TRẠCH

Nhà là địa điểm sinh hoạt của mọi người, trong cuộc sống gia đình cũng cần tới sự che chở của các vị thần linh. Họ luôn hiển linh để bảo vệ các vị trí sau trong gia đình: bếp, nhà vệ sinh, giếng nước, giường ngủ,...



Thần giường gồm có thần giường ông, thần giường bà. Cúng lễ thần giường vào đêm cuối giao thừa có thể mang lại cho mọi người giấc ngủ an lành trong suốt năm mới.

#### Xí thần

Xí thần là vị thần cai quản nhà vệ sinh trong truyền thuyết thời cổ đại, trong dân gian gọi là Tử Cô.

#### Táo quân

Táo quân chuyên chăm lo việc ăn uống bếp núc của mọi gia đình. Việc thờ cúng Táo quân nhằm mục đích cầu xin một cuộc sống no đủ về vật chất.

#### Tính thần

Trong dân gian truyền rằng, Tính thần chính là Long vương.

CÁC  
VỊ  
THẦN  
LINH  
TRONG  
NHÀ  
Ở



## KẾT HỢP THẦN CHÚ VỚI LINH VẬT TRẦN TRẠCH

*Do mọi người tin rằng thần chú có thể trị được bệnh,... và lại thần chú xuất hiện từ rất sớm và được sử dụng rộng rãi trong một khoảng thời gian rất dài. Khi sử dụng linh vật trần trạch và thần linh trần trạch thường phải sử dụng kết hợp với những thần chú đặc biệt.*

## Nguồn gốc của thần chú

Khi sử dụng linh vật trần trạch và thần linh trần trạch, thường phải kết hợp với những thần chú đặc biệt. Thần chú là những lời lẽ có tính chất phép thuật mà người làm phép dùng để xua đuổi tà ma. Thông qua những lời lẽ mang tính phép thuật đặc biệt và sự kết nối với thần linh trong tưởng tượng, người làm phép muốn thần linh đáp ứng nguyện vọng của mình để ban phúc lành và diệt trừ tai ách.

Thần chú xuất hiện từ rất sớm, và lại do mọi người tin tưởng rằng thần chú có thể giúp họ chữa bệnh, cho nên nó được sử dụng rất rộng rãi trong thời cổ đại.

## Phân loại thần chú trần trạch

Nói chung thần chú trần trạch được chia thành ba loại sau:

Loại thứ nhất mang tính cố định và mô thức hoá, như “cấp cấp như luật lệnh” (nhanh chóng theo như luật lệnh), thần chú này từng được chính thức sử dụng trong công văn thời Hán, vừa đơn giản, dễ nhớ, lại thuận tiện trong ứng dụng, sau này được các pháp sư tiếp thu và chỉnh sửa, từ đó trở thành một trong những thần chú đặc biệt của Đạo giáo.

Loại thứ hai phức tạp và hoàn chỉnh hơn, đó là những thần chú hoàn chỉnh được cấu thành bởi ba nội dung là lời thị uy, lời khiển trách và lời thúc giục. Ví dụ: “Nhất trấn dĩ hậu an ngô tâm định ngô ý, kim ngọc hoàng hoàng, tài vật mãn đường, tử tử tôn tôn thế thế cát xương, cấp cấp như luật lệnh. Đông Tây khởi thổ trạch thần nương chi, Nam Bắc khởi thổ trạch thần tịch chi. Tặc hại phát động ngũ thần khắc chi, phục long khởi thổ ngũ thần kiến chi, Chu Tước tặc động ngũ thần an chi. Quý phát tam công, vô hữu bệnh suy, giai tửu phủ ẩm phạm tế chi, cấp cấp như luật lệnh” (Sau khi trấn xong, tâm ta an, ý ta định, kim ngọc rực rỡ, tiền của đầy nhà, con con cháu cháu đời đời vinh hoa, nhanh chóng theo như luật lệnh. Động thổ phía đông tây thần nhà xua đi, động thổ phía nam bắc thần nhà đuổi đi, tai họa nổi lên năm vị thần khắc đi, phục long động thổ năm thần đập lên, giặc Chu Tước động, ngũ thần dẹp yên. Sang hiến đến Tam công, không bệnh tật suy thoái, dùng rượu thịt đồ ăn cúng tế, nhanh chóng theo như luật lệnh.)

Loại thứ ba là thần chú mang sắc thái Phật giáo. Ví dụ: “Cẩn thỉnh đông phương Đế Đầu Lại Tra thiên vương hộ ngã cư trạch. Đông phương hữu quang minh điện vương danh A Yết Đa. Cẩn thỉnh nam phương Tỳ Lô Lặc thiên vương hộ ngã cư trạch. Nam phương hữu quang minh điện vương danh Một Đề Lỗ. Cẩn thỉnh tây phương Tỳ Lô Phó Xoa thiên vương hộ ngã cư trạch. Tây phương hữu quang minh điện vương danh Chủ Đa Quang. Cẩn thỉnh bắc phương Tỳ Sa Môn thiên vương hộ ngã cư trạch. Bắc phương hữu quang minh điện vương danh Tô Đa Mạt Ni” (Cung kính thỉnh cầu thiên vương Đế Đầu Lại Tra phương đông bảo vệ cho nhà ta, phương đông có điện quang minh tên là A Yết Đa. Cung kính thỉnh cầu thiên vương Tỳ Lô Lặc phương nam bảo vệ cho nhà ta, phương nam



có điện quang minh tên là Một Đê Lỗ. Cung kính thỉnh cầu thiên vương Tỳ Lâu Phó Xoa phương tây bảo vệ cho nhà ta, phương tây có điện quang minh tên là Chủ Đa Quang. Cung kính thỉnh cầu thiên vương Tỳ Sa Môn phương bắc bảo vệ cho nhà ta, phương bắc có điện quang minh tên là Tô Đa Mật Ni). Trong đó, Đê Đầu Lại Tra, Tỳ Lâu Lạc, Tỳ Lâu Phó Xoa và Tỳ Sa Môn vốn là Tứ đại thiên vương trong Phật giáo, nghĩa vụ của họ là canh giữ núi Tu Di, ở đây, họ đã được đưa từ Phật giới xuống trần gian, nhiệm vụ cũng được chuyển sang che chở cho gia trạch của người trần.

### Kết hợp linh vật trấn trạch với thần chú

Nói chung, thần chú trấn trạch phải niệm nhiều lần mới có thể tăng uy lực trấn trạch. Khi kết hợp với thần chú, vật trấn trạch nên dùng số lẻ hoặc dùng kết hợp cả hai hình thức, như dùng kết hợp hùng hoàng, chu sa, thạch cao và lựa màu.

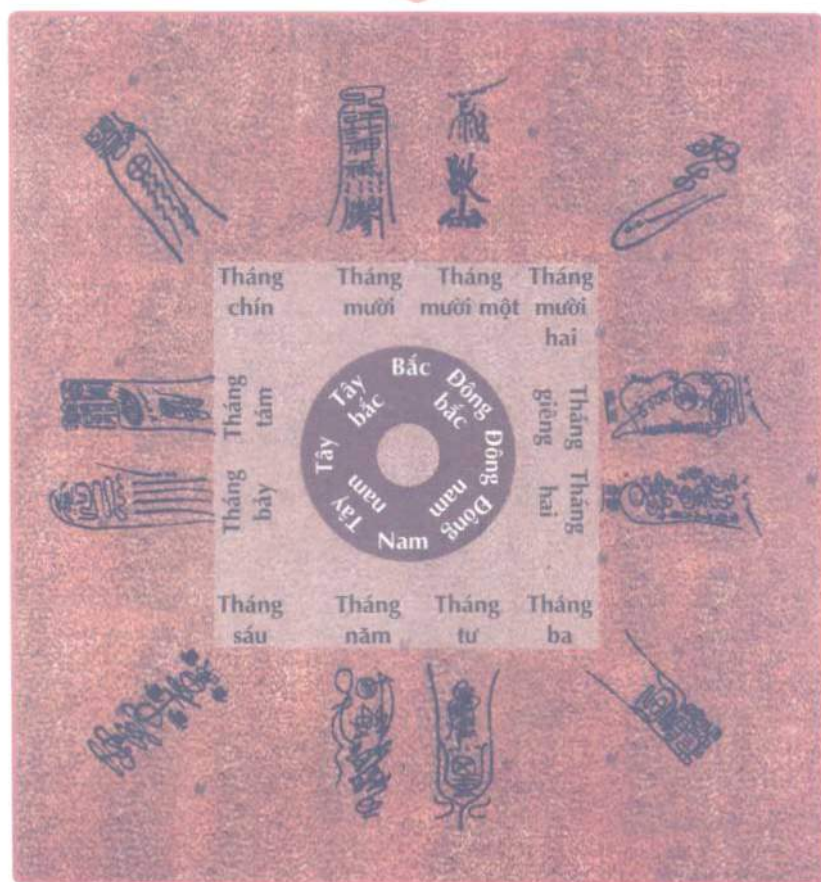


## GIẢI TRỪ TAI ÁCH CHO GIA TRẠCH



### GIẢI TRỪ TAI ÁCH

Có rất nhiều nhà bị tà khí, ma quỷ từ xa đến ám hại, khiến cho gia đình không được yên ổn, người trong nhà bệnh tật triền miên. Trong trường hợp này chúng ta có thể dán bùa lên các phía theo phương số của Tinh bản, như vậy có thể sẽ giải trừ được tai ách.



KẾT  
HỢP  
THẦN  
CHÚ  
VỚI  
LINH  
VẬT  
TRẤN  
TRẠCH

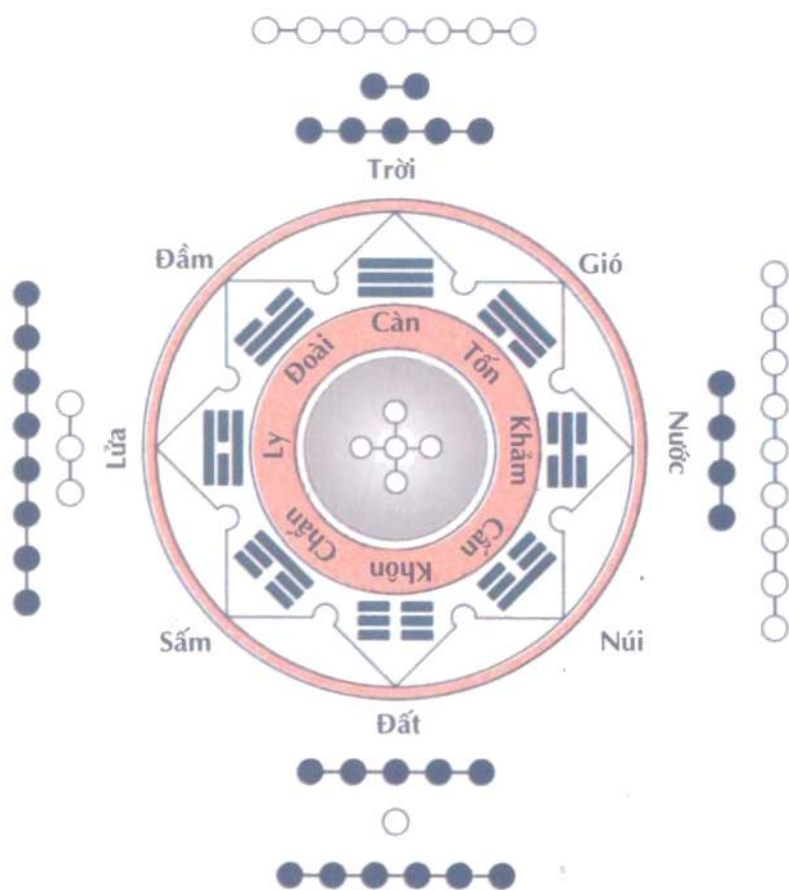


### Chương 3

## GIẢI THÍCH VỀ “HOÀNG ĐẾ TRẠCH KINH” (1)

### HOÀNG ĐẾ BÀN VỀ NHÀ Ở

Từ xa xưa, Hoàng Đế đã nhận thức được mối quan hệ mật thiết giữa con người và nhà ở. Vì vậy tác phẩm của ông cũng đã trình bày rất tường tận những kiến thức liên quan đến nhà ở.





Mục lục hình minh họa



Âm Dương và Kiến trúc..... 103

Yếu tố Âm Dương của nhà ở..... 105

Nhà ở và lý khí..... 108

Xây dựng nhà ở cát tường..... 112

Ngũ hành và Ngũ tính..... 122

Ngũ tính và năm loại địa hình..... 127

Ứng dụng Ngũ tính nhân trạch đồ..... 129

Thập nhị thân..... 135

Sơ đồ Ngũ tính an môn..... 137

Ngũ tính và việc đào giếng..... 139

Sơ đồ Đại du niên ca..... 148

Sơ đồ phong thủy của cửa nhà..... 154

Những điều kiêng kỵ trong phong thủy cửa nhà..... 156

Giường ngủ và phương vị..... 158

Những điều cần lưu ý đối với phong thủy phòng ngủ..... 160

Sơ đồ phong thủy nhà bếp..... 162

Những điều kiêng kỵ đối với phong thủy phòng ăn.... 164



1 ÂM DƯƠNG GIAO HOÀ LÀ ĐẠO TRỜI

MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ Ở VÀ ÂM DƯƠNG

*Nhà ở là điều kiện căn bản trong cuộc sống của loài người, mọi người sinh sống trong những ngôi nhà muôn hình vạn trạng. Quy mô, hình dáng và diện tích của ngôi nhà có ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống của con người.*

**Nhà ở là nguồn gốc của luân thường đạo lý**

Nhà ở là biểu hiện của Âm Dương, là quy mô của luân thường đạo lý, chỉ có những người có học thức uyên thâm mới hiểu được đạo lý này. Tuy nhiên, những căn nhà có diện tích khác nhau cũng có sự khác biệt về Âm Dương, thậm chí ngay cả những người sống chung trong một căn nhà cũng có trạng thái lành dữ khác nhau. Nhà lớn hay nhà nhỏ đều có những quy phạm nhất định, nếu phạm phải những quy tắc đó, sẽ gặp tai hoạ, khi đó phải trấn áp hung sát thì tai hoạ mới chấm dứt. Vì vậy, nhà ở chính là thứ căn bản của con người.

Mỗi người đều sinh sống trong căn nhà của riêng mình, nếu gia trạch bình yên thì con cháu đời sau luôn được hưng thịnh cát tường. Nếu gia trạch không bình yên thì gia tộc sẽ phải suy vong. Từ quốc gia, đến tỉnh thành, cho đến thôn làng, nơi nào có con người sinh sống, đều phải tuân theo đạo lý này.

**Âm Dương là đạo trời**

Âm là mẹ sinh ra vạn vật, Dương là cha sinh ra vạn vật, Âm Dương là thủy tổ của trời đất, mang đến sức sống cho vạn vật, tuân theo đạo trời thì tài vận hanh thông, làm trái đạo trời sẽ lâm vào cảnh nhà tan cửa nát. Thời cổ đại, người ta căn cứ vào bí pháp để phân thành hai mươi tứ lộ (nhị thập tứ lộ), Cửu cung Bát quái, kết hợp với vị trí của nam nữ, phân chia ranh giới Âm Dương, dựa vào đó để luận bàn hoạ phúc, đó là cảnh giới cao nhất để nuôi dưỡng sinh linh.

Nhị thập tứ lộ chính là hai mươi tư phương vị ở xung quanh nhà ở, gồm mười thiên can (không dùng Mậu, Kỷ), mười hai địa chi và bốn quẻ Càn, Cấn, Khôn, Tốn trong Bát quái. Chấn - Khảm - Tỵ thuộc Dương, Tốn - Ly - Đoài thuộc Âm. Âm Dương không thể tự mình hưng vượng, mà phải phối hợp hài hoà với nhau. Tại vị trí có đức cần xây dựng thật cao lớn và tráng lệ, hài hoà kín kẽ là cát; Tại vị trí Âm hoặc Dương xây dựng quá cao đẹp lại là hung. Dương trạch nên coi trọng mặt phía đông, phía bắc, còn âm trạch nên coi trọng mặt phía tây, phía nam là phù hợp.

Nhà lấy Dương làm trọng đều có Dương khí bao trùm Âm khí, nhà lấy Âm làm trọng đều có Âm khí bao trùm Dương khí. Giống như một con rồng bao bọc lấy ngôi nhà, nhà có Dương khí nặng thì đầu rồng ở hướng Hợi, đuôi rồng ở hướng Tỵ. Nhà có Âm khí nặng thì đầu rồng ở hướng Tỵ. Phúc đức của ngôi nhà tùy thuộc theo Thiên Đạo, Thiên Đức, Nguyệt Đức, sinh khí đến với phương vị có phúc có đức, nên tu sửa phương vị đấy cho cao to, rộng rãi, sạch sẽ, ngăn nắp thì gia đình sẽ được bình an, hưởng cuộc sống vinh hoa phú quý.

Nếu sinh khí lại nhập Âm hoặc nhập Dương thì gọi là vô khí, nếu tiếp tục nhập thì gọi là vô hỗn, tiếp tục nhập nữa gọi là vô phách. Con người mà không có hỗn phách thì nhà tan cửa nát, chết chóc, tuyệt tử tuyệt tôn. Vì vậy khi xây nhà, cần chú trọng Âm Dương giao hoà, phù hợp với đạo trời, như vậy tự nhiên sẽ được hưng vượng và cát tường.





## NHẬP ÂM VÀ NHẬP DƯƠNG

Nhà ở giống như một con rồng, nhà có Dương khí nặng thì đầu rồng ở hướng Hợi, đuôi rồng ở hướng Tỵ. Nhà có Âm khí nặng thì đầu rồng ở hướng Tỵ. Nếu từ hướng Tốn chuyển sang hướng Càn, từ hướng Ngọ chuyển sang hướng Tỵ, từ hướng Khôn chuyển sang hướng Cấn, từ hướng Dậu chuyển sang hướng Mão, từ hướng Tuất chuyển sang hướng Thìn thì gọi là nhập Dương; Nếu chuyển theo chiều ngược lại gọi là nhập Âm.



## KIẾN TRÙ

Các nhà thuật số thời xưa coi thập nhị thần trong thiên văn lần lượt tượng trưng cho mười hai tình huống trong cuộc sống, đó là: Kiến, Trừ, Mãn, Bình, Định, Chấp, Phá, Nguy, Thành, Thu (Thâu), Khai, Bế. Sau này người ta dùng khái niệm “Kiến trừ” để chỉ phương pháp suy đoán cát hung họa phúc của việc người thông qua thiên tượng.

Bài thơ về Kiến trừ chính là trò chơi chữ của văn nhân thời xưa, người ta dùng mười hai chữ Kiến, Trừ, Mãn... để làm chữ mở đầu cho mỗi liên thơ, tạo thành một cách cục đặc biệt trong lối thơ tạp thể. Thể thơ này xuất hiện đầu tiên trong tác phẩm của Bào Chiếu thời Lục triều, nhưng xuất hiện nhiều nhất trong tác phẩm của Hoàng Đình Kiên đời Tống.

**Bài thơ kết bạn (mô phỏng theo thể thơ của Bào Minh Viễn tặng Triệu Vô Cữu)**

Hoàng Đình Kiên

Kiến cổ cầu vong tử; Nguyên phi nhập nhĩ ca.  
 Trừ khử lục ỹ trần; Thủy thâm sơn nga nga.  
 Mãn đường duyệt tấn thanh; Quân độc dụng thử hà.  
 Bình phân cảm thu tiết; Khổng khoát trạm kim ba.  
 Định dạ bách trùng tức; Cao luận thánh huyền hà.  
 Chấp giáo Bắc Đẩu binh; Châm chúc tứ thời hòa.  
 Phá ốc ngưỡng kiến tinh; Đắc tử hỷ thá đa.  
 Nguy trụ vô an huyền; Dã thủy tự doanh khoa.  
 Thành đạo tại lễ nhạc; Thành sơn tại khâu a.  
 Thu tử tang du cánh; Tương tông kỷ trắc ma.  
 Khai hoài minh hà khoát; Bách quái xuất giáo đa.  
 Bế tàng nguyên tự ái; Kinh nhân thủ khiển kha.

Thiên Đạo, Nguyệt Đạo, Thiên Đức nghĩa là gì?



Phương vị vận hành của Thiên Đạo là phương vị được vận dụng khi kiến tạo Âm trạch và Dương trạch, đó là vị thần quan trọng nhất liên quan đến việc xây cất. Thiên Đức hay còn gọi là “Thiên Đức quý nhân”, các nhà Âm Dương gia gọi là Quý thần, cùng với Nguyệt Đức được gọi chung là “Thiên Nguyệt đức”, hay còn gọi là “Nhị Đức”.



## NGŨ HƯ KHIẾN NGƯỜI TA TRỞ NÊN BẮN HÀN NGŨ THỰC KHIẾN NGƯỜI TA TRỞ NÊN PHÚ QUÝ

*Con người và nhà ở có mối liên hệ mật thiết với nhau. Nếu nhà ở được hoàn hảo cát tường, sẽ có tác dụng che chở và mang lại phúc lành cho con người. Nếu ngược lại, rất có thể sẽ tạo nên hung sát, tức chỉ mang lại tác dụng tiêu cực.*

### Ngũ hư và ngũ thực

Nếu nhà có ngũ hư sẽ khiến người ta trở nên bắn hàn, nếu có ngũ thực sẽ khiến người ta trở nên phú quý. Nhà rộng mà có ít người ở là nhất hư. Cửa nhà rộng mà bên trong hẹp là nhị hư. Tường bao không hoàn chỉnh là tam hư. Giếng và bếp bố trí không hợp lý là tứ hư. Nhà rộng, ít phòng mà sân lại rộng là ngũ hư. Nhà nhỏ mà có nhiều người ở là nhất thực. Phòng rộng mà cửa phòng lại nhỏ là nhị thực. Tường bao hoàn chỉnh là tam thực. Nhà nhỏ mà nuôi nhiều gia súc là tứ thực. Rãnh nước bên ngoài nhà chảy về phía đông nam là ngũ thực.

Nhà ở tốt đẹp thì gia đình sẽ dần hưng vượng, vì vậy không nên tùy tiện bỏ đi ngôi nhà đang ở. Nếu gia đình không gặp cảnh lụn bại, không nên tùy tiện chuyển nhà, nếu biết rõ mà vẫn cố tình phạm phải thì tai họa sẽ giáng xuống đầu. Bỏ nhà cũ và chuyển đến nhà mới chưa chắc đã tốt đẹp hơn. Khi xây dựng nhà cửa, cần thiết kế phòng ở theo một nửa số nhân khẩu trong nhà, như vậy mọi người sẽ được trường thọ.

### Mối quan hệ giữa con người và nhà ở

Chúng ta cũng nên tìm hiểu về Âm trạch và Dương trạch. Thông thường, Dương trạch chỉ nhà ở của người sống, còn Âm trạch chỉ mộ phần an táng người đã mất. Nhà cửa và mộ mã đều là cội nguồn của vinh hoa phú quý, mộ xấu nhà đẹp, con cháu có thể làm quan. Mộ đẹp nhà xấu, con cháu không được ăn no mặc ấm. Nhà và mộ đều đẹp thì con cháu được hưởng vinh hoa phú quý lâu dài. Nhà và mộ đều xấu thì con cháu phải lưu lạc tha hương, gặp nhiều tai họa, chết ở xứ người. Nhà và mộ đều chọn được nơi đất tốt, sẽ được các vị thần sẽ chở che phù hộ cho con cháu, mà chức tước của con cháu cũng được vững bền. Nhà đẹp mộ đẹp thì con cháu có thể mở mặt với đời, sự nghiệp phát triển thuận lợi, tài lộc tích tụ, con cháu trung hiếu, được các vị thần che chở.

Con người có nhà ở để an cư mới có thể lập nghiệp, nhà ở vì có con người cư trú mới có thể tồn tại, vì vậy giữa con người và nhà ở có mối quan hệ nương tựa lẫn nhau, mối quan hệ này có hài hòa thì càng nhận được nhiều trợ giúp.

Nếu gia cảnh bắn hàn thì nên nhanh chóng xây sửa nhà, tốt nhất nên dỡ bỏ phần kiến trúc tại phương Hình họa, tu tạo ở phương Phúc đức. Ngoài ra, xây tường bao cũng có thể diệt trừ tai họa. Nhà ở phải dựa vào hướng chuyển đến, chứ không coi hướng bắc hoặc hướng đông là Dương vị, không coi hướng nam hoặc hướng tây là Âm vị. Khi xây dựng nhà cửa chỉ cần xem Thiên Đạo, Thiên Đức, Nguyệt Đức, có sinh khí đến là có thể tiến hành xây dựng, các thần sát và ngũ tính, chu kỳ Giáp Tý đều được sinh ra từ hai khí Âm Dương, được đặt đúng vị trí thì quanh năm được bình yên, không gặp tai họa.







## XÂY NHÀ VÀ CHỌN NGÀY LÀNH THÁNG TỐT

*Khi xây (hoặc sửa) nhà cần lưu ý đến phương vị (hướng) và trình tự khởi công xây dựng, nếu làm sai hướng sẽ phạm phải cấm kỵ, tạo nên hung sát. Vì vậy khi làm nhà phải chọn hướng đẹp và ngày lành tháng tốt để tiến hành.*

### Phương vị và phạm sát

Khi xây (hoặc sửa) nhà, trước tiên xây sửa phương Hình hoạ, sau đó xây sửa phương Phúc đức, như vậy là hợp lý. Nếu xây sửa phương Phúc đức trước rồi mới xây sửa phương Hình hoạ là không tốt. Nhà có Âm khí nặng nên bắt đầu từ hướng Tý, còn nhà có Dương khí nặng thì nên bắt đầu từ hướng Hợi. Hướng Hình hoạ của nhà phải trấn trong khoảng 100 ngày, như vậy mới có kết quả tốt. Nhà có Dương khí nặng phải xây ở bên ngoài, còn nhà có Âm khí nặng phải xây ở bên trong. Có một số người hiểu nhầm rằng Tý Ngọ là đường ranh giới Âm Dương, đây là một quan điểm sai lầm, khi xây dựng tạo nhà cửa, cần phải khiến cho hai khí Âm Dương tương thông.

Nhà ở mang lại cho con người rất nhiều điều tốt đẹp, nhưng nếu trong quá trình xây sửa không may phạm phải sát khí, nặng thì khiến nhà tan người mất, vợ con ly tán; Nhẹ thì bị cách chức, hoặc liên tục mắc phải bệnh tật vật suốt cuộc đời, ví dụ: cơ thể suy nhược, lở miệng, gãy chân gãy tay,...

Trong Trạch thư thời xưa có viết rằng: Dỡ bỏ nhà cũ xây lại nhà mới, hào quẻ nương tựa vào nhau, chuyển hướng nam dời hướng bắc, đến nơi Âm Dương giao hoà, Âm Dương giao hoà là thiên thời. Do hành vi của con người mà trở nên hung hoặc cát, đó là nhân sự. Nhà ở cũng như thiên thời nhân sự, biến hoá khôn lường, con người, gia súc, ma quỷ, thần thánh không phải là nhất thành bất biến.

### Chọn nơi cư trú phải hết sức cẩn thận

Trong "Sưu thần ký" có viết: "Ma quỷ tinh linh, đều hoá thành người". Có người than rằng yêu quái có thể biến hoá thành người, điều này cũng giống như cây cỏ, tuy không cùng loài nhưng vẫn có thể sinh trưởng nối tiếp, tuy khác giống, khác mùi, nhưng dù là những vật thể có hình dáng khác nhau cũng có thể biến hoá qua lại, Âm Dương hư vô, trong sự vô thường không có định số. Bởi vậy, ảnh hưởng của nhà ở đối với con người là do sự biến thông.

Hình thể địa lý nhà ở cũng giống như cơ thể người, nước suối như huyết mạch, đất đai như da thịt, cỏ cây như râu tóc, công trình kiến trúc như y phục, cửa cổng như đai mũ, phải bố trí sao cho thật hài hoà tốt đẹp.

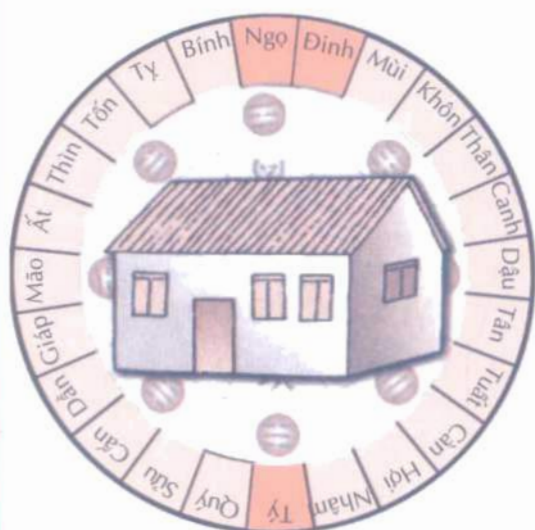
Nếu đất đai màu mỡ thì hoa màu tươi tốt, nếu nhà cửa thuận lợi thì người trong gia đình được hưởng vinh hoa phú quý. Sống trong ngôi nhà đó cũng giống như được khoác trên mình bộ trang phục lộng lẫy, khiến bản thân càng trở nên có thần. Vì vậy nhà ở nhất định phải lựa chọn thật cẩn thận.



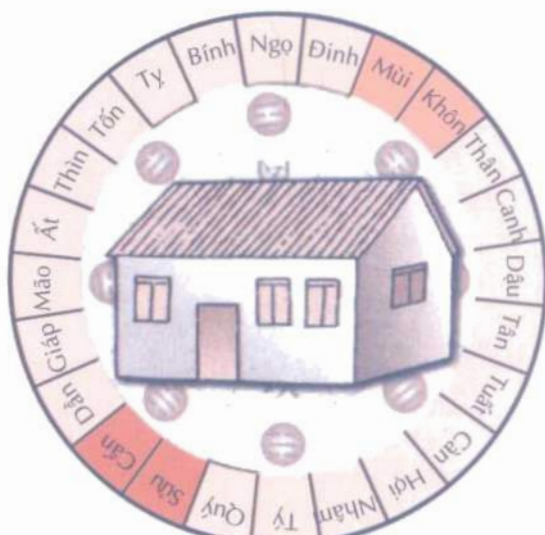


## SƠ ĐỒ SINH KHÍ VÀ TỬ KHÍ TRONG MƯỜI HAI THÁNG

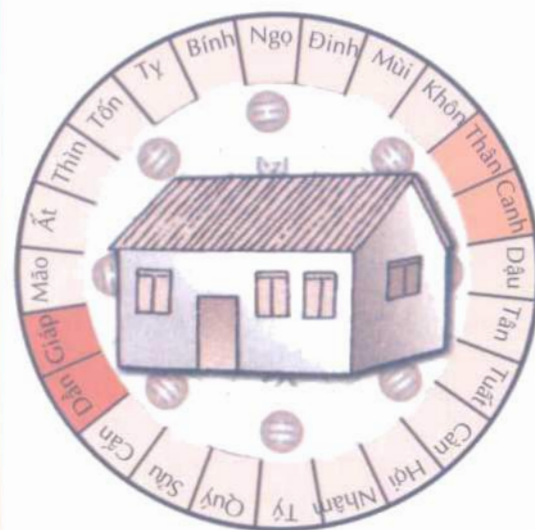
Một năm có mười hai tháng, mỗi tháng lại có phương vị Sinh khí và Tử khí nhất định. Nếu xây dựng đúng vào phương Sinh khí trong tháng, phúc lành sẽ tích tụ, Sinh khí trong tháng lại kết hợp với Thiên đạo, Nguyệt đức lại càng thêm tốt. Còn nếu xây dựng hướng Tử khí thì tai họa sẽ giáng xuống đầu.



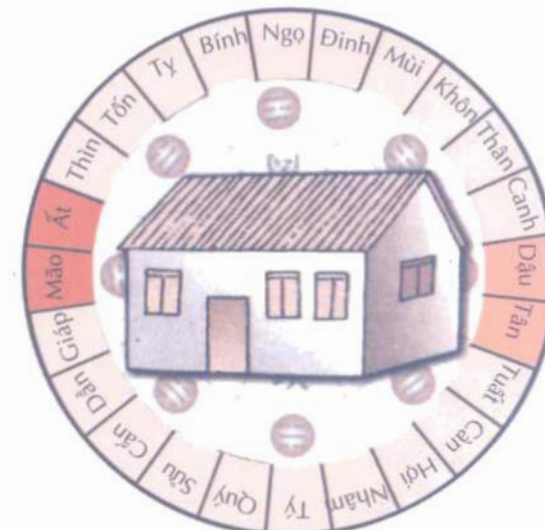
Tháng giêng: Sinh khí tại Tý - Quý, Tử khí tại Ngọ - Đinh.



Tháng hai: Sinh khí tại Sửu - Dần, Tử khí tại Mùi - Khôn.

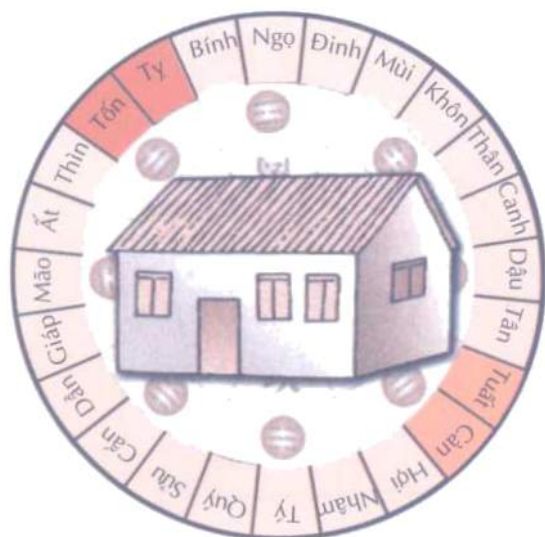


Tháng ba: Sinh khí tại Dần - Giáp, Tử khí tại Thân - Canh.

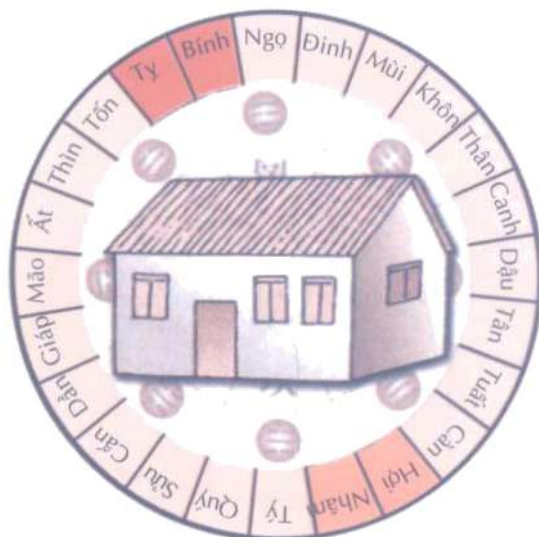


Tháng tư: Sinh khí tại Mão - Ất, Tử khí tại Dậu - Tân.

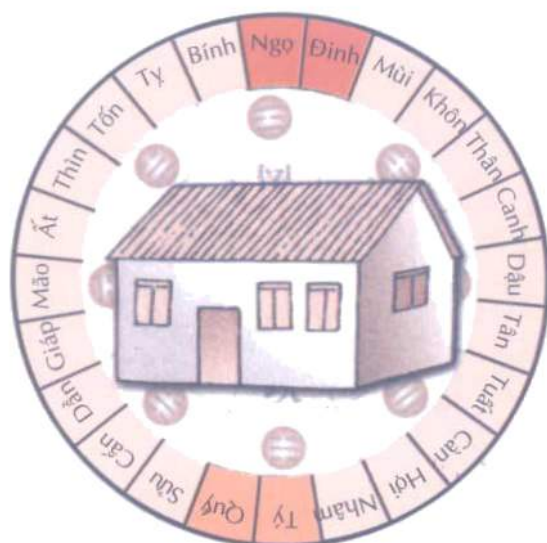




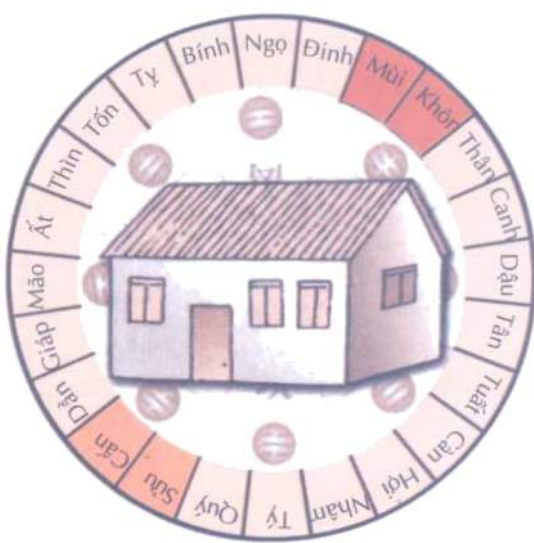
Tháng năm : Sinh khí tại Thìn - Ty, Tử khí tại Tuất - Cấn.



Tháng 6: Sinh khí tại Ty - Bính, Tử khí tại Hợi - Nhâm.



Tháng 7: Sinh khí tại Ngọ - Đinh, Tử khí tại Tý - Quý.



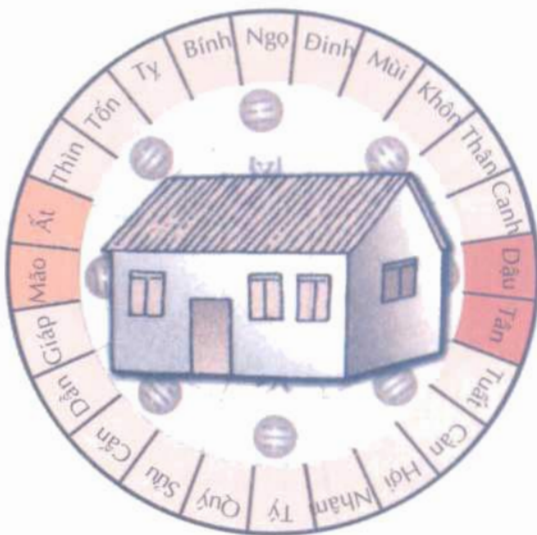
Tháng 8: Sinh khí tại Mùi - Khôn, Tử khí tại Sửu - Cấn.

XÂY NHÀ VÀ CHỌN NGÀY LÀNH THÁNG TỐT

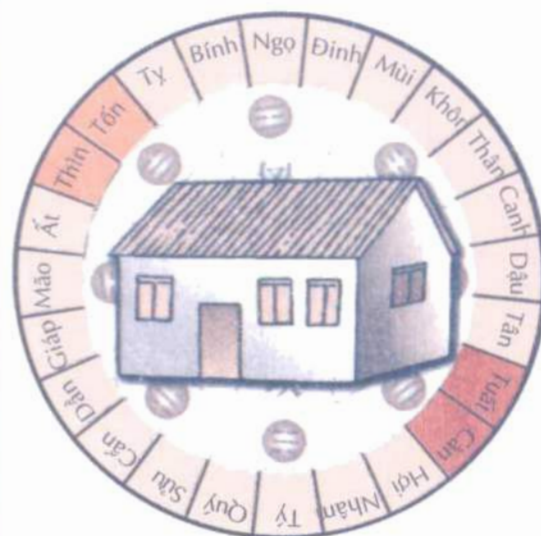




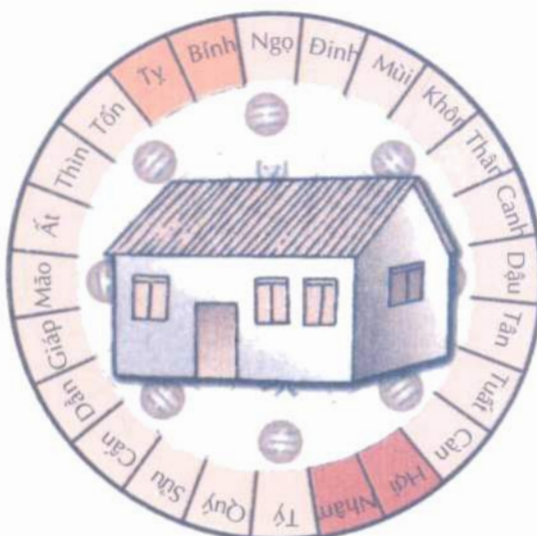
Tháng 9: Sinh khí tại Thân - Cấn, Tử khí tại Dần - Giáp.



Tháng 10: Sinh khí tại Dậu - Tân, Tử khí tại Mão - Ất.



Tháng 11: Sinh khí tại Tuất - Càn, Tử khí tại Thìn - Tốn.



Tháng 12: Sinh khí tại Hợi - Nhâm, Tử khí tại Tý - Bính.



## TẦM QUAN TRỌNG CỦA LỐI ĐI ĐỐI VỚI NHÀ Ở

*Địa thể có ảnh hưởng rất quan trọng đối với trạng thái cát hung của nhà ở. Lối đi (lai lộ) chính là con đường chạy qua trước nhà. Đường đi được xây dựng phù hợp sẽ đem lại cát tường.*

### Lối đi (lai lộ) đem lại sự cát tường cho nhà ở

Khi xây nhà cần lưu ý sửa sang lối đi vào nhà nhà để nhận được sự cát tường, nếu phạm phải “để lộ” (đường chắn) thì gia đình không được yên ổn. Ví dụ, chủ nhà chuyển từ phía đông tới, sau khi dọn đến ở, nếu làm lối đi ở mé phía tây nhà ở gọi là “để lộ”, nếu làm lối đi ở mé phía đông nhà ở gọi là “lai lộ”. Các phương vị di chuyển bất kể gần xa đều loại suy từ đó. Khi kết hôn, mua sắm đồ đạc, làm ăn kinh doanh, cầu quan cầu lợi,... đều nên chọn hướng Phúc đức mà đi, như vậy điềm tốt lành mới được bền lâu. Nếu tới từ phương Hình họa thì không tốt. Khi tu sửa nhà cửa kỹ nhất là có căn phòng hình đầu rùa (quy đầu, tức có bộ phận nhô ra) tại phương Ngọ hướng về phía bắc chiếu thẳng vào trung đường, đó là bố cục hung hại, nếu có nhà cao một chút cũng không tốt.

Nếu nhà ở là quy đầu Ngọ (nhà ở có chỗ lối ra, chỗ lối nằm tại phương chính nam gọi là quy đầu Ngọ), sẽ phải đổi chủ hoặc không tốt cho chủ nhà. Đây là một bố cục không may mắn. Tại các hướng Ngọ, Tỵ đông, Tốn Tỵ có toà nhà cao tầng cũng không tốt.

### Ảnh hưởng của Tứ vương thần đối với nhà ở

Khi xây nhà cũng phải tránh “Tứ vương thần”, Tứ vương thần còn gọi là Đế Xa, Đế Lộ, Đế Xá. Ví dụ, vào tháng ba mùa xuân, hướng đông là Thanh Đế, cây cối tốt tươi, Dần là Xa, Mão là Lộ, Thìn là Xá, tức tháng giêng, tháng hai và tháng ba không nên quay về hướng đông. Nếu phạm phải Đế Xá sẽ bất lợi cho người cha. Nếu phạm phải Đế Lộ sẽ bất lợi cho người mẹ. Nếu phạm phải Đế Xá sẽ bất lợi cho con cháu. Nếu xây dựng vào mùa hè, mùa thu và mùa đông, cũng loại suy ra từ đó.

### Xây sửa phương Sinh khí để tích tụ phúc khí

Tháng giêng Sinh khí tại Tỵ - Quý, Tử khí tại Ngọ - Đinh. Tháng hai Sinh khí tại Sửu - Cấn, Tử khí tại Mùi - Khôn. Tháng ba Sinh khí tại Dần - Giáp, Tử khí tại Thân - Canh. Tháng tư Sinh khí tại Mão - Ất, Tử khí tại Dậu - Tân. Tháng năm Sinh khí tại Tốn - Tỵ, Tử khí tại Tuất - Càn. Tháng sáu Sinh khí tại Tỵ - Bính, Tử khí tại Hợi - Nhâm. Tháng bảy Sinh khí tại Ngọ - Đinh, Tử khí tại Tỵ - Quý. Tháng tám Sinh khí tại Mùi - Khôn, Tử khí tại Sửu - Cấn. Tháng chín Sinh khí tại Thân - Canh, Tử khí tại Dần - Giáp. Tháng mười Sinh khí tại Dậu - Tân, Tử khí tại Mão - Ất. Tháng mười một Sinh khí tại Tuất - Càn, Tử khí tại Thìn - Tốn. Tháng mười hai Sinh khí tại Hợi - Nhâm, Tử khí tại Tỵ - Bính.





# XÂY DỰNG NHÀ Ở CÁT TƯỜNG



## LAI LỘ VÀ ĐỂ LỘ

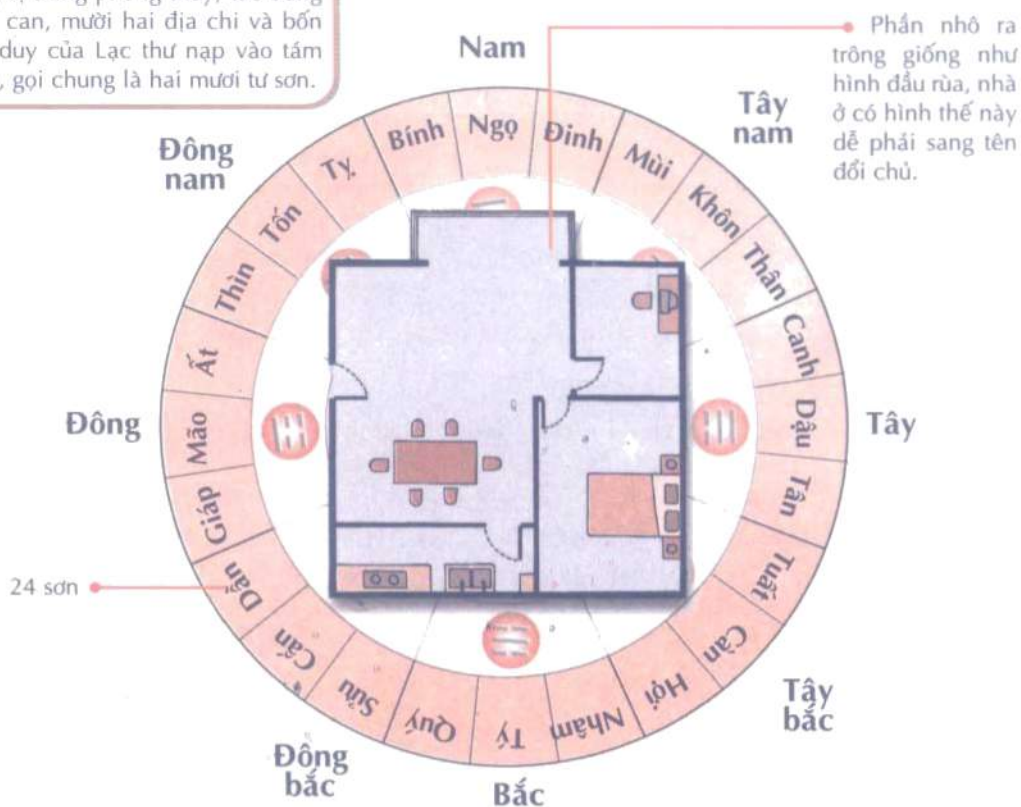
Chủ nhà chuyển đến từ phía đông, lối đi ở phía đông ngôi nhà gọi là lai lộ, còn lối đi ở phía tây gọi là để lộ.



## QUY ĐẦU NGỌ

Quan sát sơ đồ căn nhà dưới đây, nếu hướng chính Nam có bộ phận nhô ra thì Trạch tướng gọi đó là “quy đầu Ngọ”, không ai có thể ở lâu trong nhà đó, nên thường xuyên phải đổi chủ do nhiều nguyên nhân khác nhau.

Hai mươi tư sơn là sự phân chia phương vị trong phong thủy, tức dùng 8 thiên can, mười hai địa chi và bốn quẻ tử duy của Lạc thư nạp vào tám phương, gọi chung là hai mươi tư sơn.



## HOÀNG ĐẾ BÀN VỀ DƯƠNG TRẠCH

*Hoàng Đế đã tiến hành phân tích về sơ đồ Dương trạch, qua đó giải thích chi tiết về cách xây sửa nhà ở theo từng phương vị và bản mệnh của gia chủ.*

Dù xây dựng nhà cửa hay tường bao, nếu phạm phải hướng xung với Thổ khí sẽ mang lại tai hoạ cho chủ nhà. Vì vậy phải hoá giải tai ách theo phương pháp chính xác.

Hướng xung với Thổ khí, tháng giêng tại Đinh - Mùi, tháng hai tại Khôn, tháng ba tại Nhâm - Hợi, tháng tư tại Tân - Tuất, tháng tại Càn, tháng sáu tại Dần - Giáp, tháng bảy tại Quý - Sửu, tháng tám tại Cấn, tháng chín tại Bính - Tỵ, tháng mười tại Ất Thìn, tháng mười một tại Tốn, tháng mười hai tại Thân - Canh.

Thiên môn là khởi đầu của Dương vì vậy phải kiên cố và chắc chắn, không nên cao to tráng lệ, nếu không sẽ hại đến trường nam, gây đau đầu, đau cổ. Hợi là Chu Tước, Long đầu (đầu rồng), là mệnh của cha, nếu phạm phải thì mệnh không tốt. Nhâm là đại hoạ, là mệnh của mẹ, nếu phạm phải thì mệnh cũng không tốt, có thể gặp tai hoạ bất ngờ hoặc hoạ tử miệng mà ra.

Quý là Phật ngục, Câu trần, là mệnh của con thứ, con dâu thứ, nếu phạm phải thì gặp điều tiếng thị phi và kiện tụng. Sửu là Quan ngục, là mệnh của con út, con dâu út, nếu phạm phải sẽ gặp trộm cướp, hoả hoạn. Quý môn khí nhà thiếu khuyết, phải trống trải hoang vu mới tốt, nếu phạm phải Quý môn sẽ mắc bệnh bại liệt. Dần là Thiên hình, Long bối (lưng rồng), là mệnh của cháu trai, cháu dâu, nếu phạm phải sẽ bị hỏng thai, tù tội, trộm cướp.

Giáp là Trạch hình, là mệnh của con gái thứ và cháu thứ, nếu phạm phải sẽ tổn thương đến những người có liên quan. Ví dụ, gia trưởng bị đau đầu, đau cổ hoặc gãy xương. Mão là sườn bên phải của rồng, Hình ngục, là mệnh của con gái út và cháu gái, nếu phạm phải sẽ gặp hoả hoạn, tai ương. Ất là mệnh của khách, Tụng ngục, nếu phạm phải sẽ gặp tà khí, hoạ tử miệng. Thìn là Bạch hổ, Thanh long hữu túc (chân phải của Thanh long), chủ về kiện tụng, tù tội, là mệnh của nô tỳ và lục súc, nếu phạm phải sẽ bị khùng hoảng, sai chân.

Phong môn phải bằng và khuyết, phía sau khô tàn phía trước tươi tốt, đó là phúc âm, Ngũ tính bát trạch không nên cao lớn và tráng lệ, đó cũng gọi là Dương cực Âm thủ (cực Dương đầu Âm). Tỵ là Thiên phúc, trạch ốc, cũng gọi là Trạch cực. Trong sách có viết: "Muốn được làm quan thì phải tu sửa Trạch cực, phải làm cho chắc chắn, như vậy mới tốt". Bính là Minh đường, Trạch phúc, có thể làm cửa và chuồng trâu. Trong sách có viết: "Tu sửa Minh đường có thể được thăng quan tiến chức, gia đình đoàn tụ vui vẻ". Ngọ là Long tả túc (chân trái của rồng), là phương vị cát tường. Trong sách có nói: "Tu sửa phương vị cát tường, nô tỳ biết làm việc có chừng mực, lục súc cũng vượng. Nhưng phải làm cho chắc chắn, tránh làm quá cao".

Đinh là Thiên thương, trong sách có viết: "Tài sản tiêu hao thì phải tu sửa Thiên thương, có thể tu sửa nhà kho, nuôi gia súc, phải làm cao và chắc chắn mới tốt". Mùi là Thiên phủ, có thể làm nhà cao tầng, gia súc, nô tỳ sống ở đây đều được yên





ổn. Nhân môn là long tràng (ruột cửa rồng), nên làm chuồng trâu, chuồng ngựa, phương vị này phải làm thật rộng và chắc chắn, đó cũng là Phúc nang, như vậy mới đại cát. Thân là Cửu đường, nên làm chuồng trâu, chuồng ngựa, là phương vị cai quản tiền bạc, phải làm rộng rãi và chắc chắn mới tốt.

Trong sách có viết: “Tu sửa Ngọc đường thì tiền của dồi dào, gia súc vượng”. Canh là Trạch đức, An môn, nên làm nhà để xe, chuồng gà, đó là phương vị tốt. Nhưng phải làm thật rộng và liền nhau. Dậu là Đại đức, long tả lặc (sườn bên trái của rồng), tu sửa thành phòng khách thì đó là phương vị tốt. Trong sách có viết: “Tu sửa Đại đức thì gia tài đồ sộ, con cháu được phú quý đời đời, cũng gọi đó là Trạch đức”. Tân là Kim quý, Thiên tinh, nên làm cửa và nhà cao tầng. Trong sách có viết: “Tu sửa Kim quý thì được phú quý, tiền của dư dật, công việc thuận lợi”. Địa phủ là cánh tay trái của Thanh long, chủ quản Tam nguyên, là mệnh con cháu, nên giữ vệ sinh sạch sẽ mới tốt.

Trong sách có viết: “Thanh long cao lớn thì được phú quý”. Tại phương Tốn ở phía ngoài nên làm vườn hoa, hồ nước, nếu làm nhà cũng nên làm thấp. Tại vị trí Thiên đức và Ngọc đường phía bên ngoài nên mở rộng, nhưng phải làm thật đẹp mới tốt. Trong sách có viết: “Mở rộng phương vị Phúc đức, con cháu được phú quý, yên vui”. Nhưng tại nơi này không nên xây nhà cao, nếu làm cửa, nhà kho, chuồng trâu hay nhà để xe thì rất tốt. Tại phía bụng rồng ở bên ngoài có thể làm chuồng trâu, chuồng ngựa, cũng gọi là Phúc nang, nên làm thật rộng và chắc chắn mới tốt. Tại phương Khôn nên làm chuồng ngựa, hoặc để những vật cồng kềnh, hay cũng có thể làm nhà cao tầng.

Tại vị trí Ngọc đường nên làm nhà cho con cháu, như vậy mới tốt. Phòng khách là nơi có nhiều người qua lại, vì vậy phải làm thật rộng và cao, như vậy thần tài mới vào được, con cháu có thể làm chức quan to. Tại phương Đại đức nên mở rộng và giữ gìn vệ sinh mới tốt, có thể làm nơi vui chơi hoặc hội họp. Nên làm nhà riêng cho con cháu và phụ nữ trong nhà, như vậy mới có quý nhân, tăng tài phúc, gia đình hưng thịnh. Tại hai phương Kim quý và Thanh long, nếu làm nhà kho cũng tốt. Nếu làm nhà cao tầng thì tiền của dư dật, tốt cho con cháu, có thể trở thành họ hàng với người có quyền thế, vì vậy phải thường xuyên quét dọn sạch sẽ, đồng thời cũng nên trồng hoa tươi.



## PHÂN TÍCH ĐỒ HÌNH DƯƠNG TRẠCH

<p>Thiên môn, nên kiến tạo vào ngày Đinh, ngày Nhâm trong tháng.</p>	<p>Hợi, Chu Tước, Long đầu (đầu rồng), Phụ mệnh (mệnh cha).</p>	<p>Nhâm, đại hoa, mẫu mệnh (mệnh mẹ).</p>	<p>Tý, tử táng, Phụ mệnh (mệnh nữ).</p>	<p>Quý, Phạt ngục.</p>	<p>Sửu, Quan ngục.</p>	<p>Quý môn, nên kiến tạo vào ngày Giáp, ngày Kỷ tháng tám.</p>	<p>Dần, Thiên hình.</p>	<p>Giáp, Trạch hình.</p>	<p>Mão, Hình ngục.</p>	<p>Ất, Đẳng xà.</p>	<p>Thìn, Bạch hổ.</p>
<p>Thiên môn là Dương thủ, không nên xây nhà cao hơn các nhà khác, nếu phạm vào điểm này thì sẽ hại đến gia trưởng, dễ lâm bệnh nặng, gặp tai nạn.</p>	<p>Hợi là Chu tước, đầu của rồng, Phụ mệnh (cha), nếu phạm vào thì ảnh hưởng đến người mang mệnh này.</p>	<p>Nhâm là đại hoa, mẫu mệnh (mẹ), nếu phạm phải thì luôn gặp chuyện thị phi.</p>	<p>Tý là tử táng, cánh tay phải của rồng, mệnh con trai cả và đầu trưởng, nếu phạm phải thì mắc bệnh về mắt.</p>	<p>Quý là Phạt ngục, Câu trần, con thứ và con cháu, nếu phạm phải thì hay xảy ra tranh chấp.</p>	<p>Sửu là Quan ngục, thuộc hàng thứ, con cháu, nếu phạm phải thì gặp trộm cướp, hoả hoạn.</p>	<p>Quý môn, nếu phạm phải thì nhà cửa hiu quanh, luôn gặp tai nạn.</p>	<p>Dần là Thiên hình, Long bối (lưng rồng), phương vị Huyền vũ, mệnh con gái cả, nếu phạm phải thì ảnh hưởng đến thai nhi, gặp trộm cướp.</p>	<p>Giáp là Trạch hình, mệnh của thứ nữ và con cháu (trai), nếu phạm phải thì gia trưởng lâm bệnh, đầu bị trọng thương.</p>	<p>Mão, sườn phải của rồng, Hình ngục, mệnh của con út và con cháu (nữ), nếu phạm phải thì tinh thần bất ổn.</p>	<p>Ất là Đẳng xà, phương vị khách, nếu phạm phải sẽ hại đến mệnh đó, gặp yêu quái, chết chóc, cãi cọ.</p>	<p>Thìn là Bạch hổ, chân phải của rồng, chủ về tù ngục, là mệnh nô tỳ, lục súc, phạm phải sẽ phải kinh sợ, què quặt, đau gân.</p>

**TÁM QUAN TRỌNG CỦA LỐI ĐI ĐỐI VỚI NHÀ Ở**



Địa hộ, nên kiến tạo vào ngày Bính, ngày Tân tháng mười một.

Ty, Thiên phúc.

Bính, Minh đường.

Ngo, cát xương, ngoại.

Đinh, Thiên thương, ngoại.

Mùi, Thiên phủ, ngoại.

Thân, Ngọc đường, ngoại.

Canh, Trạch đức, ngoại.

Dậu, Đại đức, ngoại.

Nhập môn, long trường (ruột của rồng), nên kiến tạo vào ngày Ất, ngày Canh tháng hai.

Tân, Kim quỹ, ngoại.

Tuất, Địa phủ, ngoại.

Phong môn: nên làm nhà thấp, không nên làm quá cao so với các nhà khác.

Ty là Thiên phúc, trạch ốc, còn gọi là Trạch cực. Nên làm nhà cao to, cũng có thể sửa nhà.

Bính là Minh đường, Trạch phúc, An môn, chủ về thêm bổng lộc và chức tước.

Ngo là đất của cát xương, chân trái của rồng, nên làm nhà cao.

Đinh là Thiên thương, nên làm nhà cao cửa rộng.

Mùi là Thiên phủ, nên làm nhà cao cửa rộng, tu sửa bếp, nhà vệ sinh, có nhiều người giúp việc.

Nhân môn là long trường (ruột của rồng), nặng nề nhưng chắc chắn, đất này thích hợp cho chăn nuôi.

Thân là Ngọc đường, mọi việc đều trôi chảy.

Canh là Trạch đức, An môn, vị trí này rất đẹp.

Dậu là Đại đức, nên xây dựng nhà trọ, khách sạn, nhà hàng.

Tân là Kim quỹ (kho vàng), Thiên tinh (giếng trời), nên xây dựng các công trình lớn, mọi việc đều suôn sẻ.

Địa phủ, tay trái của Thanh long, chủ về sự minh mẫn, vị trí này rất tốt.





THIÊN ĐỒ BÀN KI ÂM TRẠCH

*Hoàng Đế cũng tiến hành phân tích và luận bàn về đồ hình Âm trạch, gọi thu :  
cờ tượng thái cát hung của từng phương vị và công trình kiến trúc nên xây dựng:*

Cần là Thiên môn, là cực điểm của Âm và khởi điểm của Dương. Tại phương vị này nên xây nhà cao và liền nhau mới tốt. Hợi là Thiên phúc, Long vĩ (đuôi rồng), nên làm chuồng lợn, cũng gọi là Trạch cực. Trong sách có viết: "Muốn được làm quan thì phải tu sửa Trạch cực".

Nhâm là Trạch phúc, Minh đường, nên làm nhà cao tầng, phải giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, đồng thời nên để một vài cuốn kinh truyện, sách sử tại đó, như vậy mới có được bổng lộc. Tý là Long tả cước (chân trái của rồng), nên làm chuồng trâu. Trong sách cổ viết: "Phương Tý làm đẹp, nô tỳ (người giúp việc) làm việc có quy củ, gia súc vượng". Nên làm chắc chắn mới tốt. Quý là Thiên thương, nên làm cửa, phòng khách, nhà vệ sinh, như vậy mới tốt. Trong sách có nói: "Tiền bạc trong nhà tiêu hao thì phải sửa Thiên thương, nuôi gia súc, nhưng phải làm thật cao và chắc chắn".

Sửu là Thiên phủ, có thể làm nhà cao tầng, gia súc, nô tỳ sống ở đây sẽ được yên ổn. Hoạch cũng có thể làm nhà kho hoặc nhà vệ sinh. Cấn là Quý môn, Long phúc (bụng của rồng), Phúc nang, nên làm chắc chắn mới tốt, nếu làm không chắc thì gia cảnh bản hàn. Dần là Ngọc đường, nên làm nhà để xe, chuồng trâu, chú về tiền tài, nên mở rộng. Trong sách có viết: "Tu sửa Ngọc đường thì tiền của dư dật, vượng lục súc, đại cát".

Giáp là Trạch đức, An môn, nên làm xưởng xây xát, phải làm rộng và giữ vệ sinh thì tai họa tự nhiên tiêu tán. Mão là Đại đức, Long lạc (sườn của rồng), phòng khách. Trong sách có viết: "Tu sửa Đại đức thì tiền của nhiều, được phú quý, đức cao vọng trọng, cũng gọi là trạch chú". Ất là Kim quỹ, Thiên tinh, nên làm nhà cao tầng, nâng quét dọn và tu sửa thì càng được lộc. Thìn là Địa phủ, cánh tay trái của Thanh long, là Tam nguyên, là mệnh con cháu, nên giữ gìn vệ sinh sạch sẽ.

Trong sách có viết: "Thanh long cao lớn tráng lệ thì được phú quý". Tốn là phong, nên bằng phẳng, không nên tắc đọng, cũng gọi là Dương cực Âm tiền, phải làm thật rộng rãi và thông thoáng mới tốt. Tỵ là Chu tước, Long đầu (đầu của rồng), là mệnh của cha, nếu phạm phải sẽ gặp họa từ miệng, thổ huyết, phát điên, gia súc tác quái. Bính là đại hoa, là mệnh của mẹ, không nên làm cửa, nếu phạm phải sẽ gặp tai họa từ miệng mà ra. Ngọ là tử táng, cánh tay phải của rồng, là mệnh của con trưởng và con dâu trưởng, nếu phạm phải thì hồn bay phách lạc, đau mắt, đau tim, treo chân, gặp hoá hoạn và họa từ miệng. Đinh là Phạt ngục, Câu trần, là mệnh của con thứ và con dâu thứ, nếu phạm phải sẽ gặp kiện tụng, bị mụn nhọt, tai họa từ miệng mà ra.

Mùi là Quan ngục, là mệnh của con út và con dâu út, nếu phạm phải thì bị sét đánh, trộm cướp, binh đao, chảy máu, gia súc chết, nhà tan người mất, vợ con ly tán. Khôn là nhân môn, là mệnh của phụ nữ trong nhà, nên làm chuồng ngựa,



nếu phạm phải sẽ bị bại liệt. Phương vị này nên trồng trái, hoang vu và khuyết góc mới tốt.

Thân là Thiên hình, lưng của rồng, là mệnh của cháu trai, cháu dâu và trưởng nữ, nếu phạm phải sẽ gặp hoạ, tù tội. Canh là Trạch hình, là mệnh của thứ nữ và cháu trưởng, không nên làm cửa, nếu phạm phải sẽ bị đau sườn bên phải. Dậu là Hình ngục, sườn bên phải của rồng, là mệnh của con gái út và cháu chắt, nếu phạm phải sẽ bị tù tội, hoạ hoạ.

Tân là Tung ngục, Khách mệnh, phạm phải thì gặp tai hoạ từ miệng, có người chết. Tuất là Bạch hổ, Tung ngục, chân bên phải của rồng, là mệnh của nô bộc và gia súc, phạm phải sẽ bị bại liệt, trọc chân. Sân ở phương Càn bên ngoài nên có núi và cây, như vậy mới tốt, gia trưởng khoẻ mạnh, con cháu được thăng quan tiến chức, làm rạng danh gia đình. Phương Càn nên thoáng đàng, Hợi - Thiên phúc và Trạch cực ở bên ngoài nên làm nhà to và liền kề nhau. Nếu nối liền với Trạch phúc và Minh đường thì con cháu thông minh, thi cử đỗ đạt, được làm quan lớn, đại phú đại quý.

Tại Thiên thương nên xây nhà cao rộng, nhà kho và nhà cho nô tỳ và chuồng gia súc, như vậy tài nguyên mới dồi dào, lương thực đầy kho, nhà làm ở phương vị này phải cao ráo và sạch sẽ mới tốt. Tại Thiên phú nên xây nhà rộng cho con cháu và phụ nữ trong nhà, như vậy mới đại cát, con cháu được đề bạt, công việc thuận lợi. Tại vị trí Long phúc (bụng của rồng) và Phúc nang ở bên trên cùng nên làm thật chắc chắn. Nhà cửa san sát, có cây có núi, đó chính là biểu hiện của sự tốt lành. Nếu phương vị này có địa hình thấp trũng thì gia cảnh bần hàn, cuộc sống không được yên ổn. Tại vị trí Ngọc đường nên làm nhà cho con dâu, nếu nhà ở vị trí này làm đẹp thì được vinh hoa phú quý, con cháu phát đạt. Nếu nhà cửa cao lớn và tráng lệ thì con đường thăng quan tiến chức hàng phẳng, phát tài. Nếu làm chưa hoàn thiện thì gia cảnh bần hàn, phải đi tha hương cầu thực.

Tại Trạch đức nên làm phòng học, như vậy thành tích học tập mới tốt và trở thành tấm gương sáng cho mọi người noi theo. Con cháu sống ở đây thì có tài năng, tin nghĩa, trí dũng song toàn. Ba vị trí Thiên đức, Kim quý và Thanh long phải làm thật chắc chắn, có thể làm nhà cao tầng, phòng khách. Muốn được phú quý song toàn thì phải dựa vào ba vị thần trên này, vì vậy cần hết sức lưu ý. Tại Thanh long cần giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, như vậy mới có nhiều người qua lại, tại phương vị này cũng có thể đào giếng hoặc đào rãnh nước thải.

## PHÂN TÍCH ĐỒ HÌNH ÂM TRẠCH

<p>Thiên môn, kiến tạo vào ngày Đinh, Nhâm tháng năm.</p>	<p>Hợi, Thiên phúc, Long vĩ, Trạch cực.</p>	<p>Nhâm, Minh đường.</p>	<p>Tý, Cát xương, Long tá túc.</p>	<p>Quý, Phạt ngục.</p>	<p>Sửu, Thiên phủ.</p>	<p>Quỷ môn, Phúc nang, kiến tạo vào ngày Giáp, Kỷ tháng tám.</p>	<p>Dần, Ngọc đường, ngoại.</p>	<p>Giáp, Trạch đức, ngoại.</p>	<p>Mão, Đại đức, ngoại.</p>	<p>Ất, Kim quý, ngoại.</p>	<p>Thìn, Địa phủ.</p>
<p>Càn, Thiên môn, Âm cực Dương thủ, nên làm nhà san sát, cao lớn, rộng rãi và chắc chắn.</p>	<p>Hợi, Long vĩ, nên làm chuồng lợn, còn gọi là Trạch cực.</p>	<p>Nhâm, Thiên phúc, Minh đường, nên làm nhà cao tầng, năng giữ gìn vệ sinh mới được tài lộc.</p>	<p>Tý, Long tá túc, nên làm chuồng trâu.</p>	<p>Quý, Thiên thương, nên làm phòng khách, nhà vệ sinh.</p>	<p>Sửu, Thiên phủ, nên làm nhà cao tầng, chăn nuôi gia súc.</p>	<p>Cấn, Quỷ môn, Long phúc, Phúc nang, nên làm nhà thật chắc chắn.</p>	<p>Dần, Ngọc đường, nên làm nhà để xe, chuồng trâu.</p>	<p>Giáp, Trạch đức, nên xây nhà san sát và giữ gìn vệ sinh để giải trừ tai ương.</p>	<p>Mão, Đại đức, Long lạc, nên làm phòng khách.</p>	<p>Ất, Kim quý, Thiên tình, nên làm nhà cao tầng và năng dọn vệ sinh.</p>	<p>Thìn, Địa phủ, Thanh long tá thủ, Tam nguyên, mệnh của con cháu, nên giữ gìn vệ sinh sạch sẽ.</p>

HOÀNG  
ĐẾ  
BÀN  
VỀ  
ÂM  
TRẠCH



Địa hộ,  
kiến  
tạo vào  
ngày  
Bính,  
Tân  
tháng  
mười  
một.

Ty,  
Chu  
Tuốc,  
Long  
đầu,  
Phụ  
mệnh.

Bính,  
đại  
hoa,  
mẫu  
mệnh.

Ngo,  
tử  
táng,  
Phụ  
mệnh.

Đinh,  
Phạt  
ngục.

Mùi,  
Quan  
ngục,  
Phụ  
mệnh,  
Quý  
mị.

Nhân  
môn,  
kiến  
tạo  
vào  
ngày  
Át,  
Canh  
tháng  
hai.

Thân,  
Thiên  
hình.

Canh,  
Trạch  
hình.

Dậu,  
Hình  
ngục.

Tân,  
Đằng  
xà.

Tuất,  
Bạch  
hổ.

Tốn,  
phong,  
cũng  
gọi là  
Dương  
cực  
Âm  
tiên,  
nên  
thoáng  
đăng.

Ty,  
Chu  
Tuốc,  
Long  
đầu,  
Phụ  
mệnh,  
không  
nên  
làm  
giếng,  
phạm  
phải  
thì thổ  
huyết,  
điên  
loạn.

Bính,  
đại  
hoa,  
mẫu  
mệnh,  
không  
nên  
làm  
cửa.

Ngo,  
tử  
táng,  
Phụ  
mệnh,  
phạm  
phải  
thì đau  
mắt,  
đau  
tim.

Đinh,  
Phạt  
ngục,  
Cầu  
trần,  
Phụ  
mệnh,  
Thứ  
tử,  
phạm  
phải  
sẽ gặp  
kiện  
tung,  
bệnh  
tật.

Mùi,  
Quan  
ngục,  
Phụ  
mệnh,  
Thiếu  
tử,  
phạm  
phải  
sẽ gặp  
trộm  
cướp,  
gia súc  
chết,  
nhà  
tan  
cửa  
nát.

Khôn,  
nhân  
môn,  
nữ  
mệnh,  
không  
nên  
làm  
chuồng  
ngựa.

Thân,  
Thiên  
hình,  
Long  
bối,  
mệnh  
trường  
nữ,  
phạm  
phải  
sẽ bị  
đau  
sườn,  
tù tội,  
bệnh  
tật.

Canh,  
Trạch  
hình,  
thứ  
nữ,  
trường  
tôn  
mệnh,  
không  
nên  
làm  
cửa,  
phạm  
phải  
sẽ bị  
đau  
sườn  
phải,  
thương  
tật  
đầy  
minh.

Dậu,  
Hình  
ngục,  
Long  
hữu  
lặc,  
thiếu  
nữ, tôn  
mệnh,  
phạm  
phải  
thì bị  
tù tội,  
hoá  
hoạn.

Tân,  
Đằng  
xà,  
Tụng  
ngục,  
Khách  
mệnh,  
phạm  
phải  
thì  
tử táng,  
tà khí  
thâm  
nhập.

Tuất,  
Bạch  
hổ,  
Tụng  
ngục,  
Long  
hữu  
túc,  
nô tỳ,  
lục  
súc  
mệnh,  
phạm  
phải  
sẽ bị  
đau  
chân.



*Ngũ tính trạch pháp là một học thuyết quan trọng trong phong thủy của dân tộc Trung Quốc cổ đại, căn cứ vào thuộc tính Ngũ hành của Ngũ tính và thuộc tính Ngũ hành của trạch cư ngụ như mối quan hệ tương sinh tương khắc và các nguyên lý tương, tương, hòa, tụ, tử của Ngũ hành để phân đoạn về trạng thái cát hung, hợp kỵ của nhà ở. Ngũ tính trạch pháp khởi nguồn từ thuật Đo trạch trong thời Hán, phát triển mạnh trong thời Lục Đường, Bắc Tống, đến thời Minh Thanh bị suy vưu dần.*

**1.1. NGŨ TÍNH TRẠCH PHÁP**

Ngũ tính chỉ cách phân chia các họ theo Ngũ âm. Ngũ âm khởi nguồn từ âm luật thời cổ, cũng có khi gọi là Ngũ thanh. Ngũ âm và Ngũ hành có mối quan hệ rất mật thiết. Trong “Hán thư - Luật lệ chí” viết: “Thanh, gồm có Cung, Thương, Giốc, Chuý, Vũ, kết hợp với Ngũ hành thì Giốc là Mộc, Ngũ thường là nhân, Ngũ sự là mạo (diên mạo). Thương là Kim, là nghĩa, là ngôn (lời nói). Chuý là Hoá, là lễ, là thị. Vũ là Thuý, là trí, là thính (nghe). Cung là Thổ, là tín, là tư (nghĩ ngợi)”. Trong quá trình phát triển, học thuyết Ngũ hành được vận dụng để quy chiếu các sự vật khác nhau, tạo nên thuộc tính cơ bản của vạn vật, nguyên tắc cơ bản của học thuyết Ngũ hành chính là thiết lập mối quan hệ tương ứng giữa xã hội loài người và giới tự nhiên.

Chính hệ thống Ngũ phân của học thuyết Ngũ hành, trong quá trình phát triển lâu dài đã dần hình thành nên cơ sở lý luận cho sự hình thành và vận dụng các hình thức chiêm bốc thuật số, bao hàm cả Ngũ tính (Ngũ âm) trạch pháp. Như trong “Tùy thư - Kinh tịch chí” có viết: “Ngũ hành Kim, Mộc, Thuý, Hoá, Thổ chính là hình khí của ngũ thường, trên trời là ngũ tính, tại người là ngũ tạng, tại mắt là ngũ sắc, tại tai là ngũ âm, tại miệng là ngũ vị, tại mũi là ngũ khứu. Bên trên thì xuất khí biến hoá, bên dưới thì dưỡng dục không mệt mỏi, nên “Truyện” mới viết rằng: “Trời sinh ra Ngũ tài (ngũ hành), bỏ một cũng không được”. Bởi vậy thánh nhân suy đến cuối cùng để thông suốt sự biến hoá của thân mình, làm ra thuật chiêm bốc để khảo sát cát hung, chiêm đoán để biết chuyện tương lai, xem hình pháp để phân biệt sang hèn.

**Nội dung cơ bản của Ngũ tính trạch thuật**

Dùng căn chi để phân loại nhà ở, phân nhà ở thành “Ngũ tính trạch”. Dùng Ngũ âm để quy nạp các họ mà tạo thành Ngũ tính. Dựa vào mối quan hệ kết hợp giữa Ngũ âm, Ngũ tính và Ngũ hành sẽ suy ra được nguyên lý tương sinh tương khắc. Nếu nhà không phù hợp với họ hoặc họ và nhà tương khắc thì tai họa sẽ giáng xuống.

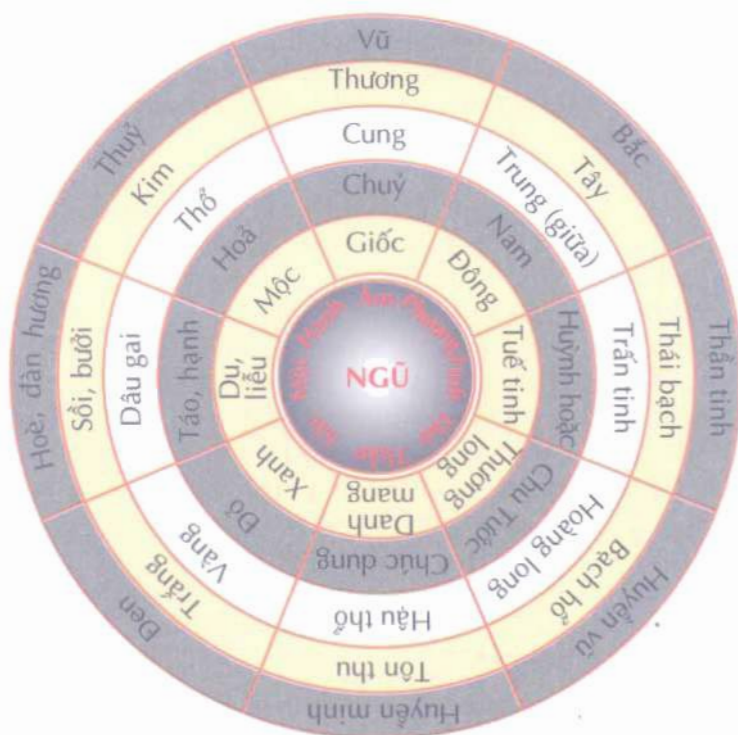




Trạng thái cát hung của Ngũ tính trạch chủ yếu được xác định theo hướng và số lượng của cửa chính. Hướng phù hợp với cửa chính của nhà ở và Ngũ tính được phán đoán căn cứ vào mối quan hệ phụ thuộc giữa Ngũ tính, Ngũ phương và Ngũ hành trong hệ thống Ngũ phân. Quan hệ tương sinh tương khắc được vận dụng trong thuật Ngũ tính tướng trạch chính là mối quan hệ mang tính biện chứng, cho nên nó có tính hợp lý nhất định.

## NGŨ HÀNH VÀ NGŨ TÍNH

**BẢNG THUỘC TÍNH NGŨ HÀNH**



## KIẾN TRỪ TRONG ĐỒ HÌNH NGŨ TÍNH TRẠCH

Kiến trừ	Nhân trạch đồ họ Giốc	Nhân trạch đồ họ Chuỷ	Nhân trạch đồ họ Cung	Nhân trạch đồ họ Thương	Nhân trạch đồ họ Vũ
Dần	Nguy	Định	Khai	Trừ	Khai
Mão	Thành	Chấp	Bế	Mãn	Bế
Thìn	Thu	Phá	Kiến	Bình	Trừ
Tỵ	Khai	Nguy	Trừ	Định	Kiến
Ngọ	Bế	Thành	Mãn	Chấp	Mãn
Mùi	Kiến	Thu	Bình	Phá	Bình
Thân	Trừ	Khai	Định	Nguy	Định
Dậu	Mãn	Bế	Chấp	Thành	Chấp
Tuất	Bình	Kiến	Phá	Thu	Phá
Hợi	Định	Trừ	Nguy	Khai	Nguy
Tý	Chấp	Mãn	Thành	Bế	Thành
Sửu	Phá	Bình	Thu	Kiến	Thu

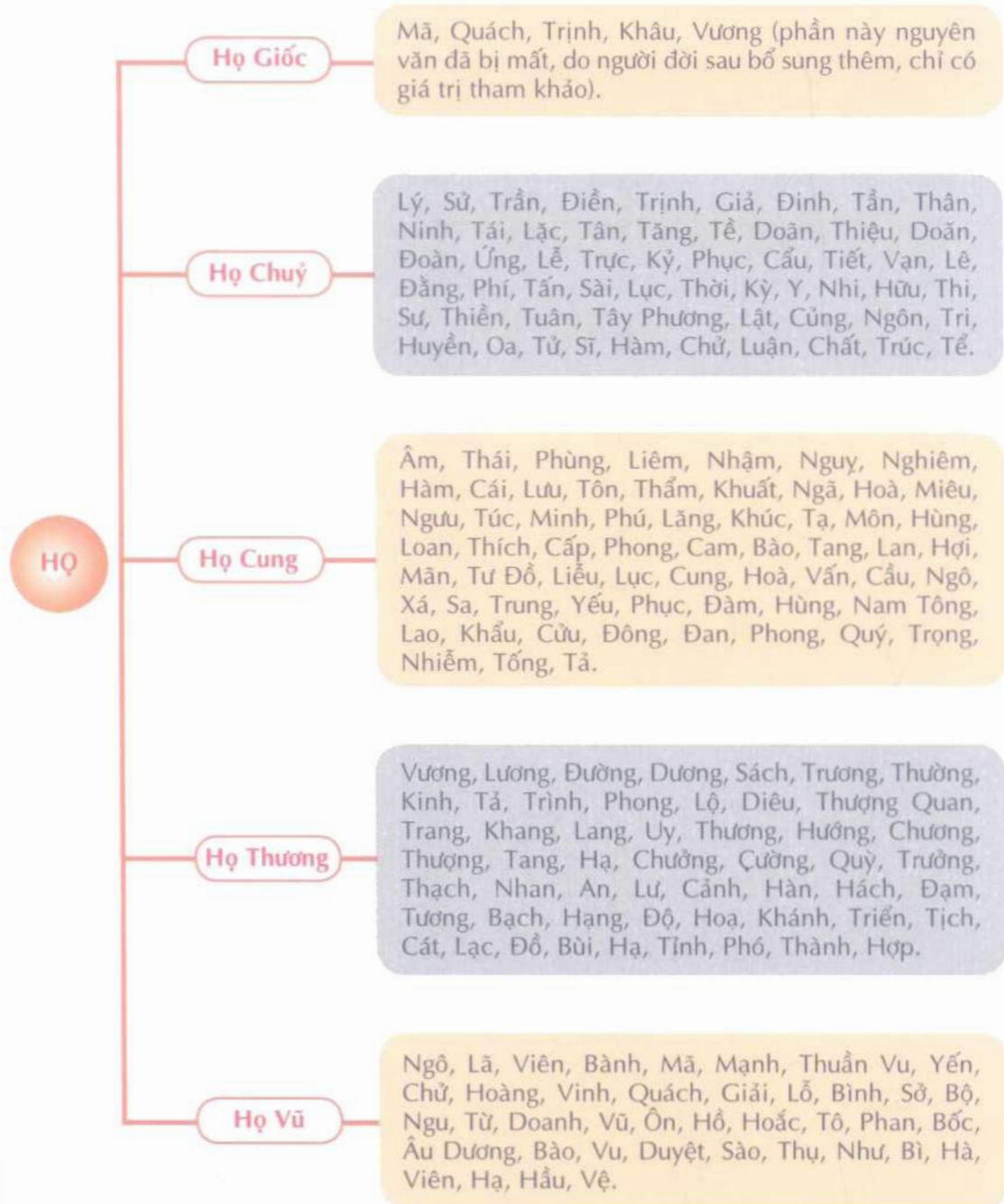
QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NGŨ TÍNH TƯỚNG TRẠCH





## BẢNG PHÂN LOẠI CÁC HỌ NGŨ TÍNH THEO ĐÔN HOÀNG BẢN TRẠCH KINH

Phân loại các họ là một trong những nội dung quan trọng của thuật Ngũ tính tướng trạch, trong “Trạch kinh” với xuất xứ từ Đôn Hoàng, có tài liệu viết riêng về vấn đề này. Dưới đây là đoạn trích từ hai bản khác nhau, trong đó có một số chỗ còn sai sót, thiếu khuyết, nên chỉ có giá trị tham khảo.



HỌ

Họ Giốc

Bàng, Địch, Chu, Đậu, Công Tôn, Tất, Vệ, Mao, Hầu, Đồng, Chí, Sở, Khổng, Tang, Môn, Tất, Chung, Tưởng, Quán, Ngũ, Sào, Vũ, Ngọc, Tây Quách, Viên, Mục, Triệu, Tào, Tiến, Lạc, Hồng, Ung, Viên, Thôi, Cổ, Tầm, Tông, Khấu, Cao, Lâu, Tuy, Khảm, Quan, Tu, Thành, Xa, Tả, Hương, Tiêu, Nghiêu, Liêm, Ngân, Bình, Đào, Thiệu, Bốc, Cố, Lật, Khúc, Tùy, Nguyên, Trác, Hành, Thượng, Ngưu, Khuất, Đông Phương, Phú, Lao, Chúc, Mông, Trúc, Quy, Đốc, Lậu, Sa.

Họ Chủy

Lý, Sử, Trần, Cao, Điền, Quách, Trịnh, Giả, Đinh, Tân, Đặng, Thân, Ninh, Tái, Lạc, Tân, Tăng, Tê, Doãn, Đoàn, Ứng, Lễ, Trúc, Quý, Phục, Tuân, Tiết, Vạn, Lê, Đằng, Kỷ, Phí, Tấn, Sài, Thái, Lục, Thời, Kỳ, Y, Kiến, Chi, Thi, Sư, Thiển, Cầu, Tây Phương, Củng, Ngôn, Tri, Huyền, Oa, Tử, Sĩ, Hàm, Chư, Luật, Chất, Liệt, Báo, Sinh, Tập, Mật, Ban, Tế, Giải.

Họ Cung

Âm, Tang, Chính, Phùng, Diêm, Nhậm, Ngụy, Nghiêm, Hàm, Cái, Lưu, Khổng, Viên, Sử, Mễ, Tạ, Tôn, Thẩm, Cừ, Ngã, Hoà, Miêu, Ngưu, Túc, Du, Phú, Lăng, Khúc, Hàm, Bào, Lan, Hối, Mãn, Tư Đồ, Liễu, Lục, Cung, Trung, Yếu, Đàm, Hùng, Nam Tông, Nghiệp, Đông, Đan, Phong, Môn, Quý, Trọng, Nhiếp.

Họ Thương

Trương, Vương, Lương, Đường, Dương, Sách, Thường, Hà, Kinh, Tả, Trình, Phong, Lộ, Điều, Thương, Quan, Trang, Vạn, Khang, Lang, Uy, Thương, Ngụ, Hương, Đảng, Chương, Quảng, Thương, Diệp, Hạ, Xa, Chương, Lệnh Hồ, Cường, Trường, Sái, Tưởng, Thạch, Nhan, Lôi, An, Sơn, Hình, Lan, Lữ, Cảnh, Hàn, Hách, Phụ, Lý, Thương, Bạch, Anh, Quyên, Độ, Khánh, Sương, Phòng, Hoạ, Sai, Phương, Triển, Tây Hương, Đồ, Bùi, Hạ, Tĩnh, Phó, Hoàng, Hợp.

Họ Vũ

Ngô, Lã, Viên, Bàn, Mã, Mạnh, Thuần Vu, Yến, Hoàng, Vinh, Quách, Lỗ, Mâu, Vu, Bình, Sở, Bộ, Từ, Doanh, Vũ, Ôn, Hồ, Hoắc, Tô, Phan, Âu Dương, Ngự, Như, Bì, Hầu, Vệ.



### CÁCH CHỌN ĐẤT LÀM NHÀ THEO NGŨ TÍNH

... của Ngũ tính (Ngũ âm) các họ được chia thành Ngũ tính như họ Chu thuộc Ngũ tính âm, họ Lý thuộc Ngũ tính trạch chủ yếu được căn cứ vào hướng và số bước đi của nhà không các họ chọn địa thế địa hình cũng có ảnh hưởng của Ngũ tính

Việc lựa chọn môi trường tự nhiên bên ngoài nhà ở, đặc biệt là địa hình địa thế luôn luôn là những nội dung rất quan trọng trong việc chọn lựa nơi ở. Có thể nói, sự tốt xấu của môi trường bên ngoài liên quan trực tiếp đến địa vị và số phận của con người.

Quy định đầu tiên của Ngũ tính đối với việc chọn lựa môi trường bên ngoài là số trạch. Tức dựa trên cơ sở xác định được vị trí giới hạn bốn phương của ngũ, dùng Lục giáp tức Giáp Tý, Giáp Ngọ, Giáp Dần, Giáp Thìn, Giáp Thân và Giáp Tuất là số khởi đầu cho nhà ở trong các ngũ, vì nhà ở thường phân bố ở hai bên ngũ nên tạo thành "Bát thuật". Số trạch hoàn chỉnh còn cần phải kết hợp với một đồ hình. Khi xác định được tên của nhà ở theo cách thức trên, sẽ có thể xác định Ngũ âm và Ngũ tính theo "Lục giáp nạp âm".

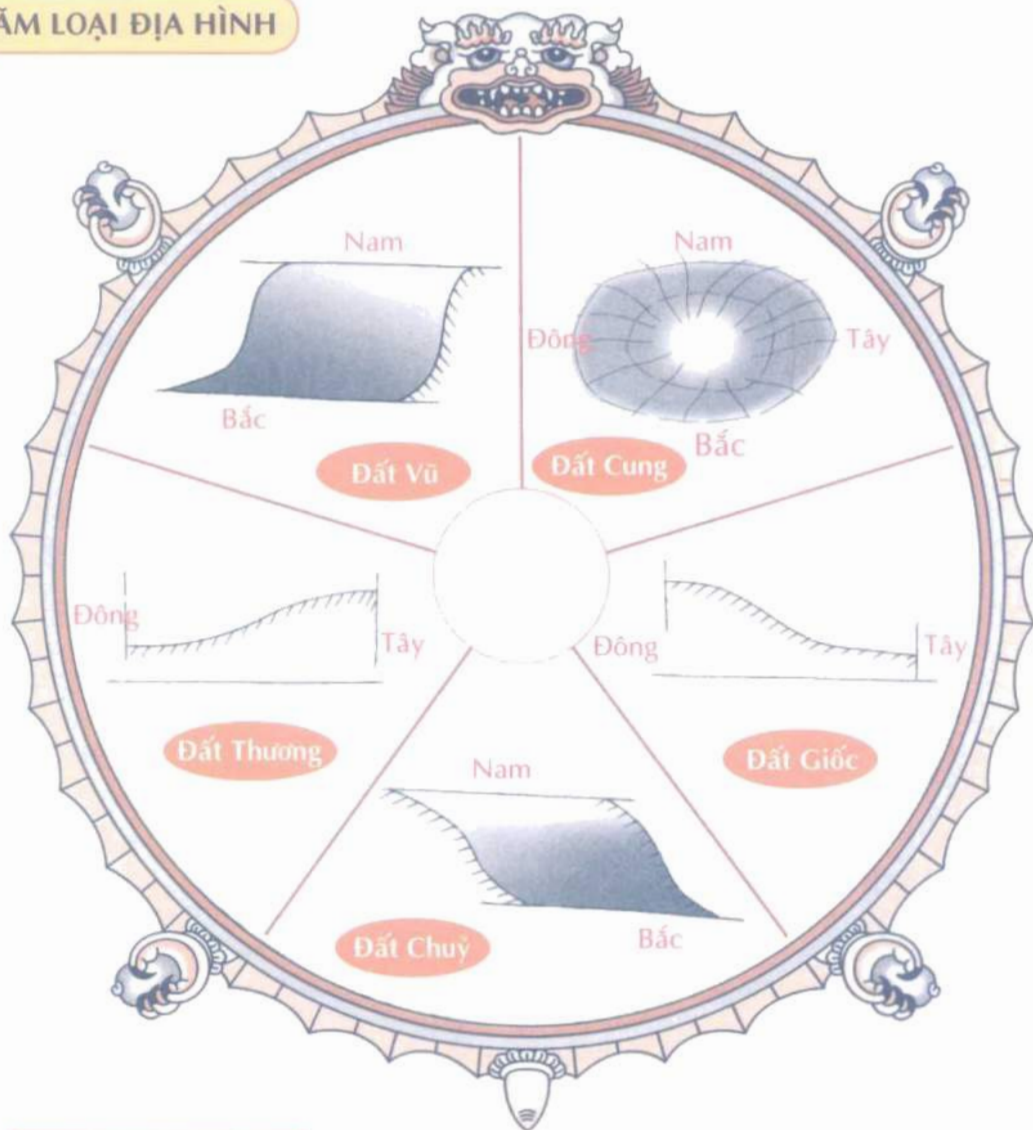
Một tác dụng khác trong quy định của Ngũ tính đối với việc chọn lựa môi trường bên ngoài nhà ở là dùng để phán đoán địa hình. Việc vận dụng Ngũ tính pháp để phán đoán địa hình đã thể hiện được phương pháp của Ngũ tính trạch thuật trong việc lựa chọn địa hình địa thế để đón cát tránh hung: Theo hướng dẫn của sơ đồ Nguyệt lệnh, căn cứ vào địa hình từ cao xuống thấp để chia năm hướng Đông, Nam, Tây, Bắc và trung thành năm loại, lần lượt dùng Ngũ tính để đặt tên, trở thành Ngũ tính địa. Khi chọn đất để cư trú, cần phải xem xét mối quan hệ sinh khắc trong Ngũ hành của Ngũ tính nhân, Ngũ tính trạch và Ngũ tính địa. Nếu tương sinh là cát, tương khắc là hung.

Muốn suy đoán địa hình, trước tiên phải xem xét phân loại và tên gọi của địa hình, tức là chia các địa hình địa thế khác nhau thành năm loại địa hình, mỗi loại địa hình lần lượt được đặt tên theo Ngũ tính, sau đó xem xét những họ nào ở đất đó sẽ cát lợi. Năm loại địa hình lần lượt là: đất phía đông cao phía tây thấp là đất Giốc, tốt cho họ Chuý. Đất phía nam cao phía bắc thấp là đất Chuý, tốt cho họ Cung. Đất phía tây cao phía đông thấp là đất Thương, tốt cho họ Vũ. Đất phía bắc cao phía nam thấp là đất Vũ, tốt cho họ Giốc. Đất bốn phía cao ở giữa thấp là đất Cung, tốt cho họ Thương. Đồng thời cũng quy định sự hạn chế tối thiểu về diện tích đất ở, nếu chu vi nhà ở chưa đầy 120 bước thì không nên ở nơi này.

Tiếp theo là sự ảnh hưởng của Trạch thần đối với trạng thái cát hung của nhà ở. Nhà theo Ngũ tính tốt nhất là "tứ thần đầy đủ". Tứ thần chính là thần cai quản phương vị: trước Chu tước, sau Huyền vũ, trái Thanh long, phải Bạch hổ, bốn vị thần này có ảnh hưởng rất nhiều đến trạng thái cát hung của nhà ở.



## NĂM LOẠI ĐỊA HÌNH



### Giải thích thuật ngữ

**Sơ đồ Nguyệt lệnh:** Sơ đồ Nguyệt lệnh là chỉ mô thức vũ trụ mà vạn vật trên thế giới thay đổi một cách tuần hoàn theo phương vị và thời gian, đó cũng là mô thức tư duy của người Trung Quốc cổ đại. Sơ đồ Nguyệt lệnh có lẽ được tạo ra bởi Âm Dương Ngũ hành gia thời Chiến quốc, được ghi chép sớm nhất trong “Lã Thị Xuân Thu”, phân 12 tháng thành 12 khoảng thời gian. Sơ đồ Nguyệt lệnh trước tiên lấy mùa xuân kết hợp với phương đông, mùa hè kết hợp với phương nam, mùa thu kết hợp với phương tây, mùa đông kết hợp với phương bắc, thời gian bốn mùa kết hợp với không gian bốn phía trở thành một sơ đồ vũ mô thống nhất về thời không, là một mô hình thu nhỏ về trời đất và vũ trụ.

CÁCH CHỌN ĐẤT VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁP XÂY DỰNG NHÀ Ở THEO NGŨ TÍNH



## 9 NGŨ TÍNH NHÂN TRẠCH ĐỒ

chương

3

*Trong cuốn Ngũ tính tương trạch, Ngũ tính nhân trạch đồ có vẽ tọa cát tại tứ trạch, đó là phương pháp lý luận được vận dụng khá nhiều, trong đó có Ngũ tính nhân trạch.*

Ngũ tính nhân trạch đồ, mỗi đồ hình gồm hai khối vuông trong và ngoài tạo nên mô hình chữ Hồi (回), ở giữa có viết các chữ như “Giốc lĩnh nhân trạch đồ” (đồ hình nhà người họ Giốc)... Mô thức này được biểu thị bởi mũi tên chỉ phương vị do can chi và Tứ duy tạo thành. Ngũ tính nhân trạch đồ đều có phương vị trên nam dưới bắc, trái đông phải tây, đó chính là phương hướng cơ bản của đồ hình. Tầng thứ ba của Ngũ tính nhân trạch đồ là Kiến trừ và thập nhị thần, Kiến trừ đã được trình bày trong phần trước, còn thập nhị thần xuất hiện trong thiên bản kiểu Lục Nhâm thời cổ đại, tên gọi của thập nhị thần có liên quan đến chòm Bắc Đẩu, chủ yếu biểu thị Nguyệt kiến. Tầng thứ tư của Ngũ tính nhân trạch đồ chủ yếu biểu thị sự cát hung hợp kỵ của Ngũ tính nhân trong mười hai tháng và mười hai phương vị. Lời chiêm đoán căn cứ vào mối quan hệ tương ứng giữa mười hai địa chi với tháng và phương vị, được đặt ở góc tây của đồ hình. Trước tiên, chúng tôi sẽ trình bày về những điều hợp kỵ của Ngũ tính nhân tại tháng tương ứng với phương vị này, sau đó sẽ trình bày về trạng thái cát hung khi làm nhà trên phương vị đối ứng với hướng này.

### Uma, dụng cụ: Ngũ tính nhân trạch đồ

Khi nghiên cứu về Ngũ tính nhân trạch đồ, chúng ta sẽ biết rằng mô thức Ngũ tính nhân trạch đồ chính là tài liệu tham khảo để Ngũ tính nhân lựa chọn tháng và phương vị thích hợp để xây dựng nhà ở, đồng thời cũng chỉ ra những tháng và phương vị không nên lựa chọn, và hậu quả nếu xây dựng tại những phương vị đó. Qua Kiến trừ, vị trí của thập nhị thần của mỗi họ trong Ngũ tính trạch đồ và những điểm cát hung hợp kỵ trong chọn đất chọn tháng tương ứng với đó, có thể thấy được rằng, Ngũ tính nhân làm nhà tại những tháng và tại phương vị tương ứng với Thiên cương, Hà khôi sẽ gặp phái tai họa, độ cũng là chuẩn mẫu trong quan niệm Âm Dương chiêm bosc thời bấy giờ. Vì vậy, Ngũ tính nhân trạch đồ là dạng đồ hình được tạo dựng nhằm mục đích đưa ra những thời gian và phương vị tốt nhất để Ngũ tính nhân tham khảo trong việc dựng nhà, dựa vào mô thức này có thể phán đoán được trạng thái cát hung trong việc chọn thời gian và chọn đất.



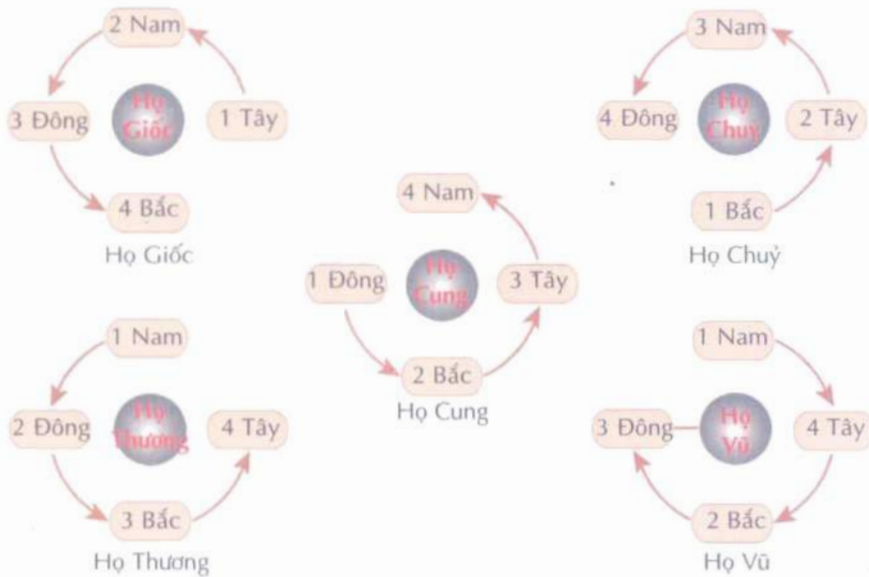
## PHÉP SUY DIỄN NGŨ TÍNH KIẾN TRÙ

Trong Ngũ tính nhân trạch đồ, mười hai Kiến trừ được sắp xếp ở những vị trí khác nhau, không phải chúng được sắp xếp một cách tùy tiện, mà phải tuân theo một quy luật nhất định. Quy luật này chính là "phép suy diễn Ngũ tính Kiến trừ".

	Họ Cung	Họ Thương	Họ Giốc	Họ Chuy	Họ Vũ
Bình	Tháng 6	Tháng 3	Tháng 9	Tháng 12	Tháng 6
Định	Tháng 7	Tháng 4	Tháng 10	Tháng giêng	Tháng 7
Chấp	Tháng 8	Tháng 5	Tháng 11	Tháng 2	Tháng 8
Phá	Tháng 9	Tháng 6	Tháng 12	Tháng 3	Tháng 9
Nguy	Tháng 10	Tháng 7	Tháng giêng	Tháng 4	Tháng 10
Thành	Tháng 11	Tháng 8	Tháng 2	Tháng 5	Tháng 11
Thu	Tháng 12	Tháng 9	Tháng 3	Tháng 6	Tháng 12
Khai	Tháng giêng	Tháng 10	Tháng 4	Tháng 7	Tháng giêng
Bế	Tháng 2	Tháng 11	Tháng 5	Tháng 8	Tháng 2
Kiến	Tháng 3	Tháng 12	Tháng 6	Tháng 9	Tháng 3
Trừ	Tháng 4	Tháng giêng	Tháng 7	Tháng 10	Tháng 4
Mãn	Tháng 5	Tháng 2	Tháng 8	Tháng 11	Tháng 5

## PHÉP DỰNG NHÀ CHO NGŨ TÍNH NHÂN

Cách làm nhà của Ngũ tính nhân chủ yếu bao gồm hai nội dung: trình tự xây tường hoặc dựng nhà tại các hướng (Đông, Nam, Tây, Bắc); Tác động cát hung của nhà mình và nhà hàng xóm khi làm theo trình tự trên. Trình tự xây tường trong quá trình dựng nhà của Ngũ tính là có khác nhau, cụ thể như sau:



KHAI QUÁT VỀ NGŨ TÍNH NHÂN TRẠCH ĐỒ



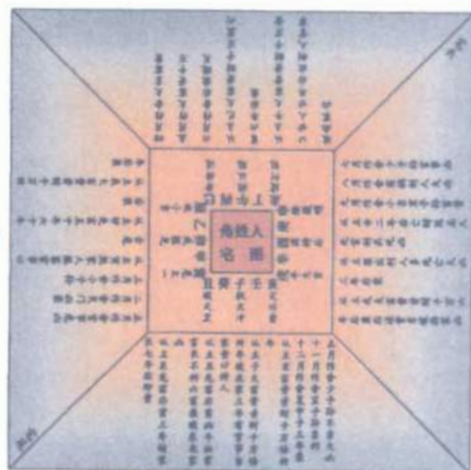
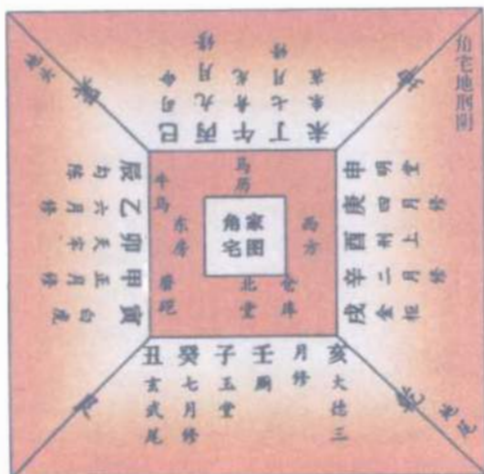
## Các loại Ngũ tinh trạch đồ

Ngũ tinh trạch đồ chủ yếu bao gồm Ngũ tinh nhân trạch đồ và Ngũ tinh gia trạch đồ. Ngũ tinh nhân trạch đồ là tài liệu để Ngũ tinh nhân tham khảo khi muốn chọn tháng và phương vị thích hợp để làm nhà. Ngũ tinh gia trạch đồ định rõ tên gọi của công trình, tháng nên làm nhà theo toạ độ của phương vị, tháng tu tạo và thập nhị thần, đồ hình này có ý nghĩa như là một bản vẽ bố cục nhà ở, đồ hình này sẽ cung cấp phương pháp sắp xếp thời gian phù hợp với quy tắc của nhà ở căn cứ vào phương vị cơ bản của ngũ tinh trạch.

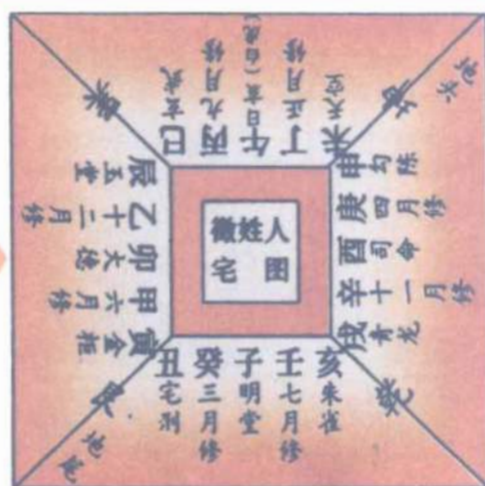
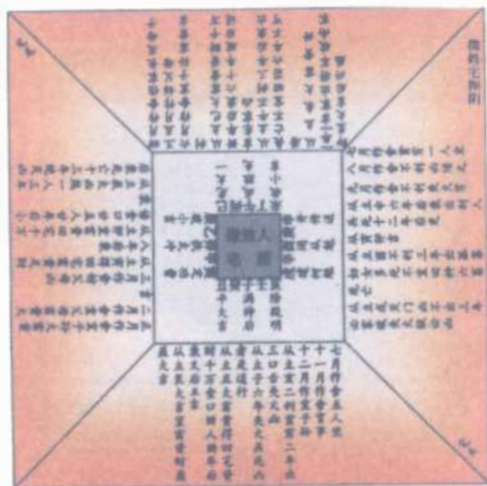
chương

3

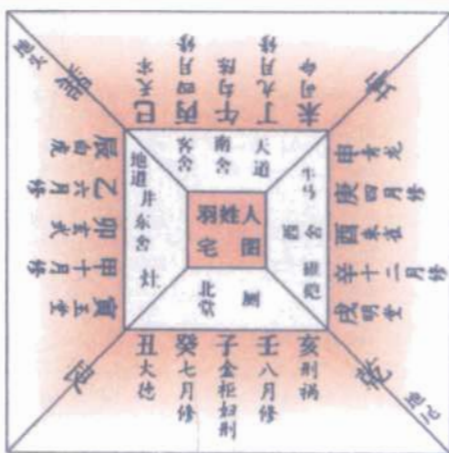
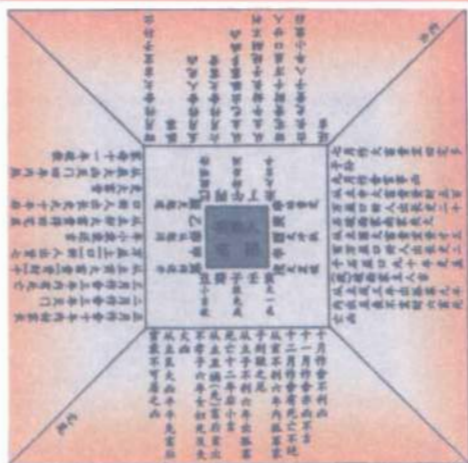
GIỐC



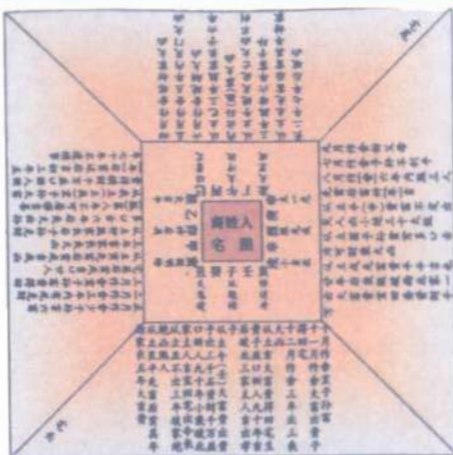
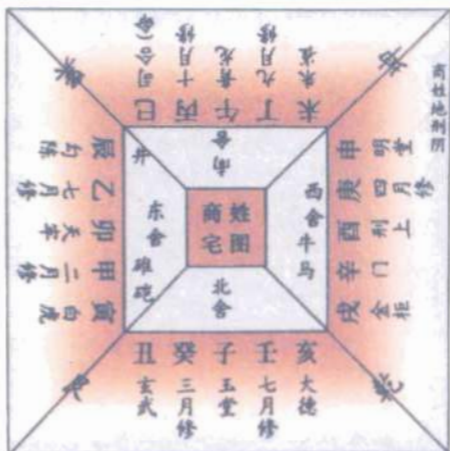
CHUỖ



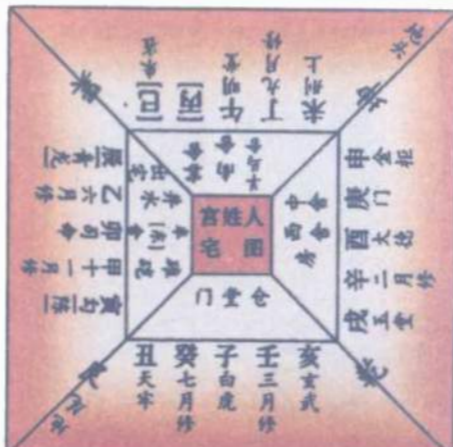
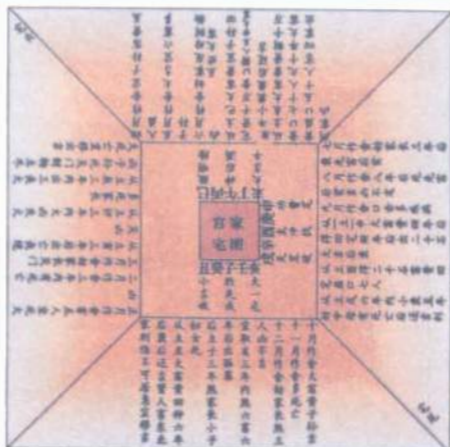
VŨ



THƯƠNG



CUNG



KHAI QUAT VE NGU TINH NHAN TRACH DO



**BẢNG CÁT HUNG KHI LÀM NHÀ CỦA NGŨ TÍNH NHÂN (12 THÁNG)**



	Trạch đồ dành cho người họ Giốc	Trạch đồ dành cho người họ Chuý	Trạch đồ dùng cho người họ Cung	Trạch đồ dùng cho người họ Thương	Trạch đồ dùng cho người họ Vũ
<b>Tháng giêng</b> Dần	Làm nhà tháng giêng gặp nhiều rắc rối, nếu làm hướng Dần chủ về gia trưởng sống cảnh cô đơn.	Làm nhà tháng giêng con cháu được phú quý, làm hướng Dần phát về điển trạch, nhưng tám năm sau sẽ suy.	Làm nhà tháng giêng có người bị chết, đại hung, làm hướng Dần thì ba năm sau gặp đại họa.	Làm nhà tháng giêng thì chủ về con út, cháu chắt bị hại, làm hướng Dần thì trước sướng sau khổ, suốt ba năm hại đến gia trưởng.	Làm nhà tháng giêng, trong 10 năm sẽ hại đến gia trưởng, làm hướng Dần được phú quý, tiền của sung túc, tăng nhân khẩu, sau bảy năm tình hình xấu đi, nhưng sau đó lại hồi phục.
<b>Tháng hai</b> Mão	Làm nhà tháng hai đại hung, làm hướng Mão thì giàu có 50 - 60 năm, sau đó thì suy.	Làm nhà tháng hai, cha mẹ được phú quý, đại cát. Làm hướng Mão thì phát về điển trạch, vật chất đầy đủ, sau 20 năm thì kém đi.	Làm nhà tháng hai thì trong vòng ba năm có tang. Làm hướng Mão thì trong ba năm đại hung, hoả hoạn, hại đến gia trưởng.	Làm nhà tháng hai thì trong vòng năm năm có tang, khắc tài. Làm hướng Mão thì hại gia trưởng và con cháu, khắc tài, sáu năm sau thì gặp hoả hoạn mà phải sống cảnh cô độc, tám năm sau không thể trụ nổi, phải chuyển đi gấp.	Làm nhà tháng hai thì ba năm tuyệt diệt. Làm hướng Mão được phú quý, phát về điển trạch.
<b>Tháng ba</b> Thìn	Làm nhà tháng ba không tốt. Làm hướng Thìn được phú quý, tiền của sung túc, sau 40 năm thì suy.	Làm nhà tháng ba hại đến cha mẹ. Làm hướng Thìn đại hung, một trong hai người sẽ chết, sau ba năm thì suy, có tang, sau 13 năm thì gia đình tan nát.	Làm nhà tháng ba thì hại đến gia trưởng. Làm hướng Thìn thì con cháu trong ba năm đại hung, con cháu bị chết, tiền của tiêu tán, nên chuyển sang hướng tốt.	Làm nhà tháng ba thì con cháu được phú quý, phát về điển trạch. Làm hướng Thìn thì con cháu được phú quý, của cải nhiều, nhân khẩu tăng, sau 40 năm thì nghèo, nhưng cuối đời cuộc sống cũng ổn, trong ba năm, năm năm hoặc bảy năm đầu không gặp chuyện ngang trái.	Làm nhà tháng ba thì trong vòng ba năm có tang. Làm hướng Thìn thì đại hung, trong bốn năm hại đến gia mẫu, 11 năm thì gia đình tan vỡ.
<b>Tháng tư</b> Tỵ	Làm nhà tháng tư thì đại cát, được phú quý. Làm hướng Tỵ thì của cải nhiều, nhưng sáu năm sau lại suy.	Làm nhà tháng tư thì hại đến gia trưởng và mẹ con. Làm hướng Thìn thì được phú quý, của cải nhiều, 40 năm sau thì suy, 60 năm thì rạn nứt.	Làm nhà tháng tư thì con cháu được phú quý. Làm hướng Tỵ thì con cháu phát về điển trạch, của cải nhiều, nhân khẩu tăng, năm năm sau rất giàu, sáu năm sau tình hình hơi xấu đi, nhưng nói chung vẫn rất tốt.	Làm nhà tháng tư thì hại gia trưởng. Làm hướng Tỵ, trong ba năm hại gia trưởng, 6 năm cô độc.	Làm nhà tháng tư thì đại cát, tốt cho con cháu. Làm hướng Tỵ thì đại hung.
<b>Tháng năm</b> Ngọ	Làm nhà tháng năm thì giàu có. Làm hướng Ngọ thì được phú quý, của cải nhiều, 20 năm sau gặp nhiều rắc rối.	Làm nhà tháng năm thì hại đến cha mẹ. Làm hướng Ngọ không tốt, 3 năm sau thì suy, 6 năm sau thì không thể sống ở nơi này.	Làm nhà tháng năm thì đại cát, đông con nhiều cháu. Làm hướng Ngọ thì được phú quý, phát về điển trạch, của cải nhiều.	Làm nhà tháng năm thì trong năm năm đại hung. Làm hướng Ngọ thì không tốt, ba năm hại mẹ, sáu năm hại con cháu.	Làm nhà tháng năm thì có người chết. Làm hướng Ngọ thì hai con cả, tuyệt tự, không phát điển trạch.
<b>Tháng sáu</b> Mùi	Làm nhà tháng sáu thì đại hung. Làm hướng Mùi thì diệt môn, 10 năm sau nhà tan cửa nát, nam nữ tù tội, tội tử làm việc phạm pháp, tử vong liên tục.	Làm nhà tháng sáu thì con cháu được phú quý. Làm hướng Mùi thì đại lợi, sự nghiệp phát triển, cuối đời hưng vượng.	Làm nhà tháng sáu thì hại đến gia trưởng và gia mẫu, hao tổn tiền của. Làm hướng Mùi thì được phú quý, của cải nhiều, nhân khẩu tăng.	Làm nhà tháng sáu thì đại hung, tuyệt tự. Làm hướng Mùi thì sướng trước khổ sau, hai đến gia trưởng.	Làm nhà tháng sáu thì được phú quý. Làm hướng Mùi thì của cải nhiều, nhân khẩu tăng, sinh được quý tử, tám năm sau tình hình có xấu đi, nhưng nói chung vẫn tốt.



	Trạch đồ của người họ Giốc	Trạch đồ của người họ Chuý	Trạch đồ của người họ Cung	Trạch đồ người họ Thương	Trạch đồ của người họ Vũ
<b>Tháng bảy</b> <b>Thân</b>	Làm nhà tháng bảy thì con cháu út gặp rắc rối. Làm hương Thân thì hai năm sau mất cửa, có người chết, đại hung.	Làm nhà tháng bảy thì gia đình nghèo túng. Làm hương Thân thì sáu năm sau sẽ suy, có người chết trận, 12 năm sau nên chuyển sang hương Dần hoặc Mão.	Làm nhà tháng bảy thì hại đến gia trưởng, ba năm sau thì suy, sướng trước khổ sau. Làm hương Thân thì được phú quý, bốn năm sau phát về điển trạch, đại cát.	Làm nhà tháng bảy thì không tốt cho con cháu. Làm hương Thân thì bình thường, không có gì nổi bật.	Làm nhà tháng bảy thì được phú quý, đồng con nhiều cháu. Làm hương Thân thì của cải nhiều.
<b>Tháng tám</b> <b>Đậu</b>	Làm nhà tháng tám thì đại hung, gặp tai họa. Làm hương Đậu thì nhiều người bỏ mạng, ba năm sau thì suy.	Làm nhà tháng tám không tốt, đại hung. Làm hương Đậu không có lợi trong ba năm, phụ nữ sống cô quả, trống trọt không thuận, gia súc chết nhiều.	Làm nhà tháng tám thì tám năm sau sẽ chết, sướng trước khổ sau, cát hung bất định. Làm hương Đậu thì được phú quý, phát về điển trạch.	Làm nhà tháng tám thì trong sáu năm hại tới ba người, sướng trước khổ sau. Làm hương Đậu thì con cháu nghèo khổ, hay tranh cãi, khắc tài, đại hung.	Làm nhà tháng tám thì hại tới ba người. Làm hương Đậu thì được phú quý, phát về điển trạch, của cải nhiều.
<b>Tháng chín</b> <b>Tuất</b>	Làm nhà tháng chín thì con cháu được phú quý, gặp tai họa. Làm hương Tuất thì của cải nhiều, nhưng sáu năm sau thì suy, nhưng nhìn chung vẫn tốt.	Làm nhà tháng chín không tốt, gặp hoả hoạn, cuộc sống nghèo khổ. Làm hương Tuất thì đại hung, chưa được ba năm thì nhà tan, cửa nát, vướng vào tù tội.	Làm nhà tháng chín thì bệnh tật nhiều. Làm hương Tuất thì trong sáu năm có chút thay đổi, trong 5 năm có tang.	Làm nhà tháng chín thì hại đến cha mẹ. Làm hương Tuất thì được phú quý, 12 năm sau thì suy.	Làm nhà tháng chín thì đại hung, gặp nhiều chuyện rắc rối. Làm hương Tuất thì trong 3 năm có quả, 1 trong 9 năm không tích góp được tiền của, gia súc chết nhiều.
<b>Tháng mười</b> <b>Hợi</b>	Làm nhà tháng mười không có lợi cho con cháu, đại hung. Làm hương Hợi được phú quý, tiền của nhiều.	Làm nhà tháng mười không tốt. Làm hương Hợi cũng không tốt, cuộc sống nghèo khổ, gặp hoả hoạn, tranh chấp.	Làm nhà tháng mười thì được phú quý, con cháu vinh hiển. Làm hương Hợi thì trong ba năm hại đến sức vật, sáu năm sau phải sống cảnh cô quả.	Làm nhà tháng mười con cháu được phú quý. Làm hương Hợi đại cát, phát về điển trạch, sinh được quý tử.	Làm nhà tháng mười không tốt, đại hung. Làm hương Hợi cũng không tốt, trong sáu năm phải sống cảnh cô quả, con cái vướng vào vòng tù tội.
<b>Tháng mười một</b> <b>Tý</b>	Làm nhà tháng mười một rất tốt cho con cháu. Làm hương Tý thì được phú quý, của cải nhiều.	Làm nhà tháng mười một gặp nhiều chuyện rắc rối. Làm hương Tý thì đại hung, có thể phải bỏ mạng.	Làm nhà tháng mười một ảnh hưởng xấu đến tình mạng. Làm hương Tý thì ba năm hại đến gia trưởng, con cái bị chết.	Làm nhà tháng mười một được phú quý, phát về điển trạch, sinh được quý tử. Làm hương Tý thì của cải nhiều, sinh được quý tử.	Làm nhà tháng mười một không tốt. Làm hương Tý đại hung, trong sáu năm phải sống cảnh cô quả. 12 năm sau tình hình biến chuyển xấu đi.
<b>Tháng mười hai</b> <b>Sửu</b>	Làm nhà tháng mười hai hại đến con trai thứ, ba năm thì suy. Làm hương Sửu thì sướng trước khổ sau, hại đến gia trưởng, hay kiện cáo.	Làm nhà tháng mười hai tốt cho con cháu. Làm hương Sửu được phú quý, phát về điển trạch, của cải nhiều, nhân khẩu tăng, 40 năm sau thì suy.	Làm nhà tháng mười hai hại đến gia trưởng. Làm hương Sửu được phú quý, trống trọt thuận lợi, sáu năm sau thì suy.	Làm nhà tháng mười hai đại hung. Làm hương Sửu thì chưa đầy ba năm sẽ mất nhà, ảnh hưởng tới mọi người trong nhà.	Làm nhà tháng mười hai có tang. Làm nhà hương Sửu thì sướng trước khổ sau, con cái bất hiếu, sáu năm sau có tang (nữ), gặp hoả hoạn.



## KHÁI QUÁT VỀ NGŨ TÍNH GIA TRẠCH ĐỒ

Ngũ tính gia trạch đồ là một đồ hình có tầm quan trọng tương đương với Ngũ tính nhân trạch đồ, nó thể hiện tên của công trình, tọa độ của phương vị, tháng kiến tạo và thập nhị thần, có ý nghĩa như một sơ đồ bố cục nhà ở, đồ hình này sẽ cung cấp phương pháp sắp xếp thời gian phù hợp với quy tắc của nhà ở căn cứ vào phương vị cơ bản của ngũ tính trạch.

## Nội dung của Ngũ tính gia trạch đồ

Ngũ tính gia trạch đồ là một đồ hình quan trọng tương ứng với Ngũ tính nhân trạch đồ, bố cục của nó cũng giống như bố cục của Nhân trạch đồ.

Ngũ tính gia trạch đồ cũng được chia làm bốn tầng, xếp lần lượt từ trong ra ngoài, tầng trong cùng là tên của đồ hình, như “Giốc gia trạch đồ”, “Chủy gia trạch đồ”,... Tầng thứ hai của Gia trạch đồ ghi chú về các công trình cơ bản trong nhà ở, chủ yếu liên quan đến sự phân bố phòng chính và những tiện nghi trong nhà. Tầng thứ ba của Gia trạch đồ là tọa độ của hai mươi tư phương vị, nhưng có một số quẻ Tứ duy được biểu thị bằng Bát quái. Tầng thứ tư của Gia trạch đồ gồm hai nội dung: thứ nhất là tháng kiến tạo tương ứng với tám thiên can; Thứ hai là thập nhị thần tương ứng với mười hai Địa chi.

## Bảng phương vị và thời gian tu sửa của Ngũ tính gia trạch đồ

Thời gian tu sửa	Gia trạch đồ nhà họ Giốc	Gia trạch đồ nhà họ Chủy	Gia trạch đồ nhà họ Cung	Gia trạch đồ nhà họ Thương	Gia trạch đồ nhà họ Vũ
Giáp	Tháng giêng	Tháng 6	Tháng 11	Tháng 2	Tháng 10
Ất	Tháng 6	Tháng 12	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 6
Bính	Tháng 9	Tháng 9	Khuyết	Tháng 10	Tháng giêng
Đinh	Tháng 7	Tháng giêng	Tháng 9	Tháng 9	Tháng 9
Canh	Tháng 4	Tháng 4	Khuyết	Tháng 4	Tháng 4
Tân	Tháng 2	Tháng 11	Tháng 2	Khuyết	Tháng 12
Nhâm	Tháng 3	Tháng 7	Tháng 3	Tháng 7	Tháng 8
Quý	Tháng 7	Tháng 3	Tháng 7	Tháng 3	Tháng 7

## Ứng dụng của Ngũ tính gia trạch đồ

Ngũ tính gia trạch đồ là một sơ đồ bố cục mặt phẳng của nhà ở, tác dụng của đồ hình này là: xác định vị trí sắp đặt các tiện nghi trong nhà; Đưa ra thời gian hợp lý để tiến hành tu sửa theo các phương vị cơ bản; Xác định phương vị của thập nhị thần trong các gia trạch của Ngũ tính. Sở dĩ đồ hình Ngũ tính gia trạch coi trọng thập nhị thần là do có liên quan trực tiếp đến những điều kiêng kỵ đối với các vị thần gia trạch trong truyền thống.





# THẬP NHỊ THẦN



## NGƯỜI XƯA BÀN VỀ THẬP NHỊ THẦN

Trong "Mộng Khê bút đàm", Thẩm Khoát có những mô tả cụ thể về thập nhị thần như sau: "Về tên gọi của thập nhị thần trong Lục Nhâm, người xưa giải thích là: "Tháng giêng Dương khí bắt đầu tại Kiến, hiệu triệu vạn vật, nên là Đấng minh. Tháng hai vạn vật đâm rễ nảy mầm, nên là Thiên khôi. Tháng ba hoa lá sinh sôi, nên là Tông khôi. Tháng tư Dương cực không được truyền, nên là Truyền tưng. Tháng năm cỏ cây tốt tươi hơn lúc ban đầu, nên là Thắng tiên. Tháng sáu vạn vật phát triển bình thường, nên là Tiểu cát. Tháng bảy vạn vật phát triển thành hình, nên là Thái ất. Tháng tám cành cây cứng cáp, nên là Thiên cang. Tháng chín cây phát triển thành cành và thân cứng cáp, nên là Thái xung. Tháng mười vạn vật phát triển chín muồi, nên là Công tào. Tháng mười một Nguyệt kiến tại Tý, nhà vua trở lại ngai vàng, nên là Đại cát. Tháng mười hai làm lễ báo thần, nên là Thần hậu". Theo quan niệm của người xưa thì trên trời có mười hai thiên thần, mỗi thiên thần cai quản một vùng và một thời điểm dưới hạ giới. Tuy mỗi thần có một vùng cai quản riêng, nhưng mỗi năm, mỗi tháng, mỗi tuần lại có một thiên thần chịu trách nhiệm chung cai quản hạ giới. Khi thiên thần nào đang trong tuần cai quản của mình thì vạn vật dưới trần gian sẽ chịu ảnh hưởng của thiên thần đó.

## THẬP NHỊ THẦN TRONG NGŨ TÍNH GIA TRẠCH

Thập nhị thần	Gia trạch đồ nhà họ Giốc	Gia trạch đồ nhà họ Chuy	Gia trạch đồ nhà họ Cung	Gia trạch đồ nhà họ Thương	Gia trạch đồ nhà họ Vũ
Dần	Bạch hổ	Kim quỳ	Câu trần	Bạch hổ	Ngọc đường
Mão	Thiên lao	Đại đức	Tư mệnh	Thiên lao	Huyền vũ
Thìn	Câu trần	Ngọc đường	Thanh long	Câu trần	Bạch hổ
Tỵ	Tư mệnh	Huyền vũ	Chu tước	Tư mệnh	Thiên lao
Ngọ	Thanh long	Bạch hổ	Minh đường	Thanh long	Câu trần
Mùi	Chu tước	Thiên lao	Hình thượng	Chu tước	Tư mệnh
Thân	Minh đường	Câu trần	Kim quỳ	Minh đường	Thanh long
Dậu	Thiên hình	Tư mệnh	Đại đức	Thiên hình	Chu tước
Tuất	Kim quỳ	Thanh long	Ngọc đường	Kim quỳ	Minh đường
Hợi	Đại đức	Chu tước	Huyền vũ	Đại đức	Thiên hình
Tý	Ngọc đường	Minh đường	Bạch hổ	Ngọc đường	Kim quỳ
Sửu	Huyền vũ	Thiên hình	Thiên lao	Huyền vũ	Đại đức

KHÁI QUÁT VỀ NGŨ TÍNH GIA TRẠCH



## 11 NGŨ TÍNH AN MÔN KHAI HỘ PHÁP (PHÉP TRỞ CỔNG CỬA NGŨ TÍNH)

chương

3

*Thuật Ngũ tính tương trạch là những quy định và cách phân đoán cát hung cho nhà ở, ứng dụng phương pháp phân loại Ngũ tính và lý luận Ngũ hành sai khác, dựa vào Ngũ tính để đặt tên và phân loại cho việc treo cửa.*

Tuy Ngũ tính trạch đồ đã đưa ra sơ đồ sắp xếp về những tiện nghi trong nhà, nhưng ngoài những đồ hình đó ra, vẫn còn có những sắp xếp cụ thể hơn nữa, đặc biệt là phép trở cửa. Nếu trở cổng Cung (Cung môn) là đại cát; Xây cổng Thương (Thương môn) có lợi cho con cháu; Xây cổng Giốc (Giốc môn) thì sướng trước khổ sau; Xây cổng Chủy (Chủy môn) thì được làm quan; Xây cổng Vũ (Vũ môn) thì đại cát.

Về cổng nhà, nếu ngoài Cung trong Vũ sẽ khiến cuộc sống nghèo khổ, gặp nhiều tai họa; Ngoài Cung trong Thương, được phú quý; Ngoài Cung trong Giốc, nghèo hèn; Ngoài Thương trong Chủy, phú quý; Ngoài Giốc trong Thương, nghèo hèn; Ngoài Giốc trong Cung, đại hung; Ngoài Giốc trong Chủy, phú quý; Ngoài Giốc trong Vũ, phú quý; Ngoài Chủy trong Cung, thuận lợi về chăn nuôi; Ngoài Chủy trong Giốc, phú quý; Ngoài Vũ trong Giốc, phú quý; Ngoài Vũ trong Chủy, nghèo hèn, chết đột ngột; Ngoài Vũ trong Cung, hay kiện tụng; Ngoài Vũ trong Thương, tốt cho con cháu.

Người họ Giốc ra vào Giốc môn thì tiền bạc dư dật, nhưng lại tiêu pha phung phí, vì thế có số sướng trước khổ sau, là hung. Người họ Giốc ra vào Chủy môn thì sinh được quý tử, khổ trước sướng sau. Người họ Giốc ra vào Vũ môn, tương sinh là cát, tiền của dư dật, được phú quý, đại cát. Người họ Giốc ra vào Cung môn, gặp nhiều tai họa. Người họ Giốc ra vào Thương môn, tương khắc, gặp nhiều rủi ro, trộm cướp, khiến cuộc sống nghèo khổ, hay ốm đau.

Người họ Chủy ra vào Chủy môn, phú quý, đại cát. Người họ Chủy ra vào Cung môn, phú quý, tiền của dư dật, tốt cho con cháu. Người họ Chủy ra vào Thương môn, hao tiền tốn của. Người họ Chủy ra vào Giốc môn, sướng trước khổ sau. Người họ Chủy ra vào Vũ môn, tất sẽ gặp tai họa, đại hung.

Người họ Cung ra vào Giốc môn, tương khắc tương thương, không tốt. Người họ Cung ra vào Chủy môn, phú quý, tăng nhân khẩu. Người họ Cung ra vào Cung môn, không phải lo nghĩ về vấn đề cơm áo. Người họ Cung ra vào Vũ môn, tương khắc, đại hung.

Người họ Thương ra vào Giốc môn, tương khắc, đại hung. Người họ Thương ra vào Chủy môn, đại hung. Người họ Thương ra vào Cung môn, phú quý, con cháu sung túc, sinh được quý tử. Người họ Thương ra vào Thương môn, đời sống vật chất thiếu thốn. Người họ Thương ra vào Vũ môn, phú quý, tiền của dư dật, đại cát.

Người họ Vũ ra vào Giốc môn, tiền của tích tụ, sinh được quý tử. Người họ Vũ ra vào Chủy môn, tương khắc, bị giam cầm. Người họ Vũ ra vào Thương môn, gặp nhiều tai họa. Người họ Vũ ra vào Vũ môn, phú quý.

Phép trở cửa Ngũ tính (Ngũ tính an môn khai hộ pháp) đã thiết lập phương pháp phân đoán cát hung dựa trên cơ sở Ngũ hành sinh khắc giữa Ngũ tính nhân và Ngũ tính môn. Qua đó có thể phân đoán về trạng thái cát hung hợp kỵ giữa Ngũ tính nhân và trong, ngoài cửa, đồng thời cũng thấy được những ảnh hưởng cát hung khi Ngũ tính nhân ra vào qua Ngũ tính môn.



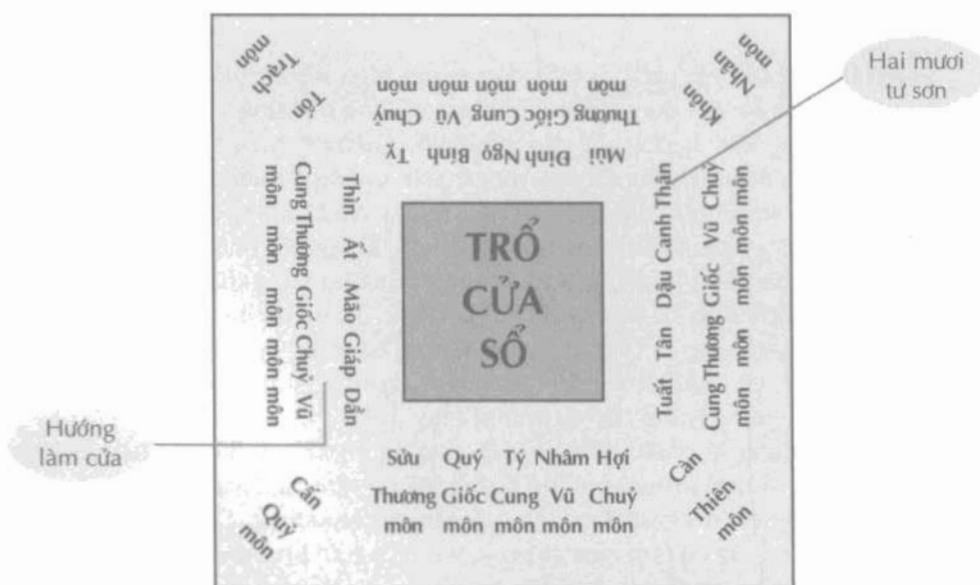


# SƠ ĐỒ NGŨ TÍNH AN MÔN



## SƠ ĐỒ PHƯƠNG VỊ NGŨ TÍNH AN MÔN (TRỞ CỬA NGŨ TÍNH)

Người thời cổ đại rất coi trọng việc trở cổng, cửa, đặc biệt là việc bố trí theo phương vị, nếu làm cửa sai hướng sẽ gây ra tai họa.



## PHƯƠNG PHÁP ĐẶT CỬA, BẾP VÀ GIẾNG THEO NGŨ TÍNH

Tuy Ngũ tính trạch đồ đã đưa ra sơ đồ bố cục về các tiện nghi trong nhà, nhưng ngoài những sơ đồ này còn có một số cách sắp xếp cụ thể khác như sau:

	Cung	Thương	Giác	Chủy	Vũ
Cửa chính	Đinh	Canh	Bính	Đinh	Giáp
Cửa hậu	Canh	Ất	Giáp	Giáp	Canh
Giếng	Tỵ	Tỵ	Thìn	Dậu	Dậu
Bếp	Dậu	Tỵ	Tỵ	Thìn	Tỵ
Phật đường	Dậu	Dậu	Dậu	Sửu	Dậu
Nhà kho	Tân	Tân	Thân	Tân	Tân
Nhà vệ sinh	Hợi	Nhâm	Nhâm	Hợi	Nhâm
Chuồng ngựa	Tỵ	Ngọ	Đinh	Thân	Thân
Chuồng trâu	Quý	Thân	Canh	Thân	Tỵ

KHÁI QUÁT VỀ NGŨ TÍNH GIA TRẠCH



12 NGŨ TÍNH KHAI TÍNH PHÁP (PHÉP ĐÀO GIẾNG NGŨ TÍNH)

NGŨ TÍNH VÀ GIẾNG NƯỚC

*Thời xưa mọi người rất coi trọng việc đào giếng, nên người Ngũ tính phải căn cứ vào đặc điểm của họ mình để đào giếng ở phương vị thích hợp.*

**Ngũ tính khai tính pháp**

Ngũ tính khai tính pháp (phép đào giếng Ngũ tính) được lưu truyền từ thời xưa, phương pháp vận dụng cụ thể như sau: Giếng ở hướng Tý, con cái bất hiếu. Giếng ở hướng Sửu, không tốt cho gia đình. Giếng ở hướng Dần, ít con cháu. Giếng ở hướng Mão, không tốt cho mọi người. Giếng ở hướng Tỵ, đại cát. Giếng ở hướng Ngọ, sinh được quý tử. Giếng ở hướng Mùi, ốm đau bệnh tật. Giếng ở hướng Thân, hay đau ốm. Giếng ở hướng Dậu, không tốt cho con cháu. Giếng ở hướng Tuất, khả năng thích nghi tốt. Giếng ở hướng Hợi, không tốt, có người sẽ bị mù. Giếng tại Hình vị, có người bị chết đuối. Giếng tại Bạch hổ, gia trưởng dễ mắc bệnh ở bụng, gặp tai nạn đổ máu. Giếng cách tường hao chỉ một bước, dễ phải sống cảnh cô quả. Không nên làm bếp ở cạnh giếng, cũng không nên trồng cây đào, vì nó tượng trưng cho sự không may mắn.

Người họ Cung ăn nước giếng Cung, thường ăn không đủ no, mặc không đủ ấm. Người họ Cung ăn nước giếng Chuyết, sẽ có tám người con, được phú quý. Người họ Cung ăn nước giếng Giốc, đại hung. Người họ Cung ăn nước giếng Thương, cũng có thể có tám người con, đại cát. Người họ Cung ăn nước giếng Vũ, sẽ phạm sát tới ba người, đại hung.

Người họ Thương ăn nước giếng Thương, thường ăn không đủ no, mặc không đủ ấm. Người họ Thương ăn nước giếng Giốc, ban đầu thì đại cát, nhưng sau đó lại gặp nguy hiểm. Người họ Thương ăn nước giếng Cung, sẽ có tám người con, được phú quý. Người họ Thương ăn nước giếng Chuyết, đại hung. Người họ Thương ăn nước giếng Vũ, sẽ có năm người con, được phú quý.

Người họ Giốc ăn nước giếng Giốc, thường ăn không đủ no, mặc không đủ ấm. Người họ Giốc ăn nước giếng Cung, sướng trước khổ sau. Người họ Giốc ăn nước giếng Thương, trước đại cát sau đại hung. Người họ Giốc ăn nước giếng Chuyết, tương sinh, là biểu hiện của sự may mắn. Người họ Giốc ăn nước giếng Vũ, sẽ có năm người con, được phú quý.

Người họ Chuyết ăn nước giếng Chuyết, thường ăn mặc không được đầy đủ. Người họ Chuyết ăn nước giếng Giốc, sẽ có chín người con, đại cát. Người họ Chuyết ăn nước giếng Thương, ban đầu thì tốt, nhưng sau đó gặp nguy hiểm. Người họ Chuyết ăn nước giếng Vũ, sẽ có người phải sống cô độc, bệnh tật triển miên dẫn đến tử vong.

Người họ Vũ ăn nước giếng Vũ, thường ăn mặc không được đầy đủ. Người họ Vũ ăn nước giếng Giốc, sẽ có năm người con, đại cát. Người họ Vũ ăn nước giếng Cung, sẽ có người phải sống cô độc. Người họ Vũ ăn nước giếng Thương, sẽ có bốn người con, được phú quý. Người họ Vũ ăn nước giếng Chuyết, ban đầu thì tốt, nhưng có thể sẽ không có con cháu.

Ngũ tính khai tính pháp, cát hung bất định, sự phát triển của sự vật liên quan mật thiết đến vị trí của giếng. Giếng nước ăn trong nhà nếu ở hướng Tỵ thì đại cát, còn giếng ở các hướng khác có thể dùng để tưới tiêu, giặt giũ.





# NGŨ TÍNH VÀ VIỆC ĐÀO GIẾNG



## NGŨ TÍNH KHAI TÍNH ĐỒ (ĐỒ HÌNH ĐÀO GIẾNG NGŨ TÍNH)

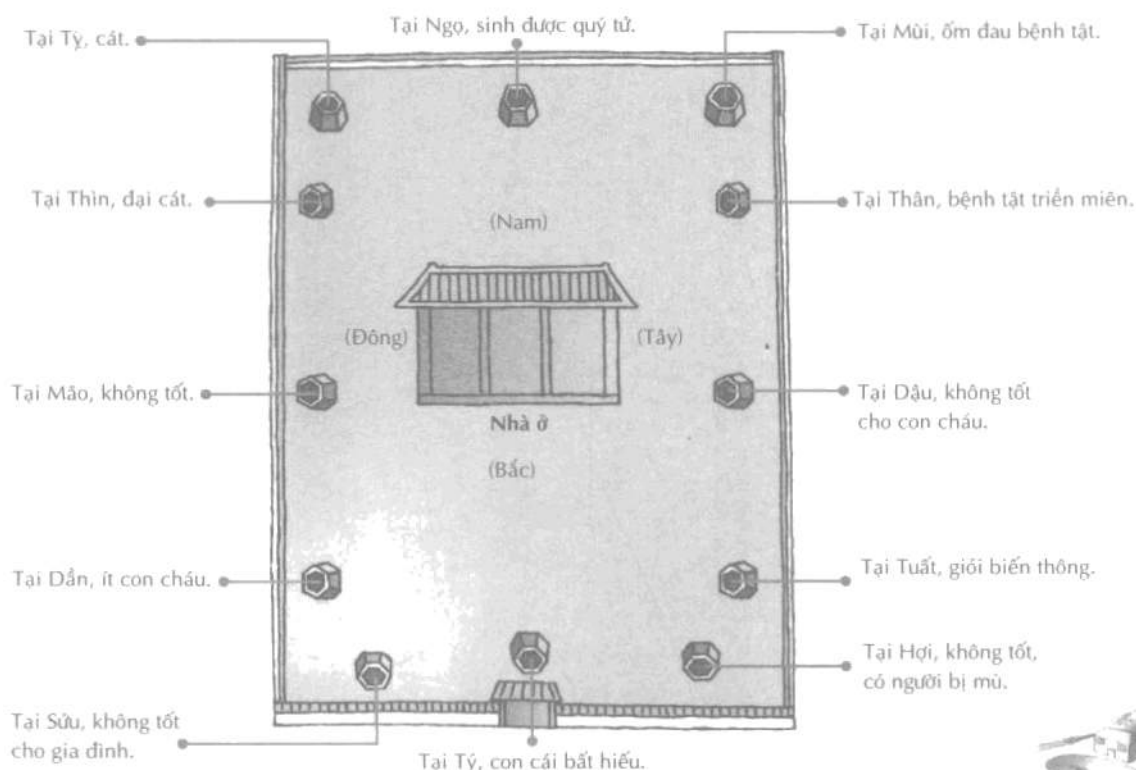


Ngũ tính khai tính đồ được lưu truyền từ thời xưa, người mang họ khác nhau nên đào giếng ở phương vị khác nhau thì mới đại cát.

Đây là phương vị thích hợp để người họ Vũ đào giếng, còn phương vị thích hợp với các họ khác có thể tra cứu trong sơ đồ.

## NGŨ TÍNH PHƯƠNG VỊ CÁT HUNG ĐỒ (ĐỒ HÌNH CÁC PHƯƠNG VỊ CÁT HUNG THEO NGŨ TÍNH)

Phương vị (hướng) đào giếng không chỉ liên quan đến họ, mà giếng tại các hướng khác nhau cũng có sự ảnh hưởng khác nhau đối với mọi người.



NGŨ TÍNH VÀ GIẾNG NƯỚC

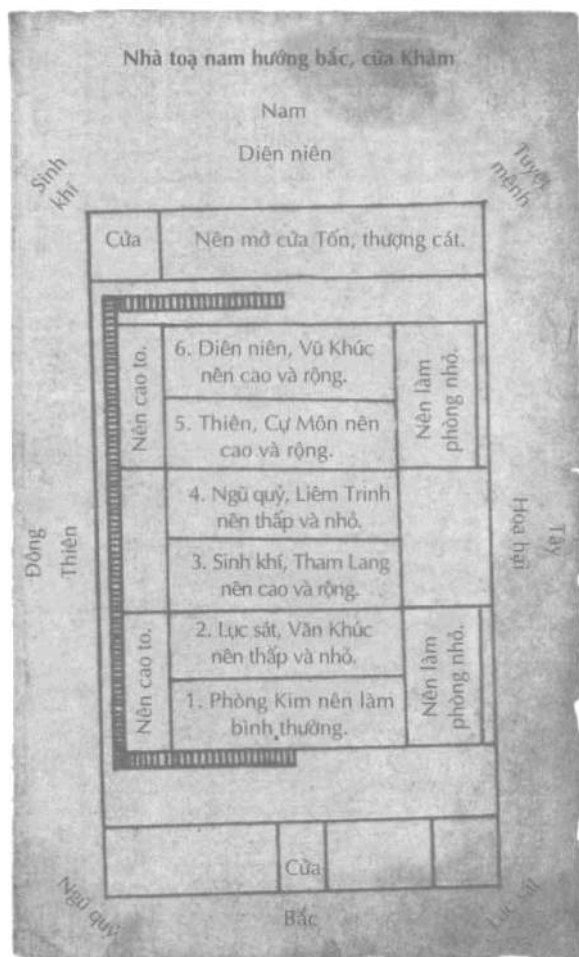


## TÁM LOẠI MỆNH CUNG PHÂN ĐÔNG TÂY TỬ MỆNH VÀ ỨNG DỤNG CỤ THỂ

*Người có mệnh cung tại Chấn, Tốn, Khảm, Ly là thuộc Đông tứ mệnh, cát tinh tại phương vị Chấn, Tốn, Khảm, Ly. Người có mệnh cung tại Càn, Khôn, Cấn, Đoài thuộc Tây tứ mệnh, cát tinh tại phương vị Càn, Khôn, Cấn, Đoài. Cổng nhà nên mở tại các phương vị này, đường đi lại cũng nên đặt tại các phương vị này, nhà ở tại các phương vị này phải làm thật cao to, gia chủ cũng phải sống ở đó. Nếu xây sửa ở các phương vị không hợp với bản mệnh của mình thì sẽ gặp hung tinh, rất bất lợi.*

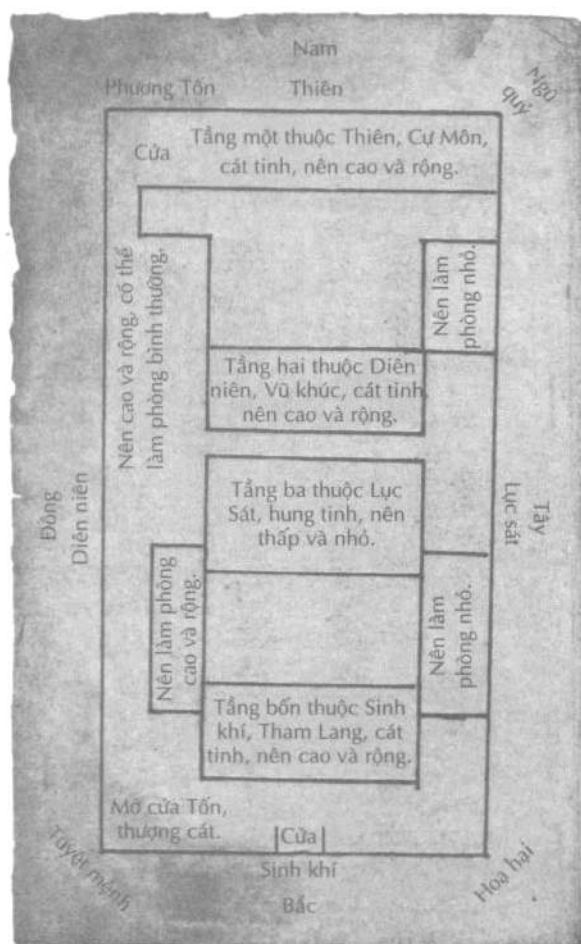
### Cung mệnh thuộc Khảm - Đông tứ mệnh

Cung Khảm là cung Phúc đức, tất cả các phương vị làm cửa, phòng, giếng, bếp... đều phải bắt đầu từ cung Khảm, trình tự là: Khảm (Phục vị), Ngũ quý, Thiên, Sinh khí, Diên niên, Tuyệt mệnh, Hoà hại, Lục sát. Người sinh thuộc cung Khảm nên sống tại nhà hướng nam, nên đi về phương Tốn (hướng đông nam), trở cửa tại Sinh khí; Đường đi nên mở từ phía đông; Giếng nên đào tại phương vị Trường sinh, hướng Thìn, hướng Tỵ, tức hướng đông nam của nhà ở; Vị trí của bếp nên ở phương Ngũ quý, tức hướng đông bắc của nhà ở, hoặc phương Hoà hại, tức hướng chính tây.



## Cung mệnh thuộc Ly - Đông tứ mệnh

Cung Ly là cung Phúc đức, tất cả các phương vị làm cửa, phòng, giếng, bếp đều phải bắt đầu từ cung Ly, trình tự là: Ly (Phục vị), Lục sát, Ngũ quý, Tuyệt mệnh, Diên niên, Hoạ hại, Sinh khí, Thiên. Người sinh vào cung Ly nên sống tại nhà quay hướng nam, nên đi về phương Tốn (hướng đông nam), cửa Thiên; Đường đi trong nhà nên mở từ phía đông; Giếng nên đào tại phương vị Trường sinh, hướng Mão, hướng chính đông của nhà ở; Vị trí của bếp nên ở phương Hoạ hại, tức hướng đông bắc của nhà ở.



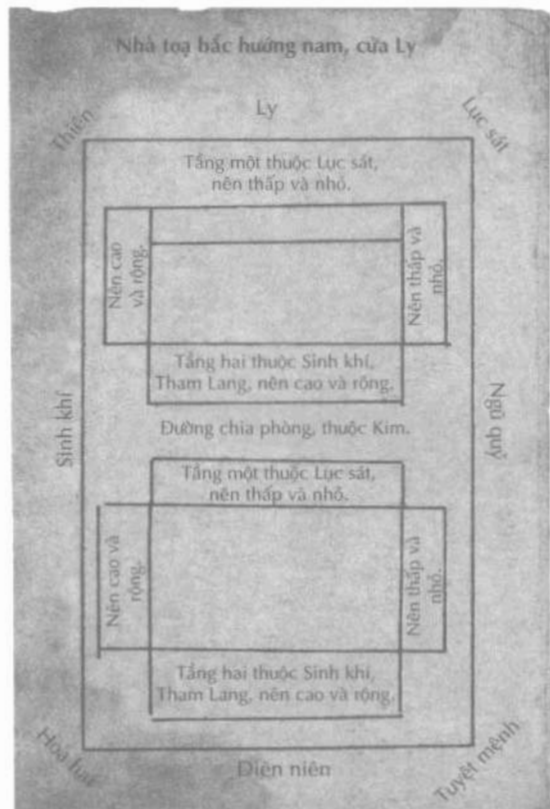
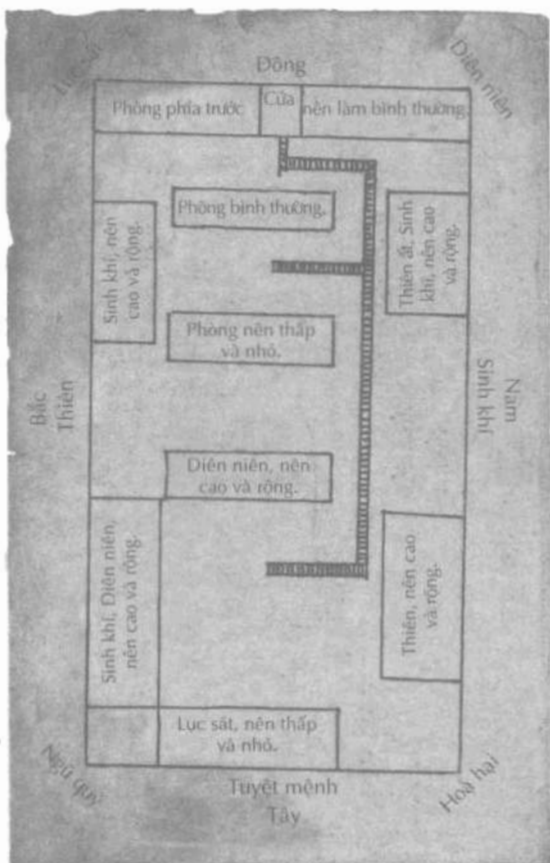
TÁM  
LOẠI  
MỆNH  
CUNG  
PHÂN  
ĐÔNG  
TÂY  
TỨ  
MỆNH  
VÀ  
ỨNG  
DỤNG  
CỤ THỂ





### Cung mệnh thuộc Chấn - Đông tứ mệnh

Cung Chấn là cung Phúc đức, tất cả các phương vị làm cửa, phòng, giếng, bếp đều phải bắt đầu từ cung Chấn, trình tự là: Chấn (Phục vị), Diên niên, Sinh khí, Hoạ hại, Tuyệt mệnh, Ngũ quý, Thiên, Lục sát. Người sinh vào cung Chấn nên sống tại nhà hướng nam, nên đi về phương Tốn (hướng đông nam), cửa Diên niên; Đường đi trong nhà nên mở từ phía đông; Giếng nên đào tại Trường sinh vị, tức hướng nam của nhà ở; Vị trí của bếp nên đặt tại hướng tây của nhà ở.



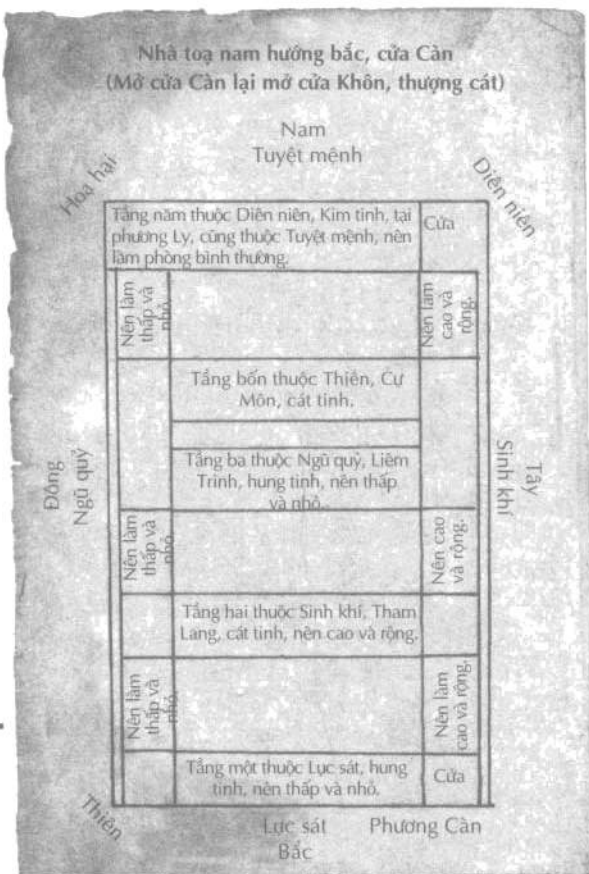
### Cung mệnh thuộc Tốn - Đông tứ mệnh

Cung Tốn là cung Phúc đức, tất cả các phương vị làm cửa, phòng, giếng, bếp đều phải bắt đầu từ cung Tốn, trình tự là: Tốn (Phục vị), Thiên, Ngũ quý, Lục sát, Hoạ hại, Sinh khí, Tuyệt mệnh, Diên niên. Người sinh thuộc cung Tốn nên sống tại nhà quay hướng Nam, nên đi về phương Tốn (hướng đông nam), cửa Phúc đức, hoặc cửa Sinh khí, tức phương Khảm (hướng chính bắc), là thượng cát; Đường đi trong nhà nên mở từ phía đông; Giếng nên đào tại phương vị Trường sinh, tức hướng chính bắc của nhà ở; Vị trí của bếp nên đặt tại phía tây của nhà ở.



## Cung mệnh thuộc Càn - Tây tứ mệnh

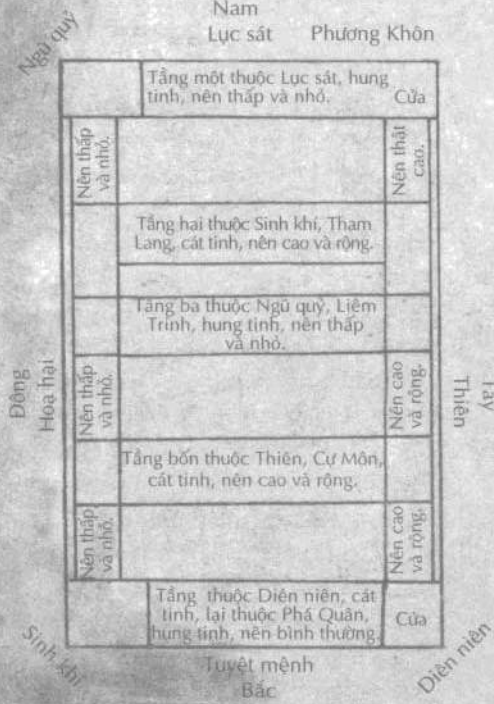
Cung Càn là cung Phúc đức, tất cả các phương vị làm cửa, phòng, giếng, bếp đều phải bắt đầu từ cung Càn, trình tự là: Càn (Phục vị), Lục sát, Thiên, Ngũ quý, Hoạ hại, Tuyệt mệnh, Diên niên, Sinh khí. Người sinh vào cung Càn nên sống tại nhà quay hướng nam, nên đi về phương Càn (hướng tây bắc), cửa Phúc đức hoặc phương Khôn (hướng tây nam), cửa Diên Niên, là thượng cát. Đường đi trong nhà nên mở về phía tây; Giếng nên đào tại phương vị Trường sinh, tức hướng chính tây của nhà ở; Vị trí đặt bếp nên ở hướng chính nam của nhà ở.



TÁM  
LOẠI  
MỆNH  
CUNG  
PHÂN  
ĐÔNG  
TÂY TỨ  
MỆNH  
VÀ  
ỨNG  
DỤNG  
CỤ THỂ

Nhà toạ bắc hướng nam, cửa Khôn  
(Đường chia phòng phải hẹp)

Nam  
Lục sát Phương Khôn



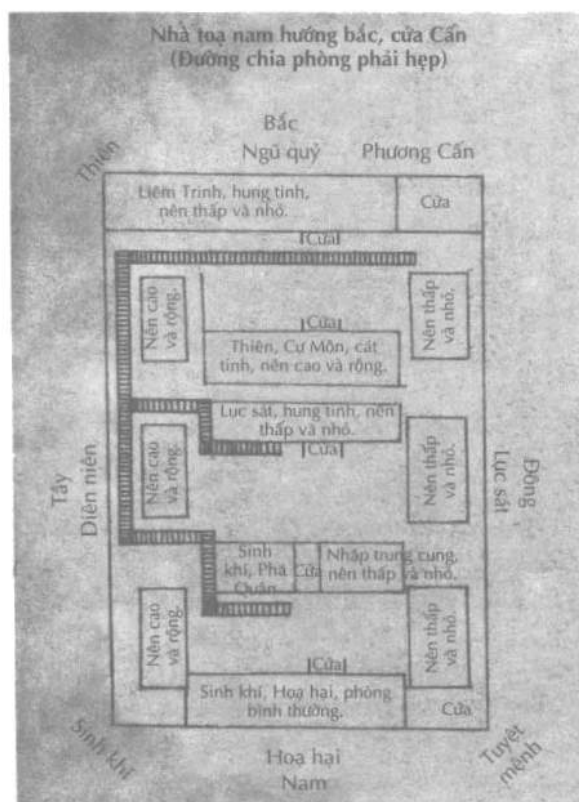
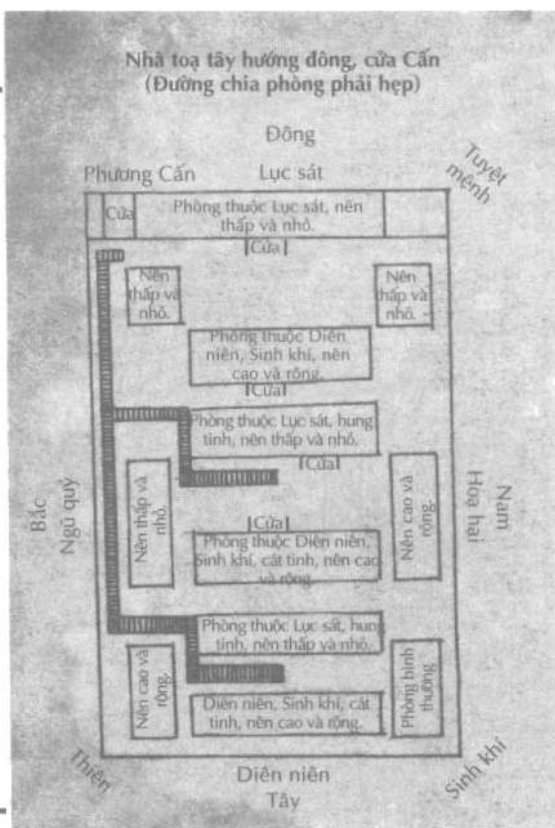
## Cung mệnh thuộc Khôn - Tây tứ mệnh

Cung Khôn là cung Phúc đức, tất cả các phương vị làm cửa, phòng, giếng, bếp đều phải bắt đầu từ cung Khôn, trình tự là: Khôn (Phục vị), Thiên, Diên niên, Tuyệt mệnh, Sinh khí, Hoạ hại, Ngũ quý, Lục sát. Người sinh thuộc cung Khôn nên sống tại nhà hướng nam, nên đi về phương Càn (hướng tây bắc), cửa Diên niên, hoặc phương Khôn (hướng tây nam), cửa Phúc đức, là thượng cát; Đường đi trong nhà nên mở từ phía tây; Giếng nên đào tại phương vị Trường sinh, tức hướng đông bắc của nhà ở; Vị trí của bếp nên đặt tại phương bắc của nhà ở.



### Cung mệnh thuộc Cấn - Tây tứ mệnh

Cung Cấn là cung Phúc đức, tất cả các phương vị làm cửa, phòng, giếng, bếp đều phải bắt đầu từ cung Cấn, trình tự là: Cấn (Phục vị), Lục sát, Tuyệt mệnh, Hoạ hại, Sinh khí, Diên niên, Thiên, Ngũ quý. Người sinh vào cung Cấn nên sống tại nhà hướng nam, nên đi về phương Cấn (hướng tây bắc), cửa Thiên ất, hoặc phương Khôn (hướng tây nam), cửa Sinh khí, là thượng cát. Đường đi trong nhà nên mở từ phía tây; Giếng nên đào tại phương vị Trường sinh, tức phía tây nam của nhà ở; Vị trí của bếp nên đặt tại phía đông của nhà ở.



### Cung mệnh thuộc Đoài - Tây tứ mệnh

Cung Đoài là cung Phúc đức, tất cả các phương vị làm cửa, phòng, giếng, bếp đều phải bắt đầu từ cung Đoài, trình tự là: Đoài (Phục vị), Sinh khí, Hoạ hại, Diên niên, Tuyệt mệnh, Lục sát, Ngũ quý, Thiên. Người sinh vào cung Đoài nên sống tại nhà hướng nam, nên đi về phương Cấn (hướng tây bắc), cửa Sinh khí, hoặc phương Khôn (hướng tây nam), cửa Thiên ất, là thượng cát; Đường đi trong nhà nên mở từ phía tây; Giếng nên đào tại phương vị Trường sinh, tức hướng tây bắc của nhà ở; Vị trí của bếp nên đặt tại hướng bắc của nhà ở.

## BÁT QUÁI PHÂN ĐÔNG TÂY TỬ TRẠCH

Căn cứ vào tám phương vị của nhà ở, có thể phân chia thành Đông tử trạch và Tây tử trạch, tám phương vị chính là phương vị Đại du niên được biểu thị bằng Bát quái.

Nhà toạ bắc hướng nam, cổng Ly Nam

Thiên Thiên, Cư Môn	Cổng Ly	Lục Lục sắt, Văn Khúc
1 Thổ		Thủy
Sinh Sinh khí, Tham Lang, 1 Mộc		Ngũ Ngũ quý, Liêm Trinh, Hoá
2 Thổ	1 Kim	2 Kim
Hoa Hoa hai, Lộc Tôn	Diên Diên niên, Vũ Khúc	Tuyệt Tuyệt mệnh, Phá Quân
Bắc		

Nhà toạ bắc hướng nam, cổng Tốn Nam

Cổng Tốn	Nam Thiên, Cư Môn	Ngũ Ngũ quý, Liêm Trinh
	1 Thổ	Hoá
Diên Diên niên, Kim		Lục Lục sắt, Văn Khúc, Thủy
2 Kim	1 Mộc	2 Thổ
Tuyệt Tuyệt mệnh, Phá Quân	Sinh Sinh khí, Tham Lang	Hoa Hoa hai, Lộc Tôn
Bắc		

Nhà toạ nam hướng bắc, cổng Cấn Nam

Hoa Hoa hai, Lộc Tôn	Tuyệt Tuyệt mệnh, Phá Quân	Diên Diên niên, Vũ Khúc
2 Thổ	2 Kim	1 Kim
Ngũ Ngũ quý, Liêm Trinh, 1 Hoá		Sinh Sinh khí, Tham Lang, 1 Mộc
1 Thổ	Thủy	
Thiên Thiên, Cư Môn	Lục Lục sắt, Văn Khúc	Cổng Cấn
Bắc		

Nhà toạ bắc hướng nam, cổng Khôn Nam

Ngũ Ngũ quý, Liêm Trinh	Lục Lục sắt, Văn Khúc	Cổng Khâm
Hoá		Thủy
Hoa Hoa hai, Lộc Tôn, 2 Thổ		Thiên Thiên, Cư Môn, 1 Thổ
1 Kim	2 Kim	1 Mộc
Sinh Sinh khí, Tham Lang	Tuyệt Tuyệt mệnh, Phá Quân	Diên Diên niên, Vũ Khúc
Bắc		

Nhà toạ nam hướng bắc, cổng Khâm Nam

Sinh Sinh khí, Tham Lang	Diên Diên niên, Vũ Khúc	Tuyệt Tuyệt mệnh, Phá Quân
1 Mộc	1 Kim	2 Kim
Thiên Thiên, Cư Môn, 1 Thổ		Hoa Hoa hai, Lộc Tôn, 2 Thổ
Thủy		Hoá
Ngũ Ngũ quý, Liêm Trinh	Cổng Khâm	Lục Lục sắt, Văn Khúc
Bắc		

Nhà toạ nam hướng bắc, cổng Cấn Nam

Tuyệt Tuyệt mệnh, Phá Quân	Hoa Hoa hai, Lộc Tôn	Sinh Sinh khí, Tham Lang
2 Kim	2 Thổ	1 Mộc
Lục Lục sắt, Văn Khúc	Thủy	1 Kim
	Hoá	Diên Diên niên, Vũ Khúc
		1 Thổ
Cổng Cấn	Ngũ Ngũ quý, Liêm Trinh	Thiên Thiên, Cư Môn
Bắc		





Nhà toạ đông hướng Tây, cổng Khôn

Đông

Sinh Sinh khí, Tham Lang	Hoa Hoa hai, Lộc Tôn	Ngũ Ngũ quý, Liêm Trinh
1 Mộc	2 Thổ	Hoà
Tuyệt Tuyệt mệnh, Phá Quân	Thủy	Lục Lục sát, Văn Khúc
1 Kim	1 Thổ	
Diên Diên niên, Văn Khúc	Thiên Thiên, Cự Môn	Công Khôn

Nhà toạ đông hướng Tây, cổng Đoài

Đông

Diên Diên niên, Vũ Khúc	Tuyệt Tuyệt mệnh, Phá Quân	Lục Lục sát, Văn Khúc
1 Kim	2 Kim	Thủy
Hoa Hoa hai, Lộc Tôn	2 Thổ	Hoà
		Ngũ Ngũ quý, Liêm Trinh
1 Mộc		1 Thổ
Sinh Sinh khí, Tham Lang	Công Đoài	Thiên Thiên, Cự Môn

Nhà toạ Tây hướng Đông, cổng Chấn

Đông

Lục Lục sát, Văn Khúc	Công Chấn	Diên Diên niên, Vũ Khúc
Thủy		Kim
Thiên Thiên, Cự Môn	1 Thổ	1 Mộc
		Sinh Sinh khí, Tham Lang
Hoà	2 Kim	2 Thổ
Ngũ Ngũ quý, Liêm Trinh	Tuyệt Tuyệt mệnh, Phá Quân	Hoa Hoa hai, Lộc Tôn

Nhà toạ đông hướng Tây, cổng Cấn

Đông

Thiên Thiên, Cự Môn	Ngũ Ngũ quý, Liêm Trinh	Hoa Hoa hai, Lộc Tôn
1 Thổ	Hoà	2 Thổ
Lục Lục sát, Văn Khúc	1 Thổ	1 Kim
		Tuyệt Tuyệt mệnh, Phá Quân
	1 Mộc	1 Kim
Công Cấn	Sinh Sinh khí, Tham Lang	Diên Diên niên, Vũ Khúc

Tây

Nhà toạ Tây hướng Đông, cổng Cấn

Đông

Công Cấn	Lục Lục sát, Văn Khúc	Tuyệt Tuyệt mệnh, Phá Quân
	Thủy	2 Kim
Ngũ Ngũ quý, Liêm Trinh	Hoà	2 Thổ
		Hoa Hoa hai, Lộc Tôn
Thổ	1 Kim	1 Mộc
Thiên Thiên, Cự Môn	Diên Diên niên, Vũ Khúc	Sinh Sinh khí, Tham Lang

Tây

Nhà toạ Tây hướng Đông, cổng Tốn

Đông

Tuyệt Tuyệt mệnh, Phá Quân	Diên Diên niên, Vũ Khúc	Công Tốn
2 Kim	1 Kim	
Sinh Sinh khí, Tham Lang	1 Mộc	Thiên Thiên, Cự Môn
2 Thổ	Thủy	Hoà
Hoa Hoa hai, Lộc Tôn	Lục Lục sát, Văn Khúc	Ngũ Ngũ quý, Liêm Trinh

Tây



## TINH HOA PHONG THỦY CỦA PHÁI BÁT TRẠCH VÀ CHỦ GIẢI

*Đại du niên ca còn gọi là Bát quái sáo Cửu tinh ca (bài ca quyết Bát quái lồng Cửu tinh), dựa vào phương vị Bát quái Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài để lập thành bài ca quyết. Mỗi quẻ quản một hướng. Cửu tinh gồm có: Sinh khí Tham Lang Mộc tinh, Thiên y Cự Môn Thổ tinh, Diên niên Vũ Khúc Kim tinh, Ngũ quý Liêm Trinh Hoả tinh, Tuyệt mệnh Phá Quân Kim tinh, Lục sát Văn Khúc Thủy tinh, Hoạ hại Lộc Tồn Thổ tinh, Tả Phụ, Hữu Bật.*

Đại du niên ca xuất hiện trong “Bát trạch Chu thư” của Hoàng Đế, thông qua bài ca quyết này có thể biết được tình trạng cát hung hoạ phúc của tám hướng và hai mươi tư hướng của nhà ở. Trong đó có ba cát tinh (sao tốt), bốn hung tinh (sao xấu). Ba cát tinh là: Sinh, Diên, Thiên. Bốn hung tinh là: Hoạ, Tuyệt, Ngũ, Lục.

Sinh là Sinh khí Tham Lang Mộc tinh, Diên là Diên niên Vũ Khúc Kim tinh, Thiên là Thiên y Cự Môn Thổ tinh, Hoạ là Hoạ hại Lộc Tồn Thổ tinh, Tuyệt là Tuyệt mệnh Phá Quân Kim tinh, Ngũ là Ngũ quý Liêm Trinh Hoả tinh, Lục là Lục sát Văn Khúc Thủy tinh.

Nhà ở được phương Sinh khí, gia chủ hiếu thuận, thông minh, lợi về đường công danh và địa vị, có thể vượng đỉnh vượng tài. Nhà ở được phương Diên niên, gia chủ có tuổi thọ cao, có quý nhân phù trợ, được lòng mọi người, có thể thắt chặt thêm quan hệ tình cảm vợ chồng. Nhà ở được phương Thiên y, gia đình càng hoà thuận, có bạn bè giúp đỡ, ít bệnh tật, luôn được ăn no mặc ấm. Nhà ở được sao Phụ Bật chiếu vào, gia chủ là người hiền từ, tuổi thọ không cao, cuộc sống bình thường, ít xảy ra tranh chấp cãi cọ. Nhà ở được phương Tuyệt mệnh, có tai nạn đổ máu, gặp trộm cướp, gia chủ chết sớm, hay ốm vặt, tuyệt tự, thoái tài. Nhà ở được phương Ngũ quý, bị trúng tà, phá tài, gặp tai nạn, kiện tụng. Nhà ở được phương Lục sát, gia trạch không được yên, ngoại tình, bệnh tật triển miên, ham mê tửu sắc, sống dâm loạn vô độ. Nhà ở được phương Hoạ hại, hay kiện tụng, tranh chấp, hoặc có người phải sống cô độc.

### ĐẠI DU NIÊN CA

Càn Lục Thiên Ngũ Hoạ Tuyệt Diên Sinh.  
 Khảm Ngũ Thiên Sinh Diên Tuyệt Hoạ Lục.  
 Cấn Lục Tuyệt Hoạ Sinh Diên Thiên Ngũ.  
 Chấn Diên Sinh Hoạ Tuyệt Ngũ Thiên Lục.  
 Tốn Thiên Ngũ Lục Hoạ Sinh Tuyệt Diên.  
 Ly Lục Ngũ Tuyệt Diên Hoạ Sinh Thiên.  
 Khôn Thiên Diên Tuyệt Sinh Hoạ Ngũ Lục.  
 Đoài Sinh Hoạ Diên Tuyệt Lục Ngũ Thiên.



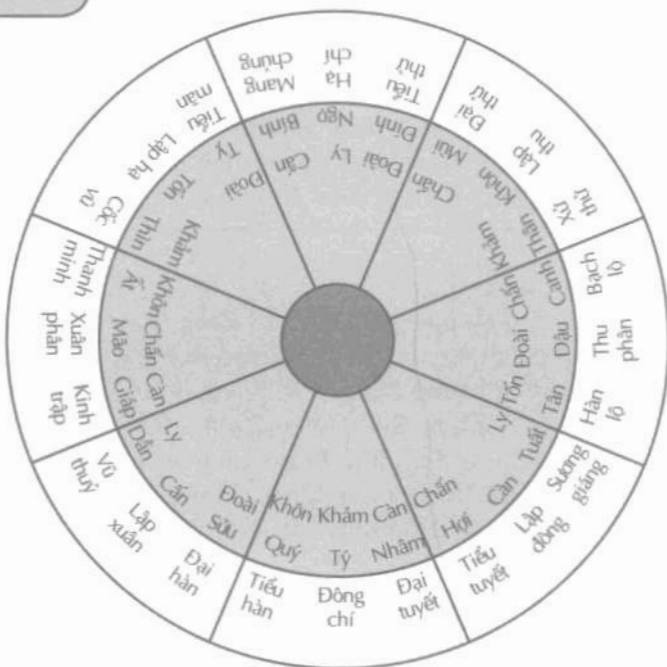


# SƠ ĐỒ ĐẠI DU NIÊN CA



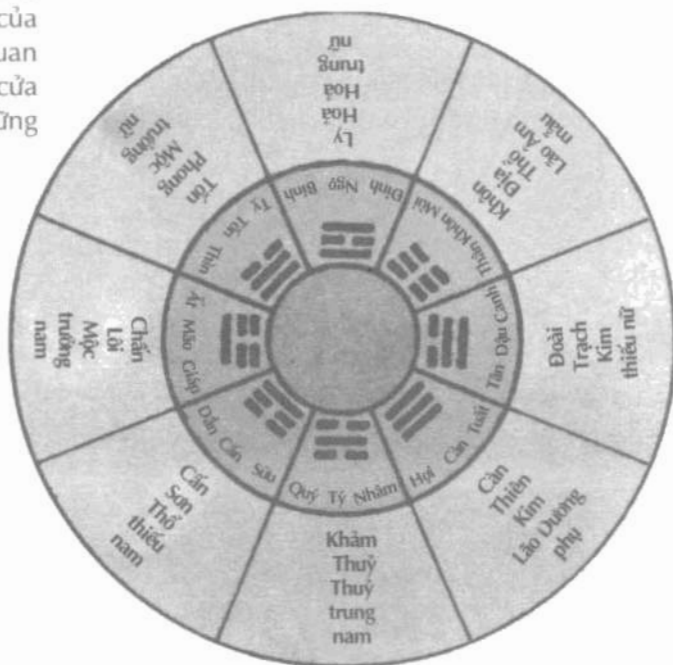
## BÁT QUÁI NẠP GIÁP TIẾT KHÍ CA

Hai mươi tư tiết khí là những ngày Bát trạch kiện vượng, mỗi tiết khí bao gồm 45 ngày, khi dựng nhà nếu biết tham khảo hai mươi tư tiết khí sẽ có thể đón vượng khí mà tránh suy bại.



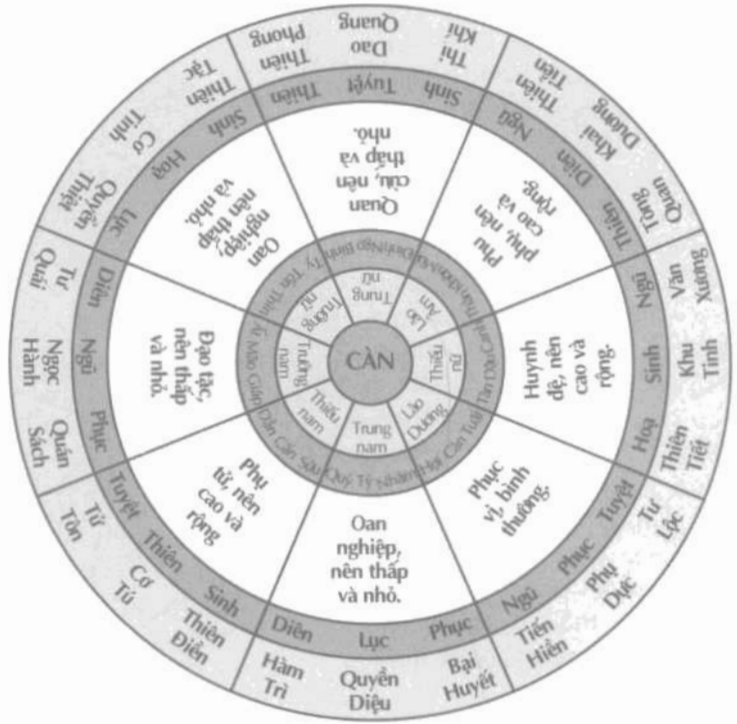
## SƠ ĐỒ BÁT QUÁI NGŨ HÀNH LÃO THIẾU TRUNG TRƯỞNG

Phương vị, Bát quái và Ngũ hành của nhà ở đều có liên quan chặt chẽ với nhau, ngoài ra phương vị của nhà ở và con người cũng có quan hệ tương ứng, khi xây dựng nhà cửa cũng cần phải xem xét đến những mối quan hệ tương ứng này.



## CÀN LỤC THIÊN NGŨ HOẠ TUYỆT DIÊN SINH

Càn Lục Bạch là thiên, là lão Dương (Dương già). Phương vị tiên thiên nằm ở chính nam, phương vị hậu thiên nằm tại tây bắc, thuận Dương, ba lần tìm tại Khôn, mà được ba nam. Cai quản tám phương mà biến thành hai mươi tư phương vị, kỵ Tốn, Tân, tiêu Nhâm, Ngọ, Hoàng tuyền tại Thìn, Tỵ, Tuyệt mệnh tại hướng nam, nếu mở cửa phạm phải thế này thì trước tiên tổn hại đến người già, sau đó đến ba người con, gặp hoả hoạn, tai nạn mà không thể cứu chữa nổi. Nếu gặp được Diên niên tại quẻ Khôn, Sinh khí tại quẻ Cấn, quẻ Đoài sẽ được hưởng phúc thọ, sinh được quý tử, con cháu ngoan hiền.



## KHẨM NGŨ THIÊN SINH DIÊN TUYỆT HOẠ LỤC

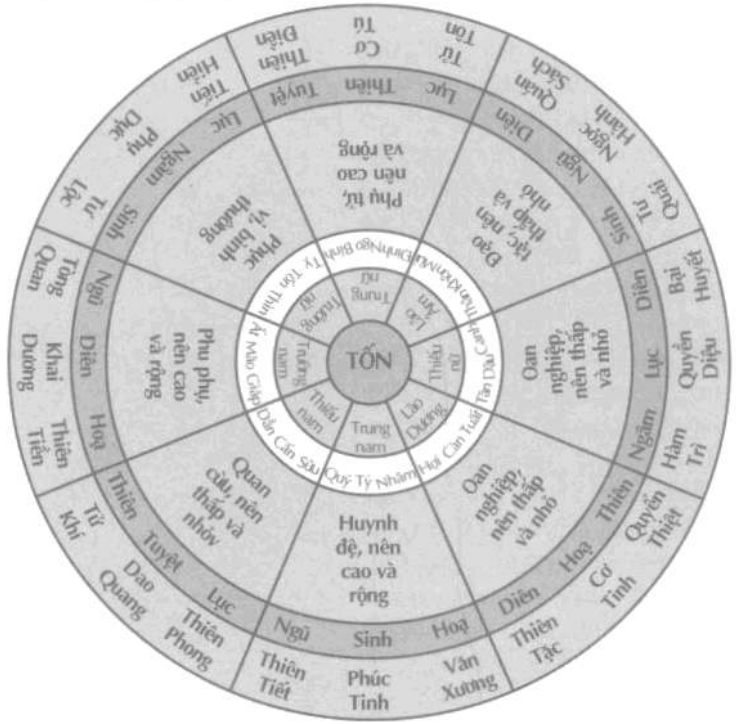
Khảm là Nhất Bạch, là trung nam, tượng là bụng đầy, phương vị tiên thiên chính tây, phương vị hậu thiên chính bắc, được hào giữa của cha Càn, cho nên gọi là trung nam nhận khí của tiên thiên, nên không bị tiêu diệt. Nhưng kỵ Phá toái tại Tỵ, Diệu khí tại Thìn, Hoàng tuyền bị Khôn kiềm chế, hào tượng Cấn tại Tây, nếu mở cửa phóng thủy hướng này thì ảnh hưởng đến con trưởng, con thứ, nhẹ thì ốm đau bệnh tật, nặng thì không có con nối dõi tông đường. Nếu gặp khí Thiên y mà Diên niên không dám phạm phải Khảm thì tiền của đầy kho, con cái ngoan hiền, công thành danh toại.





## TỐN THIÊN NGŨ LỤC HOẠ SINH TUYỆT DIÊN

Tốn là gió, là trường nữ, Tứ Lục thuộc Mộc, tượng là dứt dưới, phương vị tiên thiên là tây nam, phương vị hậu thiên là đông nam, nhận linh khí từ hào sơ của quẻ Khôn. Vì là trường nữ nên gọi là Tam tượng, tương hợp tại Chấn Canh, bị tiêu diệt tại Cấn Bính, sợ diêu khí tại Đoài, Dậu. Nếu khai môn phóng thủy thì cả người và của đều mất, kiện tụng triển miên. Nếu gặp Chấn Canh đắc vị, Ly Khảm vắng lai, thì con cái giỏi giang, có tài văn chương.



## LY LỤC NGŨ TUYỆT DIÊN HOẠ SINH THIÊN

Ly là lửa (Hoả), là trung nữ, Cửu Tử thuộc Hoả, tượng là rỗng giữa, phương vị tiên thiên là chính đông, phương vị hậu thiên là chính nam. Hào giữa nhận được vượng khí của Khôn Thổ, nên là trung nữ, tại hướng nam nhận chân tinh của Ly, kỵ Tỵ Hợi Bát sát, Sửu Cấn Hoàng tuyền. Nếu khai môn phóng thủy mà phạm phải thì tai hoạ triển miên, hoả hoạn, bệnh tật, không chốn nương thân. Nếu có gặp Thủy đến, Mộc sinh thì đại cát, con cái giỏi giang, vợ chồng hạnh phúc.

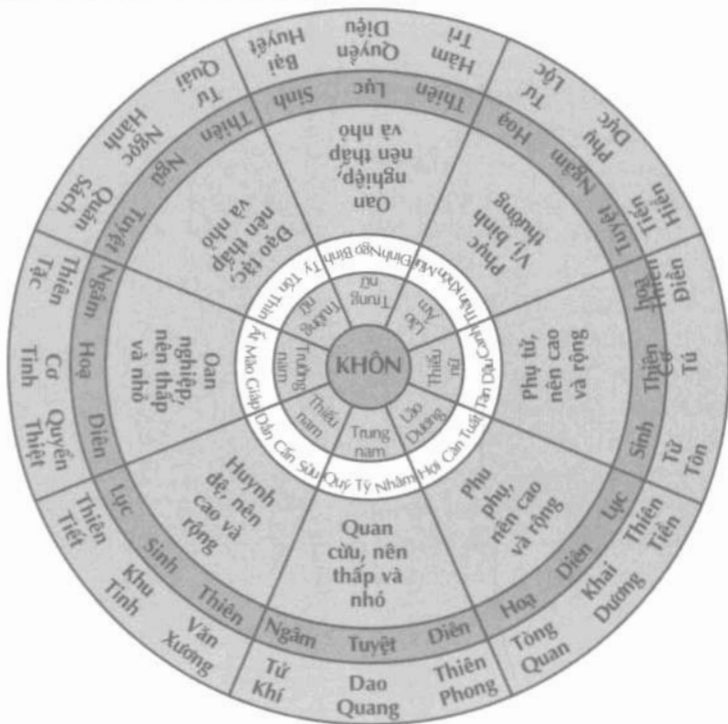


NGŨ  
TÍNH  
VÀ  
GIẾNG  
NƯỚC



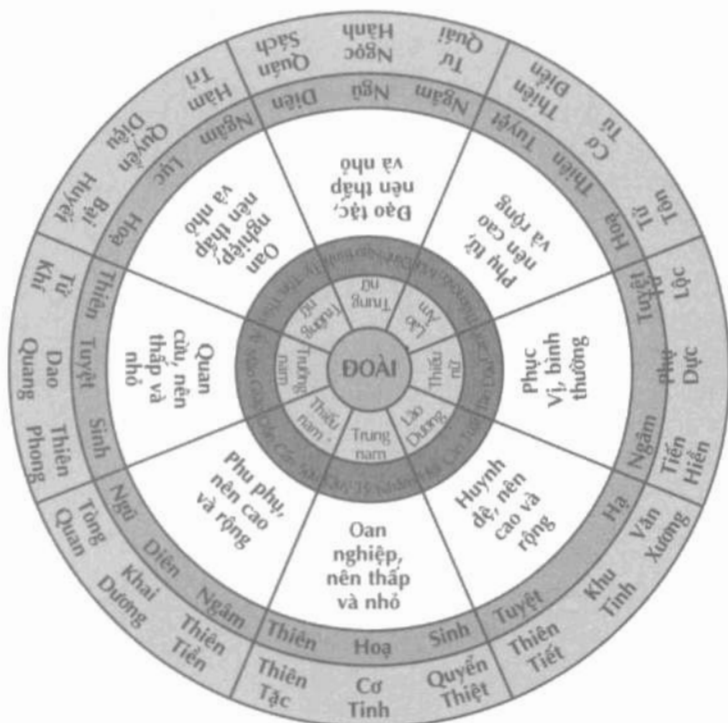
## KHÔN THIÊN DIÊN TUYỆT SINH HOẠ NGŨ LỤC

Khôn là đất, là lão Âm, Nhị Hắc thuộc Thổ, tượng là sáu khúc, phương vị tiên thiên là đông nam, phương vị hậu thiên là tây nam. Ba lần lấy ở Càn mà được ba nữ. Kỵ Chấn Canh tiêu diệt, sợ Ất Mão sát diệu, Sửu Dần là Hoàng tuyền, Chấn Tốn là bị khắc, nếu khai môn phóng thủy mà phạm phải sẽ tổn thương đến mẹ, sau đó là con cháu, phải cô độc, tuyệt tự, không thể giải trừ. Nếu kết hợp với Càn, Đoài, được Sửu Cấn sinh trợ, chủ về mẹ được sống lâu, có quyền thế, vợ chồng hạnh phúc, vợ hiền thực đức hạnh.



## ĐOÀI SINH HOẠ DIÊN TUYỆT LỤC NGŨ THIÊN

Đoài là đầm, là thiếu nữ, Thất Xích thuộc Kim, tượng là khuyết trên, phương vị tiên thiên là đông nam, phương vị hậu thiên là chính tây. Do được kh hào thượng của quẻ Khôn Thổ nên là thiếu nữ. Có tài ăn nói, ở bên mẹ già, kỵ nhất bị Càn Giáp tiêu diệt, Hoàng tuyền tại Tốn, sợ Bát sát Ty Đinh vô tình, tối kỵ Ly Cừ Từ khắc chế. Nếu phạm phải thì hao tổn nhân đinh, trộm cắp liên miên, thai nhi khó được bảo toàn. Nếu gặp được chính khí Càn Khôn, lại được Cấn Thổ hỗ trợ thì vợ chồng thuận hòa, con cái ngoan hiền, giới giang, phú quý.



## CỔNG CỬA VÀ PHONG THỦY NHÀ Ở

*Cổng chính là khí khẩu của toàn bộ căn nhà, quyết định trạng thái cát hung của phong thủy nhà ở. Trong dân gian có bài khẩu quyết về phong thủy như sau: “Khí khẩu nhất tinh tại phúc bình, lai khứ nhị khẩu tử sinh môn, năng tương cửu diệp vi hầu thiệt, đại địa tinh hoa nhất khẩu thôn” (có nghĩa là: một nơi khí khẩu là then chốt của họa phúc, hai khí khẩu ra và vào là cửa tử sinh, nếu có thể lấy Cửu tinh làm cuống họng, sẽ thu hết tinh hoa của mặt đất vào trong).*

### Các loại cổng cửa

Cổng cửa được chia thành nhiều loại, trong đó, cổng chính (đại môn) là cổng lớn bên ngoài nhà ở, là cánh cửa quan trọng nhất của ngôi nhà, nên mở tại phương vị thượng cát của nhà. Cổng giữa (trung môn) là lớp cửa bên trong cổng chính, còn gọi là nghi môn (cổng trong), tuy không quan trọng bằng cổng chính, nhưng ngoài các cung Chấn, Tốn, Càn, Đoài không thích hợp mở trung môn, còn các cung khác đều có thể ra vào từ cửa của đại sảnh (phòng khách lớn). Nếu không có hai lớp cổng thì cổng trong cũng chính là cổng lớn, như vậy cũng cần phải đặt ở phương thượng cát. Cửa chung (tổng môn) chính là nơi mọi người trong nhà thường xuyên ra vào. Nếu nhà có diện tích tương đối nhỏ thì chỉ cần tính đến sự cát hung của cổng chính là được. Cửa của các phòng vì cách cửa chính khá nên mức độ cát hung không linh nghiệm lắm. Cổng chính và cửa phụ đều cát lợi sẽ đại cát.

### Cổng cửa và sự cát hung

Cổng, cửa trong nhà, dù to hay nhỏ, chỉ cần là loại có hai cánh, thì các cánh phải to bằng nhau, nếu cánh bên trái to dễ phải đối vợ, cánh bên phải to phải chịu cảnh cô quả. Nếu diện tích nhỏ hẹp, nhà ở thấp bé, thì phải coi trọng cổng chính, đồng thời kết hợp với phương vị của cổng phụ và bếp. Nếu diện tích rộng rãi, có nhiều phòng, các phòng cách cửa chính tương đối xa thì phải coi trọng cửa chung và cổng phụ, ngoài ra cũng phải kết hợp với vị trí của cửa phòng và bếp.

Cổng chính đẹp và hoàn hảo thì nhà ở sẽ tốt đẹp, nếu cửa chung đẹp thì chỉ có một dây nhà tốt đẹp. Nếu cửa phòng đẹp thì chỉ có căn phòng đó cát lợi mà thôi.

Muốn luận bàn sự cát hung của nhà ở thì phải xem xét sự cát hung của lối đi, nếu làm tại phương vị toạ sơn và ba phương Sinh khí, Thiên, Diên niên, sẽ dẫn được luồng khí lành vào nhà, khiến những người đi theo lối đó có được phúc ấm. Nếu ở cùng với người khác, cửa không thể đóng, hai bên đều có lối đi thì sẽ tán khí mà khiến gia trạch suy yếu, phúc họa đều có thể xuất hiện, nhà kiểu này chỉ có đặt bếp ở phương vị tốt mới có thể đại cát. Nếu cổng chính của nhà mở tại hướng hung, hơn nữa lại không có điều kiện di dời chỉnh sửa, cần phải mở một cổng khác ở phương vị tốt để đón khí lành thì mới có thể cứu vãn tình thế. Không nên mở cổng chính ở bức tường phía sau nhà, vì nó sẽ tiết khí, do đó cổng phụ phải mở tại phương vị tốt bên hông nhà.



Cổng cửa trong nhà không nên làm quá nhiều, cửa nhiều tất sẽ tán khí. Lối đi cũng không nên chia làm nhiều ngã, nhiều ngã thì thế nhà sẽ yếu. Cửa nhà đối diện thẳng với cửa nhà kho, cửa chùa, cổng thành là hung. Đường phố chiếu thẳng vào nhà là hung. Đường phố chiếu vào nhà như hình cánh cung ngược cũng hung. Ba tầng cửa cũng không được chiếu thẳng với nhau, vì như thế là hung.

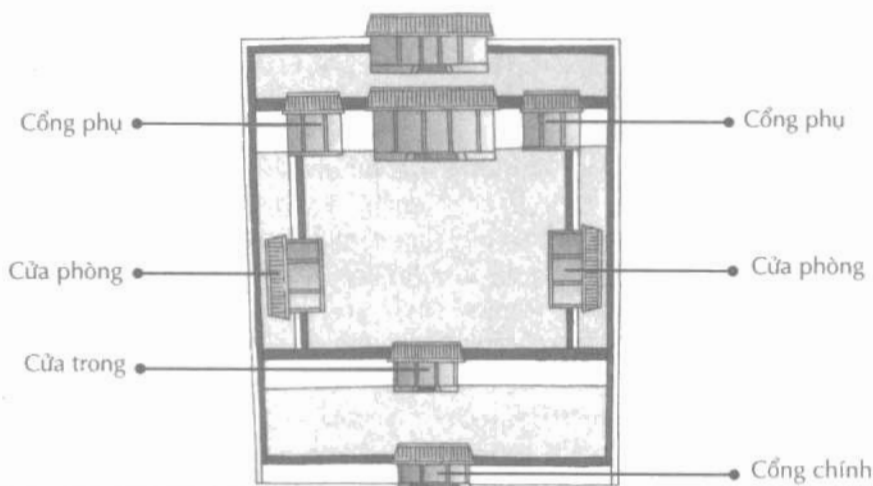


## SƠ ĐỒ PHONG THỦY CỦA CỬA NHÀ



### CỔNG CỬA

Muốn quan sát trạng thái cát hung của nhà ở, quan trọng nhất là xem cửa và đường, mà phần quan trọng nhất của nhà chính là cổng chính, vì cổng chính là nơi đón nhận luồng khí vào nhà (khí khẩu). Trương Tông Đạo từng nói: “Cửa chính là miệng dẫn khí của ngôi nhà, là nơi người nhà và khách khứa thường xuyên xuyên ra vào”.



### PHÂN LOẠI CỔNG CỬA

Cửa nhà thông thường có bốn loại, đó là: cửa phía nam (cửa Chu Tước), cửa bên trái (cửa Thanh Long), cửa bên phải (cửa Bạch Hổ), cửa phía Bắc (cửa Huyền Vũ).

#### ① Cửa Bạch Hổ

Nếu phía trước nhà có lối đi hoặc hành lang, mà lối đi bên trái dài (thủy đến), lối đi bên phải ngắn (thủy đi) thì nên mở cửa bên phải nhà để thu nạp địa khí, cũng có nghĩa là “cửa Bạch Hổ thu khí”.

#### ② Cửa Chu Tước

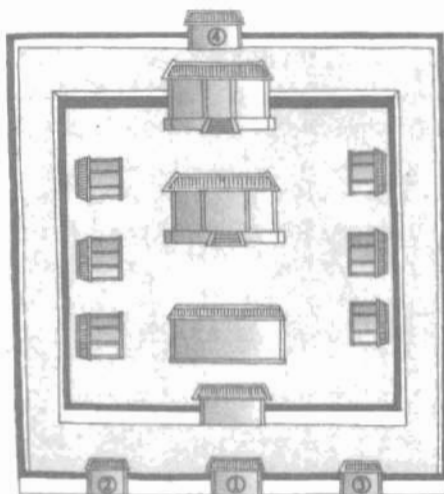
Nếu phía trước nhà có hồ nước hoặc khoảng đất trống rất rộng, đó gọi là Minh đường, như vậy nên mở cửa ở hướng này, đó chính là cửa Chu Tước.

#### ③ Cửa Thanh Long

Nếu phía trước nhà có lối đi hoặc hành lang, mà lối đi bên phải dài (thủy đến), lối đi bên trái ngắn (thủy đi) thì nên mở cửa ở bên trái để thu nạp địa khí, đó chính là “cửa Thanh Long thu khí”.

#### ④ Cửa Huyền Vũ

Chính là cửa phía sau nhà (cửa hậu), ở hướng này có thể tựa sơn, là đại cát.



## Sự cát hung hợp kỵ của cửa

Nhiều chung cư cũ thường theo lối kiến trúc đặt cửa chính đối diện với cửa cầu thang, trường hợp này được chia thành hai loại, đó là: cầu thang đối diện với cửa chính là cầu thang đi xuống; cầu thang đối diện với cửa chính là cầu thang đi lên. Nếu là cầu thang đi lên thì sức khoẻ của chủ nhà tương đối kém, cách hoá giải rất đơn giản, chỉ cần làm thêm một bậc cửa cao khoảng ba tấc, vấn đề tự nhiên sẽ được giải quyết. Nếu là cầu thang đi xuống thì tài vận của chủ nhà vô cùng kém, hoặc kiếm thì ít tiêu thì nhiều, vì vậy không nên cho người khác vay tiền, nếu không thì “tiền một đi không trở lại”. Về cách hoá giải, chỉ cần treo một chiếc gương cầu lõm ở trên mi cửa để thu nạp khí tán đi, như vậy tiền tài mới dễ tích tụ. Còn có trường hợp cửa chính của nhà đối diện với cầu thang máy, gọi là thể “phạm khí khai khẩu sát”, chủ về điều tiếng thị phi. Vì vậy nếu cửa chính bị cầu thang máy chiếu vào thì phải tìm cách hoá giải, thường là treo gương ở trên mi cửa và làm bậc cửa cao hơn.

Cửa và cửa sổ tương xung tức là vừa vào cửa chính đã nhìn thấy ngay cửa sổ, đây là kiểu nhà tiết khí, còn gọi là nhà rò tài. Cách hoá giải rất đơn giản, chỉ cần đặt một tấm bình phong ở giữa cửa chính và cửa sổ là được. Cũng có thể đặt một chiếc kệ (tủ nằm) để thay thế tấm bình phong, sau đó để bốn chậu cây cảnh lên trên. Cách hoá giải thể cửa chính và cửa sổ tương xung, ngoài dùng tấm bình phong thì cũng có thể treo rèm cửa kiểu hạt ở giữa cửa chính và cửa sổ, hoặc để bốn chậu cây cảnh cao. Có thể sử dụng các loại cây cảnh như bách, tùng, cọ, xương rồng, vạn niên thanh,...

Vị trí ở chéo góc đối diện chéo với cửa phòng tài vị. Nếu tài vị nằm trên đường đi hoặc lối vào hành lang thì đây là thể không có lợi cho tài vận, vì tài vị cũng chính là nơi tích tụ khí. Nếu tài vị không tích tụ khí thì đương nhiên không có lợi cho tài vận. Cách hoá giải là đặt một vài cây thân cao ở vị trí không tích tụ khí là được.

Điều kiêng kỵ đối với phong thủy cửa chính có rất nhiều, không nên hướng ra những nơi ô uế như nhà vệ sinh, mà cũng không nên đối diện với nhà bếp. Cửa chính đối diện với cửa bếp thì sức khoẻ của người trong nhà cũng bị ảnh hưởng, đa số liên quan đến các căn bệnh mãn tính, như bệnh dạ dày, bệnh ngoài da... Nếu trong nhà phạm phải những thể này mà hiếm khi nấu nướng trong nhà thì vấn đề cũng không đáng ngại. Tuy nhiên nếu mỗi tuần ít nhất làm cơm trong nhà từ bảy đến tám lần thì vấn đề lại khá phức tạp. Cách hoá giải đơn giản nhất đó là: treo một chiếc la bàn phong thủy lên trên mi cửa nhà bếp hoặc để đồng tiền xu lên bậc cửa bếp, hai cách này đều có thể hoá giải được sát khí.

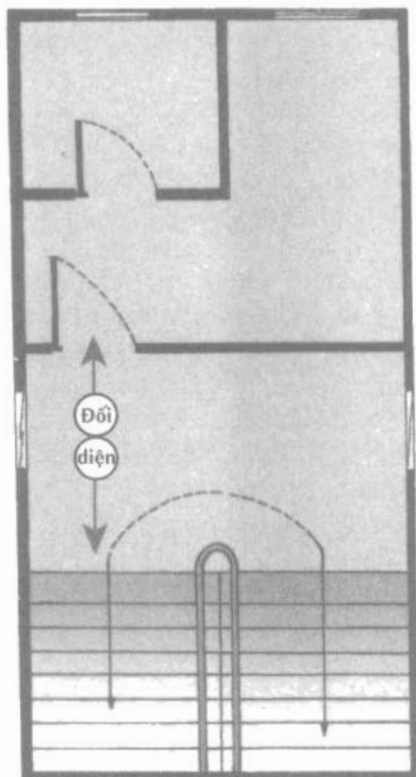




# NHỮNG ĐIỀU KIỆN KỶ TRONG PHONG THUY CỬA NHÀ

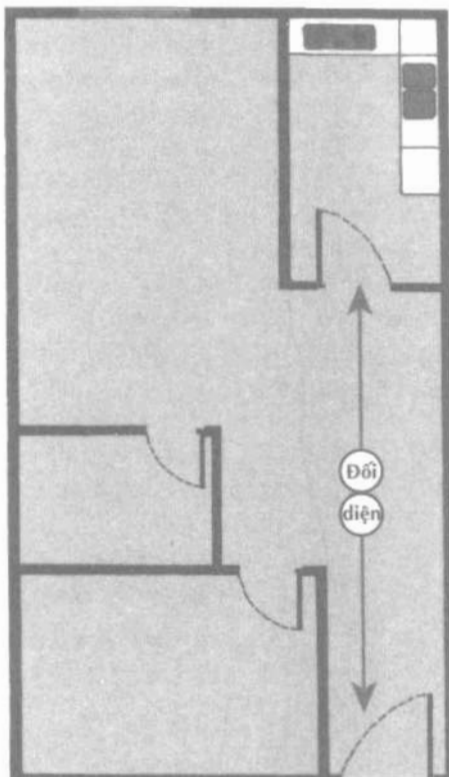


## CỬA CHÍNH XUNG VỚI CẦU THANG



Cầu thang đối diện với cửa chính là cầu thang đi xuống; tài vận của chủ nhà rất kém, hoặc kiếm ít tiêu nhiều, vì vậy không nên cho người khác vay tiền, nếu không thì tiền của sẽ một đi không trở lại.

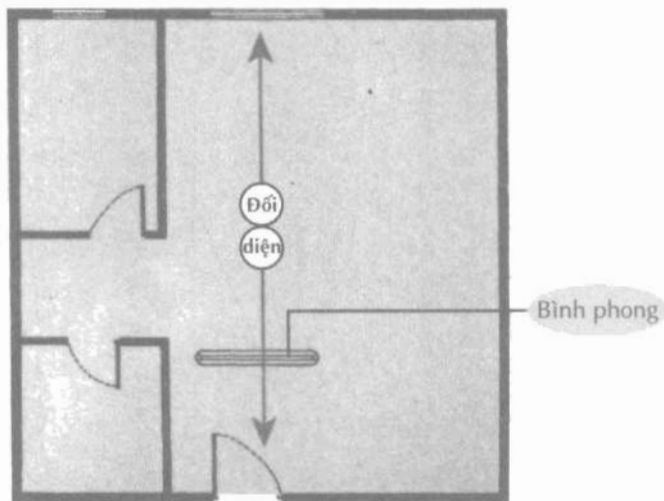
## CỬA CHÍNH XUNG VỚI CỬA BẾP



Cửa chính đối diện với cửa bếp, sức khoẻ của người trong nhà bị ảnh hưởng, dễ bị mắc bệnh mãn tính. Cách hoá giải đơn giản nhất là treo một chiếc la bàn phong thuỷ lên mi cửa nhà bếp hoặc để tiền xu lên bậu cửa nhà bếp.

## CỬA CHÍNH VÀ CỬA SỐ TƯƠNG XUNG

Cửa chính và cửa sổ tương xung có nghĩa là vừa bước vào cửa chính đã nhìn thấy ngay cửa sổ, đây là kiểu nhà tiết khí, hay nhà rò tài. Cách hoá giải rất đơn giản, đó là đặt một tấm bình phong hoặc chậu cây cảnh cao ở giữa cửa chính và cửa sổ.



## NHỮNG ĐIỀU HỢP KỲ KHI KÊ GIƯỜNG

*Giường là nơi để mọi người ngủ và nghỉ ngơi, mỗi người dành ít nhất dành 1/3 thời gian trong ngày trên giường ngủ. Đồng thời giường ngủ cũng liên quan mật thiết đến sức khoẻ và cuộc sống của con người. Vì vậy vị trí kê giường ngủ vô cùng quan trọng. Ngày xưa mọi người đã đặt ra rất nhiều quy định đối với việc kê giường ngủ.*

### Quan điểm của Phái Bát trạch về phong thủy giường ngủ

Thuyết phong thủy của phái Bát trạch cho rằng, người thuộc Đông tứ mệnh nên ngủ ở giường Đông tứ, người thuộc Tây tứ mệnh nên ngủ ở giường Tây tứ. Nếu toạ sơn của nhà ở phù hợp với bản mệnh thì thượng cát, có nghĩa là: Đông tứ mệnh Khảm, Ly, Chấn, Tốn nên ở nhà Khảm, Ly, Chấn, Tốn; Giường ngủ nên kê ở phương vị Khảm, Ly, Chấn, Tốn. Còn Tây tứ mệnh Càn, Khôn, Cấn, Đoài nên ở nhà Càn, Khôn, Cấn, Đoài; Giường ngủ nên kê ở phương vị Càn, Khôn, Cấn, Đoài. Có nghĩa là: giường ngủ của người thuộc Đông tứ mệnh nên kê ở hướng đông, hướng đông nam, hướng nam và hướng bắc là tốt nhất. Giường ngủ của người thuộc Tây tứ mệnh nên kê ở hướng tây nam, hướng tây bắc, hướng đông bắc và hướng tây là tốt nhất.

Nếu người thuộc Đông tứ mệnh ở nhà Tây tứ, phòng Tây tứ, giường kê ở phương Tây tứ. Hoặc người thuộc Tây tứ mệnh ở nhà Đông tứ, phòng Đông tứ, giường kê ở phương Đông tứ, đều không tốt, lành ít dữ nhiều, bệnh tật triền miên.

Cát hung cũng có sự khác biệt về mức độ. Trong Tứ cát tinh, cát tinh đầu tiên là Sinh khí, cát tinh thứ hai là Thiên y, cát tinh thứ ba là Diên niên, cát tinh thứ tư là Phục vị.

Trong Tứ hung tinh, hung tinh đầu tiên là Tuyệt mệnh, hung tinh thứ hai là Hoa hại, hung tinh thứ ba là Ngũ quý, hung tinh thứ tư là Lục sát.

Giường ngủ là nơi mọi người nghỉ ngơi và ngủ dưỡng sức, thích hợp kê ở Phục vị, vì Phục vị có nghĩa là nằm im bất động. Cũng chính là:

*Giường ngủ của người thuộc mệnh Chấn Mộc nên kê ở Phục vị phía đông;*

*Giường ngủ của người thuộc mệnh Tốn Mộc nên kê ở Phục vị phía đông nam;*

*Giường ngủ của người thuộc mệnh Ly Hoả nên kê ở Phục vị phía nam;*

*Giường ngủ của người thuộc mệnh Khảm Thủy nên kê ở Phục vị phía bắc;*

*Giường ngủ của người thuộc mệnh Khôn Thổ nên kê ở Phục vị phía tây nam;*

*Giường ngủ của người thuộc mệnh Cấn Thổ nên kê ở Phục vị phía đông bắc;*

*Giường ngủ của người thuộc mệnh Càn Kim nên kê ở Phục vị phía tây bắc;*

*Giường ngủ của người thuộc mệnh Đoài Kim nên kê ở Phục vị phía tây.*

Sau khi kê giường ngủ ở vị trí cát tường thì tiếp tục giải quyết vấn đề toạ hướng của giường ngủ. Toạ của giường ngủ chính là hướng quay đầu khi nằm ngủ, hướng chính là hướng đuôi chân khi nằm ngủ, toạ và hướng chệch nhau 180 độ. Trong hướng đối ứng với Bát quái, ngoài hai hướng Khôn - Cấn là Sinh khí của nhau, hai hướng Khảm - Ly là Diên niên của nhau thì toạ hướng của giường đều là hướng tốt. Còn lại, hai hướng Càn - Tốn là Hoa hại của nhau, Chấn - Đoài là Tuyệt mệnh của nhau. Những hướng khác chắc chắn sẽ có một hướng là hướng hung.



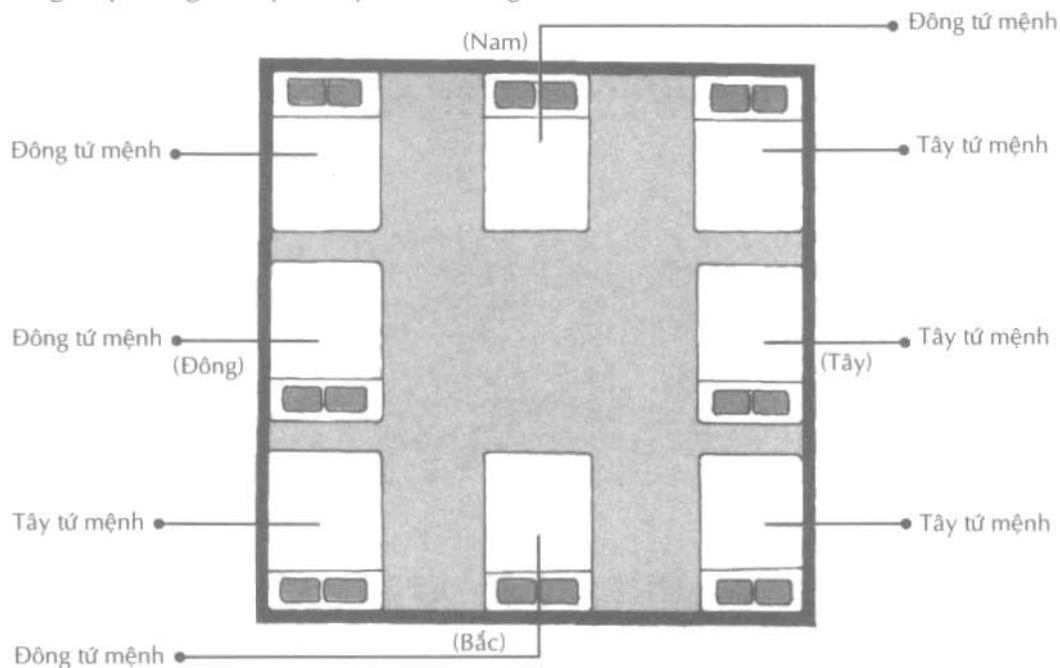


# GIƯỜNG NGỦ VÀ PHƯƠNG VỊ



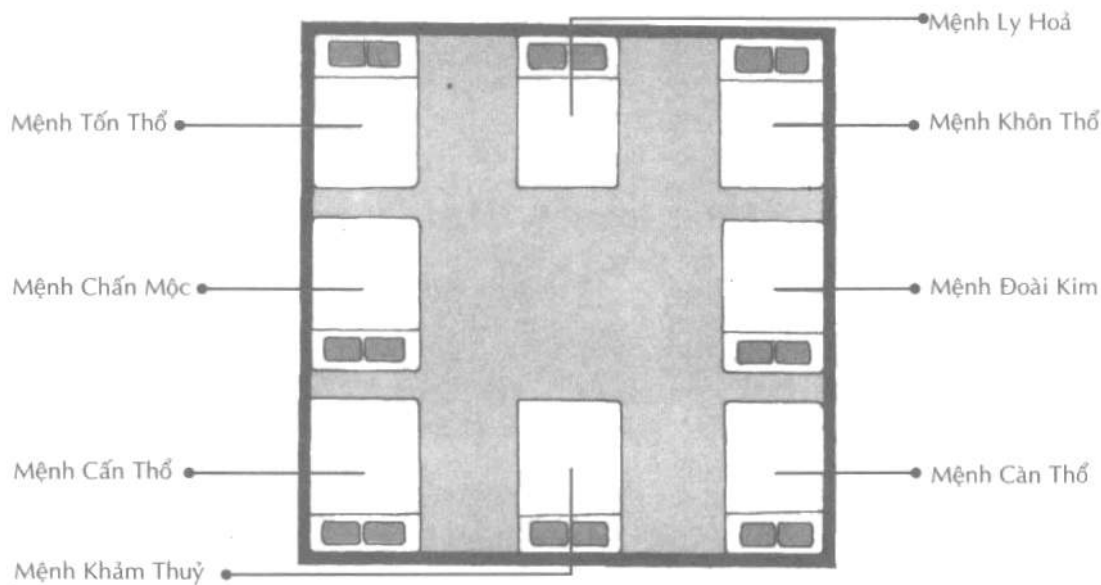
## GIƯỜNG NGỦ VÀ HƯỚNG CÁT HUNG CỦA BẢN MỆNH

Người thuộc Đông tứ mệnh phải ngủ ở phương vị Đông tứ, còn người thuộc Tây tứ mệnh phải ngủ ở phương vị Tây tứ, tuyệt đối không được nhầm lẫn.



## GIƯỜNG NGỦ VÀ PHƯƠNG PHỤC VỊ CỦA BẢN MỆNH

Vị trí thích hợp nhất để kê giường ngủ chính là phương vị bản mệnh (Phục vị). Trước khi bày biện phòng ngủ, nhất định phải tìm được phương vị bản mệnh của mình.



Sau này, người ta lại chia phòng ở thành năm loại khí, đó là: Sinh khí, Vượng khí, Tiết khí, Sát khí, Tử khí. Ví dụ như Đoài trạch, hướng Khôn, Cấn là Thổ, Thổ sinh Đoài Kim, vì vậy hai hướng Khôn, Cấn chính là Sinh khí; Hướng Cấn là Kim, tỷ hoà với Đoài Kim nên là vượng khí; Khảm là Thủy, sinh ra toạ sơn Đoài Kim, nên là Tiết khí; Hai hướng Tồn, Chấn là Mộc, bị toạ sơn Đoài Kim khắc, nên là Tử khí; Hướng Ly thuộc Hoá, khắc chế toạ sơn Đoài Kim, nên là phương vị Sát khí. Sinh khí và Vượng khí là cát; Tiết khí, Sát khí và Tử khí là hung. Nếu có thể toạ ở sinh vượng và hướng về sinh vượng thì đại cát. Nếu không làm được điều đó thì toạ hung hướng cát cũng được.

Còn có người cho rằng, "đầu giường không nên quay về phía tây", chủ yếu vì ba lý do sau: thứ nhất, tương truyền rằng thế giới cực lạc ở phương tây, vì vậy trong dân gian thường nói "đi Tây thiên hoặc đi châu Phật" để chỉ cái chết, vì vậy mới cho rằng nằm ngủ quay đầu về phía tây là không tốt. Thứ hai, vì mặt trời mọc đằng đông lặn đằng tây, phía tây là hướng mặt trời lặn, là phương suy tàn tối tăm, vì vậy không nên quay đầu về phía tây, nếu không sẽ bất lợi cho sức khoẻ và sự nghiệp. Thứ ba, vào mùa hè, ánh mặt trời phía tây hết sức chói chang, do đó nằm ngủ quay đầu về phía tây để bị nắng chiếu mà trúng nắng ngã bệnh. Nhưng ba nguyên nhân trên đều không tự nhiên, đặc biệt, hai nguyên nhân đầu là không khoa học, nguyên nhân thứ ba là lo bị ánh nắng chiếu vào, có thể giải quyết bằng cách mắc rèm cửa dày, bởi vậy đều không đáng lo.

Mặt khác, ngoài tính chất cát hung của phương vị và hướng kê giường ngủ, thì khi bàn đến phong thủy giường ngủ cũng phải xem xét đến yếu tố không gian và môi trường xung quanh giường ngủ, phương diện này cũng có một số điều kiêng kỵ. Khi kê giường ngủ có rất nhiều điều cần tránh, vì vậy phải hết sức lưu ý. Ví dụ: đầu giường không nên có xà nhà chiếu xuống, đầu giường không nên đối diện với cửa phòng, đầu giường không nên kê quá gần cửa sổ, đầu giường không nên chiếu thẳng vào gương.

Đầu giường không nên có xà nhà chiếu xuống, phong thủy học quan niệm xà ngang chiếu xuống giường sẽ không tốt cho sức khoẻ của người sử dụng. Nếu xà ngang chiếu xuống phần đầu dễ gây bệnh ở đầu, như đau đầu, choáng váng, mất ngủ và bệnh não. Nếu không thể di chuyển vị trí của giường thì có thể làm một lớp trần thạch cao để che xà nhà, hoặc ngủ trên giường hai tầng. Đầu giường không nên đối diện với cửa phòng, nếu không sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến sức khoẻ và sự nghiệp của người sử dụng, vì vậy nên hết sức tránh. Nếu không thể di chuyển vị trí của giường thì có thể thay đổi hướng nằm để tránh bị ngoại khí lùa thẳng từ cửa vào. Đầu giường kê quá gần cửa sổ sẽ khiến người ta bị ảnh hưởng nhiều bởi môi trường bên ngoài, khó có thể yên tĩnh nghỉ ngơi. Đầu giường chiếu thẳng vào gương cũng có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới giấc ngủ, năng thì bị mất ngủ vì giật mình, hay tinh thần hoảng loạn, bệnh tật triển miên.



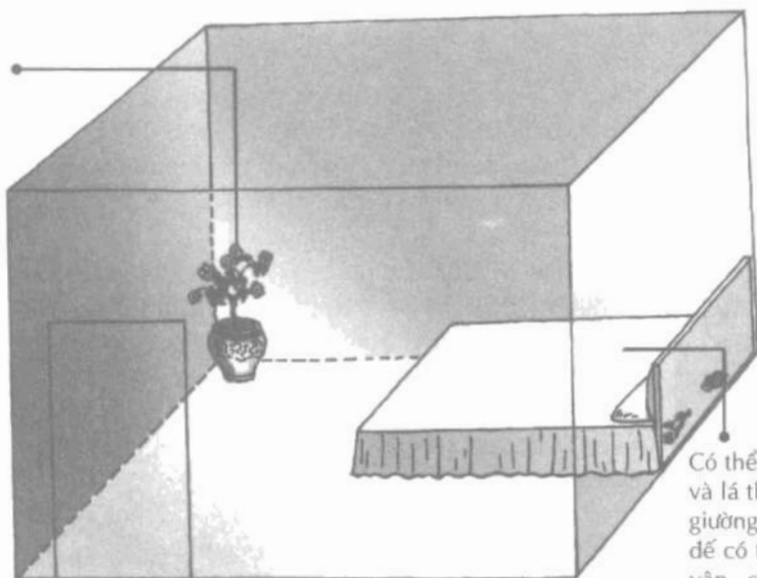


# NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý ĐỐI VỚI PHONG THỦY PHÒNG NGỦ



## PHÒNG NGỦ PHÙ HỢP VỚI YÊU CẦU PHONG THỦY

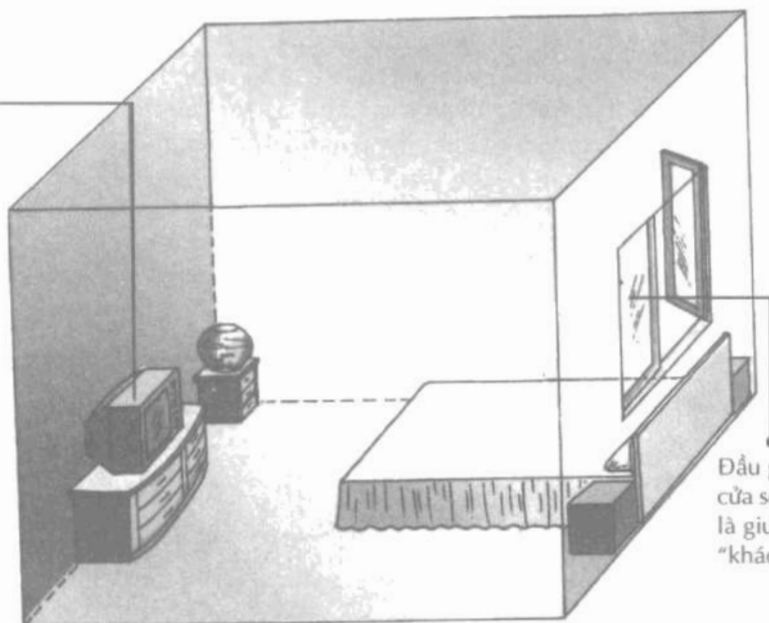
Có thể đặt một chậu hoa ở góc tường chiếu ra cửa.



Có thể để tiền Ngũ đế và lá thông ở bên dưới giường ngủ. Tiền Ngũ đế có thể làm tăng tài vận, còn lá thông có thể giúp người ta được trường thọ.

## PHONG THỦY PHÒNG NGỦ KHÔNG TỐT

Không nên để tivi và gương ở cuối giường.



Đầu giường kê gần cửa sổ là không tốt, là giường không có "kháo sơn".



## NHỮNG ĐIỀU HỢP KỲ KHI LÀM BẾP

***Bếp thuộc Hoả, nên đặt tại hướng hung của chủ nhà, còn cửa bếp mở về hướng tốt của bản mệnh, như vậy sẽ có tác dụng thu nạp khí lành.***

Chấn mệnh Chấn trạch: bếp nên toạ tây bắc hướng đông nam, tức toạ Ngũ quý hướng Diên niên, chủ về phúc thọ, khoẻ mạnh, bình an, vợ chồng hoà thuận. Tiếp đến là toạ tây hướng đông, tức là toạ Tuyệt mệnh hướng Phục vị, cũng cát lợi, chủ về gia đình hoà thuận, khoẻ mạnh, bình an. Cấn - Khôn được toạ mà không được hướng, Khảm - Ly được hướng mà không được toạ, đều không tốt.

Tôn mệnh Tôn trạch: bếp thích hợp nhất là toạ tây hướng đông, tức toạ Lục sát hướng Diên niên, chủ về phúc thọ, khoẻ mạnh, bình an, vợ chồng hoà thuận. Tiếp đến là toạ tây bắc hướng đông nam, tức toạ Hoạ hại hướng Phục vị, cũng là toạ hướng tốt, chủ về gia đình hoà thuận, khoẻ mạnh bình an. Cấn - Khôn được toạ mà không được hướng, Khảm - Ly được hướng mà không được toạ, đều không nên đặt bếp.

Khảm mệnh Khảm trạch: bếp thích hợp nhất là toạ tây bắc hướng đông nam, tức toạ Lục sát hướng Sinh khí, chủ về được phú quý, con cháu vinh hiển, đường thăng quan tiến chức suôn sẻ, thuận lợi. Tiếp đến là thích hợp với toạ tây hướng đông, tức toạ Hoạ hại hướng Thiên y, cũng rất tốt, chủ về cửa cái nhiều, khoẻ mạnh, trường thọ. Cấn - Khôn được toạ mà không được hướng, Khảm - Ly được hướng mà không được toạ, đều không nên đặt bếp.

Ly trạch Ly mệnh: bếp thích hợp nhất là toạ tây hướng đông, tức toạ Ngũ quý hướng Sinh khí, chủ về được phú quý, con cháu vinh hiển, sự nghiệp phát triển thuận lợi. Tiếp đến là thích hợp với toạ tây bắc hướng đông nam, tức toạ Tuyệt mệnh hướng Thiên y, cũng tốt, chủ về cửa cái nhiều, khoẻ mạnh, trường thọ. Cấn - Khôn được toạ mà không được hướng, Khảm - Ly được hướng mà không được toạ, đều không nên đặt bếp.

Cần mệnh Cần trạch: bếp thích hợp nhất là toạ đông hướng tây, tức toạ Ngũ quý hướng Sinh khí, chủ về được phú quý, sự nghiệp phát triển thuận lợi, con cháu vinh hiển. Tiếp đến là thích hợp với toạ đông nam hướng tây bắc, tức toạ Hoạ hại hướng Phục vị, cũng tốt, chủ về gia đình hoà thuận, khoẻ mạnh bình an. Cấn - Khôn được toạ mà không được hướng, Khảm - Ly được hướng mà không được toạ, đều không nên đặt bếp.

Đoài trạch Đoài mệnh: bếp thích hợp nhất là toạ đông nam hướng tây bắc, tức toạ Lục sát hướng Sinh khí, chủ về phú quý, con cháu vinh hiển, công việc thuận lợi. Tiếp đến là thích hợp với toạ đông hướng tây, tức toạ Tuyệt mệnh hướng Phục vị, cũng tốt, chủ về gia đình hoà thuận, khoẻ mạnh, bình an. Cấn - Khôn được toạ mà không được hướng, Khảm - Ly được hướng mà không được toạ, đều không nên đặt bếp.

Cấn trạch Cấn mệnh: bếp thích hợp nhất là toạ đông nam hướng tây bắc, tức toạ Tuyệt mệnh hướng Thiên y, chủ về cửa cái nhiều, khoẻ mạnh, trường thọ. Tiếp đến thích hợp với toạ đông hướng tây, tức toạ Tuyệt mệnh hướng Phục vị, cũng tốt, chủ về gia đình hoà thuận, khoẻ mạnh, bình an. Cấn - Khôn được toạ mà không được hướng, Khảm - Ly được hướng mà không được toạ, đều không nên đặt bếp.

Khôn trạch Khôn mệnh: bếp thích hợp nhất là tọa đông hướng tây, tức tọa Hoa hại hướng Thiên y, chủ về phú quý, của cải nhiều, khoẻ mạnh, trường thọ. Tiếp đến thích hợp với tọa đông nam hướng tây bắc, tức tọa Ngũ quý hướng Diên niên, cũng tốt, chủ về vợ chồng hoà thuận, phúc thọ song toàn. Cấn - Khôn được tọa mà không được hướng, Khảm - Ly được hướng mà không được tọa, đều không nên đặt bếp.

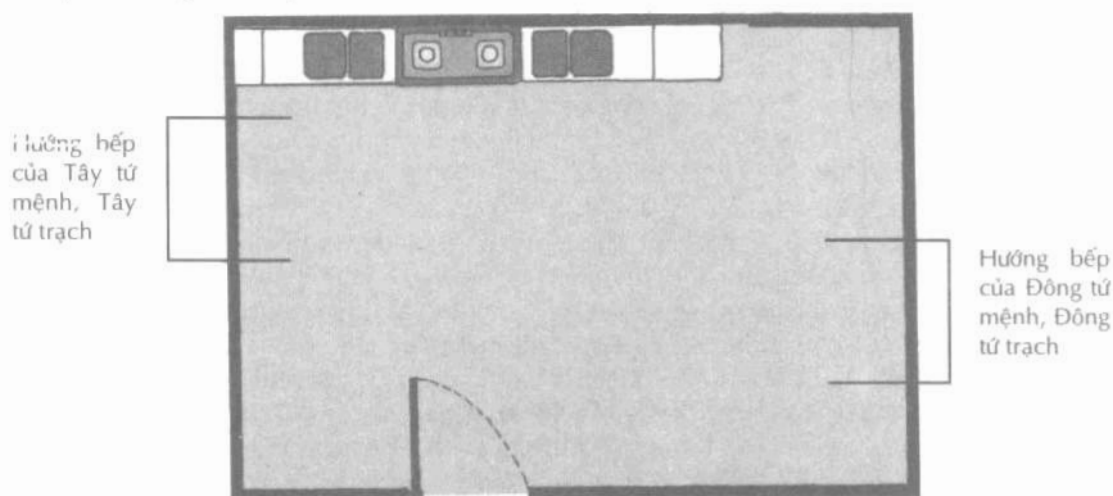


## SƠ ĐỒ PHONG THỦY NHÀ BẾP



### BẾP VÀ PHƯƠNG VỊ

Bếp có liên quan đến bản mệnh của nhà ở hay chủ nhà. Khi xây sửa bếp nhất định phải lưu ý tới hướng của bếp.

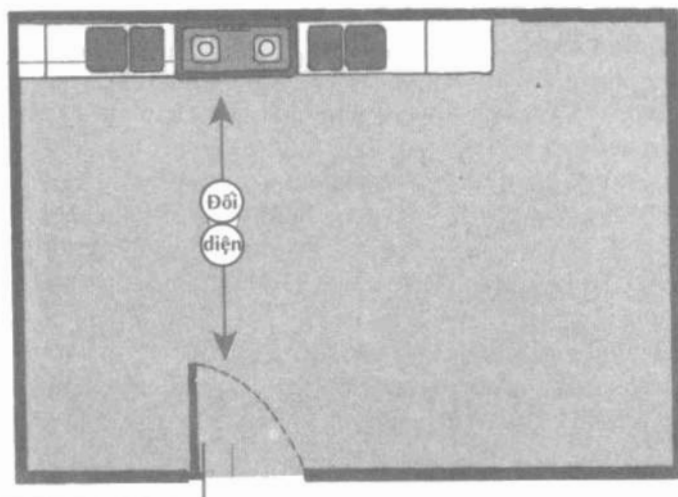


### NHỮNG ĐIỀU HỢP KỶ TRONG PHONG THỦY NHÀ BẾP

Trong quá trình nấu bếp, chúng ta tiêu tốn khá nhiều nước, mà nước lại tượng trưng cho của cải và sự giàu có. Vì vậy xét về phương diện phong thủy thì nhà bếp có một số nhược điểm nhất định. Còn trạng thái cát hung do vị trí của bếp thường liên quan đến sự hưng suy của trạch vận.

Bếp đặt trên ống dẫn nước: sẽ tạo thành thể Thủy Hoả bất dung, không tốt.

Đối diện với cửa phòng: không tốt cho người sống trong phòng.



## Những điều cần chú ý đối với bếp

Bếp kỵ gió. Phong thủy truyền thống luôn coi trọng yếu tố "tàng phong tụ khí", kỵ nhất là gió thổi, vì vậy trong phong thủy nhà bếp, bếp cũng kỵ gió thổi. Vì dù là dùng bếp ga hay bếp dầu thì khi bị gió thổi tạt cũng đều có thể gây hoả hoạn. Nếu là bếp củi, khi bị gió thổi vào, tàn lửa sẽ bay khắp nơi cũng rất nguy hiểm, vì vậy bếp rất kỵ gió.

Bếp kỵ nước. Trong quan niệm phong thủy, bếp có một sức nóng mãnh liệt, tương khắc với hơi nước, đó chính là thế "Thủy Hoả bất dung", sự xung khắc này sẽ ảnh hưởng tới sức khoẻ của người trong nhà, vì vậy bếp cần tránh nơi có nước. Bếp không được hướng về phía bắc, vì phía bắc là phương Thủy vượng. Tránh đặt bếp trên đường ống dẫn nước; Tránh đặt bếp giữa hai vật thể có chứa nước, như đặt bếp giữa máy giặt và bể bơi.

## Những điều kiêng kỵ đối với bếp

Bếp tránh để ngược với toạ hướng của nhà ở, như nhà toạ đông hướng tây, còn bếp lại toạ tây hướng đông, như vậy là không tốt.

Bếp bị lỗi đi chiếu vào. Quan niệm phong thủy truyền thống cho rằng, bếp là nơi nấu nướng và dưỡng mệnh cho cả nhà, vì vậy không nên để lộ, đặc biệt không nên bị lỗi đi chiếu vào, nếu không sẽ gây hao tổn cho gia đình.

Bếp không nên đối diện với cửa nhà bếp, bếp không nên để lộ. Nếu ở bên ngoài nhà mà vẫn có thể nhìn thấy bếp đun bên trong là không tốt.

Bếp không nên đối diện với nhà vệ sinh. Bếp là nơi chế biến thực phẩm để duy trì sự sống của con người, đó là nơi được đặc biệt coi trọng đến vấn đề vệ sinh, nếu không bệnh tật sẽ lây lan qua đường miệng mà ảnh hưởng đến sức khoẻ. Còn nhà vệ sinh là nơi ô uế, có rất nhiều khí độc và vi khuẩn, vì vậy bếp không được để gần nhà vệ sinh, đặc biệt là cửa bếp không được đối diện với nhà vệ sinh.

Bếp không nên đối diện với cửa nhà. Bếp là nơi nấu nướng nên thường nóng nực, vì vậy không nên để đối diện với cửa nhà, nếu không sẽ không tốt cho người trong nhà, có thể dẫn đến chứng ho ra máu.

Bếp không nên để gần phòng ngủ. Bếp khi cháy sẽ sinh nhiệt, mà khi xào nấu thức ăn dầu mỡ bốc lên cũng không tốt cho sức khoẻ. Vì vậy, bếp để gần phòng ngủ là không tốt.

Phía sau bếp không nên có khoảng trống. Tốt nhất bếp nên dựa tường, không nên để khoảng trống. Nếu phía sau bếp là tấm kính trong suốt lại càng không tốt.

Không nên để bếp dưới xà nhà. Nếu phía trên bếp có xà nhà chiếu xuống sẽ ảnh hưởng đến sức khoẻ của mọi người, đặc biệt là sức khoẻ của phụ nữ. Tránh để ánh sáng mặt trời chiếu chệch vào hoặc có góc nhọn chiếu thẳng vào bếp, tất cả đều không tốt cho sức khoẻ của người trong nhà.

Tránh để bếp trên đường ống dẫn nước. Bếp thuộc Hoả, còn ống nước chuyên để thoát nước, đây là thế Thủy Hoả bất dung, vì vậy hai vật này không nên để gần nhau. Nếu bếp không đun nấu thường xuyên mà đặt bếp trên đường ống dẫn nước thì càng không tốt. Ngoài ra, bếp cũng không nên để gần bể nước, nếu để quá gần cũng có thể tạo thành thế Thủy Hoả bất dung.



# NHỮNG ĐIỀU KIỀNG KỶ ĐỐI VỚI PHONG THỦY PHÒNG ĂN

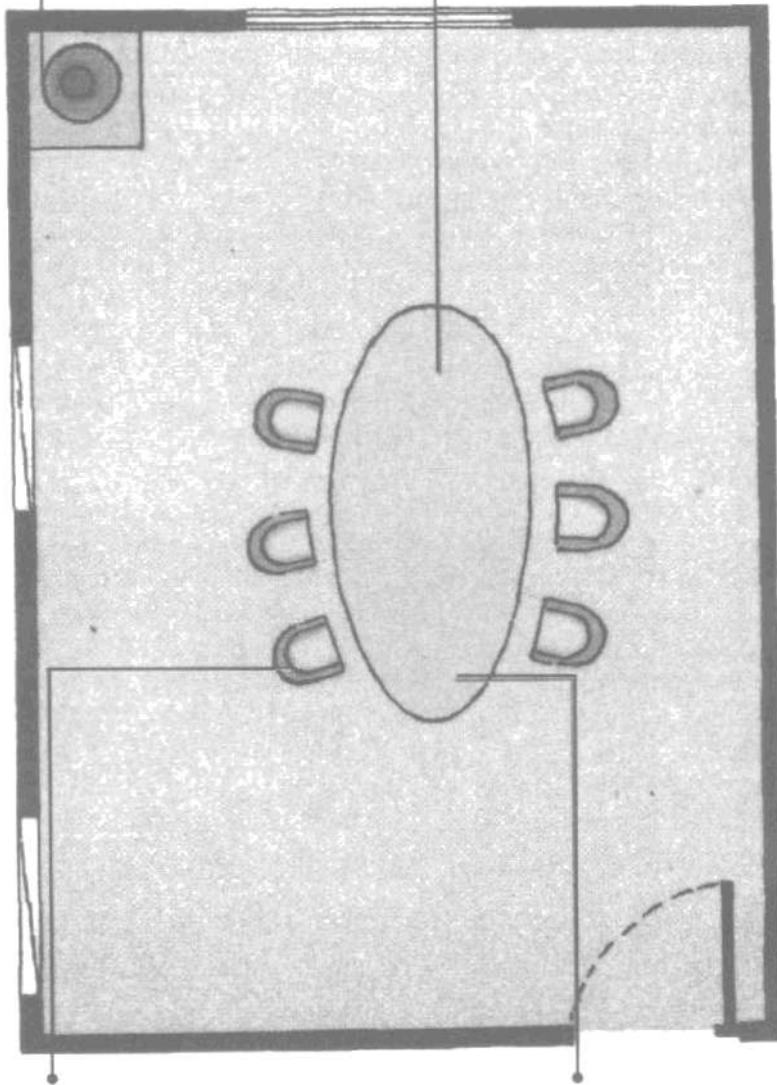


## SƠ ĐỒ PHONG THỦY PHÒNG ĂN CÁT TƯỜNG

Nơi chuyên để người trong gia đình dùng bữa được gọi là phòng ăn, việc bài trí phòng ăn theo phong thủy cũng cần được coi trọng. Nếu bài trí phù hợp với quan niệm phong thủy thì có thể mang lại nhiều điều tốt lành cho mọi người.

Để các đồ vật phong thủy như bể cá, chậu cảnh... trong phòng ăn sẽ làm tăng sức sống cho người trong nhà. Nếu để tại tài vị trong phòng ăn thì hiệu quả càng nổi bật.

Bàn ăn hình tròn hoặc hình bầu dục tượng trưng cho sự hưng thịnh và đoàn kết của gia đình.



Để sáu chiếc ghế quanh bàn ăn, vì theo quan niệm truyền thống, số 6 là số may mắn, cũng phù hợp với nhu cầu của gia đình.

Chọn bàn ăn làm bằng gỗ, vì bàn gỗ luôn tạo bầu không khí ấm cúng hoà thuận.

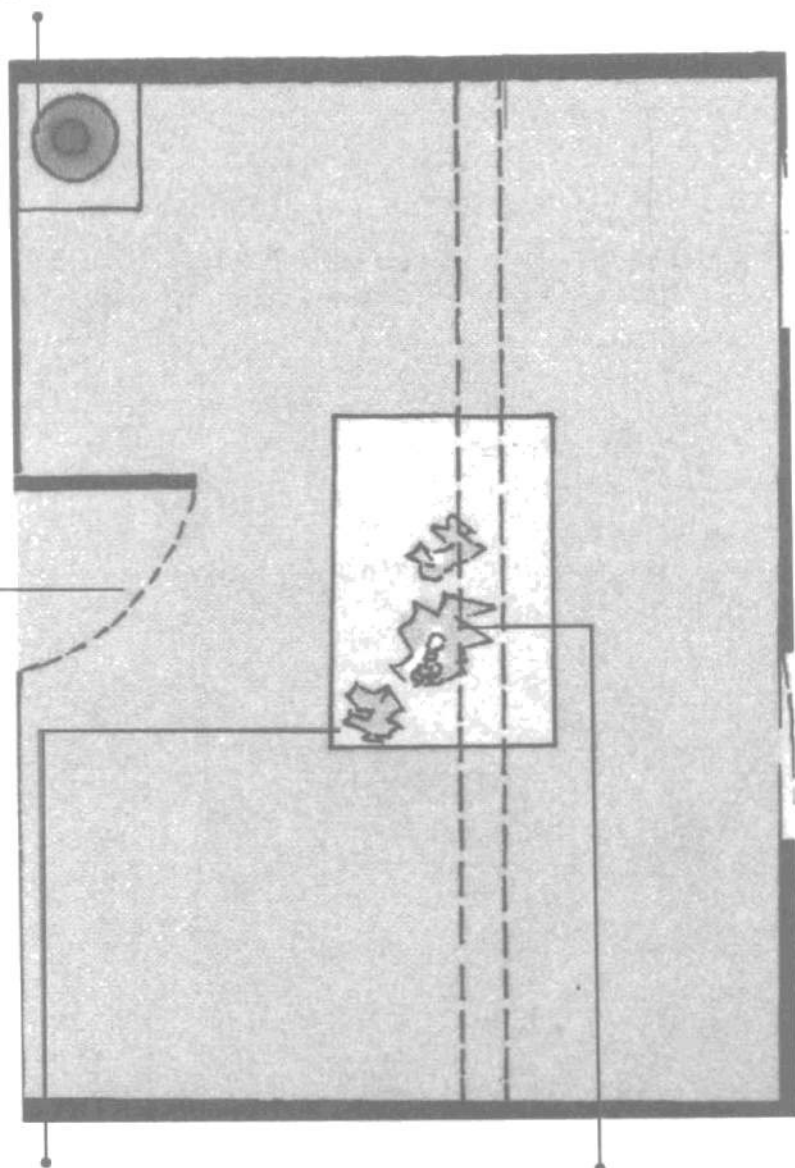


## NHỮNG ĐIỀU NÊN TRÁNH ĐỐI VỚI PHONG THỦY PHÒNG ĂN

Phòng ăn bài trí đẹp sẽ mang lại những điều tốt lành cho mọi người. Ngược lại, nếu bài trí không phù hợp với yêu cầu phong thủy thì sẽ mang lại tai hoạ.

Trần nhà ở bên trên bàn ăn nên bằng phẳng, nếu có xà ngang bắc qua sẽ ảnh hưởng tới sức khoẻ của mọi người. Nếu trên trần phòng ăn có xà ngang, khi ngồi ăn cơm nên hết sức tránh vị trí ngay dưới xà ngang.

Tránh bị lối đi chiếu vào bàn ăn, nếu phạm phải thì nguyên khí sẽ phát tán, không thể "tàng phong tụ khí" được.



Bàn ăn kỵ nhất là có góc nhọn chiếu vào. Góc càng nhỏ thì càng nhọn, sức sát thương càng mạnh, đây là điều tối kỵ trong phong thủy học.

Không để nhiều đồ đạc hỗn tạp trên bàn ăn, vì sẽ ảnh hưởng tới tài vận và sức khoẻ của người trong nhà.

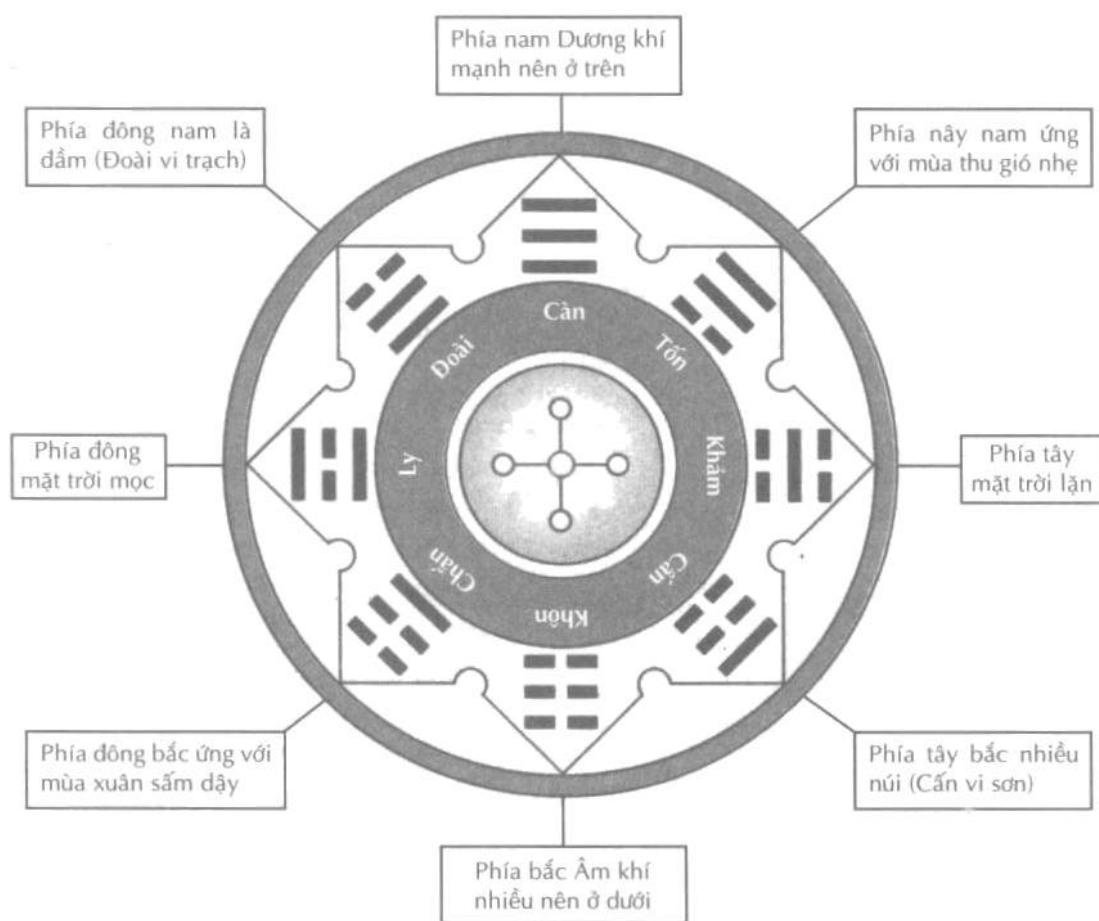


## Chương 4

### GIẢI THÍCH VỀ “HOÀNG ĐẾ TRẠCH KINH” (2)

### HOÀNG ĐẾ BÀN VỀ TRẠCH HÌNH

Nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đối với nhà ở và người sống trong nhà đó chính là hình dáng ngôi nhà và sát khí tạo bởi các công trình kiến trúc xung quanh.



Mục lục tranh minh họa



Chọn đất làm nhà.....	169
Thuỷ cục của nhà ở.....	171
Trạng thái cát hung qua hình dáng nhà ở.....	173
Sơ đồ lục sự.....	183
Sơ đồ Dương trạch ngoại sự.....	185
Các loại sát khí.....	187
Thụ sát.....	195



## 1. GIỚI KHÍ CHO NHÀ Ở

### CHỌN ĐẤT LÀM NHÀ

*Giới khí tức chặn dòng khí lại, nhằm tạo ra cảm giác “Dương khí tích tụ”, nhà ở có thể giới khí được hay không là có liên quan trực tiếp đến khâu chọn đất làm nhà, tức là vừa phải lưu ý đến việc lựa chọn môi trường chung (môi trường bên ngoài), vừa phải lưu ý với việc lựa chọn môi trường riêng (môi trường trong nhà).*

#### Giới khí cho nhà ở

Móng nhà cũng phải dùng long, huyết, sa, thủy để giới khí, nhưng điều quan trọng nhất của phong thủy Dương trạch chính là không gian rộng rãi và thoải mái, thế của rặng núi gần đó phải hùng vĩ, mặt đất phải bằng phẳng, phía trước có án sơn với độ cao phù hợp, hai bên có long hổ sơn bao quanh, người đứng ở đó sẽ có cảm giác “Dương khí tích tụ”. Có nghĩa là: không cảm thấy gò bó, âm u, ẩm ướt, bần thiú, ... mà phải cảm nhận được bầu không khí tươi mới, trong lành, yên tĩnh và tràn đầy sức sống.

Trong thành phố, các dãy nhà được quy hoạch quy củ, không chênh lệch nhiều về độ cao, phải có nhiều người qua lại thì nhân khí mới vượng. Ở nông thôn, các nhà phải liền kề nhau, cây cối tươi tốt, không nên làm nhà cách xa khu dân cư, mà cây cối xung quanh lại khô héo. Ở miền núi, phải có núi và nước bao quanh, không nên ở nơi có thế núi dốc dựng đứng, dòng nước chảy xiết, khoảng không gian phía trước lại hẹp. Sống ở miền núi thì phải chọn nơi có thể rồng đến, sống ở vùng đồng bằng thì phải chọn nơi có thể nước chảy đến, long thủy kết hợp mới là thế đẹp. Nếu sống ở miền núi mà không có thể rồng đến, sống ở vùng đồng bằng mà không có thể nước chảy đến thì cá về nhân đinh lẫn tài vận đều không thể vượng, cho dù nhân đinh và tài vận có vượng thì cũng không thể vượng được lâu. Nếu phù hợp với những nguyên tắc này, cho dù ở trong nguyên vận nào, nhà cửa vẫn được bình an, nhân đinh và tài vận đều hưng vượng.

#### Chọn đất làm nhà

Theo ghi chép trong các tài liệu cổ, vào thời Chu mọi người đã biết cách chọn đất làm nhà, quy hoạch, thiết kế và xây dựng nhà cửa. Điểm quan trọng trong mối quan hệ giữa việc chọn môi trường chung và môi trường sinh thái là: ánh sáng đầy đủ, mùa hè có gió nam thổi đến, có bình phong che chắn gió lạnh phương bắc, hệ thống thoát nước tốt, đất và nước điều tiết tốt để điều hoà bầu không khí, mạng lưới giao thông thuận lợi.

Khi chọn đất làm nhà nên chọn nơi cao ráo, kỵ nhất là làm nhà ở nơi có địa hình thấp và trũng. Hình thế xung quanh nên bằng phẳng, kỵ nhất là gồ ghề, nếu mảnh đất đó có hình dáng kỳ dị thì nên cắt bỏ phần góc đi, không nên tận dụng làm nhà, phía trước nhà phải bằng phẳng và không có chướng ngại vật, độ cao phù hợp, tránh một bên cao một bên thấp, cũng tránh một bên có nhà chái, một bên không. Tốt nhất là có hình chữ nhật với chiều sâu dài hơn chiều rộng, tránh mở rộng theo chiều ngang như hình chữ Nhất (—), hoặc bề ngang hẹp mà quá dài. Phía trước và phía sau phải rộng bằng nhau, tránh phía trước rộng, phía



sau hẹp. Đặc biệt cần tránh phía trước hẹp, phía sau rộng. Phía trước và phía sau đều rộng còn ở giữa hẹp, hoặc phía trước và phía sau đều hẹp còn ở giữa rộng cũng là thế cần tránh.



## CHỌN ĐẤT LÀM NHÀ



### SƠ ĐỒ CÁT HUNG CỦA 19 KIỂU NHÀ



### HOÀNG ĐẾ BÀN VỀ CÁC KIỂU NHÀ

	<b>Cát</b>	Trước hẹp sau rộng, được phú quý.
	<b>Hung</b>	Trước rộng sau hẹp, gia cảnh bản hàn.
	<b>Cát</b>	Chiều nam - bắc dài, tốt cho con cháu, đại cát.
	<b>Hung</b>	Chiều đông - tây dài, gia cảnh bản hàn, sống cô đơn, hung.
	<b>Hung</b>	Trái hẹp phải rộng, ít con cháu.
	<b>Hung</b>	Phải hẹp trái rộng, bình thường.
	<b>Cát</b>	Khuyết Thìn - Tỵ, được phú quý.
	<b>Cát</b>	Khuyết Mão - Dậu, được phú quý, cát.
	<b>Cát</b>	Khuyết Ngọ, được phú quý, cát.
	<b>Hung</b>	Khuyết Tý, hay tranh chấp cãi cọ, hung.
	<b>Hung</b>	Khuyết Dậu, đại hung.
	<b>Cát</b>	Khuyết Mão, được phú quý.
	<b>Hung</b>	Khuyết Tuất, gia cảnh bản hàn, hung.
	<b>Hung</b>	Khuyết Tý - Ngọ, hay tranh chấp cãi cọ, hung.
	<b>Cát</b>	Khuyết Thìn - Tỵ - Mùi, được phú quý.
	<b>Cát</b>	Khuyết Tứ duy, tốt cho con cháu.
	<b>Cát</b>	Khuyết Tý - Ngọ - Mão - Dậu, tốt cho con cháu.
	<b>Cát</b>	Khuyết Thân - Mùi, tốt cho con cháu.





## NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG TRONG CỤC THỂ NHÀ Ở

*Địa thế nhà ở có liên quan đến yếu tố “thủy” của môi trường xung quanh. Trong phạm vi 30m của nhà ở nếu có nước, cần phải lưu ý đến sự ảnh hưởng của địa thế (cục) đối với nhà ở.*

### Cục thể của nhà ở

Nếu xung quanh nhà ở có nước, mà nơi có nước cách nhà ở trong phạm vi 30m, cần phải hết sức coi trọng cục thể.

Nước ở phía nam là Khảm cục; Nước ở phía bắc là Ly cục; Nước ở phía đông là Đoài cục; Nước ở phía tây là Chấn cục; Nước ở góc đông nam là Càn cục; Nước ở góc tây nam là Cấn cục; Nước ở góc tây bắc là Tốn cục; Nước ở góc đông bắc là Khôn cục. Bốn phía đều có nước, xa gần như nhau là Trung cung cục. Thế nước chảy uốn quanh, hai mặt đều có nước, nếu chảy từ phía đông sang phía nam, tiếp tục chảy về phía tây rồi đổ về phía bắc, nếu thế gần phía nam xa phía tây là Khảm cục; Còn thế gần phía tây xa phía nam là Chấn cục. Nếu nước ở góc tây nam, mà khoảng cách đến nơi có nước ở phía nam và phía tây là như nhau thì đó là Cấn cục. Nếu nước ở hai phía cùng đổ về một nơi thì tùy theo thế nơi nước hội tụ mà luận. Nếu phía trước và phía sau đều có nước thì đó là Kiềm cục, như phía Khảm và phía Ly đều có nước.

### Cục thể và việc làm nhà

Khi làm nhà, dù phía trước và phía sau đều có nước, hoặc hai bên đều có nước thì chỉ cần nhìn vào thế nước ở một nơi mà luận bàn về chân khí. Nếu lập trạch tại quẻ góc, chỉ có Trung cung dễ thu khí, nhưng tình hình thu khí tại phía bên trái đằng trước và phía bên phải đằng sau lại khác, đó chính là lý do tại sao sống trong cùng một nhà mà vẫn có người suy người vượng.

Thủy ở Khảm, Ly, Chấn, Đoài thì phái lập trạch tại Tứ chính Khảm, Ly, Chấn, Đoài. Thủy ở Càn, Khôn, Cấn, Tốn thì phái lập trạch tại Tứ chính Càn, Khôn, Cấn, Tốn. Nước chảy đến phái có hướng, nước chảy đi phải có điểm dừng, dòng nước phải quanh co uốn lượn, đó chính là những yêu cầu về nước trong phong thủy. Nếu ở miền núi thì phải biết được mức độ cao thấp của dãy núi, ở vùng đồng bằng thì phải quan sát đường đi, ở thành thị thì phải quan sát hướng của đường phố. Phải phân biệt được thủy, khí đến và khí tích tụ của đường đi thì mới có thể nhận biết được sự “hút khí” và “nhả khí” của Dương trạch. Hình thế này nhất định phải xem xét thật kỹ, sau đó kết hợp với sự suy vong của nguyên vận, thì trạng thái hưng cát của nhà ở mới được bộc lộ rõ ràng.

Do sự khác nhau về địa điểm xây nhà nên cách luận bàn cũng khác nhau. Nhà trong thành phố trước tiên phải xem phố phường, đường qua lại, tiếp đến là xem phương vị, hướng gió, cuối cùng phải xem thủy cục. Nhà ở nơi đồng không trước tiên phải xem thủy cục, sau đó xem phương vị, hướng gió, cuối cùng xem đường đi. Nhà ở miền núi thì chú yếu phải xem thế gió, còn các yếu tố khác chỉ là thứ yếu.





# THỦY CỤC CỦA NHÀ Ở



## THỦY VÀ CỤC XUNG QUANH NHÀ Ở

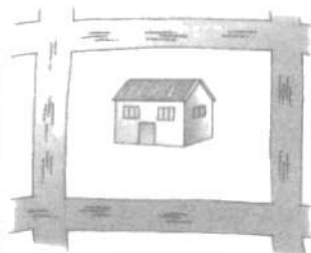
Cục của nhà ở có mối quan hệ trực tiếp với yếu tố Thủy ở xung quanh nhà ở.



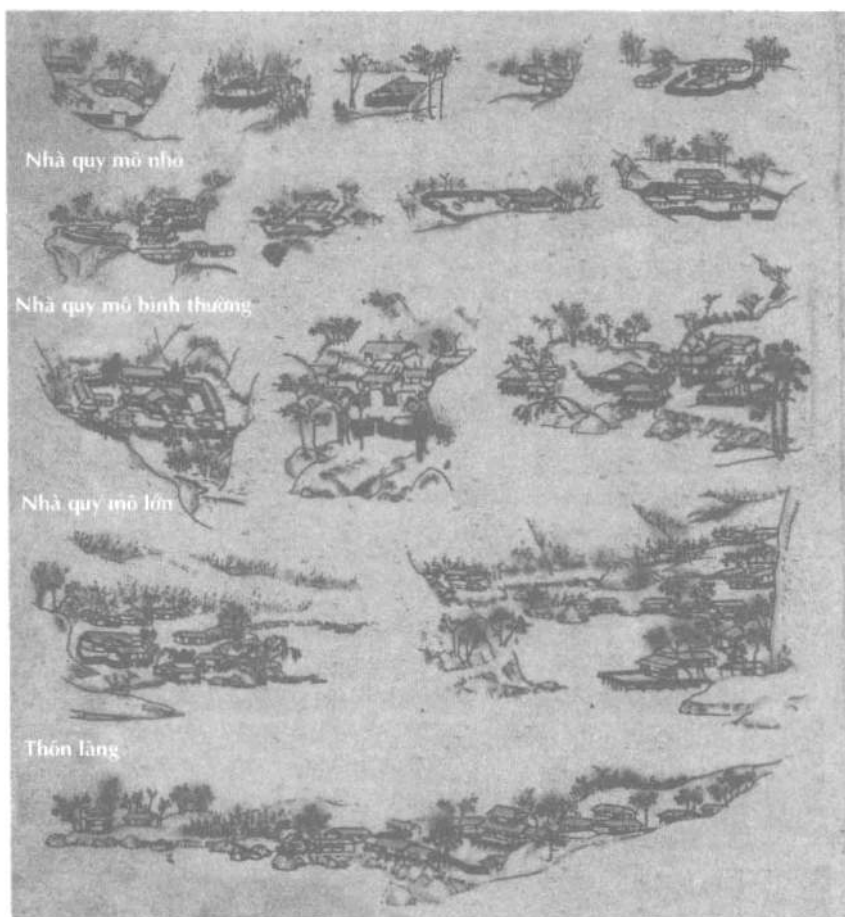
Ly cục



Khâm cục



Trung cung cục



Môi trường làng mạc được thể hiện trong "Thiên lý giang sơn đồ quyển" của Vương Hy Mạnh

Vương Hy Mạnh (không rõ năm sinh năm mất) là danh họa cuối thời Bắc Tống, ông từng được Tống Huy Tông đích thân chỉ bảo, nhưng đáng tiếc là qua đời sớm, những tác phẩm lúc sinh thời của ông đều đã thất truyền. "Thiên lý giang sơn đồ" là tác phẩm truyền thế duy nhất của ông. Tác phẩm này thể hiện sự lựa chọn tinh tế của con người thời bấy giờ về nơi ở.

NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG TRONG CỤC THỂ NHÀ Ở





## TÍNH CHẤT CÁT HUNG QUA HÌNH DẠNG CỦA NHÀ Ở VÀ KHU ĐẤT LÀM NHÀ

*Hình dáng của một ngôi nhà đẹp hay xấu có thể đánh giá qua trực quan, thế nhưng hình dáng của ngôi nhà sẽ thay đổi theo rất nhiều nhân tố như kết cấu, nguyên vật liệu, kiểu dáng, hình dáng khu đất, môi trường xung quanh. Nói chung, ngôi nhà có hình dáng đẹp cần phải vuông vức, thoáng đãng, cân đối và kiên cố. Ngôi nhà xiêu vẹo, kết cấu lỏng lẻo được coi là ngôi nhà xấu. Nhưng trạch hình cũng cần có khí thì mới linh nghiệm.*

### Chọn nền đất

Trong trạch vận, địa hình gồ ghề cao thấp không đồng đều rất dễ dẫn đến những ảnh hưởng cát hung, vì vậy phải đặc biệt lưu ý. Quan điểm thông thường là: nền nhà bằng phẳng là tốt nhất, phía đông hoặc phía nam hơi cao cũng không sao, nhưng nếu địa hình ở phía đông và phía nam cao thì đó là tướng hung. Còn chiều từ bắc đến phía tây hơi cao thì thuộc tướng cát.

Vùng đất trên núi và dưới chân núi chịu rất nhiều ảnh hưởng của gió, xét về mọi mặt thì những ảnh hưởng đó đều không tốt, nên cố gắng tránh xa. Nền đất trên gò núi có khả năng làm tàng tài sản. Nền đất cạnh các con sông do chịu ảnh hưởng của dòng chảy nên không kiên cố, cần tránh nơi này, đồng thời cũng phải tránh những nơi có quá nhiều bùn cát.

Chất đất cũng ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe của con người, khi kiến tạo nhà ở nhất định phải tìm nơi có chất đất tốt: nên chọn đất đỏ, nếu có pha tạp thêm một ít đất đen cũng không sao, nhưng chất đất ở nơi có cây cối tốt tươi là tốt nhất. Đất không quá khô, ít bụi đất và độ ẩm vừa phải cũng là loại đất tốt. Ngược lại, đất có độ ẩm cao và luôn trong tình trạng ẩm ướt thì đó là loại đất xấu nhất. Đặc biệt là nơi chôn rác thải và phế liệu rất dễ sinh ra khí độc, khiến mặt đất cũng không được trong lành, đó là loại đất xấu.

### Lựa chọn địa hình

Tốt nhất là chọn khu đất có hình chữ nhật, lý tưởng nhất vẫn là chiều dài chưa gấp đôi chiều rộng. Tuy là hình chữ nhật nhưng nếu chiều dài gấp hơn hai lần chiều rộng trở lên thì lại là địa hình xấu. Địa hình đẹp là dài theo chiều đông - tây, chiều nam - bắc hoặc chiều đông nam - tây bắc, còn các chiều khác đều không tốt. Địa hình hình vuông, hình tam giác, khuyết góc và hình đa giác đều là những địa hình xấu.

Trong cuốn "Dương trạch địa lý" thuộc phần sau cuốn "Phong thủy giảng nghĩa" của Phật Ấn có viết: "Nhà ở vùng đồng bằng có sông núi nước non là đẹp, nhà ở miền núi nếu tàng phong là tốt".

Long, huyết thực sự tốt chỉ có thể gặp được một cách ngẫu nhiên chứ rất khó tìm kiếm, phải có phúc phận rất lớn mới gặp được. Nhìn chung hiện nay khi lựa chọn địa hình, chỉ cần xem xét đến một vài nhân tố, ngoài ra cũng yêu cầu toạ hướng của nhà ở phải thừa nguyên tắc vận, hình dáng ngôi nhà phải vuông vắn, cách bài trí bên trong phải phù hợp với nguyên tắc sơn thủy.





# TRẠNG THÁI CÁT HUNG QUA HÌNH DÁNG NHÀ Ở

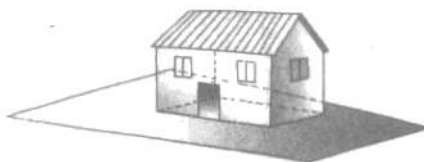


## TRẠNG THÁI CÁT HUNG THỂ HIỆN QUA HÌNH DÁNG NỀN NHÀ

Hình dáng của đất xây nhà và môi trường xung quanh nhà ở sẽ ảnh hưởng tới trạng thái cát hung của ngôi nhà. Vì vậy trước khi xây dựng nhà cửa, nhất định phải lưu ý đến hình dáng của nền đất và môi trường xung quanh, để tránh những ảnh hưởng bất lợi do việc xây dựng nhà cửa tại nơi có địa hình xấu đối với con người.



Xây nhà trên mảnh đất hình chữ nhật sẽ sinh ra hiện tài, sống ở đây gia cảnh sẽ không hẳn, con cháu có thể được làm quan, rạng danh gia đình.



Bên trái ngắn, bên phải dài, sống ở đây thì đại cát đại lợi, tiền của trong nhà luôn dư dật, nhưng lại không tốt cho người nối dõi tông đường.



Địa thế ở giữa nhô cao gọi là núi tròn, nếu làm nhà trên đó thì nhân đinh hiển quý, của cải nhiều, con cháu được làm quan lớn.



Bên phải ngắn, bên trái dài, kiểu nhà này không thích hợp để ở, vì nó không sinh tài và nhân đinh không vượng, ngoài ra còn có thể làm cho con cháu trở nên dẫn độn, tiêu xài phung phí.



Bên trái hoặc bên phải nhà có con đường chạy qua, địa hình này thuộc kiểu trước cát sau hung, tức khi mới sống ở đây thì phát về nhân đinh, cuộc sống vật chất đầy đủ, nhưng chưa đầy mười năm sẽ lụn bại.



Phía đông bắc của nhà bị khuyết, gia đình được phú quý, của cải có thể giữ được rất lâu.



Đây là kiểu nhà xây phía trên nguồn nước, về sau dễ tan cửa nát nhà, chết người, đó là địa hình đại hung.



Góc đông nam của nhà không hoàn chỉnh, làm nhà ở nơi này sẽ đại cát đại lợi, con cháu hưng vượng, sự nghiệp phát đạt.

TÍNH CHẤT CÁT HUNG QUA HÌNH DẠNG CỦA NHÀ Ở VÀ KHU ĐẤT LÀM NHÀ





Làm nhà trên địa hình trước hẹp sau rộng chắc chắn sẽ rất kiên cố, chủ về phú quý, bình an, con cháu hưng vượng.



Địa hình phía tây cao phía đông thấp nên làm trang viên, con cháu đời sau sẽ làm ăn phát đạt.



Địa hình trước rộng sau hẹp trông giống như chiếc quan tài, làm nhà ở đây quanh năm không được yên ổn, tiền mất tật mang, gia cảnh lụn bại.



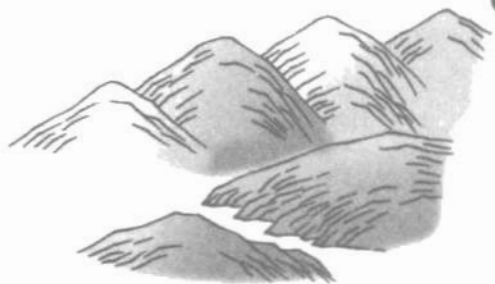
Phía bắc có đồi núi, làm nhà trên địa hình này thì gia cảnh được phần vinh, nếu là quân tử chắc chắn sẽ được làm quan.



Địa hình phía tây nam có đồi núi, làm nhà ở đây sẽ dễ phúc cho con cháu đời sau.



Địa hình phía trước và phía sau nhà đều có đồi núi, làm nhà trên địa hình này thì chỉ có thể sống trong vài năm, vì cát hung bất định, khi cát thì khiến người ta được phú quý, còn khi hung thì khiến người ta trở nên bản hàn.



Làm nhà trên địa hình mà phía chính đông có đồi núi, sẽ dẫn đến cảnh nhà tan người mất.



Làm nhà trên địa hình mà phía tây bắc có đồi núi, gia đình sẽ được hưng vượng, con cháu được làm quan lớn.

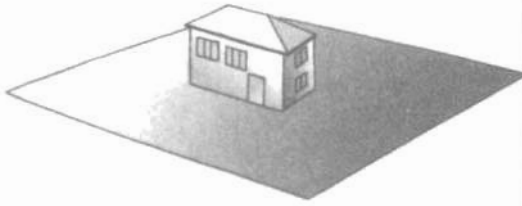




Phía trước và phía sau nhà đều có núi lớn, sống ở nơi này sẽ không có tai hoạ, tiền của nhiều, người đông, cuộc sống sung túc.



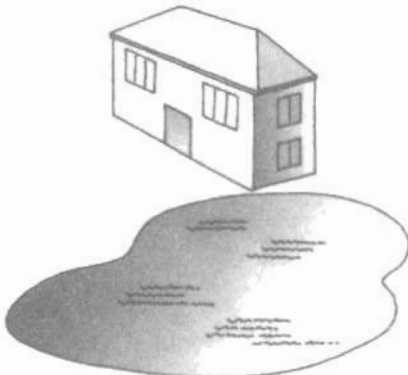
Phía trước và phía sau nhà đều có núi cao, bên trái và bên phải lại có ao bùn, kiểu địa hình này chủ về gia thế vinh hiển, phú quý đời đời, khoẻ mạnh và trường thọ.



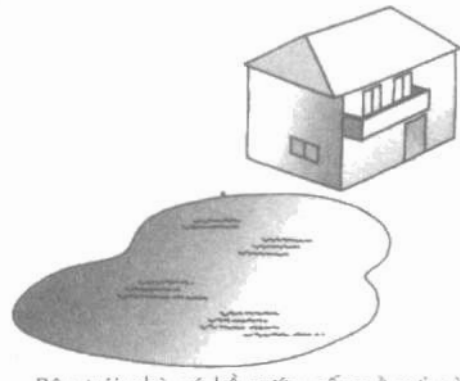
Địa hình của kiểu nhà này rất vuông vức, bất kỳ ai cũng đều có thể sống ở đây, chủ về vượng nhân đinh, gia thế vinh hiển.



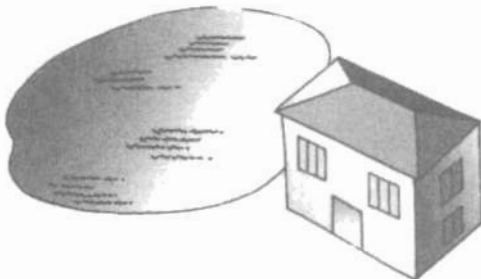
Bên trái và bên phải nhà đều có dòng nước chảy, sau này con cháu được hưởng phúc lộc, thông minh phóng khoáng, cuộc sống no đủ.



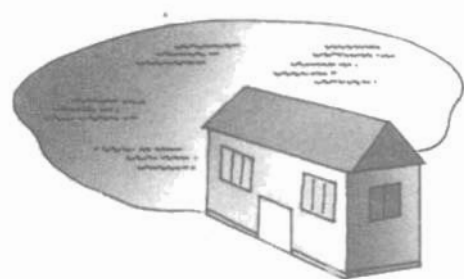
Địa hình này ở hướng Thìn - Tỵ có hồ nước, tuy con cháu hưng vượng, tiền của nhiều, nhưng chỉ duy trì được trong một thời gian ngắn là gặp đại nạn.



Bên trái nhà có hồ nước, sống ở nơi này lúc đầu thì giàu có, nhưng sau đó lại bản hàn. Đặc điểm của kiểu địa hình này là bên trái phú quý, bên phải bản hàn.



Phía tây của nhà có hồ nước, nếu sống ở đây thì không tốt cho sức vật, trước phú quý sau bản hàn.



Phía tây bắc của nhà có hồ nước, sống ở nơi này không tốt, vì rất hiếm khi gặp được tin vui, dù ban đầu cuộc sống sung túc nhưng cuối cùng vẫn bản hàn.

TÍNH CHẤT CÁT HUNG QUA HÌNH DẠNG CỦA NHÀ Ở VÀ KHU ĐẤT LÀM NHÀ





Phía sau nhà có núi cao, thích hợp làm trang viên, chủ về gia tài vượng phát, người trong nhà khoẻ mạnh, nếu sống ở đây thì vượng về nhân đinh, con cháu đời sau có cuộc sống sung túc.



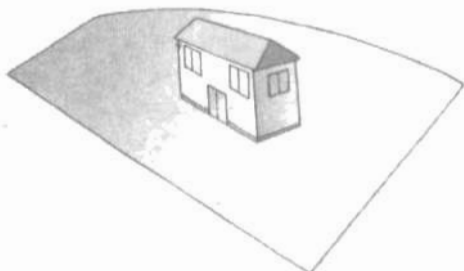
Phía trước nhà có rặng núi cao, kiểu địa hình này không thích hợp làm nhà để ở.



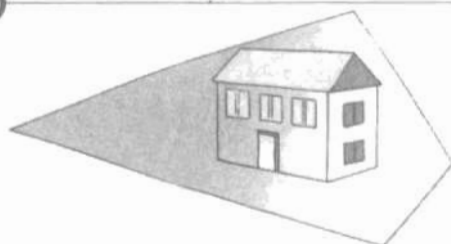
Phía sau nhà có đồi cao, địa thế phía bắc cao phía nam thấp, rất thích hợp để làm nhà ở, sống trên địa hình này sẽ khiến con cháu hưng vượng, công việc trỗi trọt thuận lợi, có của ăn của để.



Phía đông bắc của nhà có đồi núi, tốt nhất nên sử dụng nơi này làm trang viên, chủ về phú quý, con cháu vinh hiển.



Sống trên địa hình bên trái ngắn, bên phải dài sẽ rất bình yên, địa hình này phía sau hẹp phía trước rộng, làm nhà ở đây sẽ cát tường, con cháu hưng vượng.



Địa hình của kiểu nhà này là bên phải ngắn, bên trái dài, nếu bên trái có ngắn cũng không sao, chỉ cần địa hình phía sau vuông vức là được, như vậy dù là người bình thường thì vẫn có thể sinh ra hiền tài.



Bốn góc của nhà có bụi cây, lúc tai hoạ đến thì không thể né tránh, trong trường hợp này tốt nhất nên chọn nơi khác để tránh làm khổ cho con cháu.



Phía đông của nhà có rặng núi cao, sống ở nơi này sẽ phải chịu cảnh cô quả bản hàn, luôn bị người ta phỉ báng, gặp nhiều tai hoạ, cho dù ban đầu có thành công nhưng sau đó cũng bị thất bại.





Phía trước và phía sau nhà đều có núi cao, địa hình này không thể làm nhà ở, nếu sống ở đây thì phải chịu cuộc sống bản hàn, cô quả, con cái ngỗ ngược, súc vật chết hết, tai họa liên tiếp giáng xuống đầu.



Kiểu nhà này gọi là Tứ thần đầy đủ, tức có cả Chu tước, Huyền vũ, Thanh long và Bạch hổ. Sống ở đây nam thì phú quý, nữ thì hiền thực, công danh lợi lộc tự tìm đến.



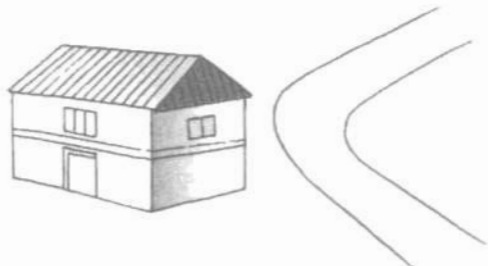
Bốn phía đều có đường qua lại, chặc chặc gặp rất nhiều tai họa, không hao tiền tốn của thì cũng bị chết do tai nạn.



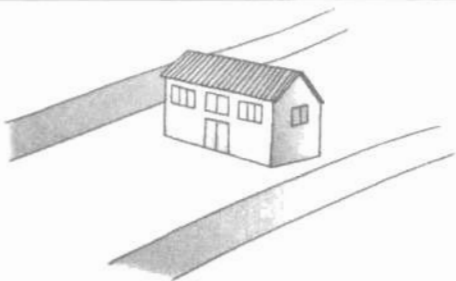
Phía đông của nhà có dòng nước chảy, phía tây có đường đi, sống ở đây sẽ được sung túc, phú quý vinh hiển, kiểu trạch hình này được gọi là "phải có Bạch hổ, trái có Thanh long".



Bên trái nhà có đường đi, ban đầu thì phú quý, sau đó thì bản hàn. Người có tướng mệnh tốt sống ở đây cũng có thể được cát tường, nếu là người có tướng mệnh xấu sống ở đây thì cuối cùng cũng phải ra đi.



Phía đông bắc của nhà có đường qua lại, đường ở phía tây chủ về hanh thông, sống ở đây ban đầu thì tiền của tích tụ, nhưng cuối cùng cũng trở nên khuyhng gia bại sản.



Bên trái và bên phải nhà đều có đường đi, sẽ gây tai họa, công việc khó thành, cũng có thể bị tử nạn, hoặc gặp trộm cướp, tranh chấp, kiện tụng,...



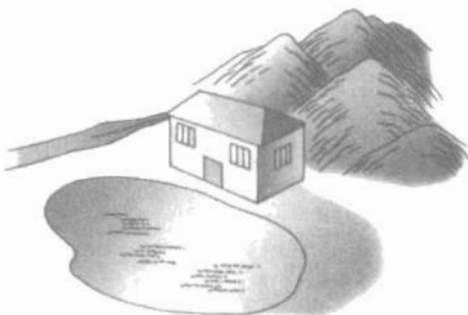
Phía trước nhà có nước, phía sau có đồi núi, người sống ở đây rất hay gặp tai họa, gia đình tan nát.

TÍNH CHẤT CÁT HUNG QUA HÌNH DẠNG CỦA NHÀ Ở VÀ KHU ĐẤT LÀM NHÀ





Phía chính nam của nhà có hồ nước, nên kết hợp với địa thế phía tây bắc có đồi núi, phía đông bắc có đồi thì chủ về phú quý, con cháu được hưởng phúc.



Phía sau nhà có đồi, phía trước có hồ nước, phía tây bắc là sườn đồi (đốc), sống ở đây thì được hưởng phú quý cát tường, con cháu được thăng quan tiến chức.



Cây cối ở phía trước nhà được phân bố ở hai bên, phía tây bắc có núi, phía đông bắc có đồi, sống ở đây thì gia cảnh được sung túc, con cháu vinh hiển.



Hai bên ở phía trước nhà có đồi, phía đông bắc là đường đi kéo dài về phía đông, nếu mở cửa về phía đông nam càng được phú quý, nhưng nếu mở cửa về phía chính tây thì không có lợi.



Phía trước nhà có đồi, phía sau có núi, địa thế phía đông là thoải thoải, nơi này rất thích hợp làm nhà ở.



Phía đông của nhà là con dốc, phía tây là sông, sống ở đây thì cát tường, phúc lộc con cháu hưởng không hết.



Có dòng chảy từ phía tây đổ về phía đông, phía đông có thể nhìn thấy sông, phía sau địa thế tương đối cao, sống ở đây thì con cháu hưng vượng.

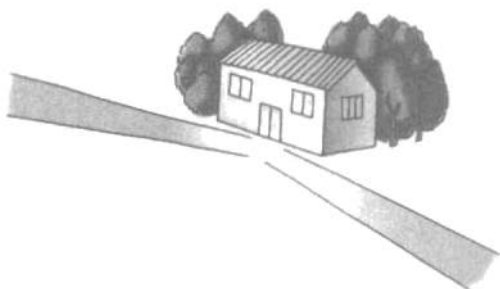


Có dòng chảy từ phía tây nam sang phía đông bắc, sống ở đây có thể được bình an, gia chủ có thể đi bước nữa.





Con đường chạy từ phía nam chiếu thẳng vào cửa, vì vậy phải tránh người đi đường, ngoài ra cũng phải dùng núi đá có khắc năm chữ "Thái Sơn thạch cảm đương" để chắn đường.



Hai con đường từ phía đông và phía tây chiếu thẳng vào trước cửa nhà, người sống ở đây tất sẽ gặp nhiều tai nạn, dù có trăm phương cứu chữa cũng không có tác dụng.



Địa thế phía tây bắc của nhà tương đối cao, phía đông nam có đồi, kiểu địa hình này chủ về phú quý, phát về lộc súc.



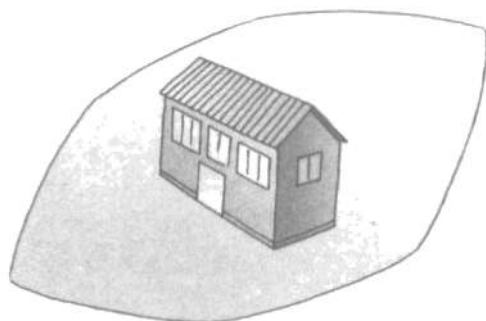
Địa hình phía trước bằng phẳng, phía tây bắc, tây nam, đông bắc và chính bắc đều có đồi cao, kiểu địa hình này chủ về vượng nhân đinh, đông con nhiều cháu.



Phía trước là gò đất cao, phía sau là đồi, phía đông là đường đi, phía tây là dòng chảy, kiểu địa hình này chủ về con cháu đời đời được làm quan lớn.



Phía đông trước nhà có núi cao, phía tây có đồi, lại có lác đá vài nhà ở gần đó, nếu sống ở đây thì con cháu trong nhà tất có người được phong quân hàm.



Phía đông và phía tây rộng, còn hai đầu nam bắc lại nhọn, kiểu địa hình này nếu cả phía trước và phía sau đều không có núi thì người trong nhà sẽ rất bị người ta khinh ghét.



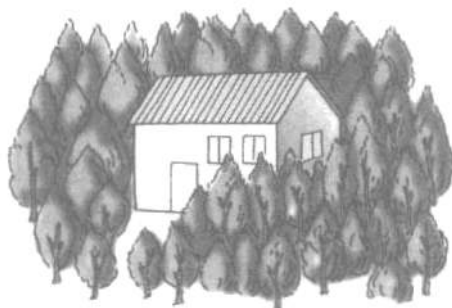
Địa hình mà cả ở giữa lẫn bốn phía đều rất cao, nếu làm nhà ở nơi này sẽ được hưởng phúc, phát về lộc súc, được phú quý, con cháu phần lớn là những người anh hùng.

TÍNH CHẤT CÁT HUNG QUA HÌNH DẠNG CỦA NHÀ Ở VÀ KHU ĐẤT LÀM NHÀ





Phía trước và phía sau nhà đều có mộ và rất nhiều cây cao, nếu sống ở đây thì mọi chuyện đều không được toại nguyện, gia cảnh lụn bại, thường gặp những tai hoạ bất ngờ.



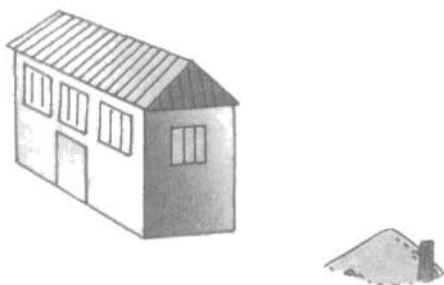
Xung quanh ngôi nhà đều là cây, nơi này không nên làm nhà để ở, nếu không sẽ luôn ở trong tình trạng thiếu lương thực, người trong nhà cũng hay bị hốt hoảng.



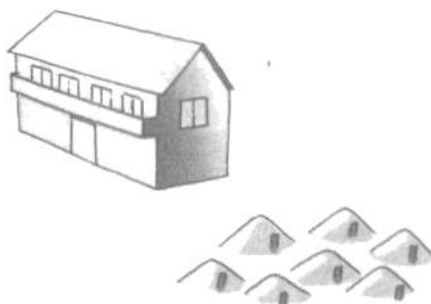
Con đường ở bên phải nhà nối liền với dãy núi ở phía bắc, bên trái có dòng chảy, sống ở đây mà trong nhà không có quan văn thì cũng có quan võ.



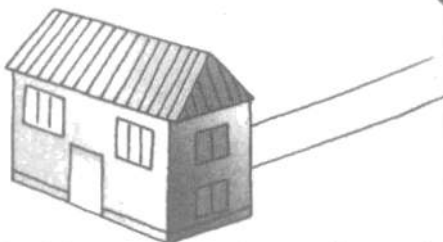
Phía đông có con sông chảy theo hướng nam bắc, phía tây nam và tây bắc lại có con dốc rất lớn, sống trên địa hình này tất sẽ được phú quý.



Phía đông bắc của nhà có một ngôi mộ, nhà ở phải nằm cách ngôi mộ trên 100 bước chân, nếu không người trong nhà rất dễ sinh bệnh.



Phía đông của nhà có bãi tha ma, không nên làm nhà nơi này, vì sống ở đây sẽ không tốt.



Phía bắc của nhà ở có đường quốc lộ chiếu thẳng vào trong nhà, chủ về gặp trộm cướp, mất mát tiền của, nam giới hay đau ốm và liên tiếp gặp tai hoạ, gia cảnh bần hàn, gia đình bất hoà nên thường xuyên cãi vã.

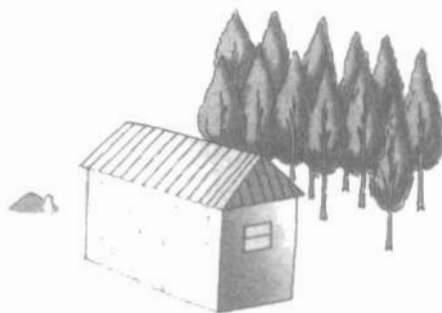


Phía đông và phía tây đều có con đường chạy qua trước cửa, trong trường hợp này không thể chặn đường đi, trong nhà cũng phải có xe cộ qua lại, như vậy con cháu mới được bình an.

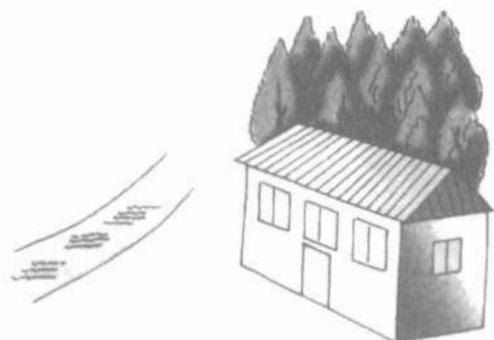




Phía đông và phía tây thấp, phía sau cao, chủ về phụ nữ phải sống cô quả, vất vả, gia đình này nhất định sẽ tan nát.



Phía tây của nhà có mộ, phía bắc có rừng cây, nếu rừng cây và mộ cách nhà chỉ có sáu mươi bước chân thì con cháu phải tìm nơi ở mới hoặc đổi hướng cửa nhà.



Phía tây bắc có rừng cây, chủ về phụ nữ có lối sống dâm dăng, nếu lại có ngôi nhỏ thì chủ về trong nhà có người chết, đồng chấy ở phía tây nam không có lợi cho sức khỏe của người lớn tuổi trong nhà, con cháu bản hàn.



Xung quanh nhà là đền chùa, dù ở hướng nào cũng là điều tối kỵ. Nếu cách nhà chưa đầy 100 bước chân thì sau này nhất định sẽ làm hại đến con cháu.

TÍNH  
CHẤT  
CÁT  
HUNG  
QUA  
HÌNH  
DẠNG  
CỦA  
NHÀ Ở  
VÀ KHU  
ĐẤT LÀM  
NHÀ

Các nhân tố như hình dáng nền nhà, kết cấu, nguyên vật liệu, kiểu dáng và môi trường xung quanh ảnh hưởng rất nhiều đến người sống trong nhà.

Tốt nhất là chọn vùng đất có địa hình là hình chữ nhật, nhưng địa hình lý tưởng nhất vẫn là vùng đất mà chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tuy là hình chữ nhật nhưng nếu chiều dài gấp hơn hai lần chiều rộng trở lên thì đó lại là địa hình xấu. Tốt nhất là mảnh đất kéo dài theo chiều đông - tây, chiều nam - bắc, hoặc chiều đông nam - tây bắc, còn các hình dạng khác là xấu. Địa hình hình vuông, hình tam giác, khuyết góc và hình đa giác đều là những địa hình xấu. Nói chung, ngôi nhà có hình dáng đẹp cần phải vuông vức, thoáng dăng, cân đối và kiên cố. Ngôi nhà xiêu vẹo, kết cấu lỏng lẻo được coi là ngôi nhà xấu. Tuy nhiên, không chỉ phải xem xét trạch hình, mà phải xem xét đến cả sự ảnh hưởng của lý khí lúc bấy giờ thì mới có thể đưa ra phán đoán chính xác.



## 4 DƯƠNG TRẠCH LỤC SỰ

## NỘI LỤC SỰ VÀ NGOẠI LỤC SỰ

*Lục sự chính là những đồ vật cần thiết trong nhà, cần được đặt ở những vị trí thích hợp. Nếu không chú ý đến những điều này sẽ phạm phải hung sát, những vật dụng thường ngày cũng có thể trở thành nguyên nhân dẫn đến tai họa.*

**Dương trạch lục sự**

Lục sự không hoàn toàn chỉ giới hạn trong sáu việc hoặc sáu vật dụng, mà chỉ những thứ cần thiết trong nhà như cửa, đường, bếp, giếng, nhà vệ sinh và cối giã gạo (thời xưa). Lục sự được phân làm nội lục sự và ngoại lục sự. Ngoại lục sự là chỉ núi non, thủy đến, thủy đi, ao hồ, nhà lân cận, cầu đường, tường bao, đền chùa, cây cối... Nội lục sự là chỉ nhà cửa, phòng ngủ, giường, nhà bếp, phòng ăn, phòng khách, phòng đọc, nhà tắm, giếng nước, cầu thang, ban công, hành lang, giếng trời, rãnh nước, hòn giả sơn,... Hiện nay còn bao gồm cả máy điều hoà, nhà xe... Nhưng lục sự mà chúng ta thường nói đến là chỉ nội lục sự.

Trong lục sự, nếu là động thì thuộc Dương, nếu là tĩnh thì thuộc Âm, Dương ở vị trí xấu thì có thể thắng Âm, nếu Âm ở vị trí tốt thì khó có thể thắng được Dương. Vì vậy trong nội lục sự, những thứ thuộc động đều nên ở bên phải, như cửa chính, lối đi trong nhà, cửa phòng, phòng đọc, giường, nhà bếp... Những vật tĩnh ở vị trí xấu cũng không sao. Trong Bát trạch đại du niên, phương cát chính là bốn phương Phục vị, Sinh khí, Thiên y và Diên niên. Phương hung là Tuyệt mệnh, Ngũ quỷ, Lục sát và Hoạ hại. Phán đoán về tình trạng cát hung phái căn cứ vào vị trí cát hung. Huyền không phi tinh dùng trạch vận toạ sơn để bài bố Cửu tinh thành Vận bản, dùng toạ sơn và sao ở các hướng để bài bố thành Thiên bản. Các phương Vương khí, Sinh khí và Tiến khí là cát; còn phương có Suy khí, Sát khí và Tứ khí là hung.

**Dương trạch nội sự**

Dương trạch nội sự cũng như Dương trạch ngoại sự. Nội sự tức chỉ những vật thể, đồ dùng hay sự việc trong nhà có liên quan đến người ở đó.

Thời xưa, nội lục sự chủ yếu chỉ nhà cửa, Minh đường (giếng trời), phòng khách, giường ngủ, nhà bếp, cối xay. Nhà ở thời nay và thời xưa khác biệt rất nhiều, Dương trạch nội sự thời nay và Dương trạch nội sự thời xưa cũng có nhiều thay đổi, vì vậy trong cách luận bản cũng có nhiều khác biệt. Ví dụ, cối xay hiện nay chỉ xuất hiện ở những vùng nông thôn, còn ở thành thị thì rất hiếm thấy. Hay nhà vệ sinh làm bên ngoài nhà cũng ít khi gặp, mà hầu như ở vùng quê mọi người đều chuyển sang dùng bệ xí trong nhà. Hay một số vùng nông thôn vẫn còn giữ lối kiến trúc Tam hợp viện, Tứ hợp viện. Nội sự tuy cũng thay đổi, nhưng về cơ bản vẫn phù hợp với bố cục nội lục sự thời xưa. Phòng khách cũng tùy theo sự thay đổi về tập tục sinh hoạt mà thu nhỏ lại. Dương trạch nội sự sớm đã vượt qua phạm vi lục sự, Dương trạch nội sự thời nay đại thể bao gồm cửa nhà, phòng khách, phòng ngủ, bếp, phòng đọc, thiết bị điện, đồ gia dụng, bệ cá, nhà vệ sinh...



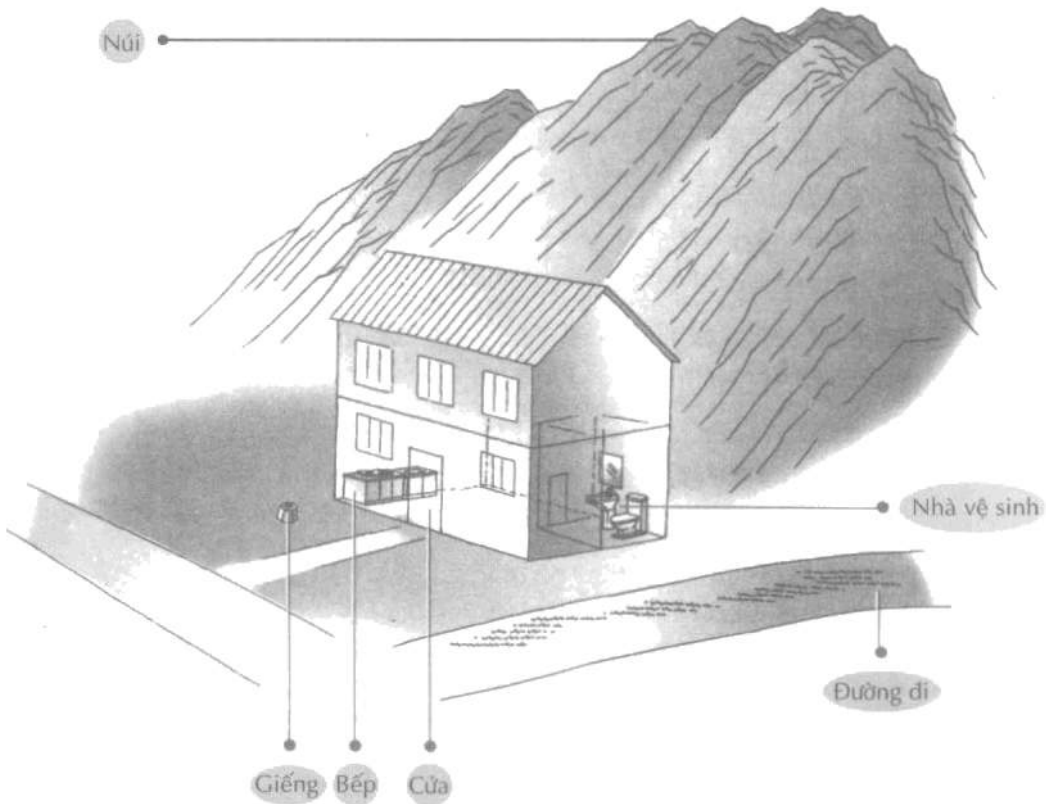


# SƠ ĐỒ LỤC SỰ



## THẾ NÀO LÀ DƯƠNG TRẠCH LỤC SỰ

Dương trạch lục sự là chỉ những đồ vật cần thiết trong nhà ở như cửa, lối đi, bếp, giếng, nhà vệ sinh, cối xay. Ngoài ra còn bao gồm núi non, sông nước, đường xá.



NỘI  
LỤC  
SỰ  
VÀ  
NGOẠI  
LỤC  
SỰ

## NỘI LỤC SỰ VÀ NGOẠI LỤC SỰ

### Nội lục sự

Cửa nhà, phòng ngủ, giường, nhà bếp, phòng ăn, phòng khách, phòng đọc, nhà tắm, giếng nước, cầu thang, ban công, hành lang, giếng trời, rãnh nước, hòn giả sơn.

### Ngoại lục sự

Núi non, thủy đến, thủy đi, ao hồ, nhà lân cận, cầu đường, tường bao, đền chùa, cây cối.



## Dương trạch ngoại sự



Dương trạch ngoại sự chính là những thứ ở bên ngoài chủ thể Dương trạch, tạo nên môi trường hình thể khách quan đối với các nhân tố cát hung của Dương trạch. Loạn đầu là chủ thể, nhưng vẫn phải kết hợp với Lý khí, như vậy mới vẹn toàn.

Huyền không học trong “Luận thuật trạch vận” còn yêu cầu kết hợp nhân tố môi trường với sự vượng suy của phi tinh nguyên vận. Hình thể phù hợp với vượng tướng của phi tinh nguyên vận sẽ được phú quý. Do vậy, môi trường và hình thể là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự cát hung của trạch vận. Bác thầy của thuyết Huyền không học trước đây từng cho rằng, hình thể đẹp hay xấu có thể quyết định tính cách, tướng mạo và phẩm hạnh của con người, còn nguyên vận lý khí của tinh có thể quyết định mức độ thịnh suy trong sự nghiệp của con người.

Trong phong thủy học, Dương trạch ngoại sự được gọi chung là Ngoại lục sự. Trong “Dương trạch tập thành” có viết như sau: “Ngoại lục sự là chỉ những thứ bên ngoài ngôi nhà, như cầu đường, trạm điện... Tuy là lục sự nhưng thực tế không chỉ có vậy mà còn luận hần cả về sinh, vượng, thoái, sát. Phúc họa cát hung thì căn cứ vào Cửu cung Phi tinh, đặc vận và thất vận đều tùy thuộc vào khí Tam nguyên, nếu thần sát cát hung chiếu vào ngay trong thời gian đó thì rất ứng nghiệm”.

Ngoại sự hiện nay không còn dừng lại là lục sự, nhưng cùng với sự phát triển của thuyết phong thủy học, Ngoại lục sự đã trở thành tên gọi chung về môi trường bên ngoài nhà ở. Cách cục nhà ở thời nay so với cách cục nhà ở thời xưa đã thay đổi rất nhiều, như cầu vượt, cột điện cao thế, máy biến áp, đèn giao thông... là những thứ mà thời xưa không hề có. Những vật thể có thể nhìn thấy trong phạm vi gần nhà đều nằm trong phạm vi của Ngoại lục sự.

“Trạch pháp cử ngưng” đã phân loại Ngoại lục sự trong Ngũ hành như sau: Mộc chỉ nhà lán cận, chùa chiền, cột cờ, cầu gỗ, cây cối. Thủy chỉ sông suối, ao hồ. Hoả chỉ tháp nhọn, cổng tam quan, lò, bếp, tháp chuông. Thổ chỉ đường phố, tường, bờ đê. Kim chỉ cây cầu, đập nước, gò đất.” Trên đây là sự phân loại vật thể dựa theo thuộc tính Ngũ hành, qua đó có thể loại suy ra thuộc tính Ngũ hành của vật thể trong kiến trúc hiện nay. Nhưng sự phân loại trên cũng có rất nhiều điểm khác với Ngoại sự mà thuyết Huyền không hiện đại luận bàn, như đường phố vốn thuộc Thổ, nhưng đường phố trong đô thị hiện nay lại được coi là Thủy.

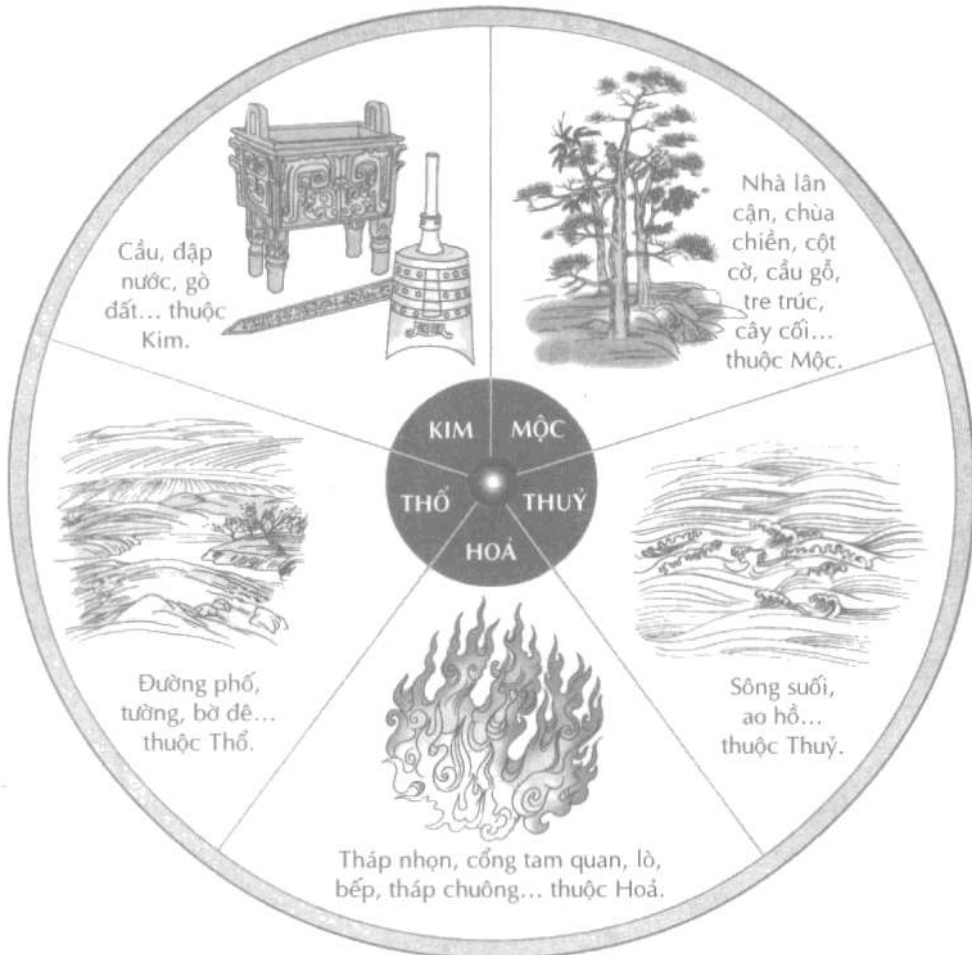
Căn cứ theo sự phân loại Ngũ hành, Dương trạch ngoại sự đôi khi cũng có thể hoán đổi lẫn nhau. Ví dụ, cầu thấp hơn nhà phải coi là Thủy. Theo sự suy diễn của phong thủy học, Ngoại sự có thể phân thành hai loại chính là Sơn và Thủy, nơi có địa hình cao gọi là Sơn, còn nơi có địa hình thấp gọi là Thủy.



# SƠ ĐỒ DƯƠNG TRẠCH NGOẠI SỰ



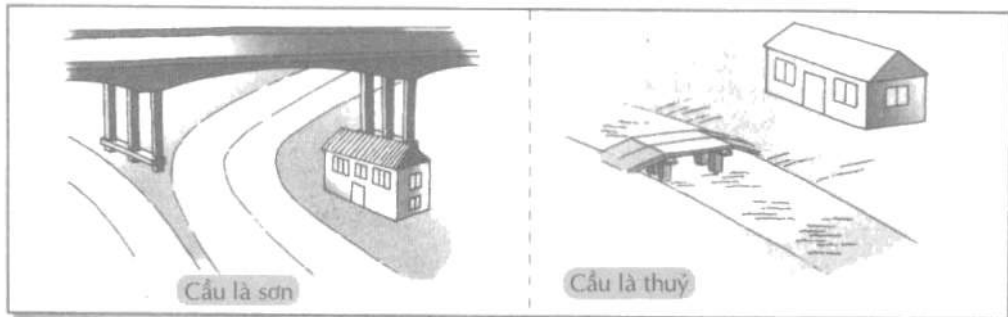
## TÍNH CHẤT NGŨ HÀNH CỦA DƯƠNG TRẠCH NGOẠI SỰ



NỘI LỤC SỰ VÀ NGOẠI LỤC SỰ

## SỰ THAY ĐỔI CỦA NGŨ HÀNH NGOẠI SỰ

Ví dụ như cây cầu, nếu cầu cao hơn nhà thì cầu là sơn, còn nếu cầu thấp hơn nhà thì cầu là thủy, cứ loại suy ra từ đó.



5 PHẠM SÁT

SÁT KHÍ CỦA NHÀ Ở



*Nói chung, tất cả những thứ có hại đến phong thủy nhà ở đều được coi là sát khí. Lý khí, Loạn đầu hoặc Lý khí và Loạn đầu kết hợp lại đều có thể hình thành sát khí của nhà ở.*

**Thế nào là sát khí**

Sát khí là tên gọi chung, thông thường thì những nhân tố bất lợi cho phong thủy nhà ở đều được gọi là sát khí. Trên thực tế sát khí được phân chia làm ba loại: thứ nhất là sát khí thường xuyên có thể nhìn thấy, thậm chí có thể tiếp xúc được, ví dụ như những sát khí có hình dáng không đẹp: góc nhà, dỗi trọc, đường xung, tháp sát, cột điện...

Thứ hai, đó là sát khí của Phi tinh Lý khí, tức là bốn Phi tinh không tốt trong Cửu cung: Nhị Hắc Cư Môn, là sao Bệnh Phù, Ngũ hành thuộc Thổ, chủ về bệnh tật, ôn dịch. Tam Bích Lộc Tôn, Ngũ hành thuộc Mộc, chủ về tranh chấp, cãi co. Ngũ Hoàng Liêm Trinh, Ngũ hành thuộc Thổ, chủ về tai ách. Thất Xích Phá Quân, Ngũ hành thuộc Kim, chủ về trộm cắp, điều tiếng hoặc phá phẫu thuật. Sát khí của bốn loại Phi tinh trên thường xuất hiện khi ở trạng thái thất lệnh. Sự ảnh hưởng của chúng hoàn toàn khác nhau, đều do mối quan hệ sinh khắc chế hoá sau khi kết hợp với các Phi tinh khác gây ra, từ đó có sự thay đổi hoàn toàn mới mẻ. Sự thay đổi này khiến cho cường độ của sát khí ban đầu tăng lên hoặc giảm đi.

Thứ ba, đó là hung sát do sự kết hợp giữa Lý khí và Loạn đầu. Loại hung sát này trên thực tế chính là hung sát đặc biệt do hai loại sát khí trên gây ra. Nói chung, sức ảnh hưởng của loại hung sát này tương đối mạnh. Sát khí này thường xuất hiện tại phương vị của cửa chính và cửa sổ, vì trong căn nhà duy nhất chỉ có hai phương vị này là tương thông với không gian bên ngoài, cũng có nghĩa là chỉ có hai nơi này là nơi tiếp nhận không khí và ánh sáng bên ngoài.

**Sát khí của nhà ở**

Trong phong thủy nhà ở thì sát khí có rất nhiều, nhưng đại thể chỉ có hai loại chính. Một là khí sát, như tai sát, tuế sát, kiếp sát, Ngũ Hoàng sát, Mậu Kỳ Đồ Thiên đại sát... chúng theo khí vận phân bố đến các nơi, đó là khí sát. Một loại khác là sát khí tạo bởi những thứ có hình dáng không đẹp như kiểu nhà, cầu, đường, hồ nước, sông suối, đó là hình sát, và ở đây chúng ta đang nói về loại này. Trong loại này lại được phân làm động sát và tĩnh sát. Như hình dáng ngôi nhà, tường, kích thước cửa,... thuộc tĩnh sát, còn sông suối, đường đi, cầu,... thuộc động sát. Vì phương vị sát của chúng khác nhau nên ảnh hưởng mà chúng mang lại cũng khác nhau. Đây là vấn đề cần lưu ý trước tiên về tướng trạch trong phong thủy, vì vậy chúng tôi sẽ phân tích cụ thể.





# CÁC LOẠI SÁT KHÍ



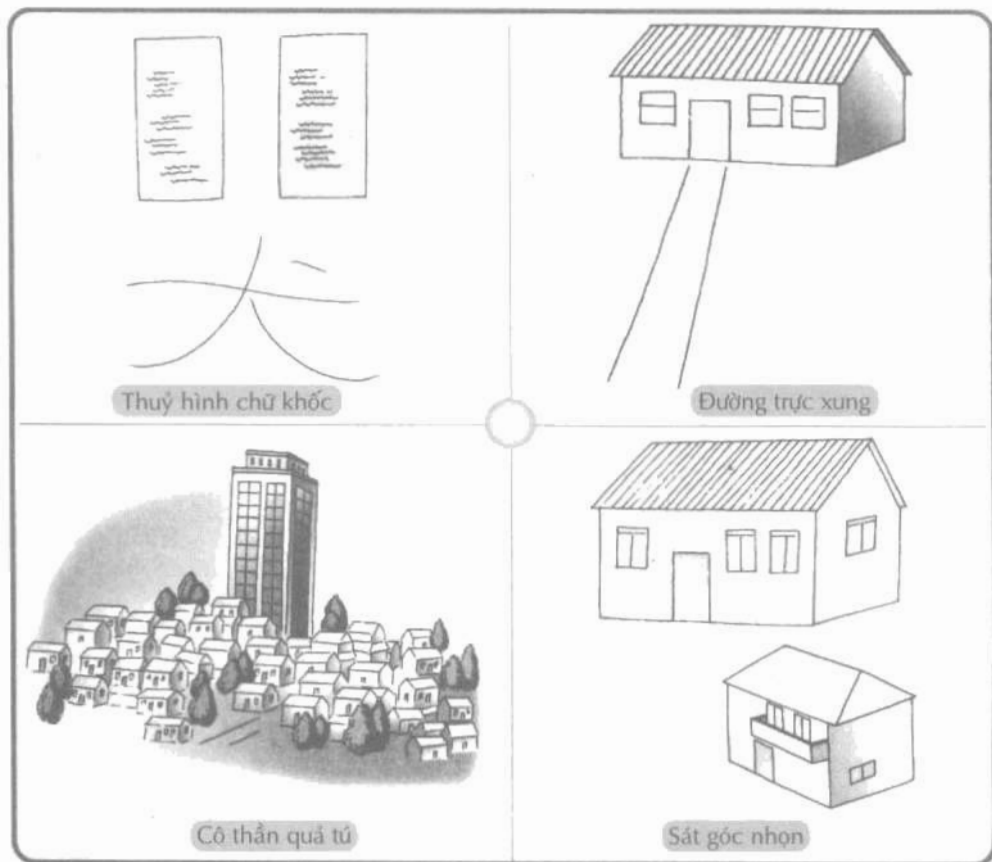
## KHÍ SÁT

Khí sát chuyển vận từ năm vận sáu khí để phân bố ở các nơi, mang lại khí vận xấu. Cửu cung phi tinh có bốn phi tinh mang sát khí xấu, đặc biệt nghiêm trọng nhất là Ngũ Hoàng và Nhị Hắc.



## HÌNH SÁT

Hình sát chính là sát khí tạo bởi những thứ có hình dáng không đẹp như hình dáng nhà cửa, cầu, đường, ao hồ, sông suối... Ví dụ: góc nhà, đối trực, đường xung, tháp sát, cột điện... sẽ mang lại sát khí xấu.



SÁT KHÍ CỦA NHÀ Ở











## SÁT KHÍ CỦA NHÀ Ở

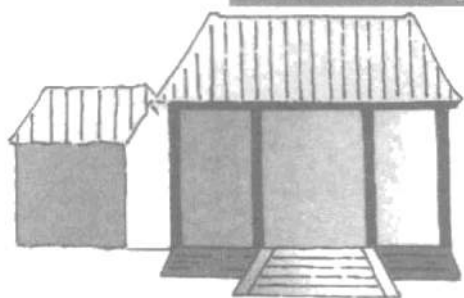
*Nói chung, tất cả những thứ có hại đến phong thủy nhà ở đều được coi là sát. Sát khí của nhà ở có rất nhiều loại, tất cả những vật xung chiếu, xuyên vào, quét vào nhà ở, đều gây nên những ảnh hưởng có hại.*

### Sát khí của nhà ở

Khu đất dựng nhà là cát cục, nhưng nếu nhà cửa bị hư hại, cũng tương tự như một người có đầy đủ mọi bộ phận cơ thể, nhưng lại mắc bệnh ngầm bên trong, tuy bề ngoài có vẻ cao lớn khoẻ mạnh, nhưng các cơ quan nội tạng bên trong lại khô héo bệnh tật, nên thiếu sinh khí, không có sức lực. Cho dù có tìm mọi cách chữa trị cũng khó có thể hồi phục lại trạng thái ban đầu. Vì vậy các kiểu nhà dưới đây đều không cát lợi.

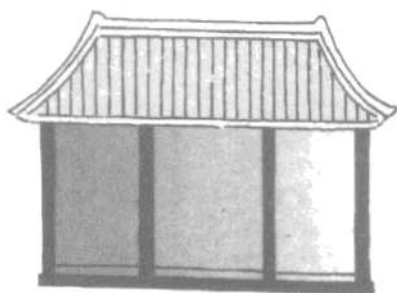
 <p><b>Thiên tỉnh</b> Thiên tỉnh (Giếng trời)</p>	 <p><b>Nhà cô độc</b> Phòng phía bắc</p>
<p>Chủ về phát tài, thông minh, hiển quý, nhưng hay phải suy nghĩ, lại dễ mắc bệnh liên quan đến mắt.</p>	<p>Tại phía tây của nhà chính làm thêm một phòng nhỏ, gọi là "nhà cô độc", chủ về gia sự đại hung.</p>
 <p><b>Nhà đơn nhĩ (một tai)</b> Phòng phía bắc</p>	 <p><b>Nhà lộ tỉnh (sao sương)</b></p>
<p>Ở đầu phía đông của căn nhà phía bắc làm thêm một phòng nhỏ nối liền, gọi là "nhà một tai", chủ về trẻ em trong nhà dễ bị tai họa, không cát lợi.</p>	<p>Ngôi nhà cũ kỹ lâu ngày mục nát xói lở, sương giá nước mưa ngấm vào, chủ về gặp tai nạn, tranh chấp, hoá hoại.</p>
 <p><b>Nhà song nhĩ (hai tai)</b> Phòng phía bắc</p>	 <p><b>Nhà đơn trắc (một bên)</b> Phòng phía bắc</p>
<p>Hai bên phòng chính đều làm thêm một phòng nhỏ, kiểu nhà này gọi là nhà "hai tai", chủ về người trong nhà bị ho, xuất huyết.</p>	<p>Căn phòng xây ngang ở phía đông phòng chính gọi là nhà "đơn trắc", chủ về ngoại tình, tai họa, điều tiếng thị phi, cần phải dỡ bỏ căn phòng phụ này.</p>

Nhà ám toán (hại ngầm)



Ở phía tây của căn phòng phía bắc còn làm thêm một phòng nhỏ gọi là nhà “ám toán”, chủ về trộm cướp, phá tài, thiếu thốn tiền bạc, đại hung.

Nhà sai thì (phơi xác)



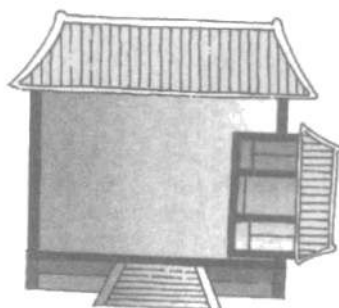
Nhà xây từ lâu nhưng vẫn chưa xây xong, gọi là nhà “phơi xác”, chủ về nhiều bệnh tật, phải chọn ngày lành để nhanh chóng hoàn thiện.



Tái sập tiêu vĩ (lại cấn đuôi chấy)

Làm thêm phòng ở phía trước của ngôi nhà cũ gọi là nhà “tái sập tiêu vĩ”, chủ về xảy ra những chuyện không hay, cần phải dỡ bỏ.

Nhà chữ Đinh



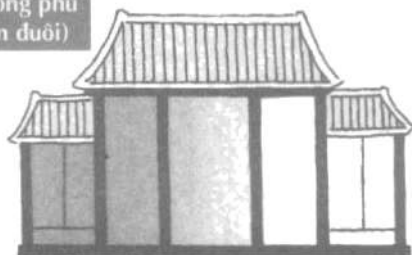
Phía đông của nhà lại làm thêm căn phòng nối liền gọi là nhà chữ Đinh, trạch hình này chủ về kiện tụng, sinh bệnh, gặp hoả hoạn, không tốt.



Nhà lộ cốt (lộ xương)

Khi làm nhà, không cất bỏ các đầu kèo bằng gỗ ở mái hiên, khiến chúng thò ra ngoài, gọi là nhà “lộ cốt”, chủ về phá tài, ốm liệt giường, phải cất bỏ đi.

Nhà Thanh long phi đầu sập vĩ (thanh long phủ đầu cấn đuôi)



Đầu phía nam của phía đông nhà chính làm thêm một phòng nhỏ gọi là “Thanh long phi đầu”, đầu phía bắc cũng làm thêm một phòng nhỏ gọi là “Thanh long sập vĩ”, chủ về hại đến trường nam, đại hung, phải dỡ bỏ các phòng nhỏ này.



**Nhà Huyền vũ phi đầu sáp vĩ  
(Huyền vũ trùm đầu cắm đuôi)**



Phía đông của nhà chính nối tiếp với một phòng nhỏ gọi là “Huyền vũ phi đầu”, phía tây cũng làm thêm một phòng nhỏ gọi là “Huyền vũ sáp vĩ”, chủ về tai nạn, tổn thương nhân khẩu, không tốt, cần dỡ phòng nhỏ ngay.

**Nhà cô Dương**



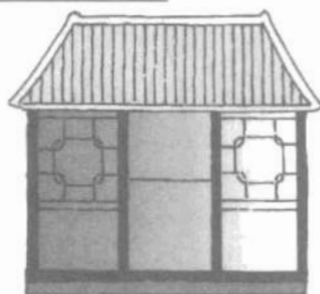
Khi xây nhà, chỉ xây phòng phía bắc gọi là nhà “cô Dương”, chủ về nam vượng nữ suy, trẻ nhỏ dễ gặp tai họa, phải xây thêm phòng mới ổn.

**Nhà Bạch hổ phi đầu bần biên khốc  
(Bạch hổ phủ đầu khốc một bên)**



Phía nam của phòng phía tây xây một phòng nhỏ gọi là “Bạch hổ phi đầu”, tại phía bắc cũng làm thêm một phòng nhỏ gọi là “Bạch hổ bần biên khốc”, chủ về phụ nữ và trẻ nhỏ dễ sinh bệnh, phải dỡ bỏ đi ngay.

**Nhà lộ trữu (lộ khuỵu)**



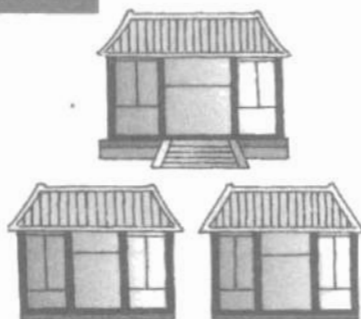
Bốn góc của nhà vuông vức ngay ngắn gọi là nhà “lộ trữu”, nếu nhà này vẫn chưa xây xong thì chủ về tai họa, kiện tụng.

**Nhà Chu tước phi đầu sáp vĩ  
(Chu tước phủ đầu cắm đuôi)**



Đầu phía đông của phòng phía nam phòng làm thêm một phòng nhỏ gọi là “Chu tước phi đầu”, đầu phía tây cũng làm thêm một phòng nhỏ gọi là “Chu tước sáp vĩ”, chủ về phụ nữ và trẻ nhỏ gặp tai họa, phải dỡ bỏ đi ngay.

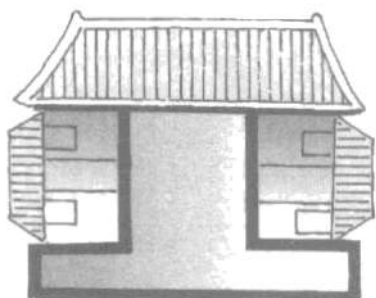
**Nhà chữ Thủy**



Ở hai bên phía trước phòng chính dựng hai căn phòng nhỏ gọi là nhà chữ Thủy, chủ về người nhà bị ngộ độc, phụ nữ gặp tai họa, phải xây thêm phòng.



Nhà chữ Thổ



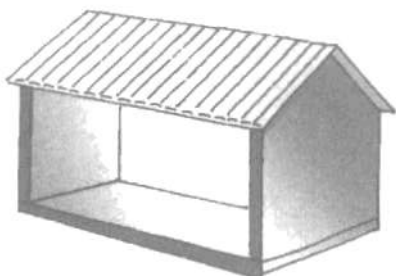
Ngoài phòng chính còn làm thêm hai phòng ở phía đông và phía tây, mái làm liền với nhau, kiểu nhà này gọi là nhà chữ Thổ, chủ về phụ nữ và trẻ nhỏ gặp tai họa, đại hung, phải dỡ bỏ mái ở giữa đi thì mới được bình an.

Nhà trùng âm



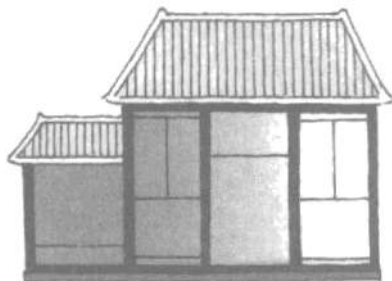
Nhà chỉ có phòng phía nam hoặc phòng phía tây mà không có phòng phía bắc, phía đông được gọi là nhà "trùng âm", chủ về nam đình không vượng, gặp nhiều tai ách, bệnh tật triển miên, phải làm thêm phòng mới ổn.

Nhà than hoán (ung thư)



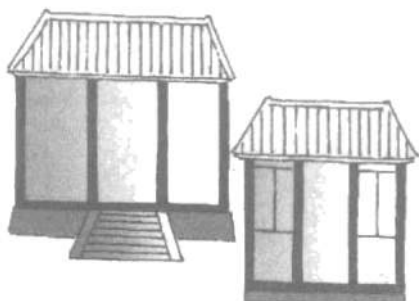
Khi dỡ nhà chỉ dỡ bỏ một nửa gọi là "nhà than hoán", chủ về kiện tụng, điều tiếng, không tốt.

Nhà Bạch hổ bạo biên khốc  
(Bạch hổ khốc một bên)



Đầu phía Bắc của Tây phòng làm thêm một phòng nhỏ gọi là nhà "Bạch hổ bạo biên khốc", chủ về phụ nữ đoán mệnh, trong nhà có tang.

Nhà thuần Dương



Nhà chỉ có phòng phía bắc và phòng phía đông gọi là nhà "thuần Dương", chủ về phụ nữ và trẻ nhỏ gặp tai ách, bệnh tật, phải nhanh chóng làm thêm phòng mới ổn.

Nhà Thanh long cử kỳ đầu  
(nhà Thanh long ngắt đầu)

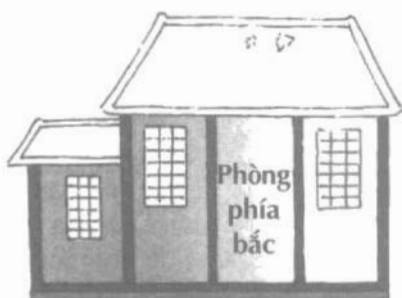


Đầu phía nam của phòng phía đông làm thêm một phòng nhỏ gọi là "Thanh long cử kỳ đầu", chủ về gia tài hao hụt, nam nữ bị hại, đại hung.



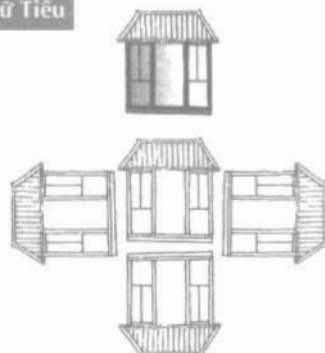


**Huyền vũ sáp vĩ (Huyền vũ cắm đuôi)**



Phía tây của căn phòng phía bắc làm thêm một phòng nhỏ gọi là "Huyền vũ sáp vĩ", chủ về có trộm cướp, thiệt hại về lục súc, không tốt.

**Nhà chữ Tiếu**



Phía trước nhà chính lại xây thêm một phòng chính chắn ngang gọi là nhà chữ Tiếu, chủ về người nhà hay phải thuốc thang, có tai họa, không tốt.

**Chu tước thủy xỉ (Chu tước rú cánh)**



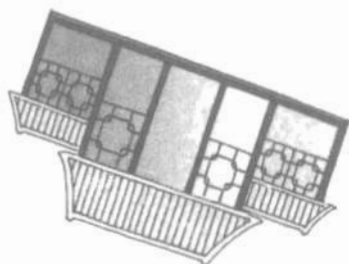
Hai bên của căn phòng phía nam đều làm thêm phòng nhỏ gọi là "Chu tước thủy xỉ", chủ về người nhà gặp tai họa khó lường.

**Nhà tiêu vĩ (cháy đuôi)**



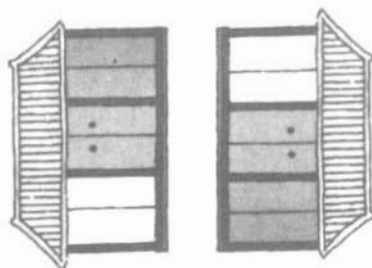
Khi tu sửa nhà, dùng rui mới để nối với phòng phía trước và phía sau gọi là nhà "tiêu vĩ", chủ về tổn thương nhân đinh, có tai nạn đổ máu, gặp hoá hoạn, kiện tụng.

**Nhà Đẳng xà cử khởi đầu (Đẳng xà ngang đầu)**



Tại góc đông bắc của nhà làm thêm một phòng nhỏ gọi là "Đẳng xà cử khởi đầu", chủ về nhân đinh suy bại.

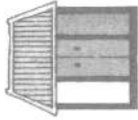
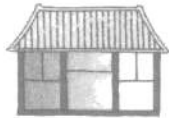
**Nhà chữ Công**



Ở giữa hai phòng nam bắc làm thêm một căn phòng hướng đông tây gọi là nhà chữ Công, không tốt cho phụ nữ và trẻ nhỏ trong nhà.

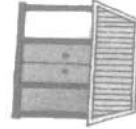


**Nhà hữu hữu vô tả (có trái không phải)**

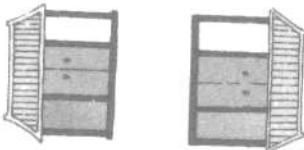


Trạch hình trên gọi là “Bách hổ đầu”, chủ về người sống ở phòng nhỏ luôn phải lo về vấn đề ăn mặc, các bé trai trở thành cô nhi.

**Nhà hữu tả vô hữu (có phải không trái)**



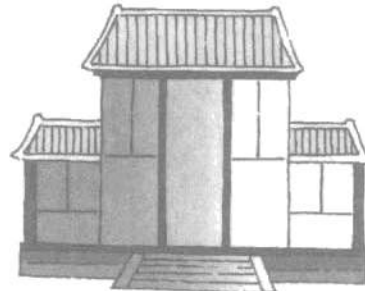
Trạch hình trên gọi là “Thanh long đầu”, chủ về người sống ở phòng chính luôn phải lo về vấn đề ăn mặc, người đi xa dễ phải bỏ mạng ở xứ người.



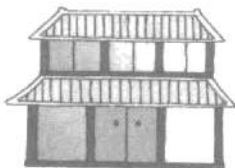
**Nhà tả hữu tích xạ (sống nhà phải trái chiếu vào)**

Sống nhà của căn phòng phía trước xung thẳng đến trước nhà, trưởng nam sinh sống trong nhà đó sẽ thiệt mạng. Nếu trước mặt có hai căn nhà cùng xung chiếu, cho dù có gia tài kếp xù cũng tán bại sạch không.

**Nhà giang thi (gánh xác chết)**



Phòng chính ở giữa cao lớn, còn phòng ở hai bên thấp nhỏ gọi là nhà “giang thi”, chủ về người trong nhà phải bỏ mạng ở xứ người, hung thần Thái tuế hung thần xuyên chiếu vào.



**Can thủy lâm đầu hung (nước can đến đầu)**

Tại phương vị thiên can có dòng nước thì mọi việc đều xấu, dễ trở thành cô nhi quả phụ, khắc vợ con, hại trưởng nam, gặp nhiều tai họa.

**Mai nhi sát (sát chôn con)**



Bốn phía đều có phòng, phòng chính bị kẹt ở giữa gọi là “mai nhi sát”, chủ về khó sinh, bệnh dịch, dễ mắc bệnh liên quan đến mắt.





## SÁT KHÍ TỪ CÂY CỐI XUNG QUANH NHÀ Ở

***Thu sát chính là sát khí được tạo nên bởi chủng loại hoặc hình dáng của cây cối xung quanh đối với nhà ở.***

Lý luận phong thủy về cây cối như sau: “Xóm làng có cây cối giống như người mặc quần áo, mưa thớt thì lạnh, rậm rạp thì nóng, vì vậy Âm Dương phải giao hoà.” Bên trong, bên ngoài, xung quanh nhà ở và sân vườn nên trồng cây gì, trong các tài liệu phong thủy có luận bàn rất nhiều về vấn đề này: “Phía đông trồng cây đào, cây liễu; Phía tây trồng cây du; Phía nam trồng cây mai, cây táo; Phía bắc trồng cây hạnh.” Hay: “Cửa trong có cây hòe, phú quý đến ba đời; Sau nhà có cây du, ma quý không dám gần.” “Phía đông có cây hạnh thì hung, phía bắc có cây mạn, phía tây có cây đào thì tất sẽ sinh chuyện tà dâm”.

Cây trồng ở khu vực gần nhà giống như bộ lông trên cơ thể động vật, có ý nghĩa rất quan trọng. Nếu cục thể của nhà ở tản mạn, không có cây cối che chắn thì cũng giống như động vật không có lông, không có khả năng chống chọi với khí lạnh. Vì vậy đối với nhà ở, nếu cây cối xung quanh tươi tốt thì sẽ được hưng vượng, còn nếu cây cối không tươi tốt, hoặc do giống cây, vị trí trồng cây ảnh hưởng xấu đến nhà ở thì nhà này sẽ có vấn đề.

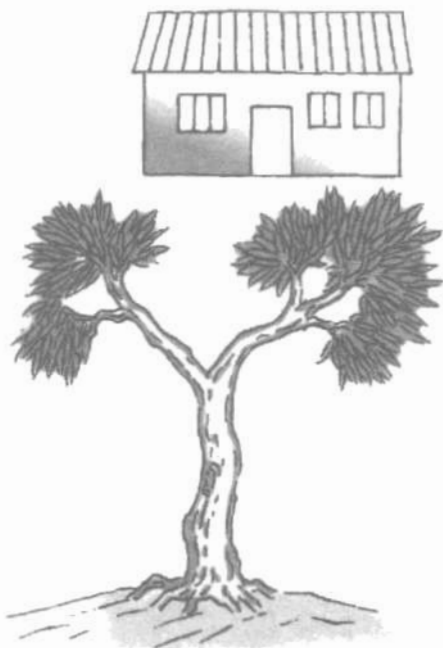
Trong sách phong thủy thời xưa có viết: “Trước cửa không có gì che chắn, sau nhà nên trồng cây xanh, bốn mùa cây cối tốt tươi, cuộc sống sẽ luôn được bình an.” Chỉ cần cây cối xung quanh nhà tươi tốt thì Sinh khí của nhà ở sẽ vượng, bảo vệ được mạch đất, khiến cho cục thể của nhà ở trở thành cục thể phú quý. Phía đông của nhà nên trồng cây đào, cây dương; Phía nam nên trồng cây mai, cây táo; Phía tây nên trồng cây dành dành, cây du; Phía bắc nên trồng cây mạn, cây hạnh, tất cả những cây này đều mang lại nhiều lợi ích. Nếu phía đông của nhà ở có cây hạnh, phía tây có cây đào, phía bắc có cây táo, phía nam có cây mạn thì những cây đó được coi là cây “sinh chuyện dâm tà”, ảnh hưởng đến trạch hình và trạch khí, từ đó mang lại những điều bất lợi cho gia đình.



## THỤ SÁT

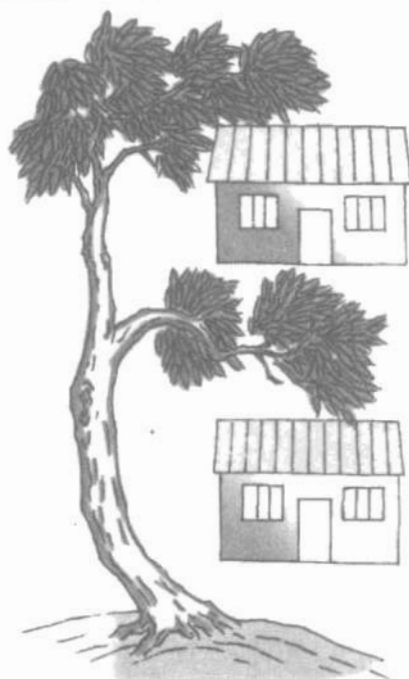


Cây trồng ở khu vực gần nhà giống như bộ lông trên cơ thể động vật, có ý nghĩa rất vô cùng quan trọng. Nếu cây cối quanh nhà tươi tốt thì nhà đó sẽ được hưng vượng, còn nếu cây cối không tươi tốt, hoặc do giống cây, vị trí trồng cây ảnh hưởng xấu đến nhà ở thì ngôi nhà đó sẽ có vấn đề.



### Cây phân chạc

Cây phân thành hai chạc mọc hướng lên cao, chủ về liên tục gặp chuyện rắc rối kiện tụng gây lo lắng bất an.



### Cây nóc nhà

Nếu ngôi nhà này nằm dưới gốc cây cổ thụ thì chủ về có người phải sống cô quả, trong nhà có người phải đi hành khất, bệnh dịch hoành hành.

SÁT KHÍ  
TỪ CÂY  
CỐI  
XUNG  
QUANH  
NHÀ Ở





**Thân cây sùng phù**

Cây này mọc trước cửa nhà, chi thứ có người bị câm, bị què, cô độc, gặp hoá nạn.



**Thân cây bị dây leo quấn quanh**

Cây bị dây leo quấn chặt vào thân, hay kiện tụng, tranh chấp, trộm cướp liên miên.



**Cây đội nón**

Cây mọc trơ trọi, hình dáng như đội nón, chủ về thị lực kém, hay tranh chấp.



**Cây mắt lờ**

Thân cây có nhiều mắt nham nhỡ với những hình thù kỳ quái, người nhà bị viêm vú, loét mắt, bệnh trĩ.



**Cây sống đôi**

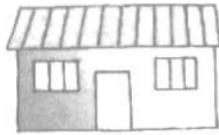
Trước cửa có hai cây mọc song song với nhau, chủ về hai họ sống chung, nhà giàu có lấy hai đời vợ, cô quả, đau buồn, súc vật ốm yếu.



**Cây ngã rạp trước giếng**

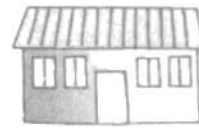
Hàng cây ngã rạp trước giếng ngay trước cửa nhà, bầu không khí trong nhà luôn nặng nề.





**Cây bị dây leo cuốn chặt**

Trong nhà có người thất cổ tứ tử, phụ nữ hay tranh cãi với hàng xóm.



**Thân cây sừng hổ**

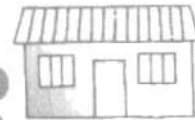


Thân cây sừng hổ, có hình thù kỳ quái, trong nhà có người câm điếc, mắc bệnh lao, phụ nữ đưa quỷ quái vào nhà, gặp lắm chuyện kinh hoàng.



**Cây hương ngoại**

Cây mọc đưa ra ngoài, phải sống xa nhà, trong nhà có người bị còng lưng, ốm đau triền miên, chết đường chết chợ.



**Cây mọc gần chùa**



Cây mọc song song với chùa miếu, chết yếu, kiện tụng, ôn dịch hoả hoạn thường xuyên diễn ra, gặp Thái tuế càng nghiêm trọng.



**Cây đổ rạp**

Cây, tre đổ rạp xuống bên mé nước, trong nhà có trẻ nhỏ chết đuối, bệnh dịch hoành hành.



**Cây sừng gù**

Cây hình thù kỳ quái, phần đầu phần thân đều sừng hổ, chủ về bệnh tật triền miên, gia súc gia cầm tác quái, gặp gian tà, nội loạn, trẻ nhỏ bất an.

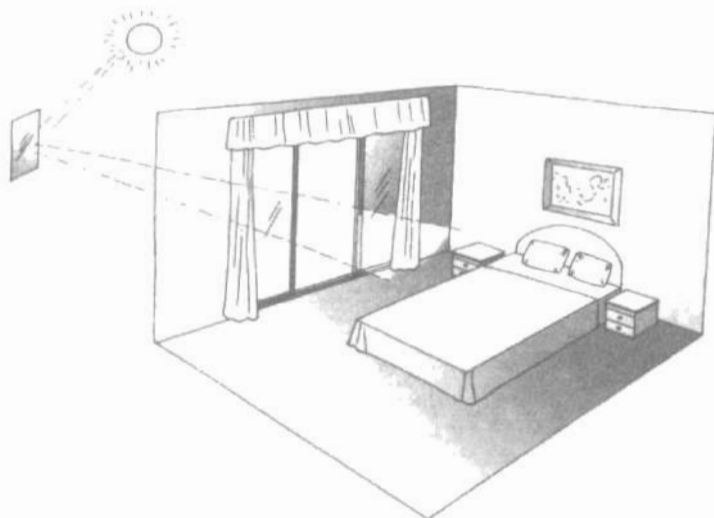
SÁT KHÍ  
TỪ CÂY  
CỐI  
XUNG  
QUANH  
NHÀ Ở



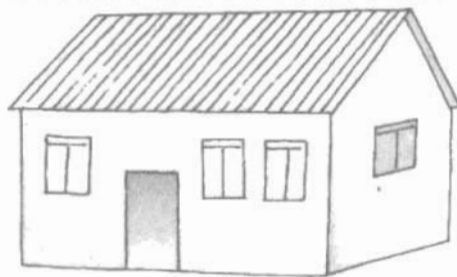


## CÁC LOẠI HÌNH SẮT

*Sắt khí của nhà ở có rất nhiều, chủ yếu là sắt khí do hình thế mang lại, những sắt khí này thường ảnh hưởng xấu đến nhà ở, nhẹ thì bệnh tật triền miên, nặng thì gây tai nạn đổ máu. Vì vậy khi lựa chọn nhà ở phải hết sức tránh thế xung sắt.*

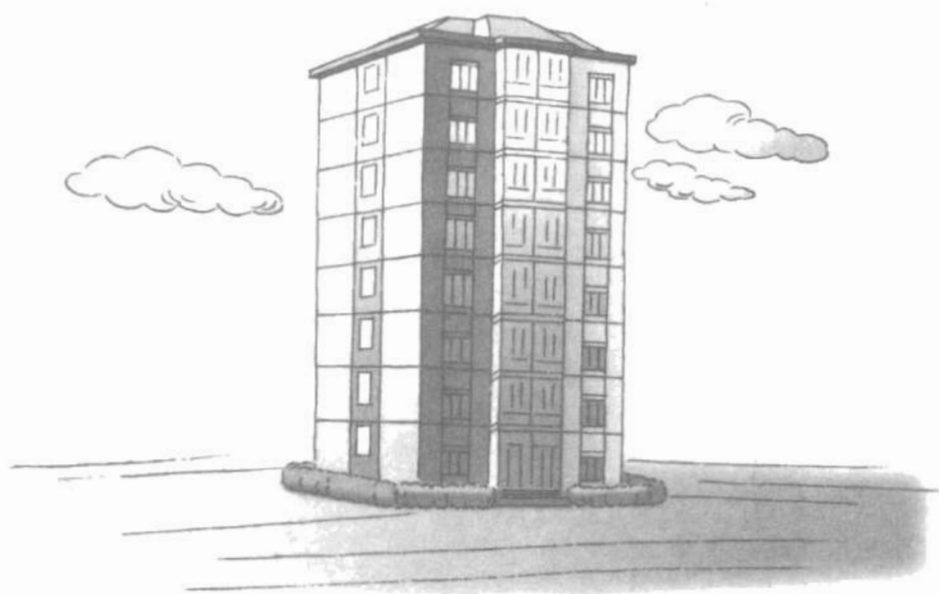


**Phản quang sắt:** Khi ánh mặt trời chiếu xuống mặt nước, gương, kính,... thì ánh sáng sẽ phản chiếu vào trong nhà, đặc biệt là trong phòng ngủ, sẽ khiến tinh thần mất tập trung, phản ứng chậm chạp. Lâu ngày có thể sẽ bị thương do va đập hoặc tai nạn đổ máu.



**Liêm đao sắt (sắt lưỡi liềm):** Nếu nhà ở trong miền núi thì do đá tạo thành, còn ở trong thành phố thì do cầu vượt tạo thành, trông giống như hình cái liềm. Ở vùng đồng bằng thì do con đường được thiết kế quay lưng về phía nhà tạo thành. Thế này có khả năng gây tai nạn đổ máu.





**Cô phong sắt (sắt trụ trọi):** Một toà nhà cao tầng đứng trụ trọi, xung quanh không có khảo sơn (núi tựa). Nếu phạm phải thể này thì chủ về không có bạn bè làm chốn nương tựa, con cái ngỗ ngược hoặc sống xa nhà.



**Bạch hổ sắt:** Phía bên phải của toà nhà có công trình đang xây dựng hoặc dỡ bỏ, vì bên phải là hướng Bạch hổ, cho nên đã phạm phải thể Bạch hổ sắt, nhẹ thì bệnh tật, phá sản, nặng thì đe dọa đến tính mạng.





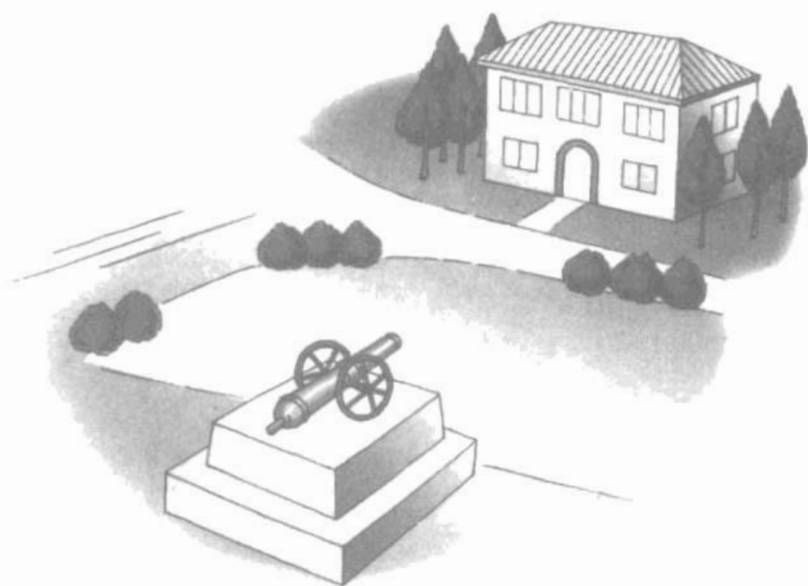
**Thiên trảm sát (sát đao trời):** Đứng từ trong nhà nhìn ra ngoài, phía trước có hai toà nhà cao tầng ở rất gần, ở giữa là một khoảng không rất hẹp, trông giống như đao trời chặt thành hai phần, chủ về bệnh tật hoặc tai nạn đổ máu.



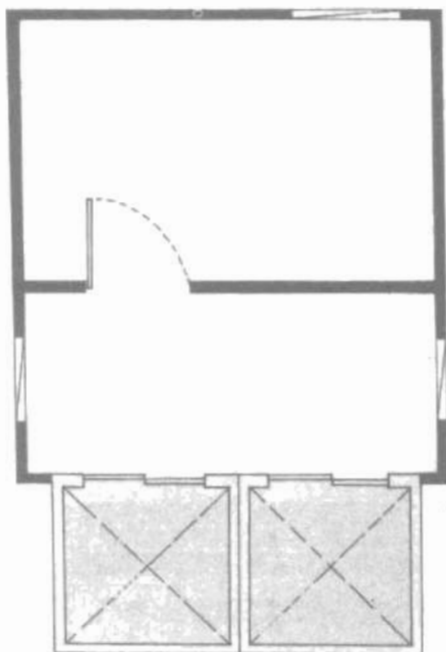
Bên dưới  
có đường  
đi

**Xuyên tâm sát (sát xuyên tim):** Nhà xây trên các loại đường hầm. Nếu là nhà cao tầng thì chỉ ảnh hưởng đến hai tầng bên dưới. Nhẹ thì phá sản, bệnh tật, nặng thì dễ gây tai nạn đổ máu.



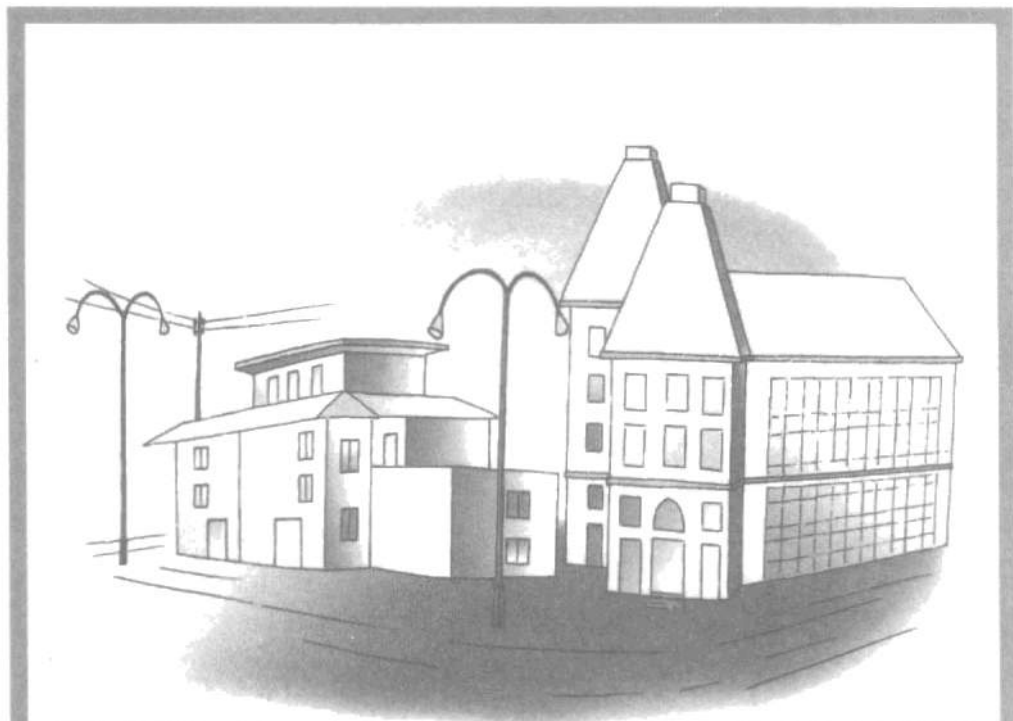


**Pháo đài sắt:** Xung quanh nhà đều có pháo đài, hoặc có làm pháo đài giả để trấn sát, tất cả những nhà đối diện với nơi có nòng pháo thật hoặc nòng pháo giả đều phạm vào thể sát này, nó khiến người ta luôn cảm thấy bức tức trong người, vì của cải mà mất tình nghĩa.

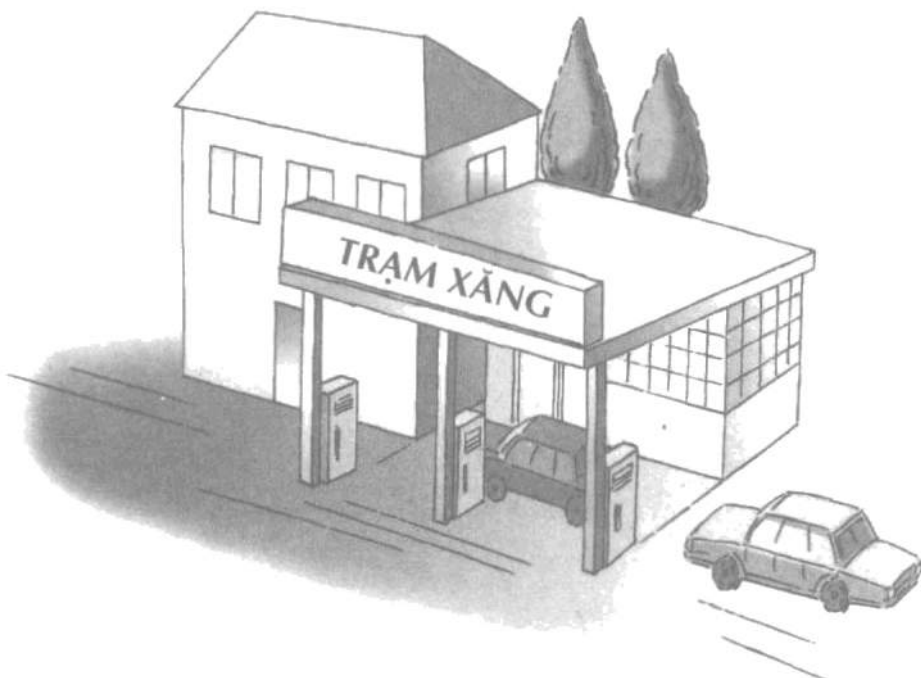


**Khai khẩu sắt (sắt mở miệng):** Cửa cầu thang máy đối diện thẳng với cửa chính, trông giống như cạp há miệng định nuốt chửng ai đó, chủ về bệnh tật, phá tài, điều tiếng. Thuyết Huyền không phi tinh thì cho rằng, cửa cầu thang điện đối diện thẳng với cửa chính nhà mình, nếu là vận "tử, tuyệt, hưu, tù" thì chủ về phá tài, tổn thương nhân đinh, tai nạn đổ máu. Nếu là phương sinh vượng thì đại cát, được thăng quan tiến chức, mọi việc đều thuận lợi.



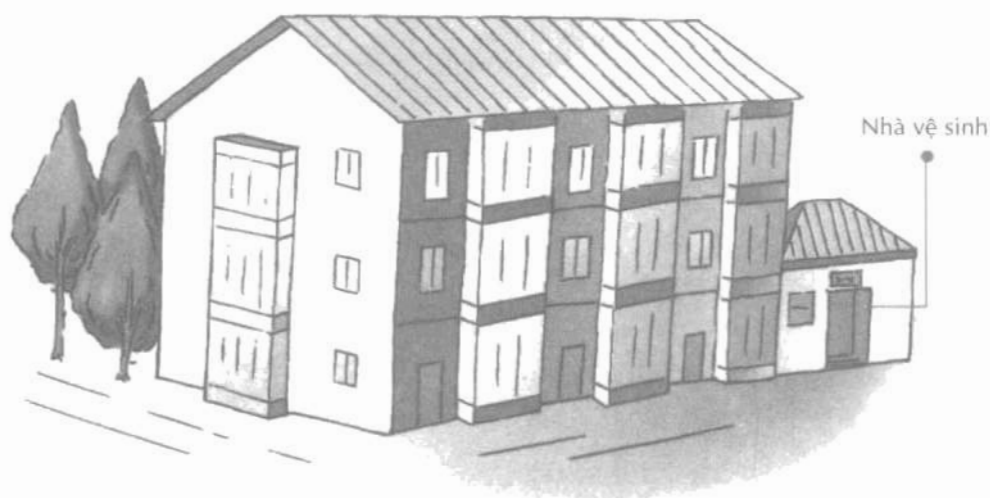


**Xung sát:** Xung quanh có cột điện, cột đèn, nóc nhà, góc nhọn xung chiếu, chủ về bệnh tật, không tốt cho sức khỏe.

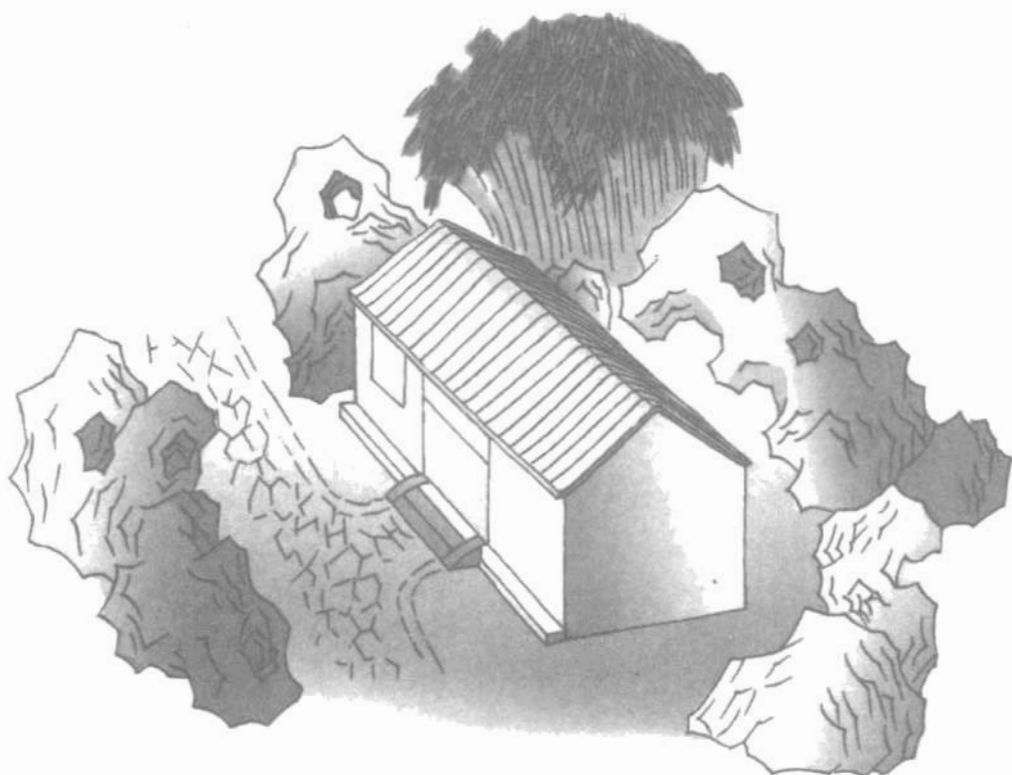


**Cô Dương sát:** Nhà ở gần sở điện, trạm xăng, phân xưởng nổi hơi... chủ về tính tình nóng nảy, dễ gây điều tiếng thị phi.



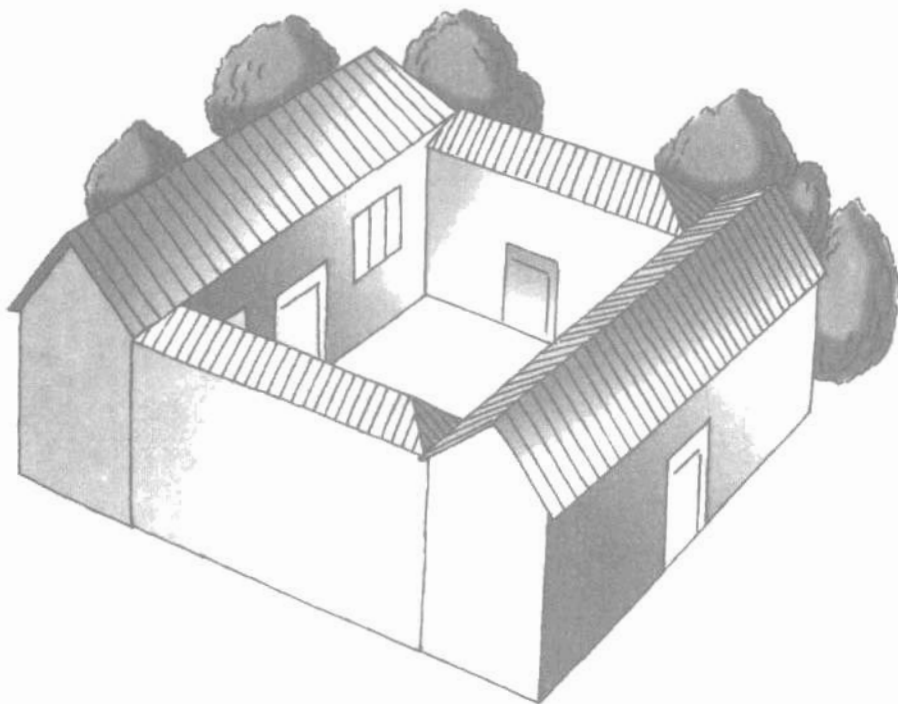


**Cô Âm sát:** Nhà ở gần nhà vệ sinh, nơi tập kết rác thải, ao tù... chủ về bệnh tật, thoái tài.

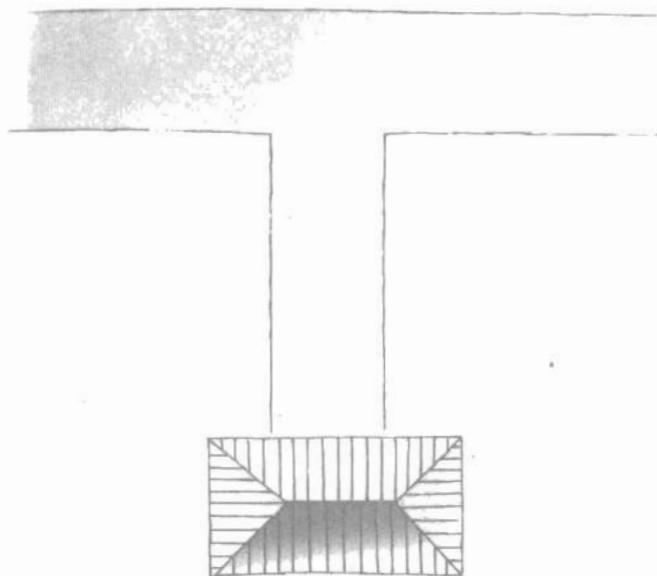


**Tiêm xạ sát (sát mũi nhọn):** Xung quanh nhà có các vật nhọn chìa thẳng vào nhà, như ở miền núi thì có các mũi đá nhọn, ở thành phố thì có góc nhà, hòn non bộ, nhẹ thì chủ về gia đình không được yên ổn, bệnh tật triển miên, nặng thì chủ về có tai nạn đổ máu.





**Quan sát (sát quan tài):** Nhà ở có thể ảnh hưởng tới tâm lý, nếu khoảng sân trong nổi nhà nọ với nhà kia có hình chữ nhật thì đó là thế Quan sát, đại hung.

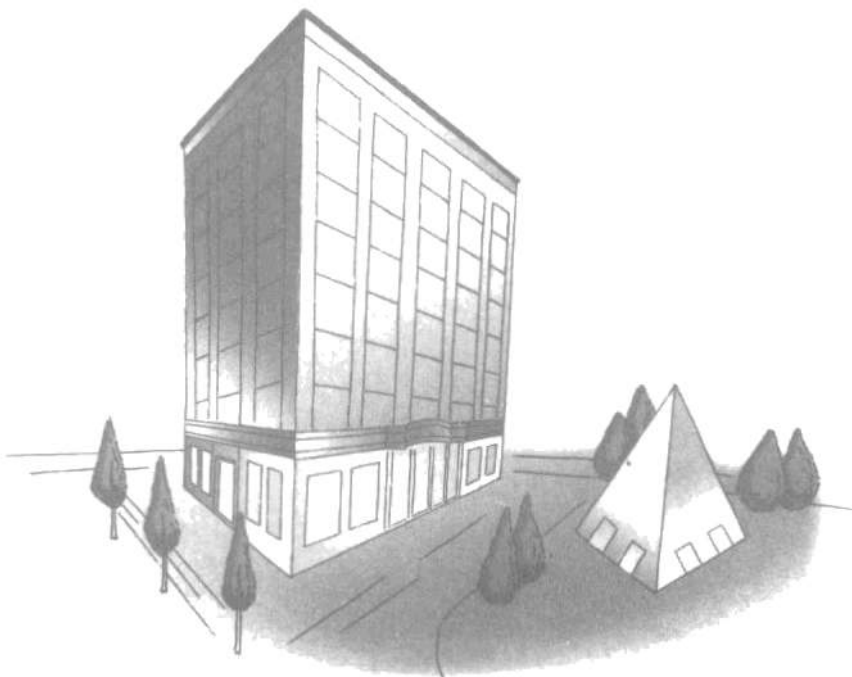


**Phong sát (sát gió):** Nhà ở cuối ngõ cụt hoặc ở cuối con đường hình chữ Đinh (丁), ở lâu tính tình sẽ trở nên hung dữ, luôn lo lắng, gặp nhiều rủi ro, kiện tụng, sự nghiệp không mấy thuận lợi.





**Hàn sắt (sắt lạnh):** Tại các thành phố lớn hiện nay xuất hiện rất nhiều các khu chung cư cao tầng, để đảm bảo mẫu thiết kế luôn mới mẻ, một phía của công trình thường được thiết kế lõm vào trong để tăng cảm giác về không gian ba chiều. Nếu sống ở nơi được thiết kế lõm vào này sẽ phạm phải thể Hàn sắt, chủ về bệnh phong thấp.



**Kiểm phong sát (sát mũi kiếm):** Ngôi nhà của mình hoặc công trình gần đó nhìn giống hình tam giác nhọn, đó chính là thể Kiểm phong sát, chủ về đại hung, có khả năng xảy ra tai nạn đổ máu.

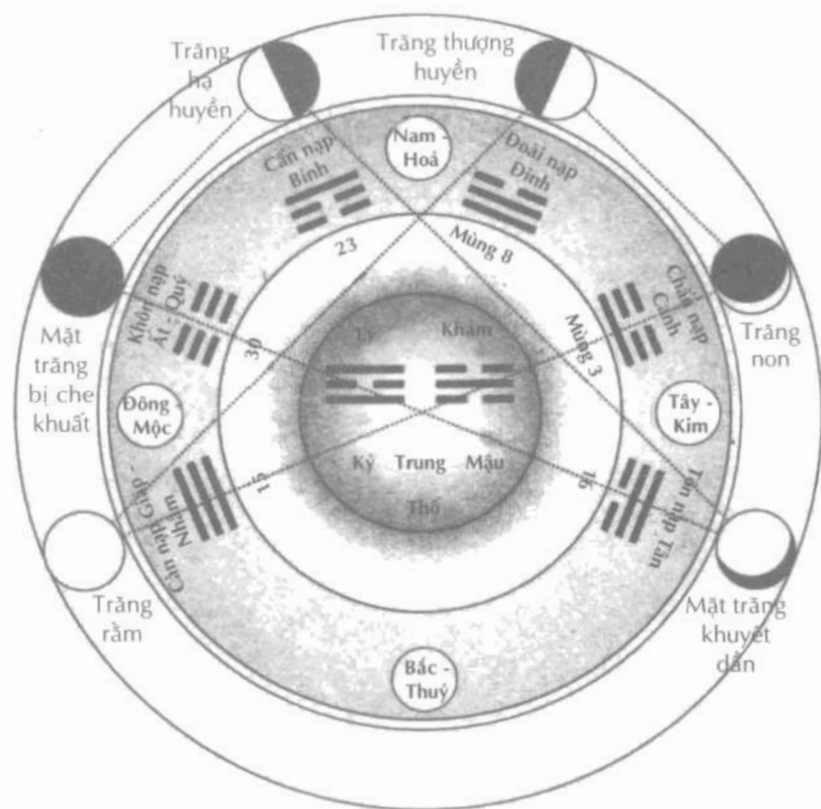


# Chương 5

## PHONG THỦY THỰC HÀNH (1)

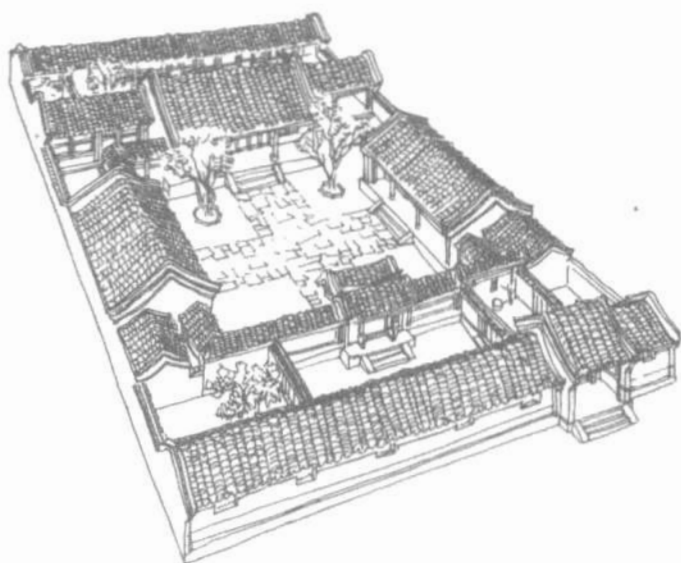
### PHÁI HÌNH THỂ VÀ PHÁI LOAN ĐẦU

Phái Hình thể là một trong hai trường phái phong thủy lớn hình thành từ thời Đường - Tống và được lưu truyền cho đến ngày nay, phái này chú trọng đến hình thể, loan thể, long, huyệt, sa, thủy và định hướng, phạm vi hoạt động chủ yếu là ở vùng Giang Tây.





Sơn thủy Loan đầu.....	209
Tứ linh sơn quyết và phong thủy.....	211
Hình thế và phân loại sơn long.....	213
Các loại hình thế núi.....	215
Các loại hình thế nước.....	217
Giải thích ý nghĩa của Thủy thành.....	219
Minh đường nơi sinh khí tích tụ.....	221



## 1 TÌM HIỂU VỀ PHÁI LOAN ĐẦU

### KHÁI NIỆM LOAN ĐẦU

*Loan đầu là một khái niệm quan trọng của phái Hình thế, đó chính là sơn (núi) và thủy (nước) mà chúng ta có thể quan sát trực tiếp trong hiện thực. Sơn ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, còn thủy ảnh hưởng đến tài lộc của con người.*

#### Thế nào là Loan đầu

Loan đầu chính là sự phân tích về những sự vật hữu hình như sông núi nước non, hay những công trình kiến trúc trong xã hội hiện đại. Phong thủy học rất coi trọng sự phân tích hình tượng, vì hình có thể sinh ra khí, khí ở đây chính là trường khí. Loan đầu là phong thủy mà chúng ta có thể trực tiếp nhìn thấy được, ví như ở phía sau nhà có một hòn núi, phía trước có một cái hồ, đó chính là Loan đầu.

Phong thủy Loan đầu chính là phong thủy hiển hiện ngay trước mắt chúng ta, như trong xã hội hiện nay, những thứ có thể tượng trưng cho Sơn là những thực thể không trong suốt, như ngọn núi, nền đất cao, gò đồi, công trình kiến trúc, cột điện, bếp đun trong nhà, tủ đựng đồ trong nhà bếp, giường, bàn làm việc, tivi, máy tính, cây cối, ... Còn tượng trưng cho Thủy là những vật thể không trong suốt và ở trạng thái động, như: cầu thang máy, cầu thang bộ, ao hồ, sông suối, biển, đường sắt, đường quốc lộ, quảng trường; Trong nhà có: bể cá, hành lang, cửa, ... Nếu có một cây cầu vượt bắc qua mà cao hơn nhà thì coi là Sơn, còn thấp hơn nhà thì coi là Thủy. Trong phong thủy học có nói: "Sơn quản nhân đinh, Thủy quản tài". Sơn ảnh hưởng đến sức khỏe và số lượng nhân đinh trong nhà, thủy ảnh hưởng tới tài phú và vận trình của con người. Do vậy, quan sát hình dáng núi non có thể chiêm đoán được sức khỏe và vận mệnh của con cái, quan sát thế nước có thể chiêm đoán được tài phú của con người. Người sống ở miền núi sẽ khỏe mạnh, người sống ở gần vùng sông nước tất có tướng mạo đẹp đẽ và khả năng ứng phó linh hoạt, những điều này cũng là sự ảnh hưởng về mặt Loan đầu.

#### Loan đầu và Lý khí

Trước khi bài trí nhà ở theo phong thủy, mọi người phải hiểu được hai khái niệm Lý khí và Loan đầu. Nói một cách đơn giản, Loan đầu chính là cách bài trí nhà ở, như vị trí, hướng kê giường và bếp đun, như kê hai chiếc tủ ở đầu giường, đó chính là Loan đầu. Loan đầu cũng chính là sự ứng dụng các phương vị trong không gian.

Nhưng trái đất và các hành tinh khác luôn chuyển động không ngừng, toàn bộ hệ Mặt trời luôn chuyển động theo trường khí của vũ trụ, hình thành những phương vị phong thủy khác nhau tại những mốc thời gian khác nhau. Học vấn căn cứ vào sự khác biệt về thời gian để lựa chọn phương vị phong thủy chính là Lý khí.

Ví dụ một ngôi nhà bị sát khí chiếu vào, theo Loan đầu thì đó là hình tượng



không tốt, nhưng vẫn cần phải tính toán đến những thời điểm có Lý khí không tốt. Vào trước thời điểm hình thành Lý khí không tốt, nhìn chung sẽ không xuất hiện những vấn đề phong thủy nghiêm trọng, vì vậy, học phong thủy trước tiên phải hiểu được Loạn đầu. Nhưng trên một mức độ nào đó thì Lý khí còn quan trọng hơn Loạn đầu, vì Loạn đầu có thể thay đổi, tức bố cục môi trường có thể thay đổi, nhưng từ trường của vũ trụ và vị trí của Phi tinh lại không thể thay đổi, mà chỉ có thể vận dụng Ngũ hành để hoá giải.



## SƠN THỦY LOẠN ĐẦU



### PHONG THỦY COI TRỌNG ĐỊA HÌNH SƠN HOÀN THỦY BẢO (NÚI SÔNG BAO BỘC)

Xét từ góc độ phong thủy học, nguyên tắc trước tiên của phong thủy đẹp chính là “sơn hoàn thủy bảo”. Có nghĩa là: phía sau có nhiều núi bao bọc hình vòng cung sẽ vượng nhân; Phía trước có nhiều dòng sông uốn lượn sẽ vượng tài.

Phong thủy học coi phía trước là hướng, chủ quản tài lộc, phía sau là toạ sơn, chủ quản nhân đinh. Vì vậy, khảo sơn (núi tựa) là vô cùng quan trọng đối với nhà ở. Một ngôi nhà mà phía sau có núi thật, thế núi hùng vĩ, cổ cây tốt tươi, người sống ở đây sẽ thông minh và xinh đẹp.



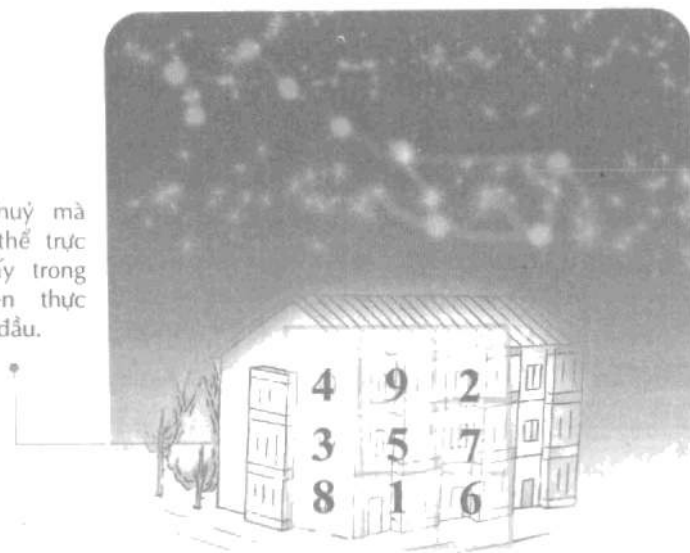
Trong phong thủy học, núi ở phía sau nhà được gọi là khảo sơn, nếu vị trí và hình thể của khảo sơn không đẹp thì chủ về kiện tụng, trộm cướp, đồng thời cũng có thể xảy ra chuyện trăng hoa.

Sự thay đổi không ngừng theo trường khí của vũ trụ hình thành những phương vị phong thủy khác nhau tại những mốc thời gian khác nhau chính là Lý khí.

KHÁI NIỆM LOẠN ĐẦU

### LOẠN ĐẦU VÀ LÝ KHÍ

Sơn và Thủy mà chúng ta có thể trực tiếp nhìn thấy trong thế giới hiện thực chính là Loạn đầu.





## LOAN ĐẦU ĐỆ NHẤT QUYẾT

*Tứ linh sơn quyết còn gọi là Loan đầu đệ nhất quyết, tức là: “Trái Thanh long, phải Bạch hổ, trước Chu tước, sau Huyền vũ”.*

### Tứ linh sơn quyết

Thời Trung Quốc cổ đại có truyền thuyết về bốn loài vật linh thiêng, đó là: Thanh long, Bạch hổ, Chu tước (phượng hoàng), Huyền vũ (rồng và rùa). Tả Thanh long chỉ Loan đầu ở bên tay trái, hữu Bạch hổ chỉ Loan đầu ở bên tay phải, phía trước Minh đường chính là Chu tước, phía sau kháo sơn chính là Huyền vũ.

Xét từ góc độ hình khí, một trường khí tốt phải có đủ Tứ linh. Đặc biệt là phía sau của công trình kiến trúc nhất định phải có kháo sơn, có nghĩa là phía sau công trình có núi hoặc công trình khác. Kháo sơn là Loan đầu tốt nhất trong phong thủy, nếu không có kháo sơn sẽ không có cảm giác an toàn, không có quý nhân phù trợ. Minh đường là chỉ phía trước của công trình phải có khoảng không gian rộng rãi và thoáng đãng, như vậy mới được coi là phong thủy tốt, nếu Minh đường rộng rãi chứng tỏ người ở đây giàu có và tràn trề sức sống. Phía trước có Minh đường, phía sau có kháo sơn, cho thấy có quý nhân giúp đỡ, tiền đồ xán lạn.

“Tả Thanh long, hữu Bạch hổ” cũng là thuật ngữ thường dùng của phong thủy nhập môn. Trái Thanh long tượng trưng cho sức mạnh lực lưỡng của nam giới, phải Bạch hổ tượng trưng cho sự dẻo dai, bền bỉ của phụ nữ. Do vậy, phần lớn người Trung Quốc đều rất thích lối kiến trúc Tam hợp viện hoặc Tứ hợp viện, vì nó có đủ cả Thanh long và Bạch hổ. Ứng dụng trong kiến trúc học, bên trái nhà ở có công trình kiến trúc cao lớn cho thấy sức mạnh và sự kiên cường, chủ về phù trợ cho nam giới. Thanh long tượng trưng cho quý nhân thuộc phái nam và sức mạnh chính diện khuất phục kẻ tiểu nhân. Nếu ứng dụng trong phong thủy văn phòng thì phía sau chỗ ngồi là tường hoặc tủ tượng trưng cho kháo sơn là tốt, phía trước có khoảng không là tốt, tủ đứng ở bên trái là Thanh long, tủ đứng ở bên phải là Bạch hổ, nếu bên Bạch hổ cao thì chủ về phụ nữ nắm quyền, Âm thịnh Dương suy. Vì vậy, tủ ở bên trái bàn làm việc nhất định phải cao hơn bên phải, nếu không thì sẽ bị kẻ tiểu nhân hãm hại, dẫn đến kiện tụng.

Loan đầu kết hợp với Lý khí để suy đoán phương vị, ứng dụng Cửu tinh phi phúc có thể dự đoán chính xác về thuộc tính cát hung của Loan đầu và ứng nghiệm đối với bất kỳ người nào. Do đó, “Tứ linh sơn quyết” nhất định phải kết hợp với Lý khí thì mới có thể phát huy hết tác dụng.

### Trạng thái cát hung của Kiệu tinh

Trong phong thủy học có một số Loan đầu đứng cô lập một mình được gọi là Kiệu tinh, người xưa từng nói: “Kiệu tinh không nên nhập Minh đường, bất kể suy vượng đều thành hung”. Vì vậy Minh đường kỳ nhìn thấy núi, nếu ở trong phạm vi một trăm bước chân là đại hung. Nhưng nếu ở ngoài phạm vi một trăm bước chân lại trở thành vật chắn, có thể chắn khí trong Minh đường không cho thoát ra



ngoài, như thế sẽ không phải là Kiệu tinh. Kiệu tinh kỳ nhất là hình nhọn, nếu ở phía nam sẽ tổn thương đến mắt, nếu ở phía bắc dễ bị sỏi thận. Nếu hướng của Kiệu tinh gặp Ngũ Hoàng Nhị Hắc của Lưu niên, ứng dụng Lý khí thì có thể suy đoán được điềm hung ứng với tháng nào năm nào, cũng rất chính xác.

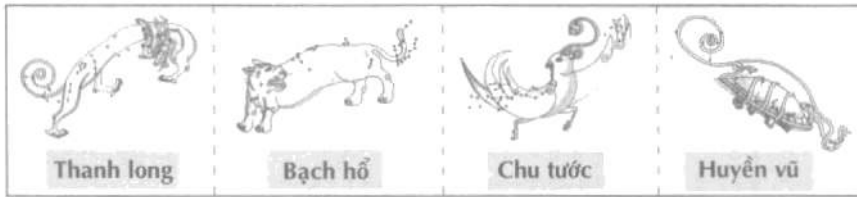


## TỨ LINH SƠN QUYẾT VÀ PHONG THỦY



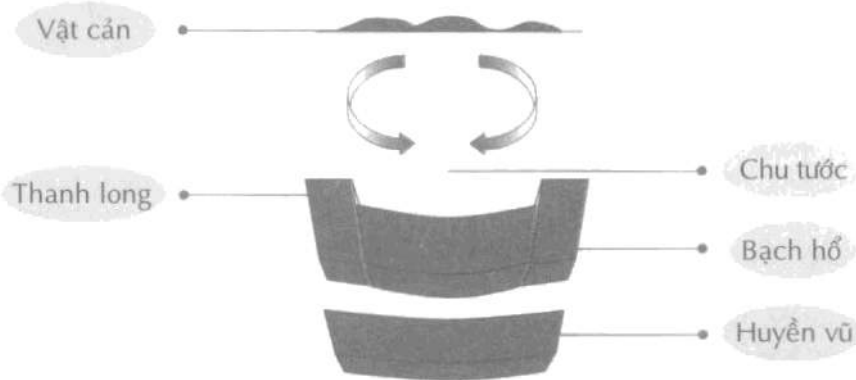
### BỐN CON VẬT LINH THIÊNG

Bốn con vật linh thiêng trong truyền thuyết đó là: Thanh long, Bạch hổ, Chu tước (phượng hoàng), Huyền vũ (rồng và rùa).



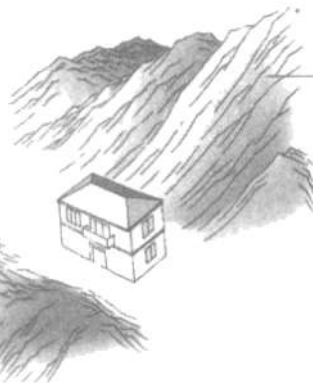
### TỨ LINH SƠN QUYẾT

“Tứ linh sơn quyết” là khẩu quyết thực dụng nhất trong phong thủy học, rất giàu giá trị ứng dụng trong cuộc sống hiện thực.



### KIỆU TINH

Các Loạn đầu đứng cô độc một mình trong phong thủy học được gọi là Kiệu tinh, thường mang lại những ảnh hưởng không tốt.



Nếu Kiệu tinh ở phía bắc thì dễ bị sỏi thận.

Nếu Kiệu tinh ở phía nam thì tổn thương đến mắt.

LOẠN  
ĐẦU  
ĐẸ  
NHẤT  
QUYẾT



## 3 SƠN LONG

## SƠN TRONG PHONG THỦY HỌC

*Trong phong thủy học, sơn được gọi là long, sơn mạch được gọi là long mạch. “Lai long khử mạch” của sơn ảnh hưởng rất nhiều đến phong thủy của nơi đó, khi xem xét phong thủy thì nhất định phải xem xét thật kỹ lưỡng.*

## Phân loại sơn long

Sơn mạch (dãy núi, mạch núi) có thể phân làm ba loại: long ở địa hình đồi núi, long ở địa hình gò đồi, long ở địa hình đồng bằng. Trong đó loại thứ ba (long ở nơi đất bằng) tuy mạch tương đối bằng phẳng nhưng cũng có thể dựa vào hình thế để phân biệt, tức “cao một tấc là Sơn, thấp một tấc là Thủy” để quan sát độ mấp mô của địa hình vùng đồng bằng và sự phân hợp của hệ thống dẫn nước. Đây cũng là cơ sở để tìm long trong phong thủy học.

## Thái tổ sơn, Thiếu tổ sơn, Phụ mẫu sơn

Tổ sơn còn gọi là Tổ tông sơn, chỉ núi ở điểm khởi nguồn của long mạch. Căn cứ vào khoảng cách với nơi kết huyết, lần lượt có thể phân thành Thái tổ sơn, Thiếu tổ sơn, Thiếu tông sơn và Phụ mẫu sơn. Dựa vào định nghĩa trong “Sơn pháp toàn thư”, Thái tổ sơn chính là ngọn núi cao nhất, là nơi xuất phát long mạch, hai bên là Thủy”. Thái tông sơn là ngọn núi phân nhánh trực tiếp từ Thái tổ sơn. Thiếu tổ sơn là ngọn núi xuất phát từ Thái tông sơn. Phụ mẫu sơn là ngọn núi phân nhánh của Thiếu tổ sơn.

Muốn tìm long thì phải quan sát hình thế, tức trước tiên phải quan sát Tổ tông sơn và Phụ mẫu sơn. Khi có tích tụ ở nơi kết huyết nhiều hay không hoàn toàn phụ thuộc vào hình thế của Tổ sơn. Thái tổ sơn phải có thể cao vút, khí mạch chạy dài. Thiếu tổ sơn nằm giữa nơi kết huyết và Thái tổ sơn, là địa điểm quan trọng để tụ khí, vì vậy thế phải vuông vức. Cũng có thể hiểu là, Thiếu tổ sơn là ngọn núi ở gần long huyết nhất, sự cát hung của Thiếu tổ sơn có liên quan trực tiếp đến sự cát hung của long huyết. Nếu hình núi trái rộng là rất tốt, nếu hình núi thấp nhỏ và đơn độc thì rất xấu. Phụ mẫu sơn ở gần long huyết, trước sau liền mạch, tương sinh mà không tương khắc là thế đẹp. Tổ tông sơn phối hợp với long huyết, vì vậy khi nhìn từ long huyết đi thì phải cao dần. Nếu thấp dần gọi là thoái long, như vậy Phúc đức không được bền lâu, con cái nghèo khổ. Do đó, Thái tổ sơn và Thiếu tổ sơn được dùng để xác định hình thế trong phạm vi rộng, Tổ tông sơn được dùng để xác định hình thế trong phạm vi trung bình, còn Phụ mẫu sơn được dùng để xác định hình thế trong phạm vi nhỏ.

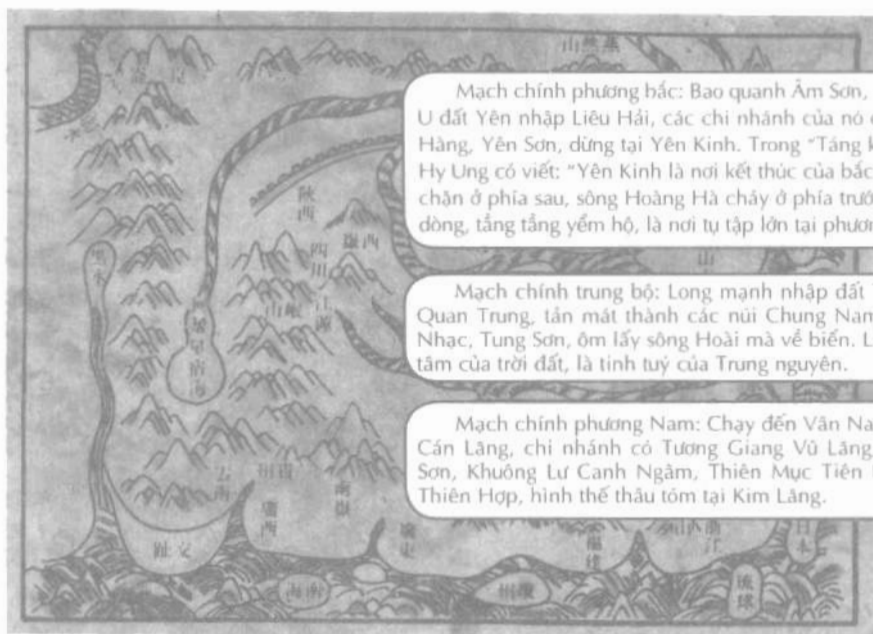




# HÌNH THỂ VÀ PHÂN LOẠI SƠN LONG



## BA KIỂU LONG MẠCH CHÍNH CỦA TRUNG QUỐC



Mạch chính phương bắc: Bao quanh Âm Sơn, Hạ Lan, đi qua đất U đất Yên nhập Liêu Hải, các chi nhánh của nó có Hằng Sơn, Thái Hằng, Yên Sơn, dừng tại Yên Kinh. Trong "Tảng kinh lược" của Mâu Hy Ung có viết: "Yên Kinh là nơi kết thúc của bắc long, sông Áp Lục chặn ở phía sau, sông Hoàng Hà chảy ở phía trước, đón nhận muôn dòng, tầng tầng yếm hồ, là nơi tụ tập lớn tại phương bắc".

Mạch chính trung bộ: Long mạch nhập đất Thục Hán, kết tại Quan Trung, tản mát thành các núi Chung Nam, Thái Hoa, Thái Nhạc, Tung Sơn, ôm lấy sông Hoài mà về biển. Lạc Dương là trung tâm của trời đất, là tinh túy của Trung nguyên.

Mạch chính phương Nam: Chạy đến Văn Nam, phía đông đến Cán Lăng, chi nhánh có Tương Giang Vũ Lăng, Cửu Nghi Hành Sơn, Khuồng Lư Canh Ngâm, Thiên Mục Tiên Hà, Quất Thương Thiên Hợp, hình thể thâu tóm tại Kim Lăng.

## CHÍN HÌNH DẠNG CỦA SƠN LONG (MẠCH NÚI)

Hồi long	Mạch núi uốn lượn quay đầu, nhìn về núi tổ, như rồng ngậm đuôi, như hổ ngoảnh đầu.
Xuất dương long	Mạch núi từ chỗ đất bằng đột nhiên cao vút lên, uốn lượn quanh co, giống như mảnh thú ra khỏi rừng, như thuyền qua biển lớn.
Giáng long	Mạch núi ở nơi xuất phát cao đẹp lạ thường, nhưng càng đi càng thấp dần, giống như con rồng từ trên trời cao đáp xuống biển xanh.
Sinh long	Mạch núi cao đẹp, lên xuống nhấp nhô, uyển chuyển chạy đến một cách sinh động, đồng thời có khá nhiều mạch nhánh, giống như cành lá phân bố đồng đều, như con rết nhiều chân, hoặc không có mạch nhánh, nhưng lại giống như chuỗi ngọc đẹp.
Phi long	Mạch núi sinh động khoáng đạt, có hai mạch nhánh như hình chim nhận giang cánh, phượng hoàng sải cánh ôm ấp chủ thể.
Ngoạ long	Mạch núi sừng sững, hình dáng vững vàng, yên ổn, chân núi thu lại như con hổ dùng chân, con trâu nằm ngủ.
Ẩn long	Mạch núi từ xa mà đến, mạch lạc không rõ, tông tích lờ mờ, như có như không, giống như rồng rắn ẩn hiện, nhưng thực ra nó uốn lượn liên tục tiến thẳng đến chủ thể, ở chỗ tận cùng địa thế giống như bàn tay để ngựa.
Đẳng long	Mạch núi ở nơi xuất phát tương đối thấp, nhưng dần đi cao lên với các đỉnh núi đẹp, thân núi to và rộng.
Linh quân long	Mạch núi ở giữa, được các ngọn núi xung quanh tiền hô hậu ủng, nghiêm nhiên trở thành thủ lĩnh.



## HÌNH NÚI NGŨ HÀNH VÀ HÌNH NÚI CỬU TINH

*Căn cứ vào phương pháp khác nhau, hình thể núi cũng có những cách phân loại khác nhau.*

**Hình núi Ngũ hành**

Căn cứ theo Ngũ hành, hình núi có thể phân chia làm năm loại, đó là: Núi hình Kim, hình thể của núi tương đối tròn, giống như hình bán cầu; Núi hình Mộc, hình thể núi rất cao, khẳng khiu gầy guộc; Núi hình Thủy, do ba hoặc trên ba ngọn Kim hình bán cầu tạo thành, giống như làn sóng; Núi hình Hoả, đỉnh núi rất nhọn, thậm chí một hòn núi có tới vài đỉnh; Núi hình Thổ, đỉnh núi tương đối bằng phẳng, hình thể dàn ngang.

Hình Kim tròn trịa, đỉnh núi hình cánh cung; Hình Mộc cao vút, nên không vuông vức; Hình Thủy cuộn cuộn, uốn lượn linh hoạt; Hình Hoả nhọn hoắt, như ngọn lửa rừng rực tới trời. Ngũ tinh trong phong thủy học tương ứng với các chòm sao trên trời, mà lý của nó lại bắt nguồn từ Ngũ hành, Ngũ hành có cái lý tương sinh tương khắc: tương sinh là Mộc sinh Hoả, Hoả sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc. Tương khắc là Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hoả, Hoả khắc Kim. Các nhà phong thủy học cho rằng: hình thể sông núi có thẳng có cong, có vuông có tròn, có rộng có hẹp, đều có Ngũ hành riêng, cho nên gọi là Ngũ tinh. Hoạ phúc thịnh suy, phú quý nghèo hèn hoàn toàn nằm trong Ngũ tinh.

**Hình núi Cửu tinh**

Núi Cửu tinh là chỉ chín đỉnh núi long mạch kết huyết có hình dáng khác nhau. Cửu tinh còn được gọi là Huyết tinh hoặc Tinh phong, cụ thể chỉ Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân, Tả Phụ, Hữu Bật.

Tham Lang phong (núi Tham Lang), hình dáng ngọn núi giống như búp măng mới mọc, xung quanh tròn trịa, đỉnh núi bằng phẳng. Cự Môn phong (núi Cự Môn), cách Tổ sơn không xa, hình dáng không nhọn không tròn mà rất vuông vức, mặt trước như cái cổng khổng lồ nên có tên gọi là Cự Môn. Lộc Tồn phong (núi Lộc Tồn), hình dáng núi tròn phẳng như cái trống, phần dưới phình to như chiếc hồ lô. Văn Khúc phong (núi Văn Khúc), dáng núi nhu thuận, giống như con giun đất dài ngoằn ngoèo. Liêm Trinh phong (núi Liêm Trinh), thể núi cao to sừng sững, đỉnh núi nhọn màu đỏ pha đen như ngọn lửa rừng rực tới trời. Vũ Khúc phong (núi Vũ Khúc), hình dáng núi giống như chiếc chuông khổng lồ úp trên mặt đất, đỉnh núi tròn, cao sừng sững, chân thoải thoải và hơi vuông. Phá Quân phong (núi Phá Quân), hình dáng núi giống như cờ đuôi nheo, phía trước cao sừng sững, có nhiều ngọn, phía sau thấp, kéo dài, hai bên nghiêng. Tả Phụ phong (núi Tả Phụ), hình dáng núi giống như búi tóc của người xưa, trước cao sau thấp, có hai chân nhánh dưới thấp. Hữu Bật phong (núi Hữu Bật), núi không có hình



dáng cố định mà có nhiều hình thù khác nhau, như con cá, con chim, con rắn, con thoi.

Trong Cửu tinh có ba cát tinh, đó là Tham Lang, Cự Môn và Vũ Khúc. Ngoài ra, hai sao Tả Phụ và Hữu Bật cũng thuộc tiểu cát, được gọi chung là Ngũ cát tinh. Phá Quân, Liêm Trinh, Lộc Tồn và Văn Khúc là hung tinh. Cát hung hoạ phúc luôn ứng vào con người. Tam sơn ngũ nhạc, chân long lạc huyết cũng là sự pha trộn giữa cát tinh và hung tinh.



## CÁC LOẠI HÌNH THỂ NÚI



### PHÂN LOẠI HÌNH NÚI THEO NGŨ HÀNH

<b>KIM</b> 		→		
<b>MỘC</b> 		→		
<b>THUỖ</b> 		→		
<b>HOẢ</b> 		→		
<b>THỔ</b> 		→		

Kim tinh (Kim sơn) chỉ ngọn núi có đỉnh tròn, chân thoải thoải.

Mộc tinh (Mộc sơn) chỉ ngọn núi cao vút, đỉnh tù.

Thủy tinh (Thủy sơn) chỉ ngọn núi có hình dáng uốn lượn, núi thấp, đỉnh mập mạp như làn sóng.

Hoả tinh (Hoả sơn) chỉ ngọn núi có hình tam giác nhọn, cao vút.

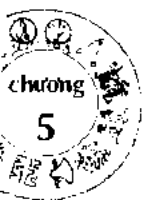
Thổ tinh (Thổ sơn) chỉ ngọn núi có hình dáng vuông vức, đỉnh bằng.

HÌNH NÚI NGŨ HÀNH VÀ HÌNH NÚI CỬU TINH

### PHÂN LOẠI HÌNH NÚI THEO CỬU TINH

Nhất Bạch Tham Lang	Nhị Hắc Cự Môn	Tam Bích Lộc Tồn	Tứ Lục Văn Khúc	
Ngũ Hoàng Liêm Trinh	Lục Bạch Vũ Khúc	Thất Xích Phá Quân	Bát Bạch Tả Phụ	Cửu Tử Hữu Bật





## SỰ ĐIỂN DI TỤ TÁN CỦA NƯỚC

*Thủy là huyết mạch của long, người xưa cũng cho rằng, “Sơn quán nhân đình, Thủy quán tài”, quan điểm này cũng đủ để chứng minh vai trò quan trọng của nước trong phong thủy học. Hình dạng, trạng thái của nước ảnh hưởng rất nhiều đến phong thủy.*

### Mức độ ảnh hưởng của nước đối với việc chọn đất

Nước là vật chất vô cùng quan trọng trong giới tự nhiên, đồng thời cũng có vai trò quan trọng đối với việc điều tiết khí hậu và làm sạch môi trường. đời sống thường ngày của con người lại càng không thể thiếu nước. Nhưng khi chọn đất làm nhà, nếu vận dụng thủy pháp không đúng cách cũng có thể gây lũ lụt cuốn trôi nhà cửa ruộng vườn, hoặc gây ô nhiễm, phá hoại hệ thống sinh thái. Vì vậy, khi chọn nơi ở, việc xử lý yếu tố nước cũng trở thành một trong những vấn đề vô cùng quan trọng.

Trong phong thủy học, việc chọn nước có ý nghĩa vô cùng quan trọng, các nhà phong thủy thời xưa thường cho rằng: “Trước tiên phải xem nước, có núi mà không có nước thì nghĩ gì đến việc tìm đất”. Nước được các nhà phong thủy đánh giá rất cao, họ cho rằng nước là huyết mạch của long, coi nước cũng như long, gọi là “Thủy long”. Cũng như “Sơn long”, những nơi có địa hình “sơn hoàn thủy hảo”, do có dòng nước uốn lượn quanh co nên đã gây nhiều ảnh hưởng đến phong thủy, từ đó cũng tác động rất nhiều đến việc chọn đất làm nhà.

Tiêu chuẩn chọn nước của các nhà phong thủy là lấy nguồn nước và hình thái của nước làm cơ sở. “Nước chảy đi thì sinh khí tán, nước chảy lại thì nội khí tụ”. Có nghĩa là dòng nước phải quanh co uốn lượn, dòng nước chảy ngang phải có thể “hoàn hảo” (hào học), nước chảy đi phải như nửa muốn chảy nửa muốn dừng, nước tụ phải tinh khiết du dương. Trái lại, nước chảy thẳng và chảy xiết là không tốt. Nguồn nước phải sâu, như vậy long khí mới vượng, mới có thể phát phúc được lâu, nếu không thì long khí yếu, không phát phúc được nhiều. Mặt khác, nếu nguồn nước gần mà khứ mạch dài thì tất nhiên cũng không có tác dụng.

Trong lý luận phong thủy, ngoài phải xem xét đến vai trò của nước như để tưới tiêu, làm muối, cung cấp nước ăn... còn phải quan tâm đến sự ảnh hưởng mà nước mang lại. Lão Tử từng nói: “Thiên hạ mạc như thủy, nhi công kiên cường giả mạc chi năng thắng”. Có nghĩa là: “Trên đời chẳng có gì mềm yếu bằng nước. Để công phá cái cứng mạnh thì chẳng gì hơn nước”. Người xưa sớm đã nhận thức được hai mặt cương nhu của nước, và cũng tổng kết ra được rất nhiều biện pháp hợp lý để chọn đất và xây dựng công trình phòng chống nước gây tai họa.

Những nhận thức về nước trong phong thủy học thời cổ đại phần lớn đều phù hợp lý luận khoa học, vì vậy ngày nay vẫn có thể sử dụng được. Ví dụ, khi chọn đất phải chọn trên đồi cạnh bờ sông, mà đồi này phải cao hơn mực nước khi xảy ra lũ lụt, tránh nơi nước chảy xiết, những thềm sông mà nền không chắc,...

Người xưa cũng cho rằng, “Sơn quán nhân đình, Thủy quán tài”, dòng nước chảy có thể mang lại tài vận tốt, nếu là nước tù (nước đọng) thì sẽ mang lại những ảnh hưởng không có lợi.



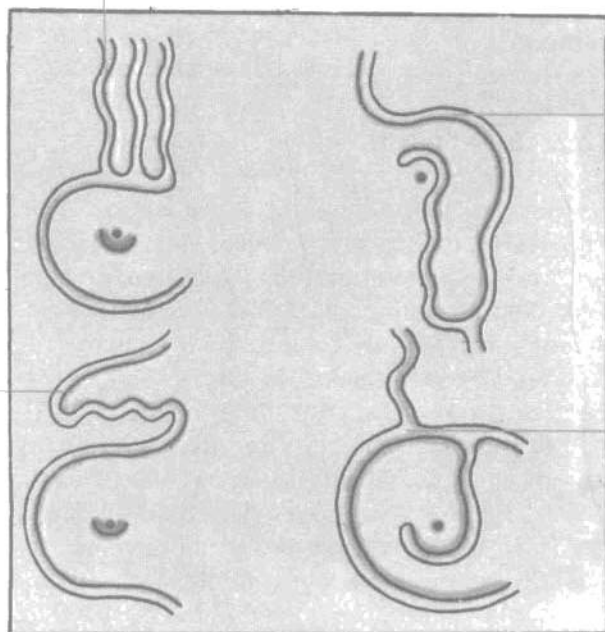
# CÁC LOẠI HÌNH THỂ NƯỚC



## CÁCH CỤC CÁT THUỖ

Ba dòng nước chảy đến uốn lượn, giống như phượng hoàng nhảy múa, hợp lại với dòng chảy ở trước cùng tích tụ quanh huyết là đẹp nhất, vì phượng thường được ví như người phụ nữ cao quý, vì vậy chủ về người này sau có số làm hoàng hậu, vương phi.

Chu Tước quanh co khúc khuỷu, con cháu có thể đỗ tiến sỹ.



Rồng mẹ ôm lấy rồng con đang mang trong mình, ông cháu, cha con là người có vai vế.

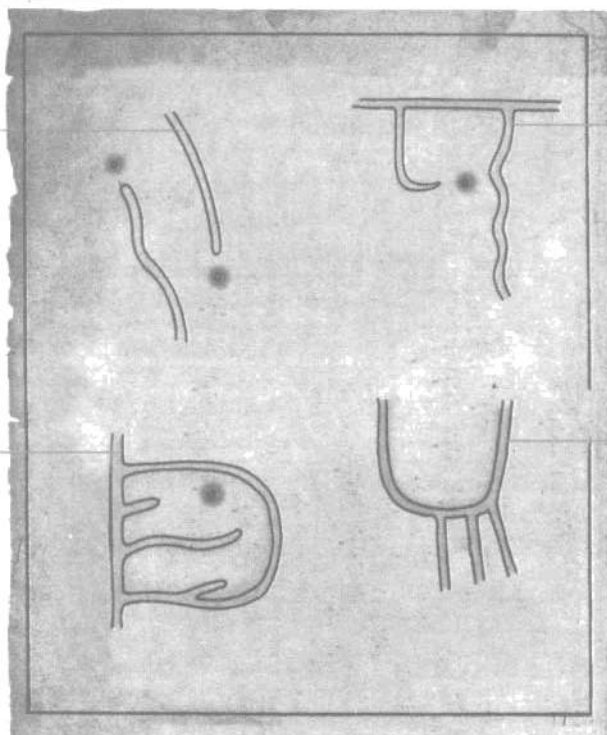
Rồng mẹ ôm rồng con trong thế hai dòng nước hội tụ, con cháu được kế thừa sự nghiệp do cha ông để lại, đều là người có chức sắc.

SỰ ĐẾN ĐI TỰ TÁN CỦA NƯỚC

## CÁCH CỤC HUNG THUỖ

Nước đổ về hướng Càn, trong nhà tất có loạn thần tặc tử.

Nước chảy xuôi dòng về phía trước, Kim Hoả tương hình, chủ về anh em lửa gạt lẫn nhau.



Dòng nước chảy đến uốn lượn như rắn trườn, chủ về đạo đức nhân luân bại hoại. Nếu bên Thanh long có dòng nước chiếu vào thì chủ về con cháu bị nhục hình tù tội.

Nước ở hướng Càn phân nhánh, con cháu được an nhàn.



## HÌNH THỂ CỦA THUYẾT THÀNH NGŨ TINH

*Sơn có hình cục là Loan đầu, Thủy có hình cục là Thủy thành. Thủy thành chính là hình thể do môi trường dòng nước bao bọc quanh nơi lai long kết huyết tạo thành.*

## Ngũ tinh thủy thành

Các nhà phong thủy học cho rằng, sinh khí gặp gió thì tán, gặp nước thì dừng, dòng nước có thể chặn long mạch và làm sinh khí tích tụ. Trong “Kham dư mạn hưng” Lưu Cơ có nói: “Muốn biết long khởi nguồn và kết thúc ở đâu, phải xem có dòng nước chặn huyết mới thành”. Do đó, dòng nước chảy uốn lượn chính là biểu tượng long mạch kết huyết. Hình thể thủy thành đẹp nhất là kiểu bao bọc, nếu là kiểu hình cánh cung ngược thì xấu.

Các nhà phong thủy đã dựa theo hình thể mà phân Thủy thành làm năm loại hình, đồng thời dựa vào hình dáng của chòm sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ mà đặt tên, coi Kim, Thủy, Thổ thành là cát, còn Mộc, Hỏa thành là hung. Kim thành bao bọc và ôm ấp, chủ về của cải dồi dào, gia đình đầm ấm yên vui, kỳ thế cánh cung ngược. Thủy thành uốn lượn như rắn bò, chủ về quyền cao đức trọng, tiếng tăm vang dội, kỳ có thủy khẩu chiếu thẳng. Mộc thành chảy xối xả tới, chủ về gia đình ly tán, gia cảnh bần hàn, cả gia trạch và mồ mả đều không được yên. Hỏa thành giao nhau hoặc tạo góc nhọn, chủ về bệnh tật, kiện tụng, tù tội. Thổ thành vuông vức mà có cát có hung. Vì vậy, trong ngũ thành thì Kim thành và Thủy thành do có thể uốn lượn nên được coi là đất đẹp. Mộc thành và Hỏa thành do có thể chiếu thẳng hoặc tạo góc nhọn nên khó trở thành nơi có đất đẹp. Còn Thổ thành thì có cát có hung, nếu uốn lượn thì đẹp, còn chiếu thẳng thì xấu. Do đó có thể thấy, trong phong thủy thường căn cứ vào thế chảy của dòng nước trên mặt đất để luận bàn cát hung.

<b>Kim thành</b>	Dòng nước uốn lượn, quanh co, chủ về vinh hoa phú quý, gia đình hoà thuận yên vui.
------------------	--

<b>Mộc thành</b>	Dòng nước chảy thẳng và chảy xiết, chủ về gia đình ly tán, có tang, cuộc sống nghèo khổ.
------------------	--

<b>Thủy thành</b>	Dòng nước chảy uốn khúc, chủ về người trong nhà nắm chức vụ rất cao, danh tiếng vang xa.
-------------------	--

<b>Hỏa thành</b>	Dòng nước giao nhau hoặc tạo góc nhọn, chủ về ốm đau bệnh tật triển miên.
------------------	---

<b>Thổ thành</b>	Dòng nước chảy vuông vức, có cát có hung.
------------------	---

## Ngũ tinh bối thành

Ngũ tinh bối thành tức các dòng nước đều không hướng về phía mình. Trong địa lý thường dựa vào hình thể này của dòng nước để định cát hung. Chỉ có Mộc tinh là bán cát, còn lại đều là cách cục đại hung.



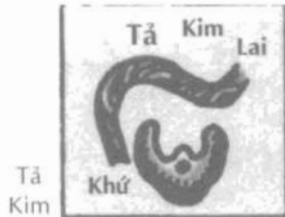


# GIẢI THÍCH Ý NGHĨA CỦA THỦY THÀNH



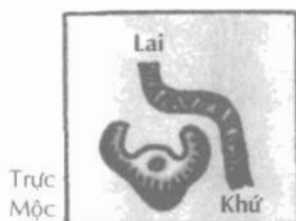
## KIM THÀNH

Kim tinh thủy thành, uốn lượn và bao bọc lấy thân, đại cát, có ba cách, đó là: chính Kim, tả Kim và hữu Kim.



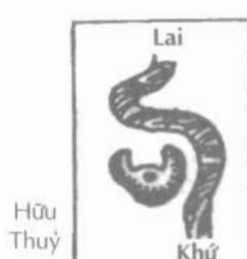
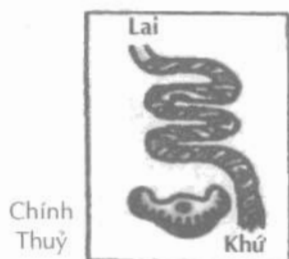
## MỘC THÀNH

Mộc tinh thủy thành, thẳng tắp vô tình, đại hung, có ba cách, đó là: trực Mộc, hoành Mộc và tả Mộc.



## THỦY THÀNH

Thủy tinh thủy thành, quanh co uốn khúc, đại cát, có ba cách, đó là: chính Thủy, tả Thủy và hữu Thủy.



## HOẢ THÀNH

Hoả tinh thủy thành, dòng chảy xiêu vẹo, đại hung, có ba cách, đó là: song Hoả và đơn Hoả.



## THỔ THÀNH

Thổ tinh thủy thành, dòng nước chảy ngang, chỉ có một cách.



HÌNH THỂ CỦA THỦY THÀNH NGŨ TINH





## SỰ CÁT HUNG CỦA MINH ĐƯỜNG

*Minh đường là nơi ngày xưa vua chúa tiếp các bá quan văn võ, hay tổ chức các hoạt động tế lễ, thi cử. Minh đường trong phong thủy chỉ nơi có sinh khí hội tụ, có rặng núi bao quanh, dòng nước chảy uốn lượn trước nơi lại long kết huyệt.*

### Minh đường thời xưa

Minh đường là nơi Đế vương thời Tiên Tần tiếp đón chư hầu và tổ chức các hoạt động tế lễ, vốn là nơi Đế vương bàn chính sự với quần thần. Trong "Lễ ký" có một thiên "Minh đường vị", đề cập đến cách thức và lễ nghi ở Minh đường. Trong "Sử ký - Thiên quan thư" có viết: "Tâm là Minh đường, đại tinh thiên vương." Tức coi sao Tâm là Minh đường trên trời. Triều nhà Hán và nhà Đường đều lừng nghi đến việc trùng tu Minh đường, nhưng do không thống nhất được quan điểm về cách thức của nó nên công cuộc tu sửa không thành.

### Minh đường trong phong thủy

Trong phong thủy học, khoảng không trước cửa nhà hoặc khoảng không trước mộ được gọi là nơi địa khí tích tụ. Minh đường phải sạch sẽ, thoáng đãng, tàng phong và tụ khí. Muốn xem đất thì trước tiên phải xem Minh đường, sau đó điểm huyệt để đạt mục đích đón cát tránh hung.

Minh đường có thể phân thành tiểu Minh đường, trung Minh đường (nội Minh đường), đại Minh đường (ngoại Minh đường). Đại Minh đường chỉ phía trước long huyệt, ngoài án sơn, nơi thủy tích tụ. Trung Minh đường còn gọi là nội Minh đường, chỉ khu đất bằng phẳng có thể trái Thanh long, phải Bạch hổ ôm ấp trước long huyệt. Tại khoảnh đất hơi thấp quanh huyệt vị, khi mưa có nước từ trên chảy xuống rồi rẽ sang hai bên, sau đó hội tụ tại chính giữa ở bên dưới huyệt vị chính là tiểu Minh đường. Phạm là những mảnh đất phú quý đều có cả nội Minh đường và ngoại Minh đường. Minh đường luôn coi trọng yếu tố tàng phong tụ khí, nước phải chảy uốn lượn, nếu không chảy uốn lượn thì cũng phải có thủy khẩu.

Minh đường và hình thế của núi có mối quan hệ mật thiết, vì vậy cần đảm bảo tỷ lệ thích hợp. Mạch núi từ xa đến thì Minh đường rộng, mạch núi ở gần thì Minh đường hẹp. Nếu Minh đường quá thoáng đãng thì sinh khí dễ tiêu tán. Nếu Minh đường quá chật hẹp thì phúc lộc không được lâu bền.



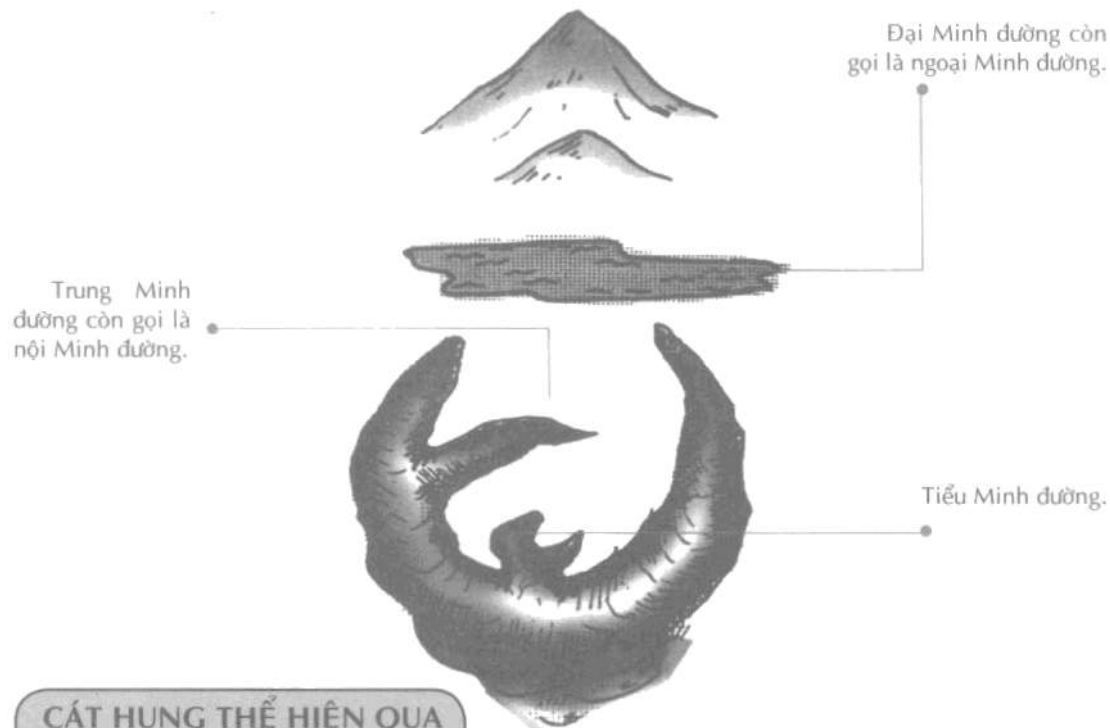


# MINH ĐƯỜNG NƠI SINH KHÍ TÍCH TỤ



## CÁC LOẠI MINH ĐƯỜNG

Minh đường được phân thành nội Minh đường và ngoại Minh đường. Phàm là những cuộc đất phú quý thì tất đều có cả nội Minh đường và ngoại Minh đường.



## CÁT HUNG THỂ HIỆN QUA HÌNH DÁNG MINH ĐƯỜNG

<p>Nếu có hai chân núi nằm ở phía Thanh long ở bên trái phía trước nhà thì chủ về con gái dễ bị mê hoặc, gia đạo suy vong, trong nhà có thể xuất hiện giặc cướp.</p>	<p>Nếu Minh đường giống hình Liên Trinh, có thể đoán rằng người trong nhà này thường mắc bệnh về mắt, trong nhà có người vì sinh khí suy hao mà chết, cuối cùng có thể khiến cả nhà chết theo.</p>

SỰ  
CÁT  
HUNG  
CỦA  
MINH  
ĐƯỜNG

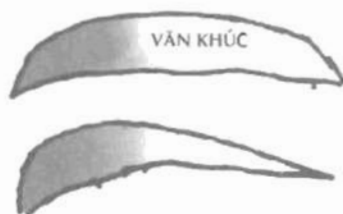




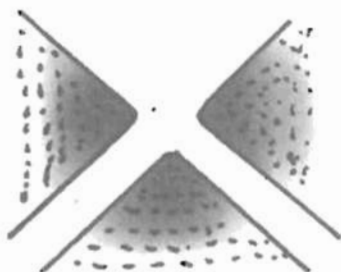
Nếu hình dáng Minh đường giống Phá Quân thì trong nhà có người không làm binh sĩ cũng làm thợ thuyền, chủ về chết ở nơi đất khách quê người, gia đạo suy bại, cô nhi quả phụ.



Nếu trước cửa có dòng nước hình đai ngọc (ngọc đới) thì trong nhà sẽ có người làm quan lớn, con cháu đều là người có học, vinh hiển phú quý làm rạng danh gia đình.

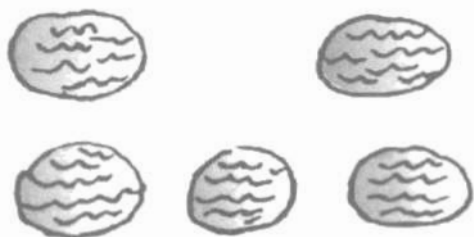


Nếu Minh đường giống núi Văn Khúc, thì nam nữ đều nức tiếng phong lưu, những nhà ít nam nhiều nữ thực sự không cát lợi, con gái lẳng lơ hay tái giá.



Phía trước nhà có hung sa với thể nhọn hoắt, hung sa bên trái chủ về anh bị chết, hung sa bên phải chủ về em bị chết. Hung sa ở chính giữa phía trước cũng chủ về những tai họa này.

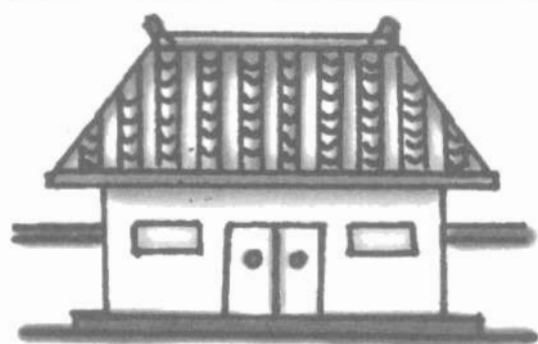




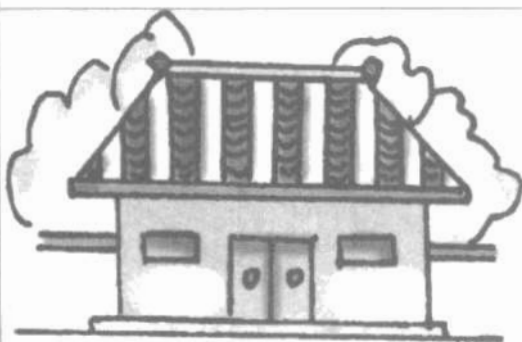
Trước cửa có ba cái đầm rồi lại hai cái đầm, trong nhà có người con trai bị chết khiến cô nhi quả phụ khóc than. Hoạ phúc của căn nhà này rất dễ đoán, chủ về trẻ con chết dưới người lớn khóc than.



Dòng nước chảy ngược hình Liêm Trinh trước cửa gọi là Cốc tướng, dòng nước chảy xuôi hình Liêm Trinh gọi là Thoái thần, chủ về con người có tính xảo quyệt.

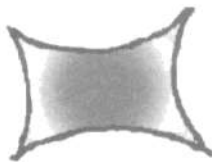
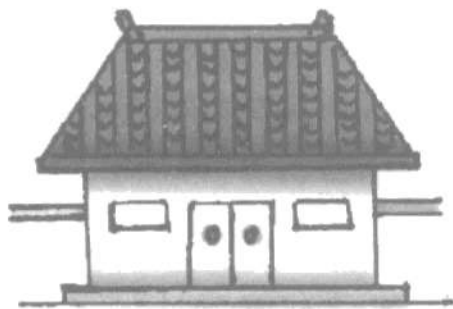


Nếu ngoài Minh đường có núi hình cái chày (thời xưa dùng để giặt quần áo), người trẻ tuổi trong nhà chết vì tai hoạ bất ngờ, hoặc thổ huyết, bị thương mà chết rất thê thảm, khiến người phụ nữ trẻ tuổi trở thành quả phụ.



Nếu trước cửa có hòn núi nhỏ giống hình cổ ngỗng hoặc cổ vịt, chủ về người nhà nổi tiếng vì lối sống dâm loạn. Cô quả sống khép kín, chồng phạm tội, vợ khổ cực.





Nếu Minh đường có ba hoặc bốn góc nhọn, người trong nhà dễ bị đau mắt, đau chân khó có thể chữa khỏi.



Nếu Minh đường có hình tam giác, con cháu mù loà, chết yểu, gia cảnh rất bi thảm.



Minh đường có hình giống như chiếc váy, trong nhà có người sống thác loạn, xuất hiện cảnh cô nhi quả phụ, có người chết yểu, hay bị ôn dịch.

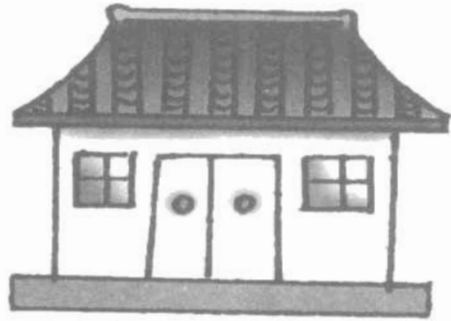


Trước nhà có thoải thần chiếu vào Minh đường, con cháu đời đời có người chết yểu, ruộng nương bán sạch, gia cảnh bản hàn.





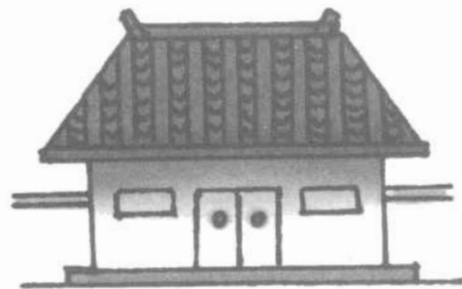
Trước nhà có hòn núi cao giống như có người đang nhảy múa, trong nhà có người bị điên, thường có yêu tinh trấn giữ cửa nhà, khó tránh khỏi các bệnh về tay chân.



Ngọn núi cao vút ở trước nhà, trong nhà có người bị điên, ruộng nương vườn tược phải bán bớt, dễ xảy ra hoả hoạn.



Nếu Minh đường giống hình Lộc Tôn, trong hai ba năm tất sẽ gặp ôn dịch, tai họa rần rần, trúng gió... liên tục xảy ra, trong nhà có người bị gù, câm điếc.



Nếu Minh đường trước nhà giống hình ách trâu, trong nhà có trộm, ôn dịch thường xuyên xảy ra, có nhiều người chết trẻ.





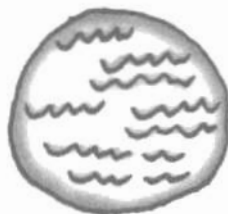
Đây chính là kiểu “núi kéo xác”, khi chọn nhà ở nhất định phải tránh nơi này. Nếu trong núi có đường hầm thì phải mời thầy về làm phép hoá giải.



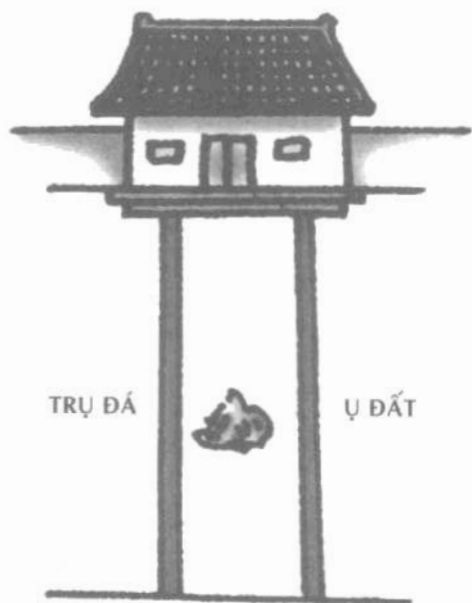
Nếu Minh đường có hình dáng như con giun đất, người trong nhà dễ bị bệnh giun móc, cổ người thích sống phiêu bạt, con cháu lười biếng, hay bị đau chân, gặp nguy hiểm khi sinh.



Trước cửa nhà có khóm tre mọc rủ xuống nước, dù có làm hàng rào để đỡ cũng không có hiệu quả, khó tránh khỏi ôn dịch.



Nếu trước cửa nhà có ao hồ, trẻ con trong nhà bị chết đuối. Nếu có đình chùa hoặc nhà bỏ hoang thì phụ nữ trong nhà có người thất cổ tự tử.



Nếu trước nhà có ụ đất thì người trong nhà dễ bị sảy thai, hay bị đau mắt, có quả phụ, có người chết yếu và có người bị câm điếc.

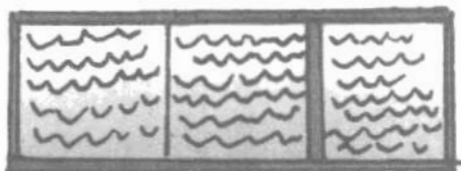


Dòng nước chảy uốn lượn về phía trước.

Dòng nước trước cửa nhà chảy uốn lượn về phía trước, trong nhà có người sống vô cùng thác loạn, có người sống cô quả, dễ bị hoá nạn và ôn dịch.

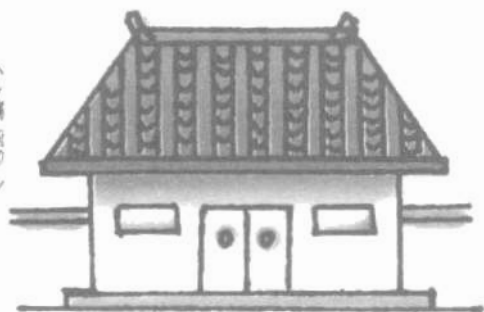


Nếu đứng trước cửa nhà mà nhìn thấy ngọn núi nhọn hoắt thì trong nhà có trộm, hay bị đau mắt, con cái ngỗ ngược, anh em bất hoà.



Nếu Minh đường là ao như trên thì người trong nhà quanh ốm yếu. Nếu có một cái ao thì có một người chết, trẻ nhỏ trong nhà bị thất lạc.





Ao ở ngay trước nhà, trong nhà có phụ nữ phải sống cảnh goá bụa. Hung sát của kiểu Minh đường này chính là mầm mống gây tai họa.



Hai bên cửa nhà không được có mộ, nếu có mộ hình lưới liềm ngược thì đó là tướng hung, trong nhà sẽ có quả phụ, dễ bị bệnh dịch.



ĐƯỜNG ĐI HÌNH CHỮ XUYÊN (川)

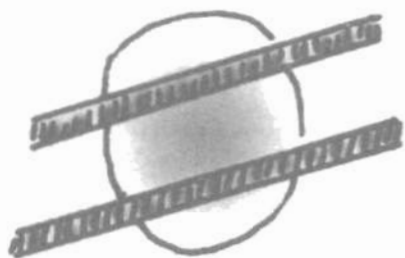


Nếu trước cửa nhà có ba con đường chạy thẳng và song song với nhau như hình chữ Xuyên chữ về gia cảnh lụn bại, dễ bị kiện cáo. Nếu ba con đường này chiếu thẳng vào Minh đường giống như ba mũi tên nhọn chĩa vào thì trong nhà có ba người đàn ông mất mạng.

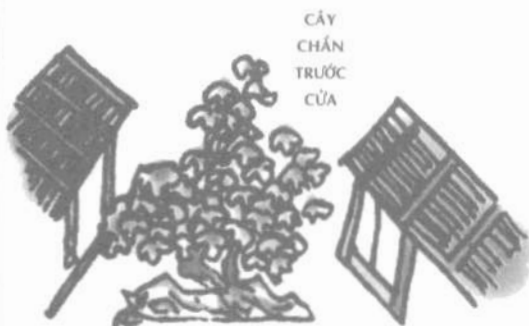


Nếu trước cửa nhà có con đường hình chữ Huyền (玄) thì của cải, lương thực đầy kho. Nếu đường đi chạy ngoằn ngoèo như con giun thì trong nhà có người bị lao phổi.





Nếu trước cửa nhà có hai con đường chạy qua như hình trên, trong nhà có người thất cổ tỵ tử.



Nếu trước cửa nhà có cây mọc chắn như trên thì chủ về bệnh dịch liên tục hoành hành, tà khí xâm nhập.

SỰ  
CÁT  
HUNG  
CỦA  
MINH  
ĐƯỜNG



Trước nhà và sau nhà đều có ao, cháu trai các đời đều bị chết yếu, phải nhanh chóng đổ đất lấp ao phía sau nhà để tránh cho các đời sau lại gặp tai họa.



Phía trước nhà có nhiều tảng đá lớn nhỏ nằm không đều nhau, trong nhà thường hay cãi vã, trẻ con hay hoảng loạn, dễ lâm bệnh nặng mà nguy hiểm đến tính mạng.

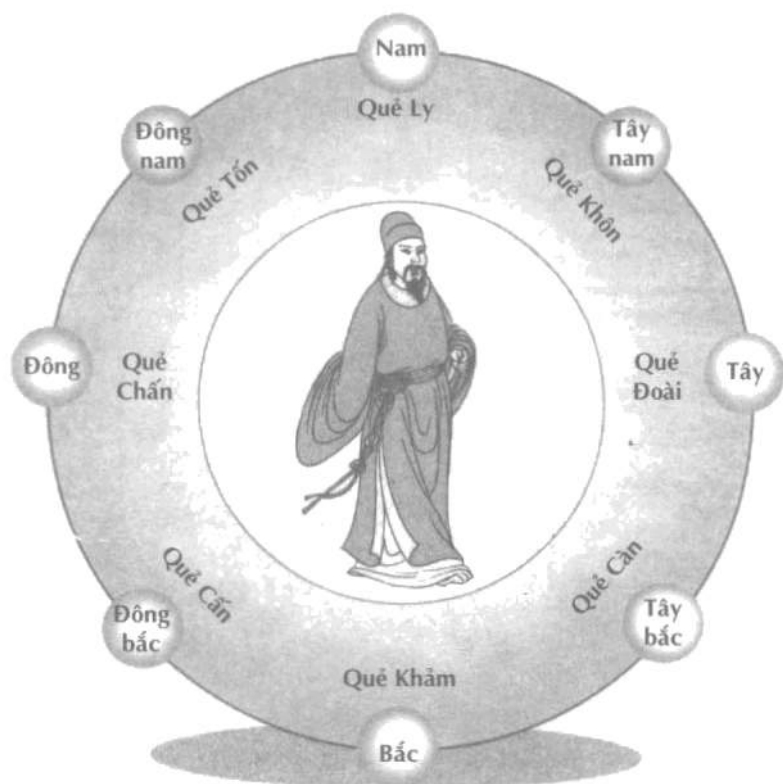


## Chương 6

### PHONG THUY THỰC HÀNH (2)

## PHÁI HUYỀN KHÔNG LÝ KHÍ

Phái Lý khí là một trong hai trường phái phong thủy lớn được hình thành từ thời Đường - Tống và phát triển cho đến ngày nay. Phái này chú trọng lý khí, phương vị, quái nghĩa (nghĩa của quẻ), tông miếu, phạm vi hoạt động chủ yếu ở vùng Phúc Kiến.





Thái cực và huyền không.....	233
Trạng thái suy vượng của Tam nguyên cứu vận.....	243
Chính thần, Linh thần và tài phúc.....	245
Đồ hình Cửu tinh (1).....	248
Đồ hình Cửu tinh (2).....	250
Ảnh hưởng của Tam sát.....	252
Ám Ngũ Hoàng và Xuyên sơn Ngũ Hoàng.....	256
Song tinh hội toạ và song tinh hội hướng.....	259





## 1 TÌM HIỂU VỀ HUYỀN KHÔNG

### THỂ NÀO LÀ PHONG THUY HUYỀN KHÔNG?

*Trong phong thủy, Huyền không học được vận dụng rất nhiều, có độ ứng nghiệm cao, được phong thủy học đương đại phong là “Kinh Dịch sống”. Đây là trường phái chính của phong thủy học đương đại. Những kiến thức cơ bản về Huyền không và Lý khí cũng là trọng điểm của phong thủy học đương đại.*

#### Hàm nghĩa của Huyền không

Hà đồ là thể, Lạc thư là dụng; Thái cực là thể, Âm Dương là dụng; Tiên thiên Bát quái là thể, Hậu thiên Bát quái là dụng; Nhất là thể, Cửu là dụng; Huyền là thể, không là dụng. Thể là cội nguồn của dụng, dụng là sự phát triển của thể; Trạng thái hỗn độn là trạng thái mạnh nha của vũ trụ; Vũ trụ là sự hình thành của trạng thái hỗn độn. Hà đồ, Thái cực, Tiên thiên Bát quái, nhất, huyền gọi là nguồn gốc của sinh, là trạng thái hỗn độn của sự tĩnh tại. Lạc thư, Âm Dương, Hậu thiên Bát quái, Cửu, không là gốc hình thành, là trạng thái hình thành của vũ trụ không ngừng vận động.

Số của Hà đồ là trời lấy 1 sinh cho, đất lấy 6 làm thành, trong quá trình vận động không ngừng mà hình thành trạng thái “công Âm ôm Dương”, Âm ở ngoài, Dương ở trong. Tiên thiên Bát quái vận hành ngược chiều kim đồng hồ, hình thức biểu hiện là Thái cực đồ, Thái cực là do Âm Dương hoà hợp thành một thể, trong trạng thái hỗn độn mà sinh ra Âm Dương. Huyền là một, là Thái cực, là Âm Dương, là trạng thái hỗn độn.

Số của Lạc thư là Cửu (9), quỹ tích vận hành của Cửu tinh được gọi là “bát thập nhị bộ” (81 bước). Lạc thư được sắp xếp ngược theo sơ đồ mặt phẳng, Âm Dương hợp thành Ngũ hành, là bản thể cấu thành vạn vật, luôn duy trì sự cân bằng Âm Dương tương đối ổn định trong trạng thái vận động, nếu đánh mất sự cân bằng thì vạn vật đều bị tiêu diệt. Hậu thiên Bát quái là sự dung hoà về phương vị, thời gian và không gian của Lạc thư thành một thể, tuy nhiên Lạc thư mượn số để biểu thị tương, còn Bát quái lại biểu thị bằng tượng, Hậu thiên Bát quái là sự tương xung tương hợp của Âm Dương trong trạng thái động. Cửu là Cửu tinh, Cửu tinh vận chuyển theo vòng tuần hoàn vô hạn trong vũ trụ với quỹ tích của Lạc thư. Cửu là biến số, là tổng của biến số, trong quá trình thay đổi nó vẫn duy trì sự cân bằng Âm Dương. Lạc thư, Âm Dương, Hậu thiên Bát quái, chín số đều vận động có trình tự và theo quy luật trong vũ trụ, sự vận động này được gọi là sự vận động của một loại khí, từ đó phát huy tác dụng hiện diện cát hung của vạn vật. Vì loại khí này không thể nhìn thấy, cũng không thể sờ thấy nên đã mượn chữ “không” để biểu thị sự tồn tại của nó.

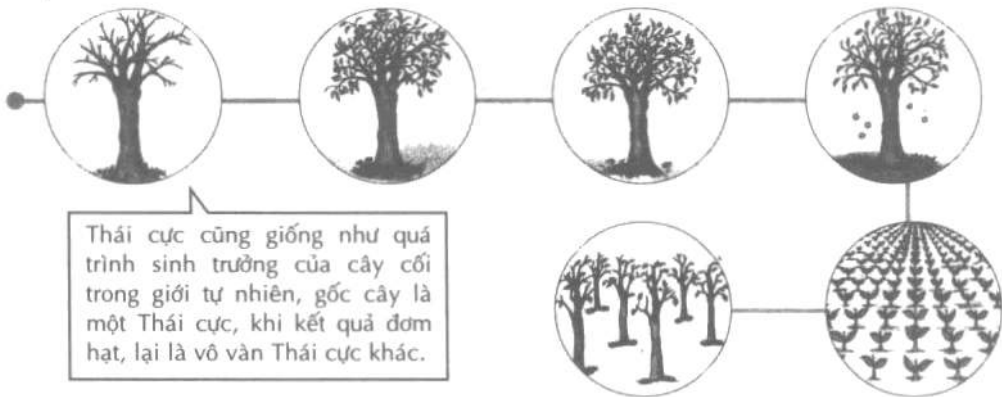
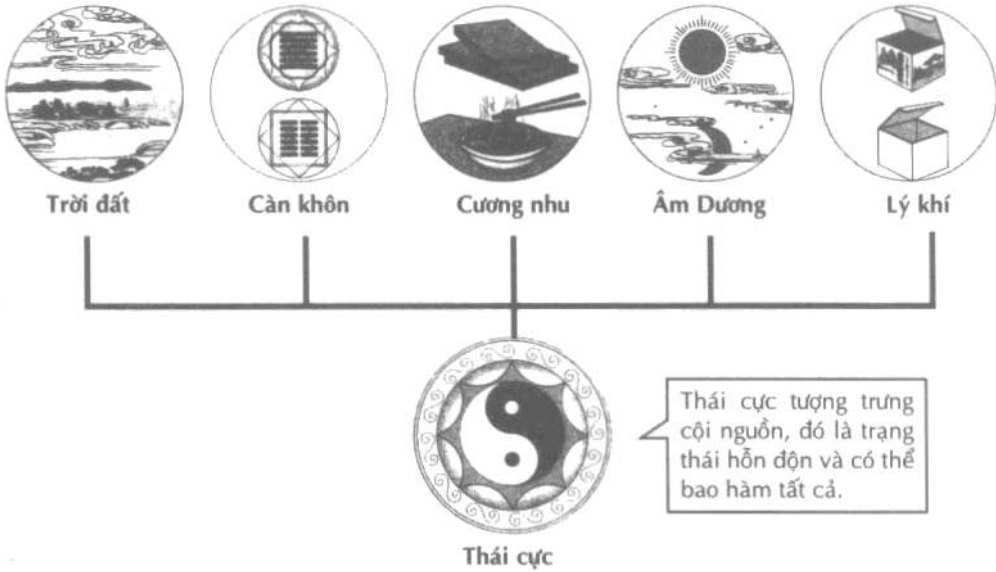
Trạng thái hỗn độn và vũ trụ là nguồn gốc hình thành Dịch lý, Hà đồ, Lạc thư, Thái cực, Âm Dương, Bát quái là hình thức thể hiện trạng thái và quy luật vận động của vũ trụ. Vũ trụ là vật dung nạp vạn vật, vạn vật tuân theo quy luật của vũ trụ mà vận chuyển theo trật tự. “Huyền” là đạo trời, nghĩa là thay đổi thất thường, biến hoá khôn lường, tượng trưng cho Hà đồ, Thái cực, Tiên thiên Bát quái và số một. “Không” là đạo đất, nghĩa là thời gian, thời không, nguyên vận, tượng trưng



cho Lạc thư, Âm Dương, Hậu thiên Bát quái và số chín. “Huyền không” chính là sự biến hoá không có trật tự của Dịch lý trong phong thuỷ, nhưng nó lại có thể thao tác và vận dụng một cách cụ thể và có trật tự.

## THÁI CỰC VÀ HUYỀN KHÔNG

Thái cực là sơ là nhất, có thể biến thành vạn vật, và cũng có thể biến hoá khôn lường. Thái cực vốn là thể hỗn hợp của tất cả những sự vật tương đối như trời đất, càn khôn, cương nhu, Âm Dương, lý khí,... có thể phân chia không ngừng. Nhưng dù có trải qua bao nhiêu lần phân chia thì phân tử của nó mãi vẫn là Thái cực, cũng chính là một.



Đồng thời, Thái cực lại là lý của vạn vật trong trời đất. Trên trời, là thiên lý; Dưới đất, là địa lý; Trong giới vạn vật, là vật lý; Về con người, là nhân lý. Mỗi một luân lại có lý riêng, là con người thì phải có lý của mình. “Thiên địa hợp đức, nhật nguyệt hợp sáng, tứ thời hợp trật tự, quỷ thần hợp cát hung”. Đó chính là “cùng lý tận tính dĩ chí vu mệnh” (cùng tận cái lý, cùng tận cái tính để đạt được đến mệnh). Dù có đạt tới thiên mệnh thì vẫn quay về với Thái cực của vũ trụ.

THẾ NÀO LÀ PHONG THỦY HUYỀN KHÔNG?



## GIẢI THÍCH Ý NGHĨA CỦA TÁM TƯỢNG QUÊ

*Sự quy nạp tượng của vạn vật vào hệ thống Bát quái xuất hiện sớm nhất trong “Mai hoa dịch số” của Thiệu Khang Tiết đời Tống. Vạn vật trong vũ trụ đều không thể thoát ra khỏi phạm vi của tượng Bát quái, trời có vạn tượng, vật có vạn loại, dùng Bát quái để mô phỏng hình tượng của vạn vật.*

Mỗi tinh số trong Huyền không phi tinh phối với một quẻ, tức một là Nhất Bạch phối với quẻ Khảm, hai là Nhị Hắc phối với quẻ Khôn, ba là Tam Bích phối với quẻ Chấn, bốn là Tứ Lục phối với quẻ Tốn, sáu là Lục Bạch phối với quẻ Càn, bảy là Thất Xích phối với quẻ Đoài, tám là Bát Bạch phối với quẻ Cấn, chín là Cửu Tử phối với quẻ Ly. Năm là Ngũ Hoàng không phối với quẻ nào, thuộc trung cung, là biến số, tượng trưng nhập trung cung. Mỗi tinh số tức người và vật thể hiện trong mỗi quẻ chính là những kiến thức cơ bản cần nắm vững do vận dụng Huyền không phi tinh để luận bàn cát hung của trạch vận.

### SỐ 1, QUÊ KHẨM, CUNG CHÍNH BẮC

**Ngũ hành:** Thủy

**Thiên thời:** Trăng, mưa, tuyết, sương, nước.

**Địa lý:** Phía bắc, ao hồ, sông suối, giếng nước, nơi ẩm thấp.

**Nhân vật:** Trung nam, người trên sông nước, đạo tặc.

**Nhân sự:** Ngoài nhu trong cương, phiêu bạt bất định, a dua theo người.

**Cơ thể:** Thân thể, huyết, thận.

**Các mùa:** Đông, tháng 11, ngày, giờ, tháng, năm Tý, ngày mùng 1, mùng 6.

**Tinh vật:** Vật có hạt, đồ đựng rượu, đựng nước, muối, rượu.

**Động vật:** Lợn, cá, vật dưới nước, cáo.

**Nhà cửa:** Nhà hướng bắc, nơi gần nước, thủy tạ, nơi ẩm thấp trong nhà.

**Ẩm thực:** Thịt lợn, rượu, đồ lạnh, đồ biển, nước canh, vị chua, cá, thứ có hạt, thứ dưới nước, thứ có nhiều xương.

**Gia trạch:** Không yên, cần đề phòng trộm cướp.

**Hôn nhân:** Lợi cho hôn nhân của trung nam, nên lấy người ở phía bắc, không nên lấy người sinh tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

**Sinh đẻ:** Khó sinh, trung nam, tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi không tốt, hợp hướng Bắc.

**Cầu danh:** Khó khăn, e là gặp nguy hiểm, nên làm việc ở phía bắc, có thể làm muối.

**Cầu lợi:** Có của nhưng cần đề phòng trộm cướp, nên để cạnh nơi có nước, thuận lợi với nghề làm cá, bán rượu.



**Giao dịch:** Công việc khó thành, nên làm ăn ở nơi gần nước.

**Mưu toan:** Không nên mưu toan tính toán, không có hiệu quả, có thể cầu vào mùa đông hoặc thu.

**Xuất hành:** Không nên đi xa, hợp với hướng bắc, để phòng trộm cướp, chết đuối.

**Gặp gỡ:** Khó gặp, nên gặp người sống giang hồ, hoặc người có họ liên quan đến Thủy.

**Bệnh tật:** Đau tai, đau tim, viêm nhiễm, bệnh thận.

**Kiện tụng:** Không có lợi, gặp nguy hiểm.

**Họ tên:** Họ có liên quan đến Thủy.

**Con số:** 1, 6.

**Phương vị:** Phía bắc.

**Ngũ vị:** Mặn, chua.

**Màu sắc:** Màu đen.

### SỐ 2, QUÊ KHÔN, CUNG TÂY NAM

**Ngũ hành:** Thổ.

**Thiên thời:** Mây mù, nhiều sương.

**Địa lý:** Phía Tây nam, quê nhà, nơi có địa hình cao.

**Nhân vật:** Bà, mẹ, bác gái.

**Nhân sự:** Hà tiện, nhu thuận, nhu nhược, tiểu nhân.

**Cơ thể:** Bụng, lá lách, dạ dày.

**Các mùa:** Tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi; giờ, tháng, năm Mùi, Thân; ngày, tháng 8, 5, 10.

**Tinh vật:** Vật hình vuông, vật mềm, vật có chất liệu bằng vải, tơ, ngũ cốc, xe cộ, búa rìu, đồ sành sứ.

**Động vật:** Trâu bò, muông thú, ngựa.

**Nhà cửa:** Phía tây nam, thôn xóm, nhà thấp, nhà kho.

**Gia trạch:** Yên ổn, nhiều Âm khí, mùa xuân gia trạch không yên.

**Ẩm thực:** Thịt bò, củ dưới đất, vị ngọt, thuộc họ ngũ cốc.

**Hôn nhân:** Lợi về hôn nhân, nhưng mùa xuân lại không lợi.

**Sinh đẻ:** Dễ sinh, mùa xuân khó sinh, có khả năng bị sảy thai hoặc ảnh hưởng tới người mẹ, hợp với hướng tây nam.

**Cầu danh:** Có danh, hợp với hướng tây nam, có thể làm chức quan về nông nghiệp.

**Giao dịch:** Công việc thuận lợi, nên kinh doanh bất động sản, lương thực, vải vóc.

**Cầu lợi:** Có lợi, mùa xuân bình thường.

**Mưu vượng:** Có kết quả, nhưng mùa xuân không được như ý muốn.

**Xuất hành:** Hợp với hướng tây nam, nên đi đến nông thôn, nên đi đường bộ, mùa xuân không có lợi.

GIẢI  
THÍCH  
Ý NGHĨA  
CỦA  
TÁM  
TƯỢNG  
QUÊ





**Gặp gỡ:** Có thể gặp, nên gặp bạn thân hoặc phụ nữ, không nên gặp vào mùa xuân.

**Bệnh tật:** Đau bụng, đau dạ dày, ăn uống khó tiêu, chán ăn.

**Kiện tụng:** Thuận lợi, được mọi người ủng hộ.

**Họ tên:** Mang họ liên quan đến Thổ.

**Con số:** 2, 8.

**Phương vị:** Tây nam

**Ngũ vị:** Ngọt.

**Màu sắc:** Vàng, đen.

### SỐ 3, QUÊ CHẤN, CUNG CHÍNH ĐÔNG

**Ngũ hành:** Mộc.

**Thiên thời:** Sấm.

**Địa lý:** Phía đông, nơi có nhiều cây cối, nơi có bầu không khí náo nhiệt.

**Cơ thể:** Chân, gan, tóc, giọng nói.

**Nhân vật:** Trưởng nam.

**Nhân sự:** Dễ kích động, bực tức.

**Các mùa:** Tháng hai mùa xuân; ngày, giờ, tháng, năm Mão; ngày, tháng 3, 4, 8.

**Tinh vật:** Tre trúc, lau sậy, nhạc cụ, hoa cỏ.

**Động vật:** Rồng, rắn, côn trùng, ngựa.

**Nhà cửa:** Nhà hướng Đông, nơi núi rừng, lầu gác.

**Gia trạch:** Trong nhà luôn có tin không vui, mùa xuân tốt, mùa thu không tốt.

**Ẩm thực:** Móng, thịt, quả chua, rau xanh, cá chép.

**Hôn nhân:** Có thành, nhà có danh tiếng, lợi cho trưởng nam, mùa thu không tốt.

**Cầu lợi:** Kiếm của từ rừng núi, nên cầu tài ở nơi đồng người.

**Cầu danh:** Có danh, hợp với hướng đông, làm quan ngục, nhà kinh doanh.

**Sinh đẻ:** Động thai, sinh con trai, hợp hướng đông, mùa thu không tốt.

**Bệnh tật:** Đau chân, viêm gan, tinh thần khủng hoảng.

**Mưu vọng:** Có kết quả, mùa thu không được toại nguyện.

**Giao dịch:** Công việc thuận lợi, mùa thu hơi trắc trở.

**Kiện tụng:** Không mấy thuận lợi.

**Gặp gỡ:** Nên gặp người nơi rừng núi, người có danh tiếng.

**Xuất hành:** Lợi về hướng đông, mùa thu hạn chế đi lại.

**Họ tên:** Họ liên quan đến Mộc.

**Con số:** 3, 7.

**Phương vị:** Đông.



**Ngũ vị:** Ngọt, chua.

**Màu sắc:** Tím than, xanh ngọc.

#### SỐ 4, QUÊ TỐN, CUNG CHÍNH ĐÔNG

**Ngũ hành:** Mộc.

**Thiên thời:** Gió.

**Địa lý:** Phía đông nam, nơi có cây cối tốt tươi, hoa quả trĩu cành.

**Nhân vật:** Trưởng nữ, quả phụ, đạo sỹ, bản tãng.

**Nhân sự:** Chấn chừ do dự, lập trường không vững vàng.

**Cơ thể:** Đùi, khí.

**Các mùa:** Giao mùa xuân hè; giờ, ngày, tháng 2, 5, 8; giờ, ngày, tháng Thìn, Ty.

**Tính vật:** Cây cối, sấm, dây thừng, thực vật, tre nứa, lông gà.

**Động vật:** Gà, gia cầm, rắn.

**Nhà cửa:** Nhà hướng đông nam, nơi rừng núi.

**Gia trạch:** Yên ổn.

**Ẩm thực:** Thịt gà, rau quả có vị chua.

**Hôn nhân:** Thành công, tốt cho trưởng nữ, mùa thu không có lợi.

**Sinh đẻ:** Dễ sinh, sinh mùa thu ảnh hưởng đến thai nhi, hợp với hướng đông nam.

**Cầu danh:** Có danh, làm nghề viết văn, luật sư, buôn bán.

**Cầu lợi:** Mùa thu không có lợi, nên cầu ở nơi rừng núi.

**Giao dịch:** Có thành, công việc thuận lợi.

**Mưu vượng:** Có kết quả, mùa thu không được toại nguyện.

**Xuất hành:** Nên đi về hướng đông nam, mùa thu hạn chế đi lại.

**Gặp gỡ:** Nên gặp người ở nơi rừng núi, người làm nghề văn chương.

**Bệnh tật:** Bệnh phong, trúng gió, bệnh đường ruột.

**Họ tên:** Họ liên quan đến Mộc.

**Kiện tụng:** Nên giảng hoà.

**Con số:** 4, 6.

**Phương vị:** Đông nam.

**Ngũ vị:** Chua.

**Màu sắc:** Xanh lục, xanh ngọc, trắng.





## SỐ 6, QUÊ CÀN, CUNG CHÍNH BẮC

**Ngũ hành:** Kim.

**Thiên thời:** Băng, mưa đá.

**Địa lý:** Phía tây bắc, nơi có địa hình cao ráo.

**Nhân vật:** Danh nhân, viên chức nhà nước.

**Nhân sự:** Quyết đoán, mạnh mẽ, kiên cường.

**Cơ thể:** Đầu, xương, phổi.

**Các mùa:** Mùa thu, cuối tháng 9, đầu tháng 10; tháng, năm Tuất, Hợi.

**Động vật:** Ngựa, thiên nga, sư tử, voi.

**Tính vật:** Châu báu, vật cứng, gương, mũ.

**Tính tú:** Nhà vệ sinh công cộng, nhà hàng, khách sạn, nhà hướng tây bắc.

**Gia trạch:** Mùa thu hưng thịnh, mùa hè gặp họa, mùa đông lạnh lẽo, mùa xuân an lành.

**Hôn nhân:** Nhà có danh tiếng, nên tiến hành vào mùa thu, mùa đông và mùa hè không có lợi.

**Ẩm thực:** Gan phổi, ốc động vật, đồ cay, có nhiều xương.

**Sinh đẻ:** Dễ sinh, mùa thu sinh quý tử, mùa hè gặp trắc trở, lợi về hướng tây bắc.

**Cầu danh:** Có danh, được nắm quyền trong tay, có thể làm đại sứ, phát ngôn viên, lợi hướng tây bắc.

**Mưu lược:** Mùa hè không thành, mùa đông không được toại nguyện.

**Giao dịch:** Nên kinh doanh vàng, trang sức.

**Cầu lợi:** Mùa thu không có lợi, mùa hè hao hụt, mùa đông không có lãi.

**Xuất hành:** Lợi hướng tây bắc.

**Gặp gỡ:** Nên gặp người có đức hạnh, có địa vị.

**Bệnh tật:** Bệnh phổi, đau nhức gân cốt.

**Kiện tụng:** Có quý nhân giúp đỡ, mùa thu đắc thắng.

**Phương vị:** Hướng tây bắc.

**Màu sắc:** Đỏ, đen.

**Họ tên:** Họ liên quan đến Kim, người này trong hàng huynh đệ có thể là anh cả.

**Con số:** 1, 4, 9.

**Ngũ vị:** Đắng, cay.

## SỐ 7, QUÊ ĐOÀI, CUNG CHÍNH TÂY

**Ngũ hành:** Kim.

**Thiên thời:** Mưa, trăng non, sao.

**Địa lý:** Ao hồ, giếng nước thái.

**Nhân vật:** Thiếu nữ, ca kỹ, phiên dịch, thầy bói.

**Nhân sự:** Ẩm thực, phi băng, đặt điều.

**Cơ thể:** Lưỡi, miệng, cổ họng, phổi, đờm, nước bọt.

**Các mùa:** Tháng 8 mùa thu; giờ, ngày, tháng, năm Dậu; ngày, tháng, năm Kim; ngày, tháng 2, 4, 9.

**Tinh vật:** Nhạc cụ, phế thái, đồ bó đi, vật khuyết miệng, có miệng.

**Động vật:** Dê, con vật dưới ao hồ.

**Nhà cửa:** Nhà hướng tây, nơi gần ao hồ.

**Gia trạch:** Không yên, dễ phòng tai tiếng, mùa thu có tin vui, mùa hè gặp họa.

**Ẩm thực:** Thịt dê, đồ có vị đắng, cay.

**Hôn nhân:** Không thành, mùa thu có tin vui, lợi cho thiếu nữ, mùa hè không có lợi.

**Sinh đẻ:** Không tốt, có thể bị sảy thai hoặc sinh con gái, lợi về hướng tây.

**Cầu danh:** Khó thành, vì tiếng tăm mà chịu tổn hại, lợi hướng tây, nên làm quan ngục, quan võ, phiên dịch.

**Cầu lợi:** Không có lợi, mùa thu có tin vui, mùa hè không có lợi.

**Xuất hành:** Không nên đi xa, dễ phòng tai tiếng, mất mát, nên đi về phía tây, đi vào mùa thu.

**Giao dịch:** Khó thành, phải cạnh tranh, mùa thu công việc thuận lợi.

**Gặp gỡ:** Lợi hướng tây, có người nguyện nũa.

**Bệnh tật:** Bệnh về miệng lưỡi, cổ họng, khó thở, chán ăn.

**Kiên tụng:** Kiên tụng triền miên, không giải quyết được, vì thế phải chịu tổn thất, mùa thu có thể đắc thắng.

**Họ tên:** Họ liên quan đến Kim.

GIẢI  
THÍCH  
Ý NGHĨA  
CỦA  
TÁM  
TƯỢNG  
QUÊ





**SỐ 8, QUÊ CẤN, CUNG ĐÔNG BẮC**

**Ngũ hành:** Thổ.

**Thiên thời:** Mây, sương mù.

**Địa lý:** Núi, gò đồi, mỏ mỏ, phía đông bắc.

**Nhân vật:** Thiếu nam, bé trai.

**Nhân sự:** Chẩn chữ do dự, không có chính kiến.

**Cơ thể:** Ngón tay, xương, mũi, lưng.

**Các mùa:** Giờ, ngày, tháng, năm Sửu, Dần; tháng 12; ngày, tháng 5, 7, 10.

**Tính vật:** Đất, đá, vật trong đất, vật mọc từ gỗ.

**Động vật:** Hổ, chó, chuột, muông thú, cáo.

**Gia trạch:** Yên ổn, mọi việc đều gặp trắc trở, gia đình bất hoà.

**Nhà cửa:** Nhà hướng đông bắc, vùng núi, nơi gần đá, gần đường.

**Ẩm thực:** Thịt muông thú, măng.

**Hôn nhân:** Khó thành, dù có thành cũng rất muộn, lợi cho thiếu nam, nên lấy người cùng quê, mùa xuân không tốt.

**Cầu danh:** Không thành, lợi hướng đông bắc.

**Cầu lợi:** Gặp trắc trở, mùa xuân có mất mát.

**Giao dịch:** Khó thành.

**Xuất hành:** Không nên đi xa, gặp trắc trở, nên đi gần đất liền.

**Gặp gỡ:** Gặp trắc trở, nên gặp người ở rừng núi.

**Bệnh tật:** Bệnh về ngón tay, dạ dày, lá lách.

**Kiện tụng:** Không giải quyết được.

**Họ tên:** Họ liên quan đến Thổ.

**Con số:** 5, 7, 10.

**Phương vị:** Phía đông bắc.

**Màu sắc:** Vàng.



**SỐ 9, QUẾ LY, CUNG CHÍNH NAM**

**Ngũ hành:** Hoá.

**Thiên thời:** Điện, cầu vồng, mặt trời.

**Địa lý:** Phía nam, nơi khô ráo, lò luyện.

**Nhân vật:** Trung nữ, văn nhân, quân nhân, người bị bệnh về mắt.

**Nhân sự:** Thông minh, giỏi giang, xinh đẹp.

**Cơ thể:** Mắt, tim, thượng tiêu.

**Các mùa:** Tháng 5 mùa hè; giờ, ngày, tháng, năm Ngọ; ngày 2, 3, 7.

**Tính vật:** Lửa, sách, lò lửa, chữ, giáp cốt, giáo mác, áo thô, vật khô khan.

**Động vật:** Gà rừng, rùa, ba ba, cua, ong.

**Nhà cửa:** Nhà hướng nam, cửa sổ thoáng dăng, thư phòng.

**Gia trạch:** Yên ổn, mùa đông không được yên, gặp hoả hoạn.

**Ẩm thực:** Thịt gà rừng, đồ chiên xào.

**Hôn nhân:** Không thành, lợi cho hôn nhân của trung nữ, mùa hè có thể thành, mùa đông không tốt.

**Sinh đẻ:** Dễ sinh, sinh trung nữ, lợi hướng nam.

**Cầu danh:** Lợi hướng nam, làm quan văn.

**Cầu lợi:** Nên cầu về hướng nam, có kết quả.

**Giao dịch:** Có thành, nên làm ăn trên giấy tờ.

**Xuất hành:** Lợi hướng nam, mùa đông không nên đi, không nên đi bằng thuyền.

**Gặp gỡ:** Có thể gặp người ở phía nam.

**Kiện tụng:** Được giải quyết rõ ràng.

**Bệnh tật:** Mệnh về mắt, tim, thượng tiêu, bệnh nhiệt, ôn dịch.

**Họ tên:** Họ liên quan đến Hoả.

**Con số:** 2, 3, 7.

**Phương vị:** Phía nam.

**Ngũ vị:** Đắng.

**Màu sắc:** Đỏ, tím.

của  
mày  
mình  
của  
tên  
này  
quê





## SỰ VƯỢNG, CHUYỂN DỊCH CỦA CỬU TINH THEO NGUYÊN VẬN

***Trong không gian vũ trụ, Cửu tinh luôn vận hành tuần hoàn không ngừng nghỉ theo các quỹ đạo nhất định. Cùng với sự chuyển đổi Âm - Dương trong quá trình vận hành của vũ trụ, và cùng với sự giao hoán qua lại của Âm Dương, đã hình thành nên Tam nguyên cửu vận và trạng thái suy vượng chuyển dịch.***

Cửu tinh có nguồn gốc từ thiên văn học. Trong vũ trụ có chòm sao Bắc Đẩu gồm bảy ngôi, thứ nhất là Tham Lang, thứ hai là Cự Môn, thứ ba là Lộc Tồn, thứ tư là Văn Khúc, thứ năm là Liêm Trinh, thứ sáu là Vũ Khúc, thứ bảy là Phá Quân, bảy ngôi sao này được gọi chung là Bắc Đẩu thất tinh. Bên cạnh chòm sao Bắc Đẩu có hình như chiếc gáo cán dài, còn có hai ngôi sao nữa, trong đó một ngôi gọi là Hữu Bật, ở bên phải Vũ Khúc, một ngôi gọi là Tả Phụ, ở bên trái Vũ Khúc. Chòm Bắc Đẩu thất tinh cùng với hai sao Tả Phụ, Hữu Bật cùng sự định vị tương đối của nó hình thành nên Cửu tinh. Chòm sao Bắc Đẩu vận chuyển quanh sao Bắc Cực thuận chiều kim đồng hồ, sao Bắc Đẩu ở vị trí chính bắc của trái đất, là hằng tinh, định vị bất động. Số Cửu cung Lạc thư và phương vị Bát quái chính là được xác định theo quá trình chuyển động quanh sao Bắc Cực của chòm sao Bắc Đẩu.

Khái niệm Cửu tinh trong phong thủy, trên thực tế, chính là được xác định theo thuộc tính của số Cửu cung Lạc thư và phương vị Bát quái. Trong vũ trụ, Cửu tinh không ngừng vận chuyển tuần hoàn theo quỹ đạo trong không gian vũ trụ, cùng với sự chuyển đổi Âm - Dương trong quá trình vận hành của vũ trụ, và cùng với sự giao hoán qua lại của Âm Dương, đã hình thành nên Tam nguyên cửu vận, gây bức xạ từ trường đến trái đất và các thiên thể khác. Cửu tinh cũng thay đổi lúc suy lúc thịnh theo sự thay đổi của không gian và sự thay đổi của Tam nguyên cửu vận. Sự vượng suy của Nguyên vận được thể hiện bởi những hiệu ứng cát hung khác nhau, đó chính là điều quan trọng để luận bàn cát hung của gia trạch của Huyền không phong thủy học. Tức là cửu tinh phi nhập vào Cửu cung và mối quan hệ với môi trường xung quanh nhà ở, nếu hợp, vượng thì cát, còn suy thì hung.

Huyền không học luận bàn trạch vận theo phép tứ phân (phép chia 4) để nhận biết sự vượng suy của cửu tinh, phép tứ phân này được gọi là "Tứ đại tôn thân", tức là "sinh, vượng, suy, tử" trong Tam nguyên cửu vận của cửu tinh. Quy tắc phán đoán sự vượng suy của Tam nguyên cửu vận là dựa vào cơ sở "đương vận là vượng", "tương lai là sinh", "đã qua là suy", "qua lâu là tử". Ví dụ hiện tại là vận 8 thuộc Hạ nguyên, do vậy Bát Bạch chính là vượng tinh đương vận; Cửu Tử là nguyên vận của tương lai, là Sinh khí; Vận 7, Vận 6 là nguyên vận của quá khứ, chính là vận suy, vận trước của vận suy, cách vận vượng khá lâu chính là vận tử, như Tứ Lục, Tam Bích,... Trong Huyền không phong thủy học, vận đương vượng được gọi là Thiên tâm chính vận, vận đương vận còn được gọi là vận đương nguyên. Phi tinh cùng với sự luân chuyển của khí vận, căn cứ theo thời vận mà có sự khác biệt, cho nên có sự khác biệt về vượng suy.



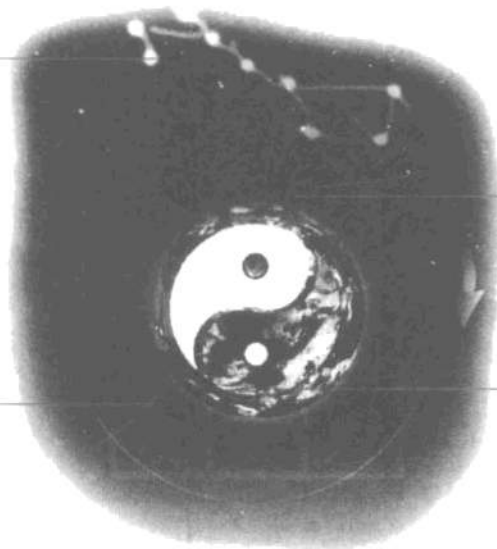


# TRẠNG THÁI SUY VƯỢNG CỦA TAM NGUYÊN CỬU VẬN



## TAM NGUYÊN CỬU VẬN VÀ TRÁI ĐẤT

Quy đạo di chuyển của cửu tinh



Sự ảnh hưởng bức xạ đối với trái đất

Cửu cung phi tinh

Trái đất

## BẢNG SINH VƯỢNG THOẢI TỬ SÁT KHÍ CỦA CỬU TINH TRONG TAM NGUYÊN CỬU VẬN

Tam nguyên	Vận	Chủ tinh	Vượng	Tá khí	Sinh khí	Sát khí	Thoái khí	Tử khí
Thượng nguyên	Nhất	Tham Lang	Nhất Bạch	Lục Bạch	Nhị Hắc, Lục Bạch	Thất Xích, Cửu Tử	Tam Bích	Nhị, Cửu
	Nhị	Cự Môn	Nhị Hắc	Bát Bạch	Tam Bích	Ngũ Hoàng, Thất Xích	Nhất Bạch	Lục, Bát, Cửu
	Tam	Lộc Tồn	Tam Bích	Bát Bạch	Tứ Lục	Thất Xích, Cửu Tử	Nhị Hắc	Nhất, Ngũ, Bát, Cửu
Trung nguyên	Tứ	Văn Khúc	Tứ Lục	Nhất Bạch	Ngũ Hoàng, Lục Bạch	Thất Xích, Cửu Tử	Tam Bích	Nhị, Cửu
	Ngũ	Liêm Trinh	Ngũ Hoàng	Nhất, Bát Bạch	Lục Bạch	Nhị Hắc, Cửu Tử	Tam Bích, Tứ Lục	Nhị, Cửu
	Lục	Vũ Khúc	Lục Bạch	Nhất, Bát Bạch	Thất Xích	Nhị Hắc, Tam Bích	Ngũ Hoàng	Tứ, Cửu, Nhất
Hạ nguyên	Thất	Phá Quân	Thất Xích	Nhất Bạch	Bát Bạch, Cửu Tử	Nhị Hắc, Tam Bích, Ngũ Hoàng	Lục Bạch	Nhị, Tam, Tứ
	Bát	Tả Phụ	Bát Bạch	Nhất Bạch	Cửu Tử	Tam Bích, Ngũ Hoàng	Thất Xích	Nhất, Nhị, Lục
	Cửu	Hữu Bật	Cửu Tử	Nhất Bạch	Nhất Bạch	Tam Bích, Ngũ Hoàng	Bát Bạch	Nhị, Tam, Thất

SỰ SUY VƯỢNG, CHUYỂN DỊCH CỦA CỬU TINH THEO NGUYÊN VẬN





## ỨNG DỤNG LINH THẦN, CHÍNH THẦN

*Chính thần và Linh thần là thần vị được hình thành bởi phép nhị phân trong phong thủy học. Phương vị khí dương vượng trong nguyên vận là Chính thần, vị trí đối diện là Linh thần. Sử dụng đúng Linh thần và Chính thần sẽ khiến cho gia trạch có được đại phúc.*

### Chính thần và Linh thần

Huyền không phong thủy học vận dụng phép nhị phân để chia thành Chính thần và Linh thần. Chính thần là chỉ phương vị khí vượng tại đương nguyên, còn vị trí đối diện với Chính thần chính là Linh thần. Do Chính thần và Linh thần là Âm Dương song đôi nên gọi là Âm Dương linh chính. Chính thần là Dương, Linh thần là Âm, Âm Dương đối lập, một sinh một thành.

### Cách dùng Chính thần và Linh thần

Trong vận Nhất Bạch, Cửu Tử là Linh thần, là Sinh khí của nguyên vận, có thể yên tâm sử dụng. Trong vận Nhị Hắc, Bát Bạch là Linh thần, mà Bát Bạch lại là sao phụ trợ trong Tam nguyên, cho nên cũng có thể dùng để bổ cứu. Trong vận Tam Bích, Thất Xích là Linh thần, Tam Bích thuộc Mộc, Thất Xích thuộc Kim, Kim đến khắc Mộc, tuy là Linh thần của vận 3, nhưng lại không thể sử dụng. Trong vận Tứ Lục, Lục Bạch là Linh thần, mà Tứ, Ngũ, Lục đã thuộc quẻ Tam ban Liên châu, Lục Bạch lại là một trong ba cát tinh, có thể sử dụng để bổ cứu. Trong vận Ngũ Hoàng, Nhị Hắc và Bát Bạch, Thổ khí trùng trùng, tự nhiên có thể suy đoán là Linh thần, tuy nhiên, Nguyên vận tương đối xa nên không có tác dụng. Trong vận Lục Bạch, Tứ Lục tuy thuộc quẻ Tam ban, nhưng khá gần với tính hung nên cũng không thể sử dụng. Trong vận Thất Xích, Tam Bích là Linh thần, nhưng do thuộc Tử khí nên tuyệt đối không thể sử dụng. Trong vận Bát Bạch, Nhị Hắc là Linh thần, Tam Bích của vận 7 cũng chỉ là hung tính giảm bớt chút ít, cũng không nên sử dụng. Trong vận Cửu Tử, Nhất Bạch là Linh thần, cũng là Sinh khí của vận 9, cần phải coi trọng.

Cung vị của Linh thần thủy hợp với số của Nguyên vận thành số 10, đó là Chính cát linh thần. Ví dụ, Cửu Tử của vận Nhất Bạch là Linh thần, lại là Sinh khí của Nguyên vận, hợp lại là 10, đó chính là Chính cát linh thần. Những cung vị của Thủy hợp với Nguyên vận mà sinh thành thì là Thôi cát chiếu thần. Nếu hai cung số hợp lại thì là Linh thần chiếu thần. Vì vậy vận của Nhất, Nhị, Tam, Tứ phải thu thủy của Cửu, Bát, Thất, Lục, là Chính cát linh thần, thủy của Cửu, Bát, Thất, Lục là Thôi cát chiếu thần.

Trạch vận cục trong Huyền không phong thủy học coi sao đương lệnh nhập sơn, nhập hướng là tốt nhất. Nếu tổng của cung và số là 10, lại gặp Chính thần và Linh thần, tức Linh thần thập thủy, phát phúc rất nhanh.

Điểm đáng chú ý trong cách cục Linh chính thời chiếu trong Huyền không phong thủy học là ở việc vận dụng về "thu sơn xuất sát quyết", nếu Long thần



trong Thủy có thể phối hợp với Linh thần thì tại phương vị Linh thần sẽ có ba nơi tụ nước, đó là thủy khẩu, ao, hồ chứa nước. Trạch vận của nhà này tất sẽ phát phúc rất nhanh, đó chính là Chân linh thủy. Nếu Tam nguyên cửu vận trạch cục có thể phối hợp với môi trường của thủy thì có thể được trạch cục tọa sơn lập hướng Chân linh thủy, sẽ trở thành nhà đại phúc.



## CHÍNH THẦN, LINH THẦN VÀ TÀI PHÚC



### CỬU TINH VÀ CHÍNH THẦN, LINH THẦN

Cung vị của Thủy hợp với số của vận tạo thành số 10, là Chính cát thần Linh thần. Cung vị của thủy hợp sinh với vận (số hợp sinh của Hà đồ) là Thôi cát chiếu thần, hai thứ này cùng bổ sung cho nhau và hợp lại là Linh thần chiếu thần. Vì vậy, vận Nhất, Nhị, Tam, Tứ phải thu Thủy của Cửu, Bát, Thất, Lục, là Chính cát linh thần; Thủy của Lục, Thất, Bát, Cửu là Thôi cát chiếu thần.

Chủ vận	Linh thần	Chính thần	Thôi cát	Thôi sát	Cát chiếu	Hung chiếu
Vận 1	Ly 4	Khảm 1	Càn 6	Tốn 4	Đoài 7, Cấn 8	Khôn 2, Chấn 3
Vận 2	Cấn 8	Khôn 2	Đoài 7	Chấn 3	Càn 6, Ly 9	Khảm 1, Tốn 4
Vận 3	Đoài 7	Chấn 3	Cấn 8	Khôn 2	Càn 6, Ly 9	Khảm 1, Tốn 4
Vận 4	Càn 6	Tốn 4	Ly 9	Khảm 1	Đoài 7, Cấn 8	Khôn 2, Chấn 3
Vận 5 tiền	Tuất 6, Sửu 8	Tốn 4	Đinh 5	Khảm 1	Đoài 7, Cấn 8	Chấn 3
Vận 5 hậu	Thìn 4, Mùi 2	Càn 6	Quý Tỵ	Ly 9	Chấn 3	Đoài 7
Vận 6	Tốn 4	Càn 6	Khảm 1	Ly 9	Khôn 2, Cấn 8	Đoài 7, Cấn 8
Vận 7	Chấn 3	Đoài 7	Khôn 2	Cấn 8	Khảm 1, Tốn 4	Càn 6, Ly 9
Vận 8	Khôn 2	Cấn 8	Chấn 3	Đoài 7	Khảm 1, Tốn 4	Càn 6, Ly 9
Vận 9	Khảm 1	Ly 9	Tốn 4	Càn 6	Khôn 2, Chấn 3	Cấn 8, Ly 9

ỨNG DỤNG  
LINH THẦN,  
CHÍNH THẦN





## LINH THẦN THÔI CHIẾU VÀ TAM NGUYÊN CỬU VẬN TRẠCH CỤC

Điểm đáng chú ý trong cách cục Linh chính thôi chiếu trong Huyền không phong thủy học là ở việc vận dụng về “thu sơn xuất sát quyết”, nếu Long thần trong thủy có thể phối hợp với Linh thần thì tại phương vị Linh thần sẽ có ba nơi tụ nước, đó là thủy khẩu, ao, hồ chứa nước. Trạch vận của nhà này tất sẽ phát phúc rất nhanh, đó chính là Chân linh thủy.

Vận 1	Linh đường tại Ngọ, Đinh, có Thủy, sơn Tỵ hướng Ngọ, sơn Quý hướng Đinh là Chân linh thần thủy.
Vận 2	Linh đường tại Sửu, có Thủy, sơn Mùi hướng Sửu là Chân linh thần thủy.
Vận 3	Linh đường tại Dậu, Tân, có Thủy, sơn Mão hướng Dậu, sơn Ất hướng Tân là Chân linh thần thủy.
Vận 4	Linh đường tại Tuất, có Thủy, sơn Thìn hướng Tuất là Chân linh thần thủy.
Vận 5	Mười năm đầu linh đường tại Tuất, Sửu, có Thủy, sơn Thìn hướng Tuất, sơn Mùi hướng Sửu là Chân linh thần thủy. Mười năm sau linh đường tại Thìn, Mùi, có Thủy, sơn Tuất hướng Thìn, sơn Sửu hướng Mùi là Chân linh thần thủy.
Vận 6	Linh đường tại Thìn, có Thủy, sơn Tuất hướng Thìn là Chân linh thần thủy.
Vận 7	Linh đường tại Mão, Ất, có Thủy, sơn Dậu hướng Mão, sơn Tân hướng Ất là Chân linh thần thủy.
Vận 8	Linh đường tại Mùi, có Thủy, sơn Sửu hướng Mùi là Chân linh thần thủy.
Vận 9	Linh đường tại Tỵ, Quý, có Thủy, sơn Ngọ hướng Tỵ, sơn Đinh hướng Quý là Chân linh thần thủy.



## VẬN DỤNG CỬU TINH ĐỂ SUY ĐOÁN LƯU NIÊN

***Cửu tinh có thể phối hợp với Nguyên vận để phán đoán các sự việc. Khi Cửu tinh dương lệnh thì chủ về cát, còn khi Cửu tinh thất lệnh thì chủ về hung.***

### Sao dương lệnh

Khi thế vận vận hành đến một số trong khoảng từ 1 đến 9, thì Phi tinh tương trưng cho số này chính là sao dương lệnh. Nơi sao dương lệnh nhập vào, sao dương lệnh sẽ làm vượng phát cho phương đó căn cứ vào đặc tính sao đó, đồng thời tính hung của nó sẽ được ẩn đi. Trong vòng 20 năm dương vận đó, con số tương trưng cho Phi tinh đấy sẽ chính là con số dương thời đắc lệnh.

### Sao Nhất Bạch

Sao Nhất Bạch là Tham Lang, Ngũ hành thuộc Mộc, màu sắc là màu trắng, màu xanh lam và màu xám, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc Khảm. Khi đắc lệnh là Quan tài tinh, chủ về công danh và thăng quan, văn võ song toàn, trẻ tuổi đỗ đạt, tiếng tăm vang dội. Sao này khi đắc lệnh thì chủ về nam đình thông minh. Sao này cũng là Tài tinh, hợp với Lục Bạch, Bát Bạch là Tam đại tài tinh. Khi thất lệnh thì biểu hiện là kiếp đào hoa, đam mê tâu sắc, dễ vì tâu sắc mà phá tài tổn gia, mắc bệnh về tai hoặc thận, thậm chí là bệnh về đường sinh dục, bệnh AIDS, nữ thì bị ung thư tử cung hoặc ung thư vú.

### Sao Nhị Hắc

Sao Nhị Hắc là Cự Môn, Ngũ hành thuộc Thổ, màu sắc là màu vàng, màu nâu, phương vị Hậu thiên thuộc cung Khôn. Khi đắc lệnh thì sự nghiệp hưng thịnh, phát về điền Trạch, vượng đình vượng tài, sinh được quý tử, có thể xuất hiện anh tài. Phụ nữ cầm quyền, đa mưu, tiết kiệm, có thể làm nên nghiệp lớn. Sao này khi đắc lệnh thì dễ sinh thầy thuốc, tiên nhân. Khi thất lệnh thì lại có tên là Bệnh Phù, gặp nhiều tai ương họa hại nặng nề, mắc bệnh nan y mà chết, hoặc vì phá sản mà chết, trở thành quả phụ, đây là sao xấu nhất.

### Sao Tam Bích

Sao Tam Bích là Lộc Tồn, Ngũ hành thuộc Mộc, màu sắc là màu xanh ngọc, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc cung Chấn, phương chính đông. Khi đắc lệnh thì hưng gia lập nghiệp, tiền đồ xán lạn, có thể trở thành luật sư, đặc biệt vượng đối với ngành trường. Khi thất lệnh là sao Quan Phù, dễ gây kiện cáo thi phi, bị kẻ tiểu nhân hãm hại, trộm cướp vào nhà, phá tài, lao vào vòng tù tội. Hay kiện cáo, bệnh tật triền miên, khắc vợ, sao này dễ gây bệnh nhiễm trùng máu, bệnh về tay chân, đầu hoặc gan.

### Sao Tứ Lục

Sao Tứ Lục là Văn Khúc, Ngũ hành thuộc Mộc, màu sắc là màu xanh biếc, phương vị Hậu thiên Bát quái là phương Tốn, phía đông nam. Khi đắc lệnh là sao Văn Xương, giỏi về văn hoá nghệ thuật, thi cử đỗ đạt, tiền của dư dật, được



nhờ vợ hoặc có người chồng tốt, giỏi về văn chương. Nếu là trẻ con toạ ở nơi có sao này chiếu thì thông minh nhanh nhạy, học hành tiến tới. Khi thất lệnh thì có số đào hoa, vì quá đam mê tử sắc mà chuốc họa vào thân, dễ mắc các bệnh về gan, bệnh da liễu, đau lưng. Thời xưa, khi thất lệnh thì gặp chuyện xấu mà thất cổ tự tử, thời nay thì uống thuốc tự tử.



## ĐỒ HÌNH CỬU TINH (1)



Hình tượng Cửu tinh	Ngũ hành	Đắc lệnh	Thất lệnh
<p>Nhất Bạch Tham Lang</p>	<p>Thủy</p>	<p>Quan tài tinh, chủ về nổi danh và thăng quan, văn võ song toàn, trẻ tuổi đã đỗ đạt làm quan, tiếng tăm lừng lẫy.</p>	<p>Biểu hiện khi thất lệnh là kiếp đào hoa, rượu chè vô độ, dễ vì đam mê tử sắc mà tan cửa nát nhà, tất sẽ mắc bệnh thận hoặc bệnh về tai, thậm chí là bệnh về đường sinh dục, bệnh AIDS, nữ thì ung thư tử cung hoặc ung thư vú.</p>
<p>Nhị Hắc Cự Môn</p>	<p>Thổ</p>	<p>Khi đắc lệnh thì sự nghiệp hưng thịnh, phát về điền trạch, vượng đỉnh vượng tài, sinh tướng giỏi hoặc anh hào.</p>	<p>Khi thất lệnh là Bệnh Phù (Linh giới), sẽ gặp phải những chuyện hung hiểm nhất mà gây họa, chết vì bệnh nan y, hoặc vì phá sản, trong nhà chỉ còn quả phụ, đây là sao xấu nhất, cũng không kém Ngũ Hoàng phi tinh.</p>
<p>Tam Bích Lộc Tồn</p>	<p>Mộc</p>	<p>Khi đắc lệnh thì hưng gia lập nghiệp, tiền đồ xán lạn, có thể trở thành luật sư, đặc biệt vượng đối với ngành trường.</p>	<p>Khi thất lệnh là sao Quan Phù, bị kẻ tiểu nhân hãm hại, hay gây chuyện thị phi, trộm cướp, phá tài, kiện tụng liên miên, khắc vợ. Sao này dễ gây bệnh nhiễm trùng máu, bệnh về tay chân, đầu hoặc gan.</p>
<p>Tứ Lục Văn Khúc</p>	<p>Mộc</p>	<p>Khi đắc lệnh là sao Văn Xương, giỏi về văn hoá nghệ thuật, có tài văn chương, thi cử đỗ đạt, được nhờ vợ hoặc có người chồng tốt.</p>	<p>Khi thất lệnh là sao kiếp đào hoa, quá đam mê tử sắc mà gặp họa, dễ mắc bệnh về gan, đau lưng. Sao này thời xưa khi thất lệnh thì thất cổ tự tử, thời nay thì uống thuốc tự tử.</p>



## Sao Ngũ Hoàng

Sao Ngũ Hoàng là Liêm Trinh, Ngũ hành thuộc Thổ, màu sắc là màu vàng, phương vị Hậu thiên Bát quái là trung cung. Khi đắc lệnh thì oai phong khắp chốn, khi thất lệnh là Ngũ Hoàng sát (hay Chính Quan sát). Bị ảnh hưởng bởi từ trường của Thổ tinh, là sao xấu nhất trong chín sao. Sao này chuyên cai quản sự chết chóc, nghiêm trọng thì có tới người chết, khi gặp các sao khác có thể giảm bớt hung tính một chút, nhưng nếu gặp Nhị Hắc hoặc Tam Bích thì mắc bệnh nặng hoặc bệnh nan y, tai nạn đổ máu, tan cửa nát nhà, tự vẫn. Nơi có sao này chiếu tới sẽ gây linh giới âm tà, đây là sao xấu cần được giải quyết trước tiên sau khi thầy phong thủy nhập trạch.

## Sao Lục Bạch

Sao Lục Bạch là Vũ Khúc, Ngũ hành thuộc Kim, màu sắc là màu trắng, phương vị Hậu thiên Bát quái là hướng tây bắc. Khi đắc lệnh là Tài tinh, hợp với Nhất Bạch và Bát Bạch thành Tam đại tài tinh. Khi sinh vượng thì cá nhân đỉnh lãn tài phú đều vượng. Khi thất lệnh là Thất tài tinh, vì ham mê cờ bạc mà khuynh gia bại sản, mất của mất người, khiến trong nhà có người sống cô quá, gặp tai nạn bất ngờ, mắc bệnh phổi hoặc bị tàn tật.

## Sao Thất Xích

Sao Thất Xích là Phá Quân, Ngũ hành thuộc Kim, màu sắc là màu trắng, màu vàng, màu trắng bạc, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc hướng tây. Khi đắc lệnh thì tốt cho người sống bằng tài ăn nói, vì vậy 7 rất vượng cho ca sỹ, người diễn thuyết, nhà bói toán,... Đương lệnh Vận 7 tinh chú về vượng đỉnh vượng tài, lợi cho công tác truyền thông. Khi thất lệnh thì điều tiếng thị phi, đao kiếm gây thương tích, chết vì binh loạn, hoặc phải ngồi tù. Mắc các bệnh về đường hô hấp, miệng lưỡi và phổi.

## Bát Bạch tinh

Bát Bạch tinh là Tả Phụ, Ngũ hành thuộc Thổ, màu sắc là màu trắng, màu vàng nhạt, phương vị Hậu thiên Bát quái thuộc hướng đông bắc. Khi đắc lệnh là Thái Bạch tài tinh, sao này mang lại công danh phú quý và thành công về sự nghiệp, phát về điền trạch, thi cử đỗ đạt, là cát tinh đầu tiên trong Cửu tinh. Khi thất lệnh thì ruộng vườn phải nhượng cho người khác, mất người mái của, ôn dịch hoành hành, tay chân, lưng bị tổn thương, vì ham mê cờ bạc mà gia đình lụn bại, tiền bạc nhanh chóng tiêu tan.











## Sao Cửu Tử

Sao Cửu Tử là Hữu Bật, Ngũ hành thuộc Hoá, màu sắc là màu đỏ, màu tím, phương vị Hậu thiên Bát quái là chính nam. Khi đắc lệnh thì sao này là sao may mắn và sao ái tinh, mang lại nhân duyên tốt và số đào hoa, ở đâu cũng gặp may, luôn được quý nhân giúp đỡ, vượng cả đỉnh lãn tài, tăng nhân khẩu, phát về điền trạch, sự nghiệp thuận lợi. Khi thất lệnh là sao có kiếp đào hoa, chú về thổ huyết, giảm nhân đinh, phá sản nhanh chóng, lại gặp hoá hoạn, mắc bệnh tim, bị băng huyết...



## ĐỒ HÌNH CỬU TINH (2)



Hình tượng Cửu tinh	Ngũ hành	Đắc lệnh	Thất lệnh
 Ngũ Hoàng Liêm Trinh	 Thổ	Khi đắc lệnh thì oai phong khắp chốn, tiếng tăm lừng lẫy.	Khi thất lệnh là Ngũ Hoàng sát (Chính Quan sát), bị ảnh hưởng bởi từ trường của sao Thổ, là sao xấu nhất trong chín sao.
 Lục Bạch Vũ Khúc	 Kim	Khi đắc lệnh thì tốt cho người sống bằng tài ăn nói, nên vận 7 rất vượng về ca sỹ, người diễn thuyết, nhà bói toán, tốt cho công tác truyền thông.	Khi thất lệnh là Thất tài tinh, vì ham mê cờ bạc mà khuyh gia bại sản, trong nhà có quả phụ, gặp tai nạn đổ máu, bị tàn tật hoặc mắc bệnh phổi.
 Thất Xích Phá Quân	 Kim	Khi đắc lệnh thì hưng gia lập nghiệp, tiền đồ xán lạn, có thể trở thành luật sư, đặc biệt vượng đối với ngành trường.	Khi thất lệnh thì gây điều tiếng thị phi, chết vì binh đao, mắc bệnh về đường hô hấp, miệng lưỡi và bệnh phổi.
 Bát Bạch Tả Phụ	 Thổ	Khi đắc lệnh là Thái Bạch tài tinh, sao này mang lại công danh phú quý, sự nghiệp thành công, phát về diễn trạch, thi cử đỗ đạt, là cát tinh đầu tiên trong chín sao.	Khi thất lệnh thì ruộng vườn phải nhượng cho người khác, ôn dịch hoành hành, chân tay, lưng bị tổn thương, vì mê cờ bạc mà phá sản chóng vánh.
 Cửu Tử Hữu Bật	 Hoả	Khi đắc lệnh sao này là sao may mắn và sao ái tình, mang lại nhân duyên tốt và số đào hoa, liên tiếp đón nhận tin vui, tăng nhân khẩu, phát về diễn trạch, sự nghiệp thuận lợi.	Khi thất lệnh là sao có kiếp đào hoa, chủ về thổ huyết và bông lộc bị truy thu, giảm nhân đinh, phá sản chóng vánh, gặp hoá hoạn, mắc bệnh tim, bị băng huyết...



## CÁC LOẠI SÁT TINH CỦA NHÀ Ở

*Trạch vận sát tinh là biểu hiện của cảm ứng trường khí hình thành từ sự vận chuyển của Huyền không phi tinh. Đây là nội dung quan trọng nhằm “đón cát tránh hung” trong phong thủy Dương Trạch Huyền không.*

### Trạch vận sát tinh

Huyền không phi tinh là bộ môn khoa học chuyên luận đoán về trạch vận dựa theo sự thay đổi khôn lường của vũ trụ. Âm Dương, Ngũ hành sinh khắc là cơ sở hình thành nên vận vật, trạng thái động tĩnh, quá trình vận hành và biểu hiện vật chất của nó thực chất chính là sự tồn tại về cảm ứng của khí, vận vật là biểu hiện của sự thay đổi về trạng thái động tĩnh của khí. Huyền không vận dụng nguyên lý của khí vào nhà ở và tất cả các hoạt động của con người, nó có giá trị ứng dụng rất cao. Khi luận đoán trạch vận, Huyền không học đã suy luận cả về mặt cát và mặt hung, mặt hung ở đây chính là hiệu ứng của các loại sát khí. Sát khí là một thuật ngữ chuyên dùng trong phong thủy, thể hiện sự không may mắn, không tốt, không có lợi. Khi bàn về trạch vận thì tâm lý mọi người thường bàn về hung chứ không bàn về cát. Sát khí trong phong thủy có ảnh hưởng tiêu cực nhất định đối với nhà ở, sinh hoạt, công việc và các hoạt động khác của con người, nó có thể ảnh hưởng tới sự bình an của gia trạch và sự hưng suy của gia đạo.

### Tam sát

Khi nói tới trạch vận sát khí, phong thủy học thường chú trọng Tam sát, khi xây dựng nhà cửa, tuyệt đối không được phạm Tam sát. Tam sát có thể là Tam sát về phương vị, cũng có thể là Tam sát về thời gian. Ví dụ, vào năm Dậu, tra trong bảng ta thấy Dậu tam hợp địa chi với năm, tháng, ngày, giờ Tỵ, Dậu, Sửu. Trong thời điểm tam hợp địa chi năm, tháng, ngày, giờ này, thì hướng đông là vị trí Tam sát trong nhà, nếu trong các tháng Tỵ, Dậu, Sửu tiến hành khai trương hoặc động thổ tại phương vị Dần, Mão, Thìn sẽ phạm phải Tam sát.

Có bốn ảnh hưởng của Tam sát đối với trạch vận. Thứ nhất là xảy ra tai nạn bất ngờ, như tai nạn xe cộ. Thứ hai là phá tài, như đầu tư bị thất bại. Thứ ba là kiện tụng, điều tiếng, như bị tù tội. Thứ tư là không tốt cho sức khỏe, người trong nhà hay ốm đau bệnh tật. Vì vậy phạm là năm Tam sát, tháng Tam sát, đều không nên toạ sơn lập hướng và xây sửa, đặc biệt trong thời điểm thất vận, để tránh bị khí xung sát mà gây tai họa.

Tuy Tam sát nguy hiểm, nhưng cũng có cách khắc chế và lấy lại sự cân bằng. Khi phạm phải Tam sát về phương vị thì phải để một lượng nước nhất định tại phương sát để hạn chế hung tính của nó, phòng tránh nó phát tác, như vậy có thể hạn chế được 30% sát khí. Đồng thời cũng có thể để cây ở phương sát để hút hung khí của Tam sát, phòng tránh hung khí phát tán, như vậy có thể hạn chế được 70% sát khí. Nếu lại kết hợp với ngày vượng để động thổ thì có thể hạn chế được 90% sát khí.





# ẢNH HƯỞNG CỦA TAM SÁT

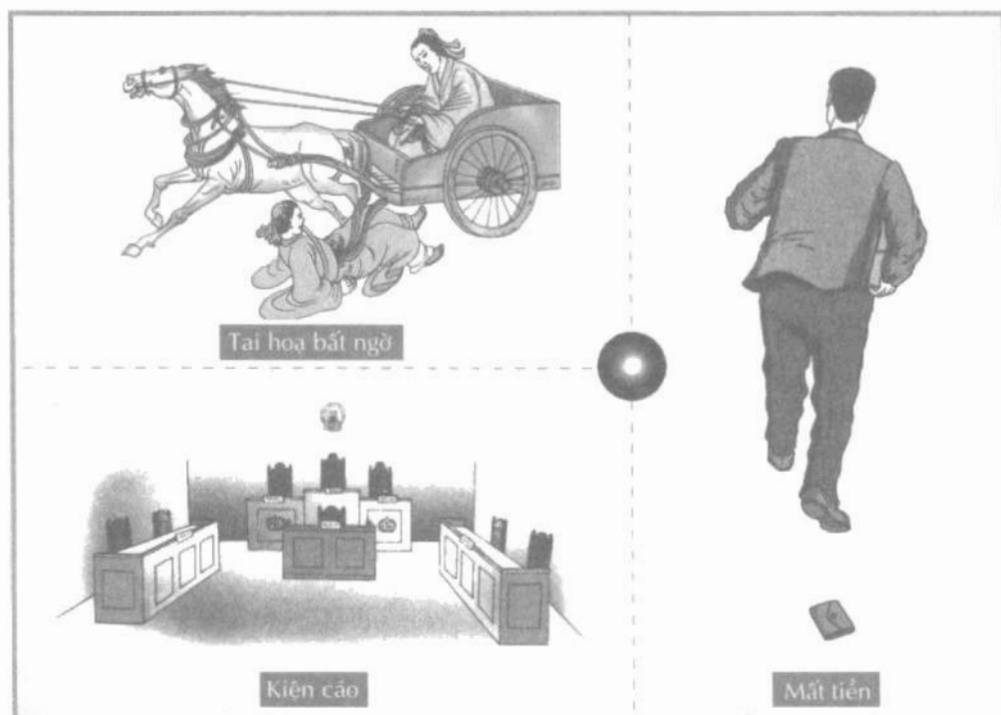


## TAM SÁT VÀ THỜI GIAN, PHƯƠNG VỊ

Tam sát có thể là Tam sát về phương vị, cũng có thể là Tam sát về thời gian. Mỗi quan hệ về thời gian và phương vị của Tam sát được thể hiện như bảng dưới đây.

Giờ, ngày, tháng, năm	Tam sát phương vị
Tỵ, Dậu, Sửu	Dần, Mão, Thìn (hướng đông)
Dần, Ngọ, Tuất	Hợi, Tỵ, Sửu (hướng bắc)
Thân, Tỵ, Thìn	Tỵ, Ngọ, Mùi (hướng nam)
Hợi, Mão, Mùi	Thân, Dậu, Tuất (hướng tây)

## ẢNH HƯỞNG DO TAM SÁT MANG LẠI



## TAM SÁT VÀ SỨC KHỎE

<b>Bắc</b>	Xương cốt, cơ quan sinh dục ngoài, hệ thống tiết niệu, thận, tử cung, bàng quang.
<b>Tây</b>	Hệ thống hô hấp, miệng, mũi, da.
<b>Đông</b>	Gan, mật, kinh mạch...
<b>Nam</b>	Tim, mạch máu, huyết áp, trứng gió.



## Ngũ Hoàng sát

Trong Huyền không phong thủy học, Ngũ Hoàng sát chính là sát khí mạnh nhất trong trạch vận bản, còn được gọi là Chính Quan sát, Mậu Kỷ sát. Nếu Ngũ Hoàng nhập trung cung thì gọi là Liêm Trinh, hay Hoả tinh, sát tinh, đào hoa. Phong thủy học lấy hướng mà Ngũ Hoàng đến ứng với giờ, ngày, tháng, năm, kỵ khai sơn, động thổ và những vật thể gây chấn động. Nếu Ngũ Hoàng lại trùng với Thái tuế, nguyệt kiến, ngày giờ, ... là đại hung. Ngũ Hoàng tuyệt đối không được gặp các hung sát khác. Khi chọn ngày có thể dùng Giáp, Ất, Mộc can khắc, Canh, Tân, Kim can hoá, sau đó lại lấy Địa chi Dần - Mão - Thìn, Hợi - Mão - Mùi - Mộc cục để chế, hoặc Thân - Dậu - Tuất, Tỵ - Dậu - Sửu - Kim để tiết khí, như vậy sẽ không có hại. Ngũ Hoàng của tháng, nếu phạm phải thì hung nhất và tiếp diễn lâu nhất. Ngũ Hoàng của giờ, ngày nếu phạm phải thì hậu quả tương đối nhẹ. Nếu là an táng, tu sửa thì có thể sử dụng, nếu là tu sửa nhà cửa trong thời gian dài thì không thể dùng.

### Bảng phương vị Ngũ Hoàng tới trong 20 năm gần đây

Năm	Can chi	Phương Ngũ Hoàng	Năm	Can chi	Phương Ngũ Hoàng
2001	Tân Tỵ	Khôn	2011	Tân Mão	Chấn
2002	Nhâm Ngọ	Chấn	2012	Quý Thìn	Tốn
2003	Quý Mùi	Tốn	2013	Quý Tỵ	Trung
2004	Giáp Thân	Trung	2014	Giáp Ngọ	Càn
2005	Ất Dậu	Càn	2015	Ất Mùi	Đoài
2006	Bính Tuất	Đoài	2016	Bính Thân	Cấn
2007	Đinh Hợi	Cấn	2017	Đinh Dậu	Ly
2008	Mậu Tý	Ly	2018	Mậu Tuất	Khâm
2009	Kỷ Sửu	Khâm	2019	Kỷ Hợi	Khôn
2010	Canh Dần	Khôn	2020	Canh Tý	Chấn

Khi an Phi tinh, Ngũ Hoàng nhập trung cung, chính là vua nằm ở chính vị điều khiển quần thần, không thể gây tai hoạ. Nhưng nếu bay sang tám hướng lại là hung sát, nên tinh không nên động, cũng không nên gặp các xung sát khác tại nơi đến, nếu gặp thì hiệu quả lập tức thể hiện ra ngay. Cụ thể như sau:

Khâm vị: chủ về bệnh liên quan đến hệ thống tiết niệu, nữ cần phòng sảy thai, bệnh ung thư máu, bệnh về tai và thận.

Cấn vị: chủ về bệnh dạ dày, chân trái bị thương, bệnh khớp, trẻ em cơ thể suy nhược, hôn mê.

Chấn vị: chủ về đau chân, đau lưng, tai nạn xe cộ hoặc tai nạn liên quan đến tiền bạc.

Tốn vị: chủ về bệnh đốt sống cổ, hệ thống thần kinh, bệnh ngoài da, rụng tóc, trẻ con học hành không tốt.

Ly vị: chủ về huyết áp không ổn định, bệnh về mắt, bệnh tim, hoa mắt, tai nạn đổ máu, điều tiếng thị phi.

Khôn vị: chủ về bệnh tỷ vị, đau vai phải, tranh chấp ruộng đất, tai nạn đổ máu.

Đoài vị: chủ về ngộ độc thực phẩm, bị thương do vật nhọn bằng kim loại, đào hoa.

Càn vị: chủ về đau đầu, đau chân phải, bệnh tim, kiện tụng.

Trung cung: chủ về bệnh tim, gia đình bất hoà, chết do tai hoạ bất ngờ.





## ẨM NGŨ HOÀNG

Trong “Ngọc kính” có viết: “Bát sơn sợ nhất là Ngũ Hoàng tới, cho dù có sinh khí cũng tiêu tan tiền của. Đã hung lại gặp Đồi Hoàng, tai hoạ càng thảm khốc”. Đồi hoàng ở đây chỉ Ngũ Hoàng lại gặp Âm Ngũ Hoàng. Âm Ngũ Hoàng còn gọi là Phi Thiên đại sát, luận theo Hoả tinh. Nếu xây dựng hay động thổ tại phương vị này thì chủ về xảy ra hoạ hoạ. Vào năm can Dương Giáp, Bính, Mậu, Canh, Quý, Âm Ngũ Hoàng tại cung đối diện với Ngũ Hoàng, còn vào năm can Âm Ất, Đinh, Tỵ, Tân, Quý thì cùng cung với Ngũ Hoàng. Sau đây là bảng tra Âm Ngũ Hoàng:

Năm	Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tý	Kỷ Sửu	Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ	Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi	Canh Tý
Ngũ Hoàng vị	Trung	Càn	Đoài	Cấn	Ly	Khâm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Càn	Đoài	Cấn	Ly	Khâm	Khôn	Chấn
Âm Ngũ Hoàng	Trung	Càn	Chấn	Cấn	Khâm	Khâm	Cấn	Chấn	Càn	Trung	Tốn	Đoài	Càn	Ly	Ly	Khôn	Đoài

## BẢNG PHƯƠNG VỊ TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY CỦA XUYÊN SƠN NGŨ HOÀNG

Trong “Ngọc kính” có viết: “Bát sơn sợ nhất là Ngũ Hoàng tới, vì Sinh khí sẽ tuyệt tư tài. Trong hung lại gặp Đồi hoàng tới, tai hoạ càng thảm khốc”. Đồi Hoàng ở đây chính là Xuyên sơn Ngũ Hoàng. Xuyên sơn Ngũ Hoàng bắt đầu từ quẻ toạ sơn trực niên Tử Bạch, vận hành thuận chiều tới phương vị của năm Ngũ vị. Nếu kiến tạo, động thổ hay làm cửa tại phương vị này thì có thể xảy ra tai hoạ, vì vậy tuyệt đối không được xem thường hậu quả mà chúng mang lại.

Năm	Can chi	Càn sơn	Đoài sơn	Cấn sơn	Ly sơn	Khâm sơn	Khôn sơn	Chấn sơn	Tốn sơn
2004	Giáp Thân	Càn	Đoài	Cấn	Ly	Khâm	Khôn	Chấn	Tốn
2005	Ất Dậu	Đoài	Cấn	Ly	Khâm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung
2006	Bính Tuất	Cấn	Ly	Khâm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Càn
2007	Đinh Hợi	Ly	Khâm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Càn	Đoài
2008	Mậu Tý	Khâm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Càn	Đoài	Cấn
2009	Kỷ Sửu	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Càn	Đoài	Cấn	Ly
2010	Canh Dần	Chấn	Tốn	Trung	Càn	Đoài	Cấn	Ly	Khâm
2011	Tân Mão	Tốn	Trung	Càn	Đoài	Cấn	Ly	Khâm	Khôn



Năm	Can chi	Cần sơn	Đoài sơn	Cấn sơn	Ly sơn	Khảm sơn	Khôn sơn	Chấn sơn	Tốn sơn
2012	Nhâm Thìn	Trung	Càn	Đoài	Cấn	Ly	Khảm	Khôn	Chấn
2013	Quý Tỵ	Càn	Đoài	Cấn	Ly	Khảm	Khôn	Chấn	Tốn
2014	Giáp Ngọ	Đoài	Cấn	Ly	Khảm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung
2015	Ất Mùi	Cấn	Ly	Khảm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Càn
2016	Bính Thân	Ly	Khảm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Càn	Đoài
2017	Đinh Dậu	Khảm	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Càn	Đoài	Cấn
2018	Mậu Tuất	Khôn	Chấn	Tốn	Trung	Càn	Đoài	Cấn	Ly
2019	Kỷ Hợi	Chấn	Tốn	Trung	Càn	Đoài	Cấn	Ly	Khảm
2020	Canh Tý	Tốn	Trung	Càn	Đoài	Cấn	Ly	Khảm	Khôn

### Tam diệu sát

Cơ sở của Huyền không phong thủy học là Kinh dịch Bát quái, Loạn đầu là thể, Lý khí là dụng, khi nắm bắt cách vận dụng Huyền không lý khí, đồng thời cũng phải kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn của các trường phái khác, như vậy mới có thể “chọn cái hay bù cái dở”. Tam diệu sát là một loại sát thường được nhắc đến trong phái Tam hợp, tuy là sát tinh nhưng khi khai môn lập hướng, bát sa, thu thủy lại có thể mang lại hiệu quả lý tưởng. Trong phần này chúng tôi chỉ nói về sát khí của nó.

Khẩu quyết của Tam Diệu sát là: “Khảm long Khôn thổ Chấn sơn hầu, Tốn kê Càn mã Đoài xà đầu. Cấn hổ Ly chư vi sát diệu, trạch cơ phùng chi nhất thời hưu.” Có nghĩa là: Khảm là rồng, Khôn là thỏ (mèo), sơn Chấn là khí. Tốn là gà, Càn là ngựa, Đoài là đầu rắn. Cấn là cọp, Ly là heo, tất cả đều là sát diệu - tức các sao dữ. Nhà cửa gặp một trong số đó sẽ lụn bại. Bài khẩu quyết này bắt nguồn từ quẻ Dịch Kinh Phòng, Bát quái kết hợp với các thành viên trong gia đình thành: “Sinh ra ta là phụ mẫu, ta sinh ra là tử tôn, giống với ta là huynh đệ, bị ta khắc là thê tài, khắc ta là quan quý”. “Quan quý” ở đây chính là sát. “La kinh giải định” coi quẻ hào khắc bản sơn là diệu, bản sơn khắc quẻ sơn là sát, mộ (khố) của bản sơn là Hoàng tuyền, gọi là “bát sát Hoàng tuyền”, là pháp quyết quan trọng để khai môn lập hướng, bát sa và thu thủy. Coi quẻ Dịch Kinh, Phòng là cơ sở lý luận, luận theo Tiên thiên Bát quái và Hậu thiên Bát quái, lấy bản toạ sơn và Tiên thiên, Hậu thiên của sơn, mỗi thứ một hào quan quý là diệu, vì vậy có tên là “Tam diệu sát”. Vì Tam diệu là vật khắc (làm hại, quản thúc, áp chế) ta, cho nên đó là một sát khí.

Phương vị của Tam diệu sát kỵ nhất những điều sau: cửa và lối vào chiếu thẳng dòng nước hay ao tù; Có góc nhà, cột đèn, vật nhọn (Hoả hình), máy biến áp; Bơm nước (giếng), các tầng đá để không theo trật tự, ống khói, cột điện cao thế, cầu vượt hình vòng cung ngược; Cột điện, cây cổ thụ (cao lớn, cành đưa ra, cành mục nhiều, không tươi tốt), cây khô.

Nếu những vật trên ở phương vị Tam diệu sát thì chủ về trong nhà có người bị lao, thổ huyết, khi phán đoán nhất định phải xác định rõ phương vị thì mới ứng nghiệm. Diệu sát



là quan quý trong Bát quái, vì vậy sát khí và sự phá huỷ, áp chế, quản thúc của nó có thể khiến cho người trong nhà xảy ra kiện tụng, tranh chấp, phỉ báng, vu khống, mắc các bệnh mãn tính, tinh thần phân liệt, đau khổ, lo âu, tinh thần bất ổn, gia đình bất hoà, con cái gặp tai hoạ... Sự ứng nghiệm của Tam diệu sát ngoài về phương vị và các vật thể nói trên, cũng thường liên quan đến tháng, năm tam hợp và tháng, năm đối xung. Người đối ứng là người mang quả Diệu sát hoặc cảm tinh con vật đối ứng. Ví dụ: quả Khôn toạ sơn, nếu phạm phải Mão Mộc chính diệu sát, phương vị Mão Mộc lại có các vật không may mắn như đã nói ở trên thì tháng ứng nghiệm là Hợi, Mão, Mùi, Dậu. Người ứng nghiệm có thể là trường nam tuổi Mão, cung Chấn hoặc người tuổi Mão, tuổi Dậu.



## PHƯƠNG VỊ VÀ SỰ ỨNG NGHIỆM CÁT HUNG CỦA TAM DIỆU SÁT

### BẢNG TRA TAM DIỆU SÁT

Bản sơn	Khâm Thìn Tuất	Khôn Mão	Chấn Thân	Tốn Dậu	Càn Ngọ	Đoài Tỵ	Cấn Dần	Ly Hợi
Tiên thiên	Đoài Tỵ	Khâm Thìn Tuất	Cấn Dần	Khôn Mão	Ly Hợi	Tốn Dậu	Càn Ngọ	Chấn Thân
Hậu thiên	Khôn Mão	Tốn Dậu	Ly Hợi	Đoài Tỵ	Cấn Dần	Khâm Thìn Tuất	Chấn Thân	Càn Ngọ
Tam diệu	Thìn Tuất Tỵ Mão	Mão Dậu Tuất Thìn	Thân Dần Hợi	Dậu Mão Tỵ	Ngọ Hợi Dần	Tỵ Dậu Thìn Tuất	Dần Ngọ Thân	Hợi Thân Ngọ

### BẢNG TRA ỨNG NGHIỆM CÁT HUNG CỦA TAM DIỆU SÁT

DIỆU SÁT KIẾP HÌNH PHƯƠNG VỊ	CƠ QUAN, BỘ PHẬN PHÁT BỆNH VÀ TÌNH TRẠNG BỆNH	NGƯỜI PHÁT BỆNH	BỘ PHẬN PHÁT BỆNH	THỜI GIAN PHÁT BỆNH
KHÂM	Tý Nhâm Đau mắt, đau tai, eo lưng, đường tiết niệu, tai điếc, nặng tai.	Trường nam	Thân, nửa người dưới, bộ phận sinh dục.	Giáp Tý Chấn Bình Ngọ
	Tý Quý Đau mắt thất lưng, viêm đường tiết niệu, bệnh phụ khoa, bệnh giới tính, bệnh tiểu đường, sợ lạnh, mất ngủ.	Người tuổi Tý, tuổi Ngọ		Giáp Tý Chấn Ngọ Đinh
KHÔN	Mùi Khôn Cao huyết áp, bí đại tiểu tiện, dạ dày, sinh lý bất thường, biếng ăn, suy dinh dưỡng.	Mẹ, con trai thứ	Bụng, cơ bắp, tỳ vị.	Hợi Mão Mùi Tuất
	Thân Khôn Gầy yếu, tuần hoàn huyết dịch kém, buồn nôn, gân cốt, tỳ vị kém.	Mẹ, con trai thứ		Thân Tý Thìn Dần



DIỆU SÁT KIẾP HÌNH PHƯƠNG VỊ		CƠ QUAN, BỘ PHẬN PHÁT BỆNH VÀ TÌNH TRẠNG BỆNH	NGƯỜI PHÁT BỆNH	BỘ PHẬN PHÁT BỆNH	THỜI GIAN PHÁT BỆNH
CHẤN	Mão Giáp	Bệnh ở gan, lưng, mắt, mắt, thần kinh, hay ngủ mê, tinh thần bất an, như người mất hồn.	Con trai trưởng	Chân, mắt, tam tiêu, thận phải.	Hợi Mão Mùi Dậu Canh
	Mão Ất	Đau vai, vẹo cổ, thần kinh mặt.	Con trai tuổi Mão, tuổi Dậu		Hợi Mão Mùi Dậu Tân
TỐN	Thìn Tuất	Da, vai, lưng, cơ quan tiêu hoá, buồn nôn, tiêu chảy, lạnh.	Con gái cả, con trai út	Gan, máu, thần kinh.	Giáp Tý Thìn Tuất
	Tý Tuất	Ruột non, mắt, răng lợi, đùi, họng, đau lưng bệnh phụ nữ, bệnh giới tính, âm lạnh.	Con trai thứ tuổi Mão, tuổi Tý		Tý Dậu Sửu Hợi
CÀN	Tuất Càn	Thận phải, sườn, đầu gối, ngực, tử cung, đau đầu, khó thở, ù tai, tinh lực suy giảm, ù tai, cao huyết áp.	Bố, con trai thứ	Mắt, chân	Dần Ngọ Tuất Thìn
	Hợi Càn	Bàng quang, bộ phận sinh sản, hậu môn.	Con trai út tuổi Hợi, tuổi Tuất		Dần Ngọ Tuất Hợi
ĐOÀI	Dậu Canh	Phổi, họng, mũi, giọng, máu, ruột non, hen suyễn, cảm mạo, xương vai.	Con gái út	Phổi, miệng	Tý Dậu Sửu Mão Giáp
	Dậu Tân	Đau môi, tiêu chảy, phù thũng.	Trưởng nam tuổi Dậu, tuổi Mão		Tý Dậu Sửu Mão Ất
CẤN	Sửu Cấn	Tì vị, chân, cơ thể suy nhược, đau cánh tay.	Con trai út, con trai thứ	Dạ dày, tay	Tý Dậu Sửu Mùi
	Dần Cấn	Mật, hoàng đản, dây bụng, vị hoá.	Con trai cả tuổi Dậu, tuổi Mão		Dần Ngọ Tuất Thân
LY	Ngọ Bính	Tim, mắt, lưỡi, tuần hoàn máu, nhịp tim nhanh, đau đầu.	Con gái thứ	Tim, mắt	Dần Ngọ Tuất Tý Nhâm
	Ngọ Đinh	Đau tim, xuất huyết não, chán ăn.	Trưởng nam tuổi Ngọ, tuổi Tý		Dần Ngọ Tuất Tý Quý

CÁC  
LOẠI  
SÁT  
TÌNH  
CỦA  
NHÀ Ở





## PHI TINH TẠO NỀN NGÔI NHÀ PHÁT ĐẠT

***Khi dựng nhà, nếu biết vận dụng kiến thức của Phi tinh học thì sẽ có thể xây dựng nên một ngôi nhà phát đạt.***

### **Đáo sơn, đáo hướng**

Sơn vượng, hướng vượng còn được gọi là đáo sơn đáo hướng, đáo sơn tức là đúng lúc vượng tinh của Sơn bàn bay đến toa sơn; đáo hướng tức là đúng lúc vượng tinh của Hướng bàn bay đến hướng. Nếu hình cục phù hợp thì phía sau đáo sơn có núi, phía trước đáo hướng có sông, chủ về bố cục đỉnh tài lưỡng vượng.

Bố cục vượng sơn vượng hướng phù hợp với toa sơn có núi đẹp, ngay ngắn, Long, Hồ đầy đủ. Phía trước có một dòng nước quanh co uốn lượn bao quanh, hoặc có ao hồ. Bố cục này cần chú ý đến lai long, lấy ba yếu tố "nhọn", "tròn", "vuông" làm ba cát tinh, toa hướng của ngôi nhà không được phạm xuất quái hoặc có sai sót. Nếu phù hợp với cục thế sẽ được phát tài, lại được phúc dài lâu, chủ về chính nhân quân tử, có đủ cả tài đỉnh quý thọ, lại hưởng phúc trạch dày. Thông thường, nếu lập hướng là Âm sơn hoặc Âm hướng, phi tinh nhập trung cung bay ngược chiều, thì đây là cách cục vượng sơn vượng hướng.

### **Thu sơn, xuất sát**

Thu sơn xuất sát, nghĩa là đặt phi tinh vượng khí hoặc sinh khí của sơn đặt ở nơi cao ráo, đặt phi tinh sinh, vượng của hướng ở nơi thấp, trũng hay có nước gọi là "thu sơn", đặt phi tinh thoái, tử của sơn nơi thấp hoặc có thủy, đặt phi tinh thoái, tử của hướng ở nơi cao là "xuất sát".

### **Phán ngâm, phục ngâm**

Hai sao sơn, hướng, nếu như Ngũ hoàng nhập trung cung, các sao còn lại sắp thuận chiều kim đồng hồ vào tám cung là Phục ngâm, sắp ngược chiều kim đồng hồ vào tám cung là Phán ngâm. Nếu như 5 nhập trung cung mà di chuyển ngược chiều kim đồng hồ, sao đương lệnh sẽ không đến được sơn hướng, tình huống này gọi là "xuyên tâm sát". Nếu sao đương lệnh không kỵ, không có tai họa gì đáng kể, nhưng nếu như Phán ngâm, Phục ngâm cùng xuất hiện trên tinh bàn, đó chính là đại kỵ khi lập sơn hướng.

### **Phi tinh hợp thập**

Hợp thập ở đây có nghĩa là ở mỗi cung trong Phi tinh bàn, Sơn tinh và Vận tinh hợp thập (có tổng bằng 10), Sơn tinh và Hướng tinh hợp thập, hoặc Hướng tinh và Vận tinh hợp thập. Công hiệu của Hợp thập là ở chỗ khiến cho các quẻ trong toàn cục Cửu cung của ngôi nhà được thông khí với nhau, từ đó khiến cho khí trường của toàn bộ phi tinh bàn trong cách cục của ngôi nhà cũng được lưu thông. Phi tinh hợp thập cũng là một biện pháp bố cục, khi không có được vượng sơn vượng hướng trong Tam nguyên cứu vận, toàn cục hợp thập có thể đem lại hiệu quả đáo sơn, đáo hướng.



## Quẻ Tam ban

Tức các quẻ liền nhau được hình thành trên cơ sở hai cung sơn, hướng cùng tương sinh hợp thập được gọi là quẻ “Tam ban”. Quẻ “Tam ban” có hai hình thức là quẻ Tam ban Liên châu và quẻ Tam ban Phụ mẫu. Quẻ Tam ban Liên châu tức số phi tinh của Thiên tinh, Sơn tinh, Vận tinh nối liền nhau, như 1, 2, 3; 7, 8, 9. Còn quẻ Tam ban Phụ mẫu là các chuỗi 1, 4, 7; 2, 5, 8; 3, 6, 9.

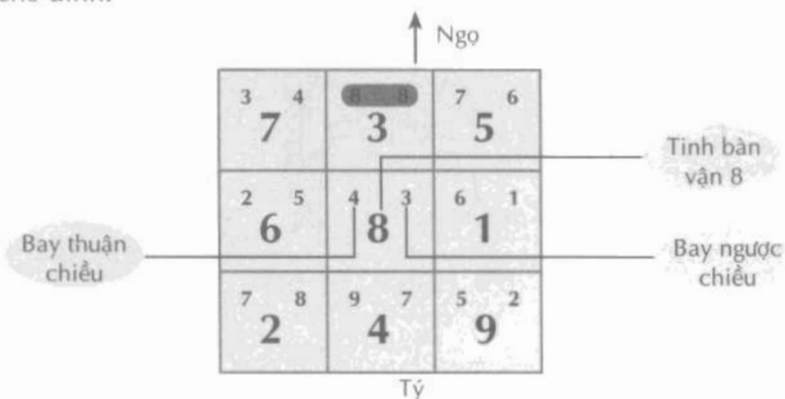


## SONG TINH HỘI TOẠ VÀ SONG TINH HỘI HƯỚNG



### SONG TINH HỘI HƯỚNG

Vượng tinh đương lệnh của Sơn bàn và Hướng bàn cùng đồng thời bay tới hướng thượng, gọi là “Song tinh hội hướng”. Nếu hình cục phù hợp, phía trước có Thủy, ngoài Thủy ra lại có Sơn thì chủ về cách cục có đủ cả tài hậu đình vượng. Nhưng tài vượng ở Đình, nếu chỉ có Thủy ở đằng trước mà xung quanh lại trống trải không có Sơn thì chỉ có lợi cho tài, không lợi cho đình.



### SONG TINH HỘI TOẠ

Vượng tinh đương lệnh của của Sơn bàn và Hướng bàn đều bay tới Toạ sơn, gọi là “Song tinh hội toạ”. Nếu hình cục phù hợp, phía sau có Thủy, ngoài Thủy ra lại có Sơn thì chủ về đình tài đều có, đương đình vượng ở tài. Nếu toạ phương có Sơn mà không có Thủy thì chủ về đình tài bất lợi.





## VƯỢNG SƠN VƯỢNG HƯỚNG

Trong vận 8 (2004 - 2023) chỉ có sáu toạ hướng sau được coi là vượng sơn vượng hướng.

Tốn

1 8	5 3	3 1
7	3	5
2 9	9 7	7 5
6	8	1
6 4	4 2	8 6
2	4	9

Sơn Càn hướng Tốn

Tốn

8 1	3 5	1 3
7	3	5
9 2	7 9	5 7
6	8	1
4 6	2 4	6 8
2	4	9

Sơn Tốn hướng Càn

Mùi

3 6	7 1	5 8
7	3	5
4 7	2 5	9 3
6	8	1
8 2	6 9	1 4
2	4	9

Sơn Sửu hướng Mùi

Mùi

6 3	1 7	8 5
7	3	5
7 4	5 2	3 9
6	8	1
2 8	9 6	4 1
2	4	9

Sơn Mùi hướng Sửu

Ty

1 8	5 3	3 1
7	3	5
2 9	9 7	7 5
6	8	1
6 4	4 2	8 6
2	4	9

Sơn Hợi hướng Ty

Ty

8 1	3 5	1 3
7	3	5
9 2	7 9	5 7
6	8	1
4 6	2 4	6 8
2	4	9

Sơn Ty hướng Hợi



## PHÁN ĐOÁN MỐI QUAN HỆ CỦA SONG TINH TƯƠNG HỘI

*Song tinh luận đoán là sự suy đoán về ảnh hưởng của hai sao giao hội trong Phi tinh bàn đem tới cho con người hoặc nhà ở.*

“Hà đồ hé lộ bí mật của lưỡng nghi, Lạc thư hiển phát linh diệu của chín sao”. Sau khi an xong Huyền không phi tinh bàn, cát hung họa phúc đều nằm trong Phi tinh bàn này. Đó là lúc cần phải thẩm định nội dung của bàn cục, đưa ra những phán đoán toàn diện, phù hợp với thực tế đối với bố cục của ngôi nhà. Nội dung phán đoán của Huyền không Phi tinh bàn nói chung có nội dung và mối liên hệ giữa 3 phương diện: Thứ nhất, phán đoán mối quan hệ giữa thời vận và ngũ hành; thứ hai, phán đoán mối quan hệ giữa hoàn cảnh và Dịch lý; thứ ba, phán đoán mối quan hệ giữa Sơn tinh và Hướng tinh sau khi chúng bay tới tọa hướng hoặc một phương vị nào đó và kết hợp thành Song tinh tương hội.

Trong toàn bộ Phi tinh bàn, hai sao Sơn, Hướng được coi là quan trọng nhất, trong đó, Hướng tinh lại quan trọng hơn Sơn tinh. Nếu Hướng tinh là đương vận vượng tinh thì toàn bộ trạch vận đều vượng; Nếu Hướng tinh là thoái tinh thì toàn bộ trạch vận đều suy bại. Trong Phi tinh bàn, Sơn Hướng lưỡng tinh khống chế sát hung, họa phúc của trạch vận, muốn nghiên cứu Huyền không phong thủy học thì phải nghiên cứu bản chất của hai sao Sơn, Hướng.

Trong Phi tinh bàn, Sơn tinh chủ về nhân đinh, Hướng tinh chủ về tài vận. Nếu Song tinh tương hội hợp lại thành nhóm, Âm khắc Dương, Sơn tinh chủ về bệnh, Hướng tinh chủ phá tài. Trong quá trình giải đoán Song tinh theo thứ tự, khi luận đoán Hướng, Hướng tinh sẽ đặt ở phía trước, ví dụ: Nhất Lục song tinh, thì Nhất là Hướng tinh, Lục là Sơn tinh; khi luận đoán Sơn, Sơn tinh đặt ở phía trước, ví dụ: Tứ Tam song tinh, Tứ là Sơn tinh, Tam là Hướng tinh.

## TRẠNG THÁI CÁT HUNG KHI NHẤT BẠCH KẾT HỢP VỚI CỬU TINH

**NHẤT NHẤT: KHÂM VI THUY** ☰☱

**Sinh vượng:** Sinh con thông minh, túc trí đa mưu, chủ về văn chương khoa giáp, nổi danh bốn biển. Hai Thủy sánh vai, tiền tài dư dả, sản nghiệp hưng vượng, phát tài đột ngột, lập nghiệp từ nghề buôn bán cá muối. Thời gian đầu thuận lợi, nhưng vì thuần Dương, không có Âm, nếu là phụ nữ dễ phòng đoán thọ, lâu dài sẽ hiểm nhân đinh.

**Khắc sát:** Mắc bệnh tim, đau tai, mỡ máu, thận và đường tiết niệu, mắc chứng sa ruột, di tinh, chảy máu tử cung, gặp trộm cướp hoặc giang hồ. Nếu sóng núi có hình thế xấu chủ về con trai nhỏ bị chết đuối hoặc chết ngạt.

**NHẤT - NHỊ: THUY ĐỊA TỶ** ☰☷

**Sinh vượng:** Chủ vượng nhân đinh, thích hợp mở quán rượu hoặc quán trà. Thủy Thổ có lợi lớn cho việc nhà nông, công bằng, vô tư, biết nắm bắt thời cơ, có được bán quyền sáng chế.





**Khắc sát:** Mắc chứng mất nước hoặc bụng trướng, tích nước, bệnh về ti vi, sưng lá lách, chứng bại huyết, thiếu máu, tiểu đường, máu xấu, mất máu vùng bụng, đau ruột thừa, sưng viêm hạch họng, liệt dương, nhiều bệnh lúc còn nhỏ, bệnh phụ nữ, phụ nữ băng huyết dẫn đến tử vong; khắc với con trai thứ hoặc con trai giữa, tổn thất nhân đinh khỏe mạnh. Mẹ và con trai bất hòa, con trai giữa gây điều xấu hổ với phụ nữ, chủ thời trẻ đam mê nữ sắc.

Nếu có núi cao thì không có lợi cho mệnh Khâm.

**NHẤT TAM: THUY LÒI TRUẬN** ☵☵

**Sinh vượng:** Chủ về gian nan, vất vả, tự tay lập nghiệp, phát phúc, đỗ đầu khoa giáp, gia đình hòa thuận. Thủy Mộc tương sinh, văn thao võ lược.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh gan, bệnh về chân, phù chân, chân bị thương, khó sinh, hoa mắt, bệnh thận, trướng bụng. Tuổi thanh niên gặp tai nạn về sông nước. Gặp Khách tinh Thất Xích phải đề phòng bị chó cắn hoặc rắn cắn bị thương, hoặc bị sét đánh. Gặp Khách tinh Thất Xích bay đến thì phạm Xuyên sơn sát, có điềm dữ gia đình phá sản, tổn thất nhân đinh. Thường gặp khó khăn, thiếu con nối dõi, tranh chấp, cãi vã, lo lắng, gặp chuyện liên quan đến pháp luật, trộm cướp đến nhà, phá tài. Nếu thủy có hình thế xấu, chủ về gặp ách nạn ở tuổi thanh niên; Nếu sơn có hình thế xấu, chủ về bị sét đánh ở tuổi thiếu niên.

**NHẤT TỨ: THUY PHONG TÌNH** ☵☴

**Sinh vượng:** Chủ về gia đình có dòng dõi văn chương, thường cho ra đời những khoa giáp, tú tài. Vợ lẽ sinh con có tài thơ họa, văn chương, là người phong lưu, nổi tiếng về thơ văn; làm nghề tư pháp thì công chính, thanh bạch, liêm khiết; phù hợp làm công việc về giấy tờ, văn thư ở những công ty con của một tập đoàn công ty. Bước chân ra cửa có lợi, được thăng quan tiến chức và thêm nhiều bổng lộc.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phong thấp, bệnh về vú, đầu vú chảy máu (dân gian gọi là bệnh nứt cổ gà), khí quản xuất huyết, dễ mắc bệnh về gan mật, tinh thần bất an; Nghiện rượu, dâm dăng, nam nữ dâm loạn, phạm pháp bị truy nã. Nếu Nhất Bạch suy thoái, Mộc tiết nhược Thủy, chủ về chú và cháu đầu thông dâm. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về thiếu phụ bị chết đuối; Nếu núi có hình thế xấu, chủ về thiếu niên có tai ách; Nếu thủy có hình dâm dật, chủ về thiếu niên luyện ái thiếu phụ, chị gái và em trai hoặc chị dâu em chồng loạn luân (phía nam chủ động), nếu là người nắm quyền thì chủ về tham ô, có hành vi phạm tội.

**NHẤT NGŨ: KHÔNG CÓ QUÊ** ☵☷

**Sinh vượng:** Cho ra đời những nhân tài về văn chương, đỗ đầu khoa bảng. Sinh nhiều con trai có trí tuệ thông minh. Phù hợp làm chuyên gia thủy lợi, nhà phát minh.

**Khắc sát:** Chủ về mắc bệnh ung thư (máu và tử cung,...), bệnh bại huyết, bệnh thận, chứng viêm cầu thận (tăng urê huyết), chứng mất nước, thiếu axit trong dịch vi, huyết dịch trùng độc, uống rượu trúng độc, chảy máu dạ dày, bệnh phụ khoa, sỏi thận, phù thũng, vô sinh, lưu thai, nghiện hút hoặc buôn lậu ma túy. Nếu núi có hình thế xấu, thiếu niên chết đột ngột (vì bị sát hại hoặc tự sát), con trai thứ bướng bỉnh, ngỗ ngược.

**NHẤT LỤC: THUY THIÊN NHU** ☵☱

**Sinh vượng:** Chủ về đại vượng dòng dõi văn chương, trung niên phát hoành tài



(tiền cửa ngoài luồng), thích hợp làm nghề giáo viên hoặc trợ lý cho người quyền quý, chủ về sống thọ, vạn sự như ý, cát lợi, gặp Nhị, Bát lưu niên thường ứng nghiệm.

**Khắc sát:** Thường mắc bệnh xuất huyết não, tinh thần rối loạn, thương hàn, tổn thương vùng não, xung huyết não, xuất huyết từ xương, phù phổi, sa tử cung, sa tinh hoàn, sa ruột, sỏi thận, bệnh thận, cha con bất hòa, đi trộm cắp bị đánh đập, dâm dăng, dễ phòng bị chết chìm hoặc chết trôi. Nếu sông có hình thế xấu chủ về người nhiều tuổi trong gia đình gặp tai ách, thiếu niên bị sát thương bằng dao.

**NHẤT THẤT: THUY TRẠCH TIẾT** ☵☱

**Sinh vượng:** Năm quyền, giới quản lý tài chính, xuất khẩu thành văn hoặc người có tài ăn nói, ra khỏi nhà gặp quý nhân, gặp may mắn, con trai thì ngay thẳng, con gái thì trong trắng.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phổi, phổi xuất huyết, sưng phổi, con gái nhỏ mắc bệnh thân, bệnh về tai, tật câm điếc, thổ huyết, khó thở, di tinh, trụ thai, chó cắn, trúng độc rắn, nghiện rượu, mê gái, người trong nhà bị tù đày, trai gái dâm loạn, thiếu niên bị hình sát, thiếu phụ nói nhiều, trung nam hay trách mắng thiếu nữ, xảo quyết, keo kiệt, đao sát. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về nữ nhi bị chết chìm; Nếu núi có hình thế xấu, chủ về thiếu niên chết vì bị dao đâm.

**NHẤT BÁT: THUY SƠN KIẾN** ☵☶

**Sinh vượng:** Xuất hiện nhân sĩ có tài năng văn chương, học thức uyên bác. Con trai lừng lẫy biết quay đầu hối hận, gặp hung hoá cát, công bằng chính trực, tài đức vẹn toàn; phù hợp với những công việc gian khổ như khai thác hầm mỏ hoặc làm thủy lợi.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh thận, sỏi thận, sỏi bàng quang, bệnh về mũi, thiếu máu, chứng hai huyết, thiếu axit dạ dày trầm trọng, sỏi đường tiết niệu, sỏi ống dẫn trứng, sỏi tử cung, thiếu niên mắc bệnh về tinh thần, ngã từ trên cao, chứng máu nước, đau lưng, bị thương ở tay, bị động vật dữ dẫn đến bị thương, sảy thai, tiêu chảy, thiếu nhi bị sưng gan dẫn đến tổn thương gan, cong vẹo cột sống, con trai tuổi trung niên bệnh chết; Huỳnh đệ bất hòa, khắc con trai tuổi trung niên, phạm tội đi tù, vợ chồng ly dị. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về bé trai bị chết chìm; Nếu núi có hình thế xấu, chủ về thiếu niên ngã từ trên cao, bị chó dại cắn, em trai độc ác giết hại anh trai.

Nếu có núi cao làm Đụng thần thì không có lợi cho mệnh Khảm.

**NHẤT CỬU: THUY HOÁ KÝ TẾ** ☵☵

**Sinh vượng:** Thủy Hoá Ký Tế chủ về vượng đỉnh tài, trai gái chính thức kết hôn, phú quý song toàn, công thành danh toại, phu thê ân ái, đức như trời biển, là tấm gương sáng cho muôn nhà, tu hành đắc đạo, được dầu thai sang kiếp khác, phúc trạch dài lâu.

**Khắc sát:** Bệnh về giới tính, bệnh về da, bệnh tim, thận, mù lòa, mắt có tật, thần trí thiếu minh mẫn, sa ruột, sảy thai; Vợ chồng bất hòa, ly dị, gặp chuyện liên quan đến pháp luật, con gái giữa đoán thọ; Phạm tội, có trọng tang. Tai nạn sông nước, hạn liên quan đến pháp luật. Thủy Hoá không tương hợp, đi ngược đường nhau. Nếu sông núi có hình thế xấu, chủ về nam nữ dâm loạn.





TRẠNG THÁI CÁT HUNG KHI NHỊ HẮC KẾT HỢP VỚI CỬU TINH

**NHỊ NHẤT: ĐỊA THỦY SỬ** ☰☷

**Sinh vượng:** Chú về sinh con, cho ra đời nhân tài lãnh đạo trong các ngành nghề; bố nhiệm người hiền tài có khả năng, nhờ vào quần chúng mà được thành công, phát tài nhờ đất đai, nông sản, có bản quyền phát minh sáng chế.

**Khắc sát:** Bệnh phụ khoa, ruột, da dầy, tiểu đường, đường sinh dục, thận, lưu thai; không có lợi cho con trai giữa, không có con nối dõi; tài sản ruộng đất bị mất mát, thất lạc, gặp chuyện thị phi về tài sản ruộng đất; Gặp tai hoa về chiến tranh, gặp liêu nhân, đạo tặc trộm cướp, xã hội đen.

**NHỊ NHỊ: KHÔN VI ĐỊA** ☱☷

**Sinh vượng:** Ruộng vườn đại vượng, tiền tài sung túc, phù hợp với nghề võ, nghề về kim loại, điện sản; thành công đến dần dần, mẹ là người tiết hạnh, có cơ nghiệp riêng, dạy học không phân biệt đẳng cấp sang hèn; vượng nhân đinh, cho ra đời danh y. Thông thường, thương có quả phụ chán hưng gia nghiệp.

**Khắc sát:** Bệnh về đường ruột và dạ dày, bệnh phụ khoa, dẫn độn, cảm điếc; phạm tội bị hình phạt, tham lam tiền bạc, đê hèn, vô thần, cầm đầu đám đông phá rối trật tự an ninh; Vợ cướp quyền chồng, sảy thai, khó sinh; Dễ xuất hiện quả phụ, Âm tà, phụ nữ dâm cuồng.

**NHỊ TAM: ĐỊA LÔI PHỤC** ☱☳

**Sinh vượng:** Hoàn lương, tu đạo hữu thành, luân hồi đầu thai, có thai là sinh, tích cực phấn đấu, có chí tiến thủ, thua keo này bày keo khác, đứng sai rõ ràng, thiện ác phân minh.

**Khắc sát:** Bệnh về chân, tê bì, ho, xương khớp, bệnh ung thư hoặc tởng đổ vào người dẫn đến bị thương. Con trai trưởng thì khắc với mẹ, mẹ hiền làm hồng con; Vì tham lam mà bị hại, khẩu thiệt, thị phi, tự sát; vì bị phá sản mà gặp chuyện liên quan đến pháp luật, bị phạt tù, phụ nữ thì bị chết thảm, thanh niên thì nhiều bệnh, trưởng nam treo cổ tự vẫn. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về thanh niên bị xiết cổ chết; Nếu núi có hình thế xấu, chủ về phụ nữ bị sét đánh, nghịch tử giết mẹ, người mẹ trong gia đình gặp điều tai ương, thanh niên loạn luân. Nếu có núi cao làm Đưng thần thì không có lợi cho người mệnh Khôn.

**NHỊ TỨ: ĐỊA PHONG THẮNG** ☱☴

**Sinh vượng:** Thích hợp kinh doanh bất động sản, tích tiểu thành đại, vượng tài, hay thắng trong các trò may rủi, được thăng chức, là người giỏi giang, xuất chúng, cao quý, quan tâm đến chất lượng cuộc sống; là mẹ hiền, vợ đảm, người đẹp, phụ nhân quyền quý.

**Khắc sát:** Mắc bệnh thấp khớp, đầy hơi, bệnh ở đầu gối, mắt, vú, tê bì, thấp khớp, sán nan, người mẹ trong gia đình e gặp tai nạn, phụ nữ treo cổ tự vẫn, điện sản gặp chuyện thị phi, lòng tham dẫn đến phá tài, mẹ chồng nàng dâu bất hòa, nam không trưởng thọ; rơi vào cạm bẫy hoặc ngã xuống giếng. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về thiếu phụ bị xiết cổ; Nếu núi có hình thế xấu, chủ về nghịch nữ mắng chửi mẹ đẻ, cháu dâu bất hiếu mắng cô chồng, người mẹ trong nhà bị xiết cổ. Nếu có núi cao làm Đưng thần thì không có lợi cho người mệnh Khôn.



## NHỊ NGŨ: KHÔNG CÓ QUÊ

**Sinh vượng:** Vương nhân đình, phát tài về điền sản, trong nhà có người làm quan toà, phù hợp với nghề võ, đặc biệt phù hợp với nghề y, mở phòng thuốc và làm lễ tang, mai táng. Nhà theo nghề y sẽ cho ra đời thầy thuốc nổi tiếng.

**Khắc sát:** Chủ về đau hoặc ung thư (dạ dày, ruột, thực quản, da), bệnh về tỉ vị, tỉ vị lở loét, da thịt nổi mụn, mưng mủ, trúng độc, nghiện hút, nhọt độc, phù thũng, trụ thai, chết lưu. Nhị Ngũ giao hòa tất sẽ tổn chủ, cô quả, vợ chồng phản bội lẫn nhau, thảm hoạ kỳ dị, gặp chuyện thị phi về điền sản.

## NHỊ LỤC: ĐỊA THIÊN THÁI

**Sinh vượng:** Chủ về điền sản, tài lợi phú quý, đầu tư nhỏ mà kiếm tiền nhiều, mẹ mạnh khỏe, thanh nhân, phát phúc, thân tâm tự tại, vinh hoa phú quý, hiển thần trợ tá, có tri thức tài năng, tài đình lương vượng, có sức sống, sinh lực bền bỉ.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tỉ vị, sa dạ dày, sỏi da dày, bệnh phổi, đường ruột, phụ nữ có bệnh về đầu, xơ cứng lách, thương hàn, tâm thần bất an, Âm tà, gặp chuyện ma quỷ; Vợ chồng phản bội lẫn nhau, đàn ông lớn tuổi tai nạn đổ máu hoặc tự vẫn, keo kiệt bủn xỉn.

## NHỊ THẤT: ĐỊA TRẠCH LÂM

**Sinh vượng:** Phát hoành tài, trở nên giàu có; phát triển điền sản để sinh lợi về tiền bạc; Cầu con, nhiều con gái, có quý tử, trong nhà có người làm nghề thầy thuốc, thẩm phán, có kiến thức rộng rãi, rộng ban ân trạch.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tỉ vị, đường ruột, ho, bé gái đi ngoài, tiêu chảy; đau vai, sườn, trụ thai, thai lưu; đào hoa phá tài, phạm đào hoa kiếp; hại chồng khắc con, gặp kiện tụng thị phi, thiếu phụ ngộ nghịch, nhà mẹ đẻ khẩu thiệt thị phi. Mẹ đẻ gặp tai nạn, điền sản gặp chuyện thị phi, hoả hoạn, phụ nữ cuồng dâm. Nếu sông có hình thế xấu chủ về bé gái bị thương; Nếu núi có hình thế xấu, chủ về phụ nữ bị thương.

## NHỊ BÁT: ĐỊA SƠN KHIÊM

**Sinh vượng:** Điền sản giàu có, phù hợp với nghề bất động sản, biết kính trọng người khác, hài hòa, dễ gần, kiến thức uyên bác, lách nhu khắc cương, có lợi khi di chuyển.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tỉ vị, bệnh ở bụng, da, ngón tay, cột sống, bệnh về tinh thần, gân, mạch, bệnh sỏi. Thiếu nam ngộ ngược, mẹ e bị tai nạn; ít thành công, nhiều thất bại, điền sản gặp chuyện thị phi, cô nhi quả phụ, mẹ già mới sinh được con trai nhỏ. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về bé trai bị thương; nếu núi có hình thế xấu, chủ về chó dại cắn bị thương, phụ nữ tử vong.

## NHỊ CỬU: ĐỊA HOÁ MINH DI

**Sinh vượng:** Vương đình, cho ra đời người thông minh, tài giỏi. Điền sản phát triển, ruộng vườn, cửa cái dư dả, có tài văn chương, thi cử đỗ đạt, tài hoa hội tụ, công danh đặc biệt, nhẫn nhục chịu đựng, quả phụ hưng gia. Vào vận 2, tiền của dồi dào.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tỉ vị, mỡ máu, chấy máu dạ dày, viêm dạ dày, đau ruột thừa, đổ máu, bệnh nhiệt, bệnh về mắt, bệnh về tim, đẻ khó, nóng dạ dày, viêm da, mất máu vùng bụng, cắt bỏ tử cung; Người mẹ bị nạn, điền sản gặp chuyện thị phi, kiện tụng phạm pháp. Trong nhà có kẻ ngu dâm ngoan cố, tổn hại đến nhân đình, phụ nữ nhiều tai nạn; Hình sát, dâm loạn, bại tài. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về thiếu nữ bị thương; nếu núi có hình thế xấu, chủ về phụ nữ gặp tai ách.



**TRẠNG THÁI CÁT HUNG KHI TAM BÍCH KẾT HỢP VỚI CỬU TINH**

**TAM NHẤT: LÔI THUY GIẢI** ☵☵

**Sinh vượng:** Thủy Mộc tương sinh, gia đình hòa thuận, chủ về quý. Sinh con được phát tài, thi cử đỗ đạt. Phạm tội thì được giảm nhẹ, hết án lại được trong dụng, có khả năng giải quyết tranh chấp, được gặp mặt quan chức cấp cao.

**Khắc sát:** Gặp chuyện thị phi, kiện tụng, tù ngục, khắc mẹ, đường ruột và dạ dày bị thương tổn, người thân chia ly, con trưởng phải rời xa gia đình, mất phụ nữ, ít con cháu, cãi vã, bực mình, phá tài.

**TAM NHỊ: LÔI ĐỊA DỰ** ☷☷

**Sinh vượng:** Đắc tài, thành danh, phù hợp với những nơi như quán rượu, thương trường. An cư lạc nghiệp được đổi đời. Là người giác ngộ của Phật gia, là chân nhân của Đạo gia, là người nhân ái của Nho gia.

**Khắc sát:** Chủ về tì vị bị tổn thương, mắc bệnh mật vàng vôi, phạm Đẩu ngưu sát, chủ thị phi, kiện tụng, tù ngục, khắc mẹ, tai nạn tổn thương, gặp chuyện bực mình, phá sản, điền sản gặp chuyện thị phi, trưởng nam bất hiếu với mẹ, cãi vã thị phi, trước tiên làm thương tổn mẹ già, thứ đến ảnh hưởng đến chi trưởng của dòng họ.

**TAM TAM: LÔI VI CHẤN** ☶☶

**Sinh vượng:** Tài lộc dồi dào, có thể sáng nghiệp hưng gia, lợi danh song toàn, lợi cho chí trưởng của dòng họ; Thi cử thuận lợi, đỗ đầu.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh gan, chảy máu, bị thương ở chân, bệnh về thần kinh, chứng sợ hãi, hoảng loạn; Gặp chuyện liên quan đến pháp luật, thị phi, tranh chấp, hình sát, phụ nữ thì chết yếu, con nhỏ khó nuôi, trong nhà có người nghễnh ngãng, dẫn dộn, ngang ngạnh; Dâm loạn, động đất, sâu hại, phá sản. Nếu núi hoặc sông có hình thế xấu, chủ về thanh niên bị sét đánh; Nếu núi hoặc sông hình thế dâm, chủ về nam dâm loạn.

**TAM TƯ: LÔI PHONG HẰNG** ☱☱

**Sinh vượng:** Chủ về quý, lợi danh, gia đình hòa thuận; Cầu con, thuận vợ thuận chồng. Mọi việc đều thuận lợi, bảo vệ cái thiện đến cùng. Nam lấy được vợ sang, sống với nhau đến đầu bạc răng long, thích nghi với mọi hoàn cảnh, bền chí bền lòng, hàng tâm hằng đức, chân lý không bao giờ thay đổi.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh gan mật, bệnh về chân, đùi, đầu gối, bệnh về vú, thấp khớp, bệnh về khí, dễ khó; treo cổ tự vẫn, không thông minh, thậm chí dẫn dộn, hành động thất thường, mê say lưu sắc, sinh con làm trộm cướp, vợ cả danh bất chính, tốt xấu lẫn lộn, vong ân bội nghĩa, sống ỷ lại vào người khác, trôi dạt không yên. Nếu sông có hình thế xấu chủ về thiếu phụ bị thương, hoặc thanh niên, vợ chồng phẫn bội lẫn nhau; Nếu núi có hình thế xấu, chủ về thiếu phụ xiết cổ chồng. Nếu sông núi có hình thế dâm, chủ nam nữ dâm loạn.

**TAM NGŨ: KHÔNG CÓ QUÊ** ☲☲

**Sinh vượng:** Tài lộc dồi dào, hưng gia sáng nghiệp, phát phú quý, sinh con làm chức quan lớn, có công lao xây dựng đất nước, có công ty riêng của gia đình, làm nông lâm nghiệp thu được lợi lớn, vợ cả phú quý.



**Khắc sát:** Chủ về bệnh gan, ung thư gan, đui, chân có nhọt mung mủ, nghiện hút, rấn cắn, ôn dịch, Tam Ngũ gặp nhau lại dẫn tới thấp khớp, gãy chân, bị bắn, tai nạn xe cộ, mắc bệnh phong, đánh bạc tới mức khuyh gia bại sản; lời tiếng thị phi không đúng sự thật, việc cửa quan liên tiếp xảy ra, tai họa không ngờ tới, tai nạn động đất, sét đánh. Nếu núi có hình thế xấu, chủ về thanh niên trong nhà trúng độc tử vong. Nếu có nước lớn làm dụng thần, lợi cho cung mệnh 5.

**TAM LỤC: LỜI THIÊN ĐẠI TRÁNG** ☰

**Sinh vượng:** Lợi ngành trường, được anh/chị cả trợ giúp, thích hợp làm nhà kiến trúc, danh lợi song toàn, trung niên thành đạt, công thành thân thoái (sau khi sự việc thành công thì lui về ở ẩn), chính trực vô tư, hành thiện vui vẻ.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh gan, bệnh về não, chân, đui, ngã bị thương, rơi từ trên cao xuống dẫn đến tử vong, tai nạn đổ máu, va chạm xe cộ, bị thương bởi dao, chấn thương não, sỏi gan, xơ gan; Giặc cướp, hình sát, sét đánh, trường nam bị thương, trượt chân ngã ngựa, ngã gãy xương đùi. Gặp kiện tụng phạm pháp, hình ngục, khẩu thiệt thị phi, thích làm việc lớn (không kể điều kiện của bản thân), thích tự thể hiện, không biết điểm dừng. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về đàn ông cao tuổi bị giặc cướp tấn công; Nếu núi có hình thế xấu, chủ về thanh niên bị thương, cha ác giết con. Nếu núi có hình thế dâm, người già có chuyện ái tình. Nếu có núi cao làm Dụng thần, không có lợi cho người mệnh Chân.

**TAM THẤT: LỜI TRẠCH QUY MUỘI** ☱

**Sinh vượng:** Thêm đình tiến tài, phù hợp với ngành nghề mang tính dịch vụ, nếu là nữ thì lấy được chồng quý, danh lợi song toàn.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh gan, ho, bệnh về chân, đui, đường ruột, ngã dẫn đến bệnh, rơi từ trên cao xuống dẫn đến tử vong, thổ huyết, tai nạn đổ máu, tai nạn xe cộ, phạm Xuy Vưu sát, gặp chuyện liên quan đến pháp luật, chuyện thị phi, hình sát, giặc cướp, tỏ ra hung bạo, chuốc lấy tai họa và lời tiếng thị phi, nam làm trộm cướp, nữ làm gái lầu xanh, quỷ thần nhập trạch, con cháu không hiếu thuận. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về bé gái bị xe cán, nếu núi có hình thế xấu, chủ về thanh niên gặp tai ách. Nếu núi có hình thế dâm, chủ về gia đình loạn luân. Nếu có núi cao làm Dụng thần thì không có lợi cho người mệnh Chân.

**TAM BÁT: LỜI SƠN TIỂU QUÁ** ☶

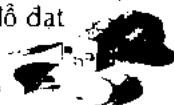
**Sinh vượng:** Sinh con thông minh, có tài về văn chương, nhiều con cháu. Kiến trúc, nông lâm, điền sản tiến tài đại lợi. Anh em, bạn bè yêu quý và tôn trọng lẫn nhau, đôn hậu, chất phác, gia đình có truyền thống trung hiếu.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tê bì, bệnh về ngón tay, cột sống, gân, mạch, bệnh xương nhỏ, bệnh về cánh tay, bệnh tinh thần, bệnh sỏi, sỏi gan, da mặt vàng, u ở bụng, biếng ăn, hen suyễn, đẻ non, tổn hại bé trai, tổn đình, phá sản, nhẩy lầu tự tử, ngã bị thương vùng đầu, tử chi có bệnh, chân tay có hình dạng kỳ lạ, không có chân tay, sa chân ngã xuống từ chỗ cheo leo; anh em không hòa thuận, bất lợi cho trẻ em, phá sản. Nếu núi có hình thế xấu, chủ về chó đại cắn bị thương. Nếu sông có hình dâm, chủ về thanh niên dâm loạn. Nếu có nước lớn làm Dụng thần, bất lợi cho người có cung mệnh 8.

**TAM CỬU: LỜI HOẢ PHONG** ☲

**Sinh vượng:** Sinh con thông minh, phú quý song toàn, Mộc gặp Hoả được thấp sáng, nhiều tài hoa. Điền sản phát triển, phụ nữ có khả năng gầy dựng gia đình, thi cử đỗ đạt

PHẦN  
ĐOÁN  
MỐI  
QUAN  
HỆ CỬ  
SONG  
TINH  
TUẦN  
HỘI





làm rạng danh tông tổ.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh gan, bệnh về chân, đùi, mắt, bệnh về máu, ung thư máu, chứng viêm, bệnh nhiệt, bị bóng, hoả hoạn, sinh khó, trúng nắng, bệnh tim; Bị bom nổ gây thương tích, tổn đình, keo kiệt, phá sản, con trai trộm cắp, con gái làm kỹ nữ. Nếu núi có hình thế xấu chủ về hoả hoạn gây thương tích; Nếu sông có hình thế xấu chủ về gia đình loạn luân.

## TRẠNG THÁI CÁT HUNG KHI TỨ LỤC KẾT HỢP VỚI CỬU TINH

### TỨ NHẤT: PHONG THỦY HOÀN

**Sinh vượng:** Sinh được năm người con đều đỗ đạt khoa cử, ghi danh bảng vàng, sinh con làm văn sĩ, tú nữ, thông gia với những gia đình quyền quý, danh gia vọng tộc; Tài vận dồi dào, thọ cao, ra đường có lợi, xa nhà cầu danh lợi.

**Khắc sát:** Mắc bệnh về thận, mắt, thiếu máu. Phụ nữ dâm dăng, sinh con ăn chơi đàng điếm. Có sơn không thủy chủ về thiếp sinh con, dàu trưởng thông dâm với em chồng; Xung đột, ít thành công, nhiều thất bại, tiến thoái lưỡng nan; Hợp lâu rồi lại phân, lưu lạc giang hồ.

### TỨ NHỊ: PHONG ĐỊA QUẢN

**Sinh vượng:** Sinh con là người nổi tiếng, kiến thức uyên bác, làm nghề nông nghiệp, du lịch, thầy địa lý sẽ được phát triển.

**Khắc sát:** Đau gan mật, bụng trướng, u vàng, vợ cả khó sinh, mắc bệnh lao, bệnh về lá lách, thương đình, phá sản, phạm pháp, kiện tụng, thị phi, chủ về tang mẹ, mất người mất của, tai họa triển miên, trong gia đình có phụ nữ bắt nạt em chồng, hoặc con gái ngộ nghịch mắng nhiếc mẹ.

### TỨ TAM: PHONG LÔI ÍCH

**Sinh vượng:** Nhân tài lương phát, phú quý song toàn. Có lợi về đường văn chương, đầu tư thu lợi. Làm nông lâm nghiệp dễ thành công, được quý nữ trợ giúp, gặp người khó khăn muốn làm việc thiện, thăng tiến, thành đạt.

**Khắc sát:** Dễ mắc bệnh gan mật, thiếu nữ mắc bệnh phong, không thông minh, hành động thất thường. Vợ cả không nghe theo chồng, đa dâm, đôi bại, xấu xa; Khánh kiệt gia sản, vợ giữa hung nhất, nữ đoạt quyền chồng, nguy tao giấy tờ, làm việc mờ ám bất chính, phần lớn sinh con làm trộm cướp, ăn may.

### TỨ TỨ: TỐN VI PHONG

**Sinh vượng:** Lợi văn chương, xuất danh sĩ, thi cử được lợi. Sinh con gái đẹp, sau này lấy chồng dòng dõi quý tộc, lại vương dinh tài; văn chương phát triển, tài tử giai nhân, có lợi khi ra khỏi nhà.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh ở vú, ở đầu gối, phong thấp, sinh khó, ho hen; dàu cá không nghe theo chồng, chi trưởng bất chính, chết chồng, thiếu đình, sinh con ăn chơi đàng điếm; da dâm, phá tài, nam giới đoàn thọ, thường dùng nhan sắc để mê hoặc lòng người, không biết xấu hổ. Nếu sông, núi có hình dâm, chủ về phụ nữ đồng tính; nếu sông, núi có hình thế xấu, chủ về thiếu phu tử vong.



#### TỬ NGŨ: KHÔNG CÓ QUÊ

**Sinh vượng:** Xuất văn chương danh sĩ, nữ giới mạnh mẽ, thợ thủ công giỏi giang, khéo léo, giàu có nhanh chóng.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh ở vú, ung thư gan, tật ở vú, bệnh về mặt, bệnh về phong, về khí, sinh khó, nhọt độc, thiếu phụ nhiễm độc, viêm gan, ôn dịch, tì vị, bệnh phong, nhiễm khuẩn huyết, nhiều điều tiếng thị phi, buồn lậu ma túy, đánh bạc, đầu cơ tích trữ, sự nghiệp sụp đổ, phá sản; phá tài, đa dâm, thân bại danh liệt. Nếu sông, núi có hình thế xấu, chủ về thiếu phụ tử vong; nếu có nước lớn làm Dựng thần, bất lợi cho người có cung mệnh 5.

#### TỬ LỤC: PHONG THIÊN TIỂU SỨC

**Sinh vượng:** Danh lợi song toàn, cơ hội thăng tiến tốt, có lợi trong cạnh tranh, phù hợp phát triển du mục và nông nghiệp, đầu tư nhỏ kiếm lời lớn; Có sở trường lớn về văn nghệ, trường nữ chấp chính, kết hôn với gia đình phú quý, chuyện buồn khổ đến rồi lại đi.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh ở mặt, ở phổi, vú, bệnh phong đờm, bệnh về khí, thấp khớp, thai lưu, bệnh ở đầu gối, ở vùng đầu mặt, bệnh não, đường ruột, sỏi mật, khí thũng phổi (giãn phế nang), gân cốt đau mỏi, xơ cứng gan; dễ phòng tự vẫn, trường nữ bị thương, lao碌, nhân tài lưỡng tán, gặp chuyện liên quan đến kiện tụng, pháp luật, trộm cướp, thiếu phụ bị hình sát. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về người đàn ông nhiều tuổi trong nhà bị tử vong; Nếu núi có hình thế xấu, chủ về thiếu phụ bị tử vong; Nếu có núi cao làm Dựng thần thì bất lợi cho người mệnh Tốn Tứ Lục.

#### TỬ THẤT: PHONG TRẠCH TRUNG PHU

**Sinh vượng:** Xinh đẹp thanh tú, nắm quyền, đáng tin cậy, có uy tín, vô tư, đào hoa đắc lệnh, tài sắc vẹn toàn.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh ở mặt, phổi, vú, khí thũng phổi (giãn phế nang), bệnh ở đầu gối, thấp khớp, bệnh về khí, ho, bệnh đường ruột, phong thấp; tai nạn đổ máu, dao đâm bị thương, gan xơ cứng, bệnh về mắt. Âm thịnh Dương suy, vợ chồng bất hòa, mất đứa con thông minh, nam giới đoản thọ; gặp chuyện khẩu thiệt thị phi, kiện tụng nơi cửa quan, tù ngục, phá sản, phụ bạc, hiếp dâm; chị em bất hòa, văn chương kém cỏi. Nếu sông, núi có hình thế xấu, chủ loạn luân, bất lợi cho người mệnh Tốn.

#### TỬ BÁT: PHONG SƠN TIỆM

**Sinh vượng:** Là thầy thuốc Đông y, trồng cây cảnh, là người thanh nhàn, thích hợp làm giàu từ nghề nông lâm nghiệp và chăn nuôi gia súc. Người tích thiện chắc chắn sẽ được sung sướng.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tì vị, bệnh về ngón tay, cánh tay, bệnh về khí, thấp khớp, bệnh về mặt, vú, cột sống, bệnh hen suyễn, thiếu phụ bị bệnh về tinh thần, bệnh phong thấp; Anh em bất hòa, chi đầu em chồng thông dâm. Vợ bé bất lợi, vợ cá trụy thai tử vong; Phá bại, đa dâm, có con riêng. Nếu núi có hình thế xấu, bất lợi cho người mệnh Cấn ở cung 8.

#### TỬ CỬU: PHONG HOÀ GIA NHÂN

**Sinh vượng:** Sinh con trai gái đều thông minh, đặc biệt là con gái tài năng, vợ hiền gây dựng gia đình, vợ cá phát quý, thích làm việc thiện.

**Khắc sát:** Chủ về các chứng viêm, bệnh về máu, viêm khí quản, bệnh về mắt, bệnh ở mặt, thấp khớp, bệnh tim; tai nạn đổ máu, hoả hoạn, bệnh dịch hạch, hoa mắt chóng mặt; Tự vẫn, sinh con bị bệnh ức gà. Thiếu phụ trong nhà gặp bất lợi, thất tiết, dễ bị nhan sắc làm cho khuynh gia bại sản, gây chuyện thị phi do dâm loạn, sinh con trộm cướp, bị

PHÁ  
ĐO  
M  
QU  
HỆ  
C  
S  
T  
T  
H



mất địa vị. Nếu sông núi có hình thế xấu, mà hai nữ lại ở chung phòng thì trong nhà chắc chắn sẽ tuyệt tự.

## TRẠNG THÁI CÁT HUNG KHI NGŨ HOÀNG KẾT HỢP VỚI CỬU TINH

### NGŨ NHẤT SONG TINH

**Sinh vượng:** Sáng tạo, nhanh nhẹn, giàu sức sống, là nhà tư tưởng, chuyên gia thủy sản, thủy lợi, nhà động lực học; có linh cảm đặc biệt, thâm trầm, không thể hiện ra ngoài.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh bàng quang, mắc chứng ung thư, bại huyết, tăng ure máu, bệnh giới tính, chảy máu dạ dày, viêm tai giữa, tai điếc, chứng vô sinh; Buôn ma túy, nghiện hút, chuyện thị phi hoành hành, chết đuối, trùm thảo khấu và tướng cướp. Nếu có nước lớn làm Dụng thần thì bất lợi cho người mệnh Khâm.

### NGŨ NHỊ SONG TINH

**Sinh vượng:** Vượng đình, phát về điền sản, thích hợp với nghề thẩm phán, bác sĩ, đạo sĩ luyện đan, chính trị gia.

**Khắc sát:** Chủ về các chứng đau, bệnh tỳ vị, trúng độc, hít phải khí độc, nhọt độc, u vàng, cảm điếc, đần độn, mê muội, nữ giới mắc bệnh về sinh sản, chứng ung thư, bệnh về da, sinh khó, trong gia đình dễ có quả phụ, chồng không trường thọ, gặp chuyện thị phi về đất ruộng, tà thần và ác quỷ hoành hành.

### NGŨ TAM SONG TINH

**Sinh vượng:** Trong nhà có người làm chức quan lớn, nhiều bổng lộc, có thành tựu nổi bật trong lĩnh vực chính trị, có danh vọng; Lập công lớn, thích hợp phát triển ở lĩnh vực nông lâm nghiệp.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh gan, ung thư gan, chân bị lở loét, thanh niên nghiện hút, tai nạn đổ máu, tai ương, bị rấn cắn, đao tặc, hình sát, chết đường chết chợ; tai nạn xe cộ, điện giật, tà dâm; con khinh cha, cháu dẫu cãi cô chồng, trường nam trọng bệnh. Trong lúc cùng đường bệnh nặng hiểm nghèo lại gặp tai ương.

### NGŨ TỬ SONG TINH

**Sinh vượng:** Chủ về sinh con làm nhà văn, nhà thơ; họa sĩ, danh nhân, thẩm phán, phụ nữ quý phái, phụ nữ trinh liết, liêm chính, thợ giỏi.

**Khắc sát:** Chủ về chứng ung thư, bệnh về mắt, thấp khớp, bệnh về khí, sán nạn, nhọt độc, u vàng, tai ương, bệnh tỳ vị, trẻ nhỏ bị bại liệt, phụ nữ ung thư vú, eczema (chứng chàm bội nhiễm), bệnh phong; Buôn lậu ma túy, nghiện hút, trúng độc; Cờ bạc, nghiện rượu, hình sát, tiêu tan sản nghiệp ruộng vườn, thân bại danh liệt, làm bại hoại thuần phong mỹ tục, bất lợi cho ngũ cung mệnh.

### NGŨ NGŨ SONG TINH

**Sinh vượng:** Nhà sư tầm, nhà khảo cổ, gia đình giàu có, danh giá, người có năng lực phi thường, người nắm quyền, có công lập nghiệp, nhiều con cháu.



**Khắc sát:** Chủ về chứng ung thư, nhọt độc, phù thũng, bệnh tê bì, bệnh trầm cảm, cảm điếc, con út bị đần độn, máu tràn não, mắc bệnh truyền nhiễm, sản nan, tai họa triển miên, kiện tụng pháp luật, dâm loạn, tổn đình, chết năm người.

#### NGŨ LỤC SONG TINH

**Sinh vượng:** Thống soái, khai quốc công thần, đạo đức thánh nhân, người lương thiện, thích Phật học.

**Khắc sát:** Chủ bệnh tê bì, đường ruột, phổi, chứng ung thư (xương, phổi, đường ruột), có nhọt độc ở vùng đầu, về già có chứng đần độn, sống thực vật. Vợ út miệng lưỡi độc địa, làm tổn thương chủ nhà. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về đàn ông cao tuổi tử vong.

#### NGŨ THẤT SONG TINH

**Sinh vượng:** Nhà ngôn ngữ, nhà ngoại giao, nhà bình luận, thực nữ yếu điệu, danh môn khuê tú, nữ trung hào kiệt, là người am hiểu, linh hoạt.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phổi, ho, bệnh về lưỡi, chứng đường ruột, viêm gan, phù thũng, chứng ung thư (đại tràng, vòm họng, lưỡi, môi, phổi), ăn uống bị trúng độc, nghiện hút, có nhọt độc, bệnh giới tính, mê muội, đần độn, thiếu phụ trọng bệnh, điển sản gặp chuyện khẩu thiệt thị phi. Nếu sông núi có hình thế xấu, chủ về bé gái gặp tai họa.

#### NGŨ BÁT SONG TINH

**Sinh vượng:** Thủ lĩnh, cánh sát, tăng ni, trẻ nhỏ thì có trí thông minh, phúc thọ song toàn, trung thực, nhân hậu, làm việc thiện sẽ được báo đáp.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tê bì, bệnh về mũi (ung thư), bệnh ở ngón tay, vai, bệnh tinh thần, bong gân, gãy xương, bệnh cột sống, bệnh sỏi, bệnh về xương, gân, mạch, có nhọt độc ở vùng đầu, cảm điếc, đần độn, tê liệt, đau dây thần kinh tọa. Thiếu nam nghiện hút, bệnh nặng, tổn thiếu niên. Nếu sông núi có hình thế xấu, chủ về bé trai bị chết.

#### NGŨ CỬU SONG TINH

**Sinh vượng:** Nhà giáo dục, nhà quân sự, nhà học vấn lớn. Là người đẹp, hiệp nữ, quý bà; người có tài năng đặc biệt, đại phú đại quý.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh máu huyết, bệnh tim, ung thư máu, ung thư đường ruột, viêm ruột, có tật ở mắt, mù màu, các chứng viêm, nhiệt, u tá tràng, sản nan, vô sinh, thai lưu, truy thai, chảy máu da dầy, nhọt độc. Chủ nhà bệnh nặng, vợ giữa bất lợi, loạn luân, phá tài. Nếu Ngũ Cửu Thất nhập cùng một cung, chủ về mắc bệnh giới tính, đau mắt. Nếu sông, núi có hình thế xấu, chủ về thiếu nữ gặp tai họa.

### TRẠNG THÁI CÁT HUNG KHI LỤC BẠCH KẾT HỢP VỚI CỬU TINH

#### LỤC NHẤT: THIÊN THUY TỤNG ☰

**Sinh vượng:** Hiểu biết sâu rộng về văn chương, học vấn uyên bác, làm thẩm phán hoặc luật sư tranh cãi, thanh liêm, chính trực, có công lập nghiệp, có dung mạo thanh tú, lương tri trong sáng.





**Khắc sát:** Chủ về bị tổn thương ở vùng đầu, não xung huyết, xương xuất huyết (gãy xương chảy máu trong), phổi xuất huyết, khí thũng phổi (giãn phế nang), sỏi thận, sa tử cung, băng huyết, rong kinh, trĩ, tiêu chảy, táo bón, di tinh, chứng đường ruột; vướng vào chuyện pháp luật và thị phi, trung nam hao tài, tài sản phân tranh, thâm hiểm, đạo đức giả. Nếu sông núi có hình thế xấu, đàn ông nhiều tuổi dâm loạn.

**LỤC NHỊ: THIÊN ĐỊA BÍ** ☰☷

**Sinh vượng:** Phát tài nhờ điền sản, sản nghiệp lớn mạnh, phù hợp làm doanh nghiệp kinh doanh (không phù hợp buôn bán nhỏ lẻ), làm ăn phát đạt, nhân đinh hưng vượng, nhiều con, toàn tài.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tê bì, sa dạ dày, sỏi lách, sỏi dạ dày, bệnh phổi, chứng đường ruột, bệnh ở đầu, gân tứ chi dễ bị đau, bệnh phụ khoa, cha mẹ không được yên ổn. Nếu sông, núi có hình thế xấu, có quý thân âm tà, trong nhà dễ có người làm tăng ni.

**LỤC TAM: THIÊN LÔI VÔ VỌNG** ☳☱

**Sinh vượng:** Có Thủy sẽ phát đại tài, sẽ được phúc trên cá ý muốn, nhiều tuổi vẫn khỏe mạnh, nhiều tuổi lại được con, trong nhà dễ có người làm cán bộ viên chức.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh gan, bị thương tổn (tàn tật) ở chân, bệnh ở chân, thương tổn (tàn tật) ở đùi, bệnh ở đùi, bệnh ở não (suy nhược thần kinh), tai nạn đổ máu, tai nạn xe cộ, ngã bị thương, dao đâm gây thương tích, gặp thiên tai bất ngờ, cha con bất hòa, nữ giới loạn luân, tổn trưởng nam. Nếu sông núi có hình thế xấu, sinh con vong án bội nghĩa.

**LỤC TỨ: THIÊN PHONG CẦU** ☳☱

**Sinh vượng:** Danh lợi song toàn, sinh con văn võ kiêm tài, hôn nhân hòa hợp, thông gia là gia đình quyền quý, thiếp sinh quý tử.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh gan, phổi, vú, thai lưu, thấp khớp, bệnh về não, tai nạn đổ máu, dao đâm gây thương tích, tai nạn xe cộ, xơ cứng gan. Vợ lẽ chết hoặc vợ cả bị thương, việc liên quan đến pháp luật triển miên, tham tiền, đa dâm. Tổn Thủy xoay quanh Càn, chủ về treo cổ tự tử, bất lợi cho người mệnh Tứ Lục.

**LỤC NGŨ: KHÔNG CÓ QUÊ**

**Sinh vượng:** Phú quý đến nhà, nhân đinh hưng vượng, xuất tướng linh, chủ tịch hội đồng quản trị tập đoàn tài chính.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tê bì, bệnh phổi, đường ruột, tật ở đầu, bệnh ở cổ, bệnh về xương, chứng tự nhiễm độc, chứng ung thư (phổi, não, da dày), sát thương, tử hình; Phạm thượng, cách chức, miễn nhiệm, việc liên quan đến pháp luật, điều tiếng thị phi, tố tụng hình sự. Nếu sông núi có hình thế dâm ác, người cao tuổi trong nhà sẽ chết.

**LỤC LỤC: CÀN VI THIÊN** ☰☱

**Sinh vượng:** Phú quý, đa đình, dễ được cấp trên đề bạt. Có lợi nếu làm doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh kim loại hoặc làm nghề máy móc, có khả năng tiên tri, linh cảm trước về một sự việc.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh đau đầu, bệnh não, bệnh ở cổ, bệnh phổi, có tật ở xương,



đường ruột, bệnh thần kinh trung khu; tai nạn đổ máu, nhiều chuyện liên quan đến pháp luật và miệng tiếng thị phi, tuyệt tự, hình thể, tàn tật, giàu mà không con, cô quả cô độc. Nếu sông núi có hình thế xấu, trong nhà loạn luân.

**LỤC THẤT: THIÊN TRẠCH LÝ** ☰☷

**Sinh vượng:** Thích hợp làm những công việc có liên quan đến võ nghệ như bộ đội, công an, tư pháp; ngoài ra còn thích hợp với các ngành nghề môi giới, đại lý tài chính và công thương, làm thú quý, kế toán.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phổi, ho, bệnh ở đầu, ở xương, chứng đường ruột; tai nạn đổ máu, hình sát, dao đâm gây thương tích, viêm mũi; hay sợ hãi, hợp tác bất hòa, giải tán, giải thể, nam nữ bất hòa, nữ ác hơn nam, sinh nhiều gái, con trai lại là con vợ lẽ, tranh chấp tài sản thất bại, giao kiểm sát thương. Nếu sông có hình thế xấu, nam nữ loạn luân (ông cháu).

**LỤC BÁT: THIÊN SƠN ĐỘN** ☶☷

**Sinh vượng:** Phù hợp với những ngành nghề liên quan đến võ nghệ, nắm quyền, công danh hiển đạt, Thổ Kim tương sinh, điền sản tiến tài lộc; cha tử bi, con hiếu thuận, vợ bé hưng đình.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phổi, bệnh ở đầu, não, cổ, đường ruột, xương, tì vị, thần kinh, ngón tay, vai, cột sống, gân, mạch, chứng kết sỏi, bệnh ở mũi; sát thương, điên; cha không nuôi con, công danh vô vọng. Nếu sông núi có hình thế xấu, trong nhà có người loạn luân.

**LỤC CỬU: THIÊN HOẢ ĐỒNG NHÂN** ☲☱

**Sinh vượng:** Sinh con có tài văn chương, chức cao vọng trọng, có danh tiếng ngoài xã hội, yêu thích thiên văn học, có danh tiếng và uy tín.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phổi, chứng mỡ máu, chứng viêm, bệnh tim, xuất huyết não, xung huyết não, bệnh về tuyến giáp trạng, bệnh ở cổ, xương, đường ruột, chứng nhiệt; bị thiêu chết, bỏng chết, thai lưu, sán nạn, vô sinh, chứng sa tim, tật ở mắt; bốn ba vất vả, cha và con gái không hòa thuận, con cái bất hiếu, vợ giữa cãi ông, nam nữ loạn luân. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về thiếu nữ có tai ách; Nếu núi có hình thế xấu, chủ về đàn ông cao tuổi có tai ách; Nếu núi có hình thế dâm, chủ về nữ có kẻ ngoại tình, bất lợi cho người mệnh Càn Lục Bạch.

**TRẠNG THÁI CÁT HUNG KHI THẤT XÍCH KẾT HỢP VỚI CỬU TINH**

**THẤT NHẤT: TRẠCH THUY KHỐN** ☷☵

**Sinh vượng:** Nhân đình ôn hòa, thanh tú, có tài hùng biện, dễ sinh con làm nghề giáo viên, luật sư, bác sĩ, thầy địa lý nổi danh ngoài xã hội. Tài lộc dồi dào trở nên giàu có, có thể phát triển trong các ngành nghề liên quan đến ao, hồ, thủy lợi, chăn nuôi gia súc. Vợ giữa vượng đình.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phổi, phổi xuất huyết, thũng khí phổi (giãn phế nang), bé gái bị bệnh phổi, thận, tai, cảm điếc, thổ huyết; Trụy thai, ham mê tửu sắc, phạm tội bị tù đầy, hình sát, nam nữ loạn luân, thiếu nữ, trung nam khẩu thiệt thị phi, phá tán, bất cóc,



vượng chuyện liên quan đến pháp luật.

**THẤT NHỊ: TRẠCH ĐỊA TỤY** ☰☷

**Sinh vượng:** Sinh con làm nghề bác sĩ, thẩm phán hoặc cảnh sát. Nữ giới gây dựng cơ nghiệp, trợ giúp tài chính, khi còn mẹ, gia tài ngày một hưng thịnh, gia đình thích làm việc thiện.

**Khắc sát:** Chủ về chứng đường ruột, bệnh tê bì, bệnh phổi, ho, bé gái mắc bệnh đau bụng, tiêu chảy; Hoá hoạn, phụ nữ dâm loạn, nam giới ham mê tút sắc; Có lời cho những người mệnh Nhị Hắc, Ngũ Hoàng, Bát Bạch.

**THẤT TAM: TRẠCH LÔI TÙY** ☰☷

**Sinh vượng:** Đắc tài, sinh con văn võ song toàn, phù hợp nhất với ngành dịch vụ và giới văn nghệ. Vợ hiền giúp chồng, vượng tài vượng đình.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh gan, mật, ho, chứng đường ruột, bệnh về chân, đùi, ngã bị thương, tai nạn đổ máu, thổ huyết; Dao đâm gây thương tích, tai nạn xe cộ, kiện cáo, hình sát, khẩu thiệt, phá tài; tai họa do người âm gây ra, thiếu phụ phạm hung chồng, vợ cả phản bội, bị thương, chiếm hữu phi pháp, đánh nhau, trộm cướp, bạo lực quá mức dẫn đến tai họa. Tam, Thất, Cửu nhập cùng một cung, cá tính thông minh, tính tình cay độc, bất lợi cho người mệnh Mộc Tam Bích.

**THẤT TỬ: TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ** ☰☷

**Sinh vượng:** Sinh con đẹp, dịu dàng, văn võ song toàn, phù hợp với nghề viết văn, phát triển trong ngành xuất bản.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh mắt, phổi, vú, thông khí phổi (giãn phế nang), bệnh ở đầu gối, thấp khớp, bệnh phong thấp, ho, chứng đường ruột, tai nạn đổ máu, dao đâm gây thương tích, điên cuồng, tự vẫn, dùng dao đâm người, có tật ở chân, hung sát; nam giới đa dâm, tham dâm, phụ nữ loạn dâm. Bên ngoài tô vàng nạm ngọc, bên trong thì thổi rửa; vì tiền có thể bất nhân, chị em gái bất hòa, bất lợi cho người mệnh Tứ Lục.

**THẤT NGŨ: KHÔNG CÓ QUÊ**

**Sinh vượng:** Nhân đình hưng vượng, phát quý, thích hợp làm nhà chính luận, nhà ngoại giao, nhà phê bình, nhà văn học, nhà giáo dục, chuyên gia ngôn ngữ, là người thông hiểu, nhanh nhẹn, hoạt bát; tích tài tụ phúc, nữ giới gây dựng cơ nghiệp, thích hợp phát triển kinh doanh thương nghiệp.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phổi, ho, bệnh về lưỡi, đường ruột, ung thư (vòm họng, đại tràng, môi, lưỡi), có nhọt độc, nghiện hút, trúng độc, bệnh giới tính. Thiếu phụ phạm trạch chủ, hình thương, tử hình, tàn phế, tai nạn xe cộ dẫn đến tử vong.

**THẤT LỤC: TRẠCH THIÊN QUÁI** ☰☷

**Sinh vượng:** Phù hợp làm nghề thẩm phán, luật sư, nhà chính luận, nhân tài trong giới hùng biện, có tài ăn nói, tiêu diệt tà ác, bảo vệ pháp quy, pháp lệnh tôn nghiêm. Có cửa lớn đổ vào nhà, phù hợp phát triển trong ngành nghề cơ khí kim loại. Gia đình hiền lành, tốt bụng, nhân tài lương phát.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phổi, bệnh ở đầu, ở xương, bệnh thận, tai, đường ruột, giới tính. Tai nạn đổ máu, hình sát, dao đâm gây thương tích, hoảng hốt, mất trộm hoặc đi ăn trộm, chồng già vợ trẻ, tai họa do người âm gây ra.



**THẤT THẤT: ĐOÀI VI TRẠCH** ☰☱

**Sinh vượng:** Phát tài vượng đình, chi út phát phúc. Sinh con gái tài năng hoặc diễn viên nổi tiếng. Phù hợp làm nghề luật hình sự, bác sĩ, thầy thuốc, đặc biệt phù hợp với nghề luật sư, thẩm phán; Phát hoành tài, phù hợp với lập nghiệp kinh doanh, được phụ nữ trợ giúp.

**Khắc sát:** Chú về bệnh phổi, ho, chứng đường ruột, cảm, môi hở hàm ếch, cảm mạo, hệ thống hô hấp, mũi; dao đâm gây thương tích, đàm hoả, tàn phế, sát thương, tai nạn đổ máu, tai nạn xe cộ, trộm cướp, khẩu thiệt, phao tin đồn nhảm, để tang vợ, phạt tù, thiếu phụ nắm quyền, tổn bé gái, nam nữ loạn dâm. Nếu sông núi có hình thế xấu, chủ về bé gái bị sát hại; Nếu sông núi có hình thế dâm, chủ về thiếu nữ có chuyện yêu đương bên ngoài.

**THẤT BÁT: TRẠCH SƠN HÀM** ☱☰

**Sinh vượng:** Trai tài gái sắc, vợ chồng hòa thuận, có lợi khi kết hôn. Nguồn của cải dồi dào, thích hợp làm nghề bác sĩ, thầy thuốc, chiêm tinh, gia cảnh giàu có.

**Khắc sát:** Chú về bệnh phổi, ho, chứng đường ruột, bệnh tê vi, bệnh ở ngón tay, vai, đầu, não, bệnh tinh thần, cột sống, gân, kết sỏi, bệnh bạch tạng, bệnh ở xương. Thiếu nam, thiếu nữ phóng dăng, vợ chồng phản bội lẫn nhau, thể phạm phu, tai hoạ do phụ nữ gây ra, hao tiền tổn của. Nếu Thủy có hình hung ác, chủ về bé trai hoặc người chồng bị thương; Nếu núi có hình thế xấu, chủ về bé gái hoặc vợ cả bị thương.

**THẤT CỬU: TRẠCH HOÀ CÁCH** ☱☵

**Sinh vượng:** Thích hợp với nghề luật sư, thẩm phán, nghiên cứu khoa học, thường sinh con xinh đẹp, biết hối cải, sửa đổi, sửa chữa triệt để những sai lầm trong quá khứ.

**Khắc sát:** Chú về bệnh ho, phổi, chứng đường ruột, mỡ máu, thổ huyết, bệnh giới tính, bệnh lao, bệnh tim, chứng nhiệt, rò hậu môn; Nghiện hút, trúng độc, hoả hoạn, chết thiêu, bị bóng, chất nổ gây thương tích, mù màu, sán nạn, đào hoa, ham mê tử sắc; Gặp tai hoạ do người âm gây ra, khẩu thiệt phá tài, tổn bé gái. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về thiếu nữ bị thương; Nếu núi có hình thế xấu, bất lợi cho người mệnh Đoài.

**TRẠNG THÁI CÁT HUNG KHI BÁT BẠCH KẾT HỢP VỚI CỬU TINH**

**BÁT NHẤT: SƠN THỦY MÔNG** ☱☵

**Sinh vượng:** Tu thân dưỡng tính, tài học uyên bác, dễ được nổi tiếng với nghề vẽ tranh sơn thủy, có thể chăn nuôi gia súc để làm giàu.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh thận, sỏi bàng quang, bệnh ở mũi, thiếu máu, bại huyết, bệnh về tai, sỏi thận; tổn trung nam, sinh con ngu muội, anh em bất hòa, thất bại, rơi vào bước đường cùng, việc cửa quan liên miên, bất lợi cho trẻ vị thành niên.

**BÁT NHỊ: SƠN ĐỊA BÁC** ☱☷

**Sinh vượng:** Gia nghiệp hưng vượng, thích hợp làm giàu bằng nghề bất động sản, hoặc kinh doanh hàng xuất nhập khẩu. Mẹ nhân hậu, con hiếu thảo, vượng đình, đời đời hưng thịnh.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tê vi, bệnh ở bụng, ở da, cột sống, bệnh rối loạn tâm lý ở phụ





nữ tiền mãn kinh, bệnh về gân, mạch, sỏi dạ dày, thiếu nam cầm điếc, phù thũng, đần độn; Sinh con làm tăng ni, chó cắn bị thương, bại hoại gia phong, gia nghiệp suy bại.

**BÁT TAM: SƠN LÔI DI** ☶

**Sinh vượng:** Tự lập tư cường, thích hợp phát triển làm giàu ở các ngành nghề như kinh doanh lương thực thực phẩm, cây cảnh, nhạc cụ, thủ công mỹ nghệ, trong nhà có con cháu thông minh.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tê bì, bệnh ở ngón tay, cột sống, gân, bệnh xương nhỏ, bệnh ở cánh tay, bệnh về tinh thần, bệnh kết sỏi, trụ thai. Bất lợi cho trẻ vị thành niên, tổn trẻ vị thành niên, phạt tử, anh em bất hòa, thâm chí huynh đệ tương tàn, bất lợi cho người mệnh Cấn.

**BÁT TỬ: SƠN PHONG CỐ** ☶

**Sinh vượng:** Phù hợp làm nghề văn thư, làm công tác chính trị ở địa phương; Vượng gia nghiệp, thích hợp với ngành dệt, lụa tơ tằm.

**Khắc sát:** Bệnh ở cánh tay, thấp khớp, bệnh về mắt (sỏi mắt), bệnh ở vú, đầu gối, cột sống, bệnh hen suyễn, tê bì, bệnh rối loạn tâm lý sau kết hôn, thiếu nam mắc bệnh da dầy, động kinh, tê liệt; Thương phu khắc tử, chủ về quá phụ nắm quyền cai quản công việc, tổn trẻ vị thành niên, dễ bị động vật cắn bị thương.

**BÁT NGŨ: KHÔNG CÓ QUÉ**

**Sinh vượng:** Dễ sinh con thông minh từ nhỏ, làm nhà nghiên cứu quặng mỏ, tăng ni.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh ở mũi, đầu, não, bệnh tê bì, bệnh ở ngón tay, bệnh tinh thần, gãy xương, bệnh ở gân, mạch, cột sống, kết sỏi, thiếu nam mắc bệnh thận, tai nghễnh ngãng, đần độn, cầm điếc, đau thần kinh tọa, khuynh gia bại sản, mất người thừa kế, thiếu niên tử vong.

**BÁT LỤC: SƠN THIÊN ĐẠI SỨC** ☶

**Sinh vượng:** Phù hợp với diễn sân, vượng tài, làm giàu ở nghề tài chính; cha hiền con hiếu, gia đình hưng vượng.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phổi, bệnh ở đầu, cổ, chứng đường ruột, bệnh ở xương, bệnh tê bì, suy nhược thần kinh, bệnh ở ngón tay, bệnh cột sống, bệnh kết sỏi, xương cong vẹo, thiếu nam bất hiếu với cha, thiếu nam phá tài, chết vợ, hiếm muộn.

**BÁT THẤT: SƠN TRẠCH TỐN** ☶

**Sinh vượng:** Nhân tài hưng thịnh, thiếu niên sớm thành tài, chủ về quý. Phát triển nghề diễn sân, kinh doanh có lợi, chủ về phú.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phổi, ho, chứng đường ruột, bệnh tê bì, bệnh ở ngón tay, bệnh tinh thần, bệnh cột sống, bệnh kết sỏi, bệnh bạch tạng, vợ chồng bất hòa, hiếp dâm, tổn trẻ vị thành niên, phá tài, bị quấy rối tình dục.

**BÁT BÁT: CẤN VI SƠN** ☶

**Sinh vượng:** Chủ về vượng diễn trạch, phát đình tài, gia đình có trung thân hiếu tử, phú quý trường thọ, thích hợp với ngành tuyên truyền, giáo dục, dễ có được cấp dưới tài trí, trung hậu, phát quý trong lĩnh vực sách vở giấy tờ, không thích hợp mở



xương sản xuất, doanh nghiệp. Thích hợp với việc thiến đình, thông mạch Nhâm Đốc.

**Khắc sát:** Chú về bệnh gân, mạch, xương, cột sống, sỏi dạ dày, dạ dày tê liệt, trẻ vị thành niên là nam chỉ trên thường bị dị dạng, bệnh tì vị, thiếu niên cảm diếc, đần độn. Dễ bị chó cắn gây thương tích, thiếu niên bất lương, ngang bướng, không sửa đổi, trẻ vị thành niên là nam không sống được. Nếu sông núi có hình thế xấu, chủ về bé trai bị thương vong, hoặc bé trai bị chó dại cắn gây thương tích; Nếu sông núi có hình thế đảm, chủ về nam giới loạn luân.

**BÁT CỬU: SƠN HOÁ BÍ** ☰☷

**Sinh vượng:** Nhiều điều tốt đẹp, có nhiều ruộng vườn, đại phú; kinh doanh đông ruộng, đồi núi có thể làm giàu. Hôn nhân tốt đẹp, sinh quý tử, thiếu nam được đại lợi.

**Khắc sát:** Chú về chứng mờ mắt, xuất huyết, bệnh tim, cao huyết áp, não xung huyết, bệnh tì vị, bệnh ở mũi, chứng đường ruột, có tật ở mắt, mù màu, chứng viêm, chứng nhiệt, bị bóng dẫn đến thương tích, trung nữ và thiếu nam mắc bệnh về tinh thần, tê liệt một phần cơ tim, bệnh đau mắt hột, chảy máu cam, chảy máu tay; vợ chồng không hòa thuận. Nếu sông có hình thế xấu, chủ về thiếu nữ bị thương; Nếu núi có hình thế xấu, chủ về bé trai bị tử vong.

**TRẠNG THÁI CÁT HUNG KHI CỬU TỬ KẾT HỢP VỚI CỬU TINH**

**CỬU NHẤT: HOÀ THUỶ VỊ TẾ** ☱☵

**Sinh vượng:** Vợ chồng kết hôn chính thức, con cháu đầy nhà, đại quý; Tiền của dồi dào, kinh doanh thuận lợi, đại phú.

**Khắc sát:** Chú về bệnh tim, thận, bệnh giới tính, mắt mù, mắt có tật, không tinh nhanh. Vợ chồng bất hòa, vợ cướp quyền chồng, ai đi đường nấy, đào hoa từu sắc.

**CỬU NHỊ: HOẢ ĐỊA TẤN** ☲☷

**Sinh vượng:** Sinh con được phú quý, nhân khẩu thịnh vượng, am hiểu văn chương, nổi tiếng thiên hạ, tiến bộ trong công việc, có lợi trên con đường thăng tiến. Yêu thích nghệ thuật đồ gốm, chịu khó kinh doanh, kiếm tiền có nguyên tắc, đạo lý.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tì vị, chứng mỡ máu cao, chảy máu dạ dày, viêm da dày, viêm ruột thừa, có tật ở mắt, mắc bệnh tim, sinh khó, viêm phúc mạc (viêm màng bụng), hình sát, tai nạn đổ máu, cấp dưới không tôn trọng và đánh giá cao, chồng đần độn, bảo thủ, tổn đình, nghèo khổ, ham mê từu sắc, gặp đào hoa.

**CỬU TAM: HOẢ LÔI PHỆ HẠP** ☲☱

**Sinh vượng:** Sinh con thông minh, tuấn tú, đường công danh được hanh thông, tài lộc liên tục đổ vào nhà. Trung nữ phúc thọ, vợ giữa mang thai con trai. Thanh long tiến trạch, Mộc Hoà thông sáng.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh gan, bệnh ở chân, đùi, có tật ở mắt, bệnh về máu, ung thư máu, chứng viêm, gặp tai ương, bị thiêu chết, bóng bị thương, thiêu bị thương, sản nạn, bệnh tim. Chất nổ gây thương tích (ở phần bàn chân, đùi), tổn đình, phá tài, trai trộm cắp, gái "buôn chồng người", tai họa lao ngục.





**CỬU TỬ: HOÀ PHONG ĐỈNH** ☰

**Sinh vượng:** Vợ cả sinh quý tử, thông minh, tuấn tú, học hành giỏi giang, tài giỏi lỗi lạc về văn chương, phù hợp tiến thân vào chốn quan trường, làm công nhân viên được lợi lớn. Phụ nữ gây dựng gia nghiệp, tài lộc dồi dào, gia đình yên ổn.

**Khắc sát:** Chủ về chứng viêm, viêm khí quản, có tật ở mắt, có tật ở ống mật, viêm tuyến vú, bệnh về máu, bệnh ở đầu gối, thấp khớp, bệnh về khí, bệnh tim, mất máu, chứng đường ruột, bệnh dịch hạch độc tố, hoa mắt, chóng mặt, xuống sắc. Tai nạn đổ máu, dao đâm gây thương tích, bị bóp cổ chết, bị thiêu chết, bại tài, ít đinh, sinh con lãng tử, phụ nữ không ôn hòa, gia đình không yên ổn.

**CỬU NGŨ: KHÔNG CÓ QUÊ**

**Sinh vượng:** Sinh quý tử, nhân đĩnh hưng vượng; phát tài lộc, phát triển nghề điền sản. Sinh con được làm quan quý, có địa vị chí tôn chí quý. Thích hợp với quân sự, có thể nổi danh nhờ vào nghệ thuật gốm.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh tim, huyết quản, ung thư máu, chứng đường ruột, tật ở mắt, mù màu, sản nạn, vô sinh, lưu thai, chứng tự nhiễm độc, chứng viêm, nhọt độc, viêm dạ dày, chảy máu dạ dày, bệnh thối ruột, bệnh về da, bỏng gây thương tích, ung thư ruột, các kiểu tàn tật, gầy gò, vàng vọt, chết yếu, vướng chuyện liên quan đến pháp luật và miệng tiếng thị phi, tử hình, dâm loạn, bại tài.

**CỬU LỤC: HOÀ THIÊN ĐẠI HỮU** ☱

**Sinh vượng:** Bác học nổi tiếng, có khả năng sáng tạo các trò vui chơi, tinh thần lành mạnh, chú về trường thọ, có phúc.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phổi, bệnh máu, chứng viêm, xuất huyết, bệnh tim, não xung huyết, bệnh về tuyến giáp trạng, bệnh ở cổ, bệnh về xương, bệnh ở đầu, chứng đường ruột, bệnh nhiệt, bị thiêu chết, bị thiêu bỏng gây thương tích, lưu thai, vô sinh, sản nạn, ung thư máu, não xuất huyết. Tai họa khẩu thiệt thị phi, con cháu độc ác, vợ đánh đá, gắt gỏng, con cháu hư hỏng, đàn ông cao tuổi bị thương, ấu dâm sát thương, tự vẫn, nhảy giếng tự tử.

**CỬU THẤT: HOÀ TRẠCH KHUẾ** ☲

**Sinh vượng:** Thông hôn với người dị tộc, trong nhà có mỹ nhân. Thích hợp làm chuyên gia quân sự (nghiên cứu chế tạo vũ khí), luật sư, thẩm phán, là người trượng nghĩa, giữ lời.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh phổi, ho, chứng đường ruột, chứng tăng nơ-ruy, bệnh tim, chứng viêm, xuất huyết, mất máu, nghiện hút, trúng độc, mù màu, mắt có tật, vô sinh, ung thư vòm họng, thổ huyết, ung thư phổi; Hoà loạn, bị thiêu đốt, bị bỏng dẫn đến thương tích, chất nổ gây thương tích, say mê tui sắc, việc cửa quan và thị phi liên tục hoành hành, anh em bất hòa, gia đình không yên ổn, thương phong bại tục, phóng đảng gian dâm.

**CỬU BÁT: HOÀ SƠN LỮ** ☳

**Sinh vượng:** Tài đĩnh đều vượng, trung nam trung nữ dễ phát tài, sinh quý tử, thiếu nam công danh hiển đạt. Kinh doanh nông nghiệp, thương nghiệp được lợi.

**Khắc sát:** Chủ về bệnh máu huyết, xuất huyết, bệnh tim, cao huyết áp, não xung huyết, bệnh tê bì, bệnh mũi, tật ở mắt, chứng đường ruột, bị bỏng, bị thương dẫn đến thương tích, bị thiêu chết, tự thiêu, dẫn độn, cầm điếu. Trẻ vị thành niên bị thương vong, phụ nữ tính tình hung bạo, trẻ thiếu năng trí tuệ.



**Sinh vượng:** Gia nghiệp hưng vượng, phát phúc quý. Thích hợp làm giàu từ nghề nấu nướng, đốt luyện, hoá mỹ phẩm, quần áo. Gia đình làm nghề hầm lò, thính, nhưng dễ thịnh cũng dễ suy.

**Khắc sát:** Chủ về có tật ở mắt, thần trí mơ hồ, bệnh hệ thống huyết dịch, bệnh về máu, mất máu, xuất huyết, bệnh tim, cao huyết áp, chứng nhiệt, chứng viêm, trúng nắng, viêm phổi, chứng đường ruột, sinh khó, truy thai, vô sinh; Hoả hoạn, tai nạn đổ máu, chết thảm, tự sát, tổn đình, bại tài, hình sát, kiện tụng, tử hình, nhiều con gái, ít con trai, phụ nữ nắm quyền trong gia đình, bất lợi cho trẻ vị thành niên. Nếu sông núi có hình thế xấu, chủ về thiếu nữ bị thương vong; Nếu sông núi có hình thế dâm, chủ về thiếu nữ dâm loạn.



## 9 GIẢI THÍCH VỀ TRẠCH ĐỒ

GIẢI THÍCH VỀ ĐỒ HÌNH TRẠCH VẬN HAI MƯƠI TƯ SƠN TRONG  
VẬN 8

*Trong vận 8 (2004 - 2023), sao Bát Bạch là dương lệnh vượng tinh, Cửu Tử là Sinh khí tinh, Nhất Bạch cũng là Sinh khí tinh. Ba sao này đều là cát tinh. Tam Bích, Tứ Lục, Ngũ Hoàng là Sát khí tinh; Thất Xích là Suy thoái tinh. Bốn sao này là hung sát tinh. Bát Bạch là Chính thần, Nhị Hắc là Linh thần, tức Hung thần.*

**Vận 8 và nhà ở**

Trong vận 8 (2004 - 2023), chất lượng nhà ở ngày càng được nâng cao, kiểu dáng thiết kế nhà cao tầng cũng ngày càng được đổi mới, các khu đô thị, vườn hoa, biệt thự cũng ngày một nhiều hơn, khiến cho người dân cảm nhận được rằng, sự phát triển của khoa học kỹ thuật, sự phát triển của xã hội đã đem đến những thay đổi rất lớn cho môi trường sống.

Trong vận 8, nếu sao Bát Bạch bay đến sơn hướng và hợp thành hình cục thì chủ về con cháu được hưng thịnh, phát về điền sản, xuất hiện người hiền tài; kỵ kết hợp với sao Tứ Lục, chủ về bất lợi cho đời sau. Bát Bạch nếu thất lệnh, không hợp hình cục thì chủ về trẻ chưa đến tuổi thành niên bị thương tổn, chị dâu em chồng gây chuyện loạn luân, gia đình bất hòa, mắc bệnh phong thấp, cổ, vai, bệnh tê bì,...

Trong vận 8, căn cứ vào Hậu thiên bát quái, thì Ngũ Hoàng nhập trung cung, Bát Bạch bay đến phương đông bắc, phương vị này thuộc quẻ Cấn trong Bát quái. Điều này có nghĩa là, phương Chính thần của vận 8 nằm ở phía đông bắc; phương Linh thần của vận 8 nằm ở phía tây nam. Nói cách khác, một ngôi nhà tọa đông bắc, hướng tây nam trong vòng hai mươi năm của vận 8 (từ 2004 đến 2023) là một ngôi nhà hưng vượng và phát đạt nhất. Nếu một ngôi nhà không những tọa đông bắc, hướng tây nam mà ở phía tây nam còn có đài phun nước hoặc hồ bơi, bể cá,... lại càng thêm phần hưng vượng. Nguyên nhân như đã nói ở phần trước, tọa sơn chủ về sức khỏe, còn hướng thủy chủ về tài vận, vì vậy, nếu Chính thần thấy núi thì vượng nhân đinh, Linh thần thấy nước thì vượng tài vận. Trong vận 8, nếu có Thủy ở hướng tây nam thì sẽ vô cùng có lợi cho sự phát triển của sự nghiệp và tài vận. Ngược lại, nếu có nước ở phương đông bắc hoặc phương vị tọa sơn của ngôi nhà thì không những không thể đem lại tài vận tốt, mà nếu chủ nhà có Ngũ hành kỵ Thủy còn có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của chủ nhà. Vì vậy, trong vận 8, khi lựa chọn nhà ở cần phải chú ý đến tọa hướng của ngôi nhà.

Phương vị phát đạt của vận 8 có thể tìm dựa trên tọa hướng của 24 sơn trên la bàn. Nói chung, nếu cổng chính, tọa hướng và giường, bàn làm việc của ngôi nhà hoặc công ty đều hướng về phương vị phát đạt trong vận 8, đồng thời phối hợp với quẻ tốt thì nhất định sẽ tạo ra được một bố cục phong thủy đẹp - sự nghiệp phát đạt, tài dinh lưỡng vượng.

Trong vận 8, có sáu loại tọa hướng được coi là vượng sơn vượng hướng, đó là:



sơn Càn hướng Tốn, sơn Tốn hướng Càn, sơn Sữu hướng Mùi, sơn Mùi hướng Sữu, sơn Tỵ hướng Hợi, sơn Hợi hướng Tỵ. Căn cứ vào nguyên lý phong thủy học, trong vận 8, phương tây nam nếu gặp Thủy hoặc có cửa mở thì đó là cục đại vượng, trong đó, sơn Sữu hướng Mùi được coi là tốt nhất. Nói cụ thể hơn, trong tất cả các ngôi nhà có sơn Sữu hướng Mùi, thì 206° là tốt nhất. Nói cách khác, trong vận 8, ngôi nhà vượng nhất chính là ngôi nhà tọa 26° hướng 206°, người sinh vào mùa hạ hoặc sinh vào giờ chính Ngọ là người thích hợp nhất để sống trong ngôi nhà kiểu như vậy. Ngoài ra, căn cứ vào sự phân chia Ngũ hành, những trạch bàn có tọa hướng như sau cũng là sự lựa chọn rất tốt:

Toạ 135,5 độ hướng 315,5 độ - Mệnh thiếu Mộc;

Toạ 138 độ hướng 318 độ - Mệnh thiếu Mộc;

Toạ 315 độ hướng 135 độ - Mệnh thiếu Kim;

Toạ 318 độ hướng 138 độ - Mệnh thiếu Kim;

Toạ 153 độ hướng 333 độ - Mệnh thiếu Hỏa;

Toạ 156 độ hướng 336 độ - Mệnh thiếu Hỏa.

### **Phi tinh ảnh hưởng đến lầu vận**

Cùng với sự phát triển của văn minh xã hội và trình độ khoa học kỹ thuật, nhà tầng ngày càng được xây cao hơn, dẫn đến tình trạng có rất nhiều ngôi nhà trong cùng một tòa nhà có cùng tọa hướng. Lấy một ví dụ hết sức đơn giản, trong một tòa nhà cao 32 tầng, nếu chúng ta chỉ dựa vào tọa hướng để xác định mức độ cát hung thì phải chăng tất cả các ngôi nhà có số nhà 01 từ tầng 1 đến tầng 32 trong cùng đơn nguyên 1 đều có tình trạng phong thủy hoàn toàn giống nhau? Đương nhiên là không phải. Nhưng nhìn chung, xét trên một xu thế lớn, những ngôi nhà này vẫn có những điểm tương tự. Ví dụ, nếu nhà số 01 tầng 1 đơn nguyên 1 phạm phải Thanh sát thì những ngôi nhà số 01 từ tầng 2 đến tầng 32 trong cùng đơn nguyên cũng đều phải chịu ảnh hưởng từ âm thanh ồn ào của công trình kiến trúc hoặc tiếng còi ô tô quanh đó, đó chính là ảnh hưởng do phi tinh Lưu niên gây ra.

### **Vận 8 với sự cát hung của nhà tầng**

Khi suy đoán sự cát hung của các tầng nhà khác nhau trong các thế vận khác nhau, chúng ta cần phải dùng đến phương pháp "Âm Dương thuận nghịch". Nguyên lý chủ yếu của cách tính này là, căn cứ vào tọa hướng Âm Dương của toàn bộ công trình kiến trúc để quyết định thứ tự thuận nghịch của từng tầng nhà và đơn nguyên. Dưới đây, chúng tôi sẽ căn cứ vào những ví dụ thực tế để giới thiệu về phương pháp phán đoán cát hung cho nhà tầng.

Giá sử bây giờ chúng ta có một tòa nhà cao 5 tầng, tòa nhà này có tọa hướng là tọa Mùi hướng Sữu, sơn Mùi là sơn Âm, mà Âm thì tính theo chiều ngược. Thế vận lúc này là thuộc vận 8, vì vậy, tầng trệt của tòa nhà này chính là số 8; tầng 2 đếm ngược lại, tức là 7; tầng 3 là 6; tầng 4 là 5, tầng 5 là 5 (nếu tòa nhà cao hơn thì cứ theo thứ tự như vậy mà suy đoán). Chúng tôi phát hiện ra rằng, tầng trệt là nơi có phong thủy tốt nhất, bởi vì thế vận là vận 8, mà tầng trệt cũng là số 8, bốn tầng còn lại phong thủy đều rơi vào suy vận, không phải sự lựa chọn tốt.

Ví dụ mà chúng tôi nêu ra chỉ là một tòa nhà 5 tầng, tức là số tầng còn nằm trong phạm vi 9, nhưng hiện nay, rất nhiều tòa nhà đều cao quá 9 tầng. Ví dụ, có một khu chung cư cao 28 tầng, khi tính toán mức độ cát hung của tòa nhà này, nếu dùng phương pháp tính theo chiều thuận, thế vận là 8, coi tầng trệt là 8, tiếp đó là 9, 1, 2, 3,... rồi lại 9, 1, 3,... cứ tiếp tục tính quay vòng như vậy để tìm ra con số đại diện cho các tầng; Nếu dùng phương pháp tính theo chiều ngược, vẫn lấy tầng trệt là 8, tiếp đó là 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1, 9, 8,...





cũng tiếp tục tính quay vòng như vậy.

Vì vậy, chúng ta cần tính toán được Phi tinh của mỗi năm, từ đó tìm ra được vận trình hàng năm của cả tòa nhà và của mỗi căn nhà. Mà trong quá trình tính toán này, thuộc tính Âm Dương của tọa hướng đóng một vai trò vô cùng quan trọng, bởi nó sẽ quyết định cách tính theo chiều thuận hay theo chiều ngược. Trên mỗi chiếc la bàn đều đã ghi rõ thuộc tính Âm Dương của 24 sơn, màu đen là Âm, màu đỏ là Dương, rất thuận tiện cho người sử dụng. Sau khi tính toán được Phi tinh của tòa nhà và mỗi căn nhà, chúng ta sẽ có thể phán đoán ra được những ngành nghề khác nhau phù hợp với từng căn nhà trong đó.

### Trạch bàn sơn Nhâm hướng Bính

(1) Sơ đồ trạch vận này có bố cục Song tinh hội toa, thích hợp tọa sơn có minh đường, có dòng nước êm đềm, ba nhánh. Ngoài nước ra còn có núi cao, đều chủ về đỉnh tài lương vượng. Hướng thủ Thất Xích phi tinh là Suy khí, Sát khí, không thích hợp thấy nước. Nếu có đỉnh núi ở phía hơi xa thì Cửu Tử Sinh khí Sơn tinh được thế, trạch vận chủ về sinh cát. Nhưng hướng thủ có các sao Thất, Cửu giao hội, là Hoá Tiên, Hậu thiên đồng cung. Nếu sơn thủy đều có nhưng vị trí vẫn khác nhau, hơn nữa, lại có hình thù hung ác, chắc chắn sẽ xảy ra hoá hoạn hoặc bệnh về máu huyết.

(2) Cung Khôn có sao Cửu Tử Sinh khí bay đến, thích hợp có dòng nước ba nhánh hoặc nước ao hồ, chủ về tài. Nếu có núi, hay công trình kiến trúc cao lớn, nhọn, nghiêng thì phải đề phòng xảy ra hoá hoạn, chủ về người mẹ gặp tai hoạ, mắc bệnh ti vi, tứ cung.

(3) Cung Chấn có Hướng tinh Nhất Bạch là cát khí Thượng nguyên, hội hợp Vũ Khúc, nếu có dòng nước đẹp tương ứng, chủ về sinh người quyền quý, nhân tài giới giang văn chương.

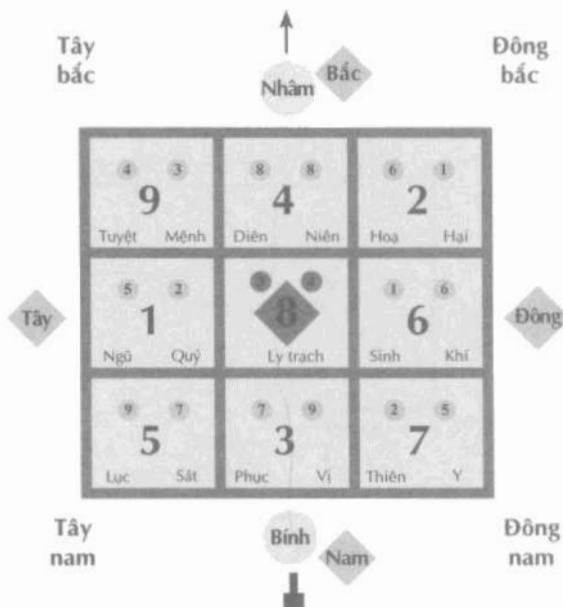
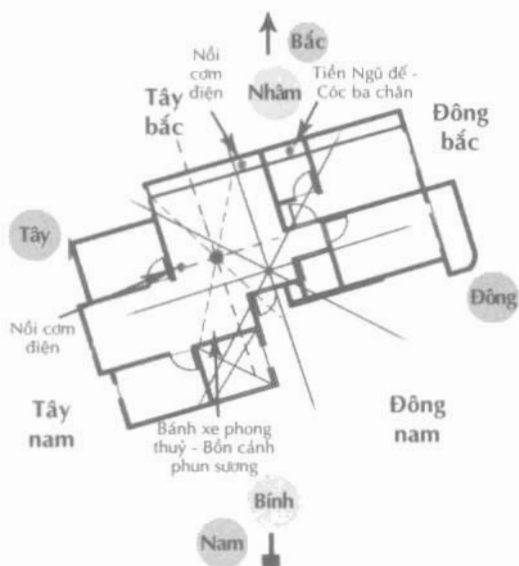
(4) Cung Cấn có Sơn tinh Nhất Bạch và Lục Bạch Vũ Khúc giao hội, nếu có đỉnh núi đẹp đề kỳ lạ, chủ về sinh người quyền quý, nhân tài giới giang văn chương. Nếu có đầy đủ sơn, thủy tại hai cung Chấn, Cấn thì là tốt nhất.

(5) Cung Đoài, cung Tốn, hung tinh Ngũ, Nhị Tử khí gặp nhau, nên yên tĩnh, sơn thủy đều kỳ, chủ về bệnh gan, phổi, ho; chủ về cô quá, nhọt độc, ung thư. Lưu niên Nhị, Ngũ tới, trảng đình bị thương.

(6) Cung Càn có Tứ, Tam tử khi bay đến, hình cục nên yên tĩnh, kỵ sơn thủy xuất hiện, chủ về bệnh gan, mật, chân, đùi, tim, não, phổi, trai làm trộm cắp, gái làm ca kỹ, tính cách thất thường, vợ chồng phản bội lẫn nhau, gia nghiệp suy bại.

(7) Cổng, cửa phòng nên mở theo hai cung Khảm, Chấn sẽ là vượng nhất, cung Khôn cũng có thể được, mở cửa cung Đoài bất lợi, chủ về làm thương tổn trảng đình, phụ nữ mang thai cũng bất lợi. Nếu mở theo cung Tốn, Càn là hung, bất lợi cho chủ nhà hoặc người mẹ trong nhà.

(8) Lưu niên thêm đình, Năm Tý, Mão, Mùi, Thân là cát; Năm Dậu, Tuất, Hợi, Thìn, Tỵ là hung.



### Trạch bàn sơn Tý hướng Ngọ, sơn Quý hướng Đinh

(1) Sơ đồ trạch vận này có bố cục Song tinh hội hướng. Lệnh tinh Bát Bạch bay tới hướng thủ, nếu có sơn có thủy, chủ về đỉnh tài lương vượng (tại hướng thủ, Bát Tam là bạn, Bát Tam đương lệnh, thống nhiếp khí Hạ nguyên, lại là sao phò tá trong Thượng nguyên, Trung nguyên), tọa sơn có Sơn tinh Cửu Tử Sinh khí Sơn bay đến, nếu có núi ở phía xa, cũng chủ về vượng đỉnh.

(2) Cung Khảm có nước, cung Cấn gặp núi chủ về xảy ra hoả hoạn; nếu Lưu niên Ngũ Hoàng bay đến, chủ về bệnh loạn màu, nghiện hút, trúng độc. Nếu cung Khảm có núi, cung Cấn có nước, chủ về gia đình có người đẹp, làm nghề luật sư, quân nhân, người đàm phán; nếu gấn vị trí của suy khí, mọi việc đều có tổn thất.

(3) Phương Khôn Thân nếu có núi đẹp, phương Dậu Tân có nước chảy êm đềm thì đỉnh tài lương vượng, chủ về gia đình có người làm văn nhân, học giả. Hai phương vị này có thể dùng làm thư phòng hoặc phòng ngủ.

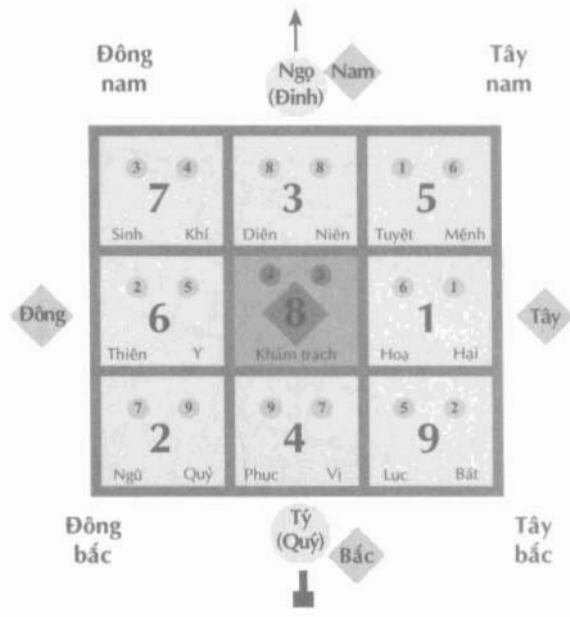
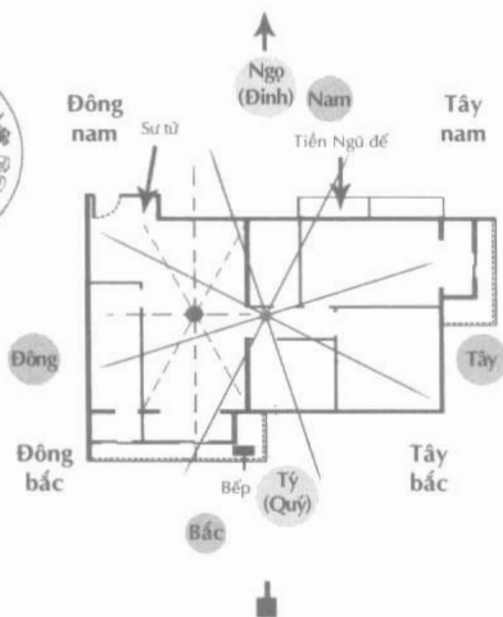
(4) Cung Càn, cung Chấn Nhị Ngũ, Ngũ Nhị sát tinh hội hợp, vị trí hai cung này nên yên tĩnh, trống trải. Nếu có sông, núi mà hình thế hung ác, chủ về bệnh tật, tổn thương đến chủ nhà.

(5) Cung Tốn có tổ hợp sát tinh Tứ, Tam bay đến, nên yên tĩnh, trống trải. Nếu có sông, núi mà hình thế hung ác, chủ về bệnh gan mật, bệnh về thần kinh, trong nhà có kẻ làm trộm cắp, lãng tử, phụ nữ dâm dăng, tai hoạ triển miên, bị thương tích, bại tài.

(6) Cửa sân, cửa phòng nên mở tại cung Ly, đỉnh tài lương vượng, cung Đoài cũng tốt, cung Cấn hoá giải cũng có thể được, kỵ mở ở ba cung Càn, Tốn, Chấn.

(7) Lưu niên thêm Đinh, năm Ngọ là hợp nhất, năm Mùi Thân Dậu cũng tốt, các năm khác đều hung.





### Trạch bàn sơn SỬU HƯỚNG MÙI

(1) Đồ hình trạch vận này có bố cục đảo sơn đảo hướng, hợp với hình thể toạ mãn triều không (đằng sau đầy đặn, đằng trước trống trải). Hướng thủ nếu có nguồn nước hợp cục, dòng nước ba nhánh thì nguồn tài lộc vượng phát. Nếu toạ sơn có núi cao hợp cục, nhà cao, công trình kiến trúc cao lớn thì chủ về nhân đinh hưng vượng. Nếu phương Mùi có nước gọi là "chân linh thần thủy", và nếu phương Sửu lại có núi hợp cục, có thể nhanh chóng phát đỉnh tài. Nếu sơn thủy đảo diên, hình thành bố cục toạ không triều mãn thì đỉnh tài lưỡng bại, mà nếu Sửu Mùi đảo đảo cục sẽ sinh ra tăng ni, mọi việc đều không thuận.

(2) Cung Khảm Cửu Lục bay đến, phía xa thích hợp có dòng nước nhỏ hoặc ao, cũng đem lại tài lợi. Cửu tuyền là sao Sinh khí, nhưng Hoả Kim tương khắc, là cách cục Hoả thiêu Thiên môn, kỵ thấy nhà tầng màu đỏ, xưởng luyện kim loại, chủ về con ngõ ngược, vợ dữ tợn, vợ cả mắc bệnh máu huyết, đàn ông cao tuổi bị ho, quan tụng, hình ngục.

(3) Cung Ly có tổ hợp song tinh Nhất Thất, Kim Thủy tương phù, nếu có dòng suối nhỏ, ao, vùng đất trũng, chủ về may mắn trong tài vận. Nếu có nước lớn không tụ, nước chảy hai bên, hoặc nhìn thấy núi cao, chủ về tán tài tán lộc, ham mê tiêu sác.

(4) Cung Đoài, song tinh Tam Cửu bay đến, nếu có núi đẹp hợp cục, gọi là Hoả Mộc thông sáng, chủ về trong gia đình có người thông minh, tuấn tú. Nếu có nước lớn hoặc dòng nước ba nhánh, chủ về trong nhà có trai làm trộm cướp, gái làm ca kỹ, khuyh gia bại sản.

(5) Cung Càn, song tinh Tứ Nhất bay đến, hợp thấy núi đẹp, đỉnh núi kỳ lạ có hình bút viết, chủ về xuất nhân tài văn chương. Nếu thấy dòng nước lớn, chia ba tán loạn, nam nữ dâm dăng; Nếu có dòng nước, con đường hình cánh cung ngược, trong nhà có người trôi dạt tha hương không có ngày về.

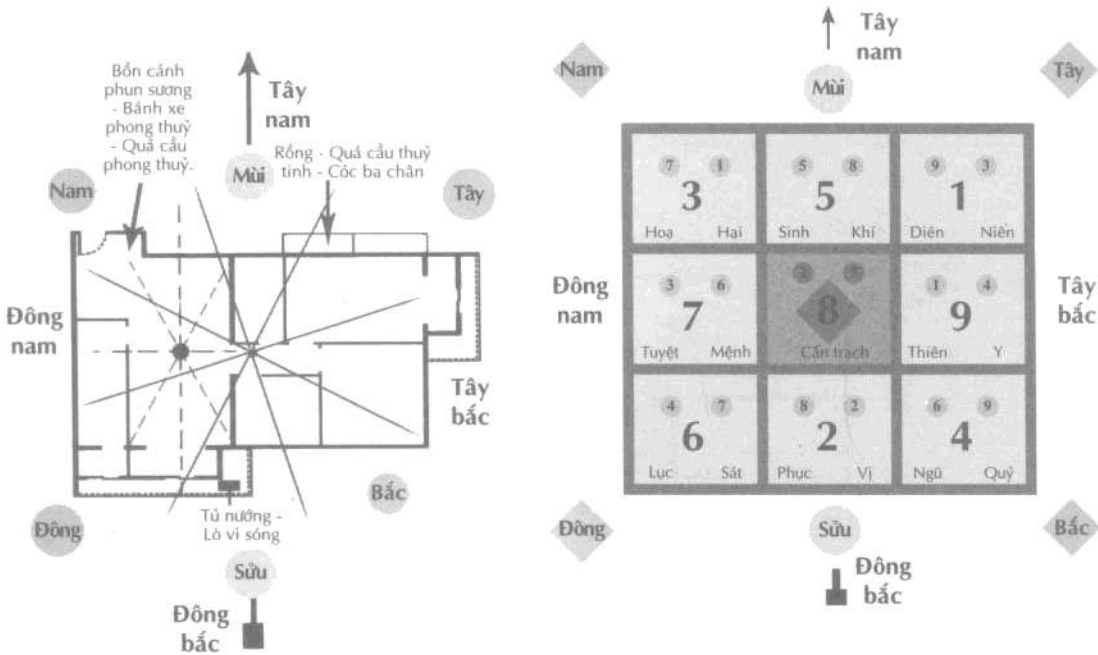
(6) Hai cung Tốn, Chấn nên yên tĩnh, không nên thấy sông, núi. Cung Tốn nếu thấy sơn, thủy, trường nam bị bệnh; Cung Chấn nếu thấy sơn, thủy, tổn hại đến người con thông minh, vướng chuyện khẩu thiệt, kiện tụng, ham mê tiêu sác làm khuyh gia bại sản, không giỏi văn chương.

(7) Cổng, cửa phòng mở tại cung Khôn là tốt nhất, mở tại hai cung Khảm và Ly cũng chủ về cát; Không thích hợp mở tại cung Càn và cung Đoài, chủ về bệnh ở gan và chân,



để xảy ra thiên tai.

(8) Lưu niên thêm đỉnh, năm Mùi, Thân, Sửu, Dần là vượng, năm Tý Ngọ vẫn tốt, các năm còn lại đều bất lợi.



### Trạch bàn sơn Cấn hướng Khôn, sơn Dần hướng Thân

(1) Sơ đồ trạch vận này có bố cục lệnh tinh diên đảo, là cách cục trên núi dưới sông, hợp với hình thế toạ không triều mãn. Nếu hướng thủ có nước, Nhị Ngũ tương giao, khí khách tinh Nhị Ngũ lưu niên, lưu nguyệt tới, chủ về hao tổn chủ nhà, đồng thời chủ về bệnh ở lá lách và đầu gối, bệnh liên quan đến hệ thống thần kinh. Nếu toạ sơn có đỉnh núi hoặc công trình kiến trúc, mà lại sát gần, chủ về tuyệt tự, thai phụ hoặc bà goá dễ bị thương; toạ sơn nếu có nước, chủ về tiền tài vượng phát.

(2) Trạch vận này hợp với bố cục quả Tam ban Phụ mẫu Nhất Tứ Thất, Nhị Ngũ Bát, Tam Lục Cửu, Phi tinh tại hướng trong Cửu cung đều phạm Phục ngâm, phương pháp an trạch lập hướng không thích hợp dùng cho vùng núi, mà chỉ thích hợp dùng cho vùng đồng bằng. Ba cung vị Tốn, Ly, Khôn nên thấy đất thực, ba cung Cấn, Khảm, Cấn nên thấy nước. Như vậy có thể khiến cho ba sao cát Nhất Lục Bát trở nên đối xứng, từ đó giải được ách Phục ngâm, giúp cho trạch vận tam nguyên bất bại. Nếu 2 cung vị Khảm, Ly lại có ao tròn, nước đẹp nằm đối xứng thì trạch vận được phú quý song toàn. Đây là bố cục trạch vận có hình thế lớn.

(3) Cung Tốn gần với vị trí Tứ Nhất Văn Xương, thích hợp có núi cao, đỉnh núi đẹp, có thể xuất văn tài, chí sĩ.

(4) Hai cung vị Cấn, Đoài đều có Suy tinh sát khí, nên yên tĩnh. Nếu thấy cả sơn lẫn thủy, chủ về bị tàn tật ở chân, nhân đinh thương tổn, bất lợi cho vợ cả.

(5) Cung Khảm Nhất Bạch là sao phò trợ của Hạ nguyên, nếu có thủy hoặc dòng nước ba nhánh là cát, nếu có núi chủ về hung.

(6) Cung Chấn hợp có núi xa, chủ về xuất chí sĩ thông minh; nếu có Thủy chủ về bất lợi cho trưởng nam và trung nữ.

GIẢI THÍCH VỀ ĐỒ HÌNH TRẠCH VẬN HAI MƯƠI TƯ SƠN TRONG VẬN 8

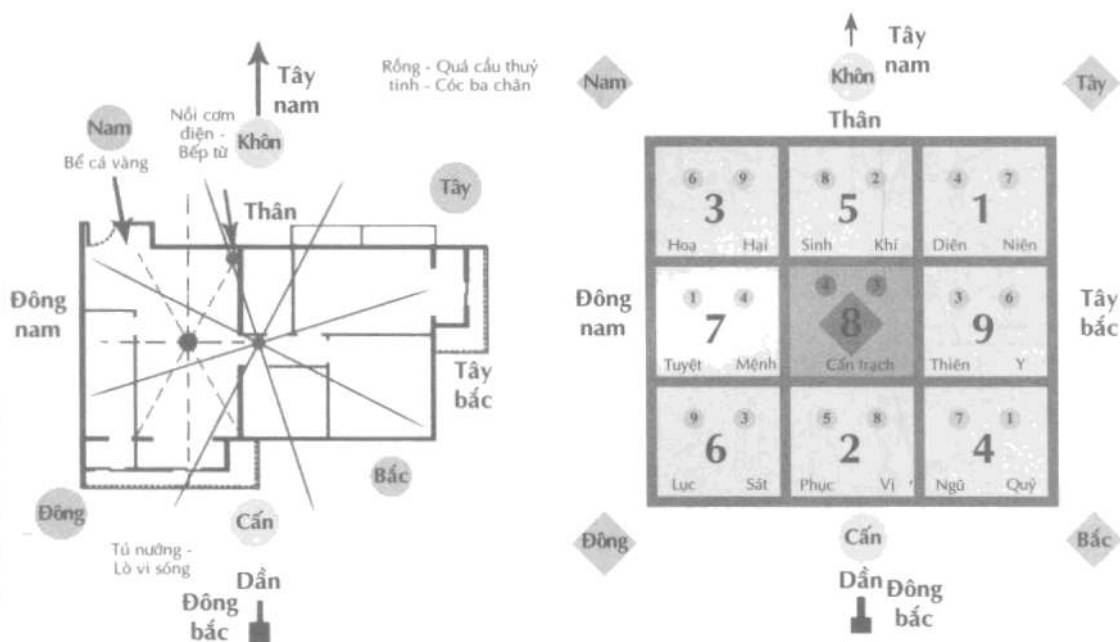




(7) Cung Ly nên có dòng nước nhỏ, nếu có núi chủ về người già gặp việc hung, dễ mắc các chứng bệnh tim, não, huyết quản.

(8) Cổng, cửa phòng mở tại cung Cấn là vượng nhất, nếu mở tại hai cung Khảm, Ly cũng tốt; kỵ mở theo các cung Càn, Đoài, Chấn; cửa Tốn là Văn Xương, nhưng lại là Suy khí.

(9) Lưu niên thêm đinh, gặp các năm Sửu, Dần, Mùi, Thân, Thìn là cát, các năm còn lại đều bất lợi.



### Trạch bàn sơn Giáp hướng Canh

(1) Đồ hình trạch vận này có bố cục Song tinh hội toạ, hai lệnh tinh Bát Bạch cùng đến toạ sơn. Cung Chấn nên thấy núi cao, công trình kiến trúc cao lớn, hơn nữa nếu thấy ao hồ, dòng nước êm đềm, ba nhánh, minh đường thì chủ về đình tài đều vượng. Hướng thủ có hai sao Tam Tử phi nhập, đều là sát tinh, nạn tinh đương vận, nên yên tĩnh, không nên có sông núi, nếu có sông núi chủ về gia nghiệp suy bại, thấp khớp, sinh con gái làm nghề ca kỹ. Nếu có dòng nước phản cung, ngọn núi quay lưng, xuyên sa, cầu, hầm, dễ sinh con làm trộm cướp hoặc ăn xin.

(2) Cung Tốn có Hưởng tinh Cửu Tử Sinh khí bay đến, nếu có nước nhỏ, nước ở xa, giao với tài khí Cửu vận thì đại vượng.

(3) Cung Khảm có sao Lục Nhất Văn Xương, hợp thấy đỉnh núi đẹp hoặc núi hình giá bút, chủ về xuất văn nhân tú sĩ có chí khí.

(4) Ba cung Càn, Cấn, Ly có Suy tinh, Sát tinh, nên yên tĩnh, nếu có động sẽ trở thành phá cục, chủ về đình tài suy bại.

(5) Cung Khôn có Sơn tinh Cửu Tử Sinh khí phi nhập, nên có núi ở xa, không nên thấy nước, chủ về phát triển điền sản.

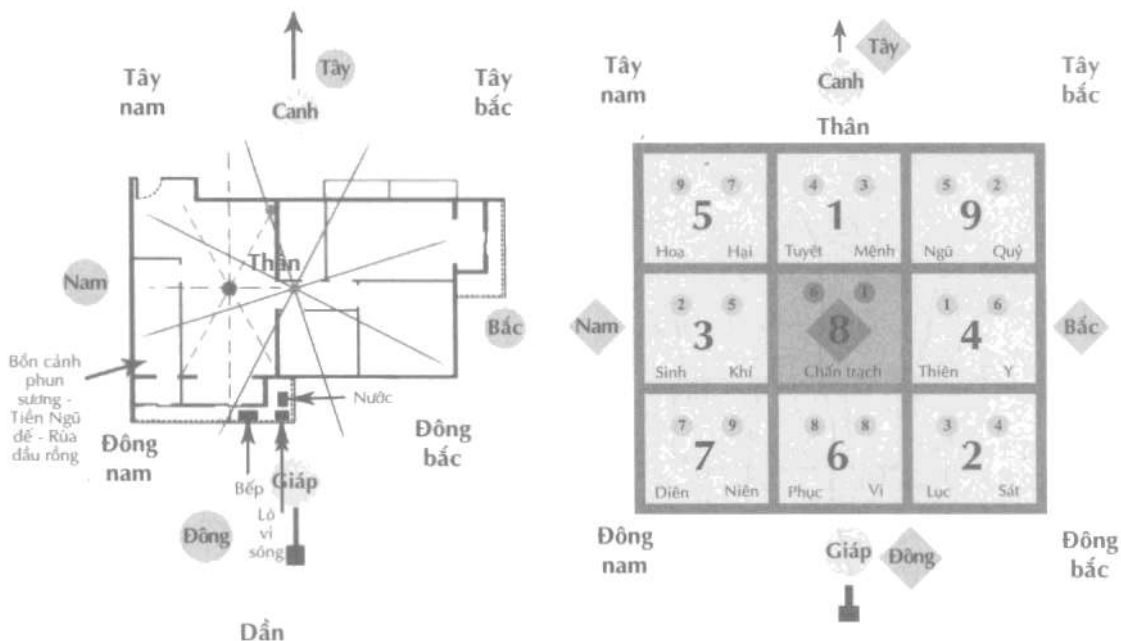
(6) Cung Khôn, cung Tốn có Hoả tinh Thiên thiên, Hậu thiên phi nhập, nếu hình cục sơn thủy đảo ngược, có khách tinh Cửu, Thất của năm, tháng bay tới, nên đề phòng tai nạn, hoả hoạn.

(7) Cổng, cửa phòng nên mở tại cung Chấn, chủ về đình tài lưỡng vượng, mở tại cung Khôn cũng hợp. Cung Tốn tuy là vị trí của Hưởng tinh Cửu Tử Sinh khí, nhưng



là Suy tinh Khắc xuất, không nên mở cửa. Ba cung Đoài, Càn, Ly sát khí nặng, chủ về bại tài thương đình, nên tránh là hơn.

(8) Lưu niên thêm đình, năm Mão là năm hợp, năm Tý cũng tốt, các năm Ngọ Sửu Tuất Hợi là kỵ.



### Trạch bàn sơn Mão hướng Dậu, sơn Ất hướng Tân

(1) Đồ hình trạch vận này có bố cục song tinh Bát Bạch hội hướng, cát tinh Nhất Bạch của vận bàn cũng bay đến hướng, gọi là hình cục Tam cát hội thủ. Hướng thủ nên thấy dòng nước đẹp, hiền hòa, hai dòng nước hội tụ, chia ba nhánh, hoặc minh đường, hơn nữa, bên ngoài lại có núi cao, đỉnh núi đẹp, công trình kiến trúc phía trước, chủ về đình tài vượng phát, gặp điều may mắn trên con đường văn chương. Toạ sơn Chấn cung có sao Tam Tứ bay đến, sát tinh, suy tinh rất nặng, nên yên tĩnh, không nên thấy hình cục sơn thủy, nếu thấy cầu, hầm, núi nhô đầu, sinh con làm trộm cướp, ăn xin, hoặc mắc bệnh thấp khớp.

(2) Cung Càn có Hưởng tinh Cửu Tử Sinh khí bay đến, nên thấy dòng nước tĩnh lặng, êm đềm, kỵ thấy đỉnh núi hoặc công trình kiến trúc cao lớn.

(3) Cung Cấn có Sơn tinh Cửu Tử Sinh khí bay đến, nên thấy đỉnh núi đẹp, kỵ có hình thể nước lớn, ba nhánh, vùng đất trũng. Hai cung Cấn, Càn có Cửu, Thất giao hội, tuy Kim Hoả giao chiến, nhưng nếu hai cung này có hình thể sơn thủy ở đúng vị trí, chủ về có người làm bác sĩ khoa ngoại, luật sư, hoặc nhân sĩ trong ngành quân đội, trong lĩnh vực nghệ thuật. Nếu sơn thủy không ở đúng vị trí, chủ về tai nạn hoả hoạn, hoặc mắc các bệnh về tim, não, phổi, họng, mắt, môi, chân, bệnh giới tính, hoặc bị thương tích, tàn tật.

(4) Cung Ly có các sao Lục Nhất Văn Xương cùng tụ hội, hợp thấy đỉnh núi, dòng nước đẹp ở phía xa, chủ về xuất văn nhân, chí sĩ, người mệnh Quý Mão, Giáp Tý phát quý.

(5) Hai cung Khảm, Tốn, Nhị Ngũ cùng bay đến, nên yên tĩnh. Nhị Hắc là sao Bệnh Phù, Ngũ Hoàng là Sát tinh, nếu hai cung này thấy sơn thủy đều hung, chủ về bệnh tật, tổn hại chủ nhà, cô quả, đơn độc, mắc chứng bệnh ung thư hoặc nhọt độc. Nhà cửa u ám

GIẢI THÍCH VỀ ĐỒ HÌNH TRẠCH VẬN HAI MƯƠI TƯ SƠN TRONG VẬN 8



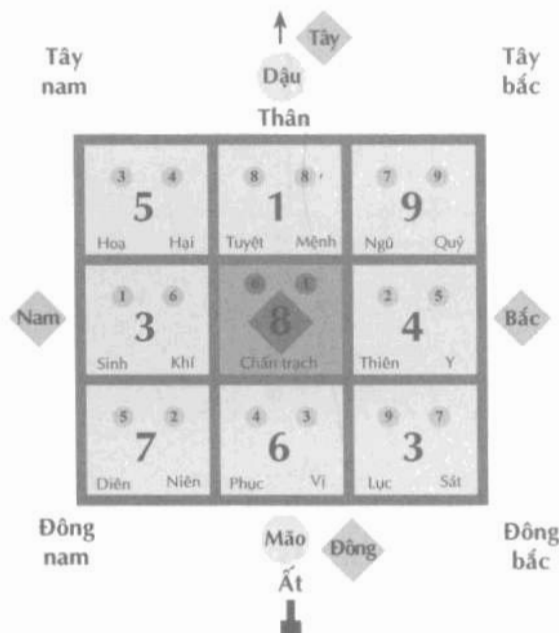
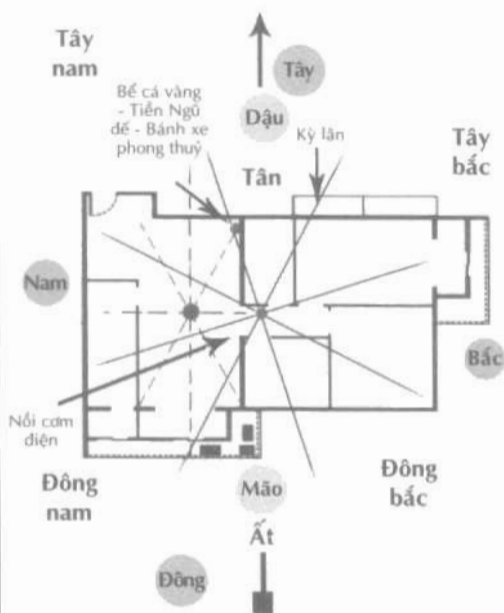


vì nhiều khí âm, dễ có tà khí.

(6) Trung cung có cát tinh Nhất Lục Văn Xương nhập ngục, chủ về gia đình không vượng trên lĩnh vực văn chương. Nếu hướng thủ, cung Càn có Thủy hợp thì có thể giải ách nhập ngục.

(7) Cổng, cửa phòng nên mở tại hướng thủ cung Đoài, đình tài lương vượng; cung Ly, cung Càn tuy suy nhưng vẫn tốt. Mở tại cung Chấn, Tốn, Khôn, Khảm không tốt, chủ về thai phụ, mẹ, vợ cả gặp tai ách.

(8) Lưu niên thêm đình, năm Dậu là tốt nhất, năm Tuất, Tỵ cũng tốt. Nếu cung mệnh có Thất Xích Kim thì bất lợi.



### Trạch bàn sơn Thên hướng Tuất

(1) Đồ hình trạch vận này có bố cục lệnh tinh sơn hướng Bát Bạch đảo ngược, trên sơn dưới thủy. Tuy hợp với bố cục tọa không triều mãn, nhưng bố cục này hướng thủ có Hướng tinh Nhất Bạch Sinh khí bay đến, hợp với hướng thủ có núi hoặc công trình kiến trúc cao lớn, mà nếu phía sau lại có nước tụ lại, thì nước đó gọi là ám cộng thủy, là hướng thủ hợp cục, chủ về đình tài lương vượng, nhưng đặc tài hơi xa, nếu phát sớm thì lại là thiên tài (tiền của ngoài luồng). Tọa sơn cần có dòng sông bao quanh, hai dòng nước hội tụ, hoặc ao, hoặc vùng đất trũng đều có thể làm giàu, vượng tài. Nếu tọa sơn có núi cao, nhà cao tầng hoặc công trình kiến trúc, chủ về nhân đình suy bại mà ứng vào vợ cả, chủ về khắc thê, sinh con bất hiếu.

(2) Trung cung có Hướng tinh Cửu Tử Sinh khí bay đến, nhập ngục, chủ về tiền tài trong vận 9 sẽ suy bại. Nếu hai cung Càn, Tốn có dòng nước toả sáng, có thể giải được ách nhập ngục; nếu hai cung này có núi cao ép sát, mà lại có hình thế hung ác, chủ về đình tài suy bại.

(3) Cung Khảm có song tinh Ngũ Tam Tử khí, Suy khí bay đến, nên yên tĩnh. Nếu có Sơn Thủy, chủ về bại tài, mắc các bệnh gan mật, tay chân, tai họa triền miên, chết thảm, thai phụ gặp nạn.

(4) Cung Ly có Tứ Nhị Tử khí, Suy khí bay đến, nên yên tĩnh. Nếu có sơn thủy, chủ về bại tài, mắc các chứng bệnh tim, vị, tim, não. Nếu dòng nước chiếu thẳng,

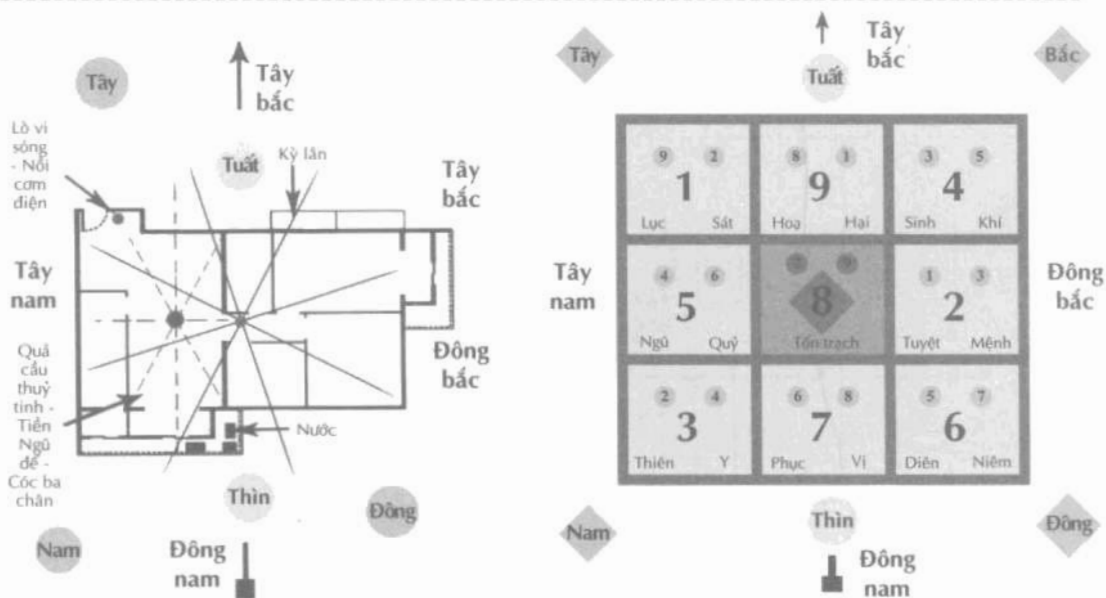


chủ về có con dâu bất hiếu.

(5) Hai cung Chấn, Khôn có Suy khí Sát tinh tụ hội, nên yên tĩnh, không nên thấy động, thấy sơn thủy.

(6) Cổng, cửa phòng nên mở tại hai cung vị Càn, Tốn, chủ về đình tài vượng phát. Năm cung Khâm, Khôn, Cấn, Chấn, Ly không nên mở cửa, nếu mở thì chủ về nữ gặp tai ách, tai họa triển miên, chết thảm, gia nghiệp suy bại.

(7) Lưu niên thêm đình, gặp các năm Tuất Hợi Thìn Tỵ là cát lợi, các năm còn lại nên tránh là tốt nhất.



### Trạch bàn sơn Tốn hướng Càn, sơn Tỵ hướng Hợi

(1) Đồ hình trạch vận này có bố cục lệnh tinh Bát Bạch đáo sơn đáo hướng, hướng thủ, tọa sơn phải hợp với hình cục vượng sơn, vượng hướng. Hướng thủ có nước đến, lại đẹp và êm đềm, nếu gặp dòng ba nhánh, minh đường thì tiền tài vượng phát, chủ về sinh ra văn sĩ, quân nhân, hoặc được bổ nhiệm, thăng chức theo con đường đặc biệt. Sơn tinh Lục Bạch bay tới hướng thủ, phạm Phục ngâm, kỳ núi cao ép sát, hoặc đường chặn trước cửa, chủ về bong gân, gãy xương, bất lợi cho đàn ông cao tuổi, con trưởng dẫn độn. Tọa sơn hợp có đỉnh núi cao, đẹp, sau núi có nước lớn, đình tài vượng phát. Cục này có Hướng tinh Cửu Tử Sinh khí nhập trung nhập ngực, chủ về tài vận trong vận 9 suy thoái, nếu hướng thủ có dòng nước toả sáng thì gọi là ngực bất trụ, vận 9 vẫn chủ vượng.

(2) Cung Khôn có tổ hợp song tinh Tam Nhất, hợp với có đỉnh núi đẹp ở phía xa, chủ về đình vượng, kỳ thấy nước có sát khí, chủ về vợ cả sinh con du dương, bất hiếu, dễ mắc các chứng bệnh gan, mật, thận, tử cung.

(3) Cung Khâm gặp sao Tứ Nhị, đều có khí hung sát, nên yên tĩnh, trống trải, kỳ thấy sông núi hình sát, chủ về tổn đình bại tài.

(4) Cung Chấn có song tinh Nhị Cửu bay đến, Cửu Tử là Sơn tinh Sinh khí, hợp thấy đỉnh, chóp núi tròn, đẹp, chủ về đình vượng mà thanh tú. Kỳ thấy nước, chủ về sinh con ngũ đản, trạch vận thoái tài.

(5) Cung Cấn có tổ hợp Lục Tứ, là Suy tinh Sát tinh, nên yên tĩnh và trống trải, kỳ thấy sơn thủy, chủ về tai ách khắc thế.



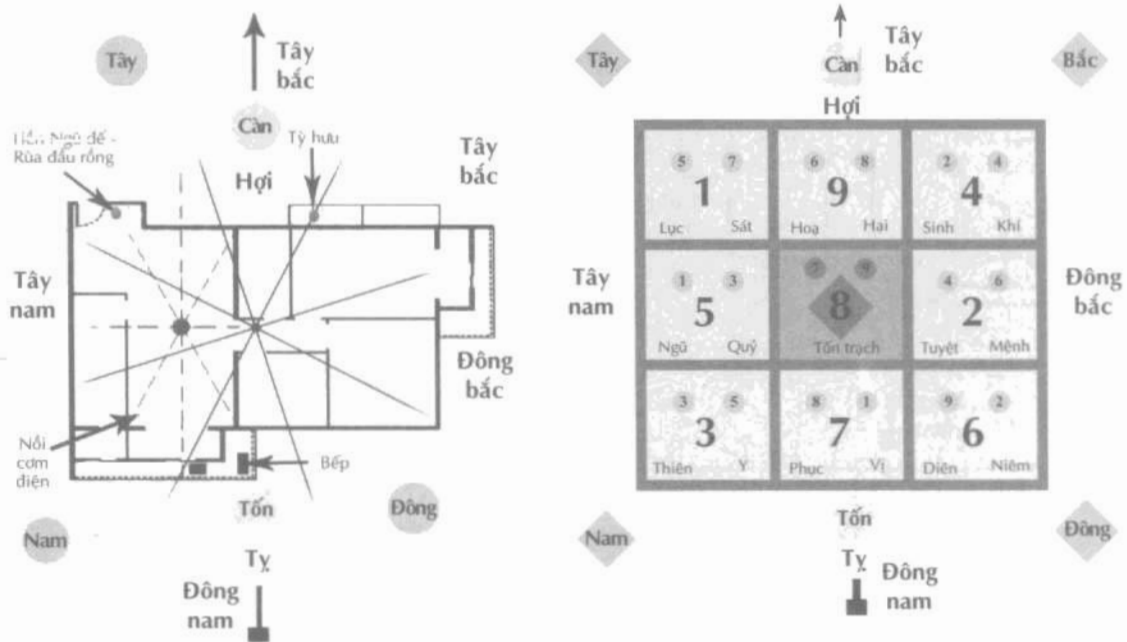


(6) Cung Đoài có tổ hợp Thất Ngũ bay đến, gọi là Hung tinh giao hội, nên yên tĩnh và trống trải, kỵ thấy sơn thủy, chủ về tài bại đình suy, dễ gặp tai họa triển miên.

(7) Cung Ly có song tinh Ngũ Tam bay tới, Ngũ là Thái cực, Đế tinh, tuy là khí hung sát, nhưng nếu phương vị này có dòng nước toả sáng, có thể giải ách Hường tinh Cửu Tử nhập ngục; Kỵ thấy sơn, chủ về sinh con toàn làm trộm cướp, ăn xin; chủ về bệnh gan mật, tim não, huyết quản, có tật ở mắt.

(8) Cửa sân, cửa phòng hướng thủ nên mở tại cung Càn, toạ sơn cung Tốn cũng tốt, chủ về đình tài lưỡng vượng. Sáu cung Đoài, Khảm, Khôn, Ly, Chấn, Cấn không nên mở cửa, chủ về bại tài, phụ nữ gặp tai ách.

(9) Lưu niên thêm đình, các năm Tuất Hợi Thìn Tỵ là tốt nhất, các lưu niên còn lại đều không tốt.



### Trạch bàn sơn Bình hướng Nhâm

(1) Đồ hình trạch vận này có bố cục song tinh đảo hướng. Lệnh tinh Bát Bạch bay đến hướng thủ, hợp có nước, ao hoặc dòng nước ba nhánh hội tụ, ngoài nước ra còn hợp thấy núi cao, dãy núi, đỉnh núi đẹp hoặc công trình kiến trúc cao lớn, chủ về đình tài lưỡng vượng. Hường tinh Cửu Tử bay đến toạ sơn, tuy Hoả Kim tương khắc, may nhờ Cửu Tử là Sinh khí, nhưng nếu có dòng nước bao quanh, nước ở xa hoặc nước nhỏ đều là cát, cũng chủ về gặp điều may mắn trong tiền tài. Toạ sơn không nên có núi cao bao quanh, hoặc có công trình kiến trúc cao lớn, chủ về bại tài, có bệnh ở não, mắt, trung nữ gặp tai ách.

(2) Cung Cấn có nước, có núi đẹp, cung Chấn có nước, có đỉnh núi đẹp, hai cung vị này sẽ có sao Nhất Lục Văn Xương liên hợp cực, chủ về đại vượng trong cả vận, gia đình có truyền thống học tập, đời nào cũng có văn nhân, chí sĩ.

(3) Hai cung Tốn, Đoài có Nhị Ngũ tương giao, nên yên tĩnh, không nên thấy núi cao lớn, hung ác, hoặc chiếu thẳng. Nếu dòng nước bị ô nhiễm, chủ về bệnh tật triển miên, nhân đình không vượng, tai ách hoành hành.

(4) Cung Càn gặp sao Tam Tử bay đến, là Sát khí Ác tinh, Nạn thần, nên yên

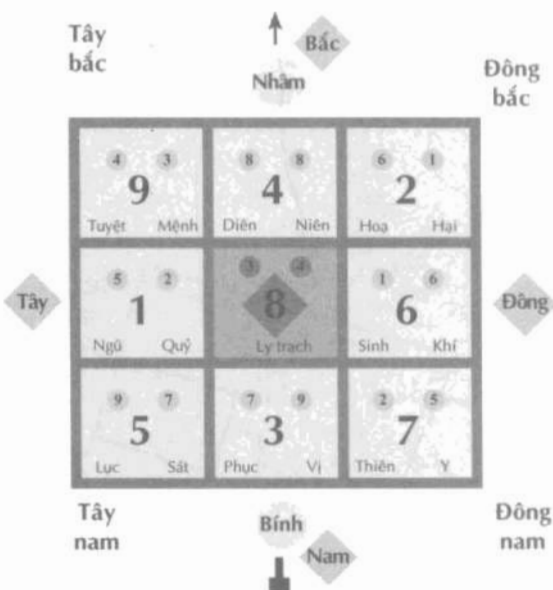
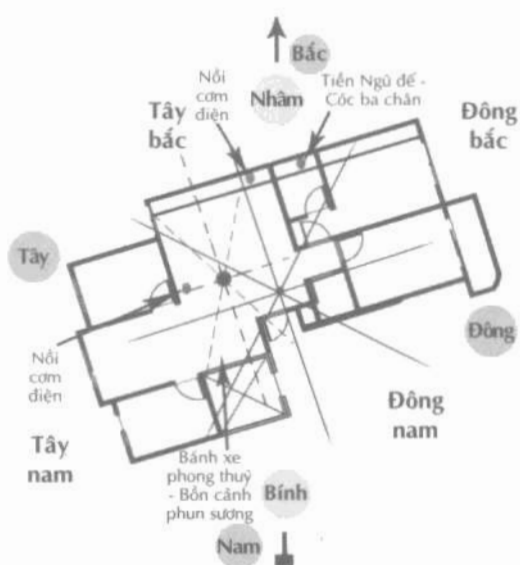
tình, bằng phẳng, trống trải. Nếu có sơn thủy mà hình thế lại hung ác, chủ về bại tài, sinh con làm nghề ca kỹ, mắc các chứng bệnh gan mật, gặp các tai ách như tự vẫn, chết thảm.

(5) Cung Ly nên có nước ở xa, nếu có núi cao, đỉnh núi hình thế hung ác, chủ về thiếu nữ gặp tai ách, hoả hoạn, phụ nữ dâm loạn, không hòa thuận; chủ về các bệnh tim, não, phổi, đường ruột, môi, mắt.

(6) Cung Khôn nên có núi ở xa, nếu có nước lớn mà dòng nước chảy thẳng, chủ về thiếu nữ gặp tai ách, hoả hoạn, tà dâm, phái nữ không hòa thuận, chủ về các chứng bệnh phổi, đường ruột, nghiện hút.

(7) Cửa sân, cửa phòng hướng thủ nên mở tại cung Khảm, đỉnh tài lưỡng vượng, mọi việc đều thuận lợi; mở tại cung Cấn đỉnh tài cũng vượng, chủ về có niềm vui về mặt văn chương, mở tại cung Chấn cũng tốt về mặt văn chương, mở tại bốn cung Tốn, Khôn, Đoài, Càn không tốt.

(8) Lưu niên thêm đỉnh, năm Tý là năm vượng cát, các năm Sửu Dần Mão cũng tốt, kỵ các năm Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất.



GIẢI THÍCH VỀ ĐỒ HÌNH TRẠCH VẬN HAI MƯƠI TƯ SƠN TRONG VẬN 8

### Trạch bàn sơn Ngọ hướng Tý, sơn Đỉnh hướng Quý

(1) Đồ hình trạch vận đồ này có bố cục Song tinh hội toạ. Toạ sơn nên có sơn thủy bao quanh, chủ về đỉnh tài phú quý vượng phát, chủ về vượng nam mà lại là văn nhân, chí sĩ. Vận tinh Tam Mộc và Cửu Tử của Nguyên đán bàn chủ về Hoả Mộc thông sáng, sinh con thông minh, Tam Bát lại hoá Mộc sinh Cửu Tử, cũng chủ về vượng trên con đường văn chương, xuất nhân tài về mặt văn chương, đỗ đầu khoa bảng. Tổ hợp hai lệnh tinh Bát Bạch, chủ về nam giới vượng gia. Hướng thủ có tổ hợp Hoả khí Tiên thiên Hậu thiên, Cửu Tử là Sinh khí, Hoả khí quá vượng, nếu có nước ở xa, nước nhỏ hoặc vùng đất trũng là tốt, về mặt tiền tài cũng tốt, không hợp thấy núi mà lại hung ác, chủ về tài suy, tai nạn hoả hoạn.

(2) Cung Khôn, cung Đoài có sao Nhất Lục bay tới, có hình cục "Hư liên khuê bích, phát văn chương tám đời", nếu nước cung Khôn núi cung Đoài hợp cục, mà lại có hình thế đẹp, chủ về xuất văn võ chí sĩ, thành nhà vượng quý.

(3) Hai cung Càn, Chấn, có tổ hợp Bệnh Phù, Ngũ Hoàng, hợp với sự bình lặng và





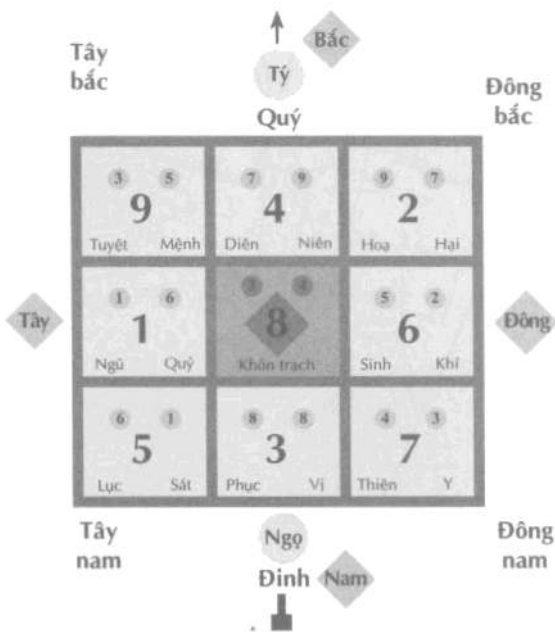
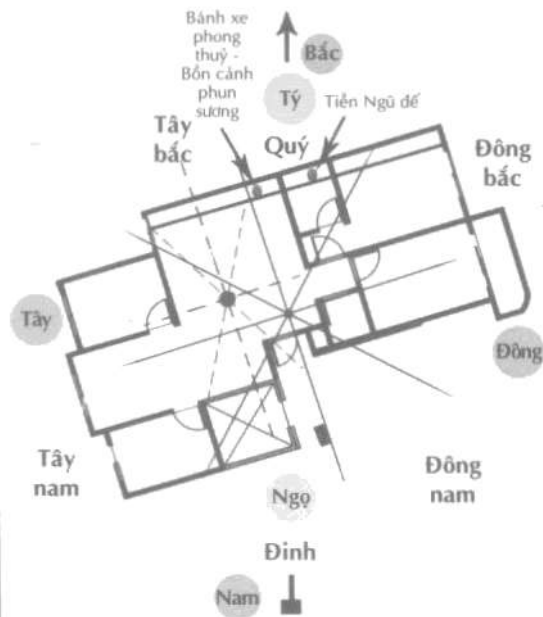
trống trải. Nếu có sông, núi lại có hình thế hung ác, chủ về chủ nhà gặp tai ách, nhân đinh suy thoái. Nếu nhà có bố cục sơn Đỉnh hướng Quý, tại vị trí Hợi của cung Càn nếu thấy hình sát như đỉnh núi nhọn, tháp sát hoặc góc nhà chiếu thẳng, chủ về đàn ông cao tuổi mắc bệnh tim, não, huyết quản, bệnh về chân, đùi; chủ về tranh chấp, kiện tụng, cãi vã thị phi.

(4) Cung Tốn có Tam Tứ Suy tinh bay đến, nên yên tĩnh, trống trải. Sơn tinh Tứ Lục phạm Phục ngâm, nếu có hình sát như núi hoặc góc vuông chiếu vào, chủ về bất lợi cho trường nữ; chủ về bệnh gan mật, thần kinh, đầu gối. Nếu có nước ô nhiễm, dòng nước chảy thẳng chủ về dâm loạn. Nếu sơn thủy lại có hình thế ác, chủ về sinh con làm trộm cướp hoặc ăn xin.

(5) Cung Cấn có sao Thất Cửu bay đến, nên yên tĩnh, hoặc có ngọn núi nhỏ ở phía xa, không nên có dòng nước lớn hoặc có ao, chủ về tai nạn hoả hoạn, thiếu nữ gặp tai ách.

(6) Cổng, cửa phòng nên mở tại toạ phương Ly, chủ về đỉnh tài lưỡng vượng. Nếu mở tại cung Khôn, chủ về sinh quý tử, vượng gia. Cung Cấn không vượng tài, cũng không vượng đinh; Kỵ mở tại ba cung Càn, Chấn, Tốn.

(7) Lưu niên thêm đỉnh, hợp với các năm Ngọ Mùi Thân Dậu, năm Tý cũng tốt, kỵ các năm Tuất Hợi Mão Thìn Tỵ.



### Trạch bàn sơn Mùi hướng Sửu

(1) Đồ hình trạch vận này là bố cục lệnh tinh đảo sơn đảo hướng, vượng sơn vượng hướng. Nhưng lệnh tinh Bát Bạch của hướng thủ và toạ sơn của trạch vận đồ này cũng có bố cục "Phục ngâm", "Phản ngâm". Phương pháp hoá giải là, hướng thủ nên có dòng nước hiền hòa, ao hoặc dòng nước ba nhánh, hoặc phía trước phải bằng phẳng, trống trải. Toạ sơn cần có đồi, núi, dốc, ao hoặc công trình kiến trúc có độ cao trung bình, hình thế hợp cục, như vậy cũng được đỉnh tài lưỡng vượng. Nếu sơn bức bách, thủy không đẹp sẽ không thể sinh ra văn nhân chí sĩ thông minh, trí



tuệ, thậm chí còn ngu si, dẫn độn. Nếu sơn thủy có hình thể tương phản, chủ về bại tài, xuất tăng ni. Cung Khôn có thủy, chủ về chứng bệnh ung thư, hoặc các bệnh về tử cung, mũi, cột sống, dạ dày, cánh tay. Cung Cấn có núi, chủ về bệnh tinh thần, bụng, dạ dày, chân, đùi.

(2) Cung Đoài có tổ hợp Cửu Tam, là bố cục Hoả Mộc thông sáng. Nếu có Thủy đẹp, hợp cục và hiền hòa, chủ về sinh con thông minh, trí tuệ. Nếu có vị trí gần với sơn, hình thể lại hung ác, chủ về trong nhà có trai trộm cắp, gái ca kỹ.

(3) Cung Càn có sao Nhất Tử Văn Xương, nếu có nước với hình thể đẹp, tinh lặng, hiền hòa, chủ về xuất văn nhân chí sĩ, làm rạng rỡ môn đình; Kỵ những hình sát như đỉnh núi nhọn, nhà đổ nát, cầu đá, cây khô,...; chủ về con cháu đời sau không vượng trên con đường văn chương, trong nhà có phụ nữ dâm tà.

(4) Cung Khảm có tổ hợp Lục Cửu, hợp phía xa có núi cao, kỵ ép sát, kỵ có dòng nước lớn hoặc ao, chủ về bệnh phổi, tim, não, xương, đường ruột, hệ thống tiết niệu,... trung nam bị thương, con cháu bất hiếu, con dâu ghê gớm, phụ nữ danh đá, gắt gỏng.

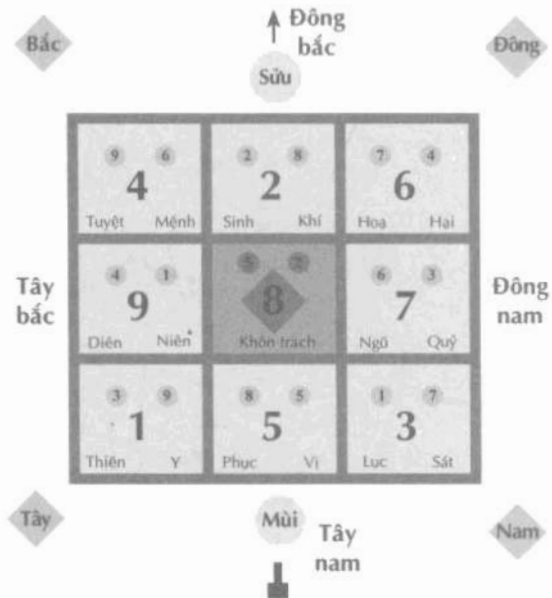
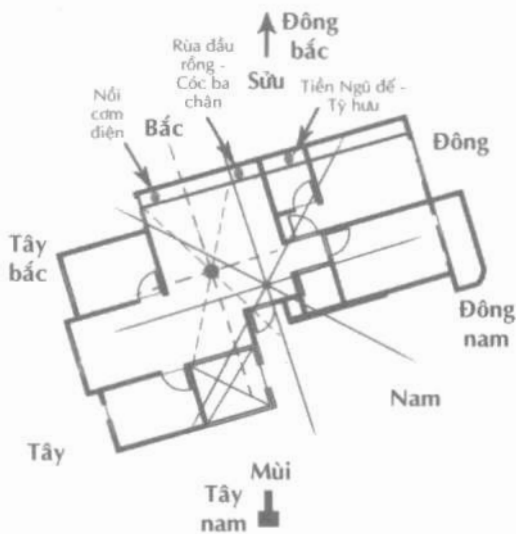
(5) Hai cung Tốn, Chấn nên yên tĩnh, kỵ sơn thủy lộ hình, hơn nữa nếu hình thể hung ác, chủ về sinh nhiều con gái, mắc các chứng bệnh về thần kinh, cổ, eo lưng, cánh tay.

(6) Cung Ly có sao Thất Nhất bay đến, Nhất Bạch Sinh khí là Sơn tinh, hợp phía xa có đỉnh núi đẹp, chủ về sinh con có tài ăn nói; Kỵ thấy thủy có hình thể ác, chủ về dâm loạn, mắc các chứng bệnh phổi, tai, thận, não.

(7) Cổng, cửa phòng nên mở tại cung Cấn, chủ về dinh vượng tài vượng; cung Càn nếu mở cửa được công danh, phú quý dài lâu; cung Đoài cũng tốt; Kỵ mở tại các cung Chấn, Tốn, Khảm, Ly.

(8) Lưu niên thêm đình, các năm Sửu Dần Mùi Thân Tuất Hợi là tốt, kỵ các năm Mão Thìn, Tỵ.

GIẢI THÍCH VỀ ĐỒ HÌNH TRẠCH VẬN HAI MƯỜI TƯ SƠN TRONG VẬN 8





## Trạch bàn sơn Khôn hướng Cấn, sơn Thân hướng Dần

(1) Đồ hình trạch vận này có bố cục lệnh tinh đảo ngược, trên sơn dưới thủy. Trạch cục này các phi tinh tại sơn đều phạm Phục ngâm, nhờ có Cửu cung toàn cục hợp thành quẻ Tam ba, chủ về có được nguyên khí, có hình cục tọa không triều mãn, vẫn có thể sử dụng. Nếu là hình cục tọa mãn triều không, tọa sơn có núi cao, hướng thủ có nước lớn, chủ về thương đĩnh bại tài, phụ nữ mắc bệnh tinh thần, sinh khó, ngã chết, mắc bệnh phong thấp, thấp khớp, cột sống, cổ vai, gân xương bị tổn thương, bệnh về mũi. Trạch cục này nên đặt tại đồng bằng, kỵ dùng cho vùng núi, nếu dùng đất vùng núi, tai họa lập tức ập đến.

(2) Cung Chấn có sao Cửu Tam bay đến, Hoả kết hợp với Mộc tạo thành cách cục Hoả Mộc thông sáng, nên thấy dòng nước đẹp mà tĩnh lặng, chủ về vận 9 tài vượng, lại sinh con thông minh. Nếu thấy núi mà hình thế tầm thường, chủ về trai trộm cướp, gái ca kỹ, việc cửa quan, hình ngục.

(3) Cung Tốn có tổ hợp sao Nhất Tứ Văn Xương, nên thấy dòng nước đẹp mà hiền hòa, tĩnh lặng, chủ về văn tú chí sĩ lại vượng tài. Nếu có núi ở cách xa hoặc công trình kiến trúc có hình thế xấu, chủ về dâm tà, ham mê tửu sắc.

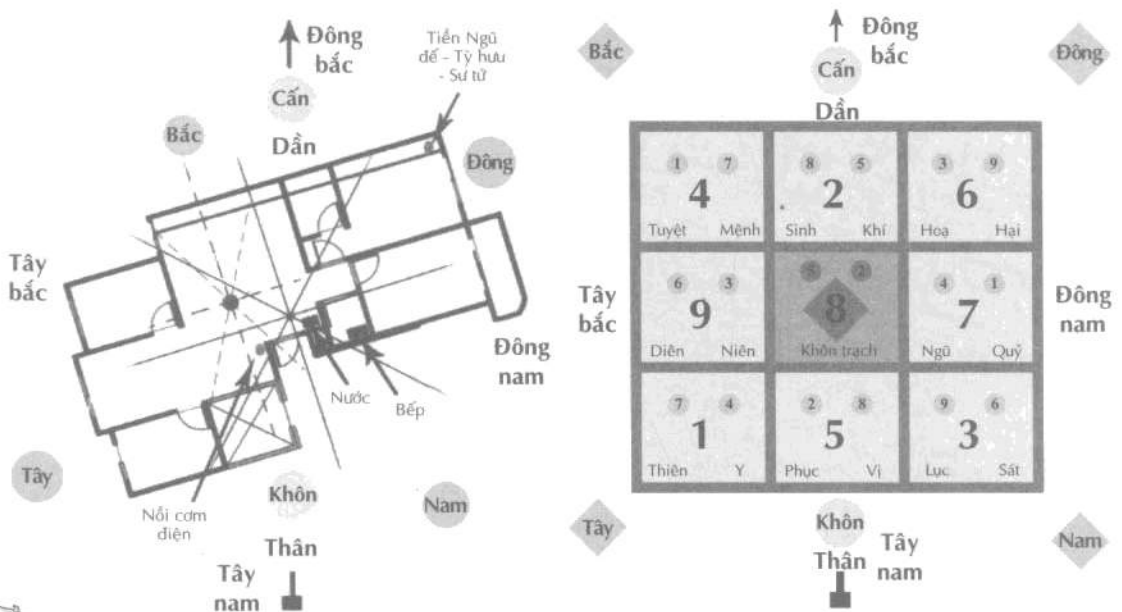
(4) Cung Khảm nếu có sao Thất Nhất, hợp thấy núi đẹp ở phía xa, chủ về biện sĩ có tài ăn nói, Nếu có nước lớn, nước chảy thẳng, chủ về nam nữ dâm dăng, loạn luân, đổi phong bại tục, tham hoa tiếu ngọc, say mê rượu chè; chủ về các chứng bệnh phổi, thận, tai, xương.

(5) Hai cung Càn, Đoài nên yên tĩnh, trống trải, nếu thấy sơn thủy mà núi có hình thế ác, nước bị ô nhiễm, chủ về các chứng bệnh gan, mật, phổi, tim, thương tật, tai nạn xe cộ; chủ về bất lợi cho vợ cả.

(6) Cung Ly có Sơn tinh Cửu Tử Sinh khí, nếu có núi đẹp ở xa, chủ về sinh quý tử, người già được trường thọ, nếu thấy miếu vũ màu đỏ, xưởng luyện kim, hoặc dầu dòng nước lớn chiếu thẳng, chủ về đàn ông cao tuổi ho chết, vợ cả mắc chứng tăng nơ trong máu, bệnh về tim, não, huyết quản, phụ nữ vô sinh, hung hãn.

(7) Cổng, cửa phòng tọa sơn nên mở tại cung Khôn, hợp cục, chủ tài vượng. Cung Chấn có Sinh khí Hướng tinh bay đến, mở cửa cũng tốt, chủ về phát tài phát lộc. Nếu mở tại cung Tốn mà hợp hình cục thì cũng có lợi trên con đường văn chương, lại phát đĩnh tài. Các cung còn lại đều nên tránh.

(8) Lưu niên thêm đinh, năm Mùi Thân Thìn Tỵ là hợp, các năm khác đều bất lợi.



## Trạch bàn sơn Canh hướng Giáp

(1) Đồ hình trạch vận này có bố cục lệnh tinh Sơn hướng Bát Bạch hội hợp hướng thủ. Trạch cục này có hai Bát Bạch hội với Vũ Khúc, hợp với cách cục "hiền Kim gặp Thổ", chủ về giàu có. Bát hợp với Nguyên đán bàn Tam Bát tạo thành cách cục, chủ về sang. Hướng thủ cần có dòng nước đẹp bao quanh hoặc có ao, sau thủy là sơn, chủ phú quý cùng đến mà lại dài lâu; Toạ sơn có Sát khí và Nạn tinh, nên yên tĩnh, trồng trái, kỵ sơn thủy tại toạ hướng, chủ về gia nghiệp suy bại, việc nhà bị xáo trộn. Nếu gặp dòng nước phản cung, phản bội, núi nhô đầu, cầu, hầm, chủ về trong nhà có kẻ làm trộm cướp hoặc ăn xin. Nếu thấy núi cao ép sát thì cực hung, chủ về chết thảm, tai nạn xe cộ, tai ách hình sát, mắc các chứng bệnh về chân, đùi, gan, mật, phổi, họng, lưỡi, đại tràng.

(2) Cung Khôn có Hướng tinh Cửu Tử Sinh khí, phương này nên có nước đẹp ở phía xa, vận 9 phát tài. Nếu gặp dãy núi có đỉnh cao, chủ về bại tài, hoả hoạn, mẹ già bệnh tật, ốm đau; mắc các chứng bệnh máu huyết, tử cung, thương tật, tì vị, nghiện hút, bệnh giới tính.

(3) Cung Tốn có Sơn tinh Cửu Tử Sinh khí bay đến, phương này nên thấy núi phía xa, nhà cao tầng, chủ về sinh con thông minh, trí tuệ, làm luật sư, thẩm phán, bác sĩ khoa ngoại, nhân tài trong quân đội. Nếu thấy nước, dòng nước ba nhánh, ao hồ, chủ về hoả hoạn, thương tật, bệnh máu huyết, bệnh về thần kinh, tay chân, lưng, cột sống.

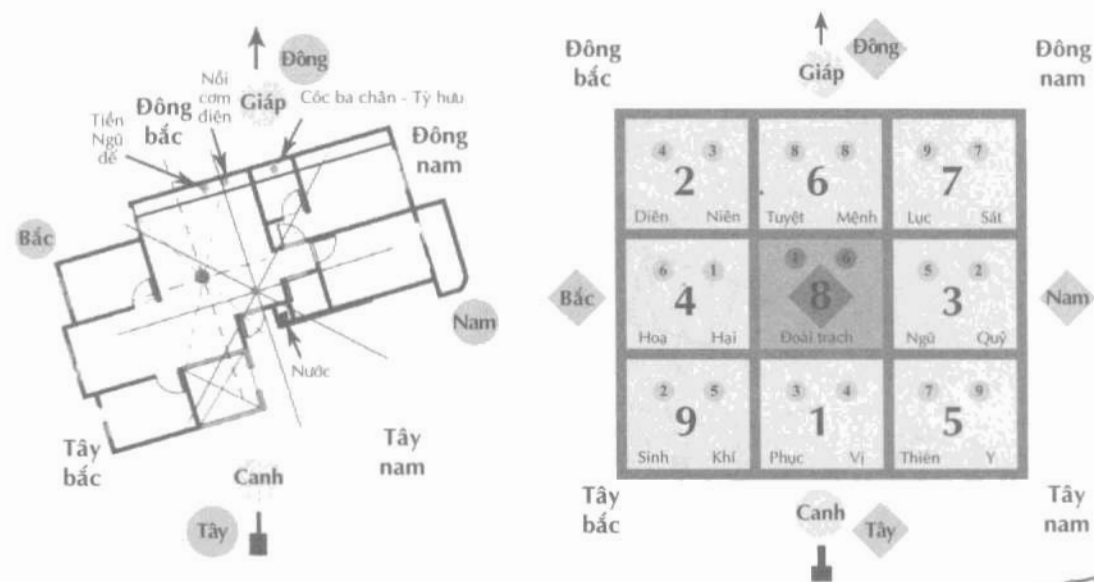
(4) Cung Khảm có sao Nhất Lục Văn Xương bay đến, khí tụ dài lâu, Chu liên bích hợp, chủ về quý; Hợp thấy dòng nước đẹp, minh đường, dòng nước ba nhánh, cổng thành.

(5) Hai cung Càn, Ly, Nhị Ngũ giao hội, là Sát khí, nên yên tĩnh, trồng trái; Kỵ gặp sông, núi, chủ về goá bụa, cô độc, mắc các chứng bệnh tim, não, huyết quản, phổi, lá lách, chân, thận, mắt. Nếu nhà có bố cục triều mãn, âm u, chủ về tà khí nhập trạch, người sống không được yên tĩnh.

(6) Cung Cấn Song Mộc sát khí rất nặng, nên yên tĩnh và trồng trái, kỵ thấy sơn thủy hữu hình, nếu có núi cao ép sát thì cực hung, chủ về gia nghiệp suy bại, sinh con gái làm nghề ca kỹ, trộm cướp, ăn xin, mắc các chứng bệnh ở chân, đùi, tì vị, gan mật.

(7) Cổng, cửa phòng mở tại hướng Chấn, tiền tài hưng vượng, nhân đinh phát vượng, nhà cửa bình an, mọi việc đều thuận lợi. Nếu mở tại cung Khảm, sinh ra chí sĩ văn, võ, đỉnh tài lương vượng dài lâu. Các cung còn lại nếu mở cửa cẩn thận trọng.

(8) Lưu niên thêm đinh, các năm Tý Mão sinh con là tốt nhất, các năm Mùi Thân cũng có lợi, các năm còn lại đều nên tránh.



GIẢI THÍCH VỀ ĐỒ HÌNH TRẠCH VẬN HAI MƯƠI TƯ SƠN TRONG VẬN 8



## Trạch bàn sơn Dậu hướng Mão, sơn Tân hướng Ất

(1) Đồ hình trạch vận này có bố cục Song tinh hội toạ, Thiên bàn Nhất Bạch Vận tinh bay đến, rất tốt. Toạ sơn nên thấy dãy núi có đỉnh cao, công trình kiến trúc cao lớn. Nếu phía sau có dòng nước chảy êm đềm hoặc có ao, hoặc dòng nước ba nhánh, chú về trạch vận đỉnh tài lưỡng vượng. Hướng thủ có hai Mộc tinh Tứ Tam Sát khí, nên yên tĩnh, trống trải, không nên thấy sơn thủy, đặc biệt kỵ thấy các ác khí hình sát như thám đầu sơn, nhà đổ nát, thanh gỗ lớn, tòa tháp toả sáng, cầu,... chú về sinh người trộm cắp, ăn mày, tiểu nhân vô lại, gia nghiệp điêu linh, mắc các chứng bệnh gan, mật, eo lưng.

(2) Cung Cấn có Hướng tinh Cửu Tử Sinh khí bay đến, nên thấy ao hoặc dòng nước tĩnh lặng, chú về tiền cửa dồi dào. Hai cung này có hai âm tinh Cửu Thất hội tụ, nếu phía trước ẩm ướt, u ám, bị chặn không thông, hoặc thấy hình sát tà dâm, chú về mang tiếng xấu về từ sắc; nếu thấy núi cao ép sát, chú về hoá hoạ, mắc các chứng bệnh về chân, đùi, tỉ vi, phổi, tim, não, huyết quản.

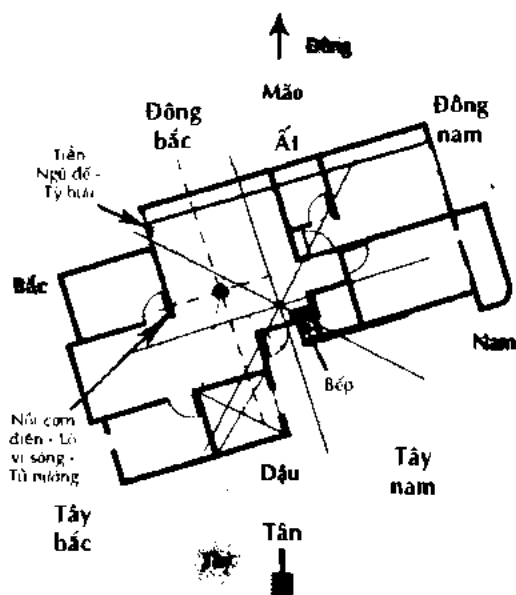
(3) Cung Càn có Sơn tinh Cửu Tử Sinh khí bay đến, nên thấy dãy núi đẹp ở phía xa, công trình kiến trúc có độ cao lớn vừa phải, chú về đàn ông cao tuổi được trường thọ, xuất luật sư, thẩm phán, bác sĩ khoa ngoại; Kỵ thấy núi cao ép sát, dòng sông chiếu thẳng, nước lớn xô vỗ, chú về đàn ông cao tuổi gặp tai ách, hoá hoạ, dâm tà, tài bại đỉnh suy, dễ mắc các chứng bệnh tim, não, huyết quản, phổi, đại tràng, bệnh ở chân, đùi.

(4) Cung Ly có sao Nhất Lục Văn Xương bay đến, nên thấy nước đẹp mà hiền hòa, hoặc ao, hồ, minh đường, dòng nước ba nhánh, nếu lại có dãy núi đẹp ở phía xa, chú về sinh nhân sĩ văn võ toàn tài, lại được phú quý dài lâu.

(5) Ba cung Khôn, Tốn, Khâm gặp Suy tinh, Sát khí, nên yên tĩnh, trống trải, kỵ sát sơn thủy hữu hình hữu khí, nếu tránh được là tốt, không sẽ bị hung.

(6) Cổng, cửa phòng nên mở tại toạ sơn Đoài, dương vận thì chú về đỉnh tài đại phát. Nếu mở tại cung Ly, chú về sinh ra nhân sĩ văn võ toàn tài; Nếu mở tại cung Cấn cũng tốt, hợp với vận 9, mở tại vận 8 nếu hợp cục thì được thiên tài (tiền của ngoài luồng); Nếu mở tại các cung vị khác đều cẩn thận trọng.

(7) Lưu niên thêm đỉnh, nên sinh vào các năm Mậu Kỷ Tân Dậu, đỉnh vượng. Kỵ các năm Mùi Thân Tý Mão Thìn Tỵ, nếu sinh con là hung.





### Trạch bàn sơn Tuất hướng Thìn

(1) Đồ hình trạch vận này có bố cục lệnh tinh sơn hướng Bát Bạch, trên sơn dưới thủy, hợp với hình thế tọa không triều mãn. Trong trạch cục này, các sao Thiên, Địa, Nhân trong Cửu cung đều cấu thành quả Tam ban Liên châu, có thể hoá giải được hình cục trên sơn dưới thủy, nhưng tọa sơn cũng cần có thủy hợp cục, phía sau có núi đẹp phía xa, hướng thủ cũng cần có sơn hợp cục, như vậy có thể giúp cho trạch vận được đình tài lưỡng vượng, ngược lại sẽ bị đình tài suy thoái.

(2) Cung Đoài có Hướng tinh Cửu Tử Sinh khí, nếu có nước ở phía xa, êm dềm, tĩnh lặng thì vận 9 phát tài, lại sinh ra chí sĩ giỏi giang. Nếu có dãy núi có hình hung ác thì gia nghiệp suy bại, sinh ra người ngu dốt.

(3) Cung Cấn Nhất Bạch là sao thống lĩnh trong Thượng nguyên, là phụ tinh trong Hạ nguyên. Nếu có nước đẹp hội tụ, hoặc thấy ao, dòng nước ba nhánh thì vượng tài mà được dài lâu, cũng chủ về cát lợi nhân đinh; Kỵ có núi cao ép sát, ngăn trở, chủ về bệnh ở tai khó lành; Nếu gặp thảm đầu sơn, chủ về sinh con toàn làm trộm cướp.

(4) Cung Khảm có sao Tam Ngũ bay đến, là bố cục Xuy Vưu hội với Ngũ Hoàng ác sát, nên tĩnh lặng, trống trải, không nên thấy hình sát. Nếu thấy đỉnh núi xói lở, dòng nước ô nhiễm, hoặc dòng nước có thể chảy xiết, chủ về sinh con làm đạo tặc, hung đồ, ăn chơi đàng điếm phá nát gia nghiệp, gặp tai hoạ hoành hành, chết thảm.

(5) Cung Ly sao Tứ Lục gặp Nhị Hắc Bệnh Phù, sát khí lâm cung, nên yên tĩnh. Nếu thấy đỉnh núi xói lở, dòng nước chảy xiết hoặc nhà cao tầng chiếu thẳng vuông góc, chủ về xuất con dâu bất hiếu, gia nghiệp suy bại, dễ mắc các chứng ung thư tử cung, vú, dạ dày; dễ mắc các chứng bệnh tim vị, tim não huyết quản, có tật về mắt.

(6) Cung Khôn có sao Tứ Lục bay đến, Suy khí Sát khí rất nặng, nên yên tĩnh, trống trải. Nếu có sơn thủy bao quanh, chủ về tự vẫn, thất cổ tự tử, không có lợi cho người mẹ trong nhà.

(7) Cung Chấn có tổ hợp sao thất lệnh Ngũ Thất giao hội, nên yên tĩnh, trống trải; Kỵ gặp hung sơn ác thủy, chủ về đình tài suy bại, tai hoạ hoành hành, gặp tai hoạ chết thảm.

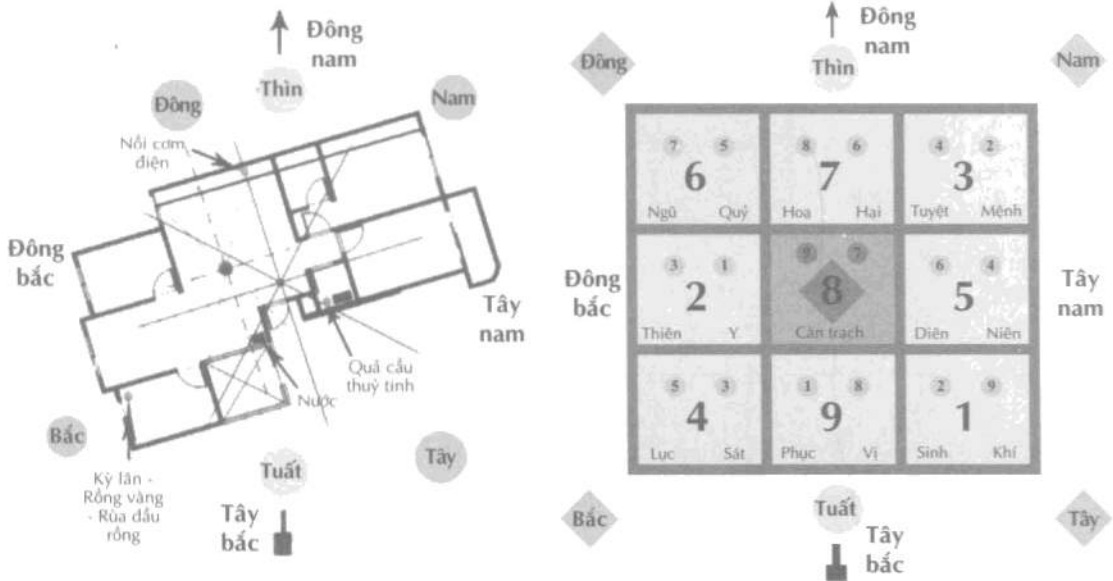
GIẢI THÍCH VỀ ĐỒ HÌNH TRẠCH VẬN HAI MƯƠI TƯ SƠN TRONG VẬN





(8) Cửa sân, cửa phòng toạ sơn nên mở tại cung Càn, chủ về tiền của dồi dào, nhân đinh hưng vượng. Nếu mở tại hai cung Cấn, Đoài, tiền tài hưng vượng, nhân đinh cũng cát lợi. Mở tại các cung vị khác cẩn thận trọng.

(9) Lưu niên thêm đinh, các năm Tuất Hợi Sửu Dần Thìn Tỵ là tốt, kỵ các năm Tý Mão Mùi Thân.



### Trạch bàn sơn Càn hướng Tốn, sơn Hợi hướng Tỵ

(1) Đồ hình trạch vận này có bố cục lệnh tinh Bát Bạch đáo sơn đáo hướng, toạ sơn, hướng thủ đều cần có hình cục vượng sơn vượng hướng. Hướng thủ Tả Phụ gặp Tham Lang, nếu có dòng nước êm đềm, tĩnh lặng, hoặc ao, hoặc hai dòng nước giao hội bao quanh, hoặc dãy núi đẹp có đỉnh cao, hoặc nhà cao tầng, hoặc công trình kiến trúc, chủ về trạch vận đỉnh quý tài vượng. Toạ sơn nếu có cát khí hữu hình như núi cao, nhà cao tầng, đồi cao, chủ về nhân đinh hưng vượng, có trí tuệ.

(2) Cung Chấn có Hưởng tinh Cửu Tử Sinh khí, hợp với dòng nước đẹp, hiền hòa, chủ về tiền tài đại cát, tài lộc dồi dào; Kỵ thấy núi cao, đỉnh núi vỡ vụn, chủ về xuất trẻ ngu đần, mắc các chứng bệnh gan mật, tì vị, mắt.

(3) Cung Khôn có tổ hợp sao Nhất Tam bay đến, nếu có thủy thì hợp với bố cục Nhất Bạch Tài tinh, chủ về tiền tài hưng vượng dài lâu, cũng chủ về thêm đinh vượng tử. Đặc biệt kỵ gần với vị trí núi cao đỉnh ác, chủ về bất lợi cho trạch mẫu, mắc bệnh về tai. Nếu thấy có núi nhô đầu, chủ về trong nhà toàn kẻ đạo tặc.

(4) Cung Khảm có sự giao hội của Tử khí và Sát khí, nên tĩnh lặng và trống vắng, kỵ thấy sơn thủy có hình hung ác, chủ về ung thư tử cung, tuyến vú, dạ dày. Nếu có hình sát chiếu thẳng vào cung vị, chủ về xuất phụ nữ hung hãn. Nếu có dòng nước chiếu thẳng hoặc chạy có hình cánh cung ngược, chủ về gia nghiệp suy bại, dễ mắc các chứng bệnh về xương, thận, huyết dịch.

(5) Cung Ly có sao Tam Ngũ bay đến, nên có núi, có thể hoá giải được tai ách nhân đinh nhập ngục. Nếu có thủy, chủ về sinh ra đạo tặc, trộm tướng cướp, chủ về các bệnh gan mật, tim não, mắt.



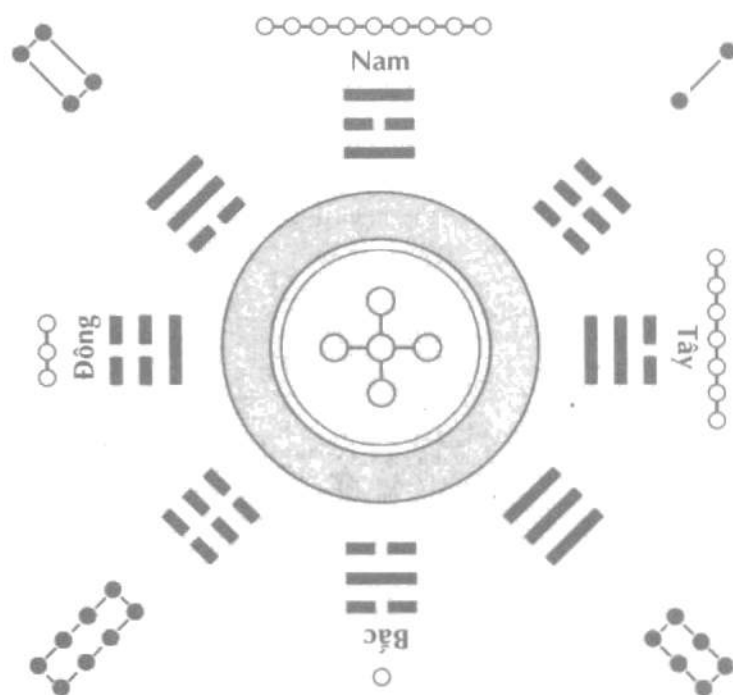


## Chương 7

### ỨNG DỤNG PHONG THUYẾT HIỆN ĐẠI

# VẬN DỤNG PHONG THUYẾT ĐỂ TẠO DỰNG CUỘC SỐNG HẠNH PHÚC

Mục đích cuối cùng của phong thủy chính là vận dụng trong thực tế, tức là xây dựng nên một nơi ở tốt lành và may mắn. Tương ứng với những nhu cầu khác nhau của nhà ở, cũng có những cách bố cục phong thủy tương ứng khác nhau.



Mục lục tranh minh họa



Đồ hình phong thủy phòng khách..... 303

Sơ đồ phong thủy nhà vệ sinh..... 305

Phong thủy Văn Xương..... 307

Mối quan hệ giữa phương vị Bát quái và con người... 310

“Đào hoa” và phong thủy..... 312

Sự ảnh hưởng của thực vật đối với phong thủy..... 314

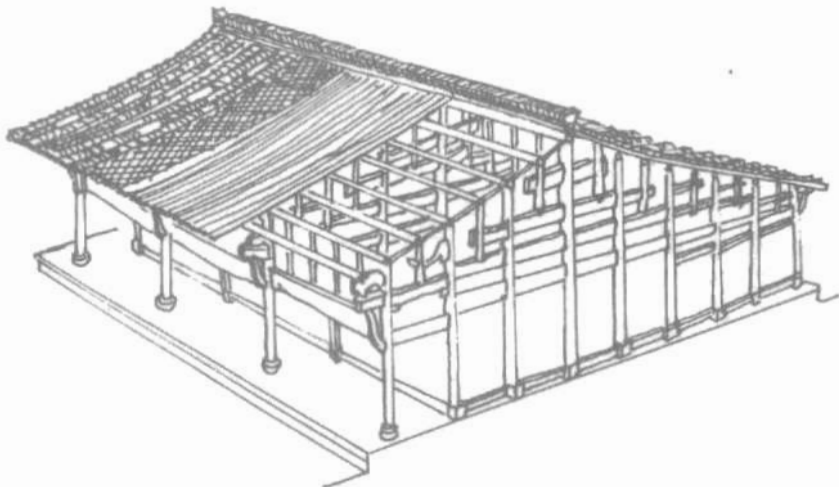
Ảnh hưởng của động vật đối với phong thủy..... 316

Phong thủy của cửa hàng..... 318

Phong thủy và sự nghiệp..... 320

Phong thủy khách sạn..... 323

Chùa chiền và phong thủy..... 325



## BỘ CỤC PHONG THỦY CỦA PHÒNG KHÁCH

**Phòng khách là bộ phận quan trọng của nhà ở hiện đại, nó ảnh hưởng đến tài vận của gia đình. Nếu thiết kế không hợp lý sẽ mang lại nhiều điều bất tiện cho cuộc sống. Do vậy, khi thiết kế phòng khách phải hết sức lưu ý đến cách bố cục phong thủy.**

Trong kiến trúc nhà ở hiện nay, phòng khách được thiết kế tại vị trí ngoài cùng của căn nhà. Đồ nội thất trong phòng khách chủ yếu gồm có ghế sofa, bàn trà, đồ điện dân dụng, ... Đặc điểm nổi bật của thiết kế nội thất hiện đại chính là thiết kế đồ dùng đa chức năng. Trước đây do vấn đề vận chuyển bất tiện nên một số đồ dùng được thiết kế riêng như tủ bếp, kệ ti vi, dàn âm thanh, ... mỗi thứ đều có một không gian và vị trí riêng, do vậy tất sẽ gây ra sự lãng phí không cần thiết, đồng thời cũng ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động của người trong nhà. Do đó, trong thiết kế hiện đại đã vận dụng cách thiết kế đa năng và mang tính chỉnh thể, vì thế mà tủ tường trở thành bộ phận chủ thể trong nhà. Như thế về mỹ quan sẽ khiến chúng ta cảm thấy những bức tường không còn chướng mắt như trước nữa.

Đối với toàn bộ phòng khách, cho dù cách thức bày biện ra sao cũng đều mang lại tác dụng "tụ khí, tán khí". Con người sẽ hoạt động tại các khoảng trống giữa đồ đạc, cũng có sự khác nhau về vị trí và khoảng cách rộng hẹp. Xét về bố cục toàn thể của phòng khách, ngoài việc chú trọng đến tính thực dụng và mỹ quan trong thiết kế, còn phải lưu ý tới yếu tố màu sắc và ánh sáng của phòng khách. Hai yếu tố này ngoài việc đảm bảo tính mỹ quan và phù hợp với sở thích cá nhân còn phải kết hợp với nhà ở, cụ thể như sau:

Phòng khách tại Cần trạch phải sáng sủa, cố gắng sử dụng gam màu sáng, như vậy người trong nhà mới đẹp và thông minh. Nếu sử dụng hơn một nửa diện tích là gam màu tối sẽ khiến cho người trong nhà trở nên khờ khạo, đặc biệt không có lợi cho nam giới.

Phòng khách tại Đoài trạch phải có đầy đủ ánh sáng, nhưng không nên sáng quá, có nghĩa là không nên sử dụng đến 3/4 tổng diện tích là gam màu sáng hoặc có ba mặt gần cửa sổ, nếu không rất dễ có tình trạng phụ nữ nắm quyền, ngoài ra cũng ảnh hưởng đến đời sống vợ chồng và nam giới trong nhà.

Phòng khách tại Cấn trạch không nên rộng quá, nên sử dụng nhiều gam màu sáng, màu vàng đất và màu nâu.

Phòng khách tại Ly trạch không nên để quá nhiều khoảng trống không cần thiết, nếu không sẽ dễ gây hoạ hoạn và kiện cáo.

Phòng khách tại Khảm trạch nên sử dụng gam màu tĩnh và lạnh, không nên sử dụng gam màu quá sặc sỡ, nếu không sẽ hao tổn hoặc mất mát tiền của.

Phòng khách tại Khôn trạch nên bày biện nhiều tiện nghi, đồ gia dụng nên chọn loại dày và nặng, nên chọn gam màu vàng hoặc màu gu, tối kỵ nhất là không gian hẹp.

Phòng khách tại Tốn trạch nên rộng rãi và sử dụng gam màu nhạt, cũng có thể sử dụng nhiều gam màu xanh, tốt nhất nên để nhiều hoa hoặc cây cảnh trong phòng.

Phòng khách tại Trung cung trạch có thể tự do bày biện, nhưng phải sử dụng gam màu vàng thống nhất cho toàn bộ ngôi nhà.





# ĐỒ HÌNH PHONG THỦY PHÒNG KHÁCH



## CÁCH BÀY BIỆN PHÒNG KHÁCH HỢP LÝ NHẤT

Việc bày biện phòng khách sẽ thể hiện được phương thức sinh hoạt và quan niệm thẩm mỹ của người sống trong ngôi nhà đó. Nếu bày biện hợp lý thì có thể làm tăng hiệu ứng phong thủy cho gia đình.

Phía đông nam của phòng khách chủ về tài vận, gam màu chính là màu xanh lục. Nếu bày biện những vật có đặc tính Ngũ hành thuộc Mộc tại phương vị này thì có hiệu quả chiêu tài. Trong đó mang lại hiệu quả tốt nhất là thực vật màu xanh có lá tròn.

Phía chính đông của phòng khách chủ về vận sức khoẻ, gam màu chính cũng là màu xanh lục, nó liên quan rất nhiều đến sức khoẻ của người trong nhà. Nếu để những chậu cây cảnh mọc um tùm tại khu vực này có thể sẽ tăng thêm sức khoẻ và tuổi thọ cho người trong nhà.

Phía đông bắc của phòng khách chủ về vận Văn Xương, gam màu chính là màu vàng. Những vật có đặc tính Ngũ hành thuộc Thổ như bình hoa bằng gốm sứ rất thích hợp để bày ở nơi này, như vậy có thể làm tăng năng lượng cho khu vực này.

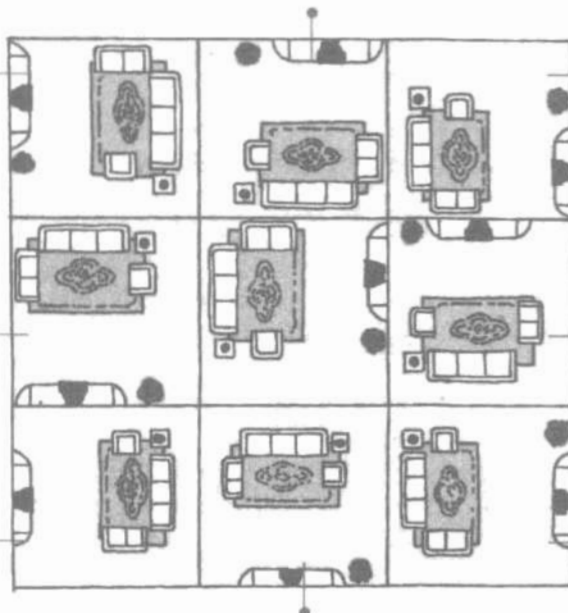
Phía chính nam của phòng khách chủ về thanh danh, gam màu chính là màu đỏ. Phương vị này rất thích hợp với những bức tranh treo tường, như tranh phượng hoàng, tranh mặt trời mọc, tranh hồng hạc.

Phía tây nam của phòng khách chủ về vận đào hoa, gam màu chính là màu vàng. Những món đồ trang trí bằng pha lê hay những bức ảnh chụp chung của gia đình cũng có hiệu quả rất tốt.

Phía chính tây của phòng khách chủ về vận con cháu, gam màu chính là màu bạc. Chuông gió, ti vi và đàn âm thanh đều rất thích hợp để bày tại đây.

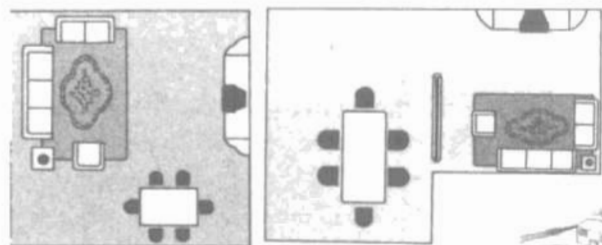
Phía tây bắc của phòng khách chủ về vận quý nhân, gam màu chính là màu trắng, màu vàng kim hoặc màu bạc.

Phía chính bắc của phòng khách chủ về vận sự nghiệp, gam màu chính là màu đen và màu xanh lam. Tại phương vị này để những vật có đặc tính Ngũ hành thuộc Thủy sẽ rất có ích cho sự nghiệp của người trong nhà.



## HÌNH DÁNG VÀ PHONG THỦY CỦA PHÒNG KHÁCH

Phòng khách là nơi tiếp đón khách khứa, đồng thời cũng tượng trưng cho sự nghiệp của nam giới chủ nhà, vì vậy hình dáng của phòng khách có liên quan rất nhiều đến yếu tố phong thủy. Cách cục cơ bản của phòng khách có hình vuông là đẹp nhất. Nếu phòng khách thiết kế theo hình chữ L thì có thể sử dụng tủ hoặc tấm bình phong để ngăn làm hai phòng hình vuông độc lập.



BỐ  
CỤC  
PHÒNG  
THỦY  
CỦA  
PHÒNG  
KHÁCH

## 2 PHONG THỦY NHÀ VỆ SINH



## NHÀ VỆ SINH CŨNG CẦN ỨNG DỤNG PHONG THỦY

*Trong phong thủy nhà ở, nhà vệ sinh là nơi chứa chất thải nên không khi thường bị ô nhiễm. Yếu tố quan trọng nhất trong nhà vệ sinh là hệ thống nước chảy đến và chảy đi, do đó nhà vệ sinh thuộc Thổ. Khi thiết kế nhà vệ sinh cần đặc biệt lưu ý đến phương vị của nó.*

**Nhà vệ sinh và phương vị bản mệnh**

Trong lối thiết kế nhà ở hiện nay, tuyệt đại đa số nhà vệ sinh đều được đặt chung với phòng tắm, vì vậy ở đây chúng tôi sẽ bàn chung cho cả hai. Lý luận của phong thủy học truyền thống có đặt ra những yêu cầu đối với sự cát hung hợp kỵ của nhà vệ sinh như sau: nhà vệ sinh ngoài tác dụng trấn áp hướng hung của bản mệnh, cũng nên đặt tại hướng hung, không nên đặt ở hướng cát. Nhà vệ sinh là nơi chứa chất thải, xét về bản chất không phải là nơi sạch sẽ, không nên đặt tại hướng cát, nếu không sẽ khiến cho cát tinh bị ô uế mà có hại cho trạch vận. Trái lại, nhà vệ sinh nên trấn áp tại hướng hung, tức dùng tà để trừ tà, như vậy tử hung sẽ chuyển thành cát. Phương pháp cụ thể như sau: đối với người thuộc Đông tứ mệnh thì phương Tây tứ là hướng hung, rất thích hợp để đặt nhà vệ sinh. Phương Tây tứ chỉ hướng tây nam, hướng tây, hướng tây bắc và hướng đông bắc. Đối với người thuộc Tây tứ mệnh thì phương Đông tứ là hướng hung, rất thích hợp để đặt nhà vệ sinh. Phương Đông tứ chỉ hướng đông, hướng đông nam, hướng nam và hướng bắc.

**Nhà vệ sinh và phương vị**

Nhà vệ sinh không nên thiết kế ở hướng tây nam hoặc hướng đông bắc, chú về hung. Vì nhà vệ sinh thường xuyên có nước chảy đến và chảy đi, cho nên Thủy khí rất nặng. Nếu đặt tại hai phương vị có Thổ khí tương đối vượng là hướng tây nam và đông bắc sẽ dẫn đến hiện tượng Thổ khắc Thủy, như vậy không tốt, sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của cả gia đình.

Nhà vệ sinh không nên thiết kế ở vị trí chính giữa của ngôi nhà, có một số lý do như sau: theo ghi chép trong "Lạc thư" thì vị trí chính giữa thuộc Thổ, nếu nhà vệ sinh đặt tại vị trí chính giữa của ngôi nhà thì dẫn đến hiện tượng Thổ khắc Thủy, không tốt. Ngoài ra vị trí chính giữa của ngôi nhà cũng giống như trái tim người, nó rất quan trọng, nếu đặt nhà vệ sinh tại nơi này thì vừa không hợp mỹ quan, vừa phạm phải điều kỵ trong phong thủy.

Nhà vệ sinh không nên thiết kế ở hướng nam, vì hướng nam có Hoả khí rất nặng nên sẽ hình thành cục diện Thủy Hoá bất tương dung, không tốt.

**Một số vấn đề khác cần lưu ý**

Nhà vệ sinh nên đặt ở nơi kín đáo. Vì nhà vệ sinh được coi là nơi ô uế và cần kín đáo nên không nên đặt ở nơi quá lộ liễu. Phải thường xuyên giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, vì đây là nơi vi khuẩn rất dễ sinh sôi. Không khí trong nhà vệ sinh cần phải được lưu thông. Chỉ cọ rửa sạch sẽ thôi vẫn chưa đủ, mà phải đảm bảo sự lưu thông không khí, để luồng khí trong lành bên ngoài lùa vào xoa tan bầu không khí ô nhiễm bên trong. Cho nên cửa sổ và lỗ thông hơi trong nhà vệ sinh phải mở thường xuyên, để tiếp nhận luồng không khí tươi mới bên ngoài.





# SƠ ĐỒ PHONG THỦY NHÀ VỆ SINH



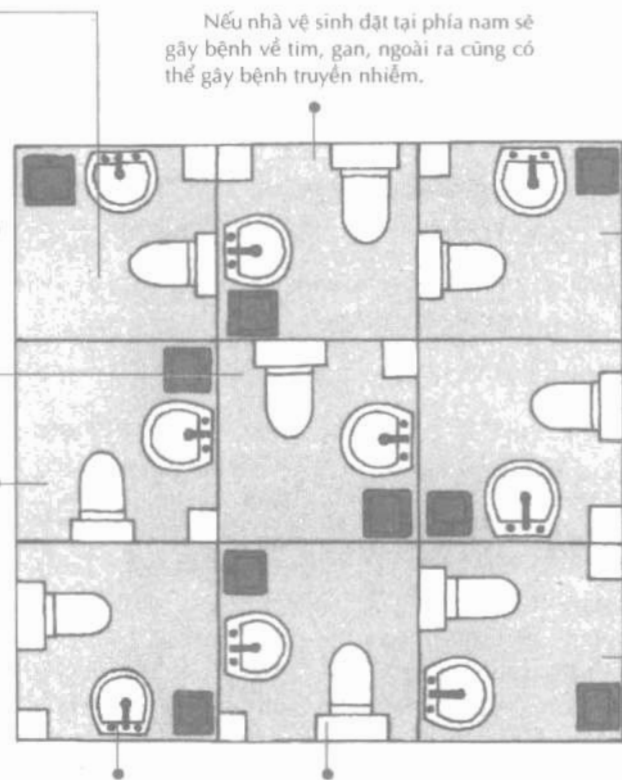
## VỊ TRÍ CỦA NHÀ VỆ SINH VÀ BỆNH TẬT

Nếu đánh giá về trạng thái tốt xấu của một ngôi nhà, thì nhà vệ sinh là chỉ tiêu vô cùng quan trọng, do đó phải hết sức coi trọng vị trí đặt nhà vệ sinh. Cho dù xét về mặt thiết kế nhà ở hay lựa chọn nơi ở, phương vị của nhà vệ sinh vẫn cần phải xem xét thật kỹ lưỡng. Nếu nhà vệ sinh đặt nhầm chỗ, khiến người trong nhà bệnh tật triền miên, có thầy giỏi thuốc hay cũng khó mà chữa trị được tận gốc.

Nếu nhà vệ sinh đặt tại hướng đông nam thì dễ gây bệnh về đường thực quản, phế quản, hệ thống thần kinh, đường ruột và dạ dày.

Nếu nhà vệ sinh đặt tại vị trí chính giữa của ngôi nhà rất dễ khiến cho người trong nhà mắc các bệnh về tim.

Nếu nhà vệ sinh đặt tại phía đông của ngôi nhà dễ gây bệnh gan, viêm phế quản, cơ thể suy nhược, trúng gió.



Nếu nhà vệ sinh đặt tại phía nam sẽ gây bệnh về tim, gan, ngoài ra cũng có thể gây bệnh truyền nhiễm.

Nếu nhà vệ sinh đặt tại phía tây nam dễ gây bệnh phụ khoa, bệnh thận, hệ thống tiêu hoá, viêm phức mạc.

Nếu nhà vệ sinh đặt tại phía tây thì dễ gây bệnh về khoang miệng, đường hô hấp.

Nếu nhà vệ sinh đặt tại phía tây bắc thì đặc biệt không tốt cho người nam chủ nhà và người đàn ông lớn tuổi trong nhà, dễ gây đau đầu, đau nhức xương.

Nếu nhà vệ sinh đặt tại phía đông bắc dễ gây chứng phong thấp, bệnh ngoài da.

Nếu nhà vệ sinh đặt tại phía bắc, vì phía bắc thuộc Thủy nên dễ gây tai nạn bất ngờ, hoặc bị chảy máu, hệ thống thần kinh có vấn đề.

**Nhà vệ sinh đặt tại những phương vị khác nhau cũng sẽ gây ra những ảnh hưởng khác nhau đối với người sống trong nhà. Vì vậy khi chọn mua nhà, chúng ta nhất định phải lưu ý đến vị trí của nhà vệ sinh.**

NHÀ VỆ SINH CŨNG CẦN ỨNG DỤNG PHONG THỦY



### 3 PHONG THUY THỰC HÀNH DÀNH CHO PHÒNG HỌC



## VẬN DỤNG PHONG THUYỂ ĐỂ HỖ TRỢ CHO NGHIỆP HỌC

*Sao Văn Xương chủ quản về nghiệp học của con người, khi thiết kế phòng học, cần lưu ý việc vận dụng sao Văn Xương. Nếu muốn việc học hành đạt kết quả tốt, nhất định phải tìm cách làm vượng cho sao Văn Xương.*

### Văn Xương và nghiệp học

Hiện nay, các bậc cha mẹ thường rất quan tâm đến vấn đề giáo dục con cái, luôn hy vọng chúng được thông minh hơn người, thi cử đỗ đạt, và sau khi trưởng thành có thể khẳng định được vị trí của mình. Do vậy, rất nhiều bậc cha mẹ đều quan tâm đến vấn đề phong thủy của phòng học hoặc bàn học, họ mong rằng điều đó sẽ giúp ích phần nào cho nghiệp học của con cái mình.

Phong thủy học cho rằng, nếu bàn học hoặc phòng sách đặt tại vị trí tương ứng với sao Văn Xương thì có thể hỗ trợ rất nhiều cho nghiệp học, thi cử đỗ đạt, thông minh, linh hoạt. Tương truyền, sao Văn Xương chuyên cai quản về vấn đề công danh lợi lộc của con người, nó còn được gọi là sao Văn Khúc. Phương Văn Xương chỉ phương vị mà sao Văn Xương bay đến. Theo quan điểm của phong thủy học, nếu bàn học hoặc thư phòng đặt tại phương Văn Xương thì sẽ hỗ trợ rất nhiều cho quá trình thi cử.

### Phương vị Văn Xương cho bàn học

Trên thực tế thì mỗi gian phòng đều có một phương vị ứng với vị trí của sao Văn Xương. Nếu có thể kê bàn học tại phương vị này thì thành tích học tập của người sử dụng sẽ tiến bộ rất nhanh. Phương vị kê bàn học phải căn cứ vào những nguyên tắc dưới đây:

Thứ nhất, bàn học phải hướng ra cửa. Cửa được coi là hướng, bên ngoài là minh đường, như vậy sẽ giúp người sử dụng có được đầu óc luôn tỉnh táo, thông minh, nhưng cũng nên nhớ vị trí bàn không được đối xung với cửa.

Thứ hai, phía sau chỗ ngồi nên có vách sơn, tốt nhất vách sơn nên là tường. Bàn học có vách sơn chủ về được quý nhân phù trợ, được thầy cô giáo quan tâm, nếu là người đã đi làm sẽ được cấp trên đánh giá cao và được cất nhắc, sự nghiệp phát triển thuận lợi.

Thứ ba, bàn học không nên đối xung với cửa, đây là trường hợp phạm phải thế Môn xung sát, chủ về tư tưởng mất tập trung, tinh thần không ổn định, từ đó dẫn đến thành tích thi cử không tốt, còn đối với người lớn thì trong quá trình làm việc dễ xảy ra sai sót.

Thứ tư, không nên ngồi quay lưng ra cửa. Đây là cách cục khuyết vách sơn, là học sinh sẽ không được thầy cô yêu mến, là người đi làm thì khó được cấp trên đánh giá cao và đề bạt, ảnh hưởng không tốt đến sự nghiệp.

Thứ năm, không nên kê tại vị trí Trung cung. Nếu kê tại đây, nghĩa là bốn phía không có chỗ nương tựa. Dù về tinh thần, nghiệp học hay sự nghiệp cũng đều bị ảnh hưởng.



## Các loại thực phẩm làm vượng sao Văn Xương

Các nhà dinh dưỡng học hiện vẫn đang trong quá trình nghiên cứu và tìm hiểu xem những thực phẩm nào có giá trị bổ dưỡng nhất cho não. Xét về góc độ phong thủy thì con người được chia thành hai loại. Những người sinh từ ngày mùng 1 tháng 3 đến ngày mùng 8 tháng 8 dương lịch hàng năm đều có Dụng thần Ngũ hành là Thủy, còn những người sinh từ ngày mùng 8 tháng 8 đến ngày 29 tháng 2 hàng năm đều có Dụng thần Ngũ hành là Hoả. Trẻ nhỏ có Dụng thần là Hoả cần ăn nhiều dầu động vật, thịt dê, trứng gà, hồ đào, ớt, cà rốt. Còn trẻ nhỏ có Dụng thần là Thủy cần ăn nhiều cá sống, thịt bò, rong biển, các chế phẩm từ đậu, rau giá.



## PHONG THỦY VĂN XƯƠNG



### CÁCH TÍNH VỊ TRÍ VĂN XƯƠNG CƠ BẢN

Chỉ cần biết được số cuối cùng trong năm sinh của mình sẽ có thể tính toán được phương vị của sao Văn Xương.

Năm sinh (số cuối cùng)	Phương vị 24 sơn	Phương vị
Số 1	Tý	Bắc
Số 2	Dần	Đông bắc
Số 3	Mão	Đông
Số 4	Tỵ	Đông nam
Số 5	Ngọ	Nam
Số 6	Thân	Tây nam
Số 7	Dậu	Tây
Số 8	Thân	Tây nam
Số 9	Dậu	Tây
Số 0	Hợi	Tây bắc











VĂN  
DỤNG  
PHONG  
THỦY  
ĐỂ  
HỖ TRỢ  
CHO  
NGHIỆP  
HỌC





## VẬT HỖ TRỢ TẠI VỊ TRÍ CỦA VĂN XƯƠNG

Tại vị trí của Văn Xương cũng có thể bày mười hai con giáp tùy theo từng phương vị để tăng vận.

Ngày Canh	Lợn, lợn nhồi bông.			Ngựa, xe ô tô hoặc ngựa đồ chơi.	Ngày Ất
Ngày Tân	Chuột, chuột Mickey, chuột phước, chử Phúc.			Khỉ, Tôn Ngộ Không.	Ngày Bính
Ngày Nhâm	Hổ, mèo mướp Garfield, mèo Hello Kitty.			Gà, gà nhồi bông, gà đồng.	Ngày Đinh
Ngày Quý	Thỏ, thỏ gỗ, thỏ nhồi bông.			Khỉ, Tôn Ngộ Không.	Ngày Mậu
Ngày Giáp	Rắn, rắn nhồi bông.			Gà, gà nhồi bông, gà đồng.	Ngày Kỷ

## PHONG THUY TỐT MANG LẠI MỘT CƠ THỂ KHOẺ MẠNH

*Phong thủy nhà ở luôn ảnh hưởng đến sức khỏe của những người sống trong nhà, phương vị và phi tinh đều ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe của con người. Vì vậy muốn có một cơ thể khỏe mạnh thì phải hết sức lưu ý đến vấn đề phong thủy nhà ở.*

Mối quan hệ giữa phong thủy và nhà ở cũng chính là mối quan hệ giữa phong thủy và con người, do vậy mối quan hệ giữa phong thủy và con người là vô cùng mật thiết. Thiên có thiên khí, địa có địa khí. Thiên khí có thể coi là tác dụng của sóng vi ba, địa khí có thể coi là tác dụng của từ trường trái đất. Trong hàm lượng máu của cơ thể có chứa một lượng nguyên tố sắt nhất định và rất nhiều nguyên tố từ tính khác, bởi vậy từ trường tự nhiên có tác dụng rất to lớn đối với cơ thể con người.

Phong thủy học thường dựa vào Cửu cung Bát quái và quy luật sinh khắc của Ngũ hành để luận về khí, Cửu cung tức Cửu tinh, cũng chính là Nhất Bạch, Nhị Hắc, Tam Bích, Tứ Lục, Ngũ Hoàng, Lục Bạch, Thất Xích, Bát Bạch và Cửu Tử. Bát quái chỉ Càn, Khôn, Chấn, Tốn, Ly, Khảm, Cấn, Đoài. Ngũ hành chỉ Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ. Dù là khí của Cửu cung cửu tinh hay khí của Bát quái bát phương hoặc Ngũ hành sinh khắc, dù là thiên khí hay địa khí thì nếu phương vị mà khí đến có lợi cho nhà ở, lại tương sinh với mệnh cách Ngũ hành của chủ nhà thì không những tốt cho ngôi nhà, mà người sống ở đó cũng có thể được hưởng phúc, ngược lại nếu là tương khắc thì cả ngôi nhà lẫn chủ nhà đều phải chịu những ảnh hưởng không tốt. Do đó có thể thấy rằng, phong thủy luôn liên quan đến bất kỳ ai trong chúng ta, cho nên phải đặc biệt quan tâm và chú trọng. Ví dụ, ngôi nhà có điều kiện thông gió và thoáng khí kém thì có thể thuộc hung trạch, sức khỏe của người trong nhà chắc chắn sẽ không tốt. Đó là những kiến thức thông thường nhất.

Vị trí chính giữa và phía tây bắc của ngôi nhà liên quan đến người đàn ông trụ cột. Phía tây nam liên quan đến người phụ nữ. Phía đông liên quan đến trưởng nam. Phía đông nam liên quan đến trưởng nữ và dâu trưởng. Phía bắc liên quan đến con thứ. Phía nam liên quan đến con gái thứ và con trai thứ. Phía đông bắc liên quan đến con trai út. Phía tây liên quan đến con gái út. Nếu phía đông bắc của ngôi nhà xuất hiện hung tướng thì người con út trong nhà này phải hết sức lưu ý, vì sự cát hung của ngôi nhà luôn có thể ứng nghiệm vào cơ thể của người tương ứng. Cho dù bạn không tin tưởng hoàn toàn vào phong thủy, nhưng nếu như trong nhà xuất hiện những tình huống bất thường, cũng phải chú ý đến sức khỏe của các thành viên trong gia đình.

Tục ngữ có câu: “Đất lành cũng cần có người lành”. Nếu một người có tâm địa hiền lành lương thiện sống trong ngôi nhà hợp phong thủy, tất nhiên sẽ có lợi về mọi mặt. Còn nếu là người có tâm địa ác xấu xa hay làm điều ác, cho dù có sống trong ngôi nhà đẹp nhất cũng không thể thoát khỏi tai ương.





# MỐI QUAN HỆ GIỮA PHƯƠNG VỊ BÁT QUÁI VÀ CON NGƯỜI

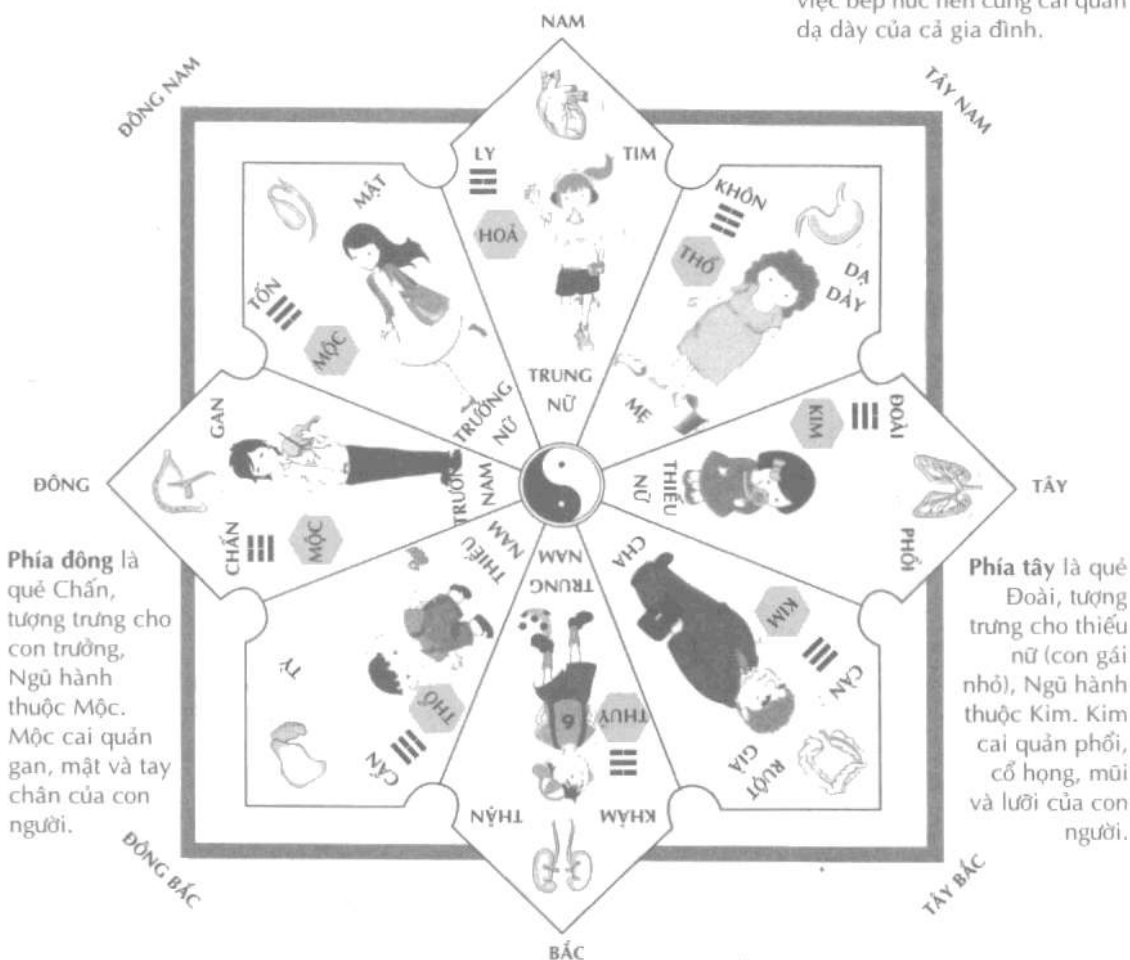


## SƠ ĐỒ PHÂN BỐ BÁT QUÁI VÀ CÁC THÀNH VIÊN GIA ĐÌNH

**Đông nam** là quẻ Tốn, tượng trưng cho trưởng nữ, Ngũ hành thuộc Mộc. Mộc cai quản gan, mắt và chân tay của con người.

**Phía nam** là quẻ Ly, tượng trưng cho trung nữ, Ngũ hành thuộc Hoả. Hoả cai quản đầu, tim và máu của con người.

**Tây nam** là quẻ Khôn, tượng trưng cho mẹ, Ngũ hành thuộc Thổ. Thổ cai quản tì vị của con người, nhưng trên thực tế do người mẹ có trách nhiệm lo việc bếp núc nên cũng cai quản dạ dày của cả gia đình.



**Phía đông** là quẻ Chấn, tượng trưng cho con trưởng, Ngũ hành thuộc Mộc. Mộc cai quản gan, mắt và tay chân của con người.

**Phía tây** là quẻ Đoài, tượng trưng cho thiếu nữ (con gái nhỏ), Ngũ hành thuộc Kim. Kim cai quản phổi, cổ họng, mũi và lưỡi của con người.

**Đông bắc** là quẻ Cấn, tượng trưng cho thiếu nam (con trai nhỏ), Ngũ hành thuộc Thổ. Thổ cai quản tì vị của con người.

**Phía bắc** là quẻ Khảm, tượng trưng cho trung nam, Ngũ hành thuộc Thủy. Thủy cai quản thận, ruột, bàng quang và tai của con người.

**Tây bắc** là quẻ Càn, tượng trưng cho cha, Ngũ hành thuộc Kim. Kim cai quản phổi, cổ họng, mũi, lưỡi và đại tràng của con người.



## VẬN DỤNG PHONG THỦY ĐỂ LÀM VƯỢNG ĐÀO HOA

*Trong phong thủy học, phương vị Đào hoa quyết định mức độ mỹ mãn trong tình yêu và hôn nhân của con người. Nếu muốn có được cuộc hôn nhân tốt đẹp, phải tìm cách làm vượng sao Đào hoa.*

### Những phương vị mang tính chất đào hoa

Phương vị đào hoa quyết định mức độ mỹ mãn trong tình yêu và hôn nhân của con người. Có ba sao Đào hoa, đó là Hàm Trì, có tác dụng làm sung mãn đời sống tình dục, chỉ có tình dục mà không có tình yêu, những "cuộc tình một đêm" chính là do ngôi sao này gây nên. Sao Hồng Diễm, là ngôi sao làm vượng cho tình ái, bao hàm cả tình yêu, quan hệ giao tiếp và các hoạt động xã hội, do đó được gọi là sao Tình yêu. Sao Hồng Loan tượng trưng cho hôn nhân, nó liên quan đến mức độ mỹ mãn trong cuộc sống vợ chồng. Chúng ta thường mượn hình tượng sao Hồng Loan động để chỉ một đôi tình nhân sắp tiến tới hôn nhân.

### Vật phẩm phong thủy làm vượng sao Đào hoa

Đối với sao Cửu Tử thì hoa đào là loài hoa được ưa chuộng nhất, vì hoa đào có tác dụng làm vượng sao Đào hoa Cửu Tử nhất. Thạch lựu cũng là một trong những loài hoa có tác dụng sinh vượng cho sao Đào hoa. Nếu để chậu cây thạch lựu tại phía chính đông trong nhà thì có thể làm tăng vận đào hoa cho các thành viên nam nữ chưa kết hôn trong nhà. Phạm là những nơi có sao Cửu Tử bay tới, nên bày chậu cây dừa cánh với ý nghĩa Mộc sinh Hoả, tức dừa thuộc Mộc sinh Cửu Tử Hoả, nhưng khi bày chậu cây dừa thì chỉ có thể bày một chậu, vì một và chín hợp thành mười, là Âm Dương hợp thập, chú về quan hệ nam nữ hài hoà. Để bốn con vịt bằng gỗ tại nơi có sao Cửu Tử bay tới. Vịt là Giáp Mộc, dùng Mộc để sinh Hoả của Cửu Tử, mà 4 lại là số của Tứ Lục Mộc. Mộc càng vượng thì Hoả càng vượng. Nuôi chín con rùa, rùa trong Ngũ hành thuộc Hoả, để con rùa đồ chơi hoặc nuôi rùa cũng đều có Hoả tính rất mạnh, có thể làm vượng sao Đào hoa. Hoặc nuôi bốn con thỏ, số 4 tương trưng cho suy ngẫm, thuộc tính Ngũ hành là Mộc, nuôi 4 con thỏ với ngụ ý là Mộc sinh Hoả. Tất cả các thiết bị điện trong nhà đều thuộc Hoả, do vậy để tivi, dàn âm thanh, máy tính hay thậm chí là sạc điện tại nơi mà sao Cửu Tử bay tới ở trong nhà đều có thể làm vượng sao Đào hoa Cửu Tử. Cũng có thể đặt một bóng đèn hồng ngoại tại nơi sao Cửu Tử bay tới và bật đèn cả ngày cả đêm cũng mang lại hiệu quả tương tự. Hoặc cũng có thể để 9 quả ớt (Ngũ hành thuộc Hoả) hoặc 9 cái bao lì xì trong một cái bát bằng đất (một loại vật phẩm phong thủy), sau đó để cái bát này ở phương vị sao Cửu Tử bay tới cũng có thể làm vượng Đào hoa tình. Ngoài ra, để 4 hoặc 9 cuốn tạp chí tại nơi sao Cửu Tử bay tới cũng có tác dụng tương tự.





# “ĐÀO HOA” VÀ PHONG THỦY



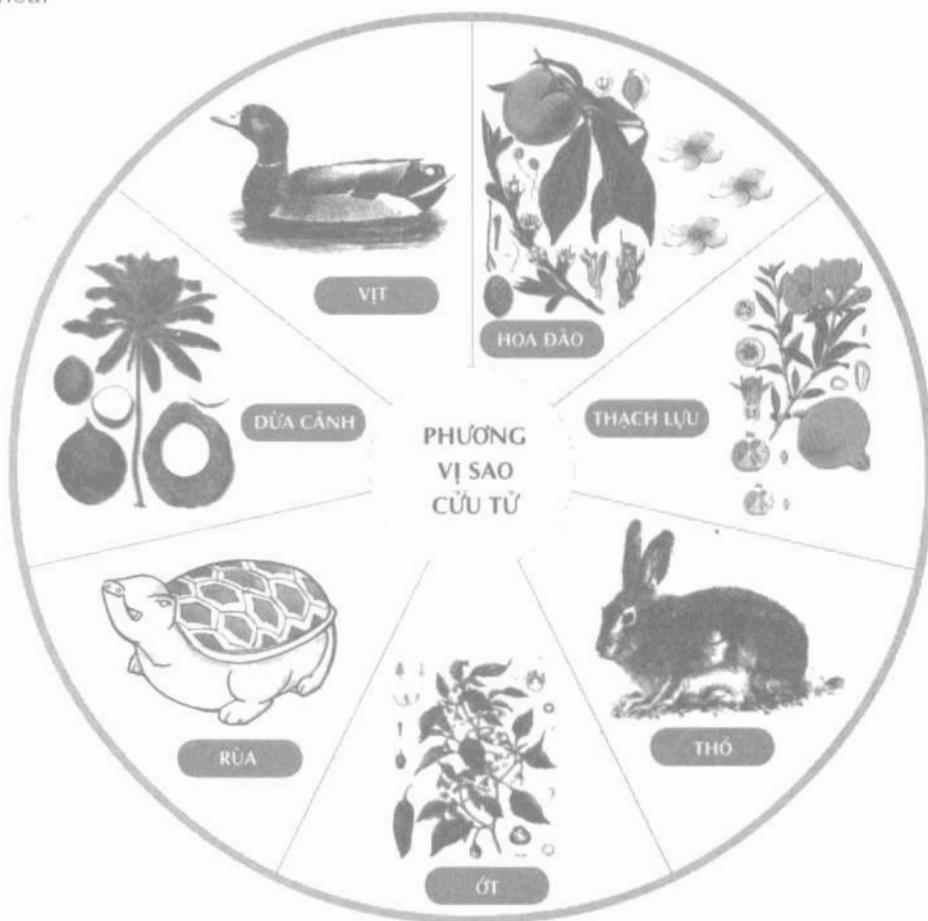
## TÌM SAO HỒNG LOAN CĂN CỨ VÀO MƯỜI HAI CON GIÁP

Sao Đào hoa Hàm Trì tính theo mười hai con giáp là vì sao tượng trưng cho tình yêu. Thông qua bảng tra dưới đây, chúng ta có thể tra cứu được năm kết hôn tương ứng với các con giáp khác nhau, có nghĩa là năm sao Hồng Loan động. Phía dưới sao Hồng Loan là Thiên hỷ, chính là vì sao tốt đẹp nhất cho kết hôn.

Con giáp	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Hồng Loan	Mão	Dần	Sửu	Tý	Hợi	Tuất	Dậu	Thân	Mùi	Ngọ	Tỵ	Thìn
Thiên Hỷ	Dậu	Thân	Mùi	Ngọ	Tỵ	Thìn	Mão	Dần	Sửu	Tý	Hợi	Tuất

## NHỮNG ĐỒ VẬT CÓ TÁC DỤNG SINH VƯỢNG CHO SAO ĐÀO HOA

Để những đồ vật dưới đây tại phương vị sao Cửu Tử bay tới có thể sẽ làm vượng cho sao Đào hoa.



## PHONG THỦY TỐT CŨNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG, THỰC VẬT

*Không chỉ bố cục và cách bài trí có ảnh hưởng đến phong thủy của nhà ở, mà ngay cả vật nuôi trong nhà và cỏ cây hoa lá cũng đem lại ảnh hưởng tương tự về mặt phong thủy. Khi nuôi vật cảnh, trồng cây quanh nhà, cũng cần phải xem xét đến tác động về mặt phong thủy.*

### Thực vật và phong thủy

Lý luận phong thủy về cây cối là: "Xóm làng có cây cối giống như người mặc quần áo, thưa thớt thì lạnh, rậm rạp thì nóng, vì vậy Âm Dương phải giao hoà". Các nhà phong thủy học có bàn rất nhiều đến việc nên trồng các loại cây gì ở trong, ngoài, xung quanh nhà và sân: "Phía đông trồng đào liễu, phía tây trồng cây du, phía nam trồng mai táo, phía bắc trồng hạnh". Hay: "Cây hướng về phía nhà thì cát, quay lưng lại thì hung,...

Ở đây chúng tôi chủ yếu giới thiệu về mối quan hệ giữa hoa cỏ trong nhà và phong thủy, và đề cập đến hai loại cây: một loại là cây xanh quanh năm có tác dụng sinh tài vượng tài, một loại là cây thuộc họ xương rồng để hoá giải sát khí. Bày cây trong nhà cần phải tuân thủ những nguyên tắc chính sau: Tại phương vị sinh vượng nên bày cây xanh có phiến lá to; Tại phương vị suy thoái để cây có gai như xương rồng. Bày cây xanh có phiến lá dày hoặc to tại phương vị sinh vượng sẽ có tác dụng sinh vượng, nên dùng các loại như thiên tuế, sồi cánh, vạn niên thanh, cau cánh vàng, đuôi hổ, trúc phú quý.

Thực vật và hoa cỏ không chỉ có giá trị làm thực phẩm và làm cảnh, mà nó cũng tượng trưng cho sự trưởng thành và phồn vinh của sinh mệnh và tâm linh. Chúng có thể làm giảm áp lực của bạn và tạo ra môi trường tự nhiên, giảm ô nhiễm bởi không khí và tiếng ồn. Trong lĩnh vực phong thủy, hoa cỏ là một trong những liệu pháp chữa trị được nhiều người quan tâm nhất và cũng tương đối thực dụng. Để cây xanh trong nhà có thể làm tăng sinh khí cho ngôi nhà, đồng thời cũng mang đến một hiệu quả chữa trị vô hình. Dù ở bất cứ khu vực nào thì cây xanh cũng có ảnh hưởng rất lớn, nó có thể ảnh hưởng đến năng lượng và phương hướng của luồng khí, đồng thời nó cũng có thể giúp cho luồng khí luôn duy trì ở trạng thái cân bằng.

Mục đích của phong thủy là tăng sự liên kết giữa con người với giới tự nhiên, mà khí tự nhiên tạo bởi từ cây xanh lại có thể phòng tránh làm tích khí tại những góc tối, cũng có thể hạn chế khí vào thẳng mà phải đi theo đường vòng vào nhà. Trong trường hợp đặc biệt, cây xanh có thể tạo ra những năng lượng đặc biệt để kết hợp với môi trường hiện tại. Ví dụ, để cây xanh ở gần thiết bị điện có tia bức xạ có thể tạo ra năng lượng triệt tiêu tĩnh điện. Trong bầu không khí chứa đầy khí độc, cây xanh có tác dụng thanh lọc không khí và tạo ra bầu không khí tươi mới. Do vậy cây xanh là nguồn khí vô cùng quan trọng.

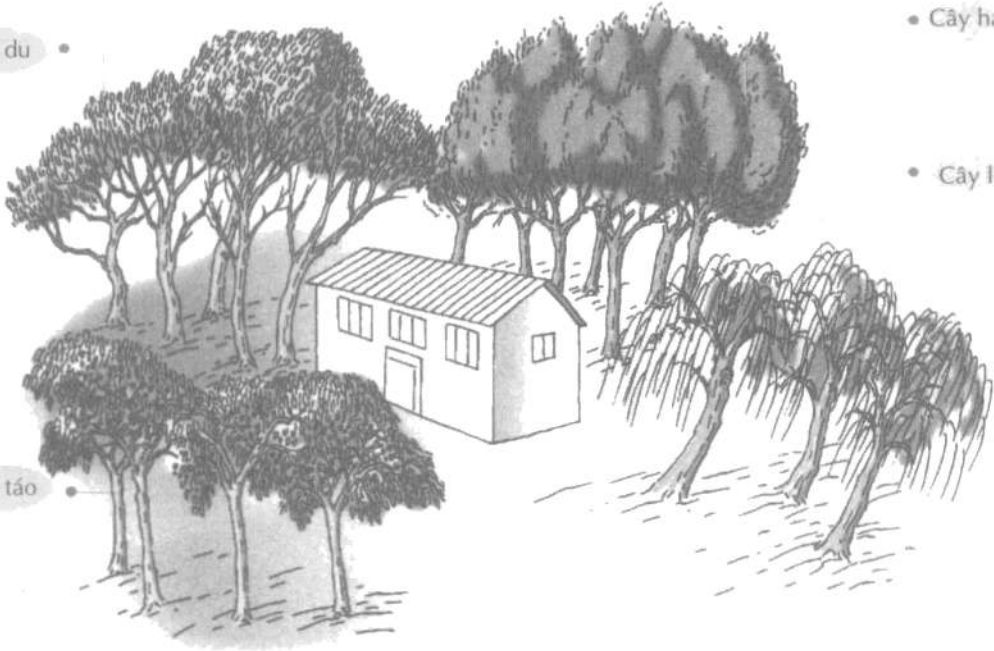


# SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA THỰC VẬT ĐỐI VỚI PHONG THỦY



## THỰC VẬT NÊN TRỒNG XUNG QUANH NHÀ Ở

Cây du •



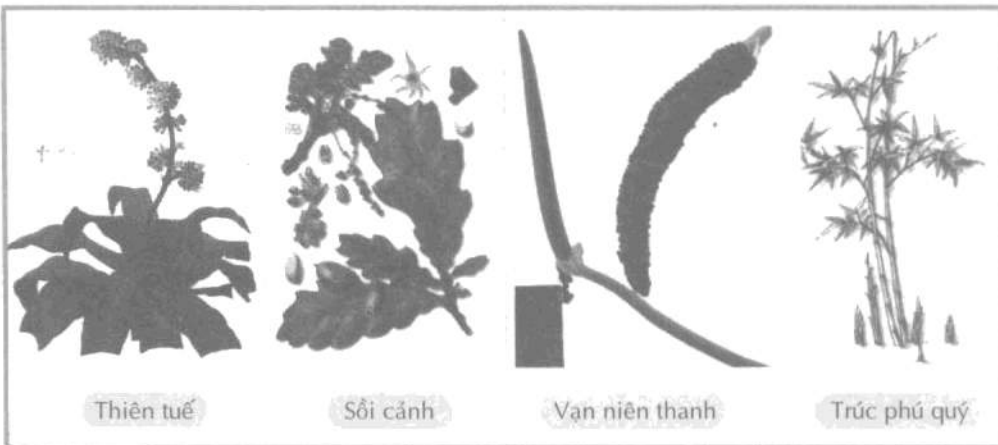
• Cây hạnh

• Cây liễu

Cây táo •

## CÂY CẢNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHONG THỦY

Cây cảnh có thể phòng tránh việc tích khí tại những góc tối, cũng có thể hạn chế khí vào thẳng mà phải đi theo đường vòng vào nhà, có thể tạo ra năng lượng đặc biệt để kết hợp với môi trường hiện tại.



Thiên tuế

Sồi cảnh

Vạn niên thanh

Trúc phú quý



## Chó là vật cảnh được ưa chuộng nhất

Trong văn hoá nhân loại, chó luôn được coi là người bạn trung thành của con người. Qua nghiên cứu chứng minh, nuôi chó có thể làm giảm áp lực, ổn định tinh thần, giảm bớt sự căng thẳng và phòng chống bệnh tật. Trong bố cục khai vận phong thủy, người sinh ra vào mùa đông thì rất cần được nhiệt Thổ sưởi ấm. Có hai loài vật tượng trưng cho nhiệt Thổ, đó là chó và dê. Trong bố cục phong thủy, có một phương vị rất dễ bị mọi người bỏ qua, đó chính là nơi chó nằm ngủ. Những nơi chó thích nằm ngủ tượng trưng cho sự tồn tại của nhiệt Thổ. Giá sử người đàn ông chủ nhà cần đến nhiệt Thổ, nên cho chó nằm ngủ ở phía tây bắc. Còn nếu người nữ chủ nhà cần đến nhiệt Thổ, nên cho chó nằm ngủ ở phía tây nam. Nhưng cần lưu ý một điều là, chó vốn dĩ đã có một sự cảm ứng vô cùng mãnh liệt, nó có thể tạo ra phản ứng đặc biệt đối với sự tốt xấu về vận khí của chủ nhân. Vì vậy, nếu nuôi chó trong nhà, bạn cứ để nó tự đi tìm chỗ ngủ, thông qua đó bạn có thể biết được vận mệnh hiện tại của bạn là như thế nào.

## Mối quan hệ giữa cá và phong thủy

Nuôi cá có thể đem lại nhân tố Thủy trong ngũ hành, trong bố cục phong thủy, nó được ứng dụng rất rộng rãi. Sau khi chuyển sang vận 8, phía tây nam nếu gặp nước thì đại phát. Nếu không có nước thì phải tự tìm cách để tăng vượng. Ví dụ, để chậu cá tại góc tây nam.

Cá phong thủy thường gặp có những loại sau: cá hồng kết (Blood parrot cichlid), cá vàng, cá chép Koi, cá rồng, cá kiếm, cá hổ,... Số lượng cá nên kết hợp với Ngũ hành của gia chủ: vậy cần nuôi bao nhiêu con cá trong bể mới phù hợp với yêu cầu phong thủy, điều này phải căn cứ vào mệnh quái Ngũ hành của gia chủ mới quyết định được. Một con là Nhất Bạch Thủy, có thể vượng tài. Hai con là Nhị Hắc Thổ, khắc Thủy, không tốt cho tài vận. Ba con là Tam Bích Mộc, tiết thủy, không tốt cho tài vận. Bốn con là Tứ Lục Mộc, tuy tiết Thủy nhưng Tứ Lục lại là Văn Khúc nên vẫn coi là cát. Năm con là Ngũ Hoàng Thổ, khắc Thủy, không tốt cho tài vận. Sáu con là Lục Bạch Kim, sinh Thủy, tốt cho tài vận. Bảy con là Thất Xích Kim, sinh Thủy, tuy là hung tinh nhưng lại có ý tương sinh, nên luận là cát. Tám con là Bát Bạch Thổ, khắc Thủy, nhưng Bát Bạch lại là Tá Phụ tài tinh nên luận cát tinh. Chín con là Cửu Tử Hoả, nhưng Cửu Tử là Hữu Bật phúc tinh, là cát tinh, có thể vượng tài. Nếu nuôi từ mười con trở lên thì bỏ số tròn, như hai mươi con thì coi như là hai con, mười lăm con thì coi như năm con.

PHONG  
THỦY  
TỐT  
CŨNG  
CÓ LIÊN  
QUAN  
ĐẾN  
ĐỘNG,  
THỰC  
VẬT












TÁC DỤNG CỦA VẬT CẢNH TRONG NHÀ

Trong văn hoá loài nhân loại, chó được coi là người bạn trung thành của con người. Qua nghiên cứu chứng minh, nuôi chó có thể làm giảm áp lực, ổn định tinh thần, giảm bớt sự căng thẳng và phòng chống bệnh tật.



SỐ LƯỢNG CÁ VÀ TÁC DỤNG

<p>1 con</p>  <p>Nhất Bạch Thủy, có thể vượng tài.</p>	<p>2 con</p>  <p>Nhị Hắc Thổ, khắc Thủy, không tốt cho tài vận.</p>	<p>3 con</p>  <p>Tam Bích Mộc, tiết Thủy, không tốt cho tài vận.</p>
<p>4 con</p>  <p>Tứ Lục Mộc, tuy tiết Thủy nhưng Tứ Lục là Văn Khúc nên vẫn là cát.</p>	<p>5 con</p>  <p>Ngũ Hoàng Thổ, khắc Thủy, không tốt cho tài vận.</p>	<p>6 con</p>  <p>Lục Bạch Kim, sinh Thủy, tốt cho tài vận.</p>
<p>7 con</p>  <p>Thất Xích Kim sinh Thủy, tuy là hung tinh nhưng có ý tương sinh nên vẫn là cát.</p>	<p>8 con</p>  <p>Bát Bạch Thổ, khắc Thủy, nhưng Bát Bạch là Tả Phụ tài tinh nên là cát tinh.</p>	<p>9 con</p>  <p>Cửu Tử Hỏa, nhưng Cửu Tử là Hữu Bật phúc tinh, là cát tinh, có thể vượng tài.</p>

## VẬN DỤNG PHONG THỦY ĐỂ CHIÊU TÀI

*Mở cửa hàng là mơ ước của rất nhiều người. Vậy làm thế nào mới có thể nắm bắt được cơ hội tốt để phát tài trong thị trường cạnh tranh đầy khốc liệt. Ngoài nhân tố con người và vận thế thì bố cục chiêu tài cũng là nhân tố vô cùng quan trọng.*

### Chọn đất mở cửa hàng

Cửa hàng có vị trí đẹp thường nằm ở những nơi có nhiều người qua lại, vì vậy những nơi phần hoa và có hạ tầng giao thông thuận lợi thường cũng là địa điểm mở cửa hàng có nhân khí vượng và khả năng mua sắm rất cao. Bố cục mặt tiền của cửa hàng phải chú trọng khí vượng, có người là có thể sinh khí, người càng đông thì sinh khí càng vượng, sinh khí vượng thì có thể giúp cho công việc làm ăn càng phát đạt. Đó là điều kiện tiên quyết để mở cửa hàng.

Một cửa hàng có mặt tiền đẹp không dễ dàng tìm được, vì ít nhiều đều bị các thế xung sát cản trở tài khí, nếu có thể tránh được thế xung sát vô cùng nghiêm trọng, sau đó tiến hành bố cục khai vận, như vậy có thể sẽ có một cửa hàng có mặt tiền đẹp. Đường quốc lộ là một trong những chỉ tiêu của phong thủy, nếu con đường phía trước cửa hàng có hình cánh cung, nhưng cánh cung này lại hướng ra ngoài hình thành thế "phán cung bại tài thủy" thì sẽ khiến cho tài khí bị phát tán ra bên ngoài mà không thể tiếp nạp vượng khí. Nếu con đường được quy hoạch là đường một chiều, xe cộ chạy ngược lại cũng có thể làm cho vượng khí không thể tích tụ mà ảnh hưởng đến tài vận.

### Thiết kế phần cửa của cửa hàng

Cửa chính là nơi để khách hàng ra vào, vận chuyển hàng hoá và lưu thông không khí, đồng thời đó cũng là nơi nạp tài khí vô cùng quan trọng, vì vậy, cửa sẽ quyết định trạng thái hưng suy của cửa hàng. Muốn nâng cao lưu lượng khách hàng thì cửa không nên làm nhỏ quá, nếu làm cửa quá nhỏ, về bố cục chiêu tài tức là đã thu nhỏ khí khẩu của cửa hàng, không có lợi cho việc nạp khí, từ đó làm giảm sinh khí trong cửa hàng, mà không có sinh khí thì không có tài khí, thậm chí còn mang đến vận khí xấu. Nếu cửa ra vào làm quá nhỏ thì không những gây bất tiện cho mọi người khi ra vào, mà hàng hoá khách hàng mua và vận chuyển ra cũng dễ bị va chạm gây tổn thất, dẫn đến việc khách hàng yêu cầu trả lại hàng. Cửa hẹp và nhỏ thì dẫn đến sự va chạm, khiến khách hàng đôi co lẫn nhau, thậm chí còn có thể xuất hiện tình trạng trộm cướp, ảnh hưởng đến công việc kinh doanh của cửa hàng và sự tiếp nhận tài khí.





## Hướng của cửa hàng

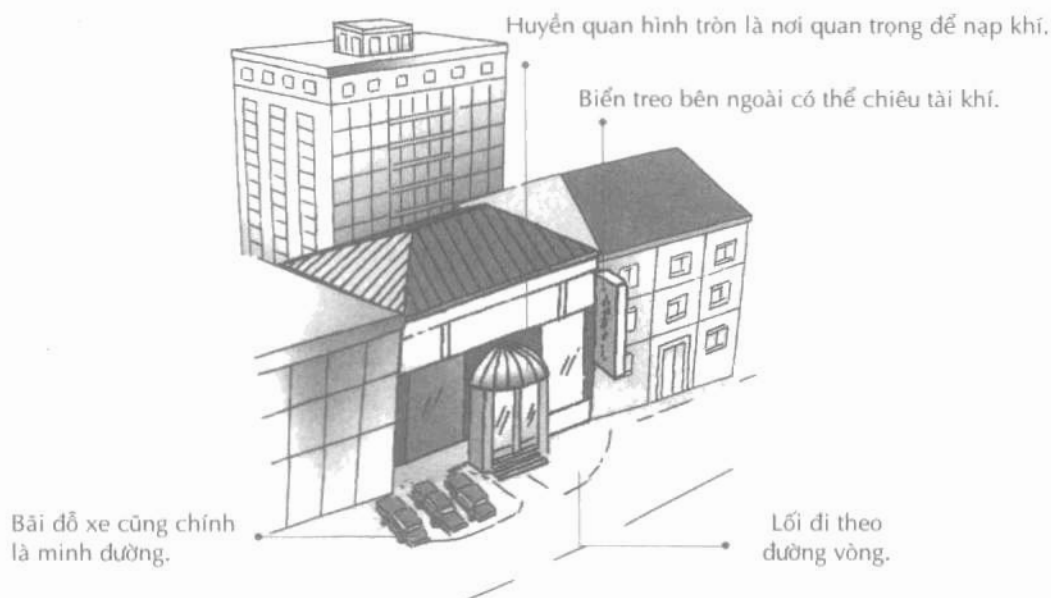
Hướng của cửa hàng cũng là một nhân tố rất quan trọng, nó quyết định sự thành bại trong hoạt động kinh doanh của cửa hàng. Hướng của cửa hàng phải tuân thủ theo nguyên lý sinh khắc của Ngũ hành. Đối với các văn phòng luật sư hay trung tâm y tế thì cửa nên mở theo hướng bắc hoặc hướng đông. Đối với công ty đóng tàu, công ty kiểm toán, công ty bảo hiểm thì cửa nên mở theo hướng tây bắc hoặc đông nam. Đối với ngân hàng và công ty xây dựng thì cửa nên mở theo hướng bắc hoặc hướng đông. Đối với cửa hàng bán buôn và quán bar thì cửa nên mở theo hướng bắc hoặc hướng đông nam. Vị trí mở cửa của cửa hàng cũng cần phải xem xét đến sự tiện lợi và cảm nhận của khách hàng, tức khách hàng ở đâu thì mở cửa ở hướng đó, như vậy mới dễ dàng thu hút được khách hàng vào mua hàng.



## PHONG THỦY CỦA CỬA HÀNG



### BỐ CỤC PHONG THỦY ĐẸP NHẤT ĐỐI VỚI CỬA HÀNG



### LOẠI HÌNH VÀ HƯỚNG CỦA CỬA HÀNG

Loại hình công ty	Hướng
Văn phòng luật sư, trung tâm y tế	Hướng bắc hoặc hướng đông
Công ty đóng tàu, công ty kiểm toán, công ty bảo hiểm	Hướng tây bắc hoặc đông nam
Ngân hàng, công ty xây dựng, công ty xuất nhập khẩu	Hướng bắc hoặc hướng đông
Cửa hàng bán buôn, quán bar	Hướng bắc hoặc hướng đông nam



## VẬN DỤNG PHONG THỦY BÀN LÀM VIỆC ĐỂ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP

*Phong thủy văn phòng luôn liên quan mật thiết đến quá trình phát triển sự nghiệp. Nếu muốn sự nghiệp phát đạt thì phải dành nhiều thời gian để tìm hiểu về phong thủy văn phòng và phong thủy bàn làm việc.*

### Phong thủy văn phòng và sự nghiệp

Dù là lãnh đạo công ty hay nhân viên bình thường thì việc bài trí văn phòng và bàn làm việc đều rất quan trọng. Vì trường khí do phương vị tốt mang lại đều có sự hỗ trợ nhất định đối với tài trí mà ý chí của con người, từ đó ảnh hưởng đến sự hưng suy trong công việc kinh doanh và sự thành bại trong sự nghiệp. Khi bài trí văn phòng, trước tiên phải xem xét đến mệnh quái của con người, thông thường có thể lấy phương vị tốt trong mệnh quái phương tốt. Ngoài ra, cũng phải xem xét đến các nhân tố chung như môi trường xung quanh văn phòng, điều kiện khí hậu, tình hình kết cấu bên trong, trường khí...

### Những điều nên và tránh khi kê bàn làm việc

Khi kê bàn làm việc chú ý cần tránh những trường hợp dưới đây:

1. Tránh ngồi quay lưng ra cửa, tức là kê bàn làm việc đối diện với cửa nhưng khi ngồi lại quay lưng ra cửa, đây là điều cần tránh đầu tiên khi kê bàn. Cửa là cửa khí, là nơi tiếp nhận sinh khí, đồng thời cũng có thể bị sát khí xâm nhập qua lối này, nếu ngồi quay lưng ra cửa thì thường cảm thấy có những luồng khí lạnh lùa vào từ phía sau, hoặc cũng có thể cảm thấy như có người đang lén nhìn trộm sau lưng, do vậy tâm trạng lúc nào cũng căng thẳng vì luôn phải đề phòng. Khi làm việc mà bị ảnh hưởng như vậy thì rất khó chuyên tâm vào công việc.

2. Tránh để chỗ ngồi đối diện chéo với cửa. Nếu bàn làm việc kê ở phía bên phải cửa ra vào, cửa và bàn tạo thành một góc chéo, như vậy là phạm vào điều cấm kỵ trong phong thủy, khiến cho công việc bị ảnh hưởng, hiệu quả công việc giảm sút, ngoài ra cũng ảnh hưởng tới sức khoẻ.

3. Tránh lối đi gần cửa sổ. Cửa sổ cũng là một khí khẩu của căn phòng, cũng có thể tiếp nhận sinh khí và sát khí. Nếu kê bàn làm việc ở bên cạnh cửa sổ cũng tương tự như việc kê bàn bên dưới sát khí, theo quan điểm trong phong thủy học thì đó là sát khí quá mạnh. Nếu không còn cách nào khác mà phải kê bàn ở chỗ này thì cách giải quyết chính là treo rèm cửa sổ, hoặc kê bàn cách xa cửa sổ. Tất nhiên sự lựa chọn tốt nhất chính là không sử dụng căn phòng này làm phòng làm việc.

4. Tránh phía sau chỗ ngồi có cửa sổ. Nếu kê bàn làm việc song song với cửa sổ, người ngồi giữa cửa sổ và bàn làm việc, coi cửa sổ là thoáng sơn, như vậy cũng không tốt. Vì phía sau chỗ ngồi có cửa sổ thì không chỉ dễ bị sát khí xâm nhập từ phía sau, mà phía sau lưng cũng không có thoáng sơn, không được che chắn nên dễ

VẬN  
DỤNG  
PHONG  
THỦY  
BÀN  
LÀM  
VIỆC  
ĐỂ  
PHÁT  
TRIỂN  
SỰ  
NGHIỆP



bị kẻ tiểu nhân hãm hại. Nếu cửa sổ quá thấp thì có thể còn có nguy cơ bị ngã, vì vậy nhất định phải tránh.






Cách bài trí bàn làm việc tốt nhất là: phía sau bàn là tường, bên trái là cửa sổ, bên ngoài cửa sổ là phong cảnh đẹp đẽ, điều kiện thông khí tốt, có đầy đủ ánh sáng, thích hợp với môi trường làm việc.



## PHONG THỦY VÀ SỰ NGHIỆP



### MỐI QUAN HỆ GIỮA NGŨ HÀNH VÀ TOẠ HƯỚNG CỦA CÁC NGÀNH NGHỀ

Ngũ hành	Ngành nghề	Toạ hướng
 Kim	Kim hoàn, giao thông, xe cộ, ngân hàng, tài chính, máy móc, khai khoáng, luật sư giám định khai khoáng, quan chức nhà nước, giám đốc doanh nghiệp, vận động viên thể thao, luật sư, cơ khí.	Nên toạ tây hướng đông, toạ đông nam hướng tây bắc, toạ đông hướng tây, toạ tây bắc hướng đông nam.
 Mộc	Xuất bản, báo chí, văn học nghệ thuật, diễn xuất, văn phòng phẩm, giáo dục, trồng trọt, rau quả, đồ gỗ, nhân viên y tế, tôn giáo, dệt may, thiết kế thời trang, kế toán.	Nên toạ tây hướng đông, toạ bắc hướng đông nam, toạ đông bắc hướng tây nam, toạ tây nam hướng đông bắc.
 Thủy	Tiếp thị bảo hiểm, hàng hải, thực phẩm đông lạnh, nuôi trồng thủy sản, hướng dẫn viên, công nhân vệ sinh, nhà ảo thuật, biên tập viên, đồ dùng câu cá, phòng cháy chữa cháy, vận chuyển hàng hoá, ăn uống.	Nên toạ nam hướng bắc, toạ bắc hướng nam.
 Hoả	Vật phẩm dễ cháy, dầu ăn, đồ uống nóng, đồ ăn chín, sửa chữa bảo hành, máy tính đồ điện, kính quang học, quảng cáo nhiếp ảnh, thiết bị chiếu sáng, nhà bếp, đồ chơi, đồ mỹ phẩm.	Nên toạ bắc hướng nam, toạ đông hướng tây, toạ đông nam hướng tây bắc.
 Thổ	Xây dựng nhà ở, chăn nuôi, ngọc đá sành sứ, nhân viên cố vấn, vật liệu xây dựng, trang hoàng sửa chữa, đồ da, chế biến thịt, kinh doanh quán bar khách sạn, khu vui chơi giải trí.	Nên toạ nam hướng bắc, toạ đông bắc hướng tây nam, toạ tây nam hướng đông bắc.



## CÁC QUÊ CÓ TÁC DỤNG TRỢ VƯỢNG CHO SỰ NGHIỆP

1. Càn Vi Thiên		Sáu vạch ngang là dương quyền, tài vận đến, có thể vượng trong sáu mươi năm.
2. Thiên Địa Bĩ		Quẻ chiêu tài rất phổ biến, Âm Dương phối hợp, trên dưới thuận hoà, phát về điển sản.
3. Thủy Trạch Tiết		Vợ chồng hòa thuận, gia đình hạnh phúc, vinh hoa phú quý.
4. Thủy Hoả Ký Tế		Quẻ văn chương, lợi cho con cái, thăng quan phát tài, Âm Dương phối hợp, lập nghiệp ngay từ thời trẻ.
5. Sơn Hoả Bí		Bát vận quái, rất thích hợp với người sinh vào mùa đông, chủ về có tin vui, vợ chồng yêu thương lẫn nhau, có tác dụng trong vòng bốn mươi năm.
6. Lôi Địa Dữ		Trên dưới thuận hoà, vui vẻ, công việc thuận buồm xuôi gió, nhưng vẫn phải đề phòng tai họa.
7. Phong Lôi Ích		Thiên thời địa lợi nhân hoà, được thăng quan tiến chức.
8. Hoả Lôi Phệ Hạp		Đây là quẻ hoành tài (tiền của ngoài luồng), phải xử lý cẩn thận, khi thất vận thì kẻ tiểu nhân gây rối, không có quý nhân phù trợ.
9. Ly Vi Hoả		Trên sáng dưới sáng, mặt trời lên cao, hợp với người thiếu Hoả, lợi cho nữ, không lợi cho nam.
10. Thiên Hoả Đồng Nhân		Trên dưới đồng lòng có thể làm nên việc lớn, nhân duyên tốt.
11. Địa Lôi Phục		Tuy chậm nhưng vẫn thành công, nếu suy nghĩ quá tiêu cực sẽ đánh mất cơ hội.
12. Địa Thiên Thái		Trời đất giao hoà, mọi việc đều tốt.
13. Thủy Địa Tỷ		Phải tin tưởng nhau mới thành công.
14. Trạch Địa Tụy		Khí thoái vận vẫn được hưởng sự phú quý.





## PHONG THỦY TỐT XẤU ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ KINH TẾ

*Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, các nhà hàng khách sạn hiện nay mọc lên như nấm, nhưng có khách sạn khách ra vào tấp nập, có khách sạn lại vắng như chùa bà Đanh. Ngoài phương pháp và vận khí của người làm kinh doanh, vấn đề thiết kế phong thủy của khách sạn cũng có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh doanh:*

### Chọn đất làm nhà hàng khách sạn

Phong thủy học là sự tác động của các năng lượng vật lý trong giới tự nhiên lên một sự vật nào đó. Khi chọn đất làm nhà hàng khách sạn, theo yêu cầu phong thủy, trước tiên phải xem xét đến vị trí địa lý, tình hình giao thông, điều kiện khí hậu, từ trường phương vị, loại hình kiến trúc, địa chất thủy văn và tình hình xung quanh. Môi trường xung quanh nơi được chọn phải thoáng đãng và sạch sẽ, nếu môi trường không tốt, địa hình thấp trũng, không khí ô nhiễm thì đều không tốt, cần phải tránh xa những nơi này. Ngoài ra, khi chọn đất cũng cần xem xét đến lưu lượng khách hàng, phải căn cứ vào lưu lượng khách hàng để cân nhắc về quy mô của nhà hàng.

### Hình dáng bên ngoài của nhà hàng khách sạn

Xét về góc độ phong thủy, hình dáng bên ngoài của nhà hàng chủ yếu nên mang tính Dương, không nên dùng gam màu Âm tính, sẽ khiến cho âm khí quá nặng, dễ làm khách hàng cảm thấy bị ức chế. Khi thiết kế hình dáng bên ngoài thì cửa chính là khâu vô cùng quan trọng, vì nó ảnh hưởng rất nhiều đến công việc kinh doanh của nhà hàng. Do đó, phải đặc biệt chú trọng đến cách thiết kế phong thủy của cửa. Hình thức của cửa cũng phải phù hợp với tập quán địa phương, tín ngưỡng tôn giáo, phương vị từ trường và yêu cầu về cấp độ của nhà hàng khách sạn. Ví dụ, một khách sạn rất lớn tại bán đảo Cửu Long, Hồng Kông thiết kế cửa ra vào rất hiện đại, tuy nhiên, ngoài cổng lại đặt một bức tượng Môn thần cao lớn theo phong tục của người Trung Quốc, trông rất kém hài hoà, tuy nhiên điều này cũng có lý do riêng. Thực ra, phía trước của khách sạn trước kia là ga tàu, sau khi dỡ bỏ lại được xây dựng trung tâm văn hoá và bảo tàng không gian Hồng Kông ngay trên mảnh đất này. Bảo tàng không gian Hồng Kông lúc đó được thiết kế theo hình quả trứng và nằm đối diện với khách sạn, tương truyền rằng, lúc nửa đêm thường nhìn thấy những vật thể lạ xuất hiện trên bảo tàng này, như vậy đã ảnh hưởng rất nhiều đến công việc kinh doanh của khách sạn. Ông chủ khách sạn đã nghe theo lời của các nhà phong thủy nên đã rước Môn thần về, từ đó về sau công việc kinh doanh của khách sạn phát đạt hẳn lên.

### Thiết kế bên trong nhà hàng khách sạn

Trong lối thiết kế theo phong thủy, phần thiết kế bên trong nhà hàng khách sạn cũng rất quan trọng, nội dung chính là tập trung thiết kế phòng khách. Phong thủy thiết kế phòng khách tốt hay xấu có ảnh hưởng trực tiếp đến hình tượng của khách sạn và lượng khách trọ. Độ cao của phòng khách nên để khoảng 2,8m,



nếu cao quá sẽ cảm thấy trống trải, còn thấp quá sẽ cảm thấy bí bách, gam màu chính sử dụng trong phòng nên là gam màu nhạt. Đặc biệt là trong khoảng thời gian từ năm 1990 đến năm 2010, gam màu nhạt rất có lợi cho tài vận. Nên thiết kế các phòng đều hướng về phía mặt trời để khách có thể tận hưởng được cảnh quan bên ngoài, từ đó khiến cho tâm trạng luôn được thoải mái.



## PHONG THỦY KHÁCH SẠN



### BỐ CỤC PHONG THỦY CỦA KHÁCH SẠN LISBOA TẠI MA CAO

Khách sạn Lisboa Ma Cao là sòng bạc nổi tiếng ở châu Á, do hình dáng bên ngoài được thiết kế rất độc đáo nên đã có không ít người cho rằng bố cục phong thủy ở đây đã được cao nhân chỉ bảo, mục đích tất nhiên là muốn để cho những con bạc vào đây mười người chơi thì có tới chín người thua, như vậy người cầm cái mới “hốt” được nhiều tiền.

Sòng bạc nằm ngay cạnh khách sạn trông giống như một chiếc lồng chim, mỗi người chơi khi vào sòng bạc thì dường như đều trở thành chim trong lồng. Ngoài ra, xung quanh mái có rất nhiều vật nhọn hình cái liềm toả ra các phía. Khi đã bước chân vào trong sòng bạc rồi, không bị thua mới là lạ.

Tầng trên cùng có rất nhiều quả cầu nhỏ và một vài quả cầu lớn, còn bên dưới có một vòng tròn màu trắng, trông giống như một mâm ngọc trắng, mâm ngọc này ngụ ý rằng chủ khách sạn luôn là người đại thắng.



Cửa sư tử, cửa hổ mang lại sát khí quá nặng. Cách thiết kế sòng bạc Lisboa ẩn chứa rất nhiều chân lý huyền diệu về phong thủy. Trong đó, nơi có nhiều sát khí nhất là hai cánh cửa chính. Một cánh được thiết kế giống miệng sư tử, còn một cánh thiết kế giống miệng hổ, mà phía trước hai cánh cửa này lại là bãi đỗ xe. Khách bước vào sòng bạc qua hai cánh cửa này tựa như đi vào trong miệng sư tử và miệng hổ, tức là bị sư tử và hổ nuốt chửng. Sư tử là chúa muôn loài, trong phong thủy nó có tác dụng nạp tài. Còn hổ là con thú rất hung dữ, nó có tác dụng giữ tài trấn trạch. Do vậy, khách chơi bạc không nên đi qua hai cánh cửa này, nếu không thì có nghĩa là “tự bước chân vào hang cọp”.

• Dơi hút máu. Phía trên cửa sòng bạc là hai con dơi khổng lồ, hình tượng rất sinh động, trông giống như đang sẵn sàng lao tới hút máu, điều này tạo nên sự uy hiếp về tâm lý của khách chơi bạc.

PHONG  
THỦY  
TỐT XẤU  
ẢNH  
HƯỞNG  
ĐẾN  
HIỆU  
QUẢ  
KINH TẾ





## PHONG THUY ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ THỊNH SUY CỦA KIẾN TRÚC TÔN GIÁO

*Ở Trung Quốc, tôn giáo không chỉ dừng ở quan niệm về triết học và tư tưởng, mà nó còn là hàng loạt những nghi lễ, nghi thức,... Do vậy các môn phái tôn giáo của Trung Quốc đã dung hội rất nhiều các nghi lễ, phong thủy học cũng vì thế mà được xâm nhập vào lĩnh vực tôn giáo.*

### Kiến trúc Đạo giáo và phong thủy

Đạo giáo là tôn giáo bản thổ của Trung Quốc, có liên quan mật thiết đến phong thủy, vì hai thứ này đều có chung bối cảnh hình thành và cơ sở tư tưởng, như thuyết Âm dương, Ngũ hành, Bát quái thời cổ đại, thậm chí “Hoàng Đế trách kinh” cũng được đưa vào bộ “Đạo tạng”. Nhưng tôn chỉ của Đạo giáo là theo đuổi sự trường sinh bất tử, đắc đạo thăng thiên. Tôn chỉ của phong thủy là sự lưu truyền đời đời của gia thế. Đạo giáo chú trọng việc giữ gìn, bồi dưỡng sức khỏe, tu tiên đắc đạo. Còn phong thủy thì chú trọng sự kết hợp hài hòa giữa con người và giới tự nhiên. Nhưng việc chọn đất của Đạo giáo lại vận dụng rất nhiều quan điểm của phong thủy, việc chọn đất của Đạo giáo về cơ bản đều dựa theo nguyên tắc “Tứ linh thú” (bốn con vật linh thiêng). Ví dụ, cung Thái Tổ trên núi Tế Vân thuộc tỉnh An Huy bên trái là hòn Chuông, bên phải là hòn Trống, phía sau là hòn Ý Thủy, phía trước là đỉnh Lư Hương. Tư tưởng chọn đất này của Đạo giáo rõ ràng có nguồn gốc từ phong thủy. Đặc điểm thoát ly khỏi phong thủy trong kiến trúc Đạo giáo chính là: Đạo giáo thường chọn đất xây dựng công trình trên những ngọn núi nổi tiếng, đây là nhu cầu để luyện đan, vì không phải là ngọn núi nổi tiếng thì không thể thành tiên đan (thuốc tiên). Mặt khác, việc chọn đất của Đạo giáo thường chọn trên đỉnh núi, vì họ cho rằng đỉnh núi rất gần với trời nên rất có lợi cho việc thăng thiên, do đó kiến trúc Đạo giáo thường mang sắc thái thần thánh.

### Kiến trúc Phật giáo và phong thủy

Phật giáo cũng liên quan rất nhiều đến phong thủy, nguyên tắc chọn đất xây chùa chiền cũng dựa theo mô thức “Tứ linh thú”, tức liên quan đến giáo lý tu tình mà Phật giáo hằng theo đuổi và môi trường sinh tồn, đồng thời cũng ảnh hưởng phần nào đến phong thủy, dường như việc chọn đất xây dựng bất kỳ ngôi chùa nào cũng liên quan đến phong thủy. Ví dụ, quan sát hình thể xung quanh chùa Báo Quốc, khi bước qua cổng chào bằng đá, là núi non uốn lượn lối đi quanh co, đi qua cầu treo, núi voi núi sư tử, mà ngôi chùa lại chìm trong mây khói, khiến mọi người không khỏi khâm phục người chọn đất chính là một vị cao nhân phong thủy. Chùa Phật giáo không chỉ liên quan đến phong thủy khi chọn đất, mà về bố cục của ngôi chùa cũng liên quan rất nhiều đến phong thủy. Ví dụ, bố cục của chùa Báo Quốc là: cửa chính, điện thờ Thiên vương, Đại Hùng bảo điện thờ Phật và tượng Bồ Tát, nhà pháp (nơi giảng giải Phật pháp và đọc kinh), tất cả đều được đặt trên trục nam bắc. Hai bên và xung quanh chùa đều có phòng nghỉ và phòng sinh hoạt cho khách thập phương. Có chùa ở phía trước và hai bên còn làm tháp chuông, lầu trống, trên trục nam bắc hoặc hai bên còn xây thêm gác Quan Âm, điện thờ thần,... điều này đã thể hiện rõ mối quan hệ giữa kiến trúc chùa Phật giáo và phong thủy.



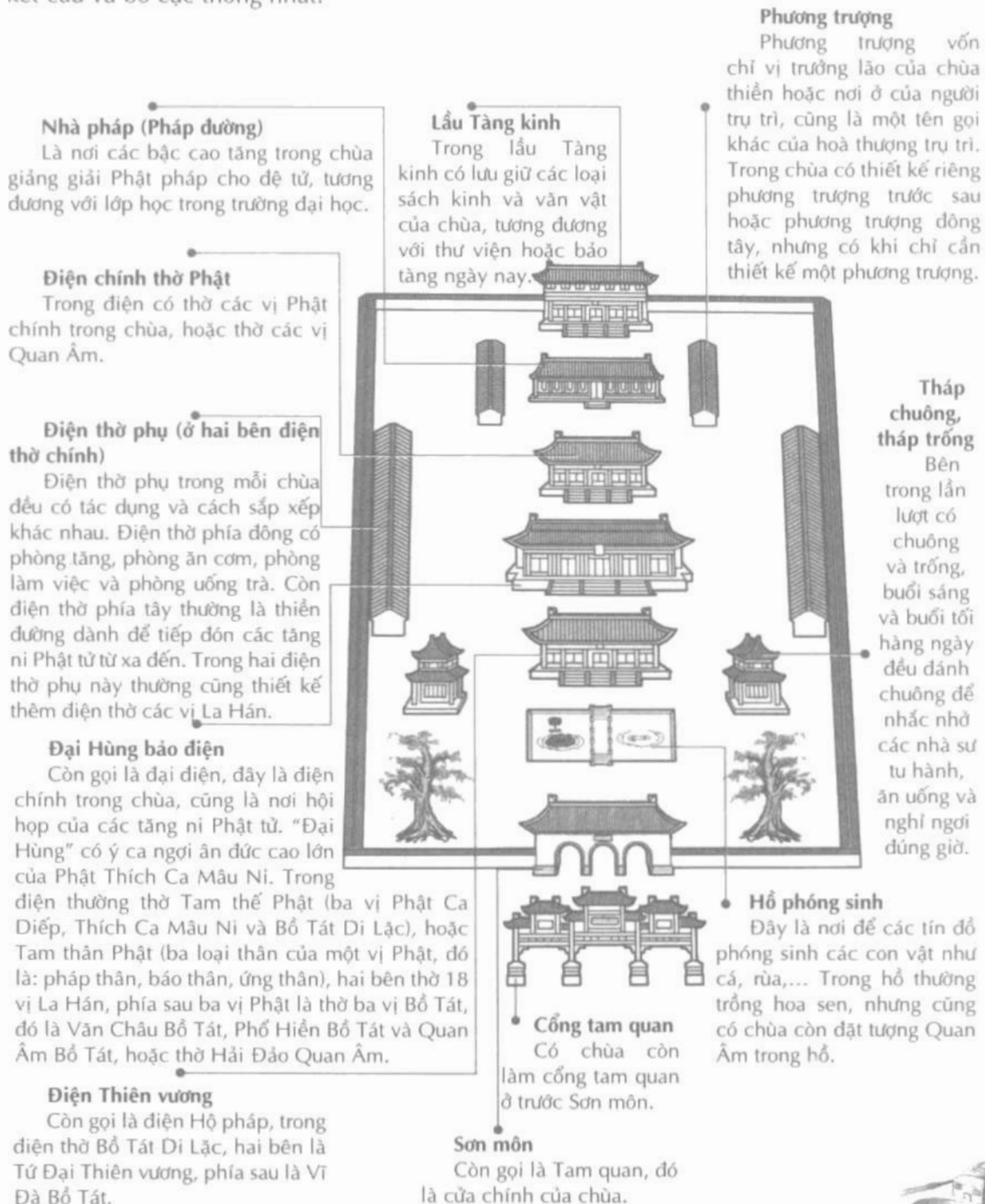


# CHÙA CHIẾN VÀ PHONG THỦY



## BỐ CỤC CHUNG VỀ CHÙA PHẬT GIÁO CỦA TRUNG QUỐC

Sau đời Tống Nguyên, cách cục chùa chiến của Trung Quốc dần được cố định, tại những nơi có tu viện Phật giáo của Trung Quốc thì cho dù là chùa thuộc tông phái nào cũng đều chịu ảnh hưởng rất nhiều của chùa Thiên tông, thế là chùa chiến của các tông phái đều có kết cấu và bố cục thống nhất.



PHONG THỦY ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ THỊNH SUY CỦA KIẾN TRÚC TÔN GIÁO





## PHỤ LỤC 1: “HOÀNG ĐẾ TRẠCH KINH” (BẢN TRONG TỬ KHỔ TOÀN THƯ)



Nhà cửa là nơi thể hiện của Âm Dương, là sự mô phỏng của nhân luân, không phải là người thông minh hiểu biết thì không thể hiểu được đạo lý này. Trong năm loại này, cái cốt yếu nhất chính là trạch pháp, là bí thuật thực sự. Phạm là nơi mà con người ở, tuy lớn nhỏ khác nhau, Âm Dương cũng khác, cho dù ở nhờ trong một căn phòng, cũng có phân thiện ác. Lớn có quy tắc của lớn, nhỏ có quy tắc của nhỏ phạm phải sẽ gặp tai nạn, phải trấn thì hoạ mới được trừ, như dùng thuốc chữa bệnh vậy.

Nên nhà ở là gốc của con người, người ta lấy phòng ở làm nhà, nếu ở yên ổn thì nhà ấy đời đời hưng thịnh. Nếu ở không yên ổn, thì gia tộc suy vi. Phần mộ núi sông, cũng tương tự như vậy. Trên đến quốc gia, dưới đến châu quận huyện ấp, dưới nữa đến thôn xóm làng xã, cho đến vùng núi, chỉ cần là cố người ở, đều tương tự như vậy. Mắt thấy tai nghe, chế độ xưa không chỉ có một.

Các tác phẩm liên quan đến Trạch kinh có: Hoàng Đế nhị trạch kinh, Địa điển trạch kinh, Tam nguyên trạch kinh, Văn Vương trạch kinh, Khổng Tử trạch kinh, Trạch cấm, Trạch oán, Trạch thống, Trạch kính, Thiên Lão trạch kinh, Lưu Cẩn trạch kinh, Huyền Nữ trạch kinh, Tư Mã Thiên sư trạch kinh, Hoài Nam Tử trạch kinh, Vương Vi trạch kinh, Tư Tồi trạch kinh, Lưu Phổ Bình trạch kinh, Trương Tử Hào trạch kinh, Bát quái trạch kinh, Ngũ Triệu trạch kinh, Huyền Ngô trạch kinh, Lục thập tứ quái trạch kinh phân, Hữu bàn long trạch kinh, Lý Thuần Phong trạch kinh, Ngũ tính trạch kinh, Lã Tài trạch kinh, Phi âm loạn phục trạch kinh, Tử Hạ kim môn trạch kinh, Điều Đàm trạch kinh.

Những kinh sách trên đây, nội dung chính đều đại đồng tiểu dị, đều tự xưng là diệu pháp, bổ sung lẫn nhau. Nếu không đọc khắp, thì khó mà ứng dụng được cho đúng.

Các học giả hiện nay thường học phép Ngũ tính Bát trạch, Hoàng đạo Bạch phương, đều là phạm phải đại kinh, khó tránh khỏi tai hoạ. Bởi vậy khi phạm phải trong xây sửa, cho dù người xây không ở đó, nhưng huỷ hoại Âm Dương mà bất chúc không có bằng cứ, thật đau lòng thay. Huống chi sách vở tiên hiền để lại, đều rất rõ ràng, người ta lại mê lầm, ngày ngày thấy mà không biết được. Cái tượng là nhật nguyệt, càn khôn, nóng lạnh, trống mái, ngày đêm, Âm Dương, bởi vậy nên bao trùm tất cả, lấy một mà thống lĩnh nghìn vạn, chuyển vận vô



hình mà có thể hoá đục muôn vật. Thật là lớn lao thay, cái lý âm dương. Cái Âm của kinh, là mẹ sinh ra vạn vật. Dương, là cha sinh ra vạn vật. Thủy tổ tạo ra trời đất, là vị chí tôn dương đục, thuận theo thì tốt, phản lại thì xấu, khác gì quan lớn tước cao, cái mệnh vua mà gặp tai ương. Nay thu gom các ứng nghiệm bí mật, chia làm hai mươi tứ lộ, Bát quái, Cửu cung, kết hợp với phương vị nam nữ, phân chia Âm trạch Dương trạch, khảo xét lành dữ, đều không ra khỏi hai trạch trên, thực là diệu pháp để nuôi dưỡng sinh linh.

Hai mươi tứ lộ là căn cứ vào hình thế nhà lớn nhỏ mà chia ra bốn mặt. Tên gọi của hai mươi tứ lộ, gồm mười can mười hai chi và Càn, Cấn, Khôn, Tốn, tổng cộng hai mươi tứ lộ. Càn cùng ba nam Chấn, Khảm, Cấn, đều thuộc phương vị Dương. Khôn cùng ba nữ Tốn, Ly, Đoài, đều thuộc phương vị âm. Bởi vậy Dương không thể vượng một mình, nhờ Âm mới có. Âm không thể vượng một mình, nhờ Dương mới có. Cũng như mùa đông lấy ấm áp làm đức, mùa hè lấy mát mẻ làm đức, nam lấy nữ làm đức, nữ lấy nam là đức vậy. Trong "Dịch quyết" có nói: Âm được Dương, như nóng gặp mát, ngũ tính đều hoà, trăm việc thịnh vượng. Bởi vậy đức vị cao cá dày dặn là tốt, trùng Âm trùng Dương là hung. Dương trạch lại gặp phương đông, phương bắc; Âm trạch là gặp phương tây, phương nam, là trùng.

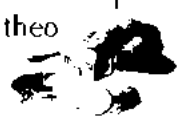
Dương trạch tức là có khí Dương ôm Âm, Âm trạch tức là có khí Âm ôm Dương. Hai khí này định trên vị trí của nhà ở gọi là long (rồng). Đầu long của Dương trạch ở hướng Hợi, đuôi long ở hướng Tỵ. Còn đầu long của Âm trạch ở hướng Tỵ, đuôi long ở hướng Hợi. Muốn tìm long huyết cần tuân theo nguyên tắc sau đây: Từ hướng Tốn chuyển hướng Càn, từ hướng Ngọ chuyển hướng Tý, từ hướng Khôn chuyển hướng Cấn, từ hướng Dậu chuyển hướng Mão, từ hướng Tuất chuyển hướng Thìn, là phương Phúc đức, y theo đạo trời. Thiên Đức, Nguyệt Đức, sinh khí đến phương vị, nên tu sửa cao lớn sạch sẽ, thì một nhà được yên, vinh hoa phú quý. Hai lần nhập Âm nhập Dương gọi là vô khí. Ba lần nhập Âm Dương gọi là vô hồn, bốn lần nhập là vô phách. Không có hồn phách, thì tan cửa nát nhà, con cháu tuyệt tự. Nếu là một Âm một Dương qua lại, sẽ hợp với cái tự nhiên của Thiên đạo, là tương tốt lành. Nếu chuyển hướng trùng, nên ở lại trên đường bốn mươi lăm ngày, bảy mươi lăm ngày rồi mới đến sẽ không sao. Nhưng vẫn cần phải đến phương sinh khí Phúc đức, mới cát. Nếu phạm Ngũ quý, Tuyệt mệnh, Hình họa, rất bất lợi.

Khẩu quyết có nói, đi mà không hợp phép, chẳng thà quay lại chỗ cũ, là nói điểm này. Lại nói, gia trạch bản hàn, phải sửa nhà chủ, dỡ nhà phương Hình họa, tu bổ phương Phúc đức.

Lại nói: Dỡ nhà phá tường, có thể trừ tai ương. Muốn phân biệt nhà ở, phải căn cứ vào phương vị chuyển đến, không coi phía bắc phía đông là Dương, phía nam phía tây là Âm. Khi chuyển đến không phân biệt xa gần, một dặm, trăm dặm, ngàn dặm, mười bước hay trăm bước đều như nhau. Nên hai trạch này khi xây sửa, phải xem Thiên đạo. Thiên đức, Nguyệt đức sinh khí đến thì tu sửa, không phải tránh Tướng Quân, Thái Tuế, Báo Vĩ, Hoàng Phiến, Hắc Phương và họ tên hợp kỵ. Thuận theo hai khí Âm Dương là chính, các thần sát cùng Ngũ tính, sáu mươi Giáp Tý đều từ hai khí này mà sinh ra, đặt tại các góc, cái quản việc trong một năm, nên không coi là tai họa.

Lại nói: Phương vị Hình họa khuyết lại trống trải, phương vị Phúc đức san sát mà cao lớn, là cát lợi. Lại viết: Phương vị Hình họa hẹp lại hẹp, e rằng tai họa vẫn theo

"HOÀNG  
ĐẾ  
TRẠCH  
KINH"  
(BẢN  
TRONG  
TỬ KHỐ  
TOÀN  
THƯ)





nhau. Phương vị Phúc đức thêm lại thêm, con con cháu cháu đều hiển vinh.

Lại nói: Nhà có Ngũ hư, chủ về nghèo hèn. Nhà có Ngũ thực, chủ về phú quý. Nhà lớn người ít, nhất hư; Cửa nhà to, bên trong nhỏ, nhị hư; Tường và sân chưa hoàn chỉnh, tam hư; Giếng và bếp không có, tứ hư; Đất rộng nhà thưa, ngũ hư. Còn nhà nhỏ người đông, nhất thực; Nhà to cửa nhỏ, nhị thực; Tường và sân hoàn chỉnh, tam thực; Nhà bé, gia súc nhiều, tứ thực; Rãnh nước chảy về phía Đông nam, ngũ thực.

Lại nói: Nhà cửa ngày một khá lên, đừng bỏ nhà cũ, không suy vì không chuyển nhà, e gặp tai họa. Nhà ở rộng rãi chưa chắc đã tốt, xây nhà tính theo một nửa nhân khẩu, sẽ được sống thọ.

Lại nói: Ruộng đất tuy tốt, chăm cày bừa mới được mùa. Nhà ở tuy đẹp, biết cách sửa, cách chuyển mới thịnh vượng.

"Trạch thống" viết rằng nhà và mộ là nguồn gốc của vinh hoa, có lợi mới như ý, bất lợi sẽ không được toại nguyện. Mộ hung trạch cát, con cháu làm quan. Mộ cát trạch hung, con cháu thiếu ăn thiếu mặc. Mộ trạch đều cát, con cháu hiển vinh. Mộ trạch đều hung, con cháu tha hương tuyệt tự, tổ tiên khiển trách, địa họa theo cùng, bảy đời vong hồn, đau buồn chịu khổ, con cháu bất an, lưu lạc tha phương, như cỏ bồng bay dạt, chết tại quê người.

Thanh Diệu Tử nói rằng: Trạch mộ đều tốt, hai thần bảo hộ, con cháu quan lộc vững bền. Được đất được mộ, rồng bay hổ chạy, sự nghiệp tấn tới, tiền của đầy kho, con cháu trung hiếu, thiên thần trợ giúp.

Tử Hạ nói rằng: Mộ có tứ kỳ, hai họ Thương, Giốc, Bình, Nhâm, Ất, Tân; Ba họ Cung, Vũ, Chuỳ, Giáp, Canh, Đinh, Quý. Đắc địa đắc cung, làm quan đến công khanh thứ sử, áo đỏ đai tía, đời đời hiển danh. Thất địa thất cung, có đầu không cuối, đời trước chịu khổ, con cái gặp hung. Thất địa đắc cung, con cháu không nghèo, tuy không cơ nghiệp, vẫn được cơm áo đủ đầy. Thất địa thất cung, tuyệt tử tuyệt tông, ăn mày độ nhật, chết tại quê người.

Tử Hạ nói rằng: Người nhờ có nhà mới được yên ổn, nhà nhờ có người mới được tồn tại. Người và nhà nương tựa vào nhau, cảm thông trời đất, nên không thể chỉ tin vào mệnh.

### **Phạm tu trạch thứ đệ pháp (trình tự tu sửa nhà)**

Trước hết tu sửa phương Hình hoa, sau đó sửa đến cung Phúc đức, sẽ tốt. Trước hết tu sửa phương Phúc đức, sau đó sửa đến cung Hình hoa, sẽ hung. Âm trạch từ Tý khởi công di chuyển ngược chiều, Dương trạch từ Hợi khởi công di chuyển thuận chiều. Phương Hình hoa dùng một trăm công, phương Phúc đức dùng hai trăm công, trấn áp sẽ cát. Dương trạch thường xây ở ngoài, Âm trạch thường xây ở trong, có người dùng đường Tý Ngọ chia Âm Dương, là sai lầm rất lớn. Đây là hai khí thông nhau chuyển vận, không giống như Bát quái Cửu cung chia hình bày tượng, phối với phương vị nam nữ. Chỉ những người có tài năng trí tuệ, yêu thương vạn vật, mới hiểu được pháp môn này, lợi ích vô cùng to lớn. Nếu phạm phải lớn thì khiến tan cửa nát nhà, nhỏ thì mất quan cách chức. Ngoài ra còn các tai nạn huyết quang, thị phi, trắc trở, khô khan, suy vi, tai ương, bệnh tật, cái gì cũng có, sao có thể khinh thường. Nơi phạm xa mà



chậm, thì nửa năm, một năm, hai năm, ba năm mới phát. Nơi phạm gần mà gấp, thì năm mười lăm ngày, bốn mươi lăm ngày, hoặc phát ngay trong tháng. Nếu thấy đồ hình này, tự nhiên sẽ hiểu, không phân biệt ngu dần hay tài trí, phúc phai tự tu, tai ương không phạm, quan chức thăng tiến, tiền của dồi dào, gia súc sinh sôi, sống lâu trăm tuổi. Bạc vàng châu báu cũng chưa thực đáng quý. Trợ giúp người khác mới thật là vĩ đại. Bởi vậy trong nhà có cất một bản, dùng để răn dạy cháu con, bảo tồn rất bí mật, gọi là “Trạch kinh”.

Trong “Trạch thư” có viết: Dỡ cũ xây mới, hào quẻ chồng nhau. Đi bắc đời nam, âm dương phân định. Nếu hai khí Âm Dương hài hoà, có thể thay đổi trạng thái cát hung của người, theo việc mà hưng, bởi vậy trời đất vẫn xoay không ngừng, người vật quý thân biến hoá đâu là chuẩn mẫu.

Trong “Sưu thần ký” có viết: Tinh linh hỗn phách đều hoá thành người. Hoặc có người tự mê hoặc, biến thành yêu quái. Cũng như các cây cỏ khác giống nối tiếp mà sinh, gốc ngọn tuy khác, mùi vị pha tạp, những vật hữu hình còn có thể biến thông. Âm Dương hư vô chẳng lẽ lại là cố định?

Bởi vậy trạch không có trạch khi, người vào ở rồi mới thay đổi.

Lại viết: Trạch coi hình thể làm thân thể, coi nước suối là huyết mạch, coi đất đai là da thịt, coi cỏ cây là râu tóc, coi nhà cửa là quần áo, coi cổng cửa là dây đai, nếu hội tụ đầy đủ các yếu tố này là điều rất tốt.

“Tam nguyên kinh” có viết: Đất màu thì mầm tốt, nhà cát thì người vinh.

Lại nói: Phúc của con người, cũng như một người xinh đẹp. Cát lợi của nhà ở, như một người xấu xí, có được y phục đẹp, thân thái tăng lên một nửa. Nếu mệnh khổ nhà xấu, như người xấu xí lại thêm áo rách, sao mà chịu nổi. Nên người khi tìm nhà ở cần chọn cho kỹ.

Lại nói: Tu sửa lai lộ thì không gì không cát, phạm phải để lộ thì không thể yên ổn. Nếu như từ phương đông chuyển đến nhà này, chuyển xong lại mở rộng phía tây, thế gọi là để lộ. Nếu tu sửa phía đông, gọi là lai lộ. Chuyển đến phương khác hoặc di lai với người trên, bất kể xa gần, đều theo lệ này. Phạm khi cưới gả, mua ruộng đất, gia súc, kinh doanh, gặt cấy trên, cầu lợi, đều nên đi lại theo phương vị phúc đức của nhà ở, sẽ được như ý. Nếu đi lại theo phương Hình hại, sẽ rất bất lợi. Lại kỵ nhà quy đầu tại phương Ngọ, quay về phía bắc xung với nhà ở, gọi là hung đình. Có căn phòng hơi cao lớn, cũng bất lợi. Ca quyết có viết: Quy đầu Ngọ, ất đối chú. Cũng là hại chủ, nếu xuất hiện trong nhà cũng không cát lợi. Nhà cửa tại phương Ngọ, đông Tốn Tỵ có nhà cao đình lớn đều bất lợi, bỏ đi mới được.

Lại nói: Nếu muốn xây sửa động thổ, nên tránh Tứ Thiên Vương, tức là Đế Xa, Đế Lộ, Đế Xá. Giả sử ba tháng mùa xuân phương đông là Thanh Đế, Mộc vương, Dần là Xa, Mão là Lộ, Thìn là Xá, tức là tháng giêng, tháng hai, tháng ba không được xây sửa tại phương đông. “Hộ kinh” có viết: Phạm Đế Xa cha chết, phạm Đế Lạc mẹ chết, phạm Đế Xá con cháu chết. Các tháng mùa hạ, thu, đông, đều loại suy từ đó.

Lại nói: Một năm có mười hai tháng, mỗi tháng đều có phương vị Sinh khí, Tử khí. Nếu xây sửa đúng phương Sinh khí trong tháng, phúc sẽ đến. Sinh khí của mặt trăng và Thiên đạo, Nguyệt đức hợp là cát. Phạm phải phương vị Tử khí trong tháng, sẽ có tai ương.

Tháng giêng Sinh khí tại Tỵ, Quý, Tử khí tại Ngọ, Đinh. Tháng hai Sinh khí tại Sửu,



Cấn, Tử khí tại Mùi, Khôn. Tháng ba Sinh khí tại Dần, Giáp, Tử khí tại Thân, Canh. Tháng tư Sinh khí tại Mão, Ất, Tử khí tại Dậu, Tân. Tháng năm Sinh khí tại Thìn, Tốn, Tử khí tại Tuất, Càn. Tháng sáu Sinh khí tại Tỵ, Bính, Tử khí tại Hợi, Nhâm. Tháng bảy Sinh khí tại Ngọ, Đinh, Tử khí tại Tý, Quý. Tháng tám Sinh khí tại Mùi, Khôn, Tử khí tại Sửu, Cấn. Tháng chín Sinh khí tại Thân, Canh, Tử khí tại Dần, Giáp. Tháng mười, Sinh khí tại Dậu, Tân, Tử khí tại Mão, Ất. Tháng mười một, Sinh khí tại Tuất, Càn, Tử khí tại Thìn, Tốn. Tháng mười hai, Sinh khí tại Hợi, Nhâm, tử khí tại Tỵ, Bính.

Tháng	Sinh khí	Tử khí
Giêng	Tỵ, Quý	Ngọ, Đinh
Hai	Sửu, Cấn	Mùi, Khôn
Ba	Dần, Giáp	Thân, Canh
Tư	Mão, Ất	Dậu, Tân
Năm	Thìn, Tốn	Tuất, Càn
Sáu	Tỵ, Bính	Hợi, Nhâm
Bảy	Ngọ, Đinh	Tý, Quý
Tám	Mùi, Khôn	Sửu, Cấn
Chín	Thân, Canh	Dần, Giáp
Mười	Dậu, Tân	Mão, Ất
Mười một	Tuất, Càn	Thìn, Tốn
Mười hai	Hợi, Nhâm	Tỵ, Bính





Phàm khi xây dựng tường vào, nhà cửa, nếu phạm phải phương vị Thổ khí xung, sẽ gặp phải tai ương, nên yểm trấn theo đúng phép tắc.

Tháng giêng thổ khí xung tại phương Đinh, Mùi; Tháng hai tại Khôn; Tháng ba tại Nhâm, Hợi; Tháng tư tại Tân, Tuất; Tháng năm tại Càn; Tháng sáu tại Dần, Giáp; Tháng bảy tại Quý, Sửu; Tháng tám tại Cấn; Tháng chín tại Bính, Tỵ; Tháng mười tại Thìn, Ất; Tháng mười một tại Tốn; Tháng mười hai tại Thân, Canh.

Thiên môn: dương thủ, ở cung Càn, không nên xây nhà quá cao, nếu không sẽ tổn hại đến gia trưởng, bệnh nặng, tai nạn ở đầu, cổ.

Hợi: là Chu Tước, đầu long toạ vị (cha), nếu phạm vào sẽ có hại cho người này.

Nhâm: Đại hoá (mẹ), phạm phải sẽ gặp tai nạn bất ngờ, thị phi.

Tỵ: Tử táng, là tay phải, con trưởng, con dâu trưởng, phạm phải sẽ thần trí ngắn ngủi, mắc bệnh về mắt, thủy tai, thị phi.

Quý: Phạt ngục, Câu trần, là con thứ và dâu thứ, phạm phải sẽ bị thị phi, kiện tụng sinh tai hoạ.

Sửu: Quan ngục, là con út, dâu út, phạm phải sẽ gặp trộm cướp, hoả hoạn, chuyện quái dị.

Quỷ môn: trệ khí, nên khuyết, mỏng, trống trải, phạm phải sẽ khô héo, phù thũng.

Dần: Thiên hình, long bối (lưng rỗng), phương vị Huyền vũ, là con nuôi, trưởng nữ, phạm phải sẽ ảnh hưởng đến thai nhi, bị trộm cướp, thất bại.

Giáp: Trạch hình, là thứ nữ và con cháu, phạm phải hại đến người toạ mệnh, gia trưởng ốm đau, bị thương ở đầu, cổ.

Mão: Hình ngục, sườn bên phải của rỗng, thiếu nữ và con cháu, phạm phải sẽ gặp hoả hoạn, khí mãn, hình ngục, hồn bay phách lạc.

Ất: Đằng xà, Tụng ngục, khách nhân toạ vị, phạm phải thì hại đến người toạ mệnh, gặp tà khí, điều tiếng, tang ma.

Thìn: Bạch hổ, chân phải của rỗng, chủ về tù ngục, nô tỳ, lục súc, phạm phải sẽ kinh sợ, què quặt, đau gân, sợ hãi.

Phong môn: nên bằng phẳng, khuyết, là phúc thủ, quay về khô héo mà hướng về tươi tốt, Ngũ tính Bát trạch, không nên xây cao lớn tắc khí, là cực điểm của Dương đầu mối của Âm.

Tỵ: Thiên phúc, Trạch ốc, còn gọi là Trạch cực, kinh sách có viết, muốn được





chức tốt, Trạch cực phải cao lớn, xây sửa sẽ tốt.

Bính: Minh đường, Trạch phúc, trở cổng, đặt nhà kho, kinh sách có viết, xây ở Minh đường, tăng quan tấn lộc đại cát tường, cả nhà vui vẻ rất mực.

Ngọ: đất lành, chân trái của rồng, kinh sách có viết, xây sửa tốt đẹp, nô bộc đông đúc lục súc sinh sôi, nên bằng phẳng vững chãi, không nên cao lớn hay có Quy đầu Ngọ.

Đinh: Thiên thương, kinh sách có viết, tiền của hao hụt, nên sửa Thiên thương. Nên làm kho tàng, chuồng gia súc, nên cao lớn vững chắc, xây cao sẽ tốt.

Mùi: Thiên phú, nên làm nhà cao và rộng, chuồng trâu chuồng dê, nô bộc, nên tu sửa nhà bếp và nhà vệ sinh.

Nhân môn: ruột của rồng, nên đất chuồng trâu chuồng ngựa, nên xây cao, dày dặn, còn gọi là Phúc nang, nên chắc chắn dày dặn sẽ đại cát.

Thân: Ngọc đường, nên đất chuồng trâu chuồng ngựa, chủ về châu báu vàng ngọc, nếu xây chắc chắn, rộng rãi sẽ tốt. Kinh sách có viết, xây Ngọc đường, tiền của dồi dào, lục súc khoẻ mạnh béo tốt.

Canh: Trạch đức, trở cổng, nên đăc nhà xe, chuồng gà, cối xay sẽ rất tốt, nên mở rộng, san sát, cao lớn, sạch sẽ.

Đậu: Đại đức, sườn bên trái của rồng, nên xây nhà trọ sẽ tốt. Kinh sách có viết: xây sửa tại Đại đức, giàu có tiền của thành vạn ức. Còn gọi là Trạch đức, hợp với chủ nhà.

Tân: Kim quỹ (kho vàng), Thiên tinh (giếng trời), nên trở cửa, xây nhà lớn lầu cao. Kinh sách có viết: xây ở Kim quỹ, đại phú quý. Hợp với tiền của, trăm việc cát lợi.

Tuất: Địa phủ, tay trái của thanh long, chủ về tam nguyên, hợp với con cháu, nên sạch sẽ sẽ tốt đẹp. Kinh sách có viết: Thanh long cao lớn, phú quý hào hùng.

Vị trí bên ngoài cung Tốn: nên làm vườn, ao, nhà tre, xây dựng nhà cửa nên bằng phẳng mà mỏng.

Vị trí ngoài Thiên đức và Ngọc đường: nên mở rộng, xây cao lớn chắc chắn sẽ đại cát. Kinh sách có viết, phương Phúc đức xây dựng mở mang, con con cháu cháu được vinh hiển, nhưng không nên xây nhà lầu nhà tầng.

Vị trí ngoài Thiên thương, Thiên phú: có thể xây cao lớn, nhà lầu, trở cổng, làm kho, chuồng trâu, nơi ở của nô tỳ, nhà kho, sẽ đại cát.

Vị trí ngoài bụng rồng: cũng tương tự như trong nhà, nên đất chuồng trâu chuồng ngựa, còn gọi là Phúc nang, nên dày dặn chắc chắn sẽ cát lợi.

Vị trí ngoài Khôn: nên làm chuồng ngựa, đại cát, nên đặt các vật nặng nề trĩu trệ, xây lầu cao sẽ đại cát.

Vị trí ngoài Ngọc đường: nên xây cao, làm nơi ở cho quân tử, cháu nhỏ, xây nhà khách, nếu cao lớn rộng rãi lại có cây lớn, nhà san sát, sẽ rước tiền tài, có quan tước.

Vị trí ngoài Đại đức, nên mở rộng xây sửa, giữ sạch sẽ, là nơi yến ẩm ca nhạc sẽ cát lợi, là chỗ ở cho con cháu phụ nữ, sinh người sang, thêm tiền tài phú quý, danh vọng cao xa.

Vị trí ngoài Kim quỹ, Thanh long: làm nhà kho hoặc chỗ để tiền bạc trong



nhà, nên xây nhà lớn lâu cao, hợp với tiền bạc, con cháu, sinh người sang, kết hôn với người cao quý, nên sạch sẽ, san sát, có cây cối hoa cỏ rậm rạp.

**Dưới đây là Âm trạch hình đồ:**

**Càn:** Thiên môn, phía Bắc, là điểm kết của Âm, nên quay lưng về khó héo hướng mặt về tốt tươi, nhà cửa nên san sát, cao rộng, chắc chắn sẽ tốt.

**Hợi:** Thiên phúc, Long vị, còn gọi là Trạch cực, kinh sách có viết, nếu muốn có chức tước, nên mở rộng Trạch cực sẽ tốt.

**Nhâm:** Trạch phúc, Minh đường, nên làm nhà cao và rộng, giữ sạch sẽ, học hành kinh sử, còn gọi là cung Thọ ấn, hợp với tài lộc.

**Tý:** Cát xương, chân trái của rồng, nên đặt chuồng trâu. Kinh sách có viết, nô bộc đông đúc, gia súc sinh sôi, bằng phẳng và chắc chắn sẽ tốt.

**Quý:** Thiên thương, nên trở cửa, làm nhà khác, nhà vệ sinh sẽ tốt. Kinh sách có viết, tiền tài hao tác, xây sửa Thiên thương, đặt lục súc.

**Sửu:** Thiên phủ, nhà lớn lâu cao, cho trâu dê, nô bộc ở đó sẽ đông đúc, đặt kho, nhà vệ sinh sẽ cát lợi.

**Cấn:** Quý môn, bụng rồng, Phúc nang, cần xây chắc chắn, nếu khuyết, sơ sài sẽ bản cùng.

**Dần:** Ngọc đường, nên làm chuồng trâu, chủ về châu báu vàng bạc, nên mở rộng. Kinh sách có viết, xây ngọc đường, tiền tài đến ổ ạt, lục súc béo tốt, đại cát.

**Giáp:** Trạch đức, trở cửa, đặt cối đá, nên xây san sát cao lớn sẽ cát, nên giữ sạch sẽ không có tai ương.

**Mão:** Đại đức, sườn rồng, nên xây nhà trọ. Kinh văn có viết: xây sửa Đại đức, giàu có tiền của hàng vạn ức. Còn gọi là Trạch chủ, chủ về danh vọng.

**Ất:** Kim quỹ, Thiên tính, nên làm nhà cao cửa rộng, giữ sạch sẽ, thường sơn sửa, sẽ có tin vui.

**Thìn:** Địa phủ, tay trái của Thanh long, quản tam nguyên, hợp với con cháu, nên sạch sẽ. Kinh sách có viết, Thanh long cao lớn, phú quý hào hùng.

**Tốn:** phong (gió), nên bình ổn, không nên ứ trệ, còn gọi là Dương tiền Âm cực, nên quay lưng về tươi tốt hướng mặt ra khô héo, nên trống trải, khuyết, thông thoáng sẽ đại cát.

**Tỵ:** Chu Tước, đầu rồng, là phương vị của cha. không nên đào giếng, sẽ phạm đến người toạ mệnh, có vạ thị phi, thổ huyết, điên cuồng, rắn thú tác quái.

**Bính:** Đại hoạ, là mệnh mẹ, không nên làm cửa, phạm phải sẽ hại người toạ mệnh, tai hoạ thị phi.

**Ngo:** Tử táng, là con trưởng và dâu trưởng, phạm phải sẽ bị thần trí ngẩn ngơ, tổn thương đến mắt, đau tim, hoả hoạn, thị phi.

**Đinh:** Phạt ngục, Câu trần, là con thứ và dâu thứ, phạm phải sẽ gặp thị phi, kiện tụng, nhọt độc.

**Mùi:** Quan ngục, là con út và dâu út, phạm phải sẽ hại đến người toạ mệnh, gặp ma quỷ, mụn nhọt, sấm sét, trộm cướp, nạn binh đao, gia súc chết, gia đình li tán.

**Khôn:** Nhân môn, là mệnh nữ, không nên đặt chuồng ngựa, phạm phải sẽ khô héo, phù thũng, nơi này nên trống trải, khuyết, thấp, thưa thớt.

**Thân:** Thiên hình, lưng rồng, là mệnh trưởng nữ, phạm phải sẽ thần hồn ngơ ngẩn, đau ốm, hình thương, lao tù, khí mãn, hoả hoạn.

THÀNH  
ĐỊ  
THÀNH  
YANG  
MÔN  
THÀNH  
TỬ HỒN  
THÀNH  
THUY





**Cánh:** Trạch hình, là thứ nữ, cháu đích tôn, không nên làm cửa, phạm phải hại đến người toạ mệnh, mắc bện ở sườn phải, tai hoạ thị phi, thương tàn, rơi ngã.

**Dậu:** Hình ngục, sườn phải của rồng, phạm phải hại đến người toạ mệnh, hồn bay phách lạc, hình ngục, khí mãn gặp hoá hoan.

**Tân:** Đẳng xà, Tụng ngục, mệnh khách, phạm phải sẽ hại người toạ mệnh, thị phi, yêu cầu quấy, tang ma, gặp tai ương.

**Tuất:** Bạch Hổ, chân phải của rồng, là mệnh nô tỳ, gia súc, phạm phải sẽ bị què quặt, khô héo, đau gân.

**Vị trí ngoài Càn:** nên làm nhà cao, chắc chắn, có cây lớn, hợp với chủ nhà trường thọ, con cháu tài lộc liên miên, gia tộc hiển hách, đất đai rộng rãi.

**Vị trí ngoài Hợi:** Thiên phúc và Trạch cực, nên làm nhà lớn, trùng điệp, sâu xa, dày dặn sẽ cát. Cùng với Trạch phúc, Minh đường nối tiếp, cao lớn vững chãi, con cháu thông minh hưng thịnh, khoa danh hiển hách, đại phú quý.

**Vị trí ngoài Thiên thương:** nên làm nhà lớn lâu đời cao, kho tàng, nơi ở của nô bộc, chuồng gia súc, sẽ phát triển, hợp với tiền tài, ngũ cốc, nếu sạch sẽ rộng rãi sẽ tốt.

**Vị trí ngoài Thiên phú:** nên cao lớn rộng rãi, làm nhà cho con cháu và phụ nữ trong nhà ở sẽ tốt, là đất giàu sang đầy đủ, nếu thăng chức sẽ tốt, phú quý đủ đầy.

**Vị trí ngoài Bụng rồng:** là đất Phúc nang, nên vững chãi kín kẽ như núi, sẽ cát lợi, gần xa cây lớn rậm rạp, có gò đất cao, xây cao lớn sẽ cát lợi. Nếu thấp, khuyết, không có nhà ở, thì nghèo khó bất an.

**Vị trí ngoài Ngọc đường:** hợp với con trai, con dâu, sẽ được giàu sang phú quý, con cháu đầy đàn, nên xây cao rộng, sẽ được thăng quan tiến chức, làm quan lớn, châu báu vàng bạc vô số. Nếu khuyết hãm, trống trải, sẽ nghèo khó mà phải tha hương.

**Vị trí ngoài Trạch đức:** nên làm nơi để học tập và tu dưỡng, công danh sẽ thành tựu, nổi tiếng, bốn phương ngưỡng mộ. Con cháu ở đó có chữ tín, có tài năng và nghĩa khí, dũng cảm vô song.

**Vị trí ngoài Thiên đức, Kim quý, Thanh long:** ba nơi này nên làm nhà cao cửa rộng chắc chắn, hoặc làm phòng khách, sẽ có khách quý qua lại, một nhà giàu sang thịnh vượng, rất nên xây sửa. Nếu thưa thớt, trống trải, khuyết hãm, sẽ bản cùng.

**Vị trí ngoài Thanh long:** giữ sạch sẽ, thấp hương, đặt tiệc mời bạn bè, sẽ có khách quý đến nhà, nên đào giếng, chứa nước rất tốt.



PHỤ LỤC 2: ĐỒ HÌNH PHI TINH HẠ QUÁI TRONG TAM NGUYÊN CỬU VẬN

ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN NHÂM HƯỚNG BÍNH

1. Địa vận 80 năm.
2. Không vượng sơn vượng hướng.
3. Nếu sơn Nhâm hướng Bính hợp với thủy pháp, đắc vận thì là người cương nghị, quan chức hiển hách, tiền của dồi dào, vận chương tài giỏi.
4. Người sinh năm Nhâm, Quý, Thân, Tý, Thìn không hợp thủy pháp thì mười hai năm sau sẽ sinh người câm điếc, ốm đau bệnh tật, tai nạn triển miên, kiện tụng, giáng chức, lao nhọc tai nạn

7 4	2 9	9 2
9	5	7
8 3	6 5	4 7
8	1	3
3 8	1 1	5 6
4	6	2

6 7	2 2	4 9
1	6	8
5 8	7 6	9 4
9	2	4
1 3	3 1	8 5
5	7	3

9 6	4 2	2 4
2	7	9
1 5	8 7	6 9
1	3	5
5 1	3 3	7 8
6	8	4

8 9	4 4	6 2
3	8	1
7 1	9 8	2 6
2	4	6
3 5	5 3	1 7
7	9	5

9 8	5 4	7 6
4	9	2
8 7	1 9	3 2
3	5	7
4 3	6 5	2 1
8	1	6

3 9	7 5	5 7
5	1	3
4 8	2 1	9 3
4	6	8
8 4	6 6	1 2
9	2	7

2 3	7 7	9 5
6	2	4
1 4	3 2	5 9
5	7	9
6 8	8 6	4 1
1	3	8

5 2	9 7	7 9
7	3	5
6 1	4 3	2 5
6	8	1
1 6	8 8	3 4
2	4	9

4 5	9 9	2 7
8	4	6
3 6	5 4	7 2
7	9	2
8 1	1 8	6 3
3	5	1

ĐỒ HÌNH  
PHI  
TINH  
HẠ QUÁI  
TRONG  
TAM  
NGUYÊN  
CỬU VẬN





**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN TÝ HƯỚNG NGỌ, SƠN QUÝ HƯỚNG ĐÌNH**

1. Địa vận 80 năm.
2. Vận 5 vượng sơn vượng hướng.
3. Vận 3 Hướng tinh và Vận tinh hợp thập, lợi về tài.
4. Vận 7 Sơn tinh và Vận tinh hợp thập, lợi về đình.
5. Nếu sơn Tý hướng Ngọ hợp thủy pháp, đắc vận sẽ sinh ra người thông minh, phú quý song toàn. Nếu không hợp thủy pháp thì sau 40 năm sẽ gặp nạn. Còn sơn Quý hướng Đinh hợp thủy pháp sẽ sinh người tài nghệ, nếu không hợp thì sau 20 năm sẽ suy.

5	6	1	1	3	8
<b>9</b>		<b>5</b>		<b>7</b>	
4	7	6	5	8	3
<b>8</b>		<b>1</b>		<b>3</b>	
9	2	2	9	7	4
<b>4</b>		<b>6</b>		<b>2</b>	

8	5	3	1	1	3
<b>1</b>		<b>6</b>		<b>8</b>	
9	4	7	6	5	8
<b>9</b>		<b>2</b>		<b>4</b>	
4	9	2	2	6	7
<b>5</b>		<b>7</b>		<b>3</b>	

7	8	3	3	5	1
<b>2</b>		<b>7</b>		<b>9</b>	
6	9	8	7	1	5
<b>1</b>		<b>3</b>		<b>5</b>	
2	4	4	2	9	6
<b>6</b>		<b>8</b>		<b>4</b>	

1	7	5	3	3	5
<b>3</b>		<b>8</b>		<b>1</b>	
2	6	9	8	7	1
<b>2</b>		<b>4</b>		<b>6</b>	
6	2	4	4	8	9
<b>7</b>		<b>9</b>		<b>5</b>	

2	1	6	5	4	3
<b>4</b>		<b>9</b>		<b>2</b>	
3	2	1	9	8	7
<b>3</b>		<b>5</b>		<b>7</b>	
7	6	5	4	9	8
<b>8</b>		<b>1</b>		<b>6</b>	

1	2	6	6	8	4
<b>5</b>		<b>1</b>		<b>3</b>	
9	3	2	1	4	8
<b>4</b>		<b>6</b>		<b>8</b>	
5	7	7	5	3	9
<b>9</b>		<b>2</b>		<b>7</b>	

4	1	8	6	6	8
<b>6</b>		<b>2</b>		<b>4</b>	
5	9	3	2	1	4
<b>5</b>		<b>7</b>		<b>9</b>	
9	5	7	7	2	3
<b>1</b>		<b>3</b>		<b>8</b>	

3	4	8	8	1	6
<b>7</b>		<b>3</b>		<b>5</b>	
2	5	4	3	6	1
<b>6</b>		<b>8</b>		<b>1</b>	
7	9	9	7	5	2
<b>2</b>		<b>4</b>		<b>9</b>	

6	3	1	8	8	1
<b>8</b>		<b>4</b>		<b>6</b>	
7	2	5	4	3	6
<b>7</b>		<b>9</b>		<b>2</b>	
2	7	9	9	4	5
<b>3</b>		<b>5</b>		<b>1</b>	

**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN SỬU HƯỚNG MÙI**

1. Địa vận 120 năm.
2. Vận 2, 5, 8 vượng sơn vượng hướng, đại cát.
3. Vận 2, 8 toàn cục hợp thập, đại cát.
4. Vận 4, 6 toàn cục hợp quẻ Tam ban Phụ mẫu, chủ về hay gặp quý nhân, biến hung thành cát.
5. Sơn Sửu hướng Mùi hợp thủy pháp, đắc vận, của cải đầy kho, có tài kinh doanh quản lý, tinh thông võ nghệ. Nếu không hợp thì kiện tụng tranh chấp triển miên, kinh tế eo hẹp, bị còng, đau chân.

5	6	9	2	7	4
<b>9</b>		<b>5</b>		<b>7</b>	
6	5	4	7	2	9
<b>8</b>		<b>1</b>		<b>3</b>	
1	1	8	3	3	8
<b>4</b>		<b>6</b>		<b>2</b>	

6	9	1	4	8	2
<b>1</b>		<b>6</b>		<b>8</b>	
7	1	5	8	3	6
<b>9</b>		<b>2</b>		<b>4</b>	
2	5	9	3	4	7
<b>5</b>		<b>7</b>		<b>3</b>	

7	8	2	4	9	6
<b>2</b>		<b>7</b>		<b>9</b>	
8	7	6	9	4	2
<b>1</b>		<b>3</b>		<b>5</b>	
3	3	1	5	5	1
<b>6</b>		<b>8</b>		<b>4</b>	

6	9	2	5	4	7
<b>3</b>		<b>8</b>		<b>1</b>	
5	8	7	1	9	3
<b>2</b>		<b>4</b>		<b>6</b>	
1	4	3	6	8	2
<b>7</b>		<b>9</b>		<b>5</b>	

9	3	4	7	2	5
<b>4</b>		<b>9</b>		<b>2</b>	
1	4	8	2	6	9
<b>3</b>		<b>5</b>		<b>7</b>	
5	8	3	6	7	1
<b>8</b>		<b>1</b>		<b>6</b>	

8	2	4	7	6	9
<b>5</b>		<b>1</b>		<b>3</b>	
7	1	9	3	2	5
<b>4</b>		<b>6</b>		<b>8</b>	
3	6	5	8	1	4
<b>9</b>		<b>2</b>		<b>7</b>	

9	5	5	9	7	7
<b>6</b>		<b>2</b>		<b>4</b>	
8	6	1	4	3	2
<b>5</b>		<b>7</b>		<b>9</b>	
4	1	6	8	2	3
<b>1</b>		<b>3</b>		<b>8</b>	

3	6	7	1	5	8
<b>7</b>		<b>3</b>		<b>5</b>	
4	7	2	5	9	3
<b>6</b>		<b>8</b>		<b>1</b>	
8	2	6	9	1	4
<b>2</b>		<b>4</b>		<b>9</b>	

2	7	7	2	9	9
<b>8</b>		<b>4</b>		<b>6</b>	
1	8	3	6	5	4
<b>7</b>		<b>9</b>		<b>2</b>	
6	3	8	1	4	5
<b>3</b>		<b>5</b>		<b>1</b>	

ĐỒ HÌNH  
PHI  
TINH  
HẠ QUÁI  
TRONG  
TAM  
NGUYÊN  
CỬU VẬN





**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN CẤN HƯỚNG KHÔN, SƠN DẪN HƯỚNG THÂN**

1. Địa vận 120 năm.
2. Vận 6 vượng sơn vượng hướng.
3. Vận 2, 5, 8 toàn cục hợp thành quẻ Tam ban Phụ mẫu, đại cát.
4. Hợp thủy pháp, đắc vận, sơn Cấn hướng Khôn giàu nhanh chóng, sinh ra người có khí chất hiền ngang. Sơn Dẫn hướng Khôn sinh ra văn nhân, học giả, quan lớn, phú quý, vượng đình vượng tài.
5. Không hợp thủy pháp, sơn Cấn hướng Khôn chủ về phá tài, khó sinh, đam mê tửu sắc, ứng với người sinh năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. Sơn Dẫn hướng Thân chịu cảnh cô quả, tuyệt tự, ứng với người sinh năm Hợi, Mão, Mùi.

3	8	8	3	1	1
<b>9</b>	<b>5</b>	<b>7</b>			
2	9	4	7	6	5
<b>8</b>	<b>1</b>	<b>3</b>			
7	4	9	2	5	6
<b>4</b>	<b>6</b>	<b>2</b>			

4	7	9	3	2	5
<b>1</b>	<b>6</b>	<b>8</b>			
3	6	5	8	7	1
<b>9</b>	<b>2</b>	<b>4</b>			
8	2	1	4	6	9
<b>5</b>	<b>7</b>	<b>3</b>			

5	1	1	5	3	3
<b>2</b>	<b>7</b>	<b>9</b>			
4	2	6	9	8	7
<b>1</b>	<b>3</b>	<b>5</b>			
9	9	2	4	7	8
<b>6</b>	<b>8</b>	<b>4</b>			

8	2	3	6	1	4
<b>3</b>	<b>8</b>	<b>1</b>			
9	3	7	1	5	8
<b>2</b>	<b>4</b>	<b>6</b>			
4	7	2	5	6	9
<b>7</b>	<b>9</b>	<b>5</b>			

7	1	3	6	5	8
<b>4</b>	<b>9</b>	<b>2</b>			
6	9	8	2	1	4
<b>3</b>	<b>5</b>	<b>7</b>			
2	5	4	7	9	3
<b>8</b>	<b>1</b>	<b>6</b>			

1	4	5	8	3	6
<b>5</b>	<b>1</b>	<b>3</b>			
2	5	9	3	7	1
<b>4</b>	<b>6</b>	<b>8</b>			
6	9	4	7	8	2
<b>9</b>	<b>2</b>	<b>7</b>			

2	3	6	8	4	1
<b>6</b>	<b>2</b>	<b>4</b>			
3	2	1	4	8	6
<b>5</b>	<b>7</b>	<b>9</b>			
7	7	5	9	9	5
<b>1</b>	<b>3</b>	<b>8</b>			

1	4	6	9	8	2
<b>7</b>	<b>3</b>	<b>5</b>			
9	3	2	5	4	7
<b>6</b>	<b>8</b>	<b>1</b>			
5	8	7	1	3	6
<b>2</b>	<b>4</b>	<b>9</b>			

4	5	8	1	6	3
<b>8</b>	<b>4</b>	<b>6</b>			
5	4	3	6	1	8
<b>7</b>	<b>9</b>	<b>2</b>			
9	9	7	2	2	7
<b>3</b>	<b>5</b>	<b>1</b>			

**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN GIÁP HƯỚNG CANH**

1. Địa vận 40 năm.
2. Vận 6 vượng sơn vượng hướng.
3. Vận 4, 6 toàn cục hợp thập
4. Vận 2, 9 cung Khảm cướp đoạt đủ kiếp.
5. Hợp thủy pháp, đắc vận, sinh hiển tài, văn nhân, giàu nhờ kinh doanh, khéo ăn nói, làm quan lớn. Không hợp thủy pháp, nam nữ sống buông thả, trộm cướp, tai nạn bất ngờ, bệnh thận, bệnh về tai, chết đuối.

9	2	4	7	2	9
9		5		7	
1	1	8	3	6	5
8		1		3	
5	6	3	8	7	4
4		6		2	

8	5	4	9	6	7
1		6		8	
7	6	9	4	2	2
9		2		4	
3	1	5	8	1	3
5		7		3	

9	4	5	9	7	2
2		7		9	
8	3	1	5	3	7
1		3		5	
4	8	6	1	2	6
6		8		4	

3	7	7	2	5	9
3		8		1	
4	8	2	6	9	4
2		4		6	
8	3	6	1	1	5
7		9		5	

2	6	7	2	9	4
4		9		2	
1	5	3	7	5	9
3		5		7	
6	1	8	3	4	8
8		1		6	

5	9	9	4	7	2
5		1		3	
6	1	4	8	2	6
4		6		8	
1	5	8	3	3	7
9		2		7	

4	8	9	4	2	6
6		2		4	
3	7	5	9	7	2
5		7		9	
8	3	1	5	6	1
1		3		8	

7	9	2	5	9	7
7		3		5	
8	8	6	1	4	3
6		8		1	
3	4	1	6	5	2
2		4		9	

6	3	2	7	4	5
8		4		6	
5	4	7	2	9	9
7		9		2	
1	8	3	6	8	1
3		5		1	

ĐỒ HÌNH  
PHI  
TINH  
HẠ QUÁI  
TRONG  
TAM  
NGUYỄN  
CỬU VẬN





**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI SƠN MÃO HƯỚNG DẬU, SƠN ẤT HƯỚNG TÂN**

1. Địa vận 40 năm.
2. Vận 5, vận 7 vượng sơn vượng hướng.
3. Vận 1, vận 8, cung Khảm cướp đoạt đủ kiếp.
4. Sơn Mão hướng Dậu hợp thủy pháp, đắc vận, sinh nhân tài, văn chương tài giỏi, giàu sang phú quý. Không hợp thủy pháp, mắc bệnh phong, nam bị lao.
5. Sơn Ất hướng Tân hợp thủy pháp, đắc vận, sinh người văn võ song toàn, nắm quyền trong tay. Không hợp thủy pháp, nhân tài suy giảm, vi phạm pháp luật, tuyệt tự.

7	4	3	8	5	6
9	5	7			
6	5	8	3	1	1
8	1	3			
2	9	4	7	9	2
4	6	2			

1	3	5	8	3	1
1	6	8			
2	2	9	4	7	6
9	2	4			
6	7	4	9	8	5
5	7	3			

2	6	6	1	4	8
2	7	9			
3	7	1	5	8	3
1	3	5			
7	2	5	9	9	4
6	8	4			

1	5	6	1	8	3
3	8	1			
9	4	2	6	4	8
2	4	6			
5	9	7	2	3	7
7	9	5			

4	8	8	3	6	1
4	9	2			
5	9	3	7	1	5
3	5	7			
9	4	7	2	2	6
8	1	6			

3	7	8	3	1	5
5	1	3			
2	6	4	8	6	1
4	6	8			
7	2	9	4	5	9
9	2	7			

6	1	1	5	8	3
6	2	4			
7	2	5	9	3	7
5	7	9			
2	6	9	4	4	8
1	3	8			

5	2	1	6	3	4
7	3	5			
4	3	6	1	8	8
6	8	1			
9	7	2	5	7	9
2	4	9			

8	1	3	6	1	8
8	4	6			
9	9	7	2	5	4
7	9	2			
4	5	2	7	6	3
3	5	1			



**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN THÌN HƯỚNG TUẤT**

1. Địa vận 20 năm.
2. Vận 3, 5, 7 vượng sơn vượng hướng.
3. Vận 4, cung Ly cước đoạt đủ kiếp.
4. Hợp thủy pháp, đắc vận, vượng nhân đinh. Không hợp thủy pháp, gia nghiệp lụn bại, tàn tật, tai họa bất ngờ, đau lưng.

8 3	4 7	6 5
<b>9</b>	<b>5</b>	<b>7</b>
7 4	9 2	2 9
<b>8</b>	<b>1</b>	<b>3</b>
3 8	5 6	1 1
<b>4</b>	<b>6</b>	<b>2</b>

9 2	5 7	7 9
<b>1</b>	<b>6</b>	<b>8</b>
8 1	1 3	3 5
<b>9</b>	<b>2</b>	<b>4</b>
4 6	6 8	2 4
<b>5</b>	<b>7</b>	<b>3</b>

3 5	7 9	5 7
<b>2</b>	<b>7</b>	<b>9</b>
4 6	2 4	9 2
<b>1</b>	<b>3</b>	<b>5</b>
8 1	6 8	1 3
<b>6</b>	<b>8</b>	<b>4</b>

2 6	7 1	9 8
<b>3</b>	<b>8</b>	<b>1</b>
1 7	3 5	5 3
<b>2</b>	<b>4</b>	<b>6</b>
6 2	8 9	4 4
<b>7</b>	<b>9</b>	<b>5</b>

5 7	9 2	7 9
<b>4</b>	<b>9</b>	<b>2</b>
6 8	4 6	2 4
<b>3</b>	<b>5</b>	<b>7</b>
1 3	8 4	3 5
<b>8</b>	<b>1</b>	<b>6</b>

6 6	1 2	8 4
<b>5</b>	<b>1</b>	<b>3</b>
7 5	5 7	3 9
<b>4</b>	<b>6</b>	<b>8</b>
2 1	9 3	4 8
<b>9</b>	<b>2</b>	<b>7</b>

7 9	2 4	9 2
<b>6</b>	<b>2</b>	<b>4</b>
8 1	6 8	4 6
<b>5</b>	<b>7</b>	<b>9</b>
3 5	1 3	5 7
<b>1</b>	<b>3</b>	<b>8</b>

6 8	2 4	4 6
<b>7</b>	<b>3</b>	<b>5</b>
5 7	7 9	9 2
<b>6</b>	<b>8</b>	<b>1</b>
1 3	3 5	8 1
<b>2</b>	<b>4</b>	<b>9</b>

9 9	4 5	2 7
<b>8</b>	<b>4</b>	<b>6</b>
1 8	8 1	6 3
<b>7</b>	<b>9</b>	<b>2</b>
5 4	3 6	7 2
<b>3</b>	<b>5</b>	<b>1</b>

ĐỒ HÌNH  
PHI  
TINH  
HẠ QU  
TRONG  
TAM  
NGUYỄN  
CỬU V





**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN CẤN HƯỚNG CÀN, SƠN TỶ HƯỚNG HỘI**

1. Địa vận 20 năm.
2. Vận 2, 8 vượng sơn vượng hướng.
2. Vận 9 Hướng tinh và Vận tinh hợp thập, lợi về tài vận.
4. Sơn Cấn hướng Càn hợp thủy pháp, phú quý, mười sau sinh nhân tài về cả văn lẫn võ. Không hợp thủy pháp, gia sản lụn bại, dễ mắc bệnh phụ khoa, viêm khớp.
5. Sơn Tỵ hướng Hội hợp thủy pháp, đắc vận, phát triển về nông nghiệp, giải kinh doanh, làm rạng danh tổ tiên. Không hợp thủy pháp, sinh kẻ lãng tử, ham mê cờ bạc, mắc chứng bệnh lạ.

1	1	5	6	3	8
9	5	7			
2	9	9	2	7	4
8	1	3			
6	5	4	7	8	3
4	6	2			

2	4	6	8	4	6
1	6	8			
3	5	1	3	8	1
9	2	4			
7	9	5	7	9	2
5	7	3			

1	3	6	8	8	1
2	7	9			
9	2	2	4	4	6
1	3	5			
5	7	7	9	3	5
6	8	4			

4	4	8	9	6	2
3	8	1			
5	3	3	5	1	7
2	4	6			
9	8	7	1	2	6
7	9	5			

3	5	8	1	1	3
4	9	2			
2	4	4	6	6	8
3	5	7			
7	9	9	2	5	7
8	1	6			

4	8	9	3	2	1
5	1	3			
3	9	5	7	7	5
4	6	8			
8	4	1	2	6	6
9	2	7			

5	7	1	3	3	5
6	2	4			
4	6	6	8	8	1
5	7	9			
9	2	2	4	7	9
1	3	8			

8	1	3	5	1	3
7	3	5			
9	2	7	9	5	7
6	8	1			
4	6	2	4	6	8
2	4	9			

7	2	3	6	5	4
8	4	6			
6	3	8	1	1	8
7	9	2			
2	7	4	5	9	9
3	5	1			



**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN BÌNH HƯỚNG NHÂM**

1. Địa vận 100 năm.
2. Không có cục vượng sơn vượng hướng.
3. Vận 1, 3, 6, 8, cung Khảm cướp đoạt.
4. Hợp thủy pháp, đắc vận, kinh doanh phát đạt, sinh người hiền lành. Không hợp thủy pháp, không vượng nhân đinh, mắc chứng bệnh lạ. Ứng với người sinh năm Dần, Ngọ, Tuất.

4	7	9	2	2	9
9	5	7			
3	8	5	6	7	4
8	1	3			
8	3	1	1	6	5
4	6	2			

7	6	2	2	9	4
1	6	8			
8	5	6	7	4	9
9	2	4			
3	1	1	3	5	8
5	7	3			

6	9	2	4	4	2
2	7	9			
5	1	7	8	9	6
1	3	5			
1	5	3	3	8	7
6	8	4			

9	8	4	4	2	6
3	8	1			
1	7	8	9	6	2
2	4	6			
5	3	3	5	7	1
7	9	5			

8	9	4	5	6	7
4	9	2			
7	8	9	1	2	3
3	5	7			
3	4	5	6	1	2
8	1	6			

9	3	5	7	7	5
5	1	3			
8	4	1	2	3	9
4	6	8			
4	8	6	6	2	1
9	2	7			

3	2	7	7	5	9
6	2	4			
4	1	2	3	9	5
5	7	9			
8	6	6	8	1	4
1	3	8			

2	5	7	9	9	7
7	3	5			
1	6	3	4	5	2
6	8	1			
6	1	8	8	4	3
2	4	9			

5	4	9	9	7	2
8	4	6			
6	3	4	5	2	7
7	9	2			
1	8	8	1	3	6
3	5	1			

ĐỒ HÌNH  
PHI  
TINH  
HẠ QUÁI  
TRONG  
TAM  
NGUYÊN  
CỬU VẬN





**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN NGỘ HƯỚNG TÝ, SƠN ĐÌNH HƯỚNG QUÝ**

1. Địa vận 100 năm.
2. Vận 5 vượng sơn vượng hướng.
3. Vận 3, vận 7 toàn cục hợp thập.
4. Sơn Ngộ hướng Tý hợp thủy pháp, đắc vận, giàu nhờ kinh doanh, đi xa quê để làm giàu, gia nghiệp hưng thịnh. Không hợp thủy pháp, điều tiếng thị phi, tranh chấp kiện tụng, mắc bệnh về mắt.
5. Sơn Đình hướng Quý hợp thủy pháp, đắc vận, vượng đình vượng tài, phú quý, trường thọ. Không hợp thủy pháp, gia nghiệp suy bại, mắc bệnh về mắt, tai họa bất ngờ.

6	5	1	1	8	3
<b>9</b>		<b>5</b>		<b>7</b>	
7	4	5	6	3	8
<b>8</b>		<b>1</b>		<b>3</b>	
2	9	9	2	4	7
<b>4</b>		<b>6</b>		<b>2</b>	

5	8	1	3	3	1
<b>1</b>		<b>6</b>		<b>8</b>	
4	9	6	7	8	5
<b>9</b>		<b>2</b>		<b>4</b>	
9	4	2	2	7	6
<b>5</b>		<b>7</b>		<b>3</b>	

8	7	3	3	1	5
<b>2</b>		<b>7</b>		<b>9</b>	
9	6	7	8	5	1
<b>1</b>		<b>3</b>		<b>5</b>	
4	2	2	4	6	9
<b>6</b>		<b>8</b>		<b>4</b>	

7	1	3	5	5	3
<b>3</b>		<b>8</b>		<b>1</b>	
6	2	8	9	1	7
<b>2</b>		<b>4</b>		<b>6</b>	
2	6	4	4	9	8
<b>7</b>		<b>9</b>		<b>5</b>	

1	2	5	6	3	4
<b>4</b>		<b>9</b>		<b>2</b>	
2	4	9	1	7	8
<b>3</b>		<b>5</b>		<b>7</b>	
6	7	4	5	8	9
<b>8</b>		<b>1</b>		<b>6</b>	

2	1	6	6	4	8
<b>5</b>		<b>1</b>		<b>3</b>	
3	9	1	2	8	4
<b>4</b>		<b>6</b>		<b>8</b>	
7	5	5	7	9	3
<b>9</b>		<b>2</b>		<b>7</b>	

1	4	6	8	8	6
<b>6</b>		<b>2</b>		<b>4</b>	
9	5	2	3	4	1
<b>5</b>		<b>7</b>		<b>9</b>	
5	9	7	7	3	2
<b>1</b>		<b>3</b>		<b>8</b>	

4	3	8	8	6	1
<b>7</b>		<b>3</b>		<b>5</b>	
5	2	3	4	1	6
<b>6</b>		<b>8</b>		<b>1</b>	
9	7	7	9	2	5
<b>2</b>		<b>4</b>		<b>9</b>	

3	6	8	1	1	8
<b>8</b>		<b>4</b>		<b>6</b>	
2	7	4	5	6	3
<b>7</b>		<b>9</b>		<b>2</b>	
7	2	9	9	5	4
<b>3</b>		<b>5</b>		<b>1</b>	



**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỬ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN MÙI HƯƠNG SỬU**

1. Địa vận 60 năm.
2. Vận 2, 5, 8 vượng sơn vượng hướng.
3. Vận 8 toàn cục hợp thập.
4. Sơn Mùi hướng Sửu hợp thủy pháp, đắc vận, hai năm sau được phú quý. Không hợp thủy pháp, của cải tiêu tán, kiện tụng, tai họa bất ngờ, khó sinh.

6	5	2	9	4	7
<b>9</b>		<b>5</b>		<b>7</b>	
5	6	7	4	9	2
<b>8</b>		<b>1</b>		<b>3</b>	
1	1	3	8	8	3
<b>4</b>		<b>6</b>		<b>2</b>	

9	6	4	1	2	8
<b>1</b>		<b>6</b>		<b>8</b>	
1	7	8	5	6	3
<b>9</b>		<b>2</b>		<b>4</b>	
5	2	3	9	7	4
<b>5</b>		<b>7</b>		<b>3</b>	

8	7	4	2	6	9
<b>2</b>		<b>7</b>		<b>9</b>	
7	8	9	6	2	4
<b>1</b>		<b>3</b>		<b>5</b>	
3	3	5	1	1	5
<b>6</b>		<b>8</b>		<b>4</b>	

9	6	5	2	7	4
<b>3</b>		<b>8</b>		<b>1</b>	
8	5	1	7	3	9
<b>2</b>		<b>4</b>		<b>6</b>	
4	1	6	3	2	8
<b>7</b>		<b>9</b>		<b>5</b>	

3	9	7	4	5	2
<b>4</b>		<b>9</b>		<b>2</b>	
4	1	2	8	9	6
<b>3</b>		<b>5</b>		<b>7</b>	
8	5	6	3	1	7
<b>8</b>		<b>1</b>		<b>6</b>	

2	8	7	4	9	6
<b>5</b>		<b>1</b>		<b>3</b>	
1	7	3	9	5	2
<b>4</b>		<b>6</b>		<b>8</b>	
6	3	8	5	4	1
<b>9</b>		<b>2</b>		<b>7</b>	

5	9	9	5	7	7
<b>6</b>		<b>2</b>		<b>4</b>	
6	8	4	1	2	3
<b>5</b>		<b>7</b>		<b>9</b>	
1	4	8	6	3	2
<b>1</b>		<b>3</b>		<b>8</b>	

6	3	1	7	8	5
<b>7</b>		<b>3</b>		<b>5</b>	
7	4	5	2	3	9
<b>6</b>		<b>8</b>		<b>1</b>	
2	8	9	6	4	1
<b>2</b>		<b>4</b>		<b>9</b>	

7	2	2	7	9	9
<b>8</b>		<b>4</b>		<b>6</b>	
8	1	6	3	4	5
<b>7</b>		<b>9</b>		<b>2</b>	
3	6	1	8	5	4
<b>3</b>		<b>5</b>		<b>1</b>	

ĐỒ HÌNH  
PHI  
TINH  
HẠ QUÁI  
TRONG  
TAM  
NGUYỄN  
CỬU VẬN





**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUẠI  
SƠN KHÔN HƯỚNG CẤN, SƠN THÂN HƯỚNG DẪN**

1. Đắc vận 60 năm.
2. Vận 4, 8 vượng sơn vượng hướng.
3. Vận 2, 5, 8 vận toàn cục hợp thành quẻ Tam ban Phụ mẫu, cục thủy bao quanh Huyền Vũ có thể dùng.
4. Sơn Khôn hướng Cấn hợp thủy pháp, đắc vận, nên ra nước ngoài, làm giàu nhờ kinh doanh. Không hợp thủy pháp, có người phải chịu cảnh cô quả, nghiện rượu, khuyh gia bại sản.
5. Sơn Thân hướng Dần hợp thủy pháp, đắc vận, sinh người có đức độ, tâm địa lương thiện. Không hợp thủy pháp, sinh nghịch tử, ham mê cờ bạc, dễ gặp tai họa bất ngờ.

8 3	3 8	1 1
<b>9</b>	<b>5</b>	<b>7</b>
9 2	7 4	5 6
<b>8</b>	<b>1</b>	<b>3</b>
4 7	2 9	6 5
<b>4</b>	<b>6</b>	<b>2</b>

7 4	3 9	5 2
<b>1</b>	<b>6</b>	<b>8</b>
6 3	8 5	1 7
<b>9</b>	<b>2</b>	<b>4</b>
2 8	4 1	9 6
<b>5</b>	<b>7</b>	<b>3</b>

1 5	5 1	3 3
<b>2</b>	<b>7</b>	<b>9</b>
2 4	9 6	7 8
<b>1</b>	<b>3</b>	<b>5</b>
6 9	4 2	8 7
<b>6</b>	<b>8</b>	<b>4</b>

2 8	6 3	4 1
<b>3</b>	<b>8</b>	<b>1</b>
3 9	1 7	8 5
<b>2</b>	<b>4</b>	<b>6</b>
7 4	5 2	9 6
<b>7</b>	<b>9</b>	<b>5</b>

1 7	6 3	8 5
<b>4</b>	<b>9</b>	<b>2</b>
9 6	2 8	4 1
<b>3</b>	<b>5</b>	<b>7</b>
5 2	7 4	3 9
<b>8</b>	<b>1</b>	<b>6</b>

4 1	8 5	6 3
<b>5</b>	<b>1</b>	<b>3</b>
5 2	3 9	1 7
<b>4</b>	<b>6</b>	<b>8</b>
9 6	7 4	2 8
<b>9</b>	<b>2</b>	<b>7</b>

3 2	8 6	1 4
<b>6</b>	<b>2</b>	<b>4</b>
2 3	4 1	6 8
<b>5</b>	<b>7</b>	<b>9</b>
7 7	9 5	5 9
<b>1</b>	<b>3</b>	<b>8</b>

4 1	9 6	2 8
<b>7</b>	<b>3</b>	<b>5</b>
3 9	5 2	7 4
<b>6</b>	<b>8</b>	<b>1</b>
8 5	1 7	6 3
<b>2</b>	<b>4</b>	<b>9</b>

5 4	1 8	3 6
<b>8</b>	<b>4</b>	<b>6</b>
4 5	6 3	8 1
<b>7</b>	<b>9</b>	<b>2</b>
9 9	2 7	7 2
<b>3</b>	<b>5</b>	<b>1</b>



**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN CANH HƯỚNG GIÁP**

1. Đắc vận 140 năm.
2. Vận 4, vận 6 vượng sơn vượng hướng.
3. Vận 4, vận 6 toàn cục hợp thập.
4. Sơn hướng hợp thủy pháp, đắc vận, học hành thi cử đỗ đạt. Không hợp thủy pháp, nam nữ sống buồn thả, tiền bạc tiêu tán, lao vào vòng tù tội.

2	9	7	4	9	2
9	5	7			
1	1	3	8	5	6
8	1	3			
6	5	8	3	4	7
4	6	2			

5	8	9	4	7	6
1	6	8			
6	7	4	9	2	2
9	2	4			
1	3	8	5	3	1
5	7	3			

4	9	9	5	2	7
2	7	9			
3	8	5	1	7	3
1	3	5			
8	4	1	6	6	2
6	8	4			

7	3	2	7	9	5
3	8	1			
8	4	6	2	4	9
2	4	6			
3	8	1	6	5	1
7	9	5			

6	2	2	7	4	9
4	9	2			
5	1	7	3	9	5
3	5	7			
1	6	3	8	8	4
8	1	6			

9	5	4	9	2	7
5	1	3			
1	6	8	4	6	2
4	6	8			
5	1	3	8	7	3
9	2	7			

8	4	4	9	6	2
6	2	4			
7	3	9	5	2	7
5	7	9			
3	8	5	1	1	6
1	3	8			

9	7	5	2	7	9
7	3	5			
8	8	1	6	3	4
6	8	1			
4	3	6	1	2	5
2	4	9			

3	6	7	2	5	4
8	4	6			
4	5	2	7	9	9
7	9	2			
8	1	6	3	1	8
3	5	1			

ĐỒ HÌNH  
PHI  
TINH  
HẠ QUÁI  
TRONG  
TAM  
NGUYÊN  
CỬU VẬN





**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN DẬU HƯỚNG MÃO, SƠN TÂN HƯỚNG ẤT**

1. Địa vận 140 năm.
2. Vận 3, 5, 7 vượng sơn vượng hướng.
3. Sơn Dậu hướng Mão hợp thủy pháp, đắc vận, sinh văn nhân chí sỹ, bác sỹ, quan toà. Không hợp thủy pháp, hay ốm đau bệnh tật, đau dạ dày, khó sinh.
4. Sơn Tân hướng Ất hợp thủy pháp, đắc vận, sinh người trung hậu, thông minh hơn người, làm quan lớn. Không hợp thủy pháp, thất vận, thoái tài, kiện tụng, dễ mắc bệnh phụ khoa.

4	7	8	3	6	5
9	5	7			
5	6	3	8	1	1
8	1	3			
9	2	7	4	2	9
4	6	2			

3	1	8	5	1	3
1	6	8			
2	2	4	9	6	7
9	2	4			
7	6	9	4	5	8
5	7	3			

6	2	1	6	8	4
2	7	9			
7	3	5	1	3	8
1	3	5			
2	7	9	5	4	9
6	8	4			

5	1	1	6	3	8
3	8	1			
4	9	6	2	8	4
2	4	6			
9	5	2	7	7	3
7	9	5			

8	4	3	8	1	6
4	9	2			
9	5	7	3	5	1
3	5	7			
4	9	2	7	6	2
8	1	6			

7	3	3	8	5	1
5	1	3			
6	2	8	4	1	6
4	6	8			
2	7	4	9	9	5
9	2	7			

1	6	5	1	3	8
6	2	4			
2	7	9	5	7	3
5	7	9			
6	2	4	9	8	4
1	3	8			

2	5	6	1	4	3
7	3	5			
3	4	1	6	8	8
6	8	1			
7	9	5	2	9	7
2	4	9			

1	8	6	3	8	1
8	4	6			
9	9	2	7	4	5
7	9	2			
5	4	7	2	3	6
3	5	1			



**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỪ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN TUẤT HƯỚNG THÌN**

1. Địa vận 160 năm.
2. Vận 3, 5, 7 vượng sơn vượng hướng.
3. Vận 2, 8 toàn cục hợp thành quả Tam ban Liên châu, cục thủy bao bọc Huyền Vũ, đại cát.
4. Sơn hướng hợp thủy pháp, đắc vận, sinh người văn võ song toàn, có chí tiến thủ. Không hợp thủy pháp, thất vận, dễ mắc bệnh thần kinh, bệnh dạ dày, bị thương do đao kiếm, tù tội, tai họa bất ngờ.

3 8	7 4	5 6
9	5	7
4 7	2 9	9 2
8	1	3
8 3	6 5	1 1
4	6	2

2 9	7 5	9 7
1	6	8
1 8	3 1	5 3
9	2	4
6 4	8 6	4 2
5	7	3

5 3	9 7	7 5
2	7	9
6 4	4 2	2 9
1	3	5
1 8	8 6	3 1
6	8	4

6 2	1 7	8 9
3	8	1
7 1	5 3	3 5
2	4	6
2 6	9 8	4 4
7	9	5

7 5	2 9	9 7
4	9	2
8 6	6 4	4 2
3	5	7
3 1	1 8	5 3
8	1	6

6 6	2 1	4 8
5	1	3
5 7	7 5	9 3
4	6	8
1 2	3 9	8 4
9	2	7

9 7	4 2	2 9
6	2	4
1 8	8 6	6 4
5	7	9
5 3	3 1	7 5
1	3	8

8 6	4 2	6 4
7	3	5
7 5	9 7	2 9
6	8	1
3 1	5 3	1 8
2	4	9

9 9	5 4	7 2
8	4	6
8 1	1 8	3 6
7	9	2
4 5	6 3	2 7
3	5	1

ĐỒ HÌNH  
PHI  
TINH  
HẠ QUÁI  
TRONG  
TAM  
NGUYỄN  
CỬU VẬN





**ĐỒ HÌNH PHI TINH TỬ VẬN 1 ĐẾN VẬN 9 HẠ QUÁI  
SƠN CÀN HƯỚNG KHÔN, SƠN HỢI HƯỚNG TỶ**

1. Địa vận 160 năm.
2. Vận 2, 8 vượng sơn vượng hướng.
3. Sơn Càn hướng Khôn hợp thủy pháp, đắc vận, sinh con thông minh, văn võ song toàn, phú quý. Không hợp thủy pháp, kiện tụng, tai nạn xe cộ, tai họa đổ máu.
4. Sơn Hợi hướng Tỵ hợp thủy pháp, đắc vận, sinh người có đức có tài, là học giả, ca sỹ. Không hợp thủy pháp, thất vận, sinh con ngỗ ngược, tàn tật, sống buông thả, nghèo túng.

1	1	6	5	8	3
<b>9</b>	<b>5</b>	<b>7</b>			
9	2	2	9	4	7
<b>8</b>	<b>1</b>	<b>3</b>			
5	6	7	4	3	8
<b>4</b>	<b>6</b>	<b>2</b>			

4	2	8	6	6	4
<b>1</b>	<b>6</b>	<b>8</b>			
5	3	3	1	1	8
<b>9</b>	<b>2</b>	<b>4</b>			
9	7	7	5	2	9
<b>5</b>	<b>7</b>	<b>3</b>			

3	1	8	6	1	8
<b>2</b>	<b>7</b>	<b>9</b>			
2	9	4	2	6	4
<b>1</b>	<b>3</b>	<b>5</b>			
7	5	9	7	5	3
<b>6</b>	<b>8</b>	<b>4</b>			

4	4	9	8	2	6
<b>3</b>	<b>8</b>	<b>1</b>			
3	5	5	3	7	1
<b>2</b>	<b>4</b>	<b>6</b>			
8	9	1	7	6	2
<b>7</b>	<b>9</b>	<b>5</b>			

5	3	1	8	3	1
<b>4</b>	<b>9</b>	<b>2</b>			
4	2	6	4	8	6
<b>3</b>	<b>5</b>	<b>7</b>			
9	7	2	9	7	5
<b>8</b>	<b>1</b>	<b>6</b>			

8	4	3	9	1	2
<b>5</b>	<b>1</b>	<b>3</b>			
9	3	7	5	5	7
<b>4</b>	<b>6</b>	<b>8</b>			
4	8	2	1	6	6
<b>9</b>	<b>2</b>	<b>7</b>			

7	5	3	1	5	3
<b>6</b>	<b>2</b>	<b>4</b>			
6	4	8	6	1	8
<b>5</b>	<b>7</b>	<b>9</b>			
2	9	4	2	9	7
<b>1</b>	<b>3</b>	<b>8</b>			

1	8	5	3	3	1
<b>7</b>	<b>3</b>	<b>5</b>			
2	9	9	7	7	5
<b>6</b>	<b>8</b>	<b>1</b>			
6	4	4	2	8	6
<b>2</b>	<b>4</b>	<b>9</b>			

2	7	6	3	4	5
<b>8</b>	<b>4</b>	<b>6</b>			
3	6	1	8	8	1
<b>7</b>	<b>9</b>	<b>2</b>			
7	2	5	4	9	9
<b>3</b>	<b>5</b>	<b>1</b>			



# Hoàng đế trạch kinh

## 黄帝宅经



### Đôi nét về cuốn sách

Văn hoá nhà ở là một môn học vấn về quy hoạch và thiết kế không gian sống của Trung Quốc cổ đại, vốn đã có một lịch sử hết sức lâu dài, và được truyền bá hết sức rộng rãi trong dân gian, đây chính là một sản vật của văn hoá truyền thống Trung Quốc. Tương truyền "Hoàng Đế trạch kinh" do vị vua thần thoại Hoàng Đế sáng tác, đã tổng hợp được những nét tinh túy nhất trong văn hoá nhà ở của Trung Quốc cổ đại, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc đánh giá mang tính tổng hợp về môi trường nhà ở, khi đánh giá nhà ở, phải "coi hình thế là thân thể, coi nước suối là huyết mạch, coi đất đai là da thịt, coi cỏ cây là râu tóc, coi nhà cửa là quần áo, coi cổng cửa là dây đai". Đây chính là một trước tác kinh điển trong lĩnh vực văn hoá nhà ở của Trung Quốc.

Cuốn sách này sử dụng phương pháp biên tập hoàn toàn mới mẻ và độc đáo, kết hợp văn tự với hình vẽ, văn phong giản dị, giúp độc giả nhanh chóng nắm bắt được những điểm cốt lõi trong lý luận về văn hoá nhà ở truyền thống. Cuốn sách này xứng đáng là một giáo trình mang tính ứng dụng cao, thông qua hệ thống hình vẽ và sơ đồ minh hoạ trực quan và cụ thể, bạn hoàn toàn có thể áp dụng cho ngôi nhà thân yêu của mình, trở thành một "chuyên gia" bố cục cho chính gia đình của bạn.



**PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH MINH LÂM**

52 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội  
ĐT: 043. 9 427 393, ĐT/Fax: 043. 9 427 407- 043.9 387 391  
Website: nsminhlam.com.vn - Email: nsminhlam@gmail.com

HOÀNG ĐẾ TRẠCH KINH



**GIÁ: 159.000Đ**